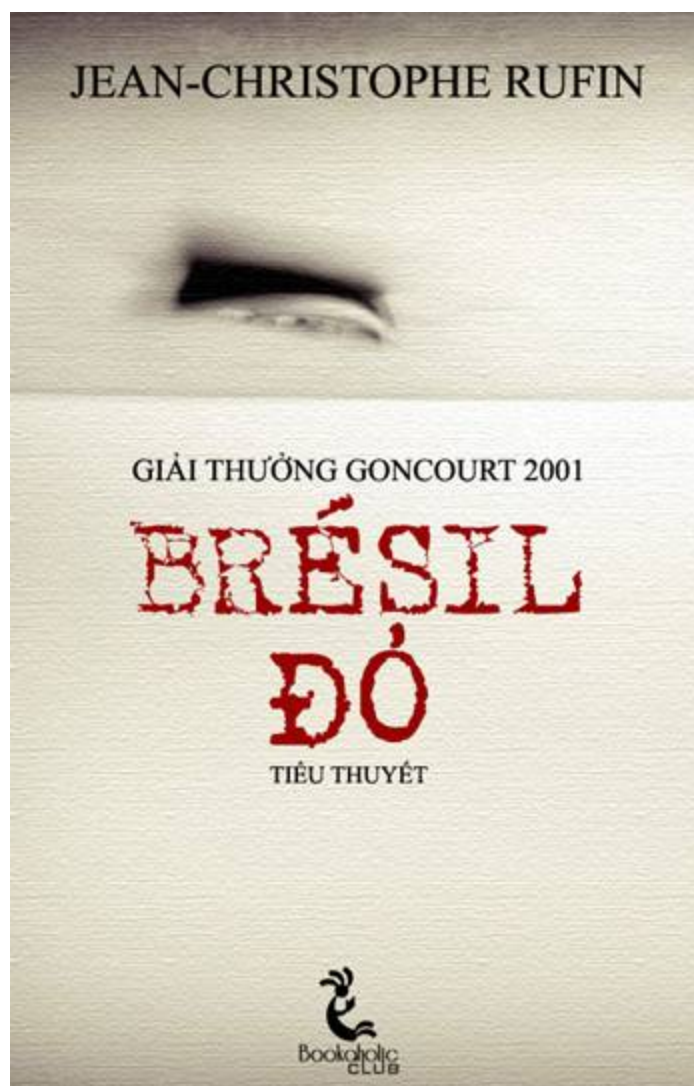


JEAN-CHRISTOPHE RUFIN

GIẢI THƯỞNG GONCOURT 2001

BRÉSIL
ĐỎ

TIỂU THUYẾT



BRÉSIL ĐỎ

Jean-Christophe Rufin

Making Ebook Project

BOOKAHOLIC CLUB





Bookaholic
Making Ebook Project CLUB

Tên sách: **BRÉSIL ĐỎ**
Tác giả: **Jean-Christophe Rufin**
Nguyên tác: *Rouge Brésil*
Dịch giả: Dương Linh
Nhà xuất bản: Hội Nhà Văn
Năm xuất bản: 2004
Số trang: 751
Khổ: 13 x 19 cm
Giá bìa: 75.000 đồng

Đánh máy: Minh Khuê, Hải Yến, Đông Thy, Ngọc Hằng, Thành Luân, Hồng Nhung, Thùy Trang, Thu Hương, Cẩm Nhung, Phương Vân, Hồng Anh, Kim Ngân, Thúy Hường, Thanh Hồng

Kiểm tra: Minh Huy, Phước An, Thanh Hoa

Chế bản ebook: Thảo Đoàn

Ngày thực hiện: 21/02/2012

Making Ebook Project #231 – www.BookaholicClub.com

Bạn đang đọc ebook **BRÉSIL ĐỎ** của tác giả **Jean-Christophe Rufin** do **Bookaholic Club** chế bản theo **Dự án chế bản Ebook (Making Ebook Project)**.

Mong rằng ebook này sẽ mang đến cho bạn một tác phẩm Văn học hay, giàu giá trị biểu cảm và nhân văn, với chất lượng cao. Chúng tôi luôn cố gắng mang đến những chế bản ebook tốt nhất, nếu trong quá trình chế bản có lỗi sai sót nào mong bạn góp ý và cho chúng tôi biết những ebook mà đang mong muốn.

Making Ebook Project của **Bookaholic Club** là một hoạt động phi lợi nhuận, nhằm mục đích mang đến những chế bản ebook hay, có giá trị với chất lượng tốt nhất mà chúng tôi có thể với Cộng đồng đọc – người Việt. Tuy nhiên, nếu bạn có khả năng xin hãy đọc tác phẩm này bằng sách trước hết vì lợi ích cho Nhà xuất bản, bản quyền tác giả và góp phần phát triển xây dựng nền Văn hóa đọc.

**Hãy chỉ đọc chế bản này trong điều kiện bạn không thể tìm đến
ấn phẩm sách.**

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

I. TÌM TRẺ NHỎ ĐƯA SANG XỨ SỞ ĂN THỊT NGƯỜI

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

II. VỊNH GUANABARA

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

CHƯƠNG 11

CHƯƠNG 12

III. LINH HỒN VÀ THỂ XÁC

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

IV. SIENNE

CHƯƠNG 1

CHƯƠNG 2

CHƯƠNG 3

CHƯƠNG 4

CHƯƠNG 5

CHƯƠNG 6

CHƯƠNG 7

CHƯƠNG 8

CHƯƠNG 9

CHƯƠNG 10

PHẦN KẾT

VỀ XUẤT XỨ CỦA BRÉSIL ĐỎ

GIỚI THIỆU TÁC GIẢ



Vị bác sĩ hai lần đoạt giải Goncourt

JEAN-CHRISTOPHE RUFIN sinh ngày 28 tháng 6 năm 1952.

Khi thi đậu vào Trường Đại học Y khoa, chắc hẳn **Jean-Christophe Rufin** không nghĩ rằng ông sẽ thành đạt bằng nghề viết lách, chứ không phải bằng con dao mổ. Ngày 6.11.2001 Rufin đã đăng quang lần thứ hai trên văn đàn Pháp. Tác phẩm “*Rouge Bresil*” (*Brazil Đỏ*) đoạt giải Goncourt – giải thưởng văn học cao quý nhất nước Pháp.

Rufin còn là một nhà hoạt động xã hội lớn. Ông đã từng giữ chức Phó Chủ tịch Hiệp hội Bác sĩ không biên giới – tổ chức đoạt giải Nobel Hoà bình năm 1999. Tại vòng bỏ phiếu thứ 10 của giải Goncourt năm nay, Rufin đã chiến thắng nhờ hơn đúng có một phiếu. “*Tôi đã khóc như một đứa trẻ khi hay tin này. Tôi đã thuyết phục mình rằng tôi sẽ không đoạt được giải này*” – bác sĩ **Rufin** thổ lộ với kênh truyền hình LCI.

Địa điểm hội đồng giám khảo Goncourt gặp hàng năm để chọn tác phẩm trao giải “lãng mạn theo đúng kiểu Pháp” – đó là nhà hàng Drouant ở Paris. Giá trị vật chất của Goncourt chẳng nhiều nhận gì – chỉ vền vện khoảng 7USD, song nó vẫn được coi là giải thưởng văn học danh giá nhất nước

Pháp, bởi thu hút được sự chú ý lớn của báo chí và khiến tác giả ngay lập tức trở thành người nổi tiếng, còn tác phẩm được phát hành với số lượng vô cùng lớn.

“***Rouge Bresil***” là cuốn tiểu thuyết lịch sử thuật lại cuộc chinh phục của Pháp ở Brazil thời kỳ Phục hưng qua con mắt của hai đứa trẻ đi tìm cha mẹ mình. Just, cậu con trai sau trở thành quan chức trong bộ máy thực dân, còn Colombe, cô con gái lại đứng về phía những người da đỏ. Cô là đường dây độc đáo dẫn người đọc đi qua thế giới của người da đỏ mà giờ đây không còn tồn tại nữa. “*Đây là loại tiểu thuyết sinh thái học, nếu ta có thể gọi được như vậy. Đó là sự đối đầu giữa hai khái niệm khác nhau về thiên nhiên*” – Rufin nhận xét.

Rufin bắt đầu cầm bút năm 1997 và ngay lập tức ông đoạt giải Goncourt cho tác phẩm đầu tay “***L’Abyssin***” (*Người Abyssinia*), Abyssinia là tên gọi cũ của Ethiopia. Hai năm sau với tác phẩm “***Les Causes perdues***” (*Những mục tiêu bị đánh mất*) kể về những sự mập mờ trong các hoạt động cứu trợ nhân đạo, Rufin đã đoạt một giải thưởng văn học khác. Ngao du nhiều nơi theo các hoạt động của tổ chức Bác sĩ Không biên giới, **Rufin** đã đưa vào tác phẩm của mình những vùng đất liên quan đến lịch sử nước Pháp.

“*Người Abyssinia*” đưa người đọc trở về năm 1699, khi Vua Louis XIV cử đại sứ đến yết kiến Negus, Quốc vương Abyssinia với hy vọng sẽ lôi kéo được đất nước này vào quỹ đạo chính trị và tôn giáo của Pháp. Jean-Baptiste Poncet, chàng dược sĩ trẻ chuyên bào chế thuốc cho các tổng trấn ở Cairo được Lãnh sự Pháp chọn dẫn đầu phái đoàn này. Họ đã vượt qua sa mạc Ai Cập và vùng núi hiểm trở của Abyssinia để đến cung điện của Negus, sau đó trở về Versailles, rồi lại quay trở lại. Trên đường đi chàng đã phải lòng con gái viên lãnh sự, chữa chứng bệnh kỳ dị về da cho Negus và tiếp kiến Vua Louis tại Pháp.

Trong phần hai của cuốn tiểu thuyết có tên gọi “***The Siege of Isfahan***” (*Vòng vây ở Isfahan*), **Rufin** đưa Jean-Baptiste Poncet đến những vùng đất huyền bí như Ba Tư, Nga trong bối cảnh 20 năm sau đó. Ngoài mối quan hệ với Vua Louis XIV, Poncet còn trở thành bạn của Quốc vương Ba Tư Shah và Sa hoàng Peter Đại đế. Trong một chuyến đi ở Trung Đông, vợ và con

gái ông rơi vào vòng vây của quân đội Afghanistan và trở thành vật mồi của Quốc vương Mahmud. Bên cạnh sự hiểu biết uyên bác về Trung Đông và Nga, **Rufin** đã tiếp tục hoàn thiện phong cách viết lôi cuốn, huyền ảo với bố cục vô cùng chặt chẽ.

Nguồn: Lao Động, 10.11.2001

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM

Các cuộc chinh phục Brazil của người Pháp là một trong những sự kiện kì lạ nhất và ít được biết đến nhất của thời kỳ Phục hưng.

Brésil đỏ kể câu chuyện của hai đứa trẻ, Just và Colombe, bị ép tham gia chuyến thám hiểm để làm thông dịch viên với các bộ tộc da đỏ. Mọi thứ trong cuộc phiêu lưu này đều quá mức. Khung cảnh: vịnh Rio hoang dã vẫn còn các khu rừng rậm và các bộ lạc da đỏ ăn thịt người. Các nhân vật – trước tiên là hiệp sĩ Villegagnon, người đứng đầu cuộc thám hiểm, hoài cổ về các cuộc thập tự chinh, chui đắm trong nền văn hóa cổ xưa, tiền thân của D'Artagnan hay Cyrano. Các sự kiện: vụ xử kín kịch tính của Pháp miền nhiệt đới là sự lặp lại cuộc chiến tranh tôn giáo mười năm trước.

Đây ấp những chân dung, phong cảnh, hành động, **Brésil đỏ**, được viết bằng một ngôn ngữ mỉa mai kiểu Voltaire, có dạng của một cuốn tiểu thuyết giáo dục và tình yêu. Nhưng sâu xa hơn, thông qua việc số phận và những lựa chọn của Just và Colombe, cuốn sách này đưa ra hai quan niệm đối lập về con người và thiên nhiên. Một mặt, nền văn minh châu Âu, thích chinh phục và toàn cầu, muốn giải phóng và gây chết chóc. Mặt khác, thế giới của người da đỏ, với những cảm xúc nhục dục, ý nghĩa của sự hòa hợp và cái thiêng liêng, tiếng gọi thường trực của hạnh phúc...

Well Leon dịch

“Cet ouvrage, publié dans le cadre du programme de participation à la publication Nguyen Van Vinh, bénéficie du soutien du Centre Culturel et de Coopération de l’ Ambassade de France en République Socialiste du Vietnam.”

“Cuốn sách này xuất bản trong khuôn khổ chương trình hợp tác xuất bản Nguyễn Văn Vĩnh, được sự giúp đỡ của Trung tâm Văn hóa và Hợp tác Đại Sứ quán Pháp tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam”.

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp:

Rouge Brésil

© Gallimard, Paris

Tôi đã quen biết lâu một người từng sống mười, mười hai năm ở cái thế giới mới được khám phá vào thế kỷ này, ở chính nơi mà Villgagnon đổ bộ, và đặt tên là nước Pháp Nam cực...

MONTAIGNE

Tiểu luận, I, XXXI.

I. TÌM TRẺ NHỎ ĐƯA SANG XỨ SỞ ĂN THỊT NGƯỜI

CHƯƠNG 1

- Kính thưa Đức Ông, Ngài thử tưởng tượng một người nhìn thấy vạc nước sôi sùng sục sắp luộc chín mình, thì sẽ có cảm giác thế nào.

Nói rồi, người thủy thủ đưa mắt u sầu nhìn đồng than hồng.

Người Anh điêng nhòm người lên, kêu:

- Nói bậy! Nói bậy!

- Sao, bậy ư? Dễ các người không ăn thịt đồng loại chắc? Hay mày cho cách thịt người như thế là chưa đúng, hờ thẳng khôn?

Rồi người thủy thủ lại quay sang thưa với viên sĩ quan:

- Thưa Ngài, đúng là không phải người Brésil nào cũng làm như cách bọn bắt được tôi đã làm. Một số bọn chúng còn “hun sống”, tóm lại là chúng quay chín anh. Mày chịu chưa, hờ thẳng khôn?

Anh thủy thủ, với sức lực yếu ớt nhưng ngoan cố của một người say, túm lấy áo người Anh điêng kéo vào sát cái mũi bóng loáng của mình. Hai bên găm ghè nhau vài giây, mắt làm ra vẻ gườm gườm. Rồi anh thủy thủ bỗng buông tay, và hai người phá lên cười ha hả, bắt tay nhau rồi rút. Tháp chuông lớn nhà thờ Rouen điểm tám tiếng, và tất cả các xà rầm trong quán rượu đối diện với công trình kiến trúc lâu đời ấy lại rung lên theo mỗi tiếng ngân.

Viên sĩ quan, người gày khảnh và mặt xương xẩu, trông có vẻ ảo não. Cuộc hội ngộ giữa hai người chẳng làm ông xúc động. Ông đang sốt ruột vì

có việc phải lo. Đã giữa năm 1555 rồi, nếu để qua tháng sáu thì gió sẽ không thuận. Ông đập tay lên bàn, nói giọng hầm hừ như đe dọa ai:

- Ai cũng biết, bờ biển nơi ta sẽ đổ bộ là rất nguy hiểm. Nhưng ý ta đã quyết: tám ngày nữa, chúng ta sẽ nhổ neo để đi thiết lập một nước Pháp mới ở Brésil.

Anh thủy thủ và anh thổ dân da đỏ nhắp nhôm trong chiếc ghế đầu ba chân. Chỉ mới nghe thấy từ Brésil, một niềm hứng khởi chưa hoàn toàn quên lãng và những hình ảnh khó có thể tả bằng lời lại đã thoáng hiện trong ký ức và tạo cho nét mặt họ một vẻ mĩa mai chua chát có lẽ chỉ là do trí tưởng tượng. Viên sĩ quan lạnh lùng nói tiếp:

- Chúng tôi không còn nhiều thời giờ nữa. Hai người nói xem, có đồng ý đi cùng đoàn viễn chinh của ta để làm thông dịch với bọn thổ dân hay không?

Thích thú vì được chiêu đãi bia, anh thủy thủ tìm cách kéo dài cuộc gặp mặt. Anh thì thầm, giọng lè nhè:

- Thưa Đức Ông, tôi đã thưa với ngài rồi: cứ đến đây, ngài sẽ kiếm được khối thông dịch. Đã ba đời nay, những người Noócmăng chúng tôi đều đã tới đây để kiếm thứ gỗ đỏ rất quý tạo ra màu đặc biệt riêng cho vải nhuộm của anh em nhà Gobelins. Bọn Bồ Đào Nha thật trâng tráo, dám nói chúng là người đầu tiên khám phá miền đất ấy! Thật ra chúng tôi đã làm ăn ở đó trước chúng nhiều.

Không ai nói gì, anh ta lại hăng hái:

- Ngài chỉ cần cặp bờ ai hôm là sẽ có hàng chục tên từ các làng gần đó kéo đến, sẵn sàng làm thông dịch cho ngài.

Viên sĩ quan tỏ vẻ mệt mỏi:

- Ta đã nói rồi, hiệp sĩ Villegagnon, là người cầm đầu đoàn viễn chinh, không muốn có điều gì bất trắc. Đoàn sẽ mang đủ mọi thứ cần thiết đến đây

lập cơ sở vững chắc. Chúng ta muốn có thông dịch của riêng mình, không phụ thuộc ai hết.

Mọi người trong quán đều chú ý đến đôi bạn không xứng hợp với nhau chút nào, một người da đỏ và một thủy thủ gầy nhẳng. Anh này đánh bạo hỏi:

- Ngài đã nói ngày nào đi, thế là rõ. Nhưng bao giờ về, Ngài cũng phải cho biết chứ.

- Không bao giờ về. Đi đây là đi lập một tỉnh mới cho Đức vua. Ai đi cùng chúng ta sẽ ở lại đây mãi mãi. Chúng tôi sẽ cung cấp cho họ đủ mọi thứ cần thiết, song không ai được nói đến chữ về. Họ là người của nước Pháp, thì ở đó chính là nước Pháp rồi.

- Ngài đã đến đó bao giờ chưa? anh thủy thủ nheo mắt tinh quái.

- Chưa – viên sĩ quan lườm một cái dài. Nhưng ta đã từng phiêu bạt ở nhiều nước phương đông.

Anh thủy thủ đứng dậy, cả người chỉ còn lại một chút thịt dán sát vào khung xương mà cuộc sống bôn ba chưa lấy đi hết, lấy về nghiêm trang tuyên bố:

- Tôi cũng từng đi biển sang phương đông. Mùi gì! Ở đây như ở nhà mình. Châu Mỹ, thì khác. Tôi đã đi bốn lần, thật tồi tệ. Vẫn là cái xứ Brésil mà ngài nói định lập một nước Pháp mới ở đó. Đã trải đủ thứ: nào sốt rét, nào mọi ăn thịt người, may mà tôi thoát khỏi tay bọn chúng. Và bây giờ còn có lũ chó đêu Bồ Đào Nha, chúng mà chặn được thuyền ta ngoài khơi thì chúng chặt chân tay ta không thương tiếc. Ngài nghĩ tôi lấy đâu ra nghị lực để chịu đựng tất cả khổ ải ấy?

Anh vung tay, đưa một vại bia lên miệng, rồi nói như để chặn trước:

- Giàu sang ư, xin đừng nói tới! Vàng, vẹt, gỗ quý chỉ vô bổ bọn chủ tàu, chúng ngồi nhà mà vợ hết. Còn thủy thủ mặt hạn chúng tôi thì ngài xem: may còn cái xác... Không, thưa ngài, ý nghĩa duy nhất khiến chúng

tôi cố chịu đựng mọi hiểm nguy ấy – nói đến đây, anh ta lén nhìn người bạn da đỏ, cứ như thể anh chàng khốn khổ này là nguyên nhân gây ra những khó khăn nguy hiểm cho mình ở châu Mỹ ấy – là hy vọng chờ ngày trở về.

Anh thủy thủ nắm chặt hai tay đặt lên bàn, nói thật hùng hồn và dứt khoát phần kết luận:

- Rất tiếc làm ngài không vừa lòng, song thà nói ngay còn hơn, tôi không đi đâu.

Viên sĩ quan ngồi cắn môi. Phải lúc khác, ông đã giọt cho tên thủy thủ hỗn láo này một trận. Nhưng nếu làm thế, e rằng những người tự do khác trong đoàn sẽ chuồn hết. Còn lại người Anh điêng. Đến lúc này, anh ta mới hiểu, nhưng quá muộn, lời khước từ thứ nhất mà anh bạn thủy thủ vừa đưa ra đã đẩy anh vào tình thế phải hứng chịu cơn thịnh nộ dữ dội như thế nào. Ai nấy đều chú mục nhìn vào anh.

Trời cuối xuân bắt đầu nóng, anh vẫn mặc áo cài hết cúc lên tận cổ và bó chặt hai cổ tay. Cẩn thận vậy không phải để làm dáng hay do nhu cầu gì, mà bắt nguồn từ sự lo lắng âm thầm: không biết được cởi cúc đến đâu là phải phép. Trong mấy tháng bị đưa sang Pháp, anh chàng khốn khổ đã mấy lần bị hổ về cách ăn mặc, cứ thản nhiên để lộ những bộ phận thân thể kín đáo nhất, với mục đích rất vô hại là muốn cho chúng được mát mẻ. Người ta đã riễu cợt anh nhiều lần về chuyện này.

Những ai bao dung lẽ ra nên thông cảm với anh. Bị đối phương bắt sống trong các trận chiến nơi rừng rậm Brésil, anh được các thủy thủ Pháp – trong đó có anh bạn đang ngồi cạnh anh – mua lại. Với mục đích bày tỏ lòng tôn kính đối với Đức Vua Henri II, Ngài đã báo trước là sắp tới sẽ đến ngự giá xuống Noóc-man-đi, một số nhà buôn ở địa phương đã gửi anh ta về Pháp cùng với khoảng năm mươi đồng hương khác. Vừa mới xuống tàu ở Rouen, người ta đã bảo anh nhảy múa trước nhà vua và hoàng hậu, trên người chỉ đúng có túm lông che đậy, y như lúc anh bị bắt. Từng ở trần như vậy trước nhà vua nên sau đó, anh không hiểu rõ lắm, tại sao người ta lại bảo anh che đậy trước mặt dân thường người Pháp.

- Thế nào? viên sĩ quan xẵng giọng giục để chấm dứt sự yên lặng chỉ thoang thoảng tiếng thở hên hển của anh da đỏ.

Con người khôn khổ bị đưa vào cuộc đấu tranh tư tưởng gay go. Nói tới Brésil là gợi lên trong anh những hình ảnh rừng xanh núi đỏ, những hình ảnh sinh hoạt nhảy múa và săn bắn. Màu sắc bầu trời châu Mỹ, màu sắc hoa lá và chim chóc đã gột rửa tâm hồn anh khỏi cái xám xịt của cuộc sống thường nhật ở Rouen mà anh đã thấy quá tẻ nhạt. Tuy nhiên, anh đã phải lòng cái thành phố này ngay từ ngày đầu, ngày mà anh phải nhảy múa trước các vị vua chúa, dưới trận mưa xuân lất phất, nước mưa hòa lẫn với mồ hôi của anh, tạo nên một cảm giác thú vị. Lúc bị bắt, anh tưởng mình sẽ chết. Nhưng rồi anh cảm thấy hồi sinh trong cái nước Pháp cũng đang tự dán cho mình nhãn hiệu Phục hưng. Thừa lệnh Nữ hoàng Catherine de Médicis, anh cùng các đồng loại được trả tự do, lang thang khắp phố phường Rouen. Một buổi chiều, đang nằm duỗi dài người dưới bóng râm tháp phía Bắc của Nhà thờ Lớn Notre-Dame, anh được một cô gái phốp pháp người Noóc-măng, con một ông thợ cạo sống sung túc, để ý. Cô thuyết phục năn nỉ thế nào mà ông bố đồng ý đón anh về nhà, cho ăn ở, cho quần áo mặc. Và một ngày đẹp trời nọ, họ cho hai người thành hôn, cùng bốn cặp tương tự cũng theo gương.

Nghĩ đến người vợ hiền má đỏ hồng hồng ở nhà, anh thấy có đủ nghị lực gạt sang một bên ý tưởng trở về rừng rú.

- Không! – Anh đáp cộc lốc.

Tiếng Pháp bập bẹ chưa cho phép anh nói hơn. Nhưng chỉ một từ “không” mạnh mẽ cùng thái độ bỗng trở nên dữ dằn của anh đủ thể hiện sự kiên quyết, không gì có thể thay đổi.

Viên sĩ quan, đã mệt mỏi sau nhiều tháng chuẩn bị, ủ rũ nhìn việc trở ngại cuối cùng vừa nảy sinh này. Ông ta đã bắt đầu nản chí và toàn bộ tư thế, từ cái lưng còng còng, cái tay buông thõng, đến cái đầu gục thấp, đã chứng tỏ rất rõ rệt điều này.

Câu chuyện lôi cuốn sự chú ý của cả quán, trong đó thủy thủ chiếm số đông, tất cả bọn họ đều im lặng theo dõi; Bỗng, từ một bàn ở góc cuối

phòng, chỗ tối nhất và lạnh lẽo nhất, một người ngồi một mình từ nãy ít ai để ý, cắt ngang tiếng bàn tán thì thầm và buông ra giữa đám đông bốn từ sẽ giải quyết được mọi vấn đề:

- Dem trẻ con đi!

Viên sĩ quan xoay người lại để xem ai vừa lên tiếng. Muốn cho mọi người thấy được mình, hắn đẩy cây nến trên bàn đến sát gần mặt cho ánh sáng soi rõ diện mạo. Đó là một người nhỏ bé, lưng còng, mái tóc hoa râm rất thưa và có vài sợi lòa xòa trước trán bị cái mũ chòm bằng lụa trơn ép chặt xuống. Bộ râu mép ngắn ngủn, không dày hơn tóc là mấy, tạo một đường viền sát vành môi trên mỏng dính, hai đầu vênh ngược lên, tô điểm cho nụ cười mà hắn cố nặn ra. Hắn yên lặng ngồi yên chờ mọi người thỏa mãn óc tò mò và tiếp tục bàn bạc về việc mà hắn vừa đề xuất.

Viên sĩ quan cất tiếng vọng lên như nói với một bóng ma:

- Lấy trẻ con, anh nói thế là nghĩa làm sao?

Người nọ khẽ nghiêng đầu như đáp lễ lại người đã chiếu cố đến ý kiến của mình:

- Thưa Ngài, ai cũng biết trẻ con có khiếu ngôn ngữ rất nhạy. Đưa một người lớn vào đất lạ, phải mất mười năm may ra mới lồm bồm vài chữ. Một đứa trẻ, chỉ vài tuần có thể nói thông thạo, mà lại đúng giọng:

Phần cuối của lời phát biểu chột khiến mọi người để ý thấy hắn phát giọng lơ lớ hơi lạ. Mặc dù hắn nói tiếng Pháp khá sôi, nhưng dù sao vẫn pha một chút giọng miền nam, nghe vừa dễ chịu vừa khả nghi. Thật khó nói rõ xuất xứ: không biết là cách phát âm bẩm sinh của một người xứ Prô-văng-xơ hay một chút mờ nhạt thể hiện sự tuyệt vời gần như hoàn hảo của một người Ý có học.

- Anh nói rõ xem, do đâu anh dám chắc vậy?

- Đây là lẽ thường rồi còn gì và ai cũng biết cả. Song, vì ngài đã hạ cố muốn biết tôi là ai, tôi rất hân hạnh được trả lời ngài, tên tôi là Bartolomeo

Cadorim và tôi từ nước cộng hòa Venise tới.

Có những điều nói rõ ra lại làm cho bầu không khí u ám đi. Ở bến tàu này mà có mặt một người Venise đáng bộ như giáo sĩ kia, thì đúng là gián điệp rồi. Nhưng người nọ có vẻ thích thú hơn là bối rối bởi sự thù địch ngấm ngấm và tiếng thầm thì bàn luận của mọi người. Đến lượt viên sĩ quan xưng danh:

- Tôi là thuyền trưởng Le Thoret, hiệp sĩ xứ Malte. Phục vụ dưới trướng hiệp sĩ Villegagnon, phó đô đốc xứ Bretagne.

Người Venise đứng nhô nửa người lên sau bàn như để cúi chào, miệng vẫn không rời nụ cười tinh quái khiến những người có mặt khó chịu. Hắn nói tiếp một cách tự nhiên:

- Chúng tôi có nhiều kinh nghiệm về vấn đề này, vì nước cộng hòa Venise vốn có quan hệ thương mại từ lâu với tứ phương trên trái đất. Những đoàn tải đồ của chúng tôi sang phương đông có mang theo trẻ con, đã luyện chúng thành những thông dịch tuyệt vời chưa từng có trong quan hệ với Trung Hoa và vùng Cận Đông. Với lại, người Tây Ban Nha cũng làm như vậy. Ở Mêhicô chẳng hạn, mới đầu họ chỉ giao thiệp được với thổ dân Ajtèque thông qua một mục bản xứ tên gọi Malinche, nhưng sau nhờ bọn trẻ, họ có cả một đồng thông dịch dự trữ.

Le Thoret bắt đầu có vẻ quan tâm, hỏi:

- Theo anh, nên lấy những trẻ ở lứa tuổi nào?

- Năm, sáu tuổi là tốt nhất.

- Không thể được! – Le Thoret kêu. Ngài Villegagnon đã lệnh tuyệt đối không cho đàn bà lên tài. Mà trẻ ở tuổi như anh nói, không thể đi mà không có mẹ kèm để chăm sóc.

- Lớn hơn một chút cũng tạm được. Nói cho đúng, càng lớn bao nhiêu thì năng khiếu ngôn ngữ càng kém dần bấy nhiêu.

Hắn định nói nữa, về những mối liên quan tương ứng giữa các cơ quan người và lý trí nhưng nghĩ thế nào lại thôi, khi nhận thấy vị quân nhân kia bắt đầu đỏ mặt. Thoret nói ra chiều suy nghĩ:

- Mà còn phải móc đầu ra được những đứa trẻ chịu đi, mà không đến nỗi vô tích sự.

Việc tuyển người cho đoàn viễn chinh đã quá vất vả. Không tìm đâu ra người tự nguyện, dù đã hứa sang đây sẽ được cấp đất sống vĩnh viễn. Tin đồn tệ hại lan truyền rằng ở đó có những bộ tộc ăn thịt người khiến ai nấy khiếp đảm. Lũ ngu dốt thà cam cảnh nghèo hèn rồi chịu chết ở nhà bằng đủ mọi cách khốn nạn hơn là chết chui vào bụng đồng loại. Thế mà nay lại phải tuyển trẻ con nữa! Tuy nhiên rõ ràng đó là một ý hay, nếu trình bày với Villegagnon, chắc Ngài sẽ chấp nhận.

Anh chàng người Venise lấy giọng rất tự nhiên, nói tiếp:

- Vậy là tin đồn có cơ sở, các ngài sẽ thả buồm tới Rio, nhất định xông vào hang ổ bọn Bồ Đào Nha? Nhưng tôi nghe nói, hình như giáo hoàng đã chấp nhận cho bọn ấy có quyền lực duy nhất trên đất Brésil.

- Một giáo hoàng người Tây Ban Nha đã phân quyền lực ở Tân thế giới cho bọn Bồ Đào Nha, điều đó ta không cần biết – Le Thoret vừa nói vừa giụi mắt, quá mệt mỏi vì từ hai tháng nay ông luôn phải tập lại điệp khúc ấy – Nào ta có thấy cụ tổ Adam để lại di chúc nào cấm nước Pháp không được hưởng lợi ở châu Mỹ.

- Hay lắm! Anh thủy thủ giờ cao vại rượu, tỏ ý tán đồng.

Đám thủy thủ trong quán chỉ chờ dấu hiệu ấy để lại ồn ào chúc rượu cho nhau, lấy lại không khí vui vẻ mà thái độ nghiêm nghị của Le Thoret từ nãy đã làm cho lắng xuống. Ông giờ bàn tay xương xẩu bị mất một ngón do trúng đạn, ngăn các tiếng cười đùa. Nhìn chằm chằm vào anh lái buôn thành Venise, ông như chợt nhớ hẳn ta là người lạ từ nước khác tới.

- Ông không nên hỏi thêm nữa. Đức vua muốn việc này phải được giữ kín.

Chín tiếng chuông nhà thờ lại làm rung các vại bia trên bàn, và đánh dấu chấm hết cho buổi trò chuyện hờ hênh này. Anh lái buôn trả tiền rồi đứng dậy đi ra, không quên chúc viên sĩ quan thuậ**m** buồm xuôi gió, miệng nở một nụ cười bí hiểm. Anh thủy thủ ngồi ngủ gà ngủ gật. Người Anh điêng về nhà với vợ. Le Thoret bước ra ngoài quảng trường trước mặt, hơi rùng mình dưới làn mưa nhỏ bắt đầu rơi. Ông đã tưởng sẽ có chút thời gian nghỉ ngơi trước ngày lên đường. Vậy mà bây giờ lại phải đảo qua các cô nhi viện tìm kiếm trẻ con...

CHƯƠNG 2

Một rừng liễu dài tít tắp, trông thẳng hàng như một hàng lính cầm kích, chạy thoai thoải từ đồng cỏ đến bờ vách đá. Biển ở dưới chân nhưng bị che khuất không nhìn thấy, chỉ nghe tiếng sóng vỗ rì rào. Gió nổi muồn từ ngoài khơi thổi vào, xua đuổi những đám mây rộng lớn phủ kín bầu trời, để lộ một vầng mặt trời nhợt nhạt không làm khô nổi cỏ ướt.

Trên bãi xanh rờn, một con ngựa hồng lặng lẽ gặm cỏ, chỉ thỉnh thoảng ngo nguẩy cái đuôi để xua đám ruồi nhặng vo ve làm khuấy động khoảng không gian quang đăng sau trận mưa đông ẩm ướt.

- Nhìn kìa, nó đấy – Just thì thầm.

- Sao anh biết? – Cô bé nằm bên cạnh, hỏi một cách e ngại.

- Thì ba đốm lang chân, là ngựa tiền vua mà – Just đáp.

- Ba đốm? – cô bé lại hỏi.

- Ừ – cậu con trai sốt ruột nói. Đấy, những đốm trắng ở chân, nó có ba cái. Ngựa tiền vua mà.

- Thôi, anh đừng ra vẻ thông thái và đừng cư xử với em như với đứa bé con nưa đi, anh nghe lắm được cái từ ấy khi lớn vờn quanh các ông thợ cày chứ gì.

- Colombe, khê chứ! Nhớ có người để ý.

Nhưng con ngựa vẫn lặng lẽ gặm cỏ. Cô bé càu nhàu:

- Mà đốm hay không, cũng dễ đoán đó là con ngựa giống nhà ông Griffes.

Hai đứa trẻ đang lên vào lãnh địa của lão hàng xóm giàu có, nên Just tỏ ý bức mình khi nghe nhắc đến tên y:

- Không nói gì đến lão, được không?

Cậu nhìn con ngựa, vẽ thêm thuồng. Colombe đầu diu:

- Thôi được. À mà có khi đây là... con Gringalet!

- Gringalet, con ngựa duyệt binh của hiệp sĩ Gauvain! – Just cười.

Hai đứa trẻ bâng khuâng nằm ẹp trên cỏ, mặc cho hơi ẩm từ đất bốc lên và lá nhọn của đám bả chó đâm khẽ vào da qua làn áo vải mỏng.

Con ngựa bỗng nghênh cổ hít hít luồng gió mằn mằn đưa một mùi lạ đến khiến nó cảm thấy bất an, không biết là mùi cá tôm hay chim chóc thối rữa, và trong một lúc, nó có vẻ như lắng nghe tiếng lẩn của đá cuội từ phía xa. Colombe nói:

- Chắc chắn là chủ nó hay thì thầm vào tai nó. Nó đang lắng nghe đấy, anh ạ.

Nghe gọi tên Gauvain, vị hiệp sĩ tự do, bốn ba tứ hải, người cháu vinh quang và phong nhã của vua Arthur xứ Galles, nhân vật huyền thoại mà cậu say mê đọc trong những ngày dài đằng đẵng ở Noóc-măng-đi, đôi mắt cậu bé vụt sáng. Vẫn ở tư thế nằm, cậu rướn nhẹ về phía trước. Colombe khích:

- Vậ ra tay đi!

Just như chợt tỉnh mộng, nhìn em gái, nắm chặt đoạn dây đang cầm ở tay phải rồi không nói không rằng, lẳng lặng đứng dậy.

- Nào, hãy tưởng tượng anh là Chàng Trai Dững Cầm, còn em là người đẹp của chàng. Vì em, anh hãy hành động đi.

Cô bé nói đồng dục như ra lệnh. Cậu bé lo con vật có thể nghe thấy và bỏ chạy. Cậu liền lao ra, không do dự.

Vốn đã quen sẵn bắt thỏ hoang, hai người trẻ tuổi khôn ngoan mai phục ngược hướng gió để con vật không cảnh giác. Muốn đến gần nó, phải lợi dụng yếu tố bất ngờ nhưng không được thô bạo. Cậu chậm rãi nhưng kiên quyết tiến về con ngựa, tay cầm dây thừng giấu sau lưng. Con ngựa nhìn người lại gần, không cụp tai, chớp mắt. Just thông thả với tay lên cổ con ngựa hãy còn ướt nước mưa, đưa tay ra vuốt ve liên tục. Con ngựa có u vai rất cao, và Just chỉ đứng đến lưng nó. Cậu lại gần và vòng tay ôm cổ nó.

Just cảm thấy mình thực sự yêu quý con vật này, không phải chỉ vì nó – đây là tưởng tượng của hai anh em – là con Gringalet, chú ngựa trung thành của hiệp sĩ Gauvain, mà chủ yếu vì cậu thích nó, cậu thích những sợi lông cứng thẫm đen phơn phớt màu lửa ở gáy và đuôi nó, giống như mớ tóc bù xù rối tung của cậu. Quàng được sợi dây vào cổ nó rồi, cậu bé mới chập hai đầu lại và thắt một cái nút tạm bợ dưới mõm. Con vật để yên, và khi Just cầm đầu dây kia kéo căng ra, cậu hài lòng cảm thấy từ giờ nó sẽ tuân theo ý mình. Cậu kéo nó chạy một vòng rộng quanh bãi cỏ. Mặt biển xa đến tận chân trời, ngăn cách đồng cỏ xanh mướt với bầu trời xám xịt, nơi mây đen đã lại tích tụ, báo hiệu một cơn mưa khác. Just cho ngựa xoay đi một chút để ánh mặt trời nguy hại lấp lánh trên cỏ ướt không đập vào mắt nó. Rồi nhún một cái, tay bám chặt bờm và chân lấy đà tì lên cẳng ngựa, cậu đã nhảy phắt lên lưng con vật. Cậu lấy chân thúc mạnh, ngựa lập tức tuân lệnh chủ mới. Cậu gọi:

- Colombe, em lại đây được rồi!

Just ngồi thật thẳng, tuy có hãnh diện nhưng hơi sợ. Cậu chỉ quen cưỡi những con ngựa còm của trang trại. Cậu cố giữ nét mặt bình thản, tuy mắt lấp lánh niềm vui và môi bặm lại cố giữ không reo hò. Cậu cảm hồ sợi dây dùng tạm làm cương trong đôi tay thon dài. Cái vật nổi lủng lẻo giữa quyết tâm của người và sức mạnh của ngựa tỏ ra gần như không cần thiết nữa do sự hòa hợp tự nhiên giữa con vật cao lớn với cậu kỵ sĩ mới mười lăm tuổi.

Colombe chạy tới, không để ý gì đến bộ váy áo ẩm ướt dính vào người, nét mặt rạng rỡ trước thành công của anh.

- Hoan hô, cho em lên với.

- Lên ư? Không, em là một phu nhân, mà phu nhân thì không cưỡi ngựa điểu binh.

- Thôi đi anh. Không phải ngựa điểu binh, nó là tuần mã của ông Griffes chứ. Nào, đưa tay kéo em lên.

Mớ tóc vàng của Colombe, đậm màu và bết xoắn hơn do nước mưa, dính bết vào mặt cô. Lông mày cũng ướt, tạo đường viền long lanh khiến đôi mắt thêm sắc sảo. Cô bé đã sớm hiểu sức mạnh của cái nhìn sâu thẳm có tác dụng kích thích, gây xao xuyến. Cô mà nhìn ai, như lúc này đang nhìn Just, là với quyết tâm phá tan mọi ý đồ phản kháng.

- Thôi được! – Just nhượng bộ – Bám lấy tay anh đây.

Colombe nắm khuỷu tay anh, và Just kéo cô lên. Tuy kém anh hai tuổi, cô cũng gần bằng anh nhưng thân hình mảnh dẻ hơn. Cô nhẹ nhàng dọn chỗ ngồi chắc chắn trên lưng ngựa rồi rất tự nhiên đưa đôi cánh tay trần vòng qua eo chàng trai, thì thầm vào tai anh:

- Hỡi Chàng Trai Dũng Cảm, nếu đây đúng là con Gringalet, nó sẽ đưa ta phi đến những miền hoang lạ.

Nhưng Just thận trọng chỉ cho ngựa đi bước một. Cậu hơi lo vì cảm thấy con vật không thuần như lúc đầu. Mặc dù lúc nào cũng có vẻ lơ đãng, chìm ngập trong mộng tưởng, gần như ngái ngủ, nhưng cậu có cảm nhận rất nhạy bén với muôn thú, cỏ cây, với cả những vật cầm lạng của thiên nhiên. Cậu cảm thấy con ngựa cũng tỏ vẻ tần ngần, có lẽ vì những tiếng thét to của Colombe. Ngược lại, cô bé mắt lúc nào cũng nhấp nháy, hiểu rất sâu mọi góc ngách của tâm hồn con người, lại đứng dưng trước những vật của tạo hóa được coi là không có tâm hồn. Cô tiếp tục cười khanh khách và cất tiếng the thé:

- Ta ra bờ rào đi! Cho ngựa đi ra đường cái!

Just cũng muốn phi ngựa đi thật xa. Nhưng cậu sợ. Ra đến hết bãi cỏ, Colombe sột ruột lấy chân đạp tung cái cành cây đặt ngang dùng làm cửa

rào. Con ngựa lồng lên một bước, khiến hai anh em suýt ngã.

- Colombe, nhẹ nhàng thôi!

Con ngựa thung thỉnh đi bước một ra tới đầu rừng. Chẳng mấy lúc họ đã ở giữa những cây sồi hiền lành có những chạc cây cao đến nỗi khu vực gần mặt đất rất sáng sủa và an toàn. Con ngựa có vẻ đã bình tĩnh lại. Con đường bắt đầu lên dốc, và đến cửa rừng, họ leo lên một mô đất, từ đó có thể nhìn bao quát cả thung lũng và những cánh đồng san sát. Xa xa, họ trông thấy tòa nhà mới của ông Griffes tọa lạc trên một khu đất trũng, tua tủa những cột gỗ. Thợ thuyền đang lợp nóc mái của những lều canh và hoàn thiện chiếc cầu thang lớn.

- Ta không nên ở lại đây, sợ người ta trông thấy – Just nói để có cơ thúc ngựa đi, và có lẽ cũng để giấu nỗi xúc động mỗi khi cậu nhìn thấy tòa nhà xây dở nọ.

Những cửa sổ lớn chan hòa ánh sáng kia, những ban công có cột hình vặn thừng kia, những mặt tiền có hoa văn kiểu cổ kia, là những thứ mà họ rất thích vì là đặc trưng của nước Ý, nhưng ở đây nó thuộc sở hữu của lão Griffes đê tiện. Là quan chức, thương nhân, thêm nghề cho vay nặng lãi, lão vợ vét đủ thứ. Trong khi hai anh em từ nhỏ lớn lên trên mảnh đất là cái nôi của nghệ thuật nhưng phải đi theo một người cha chuyên về binh nghiệp, luôn chinh chiến khắp nơi, toàn phải sống trong các trại binh.

Những ý nghĩ trên làm họ đượm buồn, không nói gì trên quãng đường dài. Đường tiếp tục lên cao, và lâu đài Clamorgan, dinh cơ cũ của họ đột ngột hiện ra.

Trước đây lâu đài này rất đàng hoàng, có vọng lâu, tường thành, hào sâu có cầu rút. Than ôi, giờ lại gần, thấy hào cạn nước, cầu không rút lên được nữa, vọng lâu thì phó thác số phận cho một giàn trường xuân rậm rì to như trái núi.

Nhìn từ xa, Clamorgan vẫn còn bề thế; Colombe và Just tạm bằng lòng vậy. Nhưng đất đai mệnh mông quanh lâu đài thì bị bỏ hóa, ngược lại với đồng ruộng của lão Griffes, luôn được các tá điền chăm sóc cẩn thận.

- Đi nhanh nữa đi, Chàng Trai Dững Cầm! – Colombe giục. Hình ảnh tòa lâu đài khiến cô bé lại tiếp tục tưởng tượng về một cuộc phiêu lưu trên lưng ngựa. Song Just không muốn thúc ép con vật. Đám mây lúc nãy mở cửa ra để mặt trời le lói, nay đã khép lại. Trời đột ngột trở nên u ám, đầy khí lạnh. Con ngựa nghech đầu, như nghe ngóng con đông sắp tới. Just điều khiển cho nó quay vòng trở lại.

- Ta về thôi.

- Không! Colombe kêu. Ở chơi lát nữa, đang vui.

Cái chính là cô bực mình vì ý muốn không được chấp nhận. Nhưng Just đang ngồi quay lưng vào cô, cô không thể dùng đôi mắt để gây áp lực. Cô lấy tay nắm thùm thụp lên lưng anh. Tuy nhiên nắm tay yếu ớt chỉ lộp bộp trên tấm thân vạm vỡ của người con trai, và cậu tiếp tục điều khiển con vật quay trở về. Colombe sắp òa khóc, bỗng nhìn thấy một cảnh liều lòa xòa sát vệ đường. Lúc ngựa qua ngang tầm, cô với lấy và nhẹ tay bẻ gãy. Lá bị tuột bỏ hết, cành liễu trở thành một cái roi thật vừa tay. Thế rồi, cô lấy đà, một tay nắm chặt cái roi, một tay bám vào áo Just, cô quát mạnh lên mông ngựa. Con vật lồng lên phi nước đại, không phải do đau đớn, mà do sợ hãi. Just vội nắm cả hai tay vào đám lông bờm cho khỏi ngã nhưng lại thả dây cương ra, sợi dây đập liên tiếp vào má ngựa, làm nó càng sợ hãi và càng phi nhanh.

Cứ thế, bộ ba lao về phía lâu đài, rồi, chợt con đường lượn lại ra biển, họ phải tách ra và hướng tới một mảnh đất bỏ hóa chạy dọc theo một bức tường. Just cuống lên vì sợ, không biết làm gì hơn là cố giữ mình khỏi ngã. Sắp qua một con suối; cậu nhắm nghĩ có lẽ nên lao cả hai anh em xuống đó, có nước và bùn sẽ đỡ đau hơn. Nhưng con ngựa không để cậu chờ đến lúc đó. Khi phi đến gần một đài nước xây trên bậc đá, nó né mình tránh, luôn tiện hất cả hai kỵ sĩ xuống đất. Just lăn tròn xuống một bờ ruộng có cỏ rậm nên không sao. Colombe nhẹ hơn, bắn ra tận đài nước, đập đầu vào đó, nằm vật ra, mặt chảy máu. Just chạy đến, thấy cô bất tỉnh.

Cậu đỡ nhẹ đầu cô, ôm lấy cổ, vỗ về cô. Thời khắc trôi qua, cậu chỉ còn nghe tiếng ngựa lồng lên phía xa, và tiếng róc rách của đài nước gần kề. Và

Just, người thừa kế của dòng họ Clamorgan cao quý, Just, một cậu thiếu niên bình thường nhưng lại được cô em gái ngưỡng mộ đặt cho cái tên là Chàng Trai Dũng Cảm, lấy lại được bình tĩnh. Colombe vẫn chưa tỉnh. Cậu thét lên một tiếng, một tiếng xé tai, ồm ồm của người vừa vỡ giọng. Cậu nghe ngực em; tim vẫn đập. Em vẫn sống. Cậu bế em lên tay, còn kịp nhận ra em quá nhẹ, người ướt đầm và lạc đầu mất một chiếc giày. Rồi cậu chạy đi, đôi mắt đầm lệ dán chặt vào gánh nặng trên tay vẫn bất tỉnh:

- Em yêu, em yêu, đừng chết! Đừng bao giờ chết! Anh sẽ ở bên em mãi mãi.

CHƯƠNG 3

Thời kỳ này, nước Pháp sống yên bình, nhưng ngoài biên thù thì chinh chiến liên miên. Từ cuối thế kỷ trước, với giấc mộng bành trướng sang phía đông của Charles VIII, Pháp đã chọn nước Ý làm chiến trường cho các tướng lĩnh của mình. Dù thắng dù bại, khi trở về họ vẫn đầy vinh dự. Nước Pháp thích thú với trò đi lật đổ các ngai vàng để rồi lại đánh mất nó ngay tức khắc, liên kết với nước này nước nọ chỉ để rồi lại cắt đứt, thi nhau xáo những con bài lớn nhất, con K, con Q, con mã, của trò chơi không có luật lệ ấy. Các chuyến đi liên tiếp của những giáo hoàng đầy mưu lược, của những ông hoàng say mê nghệ thuật và của những kẻ đi chinh phục đầu đầu nhưc óc với hết âm mưu này đến âm mưu khác đã mang lại mỗi lợi cho vương quốc Pháp: trong nước được hưởng thái bình, còn quân đội thì có việc làm ở nơi xa. Không gì, ngay cả vụ thầy trận ở thành phố Pavie bên Ý, có thể phá vỡ nỗi an ninh quốc nội được lập lại từ sau cuộc chiến tranh Một Trăm Năm. Khắp nơi thóc chất đầy kho, chỗ nào cũng ê hề vải, rượu, gia vị và sản phẩm thủ công. Các ông hoàng chan hòa gặp gỡ thần dân; giới quý tộc an hưởng bổng lộc từ đất đai. Những lâu đài mới theo kiểu cổ, mang màu sắc Ý, mọc lên ở khắp nơi.

Ngài Gonzagues đang suy ngẫm như vậy về thế sự lúc đứng nhìn ra ngoài qua cửa kính tu viện. Mưa bụi vùng Noóc-măng-đi lâm thâm rơi trên cỏ xanh mướt đến nỗi lòng. Cảnh thanh bình trải ra trước mắt: lũ bò đực no tròn, đàn dê gặm cỏ, đám bò cái vú căng sữa, rặng táo phủ kín những chùm hoa dày đặc còn trĩu nước mưa, hứa hẹn một vụ bội thu, lạ thay lại đè nặng lên tâm hồn người chiến binh già nua. Hai mươi năm nay, từ khi đeo chiếc thập tự xứ Malte và phục vụ dưới trướng ngài hiệp sĩ Villegagnon, đời ông toàn là binh đao, hành quân và đói rét. Ông đã chiến đấu với quân Thổ trước thành Alger, rồi sang Hung-ga-ri, rồi lại chiến đấu một cách vẻ vang nhưng không thu được lợi ích gì với các đế chế Sforza ở Milanais, với quân Anh ở Boulogne và cuối cùng đã phải chịu thấy thủ trước Tripoli. Và trong khi ông xông pha tên đạn, chịu thiếu thốn và bệnh tật, thì cánh đồng cỏ trước mặt ông đây vẫn không lúc nào thôi xanh tốt.

Thế mà lẽ ra ông đã có thể sống một cuộc sống êm ả trong cơ nghiệp của gia đình ở Agenais. Dù là em út, ông vẫn có thể được các anh chia một phần đất cho riêng mình để hưởng lộc suốt đời. Ý nghĩ đó luôn bứt rứt lòng ông từ khi ông đến vùng này. Nhưng rồi có hai di chứng những viên đạn còn găm trong người ông, một ở bẹn, một ở vai, khiến ông hồi nhớ thời binh nghiệp về vang, kích thích ông nghĩ tới những chiến tích sắp tới. Suy cho cùng, mình cóc cần gì bỏ với ruộng...

Tiếng nói êm dịu của một nữ tu gọi đúng tên ông, chấm dứt hẳn cơn sầu muộn dần vật mới đè nén được phần nào:

- Ngài Gonzagues de La Druz, phải không ạ?

- Vâng, thưa mẹ, tôi đây.

Vóc người lùn mập, tròn trĩnh, mắt tinh nhanh và bộ râu nhọn hoắt, nhọn đến nỗi người ta tưởng như chính nó gây ra vết sẹo dài lộ rõ giữa hai ve cổ áo, ngài Gonzagues lại còn đeo một lô gươm dao, dù không ở ngoài chiến trường. Lúc ông đỏ mặt đứng lập nghiêm, tiếng binh khí kêu lách cách âm vang dưới vòm tu viện, khiến bà mẹ cả phải mỉm cười. Bà hiểu sự luống cuống của viên tướng già không phải do đứng trước mặt một nữ tu, mà do thấy mình đối diện với một phụ nữ thực sự. Hẳn bà cũng vui thầm trong bụng. Bà nhìn ông bằng đôi mắt xanh biếc, nói:

- Tôi mới nhận thư ông hôm qua. Vậy là ông cần tìm trẻ mồ côi để đưa sang Mỹ?

- Thưa vâng – vị tướng lúng búng, bụng rủa thầm tại sao ông Trời oái ăm xui khiến ông tiếp xúc với một nữ tu xinh đẹp dường này.

- Nhờ ngài thưa với hiệp sĩ Villegagnon rằng chúng tôi không mong gì hơn được giúp ích các ngài. Các ngài đem lời Chúa đi rao giảng ở các vùng đất mới, là làm việc vô cùng phúc đức. Nếu Chúa không đã dành cho tôi một phúc phận khác, ắt tôi sẽ là người đầu tiên xin đi theo các ngài.

Chỉ một lời nói ấy thôi đủ khiến ngài Gonzagues tội nghiệp muốn bay ngay đến mọi vùng man di mọi rợ: ông không sao tưởng tượng nổi mình lại

bị tác động một cách tai ác đến thế. Song, ông vẫn đủ can đảm để nhếch môi gượng cười, khiến cho mấy cái lông thưa thớt trên mặt vênh cả lên. Mẹ cả nói tiếp:

- Vậy là ngài cần kiếm trẻ mồ côi. Thời trước thì chúng tôi rất sẵn, các bà nữ tu kỳ cựu nhất của chúng tôi vẫn còn nhớ rõ. Nhưng đất nước ngày càng khấm khá, lo được tất tần tật mọi việc. Đúng là chúng ta còn nhiều người nghèo thật, nhưng may là chưa đến mức tín đồ của chúng ta bị cấm cửa thiên đường chỉ vì không có tiền bố thí cho kẻ khó. Nhưng, thưa ngài, trẻ mồ côi thì thật là không còn, không còn nữa...

Mẹ cả lắc lắc cái đầu có đường nét tuyệt mỹ của hình thể và của sự thánh thiện.

Vốn là người không chịu khuất phục lâu – dù trước vũ khí của đàn bà ông thường tỏ ra yếu đuối, bất lực hơn – Gonzagues hỏi thẳng vào vấn đề, hy vọng sớm chấm dứt câu chuyện:

- Có nghĩa là mẹ không có ai để giới thiệu?

Song mẹ cả chưa chịu thua. Giữa những bức tường đá lạnh lẽo âm u này, dường như mẹ muốn kéo dài những dịp được trò chuyện cho khuây khỏa. Mẹ vừa suy nghĩ vừa thông thả đi một vòng quanh phòng ra tới tận cửa sổ, mơ màng nhìn ra cây táo ngoài vườn:

- Không, có, có chứ, ngài yên tâm.

Gonzagues thốt lên một tiếng mừng rỡ, suýt nữa thì văng ra một câu “Bồ khi!” thô tục.

Vẫn có, vì tội lỗi luôn hiện diện, và những lần hỗn loạn về xác thịt vẫn sản sinh ra những đứa trẻ ngoài hôn thú. Biết bao cô gái khốn khổ bị nhục dục cám dỗ đành vứt bỏ chúng và các xứ đạo lại đẩy đến chỗ chúng tôi. Nhưng xem ra càng ngày càng nhiều gia đình chấp nhận những đứa trẻ báng bổ Chúa ấy.

Mẹ hạ giọng xuống như tâm sự:

- Mà một số cha xứ lại còn khuyến khích họ theo hướng ấy. Ngài biết không, ở những làng ven biển nơi dân chài thường vắng nhà lâu ngày, lắm ông thầy tu quả quyết với con chiên rằng thời gian mang thai kéo dài lâu mau tùy theo từng người. Tôi nghe người ta kể một cách nghiêm chỉnh trường hợp một đứa trẻ sinh ra sau mười tám tháng người mẹ mang thai. Cả làng đều khen ông Tào khéo xếp đặt để nó cố chờ đợi lúc ông bố về rồi mới ra đời. Và ông bố khờ khạo vẫn tấm tắc khen con giống mình như đúc...

Nghe nói về bí ẩn xấu xa của quá trình mang thai và sinh nở, ngài Gonzagues cúi đầu nín thinh, lòng đầy phần nộ. Chủ soái của ông, ngài hiệp sĩ Villegagnon, nói phải cải tổ cái giáo hội nước Pháp vì quá phồn vinh mà sinh hư hỏng, là rất đúng. Không tưởng tượng nổi sự sa đọa đã đến mức ấy trong khi ông phải chiến đấu đánh lùi bọn dị giáo ở tận đâu đâu. Lại cái bà nữ tu vẫn nhơn nhơn nói cười này nữa! Bà ta còn tỏ vẻ thích thú trước sự phần nộ mà ông tưởng đã cố kìm giữ được – không kể tiếng lách cách của thanh kiếm bên hông do cơn phần nộ của một người xứ Gat-xcô-nhơ chân chính khiến chân ông cứ rung rung.

- Là tôi không muốn giấu ngài điều gì. Cơ sở tôi hiện đang nuôi giữ tám trẻ mồ côi. Bốn đứa là con gái, mà trong thư ngài nói không lấy con gái. Trong số con trai, một đứa có tật bẩm sinh thiên bẩm bất túc, dở ngớ dở ngọng. Ba đứa kia thì bé quá: mới lên bốn và lên sáu, chả là có hai đứa sinh đôi.

Gonzagues lập tức nói luôn, vừa nói vừa thở như sau một sự cố gắng dài đầy vất vả:

- Thưa mẹ, nếu vậy, cho tôi được thành thật cảm ơn, và xin kiếu từ.

Nơi ông đến đây là tu viện thứ ba. Về phía Le Thoret, cũng đang có nhiệm vụ như ông, chắc cũng đã mò tới gần ấy chỗ. Đâu cũng trả lời như nhau, và than ôi, đâu cũng thấy đạo đức suy đồi, cả cái bà nữ tu trời đánh này nữa, chưa bao giờ ông gặp ai khêu gợi sỗ sàng đến thế. Thà dứt khoát như vậy cho xong, để ông còn đi nơi khác – trong danh sách còn hai địa chỉ nữa.

Nữ tu đặt bàn tay lên áo ông:

- Khoan đã. Tuy đã khá gấp rồi nhưng dù sao thì cũng không phải lý do để ngài không có thời gian nghe tôi nói tiếp.

Bị bàn tay hiểm độc chạm phải, Gonzagues thoát cứng nghiêm người như kẻ chịu nạn. Nữ tu khoan thai nói tiếp:

- Ngài hỏi xin trẻ mồ côi, nếu là con nhà cùng khổ càng tốt. Vì vậy tôi nói là không có. Nhưng có lẽ chúng ta chưa bàn đến những khía cạnh khác. Phải chăng ngài cần trẻ con để luyện cho chúng thành thông dịch bên những thổ dân Brésil, đúng không ạ?

Gonzagues nghiêm nghị gật đầu thay lời đáp.

- Ngài cần những đứa nghèo khổ, chắc chỉ vì ngài nghĩ dễ đưa chúng đi hơn?

Lại một cái gật đầu nữa.

- Nhưng nếu tôi giới thiệu những đứa có gia cảnh khá hơn, ngài có đồng ý không?

Một lần nữa, Gonzagues gật đầu đồng ý.

- Nếu vậy, mời ngài đi theo tôi.

*

* *

Chạy lon ton theo sau cái bà mẹ cả quý quái đang nhanh nhẹn rảo bước, ngài Gonzagues đi xuyên suốt chiều sâu của tu viện. Họ gặp nhiều nữ tu sĩ, cả người có thâm niên lẫn người mới. Không phải tất cả đều xinh đẹp, song họ đều mặc áo tu một cách thoải mái, điều này khiến ông hiệp sĩ xứ Malte không thể đánh giá tốt được. Trên môi họ luôn phảng phất nụ cười vui vẻ hơi quá trớn. Sự có mặt những người như thế ở một nơi chuyên phụng thờ

Chúa là một tội lỗi. Lại thêm mùi sáp nồng nặc bốc lên từ sàn đá, nơi đặt hàng loạt ngọn nến đều thấp lung linh dù không phải ngày lễ trọng. Qua những cánh cửa mở, thấy những ngăn tủ to đầy ắp những thứ tiện nghi mà lẽ ra con chiên của Chúa phải nguyện không được dùng. Suốt đường đi, Gonzagues cố luôn nhìn thẳng phía trước, tránh không ngó ngang để khỏi bị cám dỗ. Cuối cùng, qua mấy bậc đá, họ đi vào dãy hành lang xây trên một cây cầu. Nữ tu chỉ về phía trước mặt, nơi có mấy cửa sổ soi sáng, nói:

- Cuối hành lang này là bờ bên kia rồi, ta có thể vào rừng và vào làng. Đôi khi chúng tôi theo lối này vào làng làm lễ.

Gonzagues không nói gì, nhưng lòng giận sôi lên vì cái lối ra đáng ngờ này. Ông nghĩ đến bao sự qua lại lén lút có thể diễn ra nhờ con đường kín đáo.

Đến giữa hành lang, họ dừng lại. Một phòng nhỏ xây trôi ra trên một trụ cầu. Nữ tu mở cửa, dẫn ông vào bên trong. Hai mảng cửa kính lớn nhìn ra sông, một ô để mở nghe lọt tiếng nước chảy rì rầm: nơi này thật thuận tiện cho những cuộc bàn bạc kín. Một chiếc bàn hình tam giác và ba ghế đầu là những đồ đặc duy nhất. Nữ tu ngồi xuống một ghế, ra hiệu cho Gonzagues ngồi theo, rồi nói, vẫn với nụ cười mà hình như chính bà gieo rắc tại đây, bất chấp lời thề nguyện khổ hạnh.

- Ta chờ một lát, không lâu đâu.

Gonzagues im lặng, ngồi ngay ngắn trên ghế, lúng túng vì binh khí lĩnh kinh trên người một phần, phần chính là vì phập phồng cảnh giác. Tiếng nước róc rách, tiếng chim ríu rít bên ngoài khiến người chiến binh già thấp thòm, dù đã quen với những cuộc phục kích, với những tiếng rúc giả chim muông mà chiến hữu dùng để liên lạc với nhau trong rừng. Hai phút trôi qua, một phụ nữ nữa mở cửa bước vào, lặng lẽ ngồi xuống chiếc ghế thứ ba, gật đầu chào hai người. Người mới đến không mặc áo nữ tu, vậy mà không hiểu tại sao Gonzagues lại thấy ở bà vẻ khiêm nhường, ngoan đạo hơn tất cả các cô gái nhí nhố gặp lúc nãy. Giống như ông, người này có vẻ đã vất vả vật lộn với cuộc đời đến tận tuổi năm mươi bây giờ và tỏ ra mệt mỏi nhưng thanh thản. Những nếp nhăn trên mặt bà mà ngài Gonzagues thầm so sánh với mấy vết sẹo dài của mình do chiến tranh để lại, được làn phấn thoa nhẹ

khỏe léo che giấu, mái tóc búi gọn gàng, cách ăn vận bình dị nhưng không kém phần kiêu cách. Tai đeo đôi hoa nhỏ lóng lánh vừa đủ để nổi lên trên nền bộ váy áo đen, có đăng-ten viền quanh cổ và cổ tay. Gonzagues thậm biết ơn người phụ nữ bằng dáng điệu khoan thai lịch sự đã xóa đi những ấn tượng không hay ông có từ lúc đến đây. Ông chỉ để lộ niềm thích thú bằng một chút ươn ướt, rân rân trong mắt phải mà ông vội kín đáo lấy tay áo quệt nang, tránh không phải khóc thực sự trước mặt người lạ.

Tiếc thay, lúc mà người đó xuất hiện, mẹ cả lại không biến mất đi cho rồi:

- Xin giới thiệu với bà, ngài Gonzagues de La Druz, hiệp sĩ xứ Malte.

Người đàn bà cất tiếng bằng một giọng nói rất phù hợp với tính cách của mình, vừa nghiêm nghị vừa từ tốn:

- Thưa ngài, tôi rất lấy làm hân hạnh. Và xin cảm ơn mẹ cả đây đã vui lòng giới thiệu tôi với ngài.

- Ô, chuyện nhỏ ấy mà. Mẹ cả cười đáp lại – chúng tôi chịu ơn bà nhiều. Bà là ân nhân tu viện chúng tôi từ bao năm nay...

Người phụ nữ hạ thấp giọng, người run run vì xúc động:

- Vâng, chúng tôi luôn đền đáp ơn Chúa đã ban phúc lộc. Chúng tôi luôn vâng theo lời răn của Người khi nó thuận lợi với mình và không quên nhớ rằng nếu lúc nào đó không thuận lợi thì vẫn đình ninh một dạ. Tiếc rằng lúc này tôi đang ở trong trường hợp không thuận lợi.

Trốn chạy là một từ mà ngài Gonzagues đã loại bỏ trong vốn từ ngữ quân sự của mình, nhưng, trong hoàn cảnh này thì ngài lại sẵn sàng làm việc ấy, nếu trốn chạy lúc này là vẻ vang. Bà nói tiếp:

- Thưa ngài, biết ngài sắp lên đường, tôi không dám làm ngài bận tâm phải nghe kể lể nổi bất hạnh của chúng tôi. Nhưng mẹ Catherine đây mới cho biết: ngài cần những đứa trẻ để đưa sang lập nghiệp ở châu Mỹ, phải không ạ?

- Vâng, thưa bà, ngài Gonzagues khẽ nhẹ một cục đờm vào chiếc khăn tay và khò khè nói:

- Nếu vậy, ngài sẽ không mất công vô ích nghe những gì tôi nói. Tôi sẽ rất vất vả.

Bà cup mắt xuống rồi lại ngược lên đăm đăm nhìn những ô kính màu hình thoi nho nhỏ ở cửa sổ:

- Thế này, em út của chồng tôi đi lính, chiến đấu ở Ý phục vụ hoàng đế nước Pháp, rồi còn phục vụ nhiều ông hoàng khác nữa. Ba năm nay không có tin tức gì. Thế rồi, trước khi bật tắt, chú ấy gửi về Ý hai đứa trẻ. Cứ cho rằng chú ấy là bố chúng, nhưng không biết người mẹ là ai. Thôi, ta bỏ qua, đời lính tráng mà, tôi đâu dám phán xét. Họ lắm vinh quang và cũng lắm tật.

Quả là nhiều binh lính và tướng tá đã mắc vào những chuyện đó trong khi chinh chiến ở Ý. Một số lại còn rơi vào bẫy tình của những phụ nữ đã từng lúi cuồn được cả những người dũng cảm nhất. Ngài Gonzagues cũng đã tham gia vào những chuyện điên rồ ấy nhưng vẫn còn tự kiềm chế được đối với những nỗi đam mê quá cuồng dại – trừ phi là ông không có khả năng kêu gọi được loại tình cảm mạnh mẽ, điều mà, mỗi khi nghĩ đến, lại làm cho ông buồn bã. Dù sao, lúc này, từ miệng phụ nhân này nói ra, những việc điên rồ ấy đối với ông cũng thật đáng ghét. Ông không dám hỏi tên người lính nọ, sợ rằng, chẳng may mà mình quen biết anh ta, thì sẽ bị coi là góp phần trong nỗi ô nhục ấy.

- Chúa chứng giám cho rằng khi hai đứa trẻ được chú em giao cho chồng tôi, thì chúng đã được nuôi dưỡng êm ả trong gia đình tôi, bất kể nguồn gốc tội lỗi từ đó chúng ra đời. Hỡi ôi, cơ nghiệp chúng tôi, ở cách đây vài dặm, đã bị ông Trời gieo họa không thương tiếc. Đủ các thứ dịch bệnh làm cây cối và gia súc chết hết. Tháng tám là mùa mưa, thì đồng ruộng ngập úng, sau đó là sâu bọ, châu chấu, mưa đã tàn hại tất tật. Đã thế, ba lần liên tục cơn bão miên lại tràn qua cướp hết đồ đạc và cửa cải. Tóm lại, thưa ngài, gia đình chúng tôi trước đây thuộc loại khá giả, nay không thể nói gì khác hơn là rơi vào cảnh bần hàn.

Chưa lúc nào bằng lúc này Gonzagues thấy bức mình với số binh khí đeo trên người, chúng đã chẳng có ích gì cho ông, lại còn kêu lanh canh khi ông nhét lại khăn tay vào túi.

- Và bây giờ bà lại chịu cái họa nặng cuối cùng nữa – cho đến lúc này, mẹ cả vẫn ngồi yên, bây giờ bà mới đưa ra một lý lẽ cuối cùng nặng cân nhất. Phu quân của bà đây, một lãnh chúa danh giá, lâm bệnh nặng và qua đời cách đây ba tháng, sau một đời vất vả, với nhiều điều không may.

Nghe nhắc đến tang chồng, người phụ nữ ứa nước mắt và đưa bàn tay run rẩy lên lau nhưng rồi cuối cùng chỉ bôi nhoe nhoét thêm. Mẹ cả tiếp:

- Trước mặt ngài đây là một người vợ và mẹ đáng kính, trong muôn ngàn đau thương vẫn lo lắng đến trách nhiệm của mình. Trong phá sản và cô đơn, bà biết ngôi nhà của Chúa luôn sẵn sàng giơ tay đón tiếp, và chúng tôi sẽ đền đáp biết bao công ơn mà bà dành cho tu viện bấy lâu nay. Nhưng bà không đành, vì không thể bỏ rơi hai đứa trẻ được giao phó. Tương lai chúng sẽ ra sao? Bố của chúng trước đây còn có thư về hàng tháng, nhưng từ lâu đã bất tin, có lẽ đã từ giã cõi đời này rồi. Cơ nghiệp rồi phải phân tán hoặc bán đi. Vậy hai đứa trẻ tội nghiệp sẽ đi đâu? Vào cửa Chúa chăng? Chúng lại không có thiên hướng về mặt đó. Chẳng thể trách được chúng, chúng vốn được sinh ra trong tội lỗi. Rồi Đức Chúa Giêsu sẽ tìm đến chúng, dù chúng ở phương trời nào. Gắn đời chúng với Chúa khi chúng chưa muốn là không nên, sẽ mang tội cưỡng ép.

- Xơ Catherine nói phải – người phụ nữ hưởng ứng. Tôi còn nghĩ xa hơn. Thôi thì hai đứa trẻ không còn gia đình nữa rồi, nhưng tôi muốn cho chúng một cơ may để lập gia đình mới. Chúng phải bắt đầu lại từ đầu, có một cuộc sống mới, quên đi những khổ đau của quá khứ. Vì vậy khi nghe nói đến “Tân thế giới”, tôi vội đến đây để cầu xin ngài đoái thương hai đứa, vui lòng mang hai cháu đi theo.

Hy vọng lóe trở lại trong lòng Gonzagues. Qua những lời tâm sự rầm rối nọ, ông đã thấy hé mở lối ra. Việc người phụ nữ cầu xin thật rõ ràng, đơn giản. Dưới mắt ông, làm được điều phúc cho ai vẫn là châm ngôn hàng đầu. Giả thử ông có ngại ngần gì nữa thì ánh mắt cao quý của hai người phụ nữ,

một rung rung lệ, một đầy nhiệt thành tuy từ bỏ đời trần tục, đã đánh tan mọi do dự cuối cùng.

- Chúng bao nhiêu tuổi?

Người phụ nữ ngập ngừng.

- Tôi không nhớ rõ, vào khoảng mười một và mười ba.

- Thế là được – Gonzagues gật đầu.

Rồi, do dự một lát như e lệ, ông hỏi nhỏ:

- Đứa lớn đã... hoàn chỉnh chưa?

- Nó đã có lông tơ trên mép, da nó nâu sẫm nên trông rất rõ. Nhưng tôi nghe bà trông nom chúng nói chắc như đinh đóng cột: nó chưa phát triển đầy đủ thành đàn ông.

- Chúng có bằng lòng đi không?

Có thể những câu hỏi như thế này đã được tiên liệu trước, nên lời đáp cũng đến một cách dễ dàng, tự nhiên:

- Chúng sẵn sàng rời bỏ lâu đài. Chúng chỉ mong cơ hội được gặp bố – mà chúng chỉ nhớ một cách mơ hồ. Nếu bảo với chúng là chúng đi gặp bố, thì đi đâu chúng cũng đi.

- Nhưng bà có biết chúng đi là sẽ đi vĩnh viễn, không bao giờ trở lại?

- Tôi không mong gì hơn là được thấy chúng tham gia công cuộc chinh phục những miền đất mới như tổ tiên chúng đã từng đi chinh phục, nhưng rồi lại để mất.

- Về chuyện ấy, xin bà yên tâm. Tôi xin đảm bảo.

Nói rồi, Gonzagues đứng dậy trong tiếng gươm đao lách cách.

Tiếp theo là một loạt các cử chỉ xã giao xúc động, cảm ơn, cúi chào... mà Gonzagues phải chịu đựng như một thử thách cuối cùng: ông vẫn sợ bà nữ tu còn bày trò chèo kéo gì nữa.

- Nào, bây giờ cho tôi gặp hai đứa. Chúng đâu?

Mẹ cả đáp lời thay:

- Thưa ngài, chúng hãy còn ở nhà, cách đây vài dặm. Ngài hiểu cho, chúng chưa biết gì, vì chúng tôi còn phải chờ ý kiến ngài hôm nay. Giờ ngài đồng ý nhận, chúng tôi sẽ báo để chúng chuẩn bị. Đúng hôm tàu nhỏ neo, chúng sẽ đến trình diện ngài ở bến.

Gonzagues thoáng chút do dự: chưa được nhìn tận mắt... Ông cân nhắc nhanh chóng rồi gạt đi ngay trước sự đau khổ của người phụ nữ hiền lành nọ. Vả lại, ông đã chót hứa.

- Ba hôm nữa, tàu chúng tôi rời bến Havre-de-Grâce.

- Sẽ có xe đưa chúng đến tận nơi hôm đó – bà nữ tu khẳng định.

Họ ra hành lang. Người đàn bà dè dặt cảm ơn một lần nữa rồi đi về phía rừng, chắc ở đó có một con ngựa đang chờ bà. Gonzagues rảo bước quay trở ra nơi buộc ngựa. Năm phút sau, ngồi trên lưng ngựa rồi, ông mới giật mình: quên chưa hỏi tên họ người phụ nữ. Rồi gạt sang một bên nỗi lo lắng cuối cùng ấy, ông bật nói thành tiếng trong luồng gió ẩm ướt:

- Ôi dào! Không sao. Chắc chắn đó là một gia đình danh giá.

CHƯƠNG 4

Khi còn sống ở Ý, Just và Colombe coi cái tên Clamorgan là nơi đầy mộng mơ, vì đó là quê cha đất tổ. Bố chúng phải lâm vào đường cùng lắm mới liều gửi hai đứa trẻ về đó, và chúng biết hết sự thật đáng buồn về cái nơi hằng mơ ước. May thay người bố không phải chứng kiến nỗi thất vọng đó: hồi ấy ông bị thất sủng trước Hoàng đế nước Pháp nên không thể thân đưa các con về. Cách đây bốn năm, ông đã gửi gắm một sĩ quan cùng đi với chúng bằng xe ngựa về Rouen. Từ đó hai đứa trẻ lên xe bò đi Clamorgan.

Ông bác của chúng đã quá già yếu, cả ngày ru rú trong căn phòng duy nhất còn có rèm cửa và lò sưởi. Lão sống bảo thủ như còn thời Trung Cổ, vẫn quản lý cơ nghiệp như thời chúa đất phong kiến, dẫn đến phá sản. Không chịu mua chịu bán cái gì, đến viên ngói vỡ rơi xuống cũng không buồn thay, và để cho nông dân sống vật vờ nghèo đói. Toàn bộ lương thực không dùng đến đều mục nát, mốc meo trên kho sát mái, khiến chẳng ai còn muốn làm việc nữa, và thế là dân quê lũ lượt bỏ đi. Không phải do lão keo kiệt, mà do sĩ diện hão ở cái thời thương nhân đã lên ngôi thay thế hiệp sĩ. Rồi một ngày kia, lão tắt thở.

Một bà quản gia, trước kia là vú em, đã đón hai đứa trẻ về nuôi trong nhà mình. Đó là một ngôi nhà cũ kỹ, lợp rạ, bên trong đen kịt mờ hóng, trên tường và trần trang trí toàn các loại dụng cụ gia đình cần thiết, xoong nồi, chảo chảo, giỏ xách, tất cả treo lủng lẳng, không bày biện cầu kỳ gì cả.

Just bé Colombe vẫn bất tỉnh về đó, đặt lên chiếc giường lớn trải nệm thơm sát lò sưởi. Cô bé rên rỉ và kêu đau đầu. Một ông chẩn cừu già nua vờ vẽ chút nghề lang – ít nhất lão cũng biết chữa bệnh cho cừu – vừa thở phì phò vừa vượt qua đoạn ổ gà lầy lội, đến xem và kê cho cô một thứ thuốc sắc gồm toàn cây cỏ.

- Không sao, cô ấy sống.

Lời phán quyết ấy giờ mới cất được nỗi lo cháy bỏng trong lòng Just. Bà vú Emilienne lập lại lần nữa lời khẳng định cho cậu yên tâm. Just muốn

nghe bao nhiêu lần thì bà cũng vui lòng lớn tiếng nhắc lại bấy nhiêu lần. Cậu giả vờ nặng tai bốn lần liên như thế. Người mềm nhũn và sốt rất cao, Colombe nhăn nhó cố nuốt bát thuốc đen kịt và bốc khói nghi ngút, trên đó nổi lều bều những mảnh nấm vụn, rồi lại ngủ thiếp đi.

Just ngồi canh ở đầu giường. Cậu đau thắt người nhìn tính mệnh em gái – là một nửa cuộc đời của cậu – mong manh như ngọn nến thoi thóp. Những gì đến nay còn nhớ được thì cuộc đời của hai anh em chỉ toàn là di chuyển, đi bộ, hành quân, nghỉ đêm trong những quán trọ lạnh lẽo... tất cả cứ xen lẫn chẳng có thứ tự và chẳng hợp lẽ gì với những kỷ niệm tươi đẹp sáng ngời về nước Ý và các trận đánh. Mọi việc xung quanh không bao giờ tĩnh lặng, và họ cũng không bao giờ hiểu tại sao nữa. Họ không có người thân nào khác ngoài người cha mà sau bốn năm trở về Clamorgan, hình ảnh đã nhòa dần trong ký ức.

Song tất cả sự quay cuồng hỗn độn giữa người và sự kiện ấy, có một cái trục không thay đổi khi tất cả đã thay đổi, và vẫn trong thành khi tất cả đã bỏ đi: đó là tình cảm gắn chặt hai đứa trẻ với nhau. Từ quá khứ xa xôi nhất còn nhớ được, trong tâm trí Just luôn có Colombe.

Họ cùng trải qua các thử thách như nhau, cùng mơ những giấc mơ giống nhau, cùng đọc chung các sách vở: Arioste, Virgile, Homère, cùng chơi những bản nhạc, gái thì thổi sáo, trai thì đờn măngđôlin. Chút ít thơ, nhạc ấy là tất cả hành trang của họ những lúc cùng thất thểu trên đường hành quân với binh lính. Nhưng giờ đây, Just không còn tâm trí nào để nghĩ đến thơ ca nữa. Vừa chắt thêm củi vào lò sưởi, Just vừa nghĩ đến những tên đẹp đẽ mà em gái từng gán cho mình, mới đây nhất là danh hiệu Chàng Trai Dũng Cảm! Cậu giơ tay quệt mũi và tự thề là sẽ không bao giờ rời xa em gái, cả trong cõi chết. Cậu đang ở cái tuổi sẵn sàng thề thốt bất cứ điều gì, nhưng Just cho rằng trên đời này chưa có ai thốt lên lời nguyện một cách nghiêm túc và quyết tâm như mình.

Đến sáng, Colombe đập tung cái chăn lông ra, người đầm đìa mồ hôi nhưng đã mát hẳn, hình như cơn sốt nóng đã hoàn toàn trút hết sang cái bao đắp nhồi lông. Đến trưa, cô mở mắt và cất tiếng gọi. Ai nấy mừng rỡ, lại ứa nước mắt nữa. Ở cái xứ Noóc-măng-di này, thời tiết hay thay đổi từng giờ,

và trong tâm hồn con người cũng có những phút trời quang mây tạnh bất ngờ.

Mặc dù cơn sốt đã lui, bà Emilienne vẫn bắt cô bé nằm yên. Cô vẫn có một cái bấu sung u gần thái dương. Bà còn đe, cô mà ra khỏi giường thì chắc vui sẽ biến thành buồn mất. Câu này nghe thật thần bí, như lời chú của thầy phù thủy, lại có sức thuyết phục rất lớn. Nhưng cô vẫn tiếp tục nhí nhảnh, còn làm trò nhăn mặt nhú mày để trêu Just.

Chiều đã muộn khi họ bất chợt nghe thấy tiếng bánh xe cộc cạch ngoài đường. Bà Emilienne đang ở ngoài vườn rau. Rất nhiều gia đình đã bỏ đi nên bà tha hồ chọn miếng đất tốt nhất: bà ra đào cà-rốt gần đồng rạ, ở đó có những củ rất to. Khi chiếc xe đến gần, hai đứa trẻ liền ngừng chuyện trò, bởi vì ở đây chẳng mấy khi có ai đi qua. Nghe thấy nó dừng lại trước nhà, Colombe nhòm dậy gọi:

- Anh Just, ra xem ai!

Nhưng Just chưa kịp đứng dậy thì một bóng người đã đứng chắn giữa khung cửa. Đó là Belloy, tên hầu cuối cùng còn ở lại lâu đài. Hai đứa trẻ rất sợ hắn: hắn vừa lùn vừa xấu. Biết cơ nghiệp này giờ không chủ, hắn lên mặt quát lác và xử tệ với hai anh em, như muốn cảnh cáo chúng đừng hòng có quyền gì đòi hỏi ở cái cơ ngơi xập xệ này.

Hắn vừa từ ngoài sáng bước vào nên chưa nhìn thấy gì. Hai anh em im thin thít định thu người lại để trốn tránh, thì hắn đã hươ tay sờ soạng tới bên giường, hét tướng:

- Chúng mày đâu, đi ra!

Tay hắn quờ phải Just:

- Em gái mày đâu?

- Tôi đây – Colombe miễn cưỡng lên tiếng, giọng không mấy nhẹ nhàng, vì cô không mong được đối xử tử tế hơn.

- Cả hai theo tao, bà nhà gọi.

Just chống chế rằng Colombe đang ốm, song cuối cùng hai anh em vẫn phải mặc vội quần áo, đi lên xe bò kéo. Xe chuyển bánh tới khúc đường quanh họ mới nhìn lại, thấy vú Emilienne từ vườn rau chạy ra rồi rút xua tay.

*

* *

Chiếc xe bò đã tới trước lâu đài. Belloy dùng lưỡi chặc chặc thật to để thúc con vật đi qua cây cầu rút ọp ẹp. Nhìn trên đầu, thấy cái cổng sắt răng bừa bị kẹt, không hoạt động được do gỉ vàng. Ngôi thành xưa, nay chỉ có hai con chó dữ bị xích chặt thay lính gác.

Họ bước vào vọng lâu. Belloy bảo họ chờ trong gian gác. Đó là phòng tường đá rất lớn, có vòm cao vút. Chiếc lò sưởi đồ sộ, dễ có thể ngón tới vài khúc cây to, nhưng lúc này lạnh ngắt. Sàn vương đầy rơm rạ và gỗ vụn. Tất cả đồ đạc chỉ gồm một cái hòm lớn bằng gỗ sồi đặt sát tường và một chiếc ghế bành cũ kỹ. Hai anh em đứng yên lặng, chờ xem sẽ bị trừng phạt gì về tội dễ xổng con ngựa.

Nghe có tiếng nhạc nhong nhong cỗ xe song mã của bà bác đi qua cầu. Thường nhật bà ăn bận diêm dúa, thế mà hôm nay chỉ có bộ váy áo màu đen giản dị, khiến hai anh em ngạc nhiên. Họ biết đâu sáng hôm đó bà cố tình chọn trang phục đó để đi gặp Gonzague ở tu viện.

Một lát im lặng để bà nhìn thật kĩ hay đùa trẻ, như để nhằm tính lại xem chúng có thích hợp với ý đồ của mình hay không. Hai đứa đều đầu bù tóc rối, quần áo tồi tàn dính nhiều vết bùn khô, song bà thấy hài lòng. Belloy dịch ghế cho bà khoan thai ngồi xuống trong lúc Just và Colombe vẫn đứng nguyên, chờ xem bà sẽ phán quyết gì về vụ con ngựa.

- Các cháu yêu quý! – Bà cao giọng không hợp chút nào với mấy từ thân thiết ấy.

Colombe nắm chặt cánh tay Just, đứng sát vào anh.

- Bác biết các cháu rất gắn bó với cơ nghiệp của dòng họ Clamorgan này, nhưng cũng rất nóng lòng được gặp lại bố các cháu.

Hai anh em vẫn giữ vẻ mặt bất động, vì sự dè chừng đối với người đàn bà này mạnh đến mức khó có thể rũ sạch được.

- Vậy thì các cháu hãy mừng đi, ước muốn đó sắp thành hiện thực.

Rồi ngừng lại một lát như suy nghĩ, bà ta nói tiếp:

- Ít nhất là với một trong hai cháu.

Hai đứa giật cứng người. Vậy là dưới cành lá hiền lành, con rắn độc đã trườn ra và giương răng móc. Họ muốn chia cắt hai anh em.

- Cháu Just chẳng mấy lúc sẽ thành một trang nam nhi. Bố cháu sẽ luyện cháu thành chiến binh dũng cảm không thua kém. Bác sẽ cho cháu đi gặp ông ấy. Vừa lòng không?

- Thừa bác, không – Just đáp, mắt nhìn thẳng nhưng ngược lên cao để khỏi gặp ánh mắt của người đàn bà mà cậu tin chắc là có ma lực.

- Không? Bác không hiểu, tại sao vậy? Cháu không muốn gặp lại bố cháu ư? Hay là sợ phải đi chinh chiến?

- Thừa bác, không – Just vẫn chỉ nói gọn lỏn, không muốn đáp lại lời khiêu khích.

- Vậy thì vì sao?

- Cháu không muốn xa em cháu.

- Em cháu! Người đàn bà cười nhạt. Những đứa con hoang sinh ra bất chợt trên các nẻo đường, không biết mẹ là ai, mà mẹ chúng chắc cũng không rõ đã ăn nằm với ai, nay lại kiêu hãnh và ngu ngốc nhận nhau làm

anh em một cách rất quả quyết! Thôi, khỏi mất thì giờ giải thích, và tình thế này lại có cái hay.

- Nhưng các cháu không thấy là đi theo bố, cuộc sống sẽ phiêu bạt nhiều nơi, không phù hợp với con gái hay sao?

- Chúng cháu đã từng trải qua rồi – Đang lo lắng vì sự thiếu không khéo của anh, Colombe sốt ruột đợi cơ hội được tham gia câu chuyện. Và lúc này, cô bé mới nói xem được một câu. Bà bác nhìn kỹ cô cháu. Rồi nó sẽ xinh đẹp đây, tính tình lại có vẻ cương quyết, ngữ này hẳn sẽ khó bắt ép được nó vào tu viện sau khi tổng được thăng anh đi. Điều này bà đã e ngại từ trước; đề phòng sẵn, bà không ngoan hứa với Gonzagues là sẽ giới thiệu hai đứa trẻ. Giờ phải biết lợi dụng chúng không muốn xa nhau để thực hiện mục đích. Bà đứng dậy, thông thả bước ra xa rồi quay lại:

- Bác rất phiền vì các cháu cứng đầu, làm ta thêm khó xử, thực ra kế hoạch của bác chỉ nhằm lợi ích của các cháu thôi.

Bà lại ngồi xuống ghế, cố nở một nụ cười trêu mếu:

- Tuy nhiên bác thấy hai cháu rất quấn quýt nhau, không nỡ lòng nào chia cách. Nhưng các cháu cần giúp bác, kéo bác làm phúc hóa ra mang tội.

Hai đứa trẻ càng xích lại gần nhau, pháp phởng chờ một cái bẫy khác.

- Các cháu lại gần đây, bác nói điều này phải giữ kín.

Họ tiến đến hai bước, dừng lại khi còn một khoảng cách. Bà cũng không muốn bảo chúng lại gần hơn, để tránh cái mùi tanh tanh của lũ quê mua.

- Nghe đây, bố các cháu là một vị tướng. Trong các cuộc chiến ở Ý, nơi mà nhiều mối quan hệ được thắt chặt, bố cháu đã phục vụ nhiều ông hoàng khác nhau, ai cũng muốn có dưới trướng một chiến binh dũng cảm như ông.

Nghe nói vậy về bố, Just tươi tỉnh hẳn lên. Song Colombe vẫn cảnh giác, chưa hiểu bà bác sẽ dẫn đến đâu.

- Lần này, ông ấy phục vụ một cường quốc ở xa hơn.

- Bố cháu không còn ở Ý? – Just kêu.

- Bây giờ đâu còn nước Ý. Có thể nói, chỉ là một bàn cờ chi chít những công quốc nhỏ. Miền đất mới mà bố cháu hiến thân phục vụ là một trong số những công quốc đó nhưng ở xa hơn nhiều..

- Có phải ở Thổ Nhĩ Kỳ?

Chả là hơn hai mươi năm trước, vua Francois đệ nhất đã bất ngờ ký liên minh với Thổ, mặc dù nước này là thù địch với các nước theo Cơ đốc giáo từ thời Thập tự chinh. Sự kiện này đã làm chấn động nước Pháp. Ngay cả ở những nơi khi ho cò gáy, dân chúng cũng sôi nổi bàn tán về bọn Thổ. Mặc dù những tin tức trên thế giới rất ít khi đến tai Just, cậu cũng đã được nghe về quan hệ Pháp-Thổ.

- Không phải nước Thổ. Nhưng bác có tên ra thì cháu cũng chẳng hiểu gù, vì chính bác cũng không biết nó ở đâu. Chỉ biết là phải đi thuyền lâu ngày mới tới.

- Đi thuyền! Just reo lên –Ồ, thế bao giờ thì đi ạ?

Khác với em gái, cậu có vẻ đã hoàn toàn siêu lòng.

- Khoan đã cháu. Còn cần phải thu xếp vài việc. Đoàn mà cháu sắp tham gia không được phép mang theo đàn bà con gái. Vì vậy em cháu không thể đi theo.

Bà làm bộ do dự, rồi quay sang Colombe:

- Tuy vậy cháu còn nhỏ, thân hình chưa phổng phao, nếu khéo léo thì chưa chắc ai biết cháu là con gái. Bác có thể nói với họ, các cháu là hai đứa trẻ nhưng như thế thì bác liệu lĩnh quá và các cháu đừng làm gì để bác phải ân hận đã giúp các cháu đấy nhé. Cái từ mập mờ “đứa trẻ” ấy sẽ không rõ ràng về giới tính khác nhau giữa hai cháu...

- Ôi, cảm ơn bác, cảm ơn! – Just lại reo, hoàn toàn tin rằng người bác gái tốt bụng hơn cậu tưởng và cậu thật sự vui mừng vì không phải nghi ngờ quá lâu về tính độc ác của người đời nữa.

Bà bác tiếp, đặc biệt hướng về Colombe mà bà cảm thấy chưa thực đồng tình:

- Tuy nhiên, bác chỉ dám liều nếu các cháu cam kết giữ kín đến cùng và hết sức làm cho mọi người tin là thật. Ngay bây giờ, hai cháu phải cắt tóc giống nhau, theo kiểu thị đồng, ăn mặc giống nhau, ta sẽ giúp các cháu làm việc ấy. Nói tóm lại, tuy hai cháu chẳng giống nhau mấy – nói đến đây, bà ta cười không mấy thiện ý – nhưng ít nhất cũng giống nhau về cách ăn mặc, đầu tóc và cử chỉ thái độ.

Rồi lại nói riêng với Colombe:

- Cháu phải lấy một tên con trai và bác thấy tên Colin là tiện nhất để khóa lấp những sai sót mà một chút lơ lửng cảnh giác có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Cháu đồng ý chứ?

Dù câu hỏi không đặt ra cho mình, Just nhanh nhẩu đáp:

- Được ạ!

Conlombe im lặng ngẫm nghĩ một lúc rồi mới gật đầu.

- Tốt lắm. Nhưng phải nhớ rằng một khi đã lao vào rồi thì không thể lùi được nữa, phải theo đến cùng. Vì vậy, các cháu phải giữ kín giới tính Colombe thật cẩn thận trong suốt thời gian quy luật tự nhiên chưa để lộ thân phận thật của cháu. Bác tin là cháu sẽ làm được.

- Bố cháu có khỏe không? Ông có nhờ bác chuyển thư cho chúng cháu không? – Just sốt ruột ngắt lời. Cậu chỉ muốn biết ngay những chi tiết thực tế và chỉ nghĩ đến cha mình.

- Không. Chỉ có lời nhắn của ông ấy qua một người khác thôi. Nhưng các cháu nghe ta nói tiếp đã: ai hỏi gì phải trả lời hết sức thận trọng, nhất là

về tuổi tác. Với mọi người, thì Just mười ba, còn Colin mười một, rõ chưa?

Họ gật đầu, mặc dù bị chùng hứng vì mỗi đứa kém đứt hai tuổi, do đó sẽ bị coi thường hơn vì quá “trẻ con”.

- Bây giờ các cháu nghe bác dặn một lời cuối.

Họ vội đồng tai, chờ xem bà bác còn cho ra mưu mẹo gì lần chót.

- Những kẻ các cháu gặp trong cuộc hành trình thuộc đủ các hạng người. Trong đó có những đứa có thù hằn với bố các cháu, hễ tìm thấy là chúng không tha. Vậy tuyệt đối không để lộ tên họ của mình, hay họ của bố thì cũng vậy.

Lời dặn này chứng tỏ bà ta chưa bao giờ thực sự chấp nhận việc chú em chồng khoác tên dòng họ Clamorgan lên đầu những đứa con hoang.

Colombe hỏi ngay:

- Vậy làm thế nào chúng cháu tìm được bố, nếu không xưng tên họ?

- Bố sẽ tự tìm đến các cháu, nhờ những tín hiệu mà bác đã thông báo trở lại qua người mang tin.

Bà bắt hai đứa nhắc lại những điều đã dặn. Thấy chúng đều đã nhập tâm, bấy giờ mới nói lời chia tay.

- Bác cầu nguyện Chúa che chở các cháu.

Đã từng thấy ở Ý quân đội Pháp vung những câu thập tự đánh nhau với binh lính của Giáo hoàng trong khi cả hai bên đều nói cũng thời một đức Chúa, nên Just và Colombe thấy tốt hơn cả là không nên bàn cãi về vấn đề tôn giáo. Còn về những ước mơ cho tương lai, họ biết, chỉ có thể trông cậy vào nhau. Từ này, họ vẫn nắm tay nhau và lúc này, họ cũng xiết chặt hơn nữa.

Bà bác đi khỏi, họ trở về nhà thu xếp quần áo, vừa làm việc vừa vui vẻ nhẩy nhót vì sắp được gặp lại bố, lại được trở về cuộc sống mà họ ưa thích. Just nói:

- Thích không, bà ấy chẳng nhắc gì đến chuyện con ngựa!

CHƯƠNG 5

Colombe và Just nhớ mang máng đã có lúc đi thuyền lênh đênh biển cả. Có lẽ là đi cũng với binh đoàn Marseille đến Gênes.

Nhưng chuyến đi đã gần như bị lãng quên ấy là trên một chiến thuyền có tù khổ sai chèo, và Địa Trung Hải lần đó cũng sóng yên biển lặng. Con thuyền dài, sàn thấp, không cao hơn mặt biển là mấy. Nó có những cánh buồm phụ không lớn lắm nên chẳng làm ai kinh ngạc được. Máy lại ở dưới tầng thấp tối tăm, sát mặt nước, từ đó thoát ra những tiếng thở nặng nhọc, khàn khàn và tiếng roi đen đét. Hai đứa trẻ thời đó hầy còn quá nhỏ để có thể mừng tượng ở dưới đó giấu kín những việc ghê sợ và đáng nguyên rủa chùng nào. Bởi vậy chuyến đi ấy để lại ấn tượng tốt, không chuẩn bị tư tưởng cho chúng đón nhận cú sốc sắp tới.

Chiếc xe ngựa do Belloy cầm cương phi nhanh ngay từ lúc xuất phát ở Clamorgan. Hai anh em ngồi nép vào nhau ở phía sau, áo quần của họ do bà bác sai người may vội nên còn mới tinh. Just ôm tay nải trên đầu gối, quàng tay giữ chặt lấy Colombe. Lần nào đi đâu cũng thế, hai anh em đều kết thành một khối, chụm đầu vào nhau, truyền hơi ấm cho nhau. Song lần này chúng không được xoa tóc vào nhau nữa vì cả hai đều bị cắt ngắn. Nhưng cả hai vẫn vẫn vương cảm giác như mớ tóc dày của người kia đang cọ sát vào tai mình, mỗi khi chiếc xe gặp ổ gà nảy lên.

Ngồi ở vị trí ấy, họ có thể thấy phong cảnh vùn vụt lùi về phía sau. Mọi vật nhỏ dần rồi mất hút; họ không biết chắc, có phải mình đã từng sống ở trên đời không. Và cuối cùng, tháp vọng lâu của lâu đài Clamorgan biến dần cho đến khi không còn nhìn thấy nó đâu nữa.

Colombe chợt nhớ đến dáng bà bác đứng trên cầu rút để tiễn biệt hai anh em và nói:

- Em dám chắc, bà ấy không nói thật hết với mình, anh ạ, nhưng em chưa biết là về việc gì.

Lúc xe đến khúc quanh rừng sồi, họ bỗng thấy bà Emilienne xuất hiện. Bà ra sức chạy theo xe, cố quảng cho chúng một giỏ thức ăn, nhưng chúng không bắt kịp, bao nhiêu bánh và táo rơi tung tóe xuống đường. Tối hôm trước, họ đã ngồi khóc hết nước mắt cùng bà già tội nghiệp. Bà không nguôi nỗi buồn mất hái đứa trẻ, lại tiếc cho cơ nghiệp nhà Clamorgan từ này sẽ không còn người thừa kế, chắc sẽ tan hoang. Lúc này do đi vội, chúng đã quên nỗi buồn tối hôm trước, nay thật xao xuyến thấy bà đột ngột xuất hiện ở cửa rừng. Chúng đã làm biết bao người khóc, những người mà trước kia đã được giao nuôi chúng! Số phận như buộc chúng phải làm khổ những người giàu tình cảm đã chót yêu thương chúng.

Sau đó, họ đi dọc bờ biển và xuyên qua những trảng cỏ xanh nhợt do nước mặn. Havara-de-Graace là một thành phố cảng mới lập, chưa kịp có ngoại ô. Xe đang chạy giữa đồng quê, thoát cái đã lặn bánh giữa hai hàng cần trục con dê của thợ mộc và giàn giáo của các công trình xây dựng. Họ chưa kịp nhận ra mình đã vào đến thành phố thì xe đã đỗ xích trước bến cảng rộng bát ngát. Chỉ cần quay ngang là họ đã đối diện với kè đá. Cả hai đều reo lên khi đột ngột nhìn thấy đám tàu thuyền san sát.

Ba con tàu khổng lồ đứng lù lù như những tường thành đen kịt. Đuôi tàu, chạm trở mặt những vị thần sơn son thếp vàng, nhô cao hơn mái nhà. Một rừng cột buồm đóng đai sắt giữ cho những chiếc gậy thẳng bằng của nghệ sĩ xiếc trên dây leo lơ lửng trên không, một số gậy thì thẳng đứng, một số khác thì xiên chéo, tưởng như sắp rơi xuống boong tàu trong một tấm lưới khổng lồ mà toàn bộ cảnh chằng chịt những thanh gỗ chĩa ra tứ phía ấy cũng không thể phá vỡ được.

Các tàu chiến do tù khổ sai chèo, như những cô gái bán hoa trong môi trường nhỏ, có dáng vẻ uốn éo mong manh của những cảnh quan hệ thâm lén và những lần ôm ấp vội vàng của biển cả, dù đôi lúc cũng gây ra chết chóc. Đàng này, ba con tàu kia lại là những người khổng lồ trong môi

trường lớn – đại dương.. tất cả những cơn bão tố dữ dội trong cái khoảng không gian vô hạn mà dù sao cũng phải tìm đến một cái đích hữu hạn nào đó, chúng coi việc nhỏ nhất và bất biến.

Chưa bao giờ hai đứa trẻ lại cảm thấy mình nhỏ bé đến như vậy, và, theo hậu quả gián tiếp, lại to lớn đến như vậy. Bởi, so sánh với những vật khổng lồ ấy, họ chẳng kém gì những kẻ tự phong cho mình cái danh hiệu người lớn, dù trong trường hợp này thì thật tức cười.

- Anh nghe mà xem – Colombe xiết tay anh thì thăm.

Cô bé không dám gọi đùa anh là Chàng Trai Dũng Cảm nữa. Đối diện với những con tàu vĩ đại đến thế kia, cái tên nghe thật kêu ấy, cả toàn bộ những thứ hoa hòe hoa sói của đẳng cấp hiệp sĩ nữa, cũng mất hết uy lực và tính hấp dẫn.

Just lắng tai nghe. Đến lượt cậu cũng nhận ra điều gì đã làm cho lòng người bất an đến thế: bên cạnh bao trùm một bầu không khí ắng lặng như tờ. Người ta chỉ nghe được tiếng dây buộc tàu rất to, to như cổ ngựa, căng căng chùng chùng theo nhịp lắc lư chậm chạp của thuyền bè.

- Nào, xuống thôi, hai nhóc! – Belloy giục.

Thực ra, hấn gọi rất nhỏ, nhưng, trong cái yên tĩnh chung, câu này lại vang lên như một tiếng hô. Hai anh em nhảy xuống, mắt không rời đám tàu thuyền. Lúc quay lại phía sau, chúng mới phát hiện ra là bến cảng rất đông đúc, mặt dù rất yên ắng. Có khác nhiều người ở trước mặt chúng, đứng giữa các sọt đan bằng cành liễu, giữa các máy trục bất động, giữa các bao bằng đay. Trên cửa sổ và bao lơn các tàu buôn cũng đầy người. Có kẻ thì leo leo trên các cọc cáp, có kẻ thì bám vào cột tín hiệu, có kẻ thì đứng chênh vênh trên những chiếc xe ngựa đã tháo bỏ cương nhưng càng lại lung lay rất đáng sợ dưới sức nặng của người và hàng hóa. Và tất cả đều hướng mắt về một phía.

- Theo ta – Belloy ra lệnh.

Hán lách người qua đám đông trước, may mắn thay, không dày đặc lắm. Hai anh em len lỏi theo sau không đến nỗi quá vất vả. Chỉ thỉnh thoảng mới có người, mắt vẫn chăm chú về phía xa, lâu bầu một vài câu khi bị giẫm vào chân. Càng đi ngược dòng người đứng sát vào nhau, giữa dãy nhà chứa hàng hóa và dãy lườn tàu, Belloy càng chậm bước. Không phải hấn bị ai ngăn cản mà là hấn mãi nhìn mặt từng người mà mình vượt qua. Hấn có vẻ muốn tìm một người nào đó.

Đột nhiên, như có dấu hiệu bí ẩn nào lặng lẽ lan truyền trong đám đông, tất cả mọi người đều quỳ gối xuống đất. Đó là một chuyển động chậm, như một đợt sóng lưng, đáp lại sự dâng lên hạ xuống đều đặn của mặt nước trong cảng, cũng mạnh mẽ không kém, khiến tàu thuyền dập dềnh. Nhờ làn sóng người rộng khắp rạp xuống, hai anh em tự nhiên đâm ra cao hơn tất cả, bởi vì họ vẫn đứng yên, và thế rồi họ phát hiện ra cái mà ai cũng chăm chú nhìn. Phía xa bên kia quảng trường, sát mặt tiền cao vút của nhà thờ, có một cái bục che tán đỏ rực. Một linh mục mang áo choàng lông lách đang chuẩn bị làm lễ.

- Nhìn kia, anh, họ chuẩn bị xuất quân tham chiến.

Just cũng có ý nghĩ giống em gái. Những buổi lễ ít ỏi mà họ đã dự là để cầu chúc cho quân đội sắp sang Ý chiến đấu. Tất cả đều tham gia với bầu nhiệt huyết chân thành: những bác lính già thì đầm đìa nước mắt, những anh lính trẻ măng, râu ria mới nhú chưa kịp xanh, thì chuẩn bị hiến dâng một cuộc đời sống chưa được bao lâu nhưng trống rỗng. Lúc này, Just và Colombe đã thấy được những khuôn mặt thể hiện rõ dấu hiệu kỳ lạ của cái chết và hy vọng, giữa khối đàn ông tập hợp trong im lặng này. Bởi vì, ngoại trừ trên các cửa sổ và ban-công, còn dưới bến cảng chỉ toàn thấy đàn ông. Bỗng dưng cảm động bởi lòng thành kính lặng thầm ấy, hai đứa trẻ bất giác quỳ xuống, chấp tay cầu nguyện mà không hiểu rõ tại sao mình lại làm như thế.

Nhưng Belloy đã tóm cổ chúng lôi dậy:

- Ô hay, làm gì thế? Đứng lên!

Có những tiếng “suyt, suyt”, và tiếng lầu nhàu. Song Belloy, theo sau là hai đứa trẻ, tiếp tục len lỏi qua đám người quỳ gối để tiến thẳng về phía lễ đài. Họ cố đến càng gần càng tốt một nhóm toàn hiệp sĩ đeo cây thập tự trắng của xứ Malte đang đứng trong một bệ bục. Trong khi chờ buổi lễ kết thúc, cả Belloy lẫn Just và Colombe đều chăm chú quan sát quanh mình. Không ai bảo ai, hai anh em cùng cảm thấy quang cảnh này phảng phất bóng dáng cha họ. Họ không thể dằn lòng không nhìn quanh để tìm kiếm khuôn mặt ông.

Lễ đã xong, nhưng đám đông vẫn yên lặng. Viên giáo sĩ còn đang cầm cây thập tự đỏ chót, ban phép lành cho người từ này vẫn đứng trên bục. Minh ông ta được nhận vinh dự này: ông quỳ xuống để tỏ lòng thành kính. Rồi linh mục vung tay lên trời, như động tác thả chim, để ban phước lành cho quần chúng.

Người trên bục đứng lên; vị linh mục đã làm xong chức trách, lui về, nhường chỗ cho ông ta. Just và Colombe đứng gần nhưng bị đội ngũ dày đặc những hiệp sĩ xứ Malte che khuất nên không nhìn rõ nhân vật quan trọng nọ. Hai anh em có cảm tưởng như ông ta là một người khổng lồ, cùng đứng trên bục mà vị linh mục hoàn toàn bị những người đứng dưới che khuất, trong khi ông ta vẫn cao vượt hẳn lên. Ông ta cất giọng trầm hùng mạnh, kêu gọi:

- Hỡi anh em, vì vinh quang của Đức Chúa chúng ta, hãy hăng hái lên đường! Nước Pháp ở châu Mỹ muôn năm!

Ngàn tiếng hô vang đáp lại. Khó tưởng tượng tại sao đang yên tĩnh lại chuyển thành ồn ào như vậy. Tiếng ồn kéo dài ra mãi, ai cũng muốn góp phần cầu khẩn cho đoàn quân sắp ra trận. Người cao lớn nhảy từ trên bục xuống đi hòa vào đám đông, nhưng có các hiệp sĩ Malte làm hàng rào bảo vệ. Ông ta đi đến đâu, ở đó vang lên tiếng hô: “Villegagnon muôn năm! Đô đốc muôn năm! Thắng tiến tới Brésil!” Belloy lảng nhảng đi theo họ, bám lấy một hiệp sĩ để hỏi thăm, cuối cùng hắn cũng hỏi được điều mà mình cần. Hắn vọt vả len đến gần một đức ông mập tròn, có chòm râu nhọn.

- Ngài Gonzagues de La Druz!

Vị này còn mãi đi theo những sải bước dài của Villegagnon nên không nghe thấy. Belloy phải chạy tới, kéo tay ông ta. Gonzagues toan cự lại thì Belloy nói ngay:

- Thưa ngài, đây là hai đứa trẻ...

Gonzagues có vẻ như sắp thách hấn đấu kiếm.

Rõ ràng là ông đang mãi nghĩ đến chuyện khác. Một thoáng sau, ông mới chợt nhớ ra và lập tức trở nên ân cần:

- À! Hai đứa cháu của bà...

Ông bỏ lửng câu nói, tưởng Belloy sẽ cho ông biết bên của bà góa phụ mà ông quên không hỏi.

- ... của bà... bà gì ấy nhỉ? – ông lặp lại.

Nhưng Belloy không hiểu, chỉ đáp:

- Thằng lớn này là Just. Đứa kia là Colin. Chúng có mang theo đủ quần áo. Nhiệm vụ tôi đến đây là hết, xin chào ngài!

Và, với sự nhanh nhẹn mà ai ở Clamorgan cũng gồm, với cái tài ẩn hiện như ma, lúc mà người ta bị bất ngờ nhất, Belloy đã lẩn mất tăm vào đám đông.

- Đợi tí đã! – Gonzagues gọi với theo. Ông nhận thấy ngay mình đang gặp phiền phức với hai đứa trẻ vắt mũi chưa sạch này. Hơn nữa, do việc này, Villegagnon và đoàn tùy tùng lúc này đã đi khá xa, ông vội kéo luôn hai đứa trẻ cùng đi nhưng vẫn không bắt kịp chủ soái, đành bực mình đứng lại. Trên bến lúc nãy yên lặng bao nhiêu thì giờ này ồn ào, hỗn độn bấy nhiêu. Người chạy lăng xăng như mắc cửi, gọi nhau ới ới, mang vác những vật nặng, chở trên xe ba gác đủ loại hòm xiể. Ngài Gonzagues do dự không biết xử trí ra sao, rồi chợt nhớ mình vẫn chưa nhìn kĩ hai đứa thông dịch tương lai, ông đẩy chúng vào một ngôi nhà cửa mở toang, đưa lên cầu thang vào một hành lang vắng vẻ được trang hoàng những bức chạm bằng

sành của Ý với thời Phục hưng, trên đó toàn là chân dung nghiêng của những người từ thời xa lắc xa lơ nào đó.

- Để ta xem chúng mày thế nào nào – ông lần lượt nhìn chòng chọc vào tận mặt hai đứa trẻ.

Just lo ông sẽ sờ nắn và phát hiện sự cải trang của em gái. Nhưng Gonzagues không phải người thô bạo đến vậy, và lại ông không thể ngờ một trong hai đứa là gái. Ông chỉ muốn xem tuổi tác chúng thế nào, có hợp với mục đích sử dụng hay không. Ánh sáng dịu dịu ngoài cửa lọt vào cửa sổ hành lang cũng đủ để ông thấy rõ nét mặt chúng. Nhìn khuôn mặt nhẵn nhụi Colombe, ông hài lòng. Trái lại, nhìn Just ông sững sờ:

- Cái gì thế này? – vừa nói ông vừa nắm lên đôi vai vạm vỡ của cậu bé, xoay từ sau ra trước. Cằm của mày đã lún phún râu kìa. Bao nhiêu tuổi?

- Mười ba.

- Mười ba! Bậy! Hoặc là mày già trước tuổi, hoặc là mày nói dối. Tao đã đưa ổi thẳng chưa được vạm vỡ bằng mày ra trận rồi, thế mà chúng toàn trên mười tám cả rồi.

Just coi đó như một lời khen. Cậu hăm hở định nói lên ý nguyện cầm súng chiến đấu ngay tức khắc. May mà cậu chưa kịp mở miệng, vì Gonzagues vừa khen cậu vạm vỡ đã chuyển ngay sang trạng thái giận dữ:

- Biết ngay mà! Sao ta lại ngốc đến mức tin vào mụ nũ tu đó! – Rồi gườm nhìn Just, ông nói tiếp: Bây giờ ta biết làm sao? Tên đánh xe chuồn mất rồi, liệu chúng mày có biết đường trở về hay không?

Colombe, nghĩ đến nguy cơ hai anh em có thể bị tách khỏi nhau, liền xen vào. Giờ cô đã là con trai, vậy có thể nhìn thẳng vào mắt người đối diện mà không sợ bị coi là trơ tráo, sỗ sàng. Cô nghiêm nghị nhìn Gonzagues, nhẹ nhàng thưa:

- Thưa ngài sĩ quan, anh tôi đúng là hơn tôi hai tuổi. Tôi mười một, vậy anh ấy mười ba. Anh ấy mới lớn phổng như thế được sáu tháng. Cha chúng

tôi có vóc người cao và vạm vỡ, nên cha nào con ấy.

Gonzagues nhún vai không nói gì, nhưng đã có vẻ dụi. Ông quay mặt nhìn ra phía bên cảng. Từ trên gác cao này, nhìn rõ các boong tàu dần dần đầy ắp người. Hàng trăm phu và thủy thủ mang vác đồ đạc riêng, hộc thành từng hàng như kiến leo lên các ván gỗ dẫn lên cửa tàu. Lan can mạn tàu đã đầy người. Mọi người sắp lên tàu hết rồi, phải quyết định thật nhanh thôi.

Gonzagues quay lại, tránh nhìn mắt Colombe và hất hàm bảo Just:

- Thế là mụ xơ ấy đã lừa ta... Xơ Catherine! Trời chu đất diệt, rồi mụ sẽ biết tay ta. Thế còn bà góa kia, bà bác của hai đứa chúng mày ấy, tên gì nhỉ?

Có được nói ra không nhỉ? Bà bác không dặn gì việc này. Colombe ngập ngừng đáp:

- Marguerite.

- Marguerite gì nữa? Không ai nói được họ của bà là gì ư? Nhưng rồi Gonzagues nén cơn bực xuống: cái tên Marguerite êm ái làm ông dịu lòng, không muốn cật vấn thêm. Dù lúc ở tu viện ông có hơi ngượng nghịu khi đối diện bà ta, ông vẫn giữ ấn tượng không tồi về khuôn mặt dịu hiền và mùi hương kín đáo của bà. Ông sẽ dành cho Marguerite một chỗ trong tâm khảm, lúc nào cảm thấy hồn thơ lái láng, ông sẽ trở lại.

- Lẽ ra ta phải nhìn tận mắt các cháu trước khi nhận lời. Nhưng thôi, bây giờ thì đã muộn. Dù sao, các cháu đi là thực sự tự nguyện chứ?

- Vâng ạ – cả hai đồng thanh.

Gonzagues đẩy hai đứa đi trước:

- Thế thì đi, kéo nhờ tàu.

CHƯƠNG 6

Trong lúc mọi người ồn ào xô đẩy chuẩn bị lên tàu, có một thủy thủ lẳng xăng đi lại trên bến, trông chẳng khác gì những người xung quanh. Hắn đi chân đất, ăn bận tồi tàn và bẩn thỉu như người có thói quen ngủ dưới đất và chỉ rửa ráy vào những ngày mưa bão. Nhưng hắn có một điểm khác: hai người Xcôtlen to cao, khoác khăn ta-tăng dài, trang bị xà mâu, trông cứ như vừa từ xứ sương mù tới, luôn bám sát hắn. Người thủy thủ có thể rẽ phải, rẽ trái, hai người đó không rời hắn nửa bước. Hắn bắt họ phải đi vòng bèo một hồi, chạy bộ ngược lên một con phố nhỏ ngồn ngang những cuộn dây chèo mới tinh, đi qua một người bán bánh quế mà không thèm để ý đến lời chào của anh ta. Cuối cùng, hắn dẫn họ đến một ngôi nhà vuông vắn, rộng lớn bốn bề đều là mặt phố, được sử dụng làm quán trọ. Nhưng khi hắn định bước vào, một người Xcôtlen giữ hắn lại, cau mặt ra hiệu không được.

- Vào thăm ông chú mà! Đến từ biệt. Ông chú già, già rồi – Người thủy thủ giải thích bằng ngôn ngữ mà cả hai người Xcôtlen đều mù tịt, tức là phương ngữ thành Venise.

Vận dụng đủ mọi cử chỉ, điệu bộ, chấp hai ngón tay giật giật như để kéo dây chuông, hắn toát ra vẻ thật thà, hiền lành dù vẻ ngoài góm ghềnh, mặt lõm chòm râu chưa cạo. Hắn nhắc đi nhắc lại chỉ muốn vào chào từ biệt ông chú trước khi lên đường và làm điệu bộ ôm, hôn. Kiểu ôm hôn kín cận một người già cả. Điệu bộ ấy khiến hai anh lính áp tải lại hiểu thành điều khác hẳn. Họ hơi đỏ mặt nhìn lên quán trọ, và nghĩ rằng cảm đoán một kẻ sắp đi xa lâu ngày muốn vào kiểm chút thú vui xác thịt, là không thuộc trách nhiệm của họ. Một anh đi vòng quanh quán, xác nhận quán chỉ có một cửa ra vào duy nhất. Họ liền cho anh thủy thủ vào, họ đứng bên ngoài canh gác, xà mâu gác chéo.

Trong cái thành phố mới hình thành như Havre-de-Graace này, thành phố được Francois Đệ nhất cho xây để có cửa ngõ ra Đại Tây Dương, lại gần Paris và xứ Flandres, nhà cửa vẫn còn mới, lớp thạch cao mới trát hãy còn trắng và các thanh xà ngang, xà gồ vẫn có mùi gỗ tươi. Những điểm đó không thích hợp chút nào để tạo không khí ẩm cúng cho một quán trọ của

thủy thủ. Lúc này, trong gian phòng quét vôi trắng toát, ngọn lửa sáng rực nhảy nhót trong lò sưởi, bốn thủy thủ, nét mặt sầu thảm, đang ngồi chờ đêm xuống và uống bia trong những cái ca bằng sành xanh lơ, màu này gọi cho họ nổi nhớ biển da diết.

Tên thủy thủ người Venise đi lên gác, vào một phòng thông thẳng với cầu thang. Phòng lát gạch đỏ, đánh xi bóng lộn. Đồ đạc chỉ gồm một cái giường rủ màn che và một tủ lớn bằng gỗ sồi. Cửa sổ mở ra bên cảng chói chang ánh mặt trời. Trong mỗi hốc tường đầy hai bên cửa sổ có một chỗ trống để đặt ghế đá mà trong lúc vội dọn vào ở, người ta chưa kịp bọc đệm.

Cadorim, lão lái buôn người Ý, ngồi đó và ra hiệu cho đồng hương ngồi trước mặt. Trước khi làm theo, tên thủy thủ cẩn thận thò đầu qua cửa để chắc chắn rằng hai tên lính vẫn ở bên dưới. Nhìn thấy các búp len trên trang phục của họ, hắn mới yên tâm. Hắn âu sầu nói:

- Ông làm cho tôi bị rắc rối quá.
- Mà nói gì? – Cadorim ra vẻ ngạc nhiên. Nhờ tao mà mày đã được ra tù.
- Để rồi lại bị hai tên chết tiệt áp tải suốt.
- Song chúng vẫn để mày được đi đâu tùy ý cơ mà?
- Nhưng không rời nửa bước.

Cadorim hạ thấp giọng:

- Mày có nhận thấy, chúng có thái độ gì khác lạ với mày không, ý tao là chúng có nghi ngờ gì không?

- Về mặt ấy thì không. Có lẽ chúng làm thế với tất cả những ai được giảm án tù để sung vào đoàn viễn chinh. Chúng sợ bọn chúng tôi lẫn mất.

Hắn thở dài đánh thượt một cái.

Cadorim cười tinh quái:

- Thế chú mày không định chuồn đấy chứ?

- Tên thủy thủ nhún vai nhìn lão. Lão giơ ngón tay trở dứ dứ như để đe nẹt một đứa trẻ.

- Ông yên tâm, dù sao chúng tôi cũng sắp đi rồi.

Cả hai nhìn ra ngoài bến. Ba chiếc tàu lớn đi Brésil vẫn còn đó, với các cột chính nặng trĩu nào trục căng buồm, nào dây chèo, vượt cao hơn hẳn các tàu buôn và thuyền đánh cá thấp bé. Cadorim thốt lên:

- Kể ra, trông cũng hùng vĩ đấy chứ!

Tên thủy thủ cầu nhàu:

- Phải, hùng vĩ với ai chỉ ngồi nhà.

Nói rồi, hắn nhổ toẹt nước bọt xuống đất. Cadorim nhăn mặt:

- Cửa sổ kia, sao không nhổ.

Và dưới cửa sổ, có hai thằng Xcôtlen khôn kiếp – Tên thủy thủ cần nhả đóp lại ngay.

- Thôi thôi, Vittorio ơi, ngày mai thì mày sẽ có cả đại dương đang hứng nước bọt của mày.

Giọng nói nghiêm khắc của Cadorim đã áp đảo được tên thủy thủ. Hắn lập tức đổi thái độ, một việc mà hắn làm rất dễ dàng. Chính cái tài ấy là điều kiện thuận lợi để hắn trở thành một tên lừa đảo, nhưng chỉ trên đất liền thôi. Ai ngờ số phận lại đẩy hắn ra ngoài trùng khơi mà hắn rất sợ. Hắn rên rỉ:

- Ôi, thưa ngài, ngài đã thương thì thương cho chót. Ngài cứu con đi. Ngài biết đấy, với con thì ở tù còn hơn phải ra đi lênh đênh. Chỉ vì nghe lời ngài hứa mà con...

- Ta chưa quên lời hứa – Cadorim ngắt lời, rút dưới áo ra một bọc tiền. Đây, năm trăm đồng tiền vàng, như đã hứa.

Vittorio vẫn giữ bộ mặt khở sở, làm ra vẻ không quan tâm đến tiền:

- Đành vậy, nhưng đến với lũ mọi rợ ấy thì tiền mà làm gì? Ngài có nghĩ là ở bên ấy, con sẽ được sử dụng thứ kim loại mà thực ra cũng từ nơi đó mà ra không?

- Nếu vậy thì... – Cadorim nói, rồi cất nhem gói tiền.

Vittorio vội đưa tay giữ lại, nhưng không kịp. Cadorim cười:

- Ta kéo mày ra khỏi cái lũ đầu trộm đuôi cướp ấy là làm ơn cho mày đấy. Về tài cướp giật, mày chẳng đáng một xu.

- Ngài cho con xin lại đi! Tên thủy thủ cuống quýt nói.

Đồng thời, hấn quỳ sụp xuống đất, nhưng vẫn không quên khéo léo tránh đặt đầu gối ở chỗ mà lúc trước hấn đã nhổ nước bọt.

- Thôi nào – Cadorim cười gằn – Mày đóng kịch giỏi, chính vì thế ta mới cần mày. Đứng lên.

Lão chìa bọc tiền ra, và lần này Vittorio chụp ngay lấy.

- Giờ mày thử nói những người cùng đi với mày là ai,. Thuộc loại người nào.

- Toàn một lũ điên. Vittorio vừa nói vừa nhét vội bọc tiền vào cái bị nhàu nát hấn đeo trước cổ.

Cadorim gật đầu:

- Ta cũng gặp một số, xem ra chúng không hiểu biết lắm tại sao chúng đi. Song ta là thương nhân, đi sát quá sợ gây nghi ngờ. Mày gần gũi họ hơn, nói ta nghe nào.

- Chưa bao giờ thấy đám người bát nháo như thế! – Vittorio nói

- Nghe nói một lũ đầu trộm đuôi cướp lấy từ từ ra phải không? Cadorim đoán chừng, miệng cười mỉa mai.

Không hề để ý đến câu nói khó chịu vừa rồi của Cadorim, tên thủy thủ đáp ngay:

- Bọn ấy còn không đến nổi nào đấy ạ, dù sao thì mục đích ra đi rất rõ ràng. Trong số những đứa được thả ra ngoài, không chỉ toàn bọn lưu manh bình thường đâu ạ, con nói thật đấy. Cứ một thằng hỏi được thả thì có mười thằng cuồng tưởng mà cái lão nhà thần học thần hiếc người Đức Luther đã làm cho khủng hoảng điên điên bằng cách nhồi nhét vào đầu chúng cái ý nghĩ là sang châu Mỹ để được thấy tận mắt những việc nói trong Kinh Thánh.

Thấy Vittorio lại sắp nhỏ nước bọt, Cadorim giữ tay ngăn lại, và tỏ vẻ rất quan tâm:

- Vậy là mày bảo trong số thủy thủ, có rất nhiều bọn huygonô^[1]? Bọn chúng có tổ chức không? Chúng đi chiến đấu cho một Nhà thờ dị giáo?

- Không hẳn thế. Mỗi đứa đều tự cho là mình có cách thờ Chúa tốt nhất, đúng nhất và thề sống mái với ai không làm như chúng. Những tên điên ấy đều đơn lẻ, không gắn kết với nhau. Thực ra, phần lớn chúng còn mâu thuẫn, cầu xé lẫn nhau.

- Nhận xét khá đấy. Hóa ra mày có khiếu hơn tao tưởng.

Vittorio bỗng làm ra vẻ tự hào:

- Ngài nên nhớ, tôi đã có lúc tập tọng tu ở nhà thờ. Nếu họ không đuổi tôi ra một cách bất công...

- Ta biết, biết. Có bọn cuồng tín mới ra tù. Rồi gì nữa.

- Còn cái đám hiệp sĩ xứ Malte đeo thập tự trắng trước bụng, luôn vênh cáo, chúng tưởng vẫn còn sống ở thời Thập tự chinh. Chúng nhắm Brésil với Jérusalem.

Cadorim cười ngất:

- Thế Villgagnon, chủ soái của chúng, mày gặp chưa?

- Nhìn từ xa thôi. Hình như là tên điên nhất cả bọn.

- Sao mày biết?

- Một lái buôn người Noóc-măng từng buôn bán nhiều với phương Đông vui mồm kể chuyện.

- Lão nói sao?

- Rằng cái ý tưởng đi lấy thuộc địa là từ lão Villegagnon này. Người Noóc-măng đã đi sang Brésil suốt chục năm nay, có bao giờ yêu cầu thế đâu. Họ buôn bán ngay trước mũi bọn Bồ Đào Nha và mong vua nước Pháp bảo vệ họ, song chỉ cần một đồn binh và vài đội tuần tra là cùng. Đàng này, Villegagnon gần như đem cả nước vượt biển sang đó. Ngài có biết không, ông ta nhồi nhét lên tàu một phùng toàn những nghề mà nền văn minh ở đây đã sản sinh ra: những thợ làm bánh, thợ cày, thợ dệt vải thô, thợ đóng gỗ quý, người trồng nho, thợ làm mĩ, thợ đóng sách và thợ lợp mái. Những anh chần lừ dù bên ấy làm gì có lừ, những kẻ hát rong khi ở đó làm gì có phố mà rong. Họ còn chỉ tôi xem một anh thợ thừa khuy. Khốn khổ, sống giữa những kẻ ở trùng trùng, làm gì mà cần khuy nữa mà thừa!

Cadorim thích trí, vỗ tay lên đùi cười sảng sặc. Ngoài quảng trường, đàn hải âu bay lượn và kêu kiu kít như hưởng ứng. Lão kích thêm để mong Vittorio kể tiếp:

- Thế mà ngoài những nghề ấy ra, ông ta lại không nghĩ đến việc tuyển thông dịch viên! Cái thừa thì lo rất xa nhưng cái cần thiết thì phút chót mới nghĩ ra.

- Về vấn đề thông dịch viên thì không có gì đáng ngạc nhiên cả. Đoàn của họ không chỉ là con tàu của Née mà còn là cái lò bát nháo đủ mọi thứ ngôn ngữ nữa. Mấy tay người Pháp trong dòng đạo xứ Malte kéo theo cả một đoàn tù nhân mà mỗi lần đi chinh chiến, họ bắt được đem về Pháp. Tôi còn gặp những kẻ tự xưng là hậu duệ của các hiệp sĩ Thập tự chinh nữa cơ đấy. Còn lại là bọn Thổ phản đạo, bọn tù binh cướp được của mấy nước Bắc Phi như Ma-rốc, An-giê-ri, Tuy-ni-di, Tri-pô-li, và cả cái bọn Xcốt-lên chết tiệt nữa, vì nghe nói, Villegagnon cũng đã từng chinh chiến ở bên ấy.

- Thế thì bọn chúng quan hệ với nhau làm sao?

- Cứ một đứa nói tiếng Pháp, thì có tới năm đứa phải ra hiệu bằng tay.

Cadorim vẫn còn giàn giụa nước mắt vì cười:

- Hay lắm, Vittorio thân mến ạ, cậu sẽ dễ dàng hoạt động trong môi trường đó. Tôi gửi cậu vào đấy là rất đúng.

Nghe vậy, tên thủy thủ sầm mặt, co người lại, ỉu sùi như củi gặp nước.

- Thừa ngài, bọn họ đi là không bao giờ trở về. Đó là việc của họ. Nhưng còn tôi, tôi chấp nhận đổi hình phạt tù lấy việc sang châu Mỹ. Chỉ với điều kiện là ngài phải cho tôi được hồi hương. Dứt khoát như thế.

- Đúng. Nhưng điều đó chỉ tùy thuộc vào cậu.

- Vào tôi? – Vittorio kêu. Có nghĩa là ngài bỏ rơi tôi, bắt tôi phải tự xoay sở.

- Không, cậu bạn ạ, sẽ có những thế lực lớn tiếp sức cho cậu. Tuy nhiên, họ có cứu được cậu hay không là vẫn tùy ở cậu.

- Thế là thế nào? – Vittorio ngơ ngác. Hắn liếc nhanh ra cửa, ra nơi quảng trường rộng lớn, ở đó có tự do. Hắn cảm thấy chơi vui, hết lối thoát, nói:

- À! Biết nay mà. Ngài không có cách gì rút tôi về. Ngài cần một tên gián điệp, chỉ thế thôi, cứ việc đâm đầu vào chỗ chết! Ôi, sao tôi lại dại dột tin rằng nước cộng hòa Venise có thể giúp tôi được gì ở tận bên Mỹ, trong khi tàu thuyền của mình còn bị đánh tan tác ở Hy Lạp.

- Hãy để nước Cộng hòa của chúng ta yên. Nếu ai có thể cứu cậu, thì đó là người Bồ Đào Nha, không ai khác.

- Thế cũng còn được! – Vittorio lập tức nở nụ cười trên khuôn mặt đen nhẻm. Ra ngoài làm việc cho người Bồ Đào Nha. Và số tiền này... Tôi hiểu rồi.

- Cậu muốn hiểu thế nào cũng được – Cadorim thủng thẳng nói.

- Nhưng ngài nói xem, lúc nào thì bọn Bồ Đào Nha đánh chặn chúng tôi? Họ có áp sát tàu mà tiến công không? Ôi, tôi chỉ mong lúc hiệp sĩ Malte bị đánh tan không còn mảnh giáp.

Cadorim không nói gì. Vittorio tiếp tục theo đuổi suy nghĩ của hắn, càng nói càng hăng:

- Hay là họ cứ để chúng tôi tới nơi rồi mới tiêu diệt tại chỗ, bắt hết bọn Pháp làm nô lệ! Nếu vậy, nhờ ngài nói trước với họ cho tôi xin mười đứa, mười đứa thôi, để tôi bắt làm việc khổ sai trong một mỏ vàng, trước khi xanh xang mũ áo trở về.

Vừa lúc đó, có tiếng đập cửa, tiếng nói ầm ầm dưới nhà. Cadorim thò đầu ra ngoài cửa sổ nhòm xuống:

- Chỉ còn một lính Xcótlen, không thấy thằng kia đâu.

- Chắc nó đang lên tìm tôi. Muộn rồi. Tàu sắp nhổ neo. – tên thủy thủ nói rồi ngập:

- Ta dẫn cậu điều cuối cùng, rất quan trọng. Không biết ở đâu và lúc nào, nhưng cậu hãy tin ta, sẽ có người đến liên lạc với cậu, nói là do ta giới thiệu. Người ấy rất đáng tin cậy, có gì cậu cứ thổ lộ với nó. Và cậu sẽ được cứu thoát.

- Và lũ chó chết ấy sẽ bị treo cổ tuốt tuồn tuột! – Vittorio phấn chấn tiếp lời, lúc này đã hoàn toàn yên tâm về lời hứa chắc nịch của người đồng hương.

Rồi, chợt nghĩ ra một việc quan trọng. Hắn vội hỏi, trong khi tiếng chân nặng trĩu của tên Xcốtlen đã vang lên trên cầu thang:

- Nhưng làm thế nào tôi biết...?

Cadorim nở một nụ cười bí hiểm, nói khẽ sát vào tai hắn:

- Kẻ cứu cậu sẽ nói mật khẩu...

- Mật khẩu gì?

- “Ribère”.

Mặt Vittorio tái nhợt: hóa ra người cứu hắn ra khỏi tù vẫn muốn hắn phải mang ký ức tội ác đi tới tận cùng trái đất. Vì “Ribère” là tên của nạn nhân hắn đã giết chết.

Nhưng bây giờ không còn là lúc để phân vân. Tên lính Xcốtlen đã lên đến đầu cầu thang. Vittorio lao ra cửa. Hắn chạy ra, lẹ làng và mềm mại hết như một con mèo và đóng lại thật nhanh, nhanh đến mức tên lính không kịp nhìn thấy gì trong phòng.

CHƯƠNG 7

Trong ba con tàu, thì tàu thứ ba mang tên *Grande Roberge* dành để đón Villegagnon, phó đô đốc xứ bretagne và đoàn tùy tùng, gồm các hiệp sĩ và các nhà thông thái. Ngài Gonzagues cũng được vinh dự ở trong số này và dĩ nhiên là không đời nào chịu để tuột mất quyền lợi.

Ông dẫn Just và Colombe đến chân một con tàu khác, đậu ở hàng đầu, có tên *Rosée*. Đó là tàu buôn, nhưng được trang bị thêm một số đại bác. Nó nhỏ hơn hai tàu kia, chủ yếu để chở súc vật và các đồ đạc, vật liệu. Một tên lính cao lớn người vùng Bantích đứng chặn trước cầu lên tàu, không cho bất kì ai không có tên rõ ràng trong danh sách mà hấn cầm ở tay lọt quá. Do hấn đọc tiếng Pháp vẫn chưa thông lắm, nên một đám đông chen chúc xung quanh hấn, vẻ mặt người nào cũng nhón nhác và căng thẳng. Đoàn thủy thủ, các tội phạm và binh lính đã lên tàu từ trước. Lúc này chỉ còn đám thợ mà tên Ban-tích đang gọi tên, lần lượt theo nhóm nghề, bằng một giọng chói tai, phát âm sai bét.

- Toi gọi tho mo! Hấn hô rõ to.

Đám người nhón nháo nhắc đi nhắc lại cho nhau nghe câu ấy, phân vân một lúc rồi cũng đoán ra.

- À, hấn gọi họ mổ gia súc đấy, anh em ạ.

Hàng trăm người phải cao giọng gọi hộ, còn những kẻ khôn khổ ấy thì đứng rải rác khắp bên cảng, mãi từ biệt vợ con lần cuối.

Gonzagues đang hoàng lách đám đông tiến vào, hất hàm đồng dục, chỉ vào hai đứa trẻ hỏi tên lính:

- Thông dịch... Phải tàu này không?

Mặc dù rất muốn tuân lệnh, nhưng người lính cố căng mắt ra mãi mà vẫn không sao làm cho đầu óc thêm chút sáng sủa nào, chút sáng sủa như một buổi bình minh giá lạnh trên biển Ban-tích. Gonzagues sốt ruột giật lấy bản danh sách trên tay hấn, tự mình tìm lấy:

- Nào, thông dịch... thông dịch...

Just ngھn cổ nhìn qua vai ông, cùng tìm, rồi chỉ tay vào một dòng chữ, dù cậu không hiểu thông dịch là gì. Gonzagues ngạc nhiên:

- Thế ra mày cũng biết chữ! Tốt. Như vậy càng dễ thực hiện nhiệm vụ. Vậy là đúng đây rồi, lên đi. Đến bến đỗ đầu tiên, ta sẽ gặp lại.

Rồi ông lần lượt đẩy hai đũa lên bữa ván dùng làm cầu.

- Lên trình diện với người phụ trách trên kia, ông ấy xếp chỗ cho. Chúc may mắn!

Nói rồi, ông quay ra đi về phía tàu *Grande Roberge* để trở lại với đoàn tùy tùng của Villegagnon.

Colombe gạt tay Just không chịu cho anh dắt. Không loạng choạng chút nào, hai anh em thận trọng bước lên đến cửa tàu. Tới boong, họ đứng lại chờ người đến hướng dẫn tiếp, theo như lời dặn của ngài Gonzagues, nhưng chẳng có ai đến hỏi han gì cả. Tất cả những người mới lên đều dồn về phía thành tàu nhìn xuống bến gọi nhau í ới, vẫy tay rồi rút.

Còn các thủy thủ, ai cũng có việc phải làm, người thì kéo thùng chảo, người thì leo lên dây néo, người thì bận rộn bên máy móc. Một ông béo, râu rậm, mặt đầy nếp nhăn đứng ở boong trên, chụm tay lên miệng làm loa và phát ra các hiệu lệnh.

Just và Colombe chờ một lát rồi cũng làm như những người khác mới lên sau, nghĩa là đi lại loanh quanh trên boong. Không có người thân nào ở phía đất liền để chia tay, họ ra tựa vào mạn tàu phía nhìn ra biển, mạn này vắng tanh. Từ chỗ đứng nổi trên mặt nước này, toàn cảnh thành phố Havre-de-Graace hiện ra, trông như một cái dây lớn của thiên nhiên được vùi dọc bờ biển mà nắp là hệ thống đê đôi mới đắp. Từ mặt nước đen sì và bầu trời xám xịt màu chì, một chất ăn mòn của cõi vô tận nhỏ giọt xuống, và chẳng bao lâu nữa cảnh vật sẽ hòa tan trong bóng tối. Đáng lẽ những điều mới lạ sắp tới phải làm cho hai anh em hoang mang, song ngược lại, họ lại thấy niềm tin mà chúng vẫn đặt vào cha một cách hoàn toàn cảm tính trỗi dậy mạnh mẽ hơn. Thời xa xưa, ông luôn chia sẻ với các con lòng say mê chiêm

ngưỡng vẻ đẹp của thiên nhiên, và lúc này niềm tin ấy mạnh mẽ hơn cả những kỷ niệm về ông mà họ còn nhớ.

Mọi người đã lên tàu, các ván cầu đã rút. Các dây neo nặng nề chuyển động và tàu *Rossée* bắt đầu chòng chành mạnh hơn.

- Em nghe này! – Just giờ một ngón tay, nói.

Cậu vừa cảm thấy có một sức sống trời dậy trong lòng tàu. Thấy ngăn chường run rung, tất cả bò sữa, la thồ, dê cừu thịt, gà trứng, chó săn dưới hầm và trên khoang boong cùng đồng thanh gân cổ lên kêu om sòm.

Cùng lúc, số thủy thủ leo chót vót lên đỉnh cột, cởi dây thả cánh buồm mũi xuống kêu soàn soạt. Gió từ trước vẫn thoải mái luồn qua các dây dợ, nay gặp vật cản, phát ra tiếng động mạnh như chàng khổng lồ bị đánh trúng bụng.

Từ chỗ đứng của mình, Just và Colombe có thể không được chứng kiến quang cảnh nhô neo. Nhưng boong sau thì hai anh em không được bén mảng tới, còn toàn bộ mạn tàu nhìn về bên thì lại bị mấy hàng dầy đặc người chiếm lĩnh mất rồi, và chắc chắn là họ nhất định không nhường chỗ cho bất cứ ai, với bất cứ giá nào. Colombe liền kéo tay Just:

- Ta lại đây này.

Cô bé vừa nhìn thấy phía mũi tàu có hai thủy thủ thiếu niên đứng trên thanh ngang của cột buồm, tay bám chặt vào dây chèo. Just chưa kịp ngăn, cô đã len lỏi đến đó. Với lợi thế người rất nhỏ nhắn và nhanh nhẹn, cô còn vòng ra sau họ để chiếm lấy một chỗ ở thanh ngang hẹp nhô hẳn ra khỏi mạn tàu và leo lên ngồi, hai chân bở hai bên. Khó khăn lắm Just mới thuyết phục được hai thủy thủ trẻ cho leo qua bởi vì cậu to ngang và dễ làm họ ngã lộn xuống nước hơn em gái. Nhưng rồi cậu cũng đạt được mục đích và nhận ngay ra rằng, chỗ mà Colombe ngồi, trong thì có vẻ nguy hiểm nhưng vẫn còn tốt chán. Rất nhiều thùng chèo điều khiển quy tụ về chỗ này và tạo thành một cái nôi để em có thể ngồi trên lòng anh.

Rosée là tàu nhỏ neo đầu tiên, trước mặt hai đứa là toàn cảnh khu vịnh mênh mông, lác đác đây đó những thuyền câu nhỏ xíu. Bây giờ ba cánh buồm nữa được thả xuống nên con tàu no gió thực sự chuyển mình. Như con ngựa thồ miễn cưỡng trở lại với công việc sau thời gian nghỉ, nó căng chân, vươn vai. Tiếng cột kéo, thùng chảo kêu rảng rặc trong lúc tàu từ từ ra khỏi bến.

Sáu trăm giọng đàn ông thi nhau hét lời từ biệt đáp lại, từ dưới bến vọng lên là tiếng than khóc rền rĩ của đàn bà và trẻ con. Cả khối người đáng thương ấy bắt đầu chuyển động, từng gia đình dắt díu nhau chạy suốt dọc bến rồi trên mái con đê biển cho đến tận cuối mũi đất liền để tiếp tục gọi với theo người thân trên tàu.

Bây giờ, tàu *Rosée* đang nhằm thẳng đại dương mà tiến và, như thể đã phát hiện ra cái mùi mà nó đang tìm kiếm, phăng phăng lướt nhanh về phía Đại Tây Dương.

Khi cả ba con tàu đã vượt qua các ngọn hải đăng, chúng tập hợp lại đội hình và bắt đầu đi kèm nhau. Tiếng gọi í ới không còn hướng về đất liền nữa mà truyền từ tàu này sang tàu kia, nghe yếu hẳn do gió rất mạnh. Chiếc tàu đo đạc vượt lên dẫn đầu và hai đứa trẻ được dịp thấy rõ hai tượng thần Neptune trang trí ở đuôi tàu nhấp nhô ngay trước mắt. Từng lúc, gió tạt đến một điệu nhạc kèn túi do đội vệ binh Xcôt- len của Villegagnon thổi mừng cuộc khởi hành.

Yên tĩnh dần trở lại. Người ướt đầm bụi nước và sương mù, Just và Colombe đã tưởng là lễ nghi xuất phát đã chấm dứt. Nhưng rồi, các nòng súng bằng đồng tua tủa hao bên mạn tàu lại nhả ra hai mươi phát đại bác. Lâu nay hai đứa đã quên mất tiếng gầm khùng khiếp mà hùng vĩ của súng đạn. Loạt súng này vang lên như dấu mở đầu của cuộc sống mới của chúng. Colombe lẳng lặng gục đầu vào vai Just, cả hai cũng khóc thút thít vì vui sướng. Do tiếng gió rít át mất, chúng hầu như không nghe thấy tiếng quát giận dữ của tên lính người Ban-tích bảo chúng leo xuống boong tàu.

*

* *

Sau phút nhỏ neo nhón nhạo, thuyền trưởng Imbert ra lệnh, tất cả mọi người phải được đưa đến đúng vị trí của mình và không được đi lại lộn xộn. Việc chuẩn bị khởi hành đã kéo dài hơn nhiều so với dự kiến. Trời đã về chiều. Một đám mây đen kịt cuộn cuộn ở cả một vùng chân trời rộng lớn, trông như một đàn bò rừng đang xông đến tấn công. Thuyền trưởng Imbert hiểu rằng không thể trông chờ điều gì tốt lành ở cơn dông sắp tới ấy được.

Trên các tầng boong, không khí rất nhộn nhịp, mọi người tranh thủ lúc còn chưa ra đến vùng sóng to gió lớn để thu xếp chỗ nằm. Ai cũng muốn tìm nơi mắc võng đỡ bất tiện nhất, tùy theo quan niệm của từng người về tiện nghi, trong cái khoang chật hẹp và tối tăm mà đứng cũng còn khó. Và ai cũng nhận thức được một điều là, những chiến thắng đầu tiên và nho nhỏ ngày hôm nay có tính chất quyết định đối với việc họ sẽ khổ ít hay khổ nhiều trong hàng mấy tháng trời lênh đênh trên biển cả.

Just và Colombe không kịp tham gia vào cuộc tranh giành ấy: tên lính lúc trước đã cho hai anh em lên tàu và dẫn chúng bước xuống ba lần cầu thang tới chỗ dành cho thông dịch viên. Vì người ta cho rằng thông dịch viên là trẻ con, tức là nhỏ người nên đã xếp cho chúng một hộc kín mít dưới hầm, cạnh kho, sát chỗ nhốt gia súc.

- Cầm ra ngoài! – Tên người Ban-tích dữ dằn quát, hấn cứ luôn phải cao giọng như thế vì chẳng ai trên con tàu này hiểu được hấn nói gì.

Just khom người vào trước, sờ soạng, và cảm thấy một bên là dây thừng to, bên kia là vách bằng ván thừng; cậu lĩnh ngay một cái dầm. Cái hang tối này càng vào sâu càng loe ra. Cậu đã chạm tay thấy lớp tôn vỏ tàu, chắc ở đây sẽ rộng hơn một chút. Nhưng chưa kịp tiến thêm nữa, Just đã đụng phải một khối thịt. Từ trong tối, có tiếng quát:

- Thằng nào đấy? Không biết đây đã có người rồi à?

Thì ra trong cái hộc hẹp đã đầy những người. Hai đứa đành bằng lòng với chút khoảng trống gần cửa. Họ tựa vào thừng ngồi bên nhau, tay bó gối. Just rụt rè hỏi những người không quen biết:

- Xin lỗi, các ông có biết phải ở như thế này bao lâu?

Tiếng cười gằn ha hả đáp lại. Giọng nói lúc nãy lại cất lên:

- Các cậu ơi, nghe thằng nhóc nó hỏi kìa.

Rồi hắn nhại lại tiếng nói của Just, vốn pha trộn âm hưởng giọng Noóc-măng với giọng Ý nhẹ nhàng.

Tiếng cười lại rộ lên. Nghe kỹ, Just đoán có tất cả ba người. Ánh sáng yếu ớt của một ngọn đèn từ bên ngoài bắt đầu chọc thủng bóng đêm. Họ im lặng chờ cho sáng rõ thêm để nhìn mặt những người bên trong.

- Em khát – Colombe thì thâm vào tai anh.

Một mùi nồng nặc bốc lên gồm lẫn lộn những mùi cỏ khô, mùi súc vật và mùi nhựa xảm thuyền. Đúng là hai anh em khát khô cổ.

Giọng nói lúc nãy lại cất lên:

- Phải chịu vậy thôi.

Thì ra trong cái hốc nhỏ này, một lời nói dù nhỏ cũng vang âm khiến ai nấy đều nghe thấy.

- Có một cái thùng gì đây này – Colombe lại hỏi.

- Ha! Ha! Thùng! Các cậu nghe chưa, chúng nó tưởng đang ở đâu vậy! Sao không bảo có cả một vòi nước luôn thể?

Dù tiếng nói làm ra vẻ kẻ cả, hách dịch, nhưng giọng thì ồm ồm như người mới lớn. Colombe đoán là người nói cũng chỉ xấp xỉ tuổi họ

- Vậy làm thế nào? – Cô vẫn hỏi một cách tự nhiên.

- Chờ, chứ sao!

- Thế thì lại hay. Có nghĩa là chuyến đi sẽ không lâu – Colombe đơn giản nhận định.

Một loạt tiếng cười giễu cợt nổ ran. Giọng nói nọ nhại lại, khi tiếng cười sáng sủa đã bớt và họ lấy lại được hơi:

- Không lâu! Đúng rồi, và tao khuyên mày đợi lúc tới nơi hãy uống.

Giờ đã nhìn rõ hơn. Qua bóng rọi mờ mờ, thấy có hai người nằm co quắp ở trong cũi, và phía trước họ là một chàng trai cao lớn, đầu gần đụng tới trần. Hình như anh ta cũng đã nhìn rõ hai anh em và thấy hài lòng trước vẻ tiêu tụy của chúng. Hắn nói tiếp với vẻ hạ cố để nhấn mạnh hơn ơn huệ mà hắn đã ban cho chúng khi chịu nhận chúng dưới quyền mình:

- Các cậu phải bằng lòng với chút đồ ăn thức uống mà một ngày hai lần mà người ta sẽ mang đến. Lúc đó thì cố mà ăn cho hết, chẳng nhiều nhận gì đâu.

- Bao giờ họ mang tới?- Just hỏi.

- Phải chờ đến mai. Lúc này họ đã cho ăn bữa tối, thì các cậu chưa tới.

Thật cảm cảnh! Từ lúc ở lâu đài Clamorgan ra đi, họ không có hột nào vào bụng. Giờ nghĩ đến rõ thức ăn của vú Emilienne rơi tung tóe xuống đường mà tiếc. Tuy nhiên, con tàu lắc lư bắt đầu làm họ nôn nao.

- Các anh cũng là thông dịch? – Just ngấm ngấm mãi mới dám hỏi, vì vẫn chưa hiểu nghĩa của từ ấy.

- Thì cũng như cậu thôi! Bao giờ đến xứ sở của lũ mọi là ta mới trở tài.

Just lắc đầu:

- Nếu vậy, chắc chúng tôi sẽ xuống trước các anh. Vì chúng tôi không đến với lũ mọi.

- Thế đi đâu? – Cậu kia trở mặt giả vờ quan tâm, đến lúc ấy hai anh em mới nhìn thấy ánh lấp lánh trong lòng trắng mắt cậu ta.

- Đi gặp bố.

Mọi người sắp cười toáng, thì cậu kia đã giơ tay ra hiệu, rồi lấy giọng phờn phơ, pha trò.

- Yên nào, các bạn! Tình hình nghiêm trọng đây. Cậu ta chìa một ngón tay lên trời ra vẻ nghiêm trang:

- Xét rằng tàu này đi châu Mỹ, lên xứ sở của bọn mọi ăn thịt người; xét rằng tàu đi thẳng một mạch không cần bến nào giữa đường; xét rằng hai cậu này khai là đi gặp bố. Tôi kết luận: bố các cậu là mọi ăn thịt người!

Nói rồi, cậu ta ra hiệu cho phép đàn em thả sức đùa cợt và chính mình cũng cười phá lên, hòa vào bản song ca những tiếng hô hô của hai đứa kia.

Nhưng Just, nhanh nhẹn như những lúc đi săn bắn chim sáo bằng cung tên trong các khu rừng ở Clamorgan, đã bật dậy, nhảy bổ đến chỗ cậu thiếu niên vừa chế nhạo mình và túm lấy cổ áo cậu ta. Just ghé sát mặt vào và dằn từng tiếng:

- Cha chúng tôi là một thuyền trưởng rất tài ba và là một người luôn giữ lời hứa. Anh mà xúc phạm tới ông ấy thì sẽ phải trả giá đấy.

Cậu kia hơi sững lại vì bất ngờ, nhưng rồi thu hết sức đẩy Just ra, nhảy dè lên. Hai tấm thân lẫn tròn trên sàn đầy dầu mỡ và rác bẩn. Dù cố sức đến đâu, Just cũng không chống cự được với một đôi thủ dạn dày, có vẻ đã quen ẩu đả, lại còn thụi cậu những cú không thương xót bằng cả hai nắm đấm vuông chần chần, nặng như hai quả chùy nữa. Hai đứa còn lại, nhỏ hơn đã nhồm dậy để cổ vũ đồng đội. Colombe vừa la hét vừa cố can, tách hai người ra. Tiếng ồn ào cộng thêm tiếng đập thành thịch vào các thùng gỗ, khiến một thủy thủ gần đó chạy lại. Hắn ngó qua cửa hốc, giơ đàn lên soi sáng. Just bị rách toạc một bên tay áo, đưa tay quệt môi chảy máu. Tên kia thần nhiên phúi quần áo, lùi về phía sau. Mặc dù trông ít tuổi hơn Just, hình như là thế, cậu ta lại có thân hình chắc nịch của một người quen ăn no vác nặng sống ở

thôn quê. Tất cả những gì thoáng hiện ra trong ánh sáng le lói là cái đầu cắt rất ngắn lốm đốm những mảng nám tóc trắng hếu và cái mũi bèn bẹt.

- Làm gì mà ồn thế? – Tên lính quát. Nếu muốn có chuyện thì hãy đợi đấy: sắp được nếm mùi ngay bây giờ đây.

Rồi hắn xách đèn đi. Tiếp theo là một lát yên lặng nặng nề để hai bên kiểm điểm những tổn thất của mình. Nhưng giây lát yên lặng ấy lại khiến cho họ nhận ra một sự náo động khắp con tàu. Thùng chảo buộc các thùng tôn-nô mà chúng dựa lưng vào kêu cọt két. Một thứ âm thanh như tiếng sôi bụng ùng ục, hòa lẫn tiếng rên rỉ của lũ gia súc, vọng lên từ những tầng đáy sâu nhất.

- Rồi mày biết tay tao – cậu kia dứ dứ

Just ưỡn ngực lên tỏ vẻ không sợ. Hai bên chắc lại sớm hằm hè nếu họ không dần dần thấy chân tay bải hoải, tâm trí lơ mơ vì say sóng. Họ cứ có cảm giác lão đảo, cứ như những thùng to kia đã đổ sập lên đầu. Lời đe dọa của tay thủy thủ bây giờ mới sáng tỏ trong đầu óc mờ mịt của chúng: bão sắp ập tới.

Con bão tới thật, hung hăng như muốn trừng phạt những tội lỗi nào đó của con người mà chỉ có Trời mới biết. Suốt cả đêm, tàu dềnh lên tới ngọn, rồi lại chìm sâu xuống đáy những hõm sóng hung dữ. Tàu va vào những bức tường nước dựng đứng, chao đảo đến mức gần lật nghiêng, nếu dưới hằm không chất hàng hóa, súc vật đến hết trọng tải thì có lẽ đã chìm ngìm từ lâu rồi.

Trong lòng tàu, tiếng ồn ào như chợ vỡ và tiếng kêu rống thảm thiết của đàn gia súc đã nhường bước cho một sự yên lặng nặng nề và khiếp sợ, sự yên lặng chỉ bị khuấy động bởi tiếng gió rít và tiếng răng rắc khủng khiếp của cột buồm gãy.

Nhưng, dù bão có đáng sợ đến đâu, vẫn còn một mối nguy đáng sợ hơn rình rập từ phía bờ biển mà đoàn tàu hãy còn quá gần. Suốt đêm, thuyền trưởng Imbert không rời bánh lái, theo dõi từng phút từng giây để tránh đá ngầm và các hòn đảo nhỏ.

May sao trời sáng rõ mà không xảy ra chuyện gì. Bình yên trở lại và đến gần trưa thì nhìn thấy một đường viền bờ biển ở phía chân trời.

CHƯƠNG 8

Sáng ra, Just thức dậy đầu tiên, đầu nặng chịch, lưng đau như dằn do phải nằm trên sân mấp mô. Trong hốc vẫn tối mò nhưng vài tia sáng hẹp đã rắc hoa lên vách gỗ. Miệng đắng ngắt, cổ khát khô, Just nhìn Colombe vẫn đang ngủ; khi trông ra mây đừa cũng cảnh nằm phía trong, cậu mới mang máng nhớ lại câu chuyện tối qua.

Cả đêm trước đọng lại trong trí cậu là một loạt mơ hồ những lặn lội, đục độ, những tiếng còi huýt. Con say sóng đã làm đầu óc cậu hoàn toàn mê muội. Cậu có cảm giác mơ mơ màng màng đã nghe thấy tiếng la hét, chạy trốn và đuổi bắt, cả tiếng súng nữa. Nhưng thứ tự xảy ra thế nào thì chịu. Lúc này, con tàu có vẻ đứng yên một chỗ, như người đã kiệt sức. Just thận trọng ló đầu ra ngoài: sàn tàu thật là hỗn độn. Những chiếc võng rách tung treo lủng lẳng, nhiều hòm lương thực rơi lổng chổng, những chiếc hũ sành vỡ tan, các thứ đựng bên trong chảy lênh láng, ruồi nhặng bâu đầy. Mặt trời phủ lên boong một thứ ánh sáng nhợt nhạt, góp phần ảm đạm cho quang cảnh. Đáng sợ nhất là chung quanh im lặng không một tiếng động. Just lại chui vào trong, khẽ đánh thức Colombe. Phía trong, ba tên đồng hành cũng bắt đầu động đậy.

- Khát! – Colombe rên rỉ.

Just xốc Colombe ra khỏi hốc, dìu cô đi giữa đồng ngổn ngang.

- Ta lên trên xem sao. Anh không hiểu đã xảy ra chuyện gì.

Colombe bước đi, hai tay ôm đầu. Just phải đỡ em gái lên thang. Khoang boong giữa cũng lộn xộn và vắng người như dưới hầm, nếu không kể hai thủy thủ nằm vật dưới đất cạnh một khẩu pháo và đang rên rỉ. Lúc này, trời đã sáng sủa hơn và Colombe thấy tinh táo hẳn lại.

Lên hết cầu thang cuối cùng, Just phải lấy tay che mắt. Trên cao là một màu xám đơn điệu nhưng sáng rực, như thể mặt trời, trốn sau lớp mây mỏng, cùng lúc đã trải ra rộng khắp. Nhìn ra, cậu thấy tàu *Rosée* đang neo trong một cái vịnh có đồi thấp vây quanh. Hai tàu kia cũng thả neo gần đây.

Colombe giật tay Just, kêu:

- Nhìn kia, chúng mình đến nơi rồi.

Phía sau, họ nghe thấy tiếng máy đưa còn lại cũng đã bước lên, và Colombe định báo tin vui cho họ, thì Just đã kéo tay và chỉ:

- Tất cả họ làm gì ở đằng kia?

Colombe quay đầu lại và thấy một quang cảnh bất thường. Tất cả những hành khách dân sự của tàu *Rosée* đều bị dồn hết về boong mũi, vây quanh là một hăng lính canh lăm lăm gươm đao. Hai khẩu súng hỏa mai, nòng gác trên giá ba chạc, nhắm về phía nhóm người ấy. Vài thủy thủ đi lại tự do chăm chú làm công việc của mình. Hai trong số họ cặm cùi lau rửa sàn gần cột buồm cái và vun một đám thủy tinh vỡ và gỗ vụn vào một cái xô to. Đây đó còn vương vãi những vũng lầy nhầy màu đỏ trông như máu.

Bỗng một bàn tay vạm vỡ tóm lấy gáy hai anh em, và có tiếng nói to:

- Ô, còn sót bọn thông dịch này!

Đưa chúng lại đây! – thuyền trưởng Imbert đang đứng giữa hàng quân đối diện những người bị bắt, gọi với.

Hai anh em được điệu tới gần đám đông.

- Chúng có năm đứa kia mà! Còn những đứa kia đâu, hả lũ quỷ con? – Imbert hỏi.

Với cái cầm hai ngấn, đôi môi đầy đặn, trông ông thuyền trưởng có vẻ nghiêm khắc, nhưng không độc ác. Đúng là ông không độc ác thật, hơn nữa,

vốn là một người hiểu rõ sự tàn bạo khôn lường của biển cả, ông không coi những tính xấu thông thường là quan trọng và không để bụng thù ghét ai.

Khi đi ngang qua ông thuyền trưởng, Colombe đã có đủ can đảm để quỳ sụp xuống chân ông:

- Thưa ngài, cầu xin ngài cho con nước uống. Con khát.

Imbert quay sang hỏi thuộc hạ:

- Chúng chưa được ăn uống gì sao?

Một thủy thủ – hẳn là phụ trách việc này – lúng túng đáp:

- Dạ, tại cơn bão...

- Thế thì cho chúng ăn uống mau. Ta cần chúng để sử dụng vào việc mới. A, những đứa kia đây rồi.

Hai cái bóng thiếu nảo, phải có một thủy thủ dìu, lết tới, theo sau là cái bóng thứ ba, thất thủ không kém. Đang uống cho hả cơn khát, Just cũng phải ngừng tay để tò mò nhìn mặt những đứa đã dám xúc phạm cha mình. Vì được ra thở khí trời và uống nước mát, cậu đã nhớ lại hết. Hai đứa bé hơn, đầu to và tứ chi gày guộc, rõ ràng là con nhà nghèo khổ, chuyên sống lang thang ngoài hè phố. Nhưng thằng lớn thì tinh ranh hơn, và chắc nó cũng không quên chuyện cũ. Hẳn cao hơn Just, mặc chiếc áo chần bần, quần cộc đến lưng chừng đầu gối. Hồi đêm, Just và Colombe đã thoáng nhìn thấy hẳn có bộ mặt gân guộc và cái mũi bẹt. Nay giữa ban ngày, trông hẳn chẳng còn gì đáng sợ nữa, và nếu không vì lời nói xác láo đêm hôm trước, thì Just đã sẵn lòng tỏ sự thông cảm với một kẻ không may bị đời hắt hủi, dón vào nghèo khó và bạo lực.

- Cho cả những đứa này uống nước nữa – thuyền trưởng ra lệnh.

Ông tỏ vẻ bằng lòng, nhìn những đứa trẻ và cười:

- Rất hợp với những gì ta cần.

Có tiếng đại bác nổ xa xa, được đồi núi quanh bờ dội lại, chấm dứt luôn cơn động lòng thương cảm của ông thuyền trưởng. Tiếng súng phát ra từ con tàu đầu đàn, bên trên còn vương lại một cụm khói.

- Hiệu lệnh rồi! – Thuyền trưởng Imbert hồi hả – Nào, ăn nốt miếng bánh, rồi ra kia cùng với mọi người. Mau lên.

Ông lùi lại mấy bước rồi bước lên một cái hòm cao để nói chuyện với đám người có lính gác vây quanh. Colombe bị ép sát cùng với Just giữa đám người râu ria xồm xoàm và hơi hám. Colombe thì thào vào tai anh:

- Chúng mình đang ở đâu đây?

Just nhún vai, ra ý không biết. Một người thấp nhỏ đứng sát cạnh, chép miệng nói nhỏ song vẫn đủ để hai anh em nghe thấy:

- Tội nghiệp lũ trẻ! Chúng không biết mình đi đâu nữa...

Cùng lúc ấy, tiếng nói oang oang, cô làm ra vẻ dọa nạt, của thuyền trưởng vang lên:

- Tất cả hãy nghe đây!

Người thấp bé đứng cạnh lại thì thào:

- Bờ biển mà ta thấy kia là nước Anh. Đêm qua, bão đã làm tàu dạt vào đây...

Tiếng thuyền trưởng:

- Tàu sắp chạy, ta hy vọng lần này sẽ đi một mạch.

- Nơi chúng ta đến, có còn xa nữa không? – Just hỏi, giọng hơi thất vọng vì chưa được đến đích của mình.

- Lũ trẻ tội nghiệp... Người ta không nói gì với chúng, thật đáng xấu hổ – người thấp bé lắm lắm, vẻ mặt hết sức rầu rĩ, nếu có thể nói vậy đối với một khuôn mặt bình thường đã hết sức rầu rĩ.

Thuyền trưởng Imbert chống nạnh hai tay lên thắt lưng, tiếp tục diễn thuyết:

- Nhưng dù thế nào đi nữa, các người cũng đừng tưởng, những đứa đã bỏ trốn là may mắn hơn các người. Đừng có mà tưởng nhầm những đứa chạy đi là khôn. Chúng chuồn là việc của chúng. Nhưng chúng sẽ không đi xa. Chính tay ta đã bắn hạ bốn đứa.

Có lẽ nói bốn chưa đủ sức đe dọa, Imbert vội chữa:

- Không, sáu đứa. Phải không, anh em? Tay ta bắn gục sáu, chưa kể những đứa bị người của ta bắn chết. Lại còn những đứa chết đuối, những đứa chắc chắn sẽ bị cảnh sát Anh săn bắt trên bờ... các người đã thấy chưa?

Người thấp bé đứng cạnh Just lại bình luận, giọng bí quan:

- Lũ khốn khổ ấy sợ bão quá đến nỗi, thà nhảy xuống biển còn hơn là đi tiếp.

Thuyền trưởng Imbert tiếp tục:

- Vậy thì các người còn đây, không có gì phải tiếc nuối. Để xảy ra chuyện vừa rồi nữa, là các người đừng trách! May quá, nếu còn gặp một cơn bão như thế này nữa thì ta cũng lấy làm lạ đấy. Đã lâu lắm rồi, ta không thấy trận nào lớn đến thế.

- Các cháu ơi, chúng ta chưa đến nơi. Mà đúng ra là chưa bắt đầu đi. Còn phải hàng tuần, hàng tháng nữa, ấy là nói thực rồi có đến nơi đến chốn hay không.

Người thấp bé nói xong câu đó thì ứa nước mắt. Just và Colombe, cảm động vì quang cảnh trước mắt, bỗng cảm thấy mạnh mẽ hơn con người khốn khổ đang thương xót chúng. Hay tin cuộc hành trình này còn lâu mới

kết thúc, hai anh em không cảm thấy lo lắng quá như người bạn đồng hành nhỏ bé kia.

- Bây giờ ta cần chọn một số trong các người để thay thế những tên đã bỏ trốn. Mà trong khi bọn khốn kiếp ấy chỉ lo cho bản thân mình thì các thủy thủ phải liều mình chống chọi với gió bão. Và tám người đã bị sóng cuốn mất tích dưới biển.

Nói đến đây, mặt Imbert như rung rung nước mắt. Song ông nói tiếp ngay:

- Vậy cần người thay thế. Bắt đầu bằng bọn trẻ, hãy tập sự làm thủy thủ.

Ông đưa mắt nhìn khắp cử tọa, rồi dừng ngay ở hàng đầu:

- Bọn thông dịch này có thể tập sự được đây. Nhất là ba đứa lớn nhất.

Ông ra hiệu cho Colombe tiến lên, nhìn ngắm một lúc rồi bảo:

- Chưa thật cường tráng lắm, vậy lo chuyện thừng chảo trên boong. Tên gì?

- Colin.

Ông gọi Just và tên mũi tẹt:

- Hai đứa này khá hơn, có vẻ không biết sợ là gì. Vậy trèo lên cột buồm, lo việc trên ấy. Tên gì?

- Just.

- Martin.

Lập tức họ bị ông xua về nơi nhiệm sở.

*

* *

Càng đi xuống hướng nam, khí hậu càng ấm áp, mặt trời càng chiếu sáng. Lúc đi qua đảo *Grande Canarie*, đoàn tàu bị một loạt súng thần công từ đồn binh Tây Ban Nha bắn ra. Một viên chọc thủng tàu *Rosée* ở mũi trước, khoét thành một lỗ tròn, song đám thợ trên tàu vá lại một cách dễ dàng. Colombe tỏ vẻ coi thường, nói:

- Chỉ có thể thôi ư.

Dù sao, cũng là qua một cơn thử lửa, và Just hãnh diện như người đã tham chiến.

Những đêm hè dài hơn thường lệ, nhưng với sự thay đổi vĩ độ, chúng lại ngắn dần. Dù sao, không còn là những đêm hải hùng lạnh lẽo; họ nằm dài trên boong còn ấm hơi nóng ban ngày, vì từ nay họ được phép nằm ngủ bất kỳ chỗ nào tùy thích. Ban ngày, họ vẫy vùng ngoài trời để thi hành các lệnh của thuyền trưởng Imbert. Colombe hơi ghen tị với anh: giờ cậu leo trèo giữa các dây buồm rất giỏi, người đen sạm, bắp thịt nở nang. Công việc của Colombe hơi buồn, cô tìm cách bắt chuyện với thủy thủ và những người khác qua lại trên boong, nhưng không đi đến đâu. Cô thường gặp lại cái người thấp bé đã bắt chuyện với hai anh em ngày nọ, biết tên ông là Quintin. Ông đã bị tù do dị biệt về tôn giáo, và luôn cầm quyển sách trong tay. Colombe đang thèm đọc, ông hứa lúc nào sẽ cho mượn sách.

Just, với công việc leo dây như làm xiếc, có nhiều dịp để mơ mộng. Nhiều lúc cậu đứng chót vót trên vị trí canh gác và để mình buông thả theo những ước mong mà chân trời bao la vây quanh làm nảy sinh trong lòng cậu.

Tối đến gặp lại, họ nằm sát nhau, kể cho nhau nghe những gì xảy ra trong ngày. Thời gian trôi qua, họ càng lấy làm lạ sao cha họ ở xa thế. Có lúc họ tự hỏi cha có trải qua bão tố và say sóng như họ không, có được hưởng những đêm hè êm ả thế này không. Có lúc họ tưởng tượng ông là chủ soái của một hạm đội giống Villegagnon; có lúc họ lại hình dung ông bị bắt nhốt dưới hầm tàu như những kẻ khốn khổ nọ. Lúc khác, họ lại nghĩ mình bị đánh lừa, chứ không khi nào cha họ lại rời xa quê cha đất tổ đến

thế. Và họ sinh ra tiếc, giá cái đêm giông bão ấy cũng trốn đi như có người đã liệu, thà xông vào phiêu lưu mạo hiểm còn hơn cam chịu chuyển đi bấp bênh này. Và họ nhắm định kế hoạch, nếu tàu đi gần bờ biển nào đó thì sẽ tìm cách trốn.

Song những giấc mơ đó có lúc nhòa đi, nhường chỗ cho những giấc mơ hoang đường hơn, dẫn họ đến những xứ sở kỳ quặc đầy quái vật mà con tàu *Rosée* sẽ đưa họ tới. Nhất là khi nghe Quintin kể về những bí ẩn của Tân Thế giới, họ càng tò mò nóng lòng muốn biết. Cứ vậy từng ngày, từng tuần qua đi, dù nước trữ trong thùng đục dần và cái ăn ngày càng kham khổ, họ quen dần với cuộc sống tạm thời ổn định, không còn muốn có sự thay đổi nào nữa.

Lý do e ngại duy nhất còn lại là tên Martin, hắn lảng vảng khắp các xó xỉnh, con mắt luôn gườm gườm như dọa trả thù. Phía Just cũng không kém, và Colombe không vui thấy anh vẫn âm ỉ nuôi ý phục thù. Đánh là anh muốn có sự thanh toán công khai dưới hình thức một cuộc thách đấu sòng phẳng chẳng hạn. Nhưng Martin lại có âm mưu khác. Sự thù địch của hắn là ngầm ngầm, hiểm độc. Chắc chắn hắn sẽ thực hiện trong bóng tối, lừa lúc Just sơ ý không phương chống đỡ. Nên Colombe đặc biệt sợ lúc đêm xuống, và khi ngủ cô quàng tay ôm lấy anh như để che chở.

Đoàn tàu thẳng mũi về phương nam. Những đám mây rộng lớn che khuất hết bầu trời, giữ cho mặt nước lẫn tăn lúc nào cũng âm ẩm và bốc hơi hầm hập. Nguồn nước ngọt dự trữ gần như cạn kiệt. Từ tàu chỉ huy phát ra lệnh quay mũi vào bờ.

Tàu neo trước mặt một bờ biển khúc khuỷu, hy vọng ở đó có suối để lấy nước. Các thuyền nhỏ được hạ thủy và phải đi lấy, đến sẩm tối mang về những thùng nước vàng khè lẫn bùn. Mà cũng chỉ lấy được nửa khối lượng dự tính, vì bị thổ dân da đen hung hăng ra ngăn cản.

Trong thủy thủ lan truyền cái tin là tàu đang đi dọc bờ biển châu Phi. Mọi người nguyên rửa những kẻ trên tàu chỉ huy, đã có đủ các loại máy móc dụng cụ phức tạp và hay làm ra vẻ thông thái, mà lại không dẫn nổi đoàn tàu đi đúng hướng, trong khi bên này, thuyền trưởng Imbert chỉ cần hướng dẫn bằng kinh nghiệm cũng đã có thể đi đến nơi về đến chốn một

cách chắc chắn. Nhận thấy mình sai lầm, các hoa tiêu bên tàu chỉ huy liền đổi hướng và quay sang phía tây. Thật là đúng lúc, nếu không thì nguy to.

Họ bắt đầu nhìn thấy những cánh buồm xa xa, phía chân trời, đó là dấu hiệu tốt cho thấy, cuối cùng, họ đã đi đúng hướng. Mỗi lần như thế là một lần báo động. Villegagnon đã ra lệnh cấm tiệt việc áp sát để cướp bóc, nên họ để cho nhiều tàu thuyền Tây Ban Nha lẻ loi đi qua mà không gây chuyện, mặc dù chúng là miếng mồi ngon, dễ tấn công. Nhưng mỗi buổi sớm, đài quan sát báo tin thấy nhiều cánh buồm ở hướng tây bắc, dần dà hiện rõ là một đoàn tàu Bồ Đào Nha gồm sáu chiếc. Chỗ này còn lâu mới tới châu Mỹ, song dưới mắt người Bồ Đào Nha thì rõ ràng ba chiếc tàu Pháp này đang đi Brésil, như vậy đủ để chúng coi là thù địch.

Khoảng cách còn khá xa, nên chưa rõ bọn Bồ Đào Nha có chủ động tấn công hay không. Dù sao, cứ cẩn thận chuẩn bị nghênh chiến vẫn hơn. Trên tất cả các boong trước, boong sau của tàu *Rosée* đều diễn ra cùng một cảnh nhộn nhịp. Thuyền thủ, binh lính và cả những dân thường nữa – những người này được thuyền trưởng giao cho việc chuẩn bị đạn dược cho đại bác, người nào việc nấy: mở lỗ châu mai ở thành tàu, khênh hòm đạn chuẩn bị tiếp ứng cho đại bác, căng hết mọi cánh buồm để lợi dụng sức gió đi thật nhanh.

Colombe được giao nhiệm vụ giữ boong tàu sạch và quang, phòng phải đánh giáp lá cà. Cô hăng hái lăng xăng suốt từ đuôi đến mũi tàu, không tiếc sức. Lúc luôn qua cột buồm lái, thấy ông Quintin chấp tay đứng im, cô ngạc nhiên hỏi:

- Bác không phải làm gì à?
- Có, bác phải lau nòng súng.
- Và bác xong việc rồi?
- Không, bác không làm.

Từ nãy tới giờ, Colombe đã rất gắng sức làm việc nên lúc nãy, cô tranh thủ thở một chút. Hơn nữa, chính công việc luôn chân luôn tay, chứ không

phải mục đích dọn dẹp boong tàu, đã làm cho đầu óc cô đỡ căng thẳng. Cô thắc mắc:

- Cháu nghe nói nếu bọn Bồ Đào Nha cướp tàu và bắt sống thủy thủ, chúng sẽ chặt chân tay mọi người rồi bỏ mặc cho chết khát trên tàu, trôi đi đâu thì đi.

- Bác cũng nghe nói vậy. Quintin đáp, bộ mặt hốc hác và tai tái vẫn giữ vẻ âu sầu ảm đạm như lần đầu họ gặp nhau.

- Thế thì càng phải ra sức chống cự chúng.

- Không, Quintin vẫn khoanh tay trước ngực, đáp.

Gió vẫn thổi căng phồng các cánh buồm, lấp đầy khoảng không gian yên ắng ngoài khơi xa. Mấy con tàu nghiêng ngả, chùng diện đầy đủ cả bộ, nào váy lót, nào áo yếm và khăn trùm đầu, trông như ba cô gái già chuẩn bị đi vũ hội.

- Nếu vậy thì chịu để cho chúng lột da ư? – Colombe ngạc nhiên hỏi.

Quintin quay ngoắt lại, nắm lấy tay cô và ngắt lời:

- Cháu ơi, con người tự cho phép mình làm quá nhiều điều ác, để cho cái xấu lan tràn không giới hạn. Ta, ta chủ trương điều trái lại, vì thế họ mới bắt giữ, xét xử ta.

- Điều trái lại?

- Nghĩa là không bao giờ ngừng yêu thương và làm điều thiện.

Vừa nói, ông vừa siết mạnh tay cô. Mắt ông vụt lóe sáng, đầy nhiệt huyết, chan chứa hy vọng lẫn tuyệt vọng, một việc mà cô chưa từng thấy ở ông. May thay, tiếng reo hò từ tháp phía sau vang lên, lan nhanh đến boong thượng, chấm dứt tình cảnh khó xử của Colombe: bọn Bồ Đào Nha đã đi qua mà không gây chuyện.

Khắp tàu vui mừng la hét. Các bình rượu, thường thì phải để dành cho những dịp lớn, nay được đem ra chuyển tay nhau, ai cũng được uống từng ngụm lớn.

Thuyền trưởng ra lệnh hạ bớt buồm. Colombe chạy đi tìm Just đang làm việc ở khu vực này, nhưng không thấy. Cô liền lặn lẽ quỳ xuống cùng với mọi người để tạ ơn Chúa. Tàu *Rosée* không có cha tuyên úy: giáo sĩ duy nhất của cả đoàn không bỏ lỡ cơ hội được gần cận các vị chỉ huy cao nhất, trên tàu dẫn đầu. Vì vậy, mỗi người phải tự cầu nguyện theo cách của mình, và hướng lên một Đức Chúa Trời vừa là Chúa của chung vừa là Chúa của riêng từng cá nhân. Bọn thủy thủ, với những bộ mặt cướp biển dày dạn sương gió thì gọi tên Đức Mẹ và Chúa Hải đồng còn trần truồng trong tranh ảnh, trong khi các tội phạm về tín ngưỡng khờ khạo vừa bị lôi ra khỏi nhà tù, tay vẫn còn trắng xanh, thì ngửa mặt lên trời cao, kêu cầu một Đức Chúa của khổ hình và máu huyết.

Giữa cảnh yên tĩnh ấy, chợt nổ ra dấu hiệu bạo lực trên không: tiếng kêu, tiếng buồm rách đánh phụt, rồi tiếng người ngã. Mặt trời chói chang giữa những cột buồm cao, đứng dưới boong nhìn lên không thể nhận thấy điều gì. Colombe càng khó đoán vì lâu nay Just vẫn giấu em không nói ra những hiểm nguy rình rập thường trực bên mình. Từ bữa hai bên xô xát, Martin luôn rình mò chờ có dịp. Những lúc làm việc ở trên cao, hắn thường buông lời chửi rủa, thóa mạ Just và đe dọa cho cậu biết tay. Just đáp lại bằng cách đề nghị đấu tay đôi. Nhưng rõ ràng tên kia không dám chấp nhận và ngầm nuôi dịp trả thù hèn hạ.

Làm việc trên các cột buồm cao đòi hỏi phải thận trọng, nhanh tay, tinh mắt; riêng Just phải cảnh giác gấp bội để phòng một trò ác ý. Cứ cuối ngày là cậu lại thấy rất mệt mỏi. Nhưng hôm đó, do tàu hơi nghiêng sang một bên, thời tiết lại nóng ẩm, một đàn cá heo lưng đen lại đến tung mình nhảy lên lặn xuống ngay trước mắt khiến cậu buông lơ chú ý.

Cậu đang đứng bám vào trục buồm mũi, bụng dè vào thanh gỗ đánh bóng, tay chân quắp chặt để giữ thăng bằng. Bỗng một sợi dây chèo, đầu buộc thành nút to, quăng rất mạnh từ đâu đó đập vào sườn cậu. Just thét lên và mất thăng bằng. May mắn thay, cậu lại ngã xuống một cánh buồm căng phồng và nhanh trí bám cả hai tay vào bờ vải dày cộm. Cậu treo lơ lửng

trong tư thế ấy một lúc, mạn sườn đau nhức chưa kịp hoàn hồn về cú ngã và về việc mình thoát chết. Rồi cậu trấn tĩnh lại: cần phải tìm cái gì bám víu vào. Cậu vớ lấy một thanh trượt bằng sắt và leo lên thanh căng buồm; nhìn đoạn dây chèo đã đập vào cậu đang lung lảng dọc cột buồm, cậu hiểu ra, đã có người sử dụng nó như con lắc để hại cậu; thôi đúng rồi, những lời đe dọa của Martin! Cậu không phải tìm lâu: nó đang bám vào dây neo ở trên cao quan sát cậu.

Colombe không được chứng kiến từ đầu. Cô chỉ nhìn thấy Just lúc cậu leo lên thoăn thoắt về phía kẻ ám hại mình. Cô thét thất thanh:

- Họ đánh nhau kìa!

Thấy những người khác chưa hiểu gì, cô chạy lung tung kêu ầm lên. Tới chỗ thuyền trưởng đứng, cô giật tay áo ông:

- Thuyền trưởng thuyền trưởng! Nhìn kìa: họ đánh nhau.

Tiếng huỳnh huych từ trên cao vọng xuống, nghe khuếch đại hẳn lên nhưng không ai còn nhìn rõ được hai đầu thủ nữa. Họ đang vật nhau trên sàn đài quan sát.

Gần chục thủy thủ liền bám các dây neo treo lên. Thuyền trưởng Imbert thấy là mình phải ra oai một chút thì hay hơn. Ông cất cao giọng ra lệnh nhưng họ đã lên được lưng chừng. Martin chiến đấu rất hùng hổ nhưng không táo tợn và khôn ngoan lắm. Ngược lại, Just đánh khôn khéo, mưu mẹo, nếu không bị vướng víu vì cái võ đài chật hẹp thì chắc cậu đã giải quyết xong. Cậu bị đâm khá đau. Cuối cùng, đám thủy thủ cũng tách được hai đối thủ ra. Just có cảm tưởng như mình bị buộc phải hèn nhát khi chấm dứt trận đấu mà chỉ có cái chết mới giải quyết được, cậu nghĩ vậy. Chính mối nhục tưởng tượng ấy, chứ tuyệt nhiên không phải nỗi lo sợ bị trừng phạt, đã làm cậu phải cụp mắt không dám nhìn thuyền trưởng Imbert.

Ông này thì lại ưa yên ổn hơn là lẽ công bằng. Chuyện ẩu đả trên tàu là cơm bữa, có trời mới biết, ông đã gặp những chuyện như thế này biết bao nhiêu lần, và ông có quy tắc là không bao giờ phân xử xem ai là kẻ có tội. Ông ra lệnh:

- Cùm cả hai đưa lại cho tao!

- Không đâu! Colombe kêu lên và định quỳ gối.

Song thuyền trưởng nhìn cô một cách vô cùng tức giận, khiến cô khựng lại. Chỉ một lần van xin nữa là ông sẽ bắt nhốt cả ba mất. Nếu muốn giúp Just, biện hộ cho anh, xin cho anh được thả sớm, cô chỉ còn cách là phải được tự do. Nghĩ vậy, cô im lặng nhìn theo anh bị giữ chặt bởi chính những thủy thủ đã tách cậu ra khỏi Martin và bị điệu đi.

Cuộc sống bình thường trên tàu lại tiếp diễn. Đó là một ngày đặc trưng của miền nhiệt đới, nơi các loại màu xanh như muốn chiếm lĩnh cả vũ trụ: bầu trời xanh trắng, chân trời xanh lục, biển cả xanh tím và bọt sóng xanh xám. Giữa cảnh thiên nhiên đẹp tuyệt trần này, con người phải là thiên tài mới nghĩ ra được cảnh giam cầm nhau. Colombe ngồi cạnh chiếc canô buộc ở đuôi tàu, khóc thút thít.

Cô lo cho Just đã thương tích còn bị bỏ đói, bị hành hạ trong một căn hầm tối tăm bẩn thỉu như cái mà hai anh em đang tạm trú. Rồi cô nghĩ đến thân phận của mình, cô đơn giữa những người xa lạ. Nhưng phút mềm yếu ấy không kéo dài. Với thói quen lấy nghị lực đối lại với bất hạnh vốn là truyền thống của dòng họ Clamorgan, cô tự nhủ: ta là Colin, thủy thủ tự do, không ngu dốt, ta sẽ tìm ra cách giải thoát anh trai.

*

* *

Trong quá trình lênh đênh trên biển cả, giữa binh lính, thủy thủ và những khách còn lại dần dần hình thành những nhóm nhỏ, chơi thân và câu kết với nhau. Họ mua bán từ thức ăn cho đến nước ngọt, và cả những thông tin nhỏ nhất về lộ trình và kế hoạch của ngài đô đốc mà ai cũng muốn tích lũy thêm và giữ bí mật, gây nên mối hiềm khích giữa các nhóm. Tất nhiên, Colombe cùng với anh mình thành một nhóm riêng. Tình cảm thân thiết giữa hai anh em cũng đủ với cô, nhưng ngay, cô phải chịu cảnh bơ vơ đơn độc. Các nhóm luôn nghi ngờ lẫn nhau và chẳng ai muốn kết bạn với cô. Cô

có thể chủ động bắt chuyện với một ai đó và trao đổi vài lời. Nhưng chỉ thế thôi, kẻ kia nói xong là bỏ đi ngay, trở về với công việc – hoặc lại chạy về với đồng bọn, chụm nhau thì thầm để kể lại. Vì với cuộc sống tẻ nhạt trên tàu, thì việc nhỏ cũng trở thành đại sự.

Colombe đã gần như mất hết can đảm thì chợt nhớ đến Quintin. Mấy ngày hôm nay, không thấy ông đâu. Cô rình vào lúc chia thức ăn buổi trưa, cũng không thấy ông ra. Cô xách một xô nước, làm bộ lau chùi, chui vào một vách boong giữa để tìm, cuối cùng mới thấy ông nằm vo tròn trong chiếc võng căng ngay trên một cổ pháo. Cô leo lên nòng và khẽ mở hai mép võng. Quintin nằm ngửa, mắt mở trừng trừng như muốn đếm từng đường vân trên trần.

- Ông làm gì ở đây? – Colombe dè dặt hỏi.

- Cháu thấy đấy, ta cầu nguyện.

- Mọi khi ông vẫn cầu nguyện, nhưng vẫn lên boong cơ mà.

Ông búi lấy dây võng nhô người lên, nheo mắt lúc lắc đầu và nhìn quanh như chợt tỉnh. Làm điệu bộ tạ lỗi nhưng lại giống một nụ cười hơn, ông nói tiếp:

- Ấy là ta đang đắm mình trong suy tưởng. Ta hoàn toàn hòa vào với Thánh Ý.

Trông ông như vừa từ một cõi xa xăm lắm trở về. Chợt nhận ra Colombe, ông hỏi:

- Anh cháu đâu?

Cô kể lại việc anh bị Martin trả thù, rồi cả hai bị trừng phạt. Như một con sâu giẫy giụa trong màng nhện, ông lúng túng gỡ mình ra khỏi võng. Chỉ thiếu chút nữa là ông rơi bịch xuống cổ pháo. Đứng vững được dưới sàn rồi, ông liền sửa lại cái cổ áo dính ren lổ chỗ vết nhện cắn và kéo lại quần nịt cho phẳng phiu. Quần áo đã chỉnh tề, ông mới nắm tay Colombe và bảo:

- Ta đi nghe ngóng xem sao.

Quintin không thuộc nhóm nào, nhưng có lẽ vì thấy ông cô độc, khổ hạnh, âu sầu nên nhóm nào cũng chấp nhận ông. Theo chân ông, Colombe được tiếp xúc với các nhóm người dù sao cũng có tí chút hơi hướng gia đình ấy. Việc tập hợp lại với nhau thì ít mà vì cùng chia sẻ thành kiến thì nhiều. Sức lực để tự vệ đối với bên ngoài đã hao phí hết nhưng thời gian thì còn thừa thãi để cần nhàn, chửi thề, thở vắn than dài thay cho chuyện trò. Rượu lại rất hiếm – thuyền trưởng để dành những giọt cuối cùng để ăn mừng ngày đến đích – nên thời gian càng dài lê thê, mọi người càng uể oải. Nhưng may nhờ có các con súc sắc bằng sừng và các mẫu xương ngón của cừu để chơi chuyên, đám người vẫn còn được nghe tiếng lóc xóc, tuy rất nhỏ, của trò chơi may rủi văng vẳng trong không khí im ắng.

Quintin dẫn Colombe tới một nhóm thợ gồm một anh làm bánh, hai thợ mộc, một ông bán thuốc tự xưng là thầy lang. Nhóm này, do công việc nên phải đi lại khắp tàu, nhận lời ông Quintin để ý tìm kiếm Just, chuyển cho cậu những thứ cần thiết và tìm hiểu tình trạng sức khỏe của cậu.

Hai người lại đi gặp một nhóm thủy thủ mà Quintin quen biết nhờ cuốn thánh kinh của mình. Ngay từ trước khi lên tàu, Villegagnon đã thông báo ai muốn cầu nguyện Chúa nào thì tùy, nhưng cấm tiệt mọi sự thuyết giáo. Không có thầy tu cử lễ, tất nhiên thủy thủ phải tự lo thức ăn tinh thần để nuôi dưỡng lòng tin. Họ rất mê tín và tin chắc rằng chăm làm việc thiện, cầu nguyện, lặn tràng hạt, làm lễ thì trời mới yên, biển mới lặng để mà đi trót lọt. Quintin không tán thành kiểu mê tín quăng xiên đó, nhưng không ngăn cản làm gì. Ông chỉ tin vào sức mạnh của lời Chúa, nên thường đem sách Phúc Âm và Kinh Thánh đọc hàng giờ cho thủy thủ nghe, những người đã chai sạn không sợ bão táp của biển cả nhưng lại rất sợ một địa ngục giả tưởng nào đó đang chờ đợi.

Quintin bảo họ nói cho Colombe rõ mục đích, thời gian và nơi đến của chuyến đi này. Trước đó, ông đã nói với cô gái:

- Ta không biết họ đã kể với các cháu những gì nhưng nghe các cháu nói là đi gặp cha ở Ý, ta có cảm tưởng cháu còn lơ mơ không rõ con tàu này sẽ

đi đâu.

Quả vậy, cả Colombe và Just, khi nghe thủy thủ chuyện trò với nhau và nhắc đến cái tên Brésil, đều không rõ xứ sở ấy là đâu. Hồi ở Gênes nước Ý, họ có nghe cha kể về những chuyến đi mạo hiểm của những hoa tiêu ở đó từ phương Tây sang phương Đông. Song cô vẫn nghĩ là, dù đi xa những đâu đâu, thì cũng chỉ là những chặng đường để cuối cùng là tới Địa Trung Hải, với nước Ý, nước Tây Ban Nha, nước Hy Lạp và những vùng đất phụ thuộc xứ Bác-ba-ri ở Bắc Phi.

Các thủy thủ tìm mọi cách chỉ dẫn cho cô hiểu, vạch lên mặt đất hình tròn của trái đất, nói rõ đâu là Tân Thế Giới nói chung và đâu là Brésil nói riêng nơi mà họ sẽ đến lập nghiệp.

Colombe nghe và tin ngay là cha mình đã anh dũng tham gia việc chinh phục những miền đất mới đó. Phải gặp ông rồi mới biết tại sao ông lại gọi hai con đến với mình mà không muốn cho ai biết tên tuổi thực đầy hiên hách của mình. Nhưng dù sao, có giữ bí mật danh tính đến đâu cũng không đến nỗi bỏ mặc con cái phải chịu nỗi nhục gông cùm chứ. Và cô chợt nhói đau khi nghĩ đến Just.

Cô hỏi họ liệu có biết Just sẽ bị trừng phạt thế nào. Họ đáp: thuyền trưởng Imbert đang cần người, chắc sẽ giam không lâu. Và họ nói thêm:

- Chắc ông ấy sẽ nọc ra đánh một trận roi, rồi cho qua.
- Đánh roi! – Colombe kêu.

Trong thâm tâm, cô căm phẫn: “Đánh roi một người dòng họ Clamorgan!” Song cô nén nhịn, không bật lên cái tên ấy như bà bác đã dặn.

Quintin hỏi:

- Một trong các anh sẽ được giao thi hành hình phạt đó phải không?
- Không, về việc này, Villegagnon đã chỉ định mỗi tàu có một người. Ở tàu này, là thằng lính người Bantích.

Quintin lắc đầu. Ông quen biết vài tên lính, nhưng tên này thì luôn xa lánh mọi người và không ai biết cách tiếp cận với hắn.

Buổi tối, ông đưa Colombe về nơi mắc võng, ở đó đã có một nhóm người ngồi quanh. Tất cả đều xanh xao hốc hác, tóc để dài, mặc áo rộng bằng vải lanh, song trên môi luôn nở một nụ cười vượt ra khỏi cõi phạm tục, như người đang nhập định, lắng nghe tiếng thánh ca từ đâu trên trời rớt xuống.

Trước đó, Quintin đã nhìn quanh xem có ai nghe được không mới dặn nhỏ:

- Cháu không được nói lại với ai nhé, đây là những người Hà Lan theo giáo phái a-na-bap-ti-xto^[2] đấy. Họ muốn tách ra thành một giáo phái riêng và tin rằng ngày tận thế sắp tới. Họ không cần đến Kinh Thánh; họ đi theo những ý hướng riêng.

Colombe liếc nhìn những bộ mặt nông dân cuồng tưởng, mà không hiểu sao cô thấy không đáng tin cậy chút nào:

- Thật là những người hạnh phúc.

- Phải, hạnh phúc! – Quintin đáp – khốn nạn, họ là những kẻ bị bức hại nhiều nhất trên trái đất. Họ muốn hạ bệ tất cả mọi ông vua, mọi giáo hội, mọi vương miện. Một số họ muốn sống trần trụi giữa thiên nhiên như Adam. Họ bị toàn thiên hạ ghét bỏ, chưa bị đưa lên giàn hỏa thiêu cũng là lạ.

- Sao ông lại ngủ cùng với họ? Ông cùng một giáo phái với họ?

- Ta ấy ư? – Quintin đáp ngay. Không đời nào! Ta luôn làm theo Kinh Thánh.

Rồi ông nói thêm, về bí mật:

- Song ta có vài điểm chung với họ.

Đám a-na-bap-ti-xơ niềm nở tiếp Colombe. Bằng một thứ thổ ngữ Đức mà ông Quintin hiểu được, họ đã cho biết một số thông tin. Điều kỳ lạ nhất là, họ nắm được những việc xảy ra trên tàu này và cả hai tàu kia nữa, thật không sao hiểu nổi. Theo họ, trên tàu chỉ huy đã xảy ra một vài bất đồng giữa Villegagnon với nhà nghiên cứu vũ trụ và các hoa tiêu trong việc xác định tọa độ của tàu. Người muốn hướng nữa về phía nam, kẻ lại bảo phải đi chệch lên phía bắc. Tóm lại, còn lâu mới tới nơi, mà các thứ dự trữ đang cạn dần.

Tàu *Rosée* hóa ra lại may mắn nhất trong số ba tàu vì trong cơn bão, người bỏ trốn khá nhiều. Song trên tàu chỉ huy, tình hình nguy ngập hơn vì không còn đủ lương thực. Nước ngọt cũng thiếu và bẩn, và có vẻ như bệnh dịch đang xảy ra.

Quintin truyền đạt lại cho Colombe những gì họ nói:

- Theo họ, có thể sẽ chuyển một số người từ *Grande Roberge* sang tàu ta.

Colombe bỗng sinh lo: có thêm nhân lực, người ta sẽ không cần đến hai người bị cùm và bỏ mặc họ rục xương dưới hầm.

Thật phức tạp. Trong khi chờ đợi, trời đã ập tối, Just không có đây, cô sẽ phải ngủ một mình.

- Cháu sẽ ngủ đâu? – Quintin hỏi.

Colombe nhún vai:

- Không biết. Kiểm một góc, trên boong thượng.

- Thế thì ở lại đây. Ngủ chung võng với ta.

Chuyện ấy là bình thường. Để dành chỗ cho những thực phẩm dễ hỏng, người ta hạn chế không cho đem đi nhiều đồ dùng cá nhân. Không đủ võng,

hai ba người thường ngủ chung.

Phải mất một lúc, Colombe mới nghĩ ra, mình được coi là con trai, vậy phải nhận lời đề nghị của Quintin một cách tự nhiên. Thật ra, cứ nghĩ đến việc phải nằm sát ông Quintin khắc khổ, với vẻ mặt âu sầu và tái xanh, đã làm cô vừa ngán ngẩm vừa lo lắng. Nhưng thôi, dù sao cô sẽ bớt cảm thấy thiếu Just ở bên mình.

Việc rửa ráy trên tàu, tùy ai người ấy lo. Có nhóm kéo nước từ biển lên giội ùm ùm. Có nhóm tắm rửa kín đáo hơn. Có nhóm, nhất là đám thủy thủ, thì phó mặc cho độ ẩm của không khí để làm tan bớt mùi hôi hám. Như mọi ngày, tối đến, Colombe rút vào một góc khuất ở boong đuôi, kiếm một thùng nước rồi rửa ráy qua loa, lén lút như người làm việc vụng trộm.

Lúc quay lại, cô đã thấy Quintin nằm ở tư thế thiền định như lúc chiều. Tàn ngán một lúc, cô mới đánh bạo trèo vào võng, làm ông bị đu đưa quăng quật tứ phía mất một lúc.

- Colin, cháu không cầu nguyện à? – Quintin hỏi.

- Thưa có, nhưng cháu cầu thầm thôi ạ.

- Chúa yêu thương tất cả chúng ta.

- Vâng... cháu biết.

Hai người a-na-bap-tít-xơ đã ngáy khò khò và Colombe bắt đầu hồi tiếc đã không nằm dưới sàn. Colombe cựa quậy một lúc rồi nằm quay lưng lại Quintin, co quắp cả tay chân, dù sao cũng thấy lòng ấm áp vì có hơi người bên cạnh. Cô nhắm mắt, tưởng như nhìn thấy Just và mỉm cười với anh.

- Và Chúa thấu hiểu mọi ước nguyện của chúng ta. Bí hiểm là ở chỗ đó.

Giọng nói của Quintin vẫn đều đều, nghiêm nghị. Nhưng Colombe không nghe thấy nữa, vì cô đã ngủ.

CHƯƠNG 9

Tất cả những người túc trực ở mũi tàu để xem trái đất có tròn thật không, có vực thẳm và những quái vật dưới đó thật không, đã hết hoài nghi và bắt đầu lấy lại niềm tin. Màu xanh vùng nhiệt đới tự nhiên tối sẫm lại. Những đám mây tả tơi, đám lớn xen lẫn đám nhỏ, bay nhanh về phía chân trời. Hời sáng, sương mù dày đặc bao phủ mặt biển bốc mùi cá ươn. Đến trưa, gió đổi chiều liên tục, nên phải dùng đến cột buồm mũi. Thuyền trưởng Imbert phải thân chinh ra cầm bánh lái, chứng tỏ tình hình nghiêm trọng. Ông ra lệnh nạp đạn, vào bốn cỗ súng, phòng khi sương mù dày nữa thì phải nổ súng để liên lạc với hai tàu bạn.

Nhưng cuối cùng, trời lại mưa. Mưa rơi từ một đám mây đen kịt làm không khí trở nên lạnh lạnh. Đám mây ấy khiến tất cả những gì ở gần đều mờ tối, trong khi một quầng sáng vẫn tiếp tục rực rỡ một màu lam nhạt ở toàn bộ vành chân trời phía xa.

Colombe chạy ra đứng cạnh cột buồm cái, toàn thân run rẩy vì sung sướng, giang hai tay, ngửa mặt nếm những hạt mưa nặng trĩu mát lạnh. Tuy có nhon nhót một chút nhưng dù sao vẫn là nước ngọt; bản năng bảo cô phải há miệng hớp lấy từng ngụm không khí ẩm ướt. Một thủy thủ mà ông Quintin đã giới thiệu cho cô làm quen đi qua và bảo:

- Đừng uống như thế, nước lúc này chứa đầy chương khí.

Mưa trút suốt ngày và cả buổi tối. Colombe được yêu cầu ngủ ngay trên boong vì thuyền trưởng muốn ai nấy phải sẵn sàng, ông cũng cho tăng gấp đôi số người gác. Dù nằm dưới tấm vải bạt, cô vẫn run cầm cập suốt đêm. Sáng ra, mưa gió đã ngớt, mặt trời ló rạng hong khô mọi quần áo, nhưng đúng như anh thủy thủ nọ nói, da mọi người bị nước mưa ăn bọt bọt, có chỗ mưng mủ. Ông thầy lang được dịp trở tài pha chế một thứ thuốc bôi, ai nấy xếp hàng để chờ đến lượt mình được thoa lên các vết xước.

Từ tàu chỉ huy truyền sang những tin tức xấu. Ba tàu đi song song, các thuyền trưởng vừa gọi vừa trao đổi tín hiệu với nhau, rồi cả ba tắt máy. Khi

Colombe trông thấy bên sườn tàu *Grande-Roberge* một chiếc xuồng được dùng dây hạ xuống biển, cô nghĩ bụng: ra nhóm a-na-báp-tít-xơ nói đúng. Tuy nhiên, nhìn sang nhóm này vẫn thấy họ thản nhiên như không, hầu như không chú ý đến bất cứ ai quanh mình.

- Để xem những ai sang bên này – Quintin đến sau lưng cô lúc nào không biết, nói nhỏ.

Mười anh lính nai nịt gọn gàng, vũ khí trang bị từ đầu đến chân, người nào cũng đeo cây thập tự trắng lưng lửng trước bụng, lần lượt leo thang dây từ trên tàu *Grande-Roberge* xuống xuồng và thận trọng tìm một chỗ ngồi. Rồi đến một thầy tu mặc áo choàng đen, rồi ba người nữa ăn mặc kiểu trưởng giả. Quintin thốt lên:

- Tình hình chắc nghiêm trọng, toàn những ông to sang trú bên tàu ta.

Các tay chèo cũng ra sức đẩy mạnh một cái để cho xuồng được đà và tách ra khỏi tàu. Sau đó thì họ rẽ nước không khó nhọc lắm và đến cập mạn tàu *Rosée*. Toàn bộ thủy thủ đoàn cung kính đứng chờ những người mới đến. Ông thầy tu bước lên trước tiên. Thuyền trưởng Imbert lễ phép cúi chào và đưa ông ta vào phòng riêng.

Quintin nói:

- Đây là lão Thevet, thầy tu dòng Cordeliers, là chuyên gia có uy tín của nhà vua về vũ trụ học.

Colombe không thể biết trong cái giọng xưng lên những chức danh đó là bao hàm sự kính trọng hay khinh thị.

Theo sau viên thầy tu đến các vị khác. Một người trong số đó lúc trèo lên thang bị một đợt sóng đánh bất ngờ nên quần áo ướt đầm. Một số người chạy tới tỏ vẻ sẵn sàng, thì ông ta kiêu gạc đi, chỉ yêu cầu cho một cái giẻ lau vỏ kiềm bị ướt. Colombe nhận ra đó là Ganzagues.

Trong khi đó, chiếc xuồng nhỏ đã quay trở lại tàu *Grander Roberge*. Ai nấy yên lặng chờ xem chuyện tiếp theo.

- Lần này chắc là Villegagnon! Quentin đoán.

Phía bên tàu chỉ huy, các thủy thủ lẳng xẵng, nhưng chưa có ai leo thang xuống thuyền. Bỗng có một vật hình vuông màu sẫm to lù lù được khiêng qua thành tàu một cách rất vất vả. Tiếng hò dô ta ồn ào làm rộn rã cả một góc biển tĩnh lặng. Cái khối to đen ấy được dòng dây lặc lư hạ dần xuống.

Cả tàu *Rosée* đổ xô về mạn trái để quan sát. Do chuyển động đột ngột của khối người, chiếc tàu nghiêng hẳn về một bên.

Cái hình thù màu đen ấy đã được hạ xuống. Nó vừa đến nơi, chiếc xuồng liền chòng chênh dữ dội, gây ra những tiếng kêu thất thanh. Các tay chèo thận trọng ổn định chỗ ngồi. Cuối cùng, chiếc xuồng từ từ rời tàu mẹ tiến về phía tàu *Rosée*.

Một lúc lâu sau, Colombe vẻ vẫn hoài nghi, và cả đám người im lặng xung quanh cô, mới dần nhận ra cái khối lù lù ấy là một cái tủ buýp-phê gỗ màu thẫm. Tự nhiên lại có một vật khác thường, lắc la lắc lư trên sóng như thế, xuất hiện ở giữa Đại Tây Dương, nếu không phải là ở giữa thì ít ra cũng ở gần núi lửa Etna thuộc đất Xixin, nơi các ông thợ rèn khổng lồ có một mắt ở giữa trán Cyclopes sống, thì thật là lạ lùng. Chiếc xuồng chở cái khối to cao, đen bóng, với sáu mái chèo, trông chẳng khác gì một con bọ hung bò lồm cồm trên mặt nước màu be của buổi hoàng hôn.

Sang tới *Rosée* rồi, mất một thời gian dài nữa mới kéo được nó lên boong. Giờ thì nó ngự đằng hoàng giữa boong thượng. Đó là một cái bàn làm việc vừa là cái tủ có nhiều ngăn kéo, cánh cửa và chân đều gọt giữa cầu kỳ. So với các thứ bằng gỗ khác trên tàu: gỗ sần bạc phếch, sần bạc phếch vì nước mặn, cột buồm thô ráp, đánh véc ni xấu xí, tất cả phải chịu cúi mình chào thua chất gỗ mun bóng lộn, sang trọng, dát ngà voi.

Ai nấy đều rụt rè xúm quanh cái tủ đang đứng oai vệ trên bốn chân giữa boong. Những mảnh ngà voi gắn trên mặt trước thể hiện hình một cái sừng đội đầy hoa và quả, tượng trưng cho sự giàu sang và thịnh vượng, bên trên có một chiếc mũ miện. Cách gia công thật tài tình và phần lớn mọi người trên tàu chưa bao giờ được thấy một công trình khéo léo đến thế. Nhưng với

Colombe, nó gọi trong cô một kỷ niệm xa xưa từ nước Ý. Hồi đó vào mùa thu, có lẽ lúc cô lên bảy. Một quý bà đứng tựa chiếc tủ giống như cái này, nói chuyện với cô. Nhưng ở đâu nhỉ? Cô lục mãi trí nhớ, song không tìm ra.

Bị thu hút bởi con bọ khổng lồ vừa đậu xuống boong, ít ai để ý đến việc chiếc xuồng đã quay về tàu *Grande-Roberge* và đang trở lại một chuyến nữa.

Bởi vậy, mọi người giật mình khi nghe tiếng nói to:

- Lạy thánh mớ bãi! Nó đây rồi.

Hai tay vịn lên thành tàu, Villegagnon cười rất tươi thốt lên như thế khi trông thấy chiếc tủ gỗ mun bóng loáng.

*

* *

Ngài hiệp sĩ Nicolas Durand de Villegagnon cao hơn hẳn người khác một cái đầu, tóc muối tiêu cắt ngắn, cũng bất kham như những chi tiết còn lại trên người ông, đi đi lại lại xem xét lãnh địa mới của mình. Chỉ vài bước chân, ông đã nhảy từ tháp mũi xuống boong trước, tay vẫn khoác vai thuyền trưởng Imbert:

– Ở *Grande-Roberge*, ta đã thấy chật rồi, hướng hồ tàu này. Nhưng không sao, rồi chúng ta cũng sẽ quen thôi.

Thực ra, những người cùng sang tàu *Rosée* với ông đã quen ngay. Cái từ “chúng ta” ấy là từ “tôi” nói một cách độ lượng, sẵn sàng đồng cam cộng khổ.

- Tàu bên kia ấy ư, như một bãi chiến trường ấy! Đô đốc nói tiếp bằng một giọng cố cho nhỏ nhưng vẫn vang từ mạn tà này sang mạn tàu kia.

Ông nhìn sang tàu *Grande-Roberge*. Chiếc xuồng đang được kéo lên.

- Cứ mười người thì có tám bị mắc. Đã có hai người chết rồi. Trong đó có cả thằng thợ cạo riêng của ta. – Ông đưa tay lên xoa cái cằm tua tủa râu đen. Hy vọng ta không mang theo dịch bệnh sang bên này.

Sau mấy lời tâm sự ấy, ông chợt nhớ đến các thủy thủ và những người khác vẫn đang đứng yên, và nghĩ chắc họ đang chờ nghe ở ông một lời hiệu triệu. Gì chứ việc ấy thì ông sẵn lòng. Ông liền đến bên chiếc tủ, đứng chống tay lên đó một cách oai vệ, và diễn thuyết:

- Hỡi các bạn! Chuyến đi của chúng ta đang tiến hành thuận lợi. Nước Pháp mới đang ở gần, chẳng mấy chốc ta sẽ tới. Từ đây đến đó, các bạn có vinh dự được phục vụ trên tàu phục vụ trên tàu đô đốc. Không phải vì có mặt ta mà nó trở thành tàu đô đốc đâu. Thực tế chính là cái này nó nâng tàu *Rosée* lên nhận danh hiệu ấy.

Ông chỉ vào chiếc tủ, vỗ vỗ vào một cạnh. Như một võ sĩ bị đánh vào bụng phải há mồm ra, nó lập tức để mở ra một cánh cửa bên trong có mười hai ngăn kéo ốp vẩy đồi mồi và đường chỉ bằng đồng.

Villegagnon thò ra một luồng hơi mạnh đến nỗi, nếu thổi vào một cánh buồm thì cũng có thể làm nó căng phồng lên ngay, và nói tiếp:

- Các bạn nhìn đây, cái tủ bằng gỗ này chứa trong mình toàn bộ thánh ý của cuộc viễn chinh này. Bên trong này là các chỉ dụ của vua Henri II ủy nhiệm cho chúng ta thiết lập chủ quyền trên các vùng đất mới châu Mỹ. Ngài Amberri, công chứng viên của chúng ta – ông ấy đứng đâu nhỉ? – Sẽ xác nhận mỗi tấc đất chiếm được vào một văn bản và các văn bản ấy sẽ được cất giữ trong các ngăn kéo này. Khi ta gửi chiếc tủ này trở về Pháp, tức là ta chuyển lên Hoàng đế những chứng thư xác nhận quyền sở hữu của Người với vương quốc Brésil mới, do tất cả chúng ta dâng lên Người.

Tiếng hoan hô vang dậy.

Bài diễn văn của Villegagnon đã gây được tác động sâu sắc. Nếu những người trên tàu *Grande-Roberge* nghe đã phát ngán đến mức không thể tiêu hóa thêm được nữa thì đối với tàu *Rosée*, nó vẫn mới là và làm trào dâng lên một là sóng phẫn chấn mạnh mẽ. Thủy thủ ưỡn ngực hãnh diện, còn

những hành khách khác cũng được nhắc lại mục tiêu của chuyến đi mà có lúc họ lãng quên. Ngay cả nhóm anabaptit, vốn căm ghét và muốn lật đổ các ngài vàng, cũng dường như phấn chấn vì sắp có một vương quốc mới để chống lại.

Ngài đô đốc kết thúc diễn văn bằng những lời khích lệ đầy nhiệt huyết:

- Nào, thuyền trưởng Imbert, hãy tiến lên! Hãy giương tất cả buồm lên và hạ lệnh cho đoàn tiếp tục lên đường! Từ nay, ông sẽ là chỉ huy.

Đám thủy thủ, mặc dầu người vẫn ngửa ngáy bởi mụn nhọt, mặc dầu đói ăn và gầy yếu, bỗng như được tiếp thêm sức mạnh để leo thoăn thoắt lên cột buồm.

Chỉ bằng vài lời, Villegagnon, người cao lớn trông chẳng kém gì cái tú gổ mun, với bộ râu và cặp mắt đen nhánh liền kề cái mũi dài như một cây ky, đã tái sinh cho con tàu mòn mỏi trong cơn đờ đẫn, chìm ngập trong thói đồ kỵ và mảnh khảnh thấp hèn. Hải lòng vì kết quả đó, ông ta đi vào khoang đuôi, đóng cửa lại. Colombe nhìn theo, thấy lòng rung rung xúc động.

Cô gặp lại ông Quintin trên khoang boong, tay cầm một cái bát. Không may may rung động, ông lắc đầu, chép miệng, vẻ bất mãn:

- Hắn đã quen với chiến trường, giỏi cách kích thích binh sĩ.

Bữa chiều ăn xong, hai người lại lân la đến với các nhóm. Chỗ nào cũng bàn tán rôm rả. Và lần này họ có tin mới cho Colombe. Một thủy thủ thì thào:

- Jacques đã gặp anh cậu.

Và anh chàng Jacques này vẫn chưa thấy đau. Một lát sau, anh ta mới tới, vừa cầu nhàu kêu ca về những vị khách mới đến:

- Bực cả mình! Các ông lớn này vừa mới tới đã hoành hợ chuyện này chuyện nọ. Lão thầy tu lôi ra những máy móc gì chẳng biết, nói là để đo các

vì sao gì đó. Lão bắt tôi cầm đèn soi cho lão suốt hai tiếng đồng hồ, mỏi rã cả chân.

- Anh đã gặp Just ư? – Colombe ngắt lời.

- Phải. Tuần này, đến lượt tôi phải mang thức ăn cho nó.

- Anh ấy thế nào?

- Thì chân trong cùm rồi thì cũng phải cố mà khỏe chứ còn biết làm sao nữa.

- Ôi, khổ anh tôi quá! Chắc anh ấy khổ sở lắm, có khi lại còn bị ốm nữa không biết chừng.

- Sướng quá còn gì! Khỏi phải làm việc mệt nhọc, khỏi phải cầm đèn soi cho thầy tu.

- Cái đũa đánh anh ấy có ở cùng?

- Có chứ. Hai đũa bị cùm sát cạnh nhau, trông chúng nó có vẻ khá thân thiện, như hai anh em ấy.

Đây là một tin tốt lành nhưng Colombe vẫn cảm thấy hơi khó chịu vì sự gần gũi ấy.

- Anh ấy có nhắn gì tôi không?

- Không.

Cô chợt nảy ra một ý nghĩ ghen tị là mình đáng được thương xót hơn anh nhiều.

- Mai anh có gặp anh ấy nữa không?

- Sáng gặp, chiều lại gặp.

- Tôi đi cùng được không?

- Không được. Thuyền trưởng đã bắt tôi thề là phải tuyệt đối giam kín chúng nó. Mà cái bọn lính mới từ tàu kia sang lại là chúa hay rình mò...

Jacques hứa sẽ nói với Just rằng cô vẫn khỏe và cô gửi lời hỏi thăm.

Suốt từ đó Colombe loay hoay nghĩ cách để cứu Just ra. Nghĩ đi nghĩ lại, cô cho tốt nhất là kêu cầu lên tận Villegagnon. Mới nhìn qua, đã thấy ông có vẻ là người đàng hoàng, công bằng. Bây giờ chỉ cần nắm được thói quen hằng ngày của ông và chờ dịp tiếp cận mà không bị bọn tùy tùng hay thuyền trưởng Imbert ngăn cản.

Tối ấy, để mừng việc chuyển sang tàu mới, đô đốc Villegagnon cho mở kho lấy ra ba vò rượu. Mọi người chuyển tay thay nhau tu. Hơi nóng đã làm cho rượu có vị ngon ngọt. Colombe cũng thích vị ngọt ấy nên khi các thủy thủ mang cái vò để trong giỏ đan bằng cành liễu đến, cô không từ chối và uống thêm một lần nữa, có ông Quintin bên cạnh nâng giúp lên tận miệng.

Đồ uống ấy, cộng thêm đêm trước đó phải nằm trên boong, khiến cô chìm ngay vào giấc ngủ đầy mộng mị. Cô ngủ say đến nỗi, sáng ra, chỉ nhớ mang máng về những gì diễn ra trong đêm và không phân biệt nổi đâu là thực, đâu là hư, trong những việc mà cô cảm thấy như mình đã trải qua, nhưng không rõ ràng. Cô muốn hoài nghi mà không được. Chứng cứ là cô tỉnh dậy dưới đất chứ không phải trên võng, như vậy tức là ký ức đã không đánh lừa cô.

Mọi việc diễn ra trong ánh sáng lung linh một màu xanh bàng bạc từ vàng trắng tròn vành vạnh tỏa xuống và từ mặt biển, như một chiếc gương lấp lánh, hắt lên. Tất cả các cửa sổ thành tàu đều mở toang để cho hơi người và mùi hôi rình và khét lẹt của hàng hóa thoát bớt ra ngoài.

Colombe định cựa mình để thay đổi tư thế nằm thì thấy vương vịu và nghệt thở. Cô mở choàng mắt. Quintin nằm áp vào cô, bộ mặt âu sầu kề sát mặt cô. Thấy cô đã thức, ông liềm mỉm cười. Ông đã cởi áo từ bao giờ và hai cánh tay trần luôn dưới áo khoác cưỡi ngựa của cô. Colombe cảm thấy

đôi bàn tay dài ngoằng vuốt ve lưng mình. Đêm đã khuya và cô vẫn nửa tỉnh nửa mê, chưa thể có phản ứng quyết liệt ngay được.

- Ông làm gì vậy? – cô lầm bầm.

- Ta ôm cháu vào lòng – Quentin lúng búng đáp.

- Tại sao?

- Là vì ta muốn thế.

Cô lơ mơ nhận thấy mình phải cưỡng lại nhưng đôi tay của Quentin rất dịu dàng và cô cần phải thật cương quyết mới có thể dùng bạo lực để đối phó.

- Thôi nào, thế là không tốt.

Quentin vẫn đưa tay vuốt ve khắp người cô, mà do cái nóng bức của vùng nhiệt đới, quần áo cô lại không lấy làm gì dày dặn lắm, và nói:

- Có gì xấu đâu, vì là do tình thương yêu đưa dắt mà. Thượng đế đã cho con người ý thức nhận biết cái gì là thiện. Tất cả những gì chúng ta ham muốn đều là tốt, nếu là do tình thương yêu dẫn dắt.

Lời lý thuyết dài dòng ấy làm Colombe e ngại hơn cả động tác vuốt ve: cô nhận ra trong đó lối rao giảng ảm đạm và những cách chủ giải Kinh Thánh dài dòng của Quentin. Cô lấy hết can đảm đẩy tay ông ta ra và cự tuyệt:

- Có thể đây là ham muốn của ông, nhưng không phải của tôi.

Quentin không cố dùng sức mạnh để áp, và ông làm gì có hơi sức, trong khi Colombe lao động suốt ngày với thùng chấu, thừa sức lực để chống lại. Nhưng chuyện đó đã không xảy ra. Cô lặng lẽ tuôn khỏi vũng và ra nằm cạnh một cỗ pháo.

Sáng hôm sau gặp lại, Quintin vẫn có bộ mặt thản nhiên, dăm chiêu, nghiêm nghị như mọi ngày, khiến Colombe tự hỏi có phải mình đã nằm mơ. Nhưng đến trưa, lúc cô mang đĩa ăn ra đứng tựa mạn tàu – đó là cách duy nhất để gió thổi đi bớt mùi ẩm mốc của thức ăn – thì Quintin tiến đến, đứng sát cạnh. Ông nhìn ngang nhìn ngửa cho chắc là không có ai ở gần và nghe thấy. Ông thì thầm, vẫn cái giọng buồn buồn ngao ngán lúc đầu:

- Khổ thân cháu, ai mà lại bắt cháu lên tàu một thân con gái đơn độc thế này, lại còn phải giấu biệt giới tính của mình nữa chứ?

Thoạt nhớ lại chuyện hồi đêm, Colombe vô cùng tức giận:

- Ai cho phép ông khám phá điều đó?

Cô gườm gườm nhìn ông, khiến ông phải quay mặt đi. Ông ta sẽ làm gì mình đây, tố giác chắc? Song ngày sau đó, cô thay đổi ý kiến thì thấy ông già dễ dàng chịu nhin. Rõ ràng ông ta không thuộc loại đàn ông thô bạo, do bị nhục dục thôi thúc mà ép buộc người khác phải chịu đựng và bản thân cũng phải gánh lấy hậu quả. Ở Quintin, mọi hành động lại do cái đầu thôi thúc: ông ta tuân theo cái kiểu dụ giảng về tình yêu mà ông tưởng mình đã được đọc trong Kinh Thánh, một cách có phương pháp và hơi miễn cưỡng; để duy trì ngọn lửa niềm tin ấy, ông ta phải gạt sang một bên chút dục vọng mà tự nhiên đã ban cho cái cơ thể gầy còm của ông một cách rất tiết kiệm. Colombe dịu dàng hỏi:

- Ông Quintin, ông bị xét xử vì phạm tội gì?

- Ta là thợ làm kính ở Rouen; không có ai được kính trọng bằng ta, ít nhất là trong thời gian ta còn chưa có tham vọng đem ánh sáng chân lý đến mọi người, và việc đó, ta mới được mở mắt từ ba năm nay.

- Ai mở mắt cho ông?

- Một người lữ hành chịu nhiều đau khổ ở Đức, đã đến với ta. Ta giấu người đó trong nhà cho đến khi ông ta đáp tàu đi Saint-Laurent.

Colombe đắm đắm nhìn trước mắt, dõi theo làn rẽ nước thông thả sau tàu Grande-Roberge, nữ hoàng bị thất sủng.

Thế là ta bỗng được soi sáng, và bỏ hết những miếng kính nhỏ bé đổi lấy cái kính vũ trụ vĩ đại, nhìn đâu cũng thấy mình bạch và tốt đẹp.

Nói rồi, ông nhẹ nhàng đặt tay lên cuốn kinh thánh luôn có trong người:

- Có lẽ lúc ta đã đặt hết nhiệt tình vào lời rao giảng nên được nhiều phụ nhân ở Rouen tin cậy, họ giới thiệu ta với nhiều bà bạn khác. Và thế là ngày đêm ta miệt mài đưa lời Chúa dạy về tình thương yêu vô tận vào những trái tim cộng hưởng.

- Như ông định đưa vào lòng tôi đêm qua?

- Phải.

Colombe quay người lại nhìn tận mắt Quintin. Cô không thể tin được, ông ta thốt ra một lời thú nhận như thế mà không hề nhếch mép. Nhưng không gì có thể chọc thủng được vẻ nghiêm nghị của ông ta.

- Rồi người ta tố cáo ông?

- Không phải! – Quintin la lên. – Chính kết quả của việc ta làm đã tố cáo ta. Bởi vì tính chất thánh thiện của tình dục đã được các bà, các cô linh hội thông suốt và họ đã tự nguyện đi theo ta ngày càng đông. Đến mức có lúc ta tưởng như mọi người trong thành phố chỉ còn biết đến yêu thương và tán dương nhau mà quên đi mọi ghen ghét và hận thù.

Colombe nhìn Quintin, nghĩ bụng: Ông già này điên.

- Như vậy thì bao giờ những kẻ xấu bụng cũng lo sợ; những tên chuyên sống trên nỗi khổ của người khác; lũ giả danh thầy tu chỉ yêu Chúa ở cái lỗ mồm; những quan tòa ngu dốt; những cảnh sát sa đọa...

Colombe cứ để cho ông già kể lể; cô bỗng thấy không có gì đáng lo ngại. Quintin đáng thương, không đáng sợ. Có khi ông ấy chia sẻ bí mật về

sự cải trang của mình, có khi lại hay. Có Just ở bên, cô đóng vai nam một cách tự nhiên, không khó khăn vì đã có anh cùng đóng kịch, anh nhắc nhở nếu có lúc cô nhớ quên. Trong tình cảnh cô độc, cô luôn có cảm giác mình sắp bị lộ. Nay có thêm Quintin...

- Ông Quintin ông hãy hứa...

- Thật ư? – Ông...

Cô cười và rút tay lại:

- Ý cháu là qui đạo vừa đủ để từ nay ông khỏi...

- Ô! Ta thề sẽ làm tất cả những gì có thể để không ai phát hiện ra cháu là gái.

Cô không hiểu, niềm vui mà ông ta để lộ ra ngoài là do đã thu phục được cô hay do thở phào nhẹ nhõm vì đã giải quyết được chuyện khó xử đêm hôm trước.

Colombe thở phào: từ nay cô có thêm một người bạn. Sự thân thiết ấy sẽ không thừa để cô thực hiện một kế hoạch mạo hiểm đang ấp ủ.

CHƯƠNG 10

Phòng ngục chỉ đủ chỗ cho ba người. Khi Just và Martin bị tổng vào đó, đã thấy có một tù nhân, đó là một tay thợ mài dao già nua định chạy trốn lúc tàu đi qua bờ biển nước Anh. Hai chàng trai bị xích tay vào nhau, chân bị cùm liền với vách, còn đang lăm lè ôm mỗi hận, nên chỉ còn lão mài dao độc thoại.

Lão kể lể dài dòng vì sao lại bỏ nhà ra đi. Vừa mới mâu thuẫn với ông em họ, đồng thời là người chung vốn làm ăn, một chút, lão đã nổi khùng lên và, không hề đắn đo suy nghĩ, đã lên luôn con tàu này. Lão còn kể lể về bà vợ ở nhà ngày càng già và xấu đi trông thấy; trong khi lão thì thấy mình vẫn còn tráng kiện và ham thích thú vui xác thịt. Nhân chuyến đi này, lão định tìm kiếm của lạ nơi những cô nàng mọi rợ chốn rừng xanh. Nhưng vừa nói ra tâm sự thâm kín ấy xong, lão đã tự trách mình mơ tưởng hão và ngu độn, đã tỏ ý tiếc rẻ cái cửa hàng cũ, đã thấy thiếu những bữa bia say sưa cùng ông em họ mỗi buổi tối, tại quán rượu, và nhất là lão đã thấy nhớ bà vợ và hai cô con gái mà mỗi lần nhắc đến, lão lại không khỏi chảy nước mắt.

Sau hai ngày phải chịu đựng cái điệp khúc não nề, quanh quẩn hết chuyện dâm dăng đến chuyện tiếc của, tiếc vợ con và những điều ngu ngốc khác, hai cậu mới bị giam đã phát ngán đến tận cổ. Đã vậy, lúc ngủ, lão lại còn ngáy như kéo bễ nữa. Sự có mặt của lão có lẽ chỉ có cái lợi là làm hai cậu lãng quên chuyện riêng của mình, thậm chí vô tình xích lại gần nhau đứng về một phía. Đến lúc trời mưa rả rích, không khí ẩm sì, thuyền trưởng Imbert thấy các đồ sắt, thậm chí cả dao, kiếm, rìu gỉ ngoèn, liền gọi lão thợ mài ra khỏi ngục, chỉ cả đồng đồ kim khí, bắt phải mài lại cho bóng và sắc.

Còn lại Just và Martin, song lúc này mỗi hận thù dường như đã nguôi. Một sáng, họ nghe tiếng gãi gãi sau vách gỗ, rồi có ai lách qua khe hở đút vào một thỏi xúc xích. Martin chớp lấy, đưa lên miệng một cách khoan khoái. Hắn nhồm nhoàm nói:

- Tao có một tên đàn em làm ở trong kho.

Ăn một mình trước mặt người đói thì không hẳn là thú. Martin chẳng ghét gì hơn là nỗi cô đơn: lúc nào cậu cũng cần có người chia sẻ mọi cảm xúc, dù những cảm xúc của cậu hay hay dở. Vì vậy, cậu ta có quảng cho Just một nửa thỏi xúc xích cũng không phải là không có ý đồ ích kỷ.

Nhưng Just quay mặt đi cho nó rơi xuống đất, Martin kêu:

- Sao? Mày thích chết đói à?

- Mày đã xúc phạm danh dự của tao!

- Danh dự! Mày tưởng mày là ông lớn nào vậy?

- Tao là con nhà quý tộc đảng hoàng – Just vênh mặt, song mắt không khỏi liếc nhìn mẫu xúc xích.

- Và vì thế mà mày không cần ăn? Thế mày tưởng quý tộc thì mãi danh dự ra mà sống? Tao nói cho mày biết: mày đang bị xích như một con vật trong cái xó tối tăm bẩn thỉu này và sắp bị đưa sang chôn man di mọi rợ, đến đó rằng mày dần dần sẽ rụng hết. Đừng tưởng mày cứ hực hực với tao thì mày sẽ thoát, cả thằng em mày nữa.

Đúng là Just vừa nghĩ tới Colombe một thân một mình trên tàu, không biết có gặp hiểm nguy gì không. Và cậu hiểu ra rằng nếu cứ giữ thái độ căng thẳng, sẽ chẳng có lợi gì cho mình, và nhất là cho em.

Martin liếm mép bóc vỏ miếng xúc xích ăn dở và nói tiếp:

- Nói riêng cho... hoàng cơ.

- Mày ấy ư! – Just ngạc nhiên thốt lên.

- Phải, chính tao. – Martin nói và làm bộ điệu một người từng ăn uống no say.

Just nhún vai.

- Sao, mày không tin à? – Martin bắt chước vẻ mặt sừng sốt của Just. A, vậy là mày xúc phạm tao đó. Tao cũng có danh dự, tao phải hỏi tội mày.

- Thế mày kể xem sao. Just nói, cố giấu một nụ cười.

- Mày nói trước. Nói chung, nói chuyện với ai, tao vẫn biết người đó là ai. Làm thế nào mà ngoài tao ra, còn có một thằng quý tộc nữa cũng phải nhốt vào đây?

Just liền kể chuyện của mình, thoát đầu là miễn cưỡng, sau là thoải mái, vì thấy đối thủ lắng nghe. Và cũng rất tự nhiên, cậu cầm lấy mẩu xúc xích mà Martin đã dành cho mình. Ngược lại, Martin cũng hài lòng thấy cậu ăn ngon lành.

Sau khi đã kể hết đời mình, Just nói:

- Bây giờ đến lượt cậu!

- À, mình thì đơn giản. Người ta tìm thấy mình bị bỏ rơi lúc còn đỏ hỏn trước cửa nhà thờ, đúng vào ngày lễ các Vua. Vậy mình chẳng con ông hoàng là gì.

Hắn nhăn cái mũi bẹt, cố lấy giọng pha trò, trông khá ngộ nghĩnh. Cả hai cùng phá lên cười, mặc nhiên coi như xí xóa chuyện cũ.

Martin sinh ra tại Rouen, lớn lên ở cô nhi viện. Lên mười tuổi, nó bỏ trốn đi Honfleur sống lang bạt với những trẻ khác, ban đêm vào các kho hàng ở bên tàu để ăn cắp. Khi vẫn còn nhỏ con, nó leo dây neo lên các tàu, xục xạo vào hầm để kiếm chác. Rồi nó thu nạp hai đứa bé hơn, coi là đàn em, để thực hiện các việc đột nhập lên tàu thay nó, kiếm được gì phải cống nạp cho đàn anh. Nó thông thạo về tàu bè, bến bãi, nhà kho. Nó đã nghe nói nhiều về Brésil vì hàng năm có tới hai chục tàu thuyền Pháp qua lại. Nó than thở:

- Biết thế, tao chẳng dại bỏ Honfleur mà đi, nếu không bằng giờ tao vẫn sống đàn ông hoàng.

Nghe tiếng cảng Havre-de-Grâce mới nổi, Martin liền mò tới. Song ở cái thành phố mới này, những kẻ như bọn nó bị xua đuổi ráo riết. Nó và hai thằng em lại bị cảnh sát đưa vào cô nhi viện. Vô phúc thay, đúng trước hôm chúng định bỏ trốn thì lão Thoret mò đến tìm trẻ em và vớ được chúng.

Just bảo hẳn kẻ cho nghe về Brésil; hẳn thao thao nói ở đó có gỗ quý, có mọi ăn thịt người, và đến đây hẳn nheo mắt hóm hỉnh, có con gái Anh điêng ở trần và rất nồng nàn tình tứ. Martin đã kiếm sống ở nhiều bến cảng, nên chuyện về trai gái, nó tỏ ra là một tay chơi lão luyện. Thấy nó gãi gãi giữa hai đùi non khi kể về chuyện ấy một cách thích thú, Just cảm thấy ghê tởm cả người.

Một cách thận trọng, mặc dù mẩu thuấn giữa hai cậu đã giải quyết xong, Martin đã dần dần moi được hết những thông tin về người cha mà Just định đến gặp.

Với tất cả sự tẻ nhạt mà tính thô thiển chưa làm mất hết, Martin nêu lên những mối nghi ngờ rất chí lý trong câu chuyện mà Just kể. Xưa nay chỉ có những đoàn tàu buôn đi Brésil. Cha Just không phải nhà buôn, vậy không thể ở trong số đó. Chẳng nhẽ ông xoay sang làm cướp biển? Thực tế đã có một số quý tộc trở thành những kẻ giang hồ trên biển, ở đó cũng có mạo hiểm, có vẻ vang như ở thời hoàng kim của các cuộc Thập tự chinh mà họ hằng mơ ước. Trao đi đổi lại về giả thuyết này, cả hai sinh ra phân vân. Cuối cùng Martin an ủi: việc gì cũng có thể xảy ra, và một tướng lĩnh vì lý do nào đó có thể sang Brésil tìm hiểu cơ hội tung hoành cho thỏa chí. Song, nghe Martin nói ở bên đó không có vương quốc, không có nữ quân thần xinh đẹp, không có nhà thờ Vatican, lại không có những đồng quê rải rác cây bách và di tích La Mã là những thứ mà cha cậu yêu thích, Just càng không tin là ông đã sai lầm đến mức phiêu lưu sang tận nơi ấy.

- Dù sao thì hàng tháng vẫn có những tàu buôn từ đó trở về Pháp – Martin nói.

Và thế là Just lại nuôi thêm hy vọng: nếu không gặp cha ở Brésil, cậu vẫn có khả năng tiếp tục đi tìm kiếm ở nơi khác.

Thời gian vẫn trôi nơi ngực tối bỗng bênh trên mặt nước ấy, thỉnh thoảng lại có vài mẩu xúc xích được tuồn vào làm hai cậu vui vẻ trong chốc lát. Trong hầm thật là ngọt ngào và ẩm ướt, ngày giờ trôi đi thật là chậm chạp, họ phải giết thì giờ bằng cách kể chuyện cho nhau nghe. Martin biết rất nhiều chuyện, toàn thu thập được trực tiếp tận đáy xã hội, qua tiếp xúc với bọn hành khất, trộm cắp, gái điếm. Cậu ta đưa Just vào một thế giới xa lạ mà cậu từng lướt qua khi ở Ý nhưng chưa bao giờ thực sự sống trong đó, rồi đã bị tách ra hẳn trong những năm dài nương thân ở Clamorgan. Đến lượt mình, Just kể cho bạn nghe những cuộc phiêu lưu bất tận của Amadis de Gaule, hiệp sĩ lang thang người Tây Ban Nha và người tình tuyệt vời trong truyện của nhà văn Ordóñez de Motalvo.

Tóc có thể rụng nhưng nhúc chấy, lợi có thể thể chảy máu, dạ dày có thể sôi ùng ục, nhưng hồn họ vẫn phiêu diêu trong mộng.

*

* *

Từ khi có Villegagnon và tùy tùng chuyển sang, *Rosée* – vốn chỉ là tàu hậu cần nhỏ – chịu nhiều xáo trộn. Vật chất đã phải nhường chỗ cho tinh thần. Những thùng gỗ nặng trĩu, đám gia súc còn chưa bị làm thịt, toàn bộ những đồ dùng linh tinh tanh tưởi phục vụ cho bếp ăn đều bị đánh bật dễ dàng bởi cái tinh tế đầy biến ảo của nghệ thuật, khoa học, tư duy. Các phòng ở đuôi tàu, trước dùng tạm làm kho, và thuyền trưởng cùng với thuyền phó thường ngủ và vật ở đó, nay được dọn dẹp, trở thành một căn phòng sang trọng, sáng sủa, các cửa sổ lớn ở khung đuôi tàu được mở toang, đón ánh nắng lấp lóa từ dưới biển ủa lên.

Colombe và một thủy thủ tập sự khác được giao việc đánh bóng sàn gỗ. Các đồ đạc được hai chuyển sà lúp đi đi về về chuyển từ tàu mẹ sang. Rèm cửa Thổ Nhĩ Kỳ, do Villegagnon mang từ Hunggari về, chẳng suốt hai bên vách, che khuất bộ rề sườn và lớp tôn vỏ quá lộ liễu của thành tàu. Chiếc tủ gỗ mun được đặt trong căn phòng lộng lẫy một màu hồng điều rực rỡ nắng trông như một hộp nữ trang quý. Villegagnon còn tự tay treo lên tường một bức danh họa của Ý vẽ hình Đức Mẹ và con. Ngoài căn phòng linh thiêng ấy, ngài hiệp sĩ không tỏ ra khó tính lắm: chẳng hạn khi ngủ, ngài chỉ cần mặc

võng ở một góc phòng kế bên, và đám tùy tùng cũng vội bắt chước, nhưng lộn xộn hơn nhiều. Riêng ông giáo sĩ dòng thánh Frăng xoa không làm theo và kiên quyết nằm dưới đất, trong một vật trông y như cái quan tài không có nắp, kiểu ngủ này, ông ta học được khi du lãm ở phương Đông.

Thoạt đầu, Colombe e ngại rằng đám người mới đến này sẽ ru rú suốt ngày ở khu boong đuôi, không tiếp xúc với ai. Có thể đó sẽ là cách cư xử của vài người trong số họ muốn giữ khoảng cách để ra vẻ ta đây. Song Villegagnon với tính cách mạnh mẽ tự nhiên của mình, không ưa những thói phù hoa kiêu căng. Vừa ngủ dậy, ông đã đi lên boong trên, xuống boong giữa, kiểm tra các cỗ pháo. Ông cần không gian rộng rãi không có nên phải chuyển động hình xoắn ốc, bước dưới phăng phăng. Ông cần làm việc không ngại tay, cần khó khăn để khắc phục, nghịch cảnh để thử thách, và cảm giác sờ tay chất đồng của khẩu thần công như truyền cho ông âm vang của những trận chiến ác liệt làm biến chuyển thế giới: núi lửa phun trào, những cuộc chinh phạt của loài người, chiến tranh... Rồi ông trèo lên cột buồm, đứng ở đài quan sát hàng giờ. Mọi người nghe thấy ông ngâm, giọng trầm trầm, bồng bồng, các bài thơ điệp khúc hai vắn và thơ ca ngợi bằng tiếng La tinh. Rồi, sau khi đã đưa tay lên chào cả bốn phương trời, chào cả thiên đỉnh lẫn vực sâu tối tăm màu thép dưới chân, ông quay trở lại với thế giới loài người. Căn phòng có chiếc tủ bằng gỗ mun chỉ dành cho các cuộc họp kín, hoặc để rút vào những ngày thời tiết xấu. Song đạo này trời lại đẹp, gió thổi đều ấm áp và đầy hơi nước, làm căng phồng mọi cánh buồm, đẩy tàu đi vun vút. Cánh buồm nào cũng giương hết cỡ, in bóng xuống boong, râm mát như dưới một rừng liễu mùa xuân. Villegagnon cho tháo một cánh cửa, đem ra ngoài kê lên hai chiếc thùng làm thành bàn. Một chiếc ghế đầu nữa, thế là ông làm việc suốt ngày ở đó như kiểu một ông vua, trước sự chứng kiến của mọi người. Mặc cho thiên hạ quan sát, ông cứ thản nhiên thay quần áo và rửa ráy. Có ngày, ông lại còn ngụp hẳn thân hình lông lá của mình trong thùng gỗ chứa đầy nước biển và trát tro khắp người. Nhìn ông dùng bữa, người ta nhận ra rằng thái độ trang nghiêm của ông là do tác động của những tính năng làm trong sạch tâm hồn trong bài kinh cầu trước bữa ăn hơn là do cái mùi càng ngày càng chua của men mốc trong thực phẩm trên tàu. Người ta còn quan sát ông đọc sách, ngồi bất động, lưng thẳng đơ, những tác phẩm lớn mang từ tàu Grande-Roberge sang. Ông còn viết lách không ngừng – mà trong hoàn cảnh này thì không thể thư từ với ai được – vậy rõ ràng đó là những đoạn thơ hai câu mà ông thường cao

giọng ngâm nga, hướng về những kẻ xa lạ bí hiểm, có thể là đàn ông, là thần thánh hoặc là đàn bà, những kẻ ở cõi trời riêng của ông.

Tất cả những chuyện đó không qua khỏi con mắt dò xét của Colombe. Những lúc cô bận việc không quan sát được, thì Quintin thế chân.

Ngoài các hoạt động riêng tư mà ông thực hiện một mình, trước con mắt của mọi người, Villegagnon còn rất quan tâm đến công việc trên tàu và thường trò chuyện với thuyền trưởng Imbert, nhiều khi cả với bất cứ thủy thủ hay hành khách nào ông gặp. Colombe đã nhiều lần tìm cách sử dụng quyền lực bí hiểm của đôi mắt, cô vẫn chưa bao giờ được đối diện với ông. Cô thắc mắc, không biết có phải ông kém mắt không, bởi ông luôn ghé sát vào sách khi đọc và không phải lúc nào cũng nhận ra người đối thoại mình.

Thường là đầu giờ chiều, Villegagnon hay làm việc với bộ tham mưu của mình, bàn những vấn đề thiết yếu. Thời gian thường nóng nhất trong ngày mặt trời nằm cuộn tròn tít trên đỉnh cột, giữa cánh buồm vệt. Nhưng Villegagnon, vì đã quen sống ở ngoài trời, quen với nắng nóng, chẳng hề ngại ngần việc gì. Ông dồn hết tâm trí và sức lực ra bàn bạc những vấn đề trọng yếu với bộ chỉ huy của mình.

Việc quan trọng nhất lúc này là xác định tàu đang ở tọa độ nào. Suốt từ ngày 10 tháng mười là lúc tàu đi ngang quần đảo Saint-Thomas gần vương quốc Manicongo ở ngoài khơi châu Phi, chung quanh họ toàn là nước, nước mênh mông. Vĩ độ nhỏ dần. Mặc dù vẫn đang ở nam bán cầu, họ lại đang tiến dần đến đường xích đạo mà lần thứ nhất họ đã vượt qua khi đi dọc bờ biển châu Phi. Nhưng đang ở kinh tuyến nào thì không biết vì không có đồng hồ đo. Đoàn chỉ tính mang máng bằng cách nhân số ngày đã trôi qua với tốc độ ước lượng của tàu.

Người có tiếng nói uy tín về vấn đề này là ông thầy tu Thevet. Về hình thức, trông ông ta kém cỏi, xấu xí: vóc người thấp bé, gày gò, mắt lờ đờ thiếu sinh khí, đã thế lại có tật gì ở mũi khiến mồm lúc nào cũng há hốc, khiến cho ông không thể gây sự chú ý của thiên hạ. Không có gì đau khổ hơn đối với ông là tình trạng mờ nhạt, tối tăm mà số phận đã dành cho. Dường như cái vẻ ngoài bất lợi ấy thúc đẩy ông quyết thoát ra là trở thành nhà thông thái. Để chứng tỏ cho thiên hạ thấy rằng nếu tạo hóa lấy đi của ai

cái gì thì lại bù lại cho người ấy cái khác. Ông trở thành nhà vũ trụ học của hoàng cung, nổi tiếng là có kiến thức bách khoa. Người kính phục cũng lắm, người thù ghét cũng nhiều. Ai yêu ai ghét, ông đều lấy làm thích thú, vì như vậy là không ai dám coi thường.

Vậy là cứ mỗi đầu giờ buổi chiều, sau lúc bàn luận chán chê, Villegagnon lại hỏi ông thầy tu:

- Giờ ông hãy chỉ xem chúng ta đang ở đâu.

Nhà thông thái tập tễnh đi lại bàn, đặt cái dụng cụ giống hình cái nỏ lên, rồi cầm bút tính tính toán toán. Mọi người im lặng nín thở chờ đợi. Cuối cùng, Thevet đứng thẳng người lên, đưa ngón trỏ móng cắt thật sát chỉ vào một chỗ nào đó ở bề mặt quả cầu tượng trưng cho trái đất, quả cầu được đặt trên bàn, bao bọc bởi cái lồng đan bằng các đường kinh tuyến gần bờ biển Tây Ấn, tức châu Mỹ. Hôm ấy, Villegagnon đã reo lên:

- Đất liền!

Lòng hăng hái bị dồn nén, giọng reo gần như dịu dàng của ông chứng tỏ, đô đốc coi mình thật hèn mọn trước những gì vượt ra ngoài cái vô tận. Cái bất tận ấy, ông đã cảm nhận được trong những vần thơ của nhà thơ Hy Lạp thế kỷ VIII trước Công nguyên Hésiode và nhà thơ Pháp Du Bellay, và đã phải nhỏ lệ vì chúng. Còn đối với kiến thức của một nhà thông thái thì ông kính cẩn nghiêng mình và sẵn sàng giao phó cả mạng sống của mình.

- Phải. – Nhà địa lý xác nhận, về khiếm tốn một cách độc đoán, cái vẻ khiến các ông lớn phải tin phục và dân thường phải căm ghét. – Theo tính toán của tôi, lẽ ra chúng ta đã phải đến đất liền rồi mới phải.

Ngài Gonzagues đứng cạnh, cắt lời:

- Tuy nhiên, hiện chúng ta vẫn lênh đênh trên biển.

- Ông tưởng tôi không biết điều ấy sao? – Ông thầy tu vắn lại, thái độ đối với kẻ dưới quyền nghiệt ngã bao nhiêu thì đối với bề trên lại thuần tính bấy nhiêu.

- Hãy để ông giáo sĩ tiếp tục phát biểu – Villegagnon can.

- Vâng, thưa ngài đô đốc. Tôi bảo lẽ ra đã tới, tức là chúng ta đã tới hay gần như đã tới. Đối với những hiện tượng kỳ lạ ấy, chúng tôi được đặt vào tư thế của chính Thượng đế và khi đầu ngón tay tôi chạm nhẹ vào một chỗ nào đó trên quả cầu này tức là nó đã bao quát cả bề mặt của cả một hòn đảo, như đảo Sardaigne của Ý chẳng hạn. Chỉ có sai số một chút thôi, nói tóm lại, ta đã đến đất liền.

Chỉ có tài biến báo của Thevet mới có thể lấp liếm được sự nhầm lẫn của con người bằng cách nêu ra tất cận thị của thần thánh.

- Thuyền trưởng Imbert, ông nghe chưa. Ông đã làm mọi công việc chuẩn bị cập bến chưa?

Trước mặt Thevet, viên thủy thủ già vừa có sự khinh thường vừa e sợ, ông hiểu không đại gì mà phản đối nhà thông thái. Tuy nhiên kinh nghiệm một đời đi biển dạy ông rằng lời tiên đoán của lão là lão toét. Đã nhiều lần ngang dọc trên Đại Tây

Dương mệnh mông, ông dùng linh tính mà nhận ra tàu đang ở quãng nào, khoảnh nào của biển, nhưng không thể giải thích. Có thể là nhìn chim bay cao hay thấp màu nước sáng hay sẫm, độ nước nông hay sâu, nhưng những cái đó thì có nghĩa lý gì với Thevet.

- Chúng ta hãy còn thời gian... – thuyền trưởng dè dặt nói.

- Còn thời gian gì nữa? Để rồi ông cho tàu húc vào đá ngầm à? Không do dự nữa, hãy hướng mũi tàu sang phía tây.

Lời gạt phắt của Thevet được coi như kết luận. Bàn bạc nữa là vô ích.

- Vâng, Vậy tôi sẽ tăng gấp đôi ca trực, lệnh cho tất cả mọi người lên ngủ trên boong – thuyền trưởng đành nín nhịn, song bụng bảo dạ vẫn cứ hướng tàu đi chệch về phía nam, như bản năng của ông mách bảo.

- Nhưng tôi xin báo trước: nếu phải điều khiển buồm thật nhanh, tôi sẽ phải huy động rất nhiều nhân lực để leo lên trục đấy.

- Đám thủy thủ không đủ ư? – Villegagnon hỏi.

- Nhiều đứa đã bỏ trốn lúc ở gần bờ biển Anh, ông biết rồi đấy. Những người còn lại phần lớn không được tích sự gì: tuổi cao, nhút nhát, hể trèo cao là chóng mặt...

Villegagnon ghi nhận tình hình đó, ông cảm thấy phải có trách nhiệm giải quyết.

Quintin đứng tựa thành tàu theo dõi cuộc bàn luận như mọi khi, liền chạy đi gặp Colombe, kéo tay cô:

- Đã đến lúc rồi.

Khi hai người quay trở lại, thấy thuyền trưởng Imbert đang đưa một quyển sổ cho Villegagnon, và ông này đang giở mắt vào xem.

- Trên danh sách này, ông có mười bảy người.

- Trừ đi bọn đã bỏ trốn, còn mười ba. Trừ số ốm đau do ăn uống quá kém, còn tám. Trừ một người cầm bánh lái, người trên đài quan sát và tôi, còn có năm để làm mọi việc trên boong và trèo lên ba cột buồm. Mà ông thấy đấy, phải ba người mới chuyển được cánh buồm chủ...

- Thế thì làm thế nào? Villegagnon nói. Nếu cần, tôi cũng trèo lên cao giúp một tay.

Chả lẽ để chủ soái phải hạ mình làm việc nặng nhọc, Imbert thưa thật:

- Thưa ngài, nói cho đúng, tôi còn hai thủy thủ tập sự, nhưng chúng đang bị cùm.

Quintin siết chặt cánh tay Colombe.

- Bị cùm! Vì lý do gì?

- Chúng đánh nhau trên cao, suýt lộn cổ xuống biển. Không cần phân biệt đứa nào gây sự trước, tôi cho cùm cả hai đứa.

- Được – Villegagnon nghiêm nghị gật đầu. Nhưng ông có thể thả chúng ra. Có cách nào trừng phạt ngắn gọn hơn?

- Thực ra, tôi định cho chúng một trận đòn roi thì ngài đến...

- Tốt. Bao nhiêu roi?

- Mỗi đứa... hai mươi roi – thuyền trưởng định nói mười, nhưng lại ngại Villegagnon cho là nhẹ.

- Thế thì được rồi, đánh cho chúng nó một trận nên thân để nhắc nhở chúng nhớ đến nhiệm vụ. Ông để chúng ngấm nghĩ một đêm rồi cho chúng ra ngoài làm việc cho bớt hung hăng.

Sự tàn ác lạnh lùng trong câu nói ấy khiến Colombe sững sốt, cô cứ tưởng Villegagnon tử tế hơn. Nhưng thôi, không còn lúc nào khác. Trước sự ngạc nhiên của mọi người, cô lao thẳng ra quỳ xuống chân đô đốc, cố ý nhìn thẳng lên mặt ông, van vãn:

- Kính thưa đức ông, xin đức ông đoái thương soi xét cho một trong hai người, người ấy bị oan!

Ngài hiệp sĩ sẵn lòng chuyện trò với người hèn kém, song chỉ trong trường hợp ngài chủ động bắt chuyện. Còn bỗng dưng đường đột thế này là ngài chúa ghét. Villegagnon quay phắt lại, gắt:

- Đứa này là đứa nào?

- Một thủy thủ tập sự – Imbert đáp.

Hai tên lính đến xốc cánh tay Colombe, điệu cô đi

– Anh tôi phải đánh nhau chỉ để tự vệ! Cầu xin ngài soi xét!

Cô hét to, phần vì kiên quyết không chịu thoái chí, phần nữa có lẽ để cùng chịu chung trừng phạt với Just, vì rõ ràng mọi việc đã hỏng bét. Ngài đô đốc cố kìm cơn phẫn nộ, quát:

- Bọn này hai mươi roi chưa đủ. Ông Imbert, hãy tăng lên bốn mươi. Phải thế lũ lão xược này mới chừa.

Colombe vẫn la hét; một tên lính định đưa tay bịt miệng cô. Cô thất vọng vì không thành công một phần, phần nữa là đã đánh giá nhầm nhân cách của

Villegagnon. Rút cục ông ta vẫn là người của đẳng cấp trên, đoán gì đến oan trái của người khác. Chính vì uất hận như vậy nên không suy nghĩ gì, cô gào to:

- Thưa ngài, ngài hãy cẩn thận! Ngài định đánh roi một nhà quý tộc...

Tên lính ra sức bịt miệng cô, cô giãy giụa, cô thét lên lời cuối:

-... một Clamorgan!

Mãi giãy giụa, cô không cảm thấy được ngay là xung quanh có gì đó khác lạ. Villegagnon ngay lưng, quay lại nhìn cô và lệnh cho tên lính tạm buông cô ra.

- Mà vừa nói gì? – Ông ta hỏi.

Colombe suýt soa hai cánh tay bị tên lính làm đau, vì Villegagnon tiến đến trước mặt, cách cô hai bước, quát to đến mức cả tàu nghe thấy:

- Mà vừa nói tên gì?

Như một chiến sĩ đã bị tước vũ khí nay lại tìm thấy thanh kiếm dưới chân mình, Colombe nghiêm hân nét mặt, ngược mắt nhìn Villegagnon.

Hàng lông mi vàng long lanh dưới mặt trời xích đạo làm đôi mắt cô lóe lên như hai ông mặt trời giận dữ.

Đồng thời, cô mỉm cười nhắc lại một cách tự nhiên:

- Tôi nói là ngài sắp đưa một nhà quý tộc ra chịu đòn roi.

- Mà vừa nói tên gì? – Villegagnon lại hỏi, song chất giọng đã dịu xuống.

- Clamorgan – Colombe hơi miễn cưỡng nhắc lại.

Trong cơn bĩ cực, cô đã để buột ra tên này. Lời dặn của bà bác lớn vờn trong trí nhớ, cô rất lo là đã làm điều dại dột.

Cô tiếp tục phát huy uy lực của đôi mắt. Villegagnon giương đôi mắt cận thị nhìn kỹ con người bé nhỏ trước mặt dám láo xược hò hét như vậy. Ông nhận ra, dưới lớp ghét bẩn tích tụ từ đầu cuộc hành trình đến giờ, ở thằng bé này vẫn toát ra vẻ đẹp cao quý, trong sáng và non nớt như con gái mà các tác giả cổ đại luôn ca tụng. Villegagnon không đành lòng coi thường cái đẹp, nếu như nó lồ lộ ngay trước mắt, bởi vì, đối với ông, sắc đẹp không chỉ là hình thức bề ngoài:

- Clamorgan. Người lấy đâu ra cái tên ấy?

- Tôi không lấy ở đâu cả, thưa ngài. Đó là tên dòng họ tôi. Tôi thừa hưởng tên họ từ cha tôi, cũng như anh Just mà ngài sắp đưa ra trừng phạt.

Đường dây cảm thông đã thiết lập, Colombe không còn sợ gì nữa. Cô mỉm cười vừa thoải mái vừa thách thức. Ông khổng lồ kia đã chú ý đến cô.

Villegagnon sững người và đưa mắt nhìn quanh đám đông im phăng phắc chờ xem sự thể diễn biến ra sao. Chỉ thấy tiếng rì rào của gió và sóng biển, nghe yếu hèn trong không khí nóng ẩm, ẩm thấp. Ngài hiệp sĩ nhăn mũi, như một con chó săn ngửi thấy mùi con mồi. Trên cái tàu chết tiệt này chẳng bao giờ có chuyện gì bất thường cả, mà đất liền thì mãi không xuất

hiện, và bây giờ mới có một việc thú vị xảy ra. Ông ra hiệu cho Colombe đứng lên, đi theo ông vào căn phòng ở boong đuôi.

CHƯƠNG 11

Nhìn Villegagnon đưa Colombe vào phòng và đóng cửa lại, ngài Gonzagues đoán sẽ có chuyện rắc rối.

Nếu trước đây ít lâu, vào cái lúc ông đang tiếp chuyện xơ Catherine trong tu viện chẳng hạn, ông thừa sức lực để biện minh cho việc mình làm. Nhưng khổ thân ông, qua mấy tuần đi biển, sức lực ông đã cạn kiệt. Ông gầy rộc đi vì bị bệnh lỵ hành hạ, vì không thể quen được với nắng gió như người khác và vì tất cả những nỗi nhọc nhằn của cả một đời chinh chiến lúc này lại hòa nhau tấn công ông một lúc. Cũng như các bạn đồng hành, ông chán ngán nhìn chằm chằm bát thức ăn của mình – cuối cuộc hành trình lê thê này, ai cũng sợ phát khiếp các bữa ăn, sợ còn hơn cả cơn đói mà họ có nhiệm vụ phải làm cho dịu bớt đi. Để nấu đồ ăn hàng ngày, anh bếp đã phải vét cả đến lớp muối lông bông nhờn nhớt đọng ở đáy thùng. Bao nhiêu súc vật để mổ thịt trên tàu đã hết, chỉ còn một ít lửa già gầy yếu, ăn chẳng bổ. Gay nhất là vấn đề nước ngọt. Ngài Gonzagues vốn vẫn thích những loại đồ uống đậm đà, nay không bao giờ tưởng tượng được có ngày mình lại nằm mơ khủng khiếp đến thế. Ông đã mơ thấy mình chiến đấu sinh tử để giành một giếng nước.

Không ai tin là sắp đến nơi như thầy tu Thevet tiên lượng, và không có dấu hiệu gì để cho người ta hy vọng là đất liền không còn xa nữa. Những người còn trẻ và những người mà bệnh dịch đã không đụng đến thì may ra còn có thể chống chọi được, chứ ông thì cảm thấy mình không còn hơi sức. Vì thế mới lo về lũ trẻ thông dịch đột nhiên xảy ra lại khiến ông tạm thời quên đi tình cảnh hấp hối của mình. Và khi Villegagnon sai người gọi, ông lập cập đi theo ngay.

Vào tới căn phòng nơi ngài hiệp sĩ đàm đạo với Colombe suốt hai tiếng động hồ qua, Gonzagues ngạc nhiên thấy không khí bình thường, yên ả. Villegagnon đứng yên bên cửa kính, nhìn ra sóng nước bên ngoài. Colombe ngồi ghé đầu cạnh thằng bé thông dịch đang ngồi trên ghế đầu, cạnh chiếc tủ gỗ mun. Một chút lễ nghi phép tắc còn sót lại mà ngài Gonzagues nhất định chỉ để mất khi nào chết khiến ông coi phong thái của thằng bé là thiếu

ngghiêm chính: quả thật, Colombe ngồi, khuỷu tì lên giá tử, bàn tay chống cằm, đầu ngoẹo sang một bên.

- Có phải ông đã tuyển mộ hai đứa trẻ này? Villegagnon hỏi luôn.

- Vâng, là tôi.

- Nếu vậy, ta có chuyện cần nói. Colin, cháu đi lên boong, khi nào ta gọi hãy hay.

- Còn anh cháu?...

- Việc ấy để sau.

Colombe ngán ngừ, rồi bước ra.

Villegagnon ngồi xuống chiếc ghế cô bé vừa bỏ trống, và chỉ một ghế khác mời Gonzagues ngồi. Trước mặt họ là tấm thảm phủ kín một bên vách,. Tấm thảm kiểu phương Đông, trang trí họa tiết đỏ lưu, óng ánh trong bóng râm màu vàng cam. Ông nở một nụ cười tinh quái dưới chòm râu rậm:

- Tôi biết là ông lại vị nể đàn bà...

Gonzagues, nét mặt lạnh tanh, lắc đầu.

Villegagnon vẫn gặng:

- Tôi cam đoan là ông làm cả thơ để tặng bà ấy.

Gonzagues thấy đầu óc choáng váng, không rõ vì đói là hay vì xấu hổ. Ông gật đầu.

- Thơ tiếng Pháp hay tiếng La tinh?

- Tiếng Pháp. – Gonzagues thú nhận, miệng khô khốc như vừa nhá giấy da.

- Ông tán giỏi đấy, – Villegagnon thốt lên thán phục. Ngài đã xoay người và tựa lưng vào tấm thảm.

- Tôi bắt đầu tin là cái lão nhà thơ Du Bellay vô lại ấy thật là tài. Ngày nay, người ta có thể làm ra những kiệt tác thơ ca cả bằng tiếng Pháp nữa cơ đấy.

Nói xong, ông thở dài.

Nếu đang sung sức, chắc hẳn ngài Gonzagues đã yêu cầu đô đốc đi thẳng vào vấn đề, khỏi cần màn giáo đầu. Ông còn phải chịu đựng nghe Villegagnon bình luận dông dài về thơ xonê, một sáng tạo của nền thơ ca Ý nhưng lại kết hợp giữa tiếng La tinh và các ngôn ngữ La Mã. Cuối cùng, quá mệt mỏi đến nỗi thở hổn hển, ông phải ngắt lời đô đốc:

- Vâng, xin nói ngay, tôi có lỗi: hai đứa này hơi cứng tuổi, e làm thông dịch không hợp. Sai lầm của tôi là đã không xem mặt chúng trước.

- Cái bà ấy tự xưng tên là gì?

- Ai kia? A!... Là Marguerite.

- Marguerite gì nữa?

Gonzagues cúi đầu, cụp mắt:

- Tôi không hỏi. Bà ta là bác của hai đứa trẻ.

- Là chị họ thì đúng hơn – Villegagnon đứng lên, nói to. Mụ ấy bảo chúng gọi là bác, song thực ra là chị họ.

Đô đốc đi đi lại lại, rồi cho là đã đến lúc tiết lộ sự thật. Ông dừng lại đứng sững trước mặt Gonzagues:

- Mụ ta là con gái của người chị đã mất của bố chúng và của bác ruột chúng. Do chênh lệch tuổi, chúng gọi mụ bằng bác. Mụ nói với ông là mụ trông nom chúng: lão toét. Ông không biết họ của mụ Marguerite này, vậy

tôi nói cho ông rõ: mẹ ta là bà Griffes vì chồng mẹ là lão Griffes, có cơ ngơi ở cạnh cơ ngơi của bố chúng.

Đồ độc chấp tay sau lưng, quay đi quay lại trong phòng, nói tiếp:

- Ông bác ruột trông nom hai đứa trẻ đã già. Hai vợ chồng mẹ tìm đủ cách phá quấy để ông ấy phá sản rồi chết. Việc này không có gì khó khăn vì ông bác kia không biết quản lý đất đai và làm ăn gì cả. Nay lão de Griffes và cô nàng Marguerite quý hóa của ông đã tổng khừ được hai đứa trẻ... quá cố. Ông nghe hiểu chưa?

Cầm Gonzagues run bật, chồm râu nhọn đập lên đập xuống. Villegagnon tóm tắt:

- Nhờ ông giúp sức, lão Griffes sẽ sở hữu các đất đai lẽ ra là của hai đứa. Đất đai của nhà Clamorgan.

- Clamorgan! – Gonzagues kêu lên.

- Phải, đó là cái tên mà mẹ kia giấu không cho ông biết, mẹ cũng dặn hai đứa không nói với ai. Nhưng sự thật đã rành rành: cha chúng là Francois de Clamorgan.

Ngài Gonzagues hồi tưởng lại khuôn mặt Clamorgan. Ông cố so sánh Clamorgan với hai đứa trẻ. Trông chúng chẳng có nét nào giống cả nên ông vẫn phân vân. Ông cau mày hỏi:

- Tất cả chuyện này là do thằng bé nói với ngài?

Villegagnon quả quyết:

- Tôi đã khờ những gì nó nói và những gì tôi biết. Nó không nói dối.

- Nếu vậy, tôi bị lừa rồi! – Gonzagues căm tức. Phải lập lại công bằng, trả chúng về Pháp, đòi quyền thừa kế chính đáng...

- Khoan đã – Villegagnon cắt lời. Hai tay ông giang ra ôm lấy chiếc bàn gỗ mun, như để cảm thấy tất cả quyền lực và bí mật mà chiếc bàn đó đem lại. Ông đứng nguyên như thế một lúc lâu như trầm ngâm suy nghĩ, rồi nói:

- Ông đã biết chuyện gì xảy ra với François de Clamorgan chứ?

- Dạ, có biết.

- Vậy thì, tại sao không coi chuyến đi này là một cơ may cho hai đứa trẻ? Âm mưu truất quyền thừa kế của chúng nó là bí ối, điều ấy đã rõ. Nhưng nếu chúng quay về Pháp, thì sẽ ra sao? Đất đai đã thuộc về người khác, phải hàng năm trời mới mong lấy lại. Ai sẽ nuôi chúng trong thời gian ấy? Ai sẽ đứng ra lo việc khởi kiện cái tên Griffes ấy, hẳn có đủ tiền mua hết quan chức nước Pháp? Tất nhiên có thể hy vọng yêu cầu đức vua can thiệp. Nhưng với con cái nhà Clamorgan, thì đừng hòng.

- Đúng vậy – Gonzagues đồng tình, song chưa hết bất bình. Sang tới Brésil thì chúng làm trò trông gì? Khô thân, chúng yên trí sẽ được gặp cha...

Gonzagues nhăn mặt vì bối rối, nói tiếp:

- ... mà tôi lại nhu nhược cứ để chúng tin như thế.

- Ông làm vậy là đúng. Tôi đã nghĩ rồi. Tốt nhất là cứ để chúng tin vào ảo tưởng ấy. Tôi sẽ giữ chúng ở bên tôi: chúng biết tiếng Latinh, tiếng Ý, một chút tiếng Tây Ban Nha, sẽ làm thư ký cho tôi, và khi sang tới nơi, vẫn có thể có ích. Rồi chúng sẽ quên hết. Ở đó nước Pháp mới sẽ mở ra cho chúng những chân trời mới, sự nghiệp mới. Bao giờ chúng thành đạt và giàu có, vẫn có thể trở về Rouen đòi quyền lợi. Lúc đó dễ dàng hơn, vì chúng có thể có nhiều tiền để chuộc lại.

Kế hoạch đó quả là tối ưu, và Gonzagues chỉ còn biết thầm khâm phục viên chủ soái lắm mưu nhiều kế.

- Gọi đứa bé vào đây, rồi ra bảo họ thả thuyền lớn ra.

Gonzagues không thấy đói cồn cào nữa, có lẽ do lòng đã bớt nặng trĩu vì sai lầm của mình. Mặc dù hơi hoa mắt chóng mặt, ông vẫn đứng lên dễ dàng và bước ra, thăm nguyên rửa mặt Marguerite xảo quyết bằng những lời lẽ vừa gay gắt vừa thần phục.

Colombe trở vào phòng, đứng nhìn bức tranh Đức Mẹ.

- Ở Venise, bố cháu có bao giờ dẫn cháu đến thăm nhà danh họa này không? – Villegagnon hỏi.

Cô bé ngắm kỹ khoảng nền sắc hồng đậm của bức tranh và những mảng màu được day rất tuyệt vời, ngắm vẻ mặt ngạc nhiên của các nhân vật, như thể một cánh cửa che khuất cảnh thân mật của họ vừa được đột ngột mở toang. Villegagnon nói tiếp:

- Ta đoán chắc, đây là bức Titien đầu tiên được đưa sang Tân Thế Giới.

Colombe ngắm nhìn Đức Mẹ với đôi mắt hiền từ cúi xuống, dáng vẻ dịu dàng và hiểu biết bí hiểm khiến đàn ông thô lỗ dốt nát phải e sợ. Cô nhủ thầm: thế là trên tàu này, ít nhất cũng có hai phụ nữ; ý nghĩ ấy làm cô thích thú.

Đúng lúc đó. ba tiếng gõ cửa báo tin Gonzagues đã trở lại. Cô đứng lui sang bên, nên Just vào mà không nhìn thấy cô.

Thời gian Just bị nhốt không dài. Song vài ngày xa cách đó đủ để người này cảm thấy người kia đã thay đổi. Sự gần gũi thăm thiết giữa hai anh em từ xưa không thể như trước được nữa.

Just gầy đi bao nhiêu nhưng trông lại lớn lên bấy nhiêu. Tuy chỉ còn da bọc xương, nhưng bù lại, cậu lại lớn lên trông thấy, khung xương rắn chắc và cân đoái. Chân hơi choãi, cậu đứng như người phải nằm liệt giường lâu ngày nay lại dậy đi được nhưng dù vẫn yếu đuối, trông cậu vẫn hiền ngang và rắn rỏi. Má xanh rì râu mới mọc không còn bị gió biển làm cho bạc màu nữa, khuôn mặt hốc hác của cậu như được tạc trong đá. Villegagnon kêu:

- A! Nhưng cậu này là thanh niên rồi còn gì. Em cậu bảo cậu mới mười lăm. Ta thì bảo phải tính thêm hai tuổi nữa.

Khi nói “em cậu”, Villegagnon hát hàm về phía Colombe. Just quay đầu, nhìn thấy em và chạy lại.

Chùng nào còn được coi là trẻ con, họ ôm nhau hôn hít, vuốt ve thoải mái. Nhưng phải chăng vì vừa bị Quintin sờ soạng hay đơn giản hơn chỉ vì sau thời gian ngắn xa cách, họ cảm thấy có sự thay đổi, nên lần này họ ôm nhau dè dặt hơn. Colombe vẫn rất xúc động, song hòa lẫn với niềm vui thấy anh được giải thoát, lại có sự bối rối cảm thấy có sự thay đổi. Villegagnon lại nhìn thái độ của hai người là tự nhiên giữa hai cậu trai đang lớn; ông đưa mắt nhìn Gonzagues với vẻ thông cảm. Thấy hai anh em đã rời nhau ra, ông mới nói:

- Các cháu ạ, chúng ta rất biết bố các cháu. Ông ấy đã có mặt ở Cerisolles cùng chúng ta.

- Chúng cháu cũng có ở đó – Colombe vui mừng tiếp lời. Đây là bố cháu bảo thế chứ chúng cháu làm sao biết được. Nhiều lần chúng cháu đã nghe bố kể về trận đánh ấy. Bố giấu chúng cháu vào đồng rơm cách đó vài dặm, nhờ nông dân trông hộ.

Người đã từng tham gia vào một trận đánh thắng vẻ vang, khi được nghe nhắc lại, dù người nhắc lại đã chứng kiến nằm im thín thít trong đồng rơm, bao giờ cũng xúc động mạnh mẽ. Mắt nhìn xuống, bộ ria rung rung, ngài Gonzagues chỉ có một cảm giác sung sướng duy nhất mà cơn khát gây ra: sung sướng vì không thể khóc được. Nhưng Just, nghe em kể, lại cụp mắt và biểu lộ sự khó chịu xen lẫn giận dữ, làm Colombe không thể hiểu được. Just lầm lì hỏi:

- Nơi chúng tôi đến, có gặp bố không?

- Chưa... Villegagnon lúng túng, không ngờ bị hỏi sát sườn. Chắc các cháu phải chờ một thời gian...

- Ở đó có nhiều người Pháp không? – Just lại hỏi.

- Chưa nhiều, nhưng... châu Mỹ rộng mênh mông. Do nhiệm vụ, bố các cháu phải ở rất xa nơi chúng mình đặt chân lên, xa như Constantinople với Madrid vậy.

Nhìn thái độ của Just từ nãy đến giờ, nghe giải thích mà vẫn lạnh nhạt và thù địch, Colombe hiểu, cậu giận đã không phải vì những gì cô vừa nói và những gì liên quan đến cha họ. Just chỉ biểu lộ sự ngờ vực tồn nghi đối với Villegagnon mà ngay cả việc được tha cũng không làm tiêu tan được.

- Tôi được tự do chứ? – Just lại hỏi trống không.

- Hơn cả tự do: hai cháu sẽ ở bên ta, làm thư ký và tùy tùng cho ta.

- Nhưng chỉ với một điều kiện – Just kiên quyết.

Tuy sững sốt trước thái độ kỳ lạ của chàng trai, Villegagnon không chấp, vì ông đang trong tâm trạng bao dung với hai trẻ.

- Tôi không muốn được hưởng bất kỳ ưu ái nào hơn so với người đã đánh nhau với tôi, vì như là không quân tử. Nó tên là Martin, hiện vẫn đang bị cùm.

Lời nói khẳng khái rất lọt tai ngài đô đốc. Hơn nữa, ông rất vui, vì vẻ ngoài của Just không không thấy gì giống bố, nhưng tính khí này thì rõ là cha nào con ấy.

- Được lắm, ta sẽ thả nó ra và nếu nó còn gây sự, ta cho phép cháu đàn ông cự lại.

Thời khắc trôi qua, trời đã về chiều. Lặn rẽ nước sau đuôi con tàu đã nhuộm màu tím tím pha xanh chàm, trong khi trên bầu trời, một ngôi sao lẻ loi bất động chợt lóe sáng. Giờ cuối ngày này thường lặng gió, buồm đã thả cánh xuống và con tàu, trong im ắng bao trùm, như đang tĩnh tâm để chuẩn bị cho buổi lễ tối. Vậy mà, tiếng xôn xao từ phía mũi bỗng nổi lên, khi lan đến phòng đô đốc thì nghe đã bớt ồn.

Villegagnon lao ra ngoài, những người khác cũng làm theo. Toàn bộ thủy thủ và nhiều hành khách tập trung phía mũi tàu, nhìn về đằng trước. Nhiều người nữa từ boong giữa và dưới hầm chạy lên. Villegagnon lách lên tới chân cột buồm mũi. Chân trời nơi mặt trời lặn đỏ ối. Không thấy mảnh đất liền nào, và khi trời tối hẳn, không một ánh lửa. Đài quan sát chưa nhìn thấy gì. Thực ra đã có gì đâu ngoài một cái mùi kỳ lạ, rất nhẹ và bàng bạc. Nhẹ vì phải nghech mũi thật lâu, tập trung mọi chú ý mới hơi nhận ra. Bàng bạc vì nó ở tứ phía, bao trùm cả con tàu và biển nước mênh mang.

Nhưng rõ là không phải mùi từ con tàu. Khứu giác người đi biển, cũng tinh như thị giác và thính giác, khẳng định nó là mùi đất liền.

Có những thứ đất bốc lên mùi cỏ, mùi súc vật, mùi cày cấy, mùi phân ủ. Song cái mùi này không giống. Nó hắc hắc, ngọt ngọt, mọng nước. Nhắm mắt lại, có thể tưởng tượng nó có màu, màu đỏ hoặc da cam gì đó.

Bỗng có người buộc ra từ chính xác, gọi nó là mùi hoa quả.

Đó là hương thơm của trái cây càng lan tỏa thành luồng trên khắp mặt biển, một mùi bao la của quả chín. Nếu là đảo, ta nhìn thấy nhưng không thể có mùi mạnh mẽ và bay xa như thế. Phải là cả một lục địa mới phóng xa hương thơm ngào ngạt của cây cỏ, cũng như đại dương thổi vào đất liền mùi mằn mặn của bụi nước và mùi ngai ngái của tảo dại.

Villegagnon ôm mặt khóc vì sung sướng. Chung quanh ông, mọi người ôm chầm lấy nhau.

Phải mất hai ngày sóng nước nữa, bờ biển mới xuất hiện trước mắt họ.

Tính ra từ lúc nhổ neo ở Havre-de-Grâce đến nay là ba tháng rưỡi.

II. VỊNH GUANABARA

CHƯƠNG 1

Một miền đất không hề được ghi chép trong Kinh Thánh, cả Alexandre, Virgile và Attila đều chưa nói đến, phải chăng sẽ là miền đất mang lại tai họa?

Câu hỏi đó ám ảnh tâm trí tất cả mọi người tụ tập trên boong. Cả những người sốt ruột mong chóng đến nơi nhất cũng hốt hoảng khi đất liền thấp thoáng hiện ra ở phía tây trong sương mù sáng sớm. Biển cả, lúc đầu thì làm họ sợ hãi đến thế, đã dần dần trở thành một cái nôi che chở cho họ. Dải đất xa xa trông như ngón tay để ngang chậm chạp tách trời với nước càng ngày càng xa ra, chứng tỏ đây là cả

một châu lục và họ càng hồi hộp, không biết cái gì đang chờ đợi họ ở đó. Đối với một số người thì đó là niềm hy vọng: các tín đồ giáo phái anabaptist mơ nhảy múa tung bừng trên boong thượng, mừng rỡ sớm trước cho ngọn lửa sẽ bùng lên đột ngột, thiêu cháy cả cái thế giới cũ mà họ kinh tởm. Các anh thủ thủy quân, được nuôi dạy với lòng tin rộng rãi trong dân chúng vào luận thuyết của nhà thiên văn học Hy Lạp Ptolémée, thì cứ rên rỉ không ngừng khi nghĩ đến cái giá mà họ phải trả vì đã dám phiêu lưu đến tận bờ vực của quả đất. Bóng dáng những thầy tu lừng lững hay những chiến binh mặc áo choàng còn mờ mờ phía xa, rồi rõ dần theo khoảng cách ngắn dần giữa tàu và bờ, chắc là các đạo phủ được Chúa phái đến để đẩy họ xuống vực.

Một số khác, với đức tin mạnh mẽ hơn, thì tưởng mình sắp đến, hoặc là địa ngục, hoặc là thiên đường, tùy theo mức độ lạc quan trời sinh và công trạng của từng người. Thevet run rẩy cầm dụng cụ để đo độ chênh của mặt trời; nhưng tay ông run bần bật khiến ông không đo chính xác nổi. Ông không xác định được tên, một cái tên bình thường nào đó, cho mảnh đất lạ này trên tờ bản đồ phẳng bằng giấy da.

Còn về phần Colombe và Just, chúng chẳng biết phải nghĩ thế nào nữa. Chúng hào hứng kể cho nhau nghe về những phát kiến vĩ đại thời vua Arthur, về những hòn đảo có các hiệp sĩ không đầu. Nhưng thực ra, chúng đã lớn khôn hơn và không còn tin vào những chuyện hoang đường ấy nữa. Chuyến vượt biển dài đằng đẳng này, tuy giữ cho cơ thể chúng còn nguyên vẹn, hay gần như còn nguyên vẹn, đã động đến cái cơ bắp vô hình điều khiển tâm hồn, cho phép chúng nhảy một phát ra khỏi thế giới nhay cảm của tuổi thơ. Những hiệp sĩ mà chúng tin sự tồn tại thì không hề thiếu đâu: đó là các vị đi theo Villegagnon với bộ mặt oai vệ của những kẻ có quyền thế, với thanh gươm bị muối ăn mòn kè kè bên người, với cây thập tự xứ Malte lung lay trước bụng. Bởi vậy, chúng phải nghĩ ra toàn điều tốt đẹp về bờ biển trước mắt chỉ với mục đích tránh cho nhau khỏi phải thất vọng mà sớm tỉnh mộng rằng nó thuộc về thế giới thường.

Suốt một ngày, tàu cứ từ từ tiến dần vào bờ. Đêm đến, tàu đi càng thận trọng, trên bờ tịnh không thấy ánh lửa nào. Thuyền trưởng Imbert tỏ ra khá thành thạo luồng lạch, và mờ sáng hôm sau, tàu đã tới cửa vịnh.

Cuộc hội ý chiều hôm đó quanh tấm bản đồ tiến hành sớm hơn thường lệ. Thevet đến dự với vẻ vênh vang đặc biệt, vì ông đã tiên đoán đúng. Thực ra, thuyền trưởng Imbert đã phớt lờ, không theo hướng lão thầy tư chỉ, mà cứ cho tàu đi chệch về phương nam, nếu không thì đâu được như bây giờ.

- Đây là vịnh Guanabara – Thevet long trọng tuyên bố, cứ như là ông vừa sáng tạo ra nó trong đêm. Đó là tên do thổ dân gọi. Cách đây năm mươi năm, vào một ngày tháng giêng, người Bồ Đào Nha đã vào đây. Bọn ngu dốt ấy tưởng đây là một con sông, nên gọi là “sông tháng giêng”, tức Rio de Janeiro^[3]. Từ tên ấy, người Pháp gọi chệch là Genèbre. Và hãy chú ý rằng Genèbre cũng có thể xuất xứ từ Guanabara... có thần tình không!

Ngón tay múp míp của ông ta vuốt vuốt mấy sợi râu lơ thơ mà cuộc vượt biển đã khiến chúng mọc ra.

Villegagnon rung rung xúc động bởi quang cảnh mới mẻ:

- Genève, nghe na ná như Genève.

- Đúng rồi – Thevet hưởng ứng – chúng ta tưởng như đang đứng ở giữa hồ Genève bên Thụy Sĩ, chỉ khác là núi non không hiểm trở bằng.

- Lúc từ Ý về, tôi có một lần qua hồ đó. Villegagnon gặt đầu tán thành và tiếp lời.

Thevet luôn tỏ ra không kém cạnh ai:

- Còn tôi, tôi đi qua bốn lần cơ! – Ông ta vội khoe.

Rồi để chứng minh rằng không có cái mốc nào giữ được mình khỏi giới hạn của lối thông thái rởm. Ông ta nói thêm:

Chúng ta phải ngạc nhiên là có bao nhiêu điều bí hiểm được giấu kín trong từ nguyên học mới phải! Một danh từ duy nhất có thể kết hợp cả sự tình cờ trong lịch của người Bồ Đào Nha với ngôn ngữ giống như tiếng kêu loài vật của bọn man rợ mọi rợ và với sự gần gũi của hai xứ thuộc về nước Pháp: một xứ đã nói ngôn ngữ của chúng ta và xứ kia sắp chịu khuất phục uy quyền của chúng ta.

Vịnh Genève tạo thành hình một lỗ khuyết vĩ đại nằm trên đường ven bờ kéo dài, được viền bởi các mũi đất và vũng biển. Rộng hàng mấy dặm, trông vịnh này như một cửa sông vậy, chỉ khác là nước không ngọt mà lại mặn. Mùa thu ở phương nam rất nóng ẩm và không có một gợn mây. Mặt trời nhô lên hắt khỏi mặt nước, tạo nên một bức tranh toàn màu xanh biếc dày đặc trên trời cao lồng lộng. Nhìn xuyên qua làn nước tím tím, chẳng thấy đâu là đáy, mặc dù biển trong vắt, trong đến mức thấy được cả sống mũi các con tàu.

Tàu vào qua cửa vịnh, Villegagnon ra lệnh cho đi men theo bờ nam. Thuyền trưởng Imbert thận trọng nhắc, thuyền buôn Pháp thường làm ngược lại, Villegagnon gắt:

- Đã thế, ta càng không làm giống họ!

Trong vịnh, gió thổi điều hòa, việc điều khiển tàu khá thuận lợi. Đoàn tàu tiến gần vào bờ và đi qua gần như sát chân quả núi sừng sững mà họ đã nhìn thấy ngay từ khi vẫn còn ở xa.

Rặng núi chẳng giống một con sai bằng đá, cũng chẳng giống một hiệp sĩ của địa ngục. Nó có dáng khum khum nhẫn nại, có lẽ người dân thường Noóc măng sẽ so sánh nó với một bình đựng bơ, còn những kẻ giàu có hơn sẽ tưởng tượng đây là chiếc bánh ngọt. Dưới chân núi rậm rạp toàn cây to vươn lên cao thoát khỏi cuộc chiến một mặt một còn với lớp thực vật mọc sát mặt đất. Dọc theo bờ biển xoắn xít cành lá, nào rễ khí sinh, nào dây leo, tranh hết chỗ của rừng thưa và thảm cỏ. Một vài mỏm đá khắc cũng cao rộng như cái bình đựng bơ kia, nhô hẳn khỏi rừng cây um tùm, lấp lánh một màu xám xám dưới nắng. Trông chúng lại càng có vẻ vĩ đại hơn, phi thường hơn, mỗi khi có tàu đi qua, bởi kích cỡ khối quá chênh lệch. Toàn cảnh trông như một bãi chiến trường ngổn ngang, chứng tích sự chống chọi kịch liệt của mặt trời từ thời sáng tạo ra thế giới. Ông ta sau khi làm xong tác phẩm của mình đã vung các dụng cụ ra khắp nơi.

Tuy nhiên cảnh hỗn mang không phải không có những nét hài hòa. Biển ngày ngày ve vuốt dải cát ven bờ, làm dịu vùng đất hoang dã bất trị đó, giải thoát cho mớ chằng chịt cây cối trên những bờ dốc thoải. Đây đó, rừng sù vệt, đầm lầy, vách đá dựng đứng cắm thẳng xuống nước. Nhưng ở nhiều rặng đất bằng phẳng dài rộng, rừng dừa mọc san sát, giữ vẻ thanh bình cho biển và những con sóng lăn tăn vờn trên bãi cát bao la.

- Quái quỷ thật, họ đi thế nào ấy nhỉ? – Martin đang theo dõi ở mũi tàu, thắc mắc. Người Pháp đâu sẽ ở phía ấy.

Thật vậy, suốt cả dải đất mà mắt nhìn có thể bao quát, không hề thấy một mái lều hay một làn khói lam nào chứng tỏ có người cư trú. Có những tiếng ào ào nhẹ như tiếng chân người đi trên rơm rạ vắng lại, song đó là tiếng gió thổi qua lau lách. Thỉnh thoảng có tiếng chim kêu, vượn hú, mà không khí im ắng không gây cản trở gì cho chúng rơi tự do từ trên cao xuống như những hòn đá người ta ném lên tàu.

- Nạp đạn sẵn bên mạn phải! – Villegagnon đứng ở boong đuôi, ra lệnh.

Ông cũng cho kéo lên cột cao một lá cờ hoàng tộc lớn, màu trắng in hình hoa huệ. Giả thử bọn Bồ Đào Nha có lảng vảng đâu đây, chúng phải biết tàu này của ai. Nhưng nhìn khắp vịnh không thấy một cánh buồm nào. Vậy là đường phía trước rộng mở, trừ phi trên bờ có những tay súng bắn tỉa đang chờ.

- Nào, chúng ta hãy đánh cuộc là tàu sẽ đi một vòng quanh vịnh rồi đến những nơi đã có sẵn người Noóc măng lập nghiệp. – Martin nói, vẻ hết sức bồn chồn.

Just không hiểu cậu ta nói gì. Còn Colombe, cô lớn vờn quanh các nhóm người đang bàn tán, nhặt nhanh mỗi nơi một chút để cuối cùng vỡ lẽ ra rằng, chẳng ai biết rõ tình hình cả.

Tàu Rosée dẫn đầu tiên thẳng tới một hòn đảo nhỏ đối diện với bờ biển. Lạc trong vũng lợ của các ông khổng lồ, chẳng ai còn xác định được kích thước của mọi vật nữa. Trong luồng gió hiu hiu dưới cái bình đựng bơ kia, họ từ từ tiến. Con tàu hỏn hển như người chạy thi đã hết sức lực. Phải mất hai giờ mới tới nơi thì đó chỉ là một mảnh đất nhỏ xíu vương đầy lá rụng và thân cây dừa đổ, chứng tỏ đảo nào ngập nước nếu có mưa to bão lớn.

Villegagnon lệnh cho đi tiếp, nhưng để cả ba tàu đi vòng quanh đảo nhỏ.

Vượt qua dãy núi đa lớn, họ nhìn thấy một dải cát nhô ra biển, rộng và dốc hơn. Cuối cùng, Colombe quyết định ra hỏn boong đuôi để nghe chính miệng Villegagnon nói xem ông định làm gì, nếu ông chịu giảng giải.

Từ khi Just được tha, hai anh em chỉ trực thuộc vào đô đốc. Họ được tự do đi lại trên tàu. Họ chính thức được phong chức thư ký cho chủ soái, nhưng ở thời điểm bận rộn chuẩn bị cập bến này, họ chưa có công việc gì rõ ràng. Colombe cứ tranh thủ thoả mái, trong khi Just vẫn giữ thái độ ngò vực với Villegagnon.

Ngồi chễm chệ trên một cái ghế đầu, khủy tay đặt trên một cái tráp nhỏ, Thevet ngự ở boong đuôi. Mắt ông ta hết quan sát bờ biển lại nhìn xuống một quyển sách nhàu nát trước mặt.

- Xem nào... Trong sách, Viegas nói phía này có ba hòn đảo. Vậy bờ ta thấy trước mặt sẽ là hòn đảo giữa, hai hòn đảo kia là đảo Ratier ta vừa đi qua và hòn nữa gồ ghề hơn ở phía trước kia...

Colombe lên vào sau lưng Thevet, ghé mắt nhìn quyển sách.

- Không được! Thevet vừa kêu vừa lấy hai tay che sách và nói với Villegagnon:

- Những tài liệu Bồ Đào Nha này thuộc về bí mật quốc gia. Lũ nhóc này có đáng tin không, thưa ngài đô đốc?

Ông thầy tu gườm gườm nhìn Colombe như thể cô là con rắn độc. Villegagnon ra hiệu cho cô lui ra và lại gần ông.

Thuyền trưởng Imbert luôn ở bên tay lái, bỗng hỏi:

- Sách có nói quanh đây có đá ngầm không?

Ông thuyền trưởng cho rằng, việc tiếp cận bờ biển từ hướng nam không báo hiệu điều gì tốt lành cả.

Thevet đáp, giọng có ý coi thường sự kém hiểu biết của thuyền trưởng:

- Ở vùng núi lửa này, có một quy luật là đá đã nhô lên là nhô lên rất cao và nhọn, như cái núi hình bánh ngọt mà ta đã thấy. Vậy ông yên tâm, chung quanh không có đá ngầm.

Villegagnon ra lệnh:

- Gần sát bờ, ông cho đi một vòng xem có phải đúng là đảo bốn bề có nước bao bọc không.

- Sao chúng ta không cập thẳng lên bờ? – Colombe nhìn Villegagnon, hỏi.

Những người có mặt run sợ thay cho có bé hồn lảo đảo nói leo vào chuyện người lớn, Villegagnon ắt sẽ không dễ yên. Colombe thì vẫn cứ thản nhiên, vô tư. Qua lần tiếp xúc đầu tiên với ngài hiệp sĩ, cô cảm thấy dưới vẻ ngoài nghiêm khắc, ông ta có những điểm yếu có thể khai thác. Ông muốn cô làm tùy tùng, thực ra là muốn có đứa trẻ nhí nhảnh cho vui thì đúng hơn. Ông bình thản giảng giải, như cha giảng cho con.

- Trên đất liền, ta có thể gặp nhiều hiểm nguy rình rập. Chiếm một hòn đảo rồi xây chiến lũy phòng thủ là cách tốt nhất, như dòng đạo của ta đã làm từ hai thế kỷ nay ở Rhodes, rồi ở Malte.

- Nhưng nếu thổ dân Anh điêng đón tiếp ta tử tế? – Colombe lại hỏi.

- Chúng sẽ phải tử tế nếu thấy chúng ta mạnh và được phòng thủ vững chắc. Ta không cần họ làm đồng minh, mà cần họ phải thần phục chúng ta.

Những từ sắc mùi chính trị này nghe có vẻ lạ lẫm trước vùng rừng rậm âm u và bãi biển hoang vắng kia.

Đột nhiên đài quan sát cảnh báo:

- Có đá ở mạn phải!

Thuyền trưởng Imbert vội quay ngoắt bánh lái để tránh một tảng đá ngầm đầu nhô lên khỏi mặt nước. Tàu càng tiến càng gặp nhiều đá ngầm, có vẻ phía này của hòn đảo lờm chờm những đá lộ xô dưới nước như thế.

Nhà thông thái vừa bị thực tế phản bác phũ phàng, không hề nao núng, vội giở cuốn sổ mà ông ta luôn mang bên mình ra ghi ghi chép chép, và cười gượng:

- Không sao, chúng ta sẽ bỏ chính vào văn bản của Viegas.

Thực ra, Thevet vẫn luôn chuyện trò với cả các nhà thông thái lẫn những người khác trên tàu, cả các nhà làm bản đồ lẫn thủy thủ. Ông ta thích dạy khôn cho người này với hiểu biết của người kia và ngược lại. Chuyện bề mặt lần này sẽ được báo thù thích đáng, lão thuyền trưởng Imbert sẽ xấu

hổ về tội hay làm ra vẻ ta đây nhiều kinh nghiệm, tội thường xuyên đưa ra những ý kiến trái ngược ngang phè. Ông ta tự nhủ sẽ chứng minh sự tồn tại của những khối đá ngầm bao quanh các đảo núi lửa cho lão biết tay.

Trước hiểm nguy mới phát sinh, Villegagnon quyết định hạ thủy một sà lúp nhỏ, phái người đi thăm dò bờ biển. Hai giờ sau họ trở về. Thuyền trưởng Imbert hô hời nhảy lên báo cáo:

- Thừa ngài đô đốc, đúng là một hòn đảo, chung quanh lởm chởm đá ngầm. Nhưng đối diện với đất liền có một vũng biển đậu thuyền nhỏ rất thuận tiện.

Villegagnon mừng ra mặt:

- Tốt lắm. Vậy ông cho thả neo tại đây. Sáng mai, chúng ta bắt đầu đổ bộ.

Các mệnh lệnh cụ thể tiếp theo được ban ra, hoàn thành xong thì trời tối. Villegagnon cho tập hợp tất cả mọi người lên boong mũi. Đứng trên bậc cao, ông xúc động ra lời hiệu triệu:

- Hỡi các bạn đồng hành. Thế là ta đã tới nơi. Miền đất trước mặt kia là của chúng ta!

Đám người xanh xao hốc hác, môi nẻ nứt vì khát, răng lợi ứa máu vì thiếu chất dinh dưỡng, nhìn theo ngón tay chỉ của Villegagnon, chỉ thấy dưới ánh trăng mờ ảo một vùng đất hoang vu, trơ trọi, tối mù tối mịt, nơi những đợt sóng đen ngòm chồm lên rồi lại rút xuống liên tục. Vàng trắng trơ trọi, tròn xoe, rắc một lớp như bột trắng xuống đám cây cỏ sát bờ, còn vùng đất sâu hơn, nó không hề màng tới mà để chìm đắm trong bóng tối âm u, tĩnh lặng và đáng sợ.

Các ông thợ mộc, thợ làm bánh, thợ làm mũ và thợ chài thô đi theo chuyến vượt biển này – hoặc tự nguyện, hoặc bị ép buộc – dù còn phân vân hay nghi hoặc, họ đành phải tin vào lời hứa sẽ tới một thế giới mới. Song không bao giờ họ hình dung cái thế ấy lại âm u, ảm đạm đến vậy.

Nhìn hòn đảo trước mắt, họ chợt nhận ra rằng thời gian lênh đèn trên biển vừa qua chưa phải là chặng đường khổ ải nhất. Bây giờ mới là lúc họ sắp chịu cực hình kinh khủng nhất: bị rơi từ đỉnh cao văn minh xuống vực thẳm man rợ, như ông bà Adam và Êva mắc tội bị quăng từ thiên đường xuống trần thế vậy. Họ thấy mình lạc vào giữa một thế giới hoang dã nhưng không được thư thái, nhơn nhơ bằng thú rừng, bởi vì họ có ý thức, họ biết khổ đau để chịu đựng một nơi xa lạ, không có chỗ cho lòng thương, để làm họ bị tổn thương và bị tước đoạt.

Villegagnon tiếp tục say sưa:

- Ngay ngày mai, các bạn sẽ sở hữu cơ nghiệp mới. Các bạn sẽ xây ở đây một pháo đài mạnh, nó sẽ là công trình đầu tiên dâng lên Đức Vua Henri để nhĩ hiễn hách của chúng ta.

Ông ngừng lại một chút, khiến đám cử tọa mặt mặt ông đã cảm nhận được nỗi tuyệt vọng của họ.

- Tôi đã có ý nghĩ đặt tên miền đất mới này là Henriville, – ông nói tiếp với vẻ của một nhĩ thần khiêm tốn chuẩn bị nói ra một câu lấy lòng – song như thế thì quá nhỏ bé, không xứng với Đức Vua vĩ đại. Chờ khi chúng ta làm chủ cả xứ sở, bấy giờ ta sẽ xây hẳn một thủ đô, lúc đó đặt tên ấy cũng chưa muộn. Còn bây giờ nó mới chỉ là một đồn binh; hãy gọi nó là đồn Coligny, để ghi nhớ công lao ngài đại đô đốc Gaspard de Coligny nước Pháp, người nhiệt tình ủng hộ đoàn viễn chinh chúng ta.

Người ta cảm thấy ông nêu cái tên ấy rất kính cẩn nhưng rất nhậ nhẽ, như không có tình cảm gì với ngài Coligny. Rồi ông giơ hai tay, hô lớn:

- Đồn Coligny muôn năm!

Cử tọa im thin thít, chỉ có tiếng chim muông quang quác từ đảo vọng lại. Villegagnon cau có:

- Thế nào, chẳng lẽ các bạn để mình ta có ước muốn đó sao? Nào, tất cả hãy hô to: đồn Coligny muôn năm!

Như người đang ngủ say bị ai lay mạnh, đám đông cất tiếng hô lộn xộn. Villegagnon đành bằng lòng với kết quả ấy, không dám đòi hỏi hơn.

Chỉ một mình Colombe không chia sẻ nỗi thất vọng chung. Cô cảm thấy người lâng lâng một cách kỳ lạ. Có lẽ đó là do thời tiết đêm hè ẩm áp, do không khí im ắng, vừa ngọt ngào vừa âm ẩm như một luồng hơi thở mang mùi men nồng nàn từ trong rừng phả ra. Ngồi ở chân cột buồm, cô khoan khoái đung đưa theo nhịp của con tàu đã hạ neo đang nhấp nhô trên mặt nước. Thấy Just đi tới, cô mỉm cười với anh, song anh vẫn có vẻ lảm lì hơn cả lúc trưa. Martin đi sau anh, cũng cau có không vui.

- Bây giờ em đã thấy chưa? – Just hỏi khi đã ngồi xuống bệ gia cố ở chân cột buồm.

Cô nhìn anh, không hiểu. Just chỉ tay về phía đảo, nói rõ hơn:

- Em nghĩ xem, sao tìm thấy cha ở cái nơi khi ho cò gáy này?

Đúng là như vậy, song cô không biết: trả lời thế nào; thực ra gần đây cô gần như quên mất mục tiêu của chuyến đi này. Nghĩ lại, cô thấy ngạc nhiên và hơi xấu hổ.

- À! Ủ, Cha.

Cô chỉ thốt lên thế rồi im bặt.

- Martin cầu nhàu:

- Mẹ kiếp, tao thề: dù có phải bơi qua cái vịnh chết tiệt này, chỉ ba tuần nữa, tao sẽ trốn trở về.

CHƯƠNG 2

Mỗi lần đặt chân lên bậc thềm của quảng trường Saint-Mare, lái buôn Cadorim lại

thấy lòng bồi hồi xúc động. Lão yêu tha thiết thành phố quê hương với tòa tháp vương quyền thuộc, dinh Thống lĩnh đồ sộ, nóc nhà thờ dát vàng óng ánh. Than ôi, định mệnh lại buộc lão phải xa quê, xa quê để phục vụ quê. Nước Cộng hòa Venise ban cho lão cái vinh dự – đồng thời là bất hạnh – là chiến sĩ của đạo quân vô hình những nhà ngoại giao và gián điệp mà nó phải đi khắp nơi. Nước Cộng hòa vốn yếu thế, phải tìm sức mạnh ở cái vốn hiểu biết vô tận mà mạng lưới tai mắt đó mang về. Những người này đã từ bỏ tính trung thực của mình để đổi lấy cái công việc cần đến sự phản trắc và họ đã thề sẽ tiết lộ mọi bí mật thu thập được để lòng trung thành của họ được nguyên vẹn.

Mỗi lần Cadorim về nhà, chính là đề báo cáo với Thống lĩnh và với Đại hội đồng tất cả những gì đã thấy, đã nghe, đã đoán. Mỗi lần kể những gì mà lão nhìn thấy, nghe được, và đoán ra phải lai rai kéo dài tới một tháng, có khi hai.

Trong lúc chờ đợi, lão đi lang thang trong thành phố yêu quý, song mỗi lần trở về lại thấy có những thay đổi khiến lão ngỡ ngàng. Các con của lão lớn phổng đến không nhận ra, vợ lão thì mỗi ngày dường như một xa lạ. Nhà của lão như đã bị xê dịch vì chung quanh la liệt những công trường xây dựng. Nhiều nhà mới, cầu mới, nhà thờ mới mọc lên. Từ cửa sổ nhà mình, nay Cadorim nhìn thấy mặt mới tinh của nhà thờ Santa Maria và lâu đài Vendramin sừng sững trên một rừng cọc. Trên các nhánh của cái phá nước mặn này xuất hiện nhiều công trình đẹp như những viên đá quý: một ngày đẹp trời nào đó, mớ giàn giáo bỗng được phá dỡ, đưa ánh sáng mặt trời những màu hồng trong sáng, những màu trắng tinh khôi, những màu son tinh tế, ấy thế mà lại mang giá trị vĩnh cửu. Cadorim yêu say

đắm thành phố này, song cứ mỗi lần bắt đầu làm quen được với những thay đổi của nó thì lại đến giờ sắp phải ra đi. Thế là lại nằm mơ thấy những dặm đường dài đặc, những quán trọ nhếch nhác, rồi phải lo toan, mưu mẹo... khiến suốt đêm không ngủ. Đến mức không chịu được, lại mong lên đường mau cho xong.

Hoàn cảnh của lão là như vậy. Buổi sớm tháng Tám hôm đó, mặt trời mùa hạ rực rỡ chiếu sáng toàn bộ thành phố; chỉ có tâm hồn lão là nơi duy nhất vẫn ngoan cố không chịu hé mở đón ánh sáng. Để đến được chỗ hẹn

cuối cùng trước khi lại tiếp tục lên đường, lão phải đi ngang qua hơn hai chục dòng kênh và vô số quảng trường nhỏ xinh. Do một sự oái ăm khó hiểu của con tim, lão càng thích thú trước cảnh thuyền gông-đôn đi lại như mắc cửi, cảnh chợ búa sầm uất và hàng nghìn những cảnh đời nhỏ nhất trong cuộc sống ở Venise buổi sáng, thì lại càng đau đớn vì sắp phải mất những thú vui ấy trong một thời gian rất dài. Cuối cùng, lão đến trước một cung điện mới xây, nơi ở của người gọi lão đến để hỏi chuyện. Vừa vào cửa, lão đã có cảm giác tạm bợ như mình đang trên đường trường: nội thất của tòa lâu đài đang được hoàn thành nốt và tỏa ra một mùi quen thuộc của thạch cao mới trát, nhưng đã kê đồ đạc không theo lối Venise. Hòm xiềng gỗ, ghế bành ra kiểu cách gì nhưng gia công rất nặng nề và cả một bức tường gạch men hoa nói lên ý muốn khắc ghi cho cái ốc đảo này toàn dấu ấn Bồ Đào Nha. Cái kiểu cách cầu kỳ vô nghĩa này không những chứng tỏ sự giàu sang của kẻ thích phô trương mà còn sặc mùi giàu mới nổi và mùi học làm sang. Cadorim đã từng thấy khá nhiều những thói lỗi lãng như thế, ai đi qua vương quốc Milanais cũng ra sức vơ vét đem về. Lão thở dài và ngồi tạm xuống một cái ghế ngà to rộng vừa bất tiện vừa kịch cỡm, trông thì có vẻ đồ sộ nhưng lại lung lay.

Lão phải chờ một lúc lâu rồi một cánh cửa mở ra để lộ một cung thờ vàng óng, và giám mục bước ra. Cadorim vội phủ phục, hôn nhẫn của vị giáo sĩ cao cấp:

- Con xin kính chào Đức Ngài Chí Thánh!

Cứ tôn bệ trên lên một chức danh họ chưa hề có là không bao giờ thừa, người được tôn vinh luôn sẵn sàng tha thứ cho sự nhầm lẫn và cho rằng kẻ xu nịnh kia chỉ chào sớm một chút mà thôi. Viên giám mục Bồ Đào Nha làm bộ ngờ ngàng:

- Con hãy đứng dậy, và đừng gọi ta là Chí Thánh. Ta chưa được vinh hạnh là Giáo hoàng.

Đức cha Joaquim Coimbra nói “chưa” với một vẻ khiêm tốn tham lam, có nghĩa là ngài có nhiều tham vọng sẽ lên tới chức ấy.

Vài lời thăm hỏi xã giao, và một việc không thể né tránh: đưa đi thăm thú vài chục căn phòng lộng lẫy, mà tất cả cái bọn quê mùa ấy tưởng mình có nhiệm vụ bắt khách người Venise phải chịu, rồi mới đến việc sắp xếp chỗ ngồi trên ban-công lầu đài. Hai người ngồi đối diện nhau trong những chiếc ghế bành bằng đá hiển nhiên là rất kém thẩm mỹ. Và cuối cùng Cadorim được dẫn dắt đi vào việc chính. Vị sứ thần của tòa thánh chấp tay trước bụng, hỏi thẳng vào vấn đề:

- Vậy là con đã có mặt ở cái bến cảng mới, nơi bọn Pháp rục rịch chuẩn bị mưu đồ chống lại đất nước của ta?

- Kính thưa Đức Chí Thánh, con đã tới Havre-de-Grâce.

- Một cái tặc lưỡi nhắc lão chưa đến lúc nói đến việc đó...

- Quốc vương nước ta rất biết ơn nước Cộng hòa Venise đã đáp ứng yêu cầu của Người. Chỉ qua trung gian của nước con, chúng ta mới thu thập được những thông tin chính xác. Vậy con đã biết những gì về mưu đồ của bọn Pháp ở châu Mỹ?

Ngay lúc mới về cách đó hơn ba tuần, Cadorim đã có thể báo cáo ngay với giáo sĩ những gì mình biết. Song phải chờ để nước Cộng hòa thương lượng về cái giá Bồ Đào Nha phải trả. Bồ Đào Nha không phải là đồng minh của Venise, họ nhất quyết mở đường sang Ấn Độ, phá vỡ độc quyền mà Venise vẫn giữ ở phương Đông. Tuy nhiên, việc nào ra việc nấy. Nước Bồ Đào Nha chẳng tử tế gì, song dù sao cũng có tác dụng làm đối trọng với Tây Ban Nha, tức là đối trọng với một trụ cột trong Đế chế của Charles Quint, mà Venise luôn coi chừng. Vì vậy bọn Bồ Đào Nha thô lỗ thật, vẫn cần tranh thủ chúng. Giúp chúng được việc gì thì cứ giúp, miễn là phải trả giá cao. Được biết, hôm trước hai bên đã ngã giá, sau một cuộc mặc cả gât gao, nên lúc này Cadorim có thể kể hết những gì đã thu lượm được ở Havre.

Sau khi nghe xong, giám mục ra chiều suy nghĩ

- Con nói, ba tàu cả thủy, lại vũ trang đầy đủ? Gay thật.

Một bức tán đỏ căng phía trên, khiến cho toàn bộ ban-công rất râm mát, trong khi mặt nước dưới dòng Kênh Lớn hắt lên hàng vạn tia nắng lấp lánh. Đức cha nói tiếp:

- Quân của nước cha gặp tàu lẻ hoặc tàu không vũ trang thì không khó khăn gì mà không buộc được chúng từ bỏ ý định đi Brésil. Brésil là của chúng ta.

Nói đến đây, giáo sĩ rung rung nhớ đến các biện pháp mà đồng bào của ngài thường dùng để trừng phạt bọn điên rồ dám coi thường chủ quyền của Bồ Đào Nha ở miền đất mới, kể cả chặt chân chặt tay rồi bỏ cho chết đói...

- Nhưng lực lượng chúng tôi không đủ để ngăn chặn ba tàu có súng ống lại hung hăng sẵn sàng nghênh chiến.

Do thiếu người, nước Bồ Đào Nha nhỏ bé trao cho các đại diện của họ nhiều trách nhiệm khác nhau. Ở nước Ý này, cha Joaquim có mặt là để làm chức trách đối với Giáo hội, song ông còn kiêm cả chức năng đại sứ. Với chức năng này, ông cần môi suy nghĩ về hậu quả chính trị sẽ nảy sinh qua sự việc mới xảy ra. Cadourim tranh thủ lúc đức cha yên lặng để thả hồn phiêu diêu. Nhìn qua cửa sổ thấy thuyền bè ngược xuôi trên kênh lớn, lão càng thấy lưu luyến thành phố quê hương. Song liệu rồi sau đây hẳn lại bị phái đi chốn xa xôi nào nữa... Tiếng Đức cha nói to làm lão tỉnh giấc:

- Theo con, đúng là họ đi Rio de Janeiro?

- Vâng, đúng ạ.

Và lão hỏi thêm, đề tỏ vẻ quan tâm:

- Ở đó các ngài có đồn binh nào không ạ?

Cha Joaquim buồn rầu:

- Than ôi, Brésil thì rộng mà nước Bồ Đào Nha của cha lại nhỏ... Chúng ta có người ở Sao Salvador de la Bahia, nhưng nó cách xa vịnh Rio bằng từ

Lisbonne đến nước Anh vậy. Ở Sao Vincente phía nam, cũng có một đồn binh nhỏ, nhưng không đủ sức để tấn công bọn chúng.

Cha đâm chiêu, cầm cốc rượu lên, từ từ uống cạn rồi đặt mạnh xuống bàn, nói oang oang quên cả cái từ tôn thường có của một giáo sĩ:

- Nhưng chúng ta sẽ tìm ra cách để buộc chúng phải tôn trọng chủ quyền! Gì thì gì, cũng phải tổ chức cuộc tiễu phạt xuất phát từ Bahia, từ Cap-Vert và nếu cần, từ cả thủ đô Lisbonne.

Rồi cha dịu giọng:

- Tất nhiên, quyết định tối hậu là từ Hoàng thượng, Cadourim làm ra vẻ đồng tình. Lão nheo mắt cho khỏi chói bởi ánh phản chiếu từ dưới kênh lên. Nhưng nắp trong vỏ bọc quan tâm ấy, lão vẫn tiếp tục mơ mộng.

Mắt lạnh lẽo và xa xăm, như đứng trước một bóng ma, vị giáo sĩ nhấn mạnh:

- Vấn đề là cần trình bày cho Người rõ tình hình chính trị hiện tại của châu Âu. Vì thời cơ hành động đã tới. Nước Pháp đã kiệt sức vì phải đối phó với hoàng đế: nó hướng về phương đông. Chiến trường mà họ tung hết lực lượng lúc này là ở phía Picardie, hoặc: Hainaut... Nếu ta tranh chấp với họ một cơ sở xa xôi tận bên Mỹ, chắc họ sẽ không phản ứng. Cần nắm thời cơ ngay.

Cha lắc cái vòng gấn trên chiếc cốc bạc mạ vàng ba lần như người ta vẫn làm trong các cuộc bán đấu giá để kết thúc một lần nâng giá. Cha hăng hái nói tiếp:

- Tháng sau cha mới phải về Lisbonne, nhưng tình hình này ta sẽ về sớm hơn. Cần nhanh chóng thuyết phục Hoàng thượng. Trời sẽ giúp ta, ta tin chắc như thế!

Cadourim mơ màng nhìn về phía Murano và đất liền ở phía chân trời.

Giật thót mình bởi câu cảm thán của cha, lão quay trở về với thực tại. Bọn Bồ Đào Nha thế nào ấy nhỉ... à phải. Lão đã nhớ được rồi.

Thầy giáo sĩ có vẻ sắp chấm dứt cuộc gặp, Cadorim vội nói:

- Kính thưa Đức Chí Thánh, nếu Đức Ngài quyết tâm đánh tan cái nhúm người Pháp ấy, con đã sẵn sàng gài sẵn một người ở đó.

Giọng tự nhiên của lão bao hàm cả ngụ ý “tất cả không phải trả thêm tiền”.

- Tốt lắm – đến lượt giám mục nheo mắt, hiểu ý.

Cadorim liền giới thiệu Vittorio, không quên thổi phồng tài năng của hắn

- “Ribère”... giám mục hài lòng nhắc lại – Hay lắm! Con thật là thần tình, chu đáo! Thực thế, các con đúng là lắm mưu nhiều kế!

Một nụ cười hóm hỉnh nở trên môi cả hai người, khiến họ đều hiểu ngầm đây là một lời khen. Nhưng dù sao, lòng tự trọng của Cadorim cũng hơi bị xúc phạm. Lão đã chai sạn đến mức không còn tức giận khi người ta thán phục Venise vì sự phồn thịnh thì ít mà vì thói mua chuộc thì nhiều nữa. Nhưng đằng này lại là vấn đề tự trọng cơ chứ...

CHƯƠNG 3

Ý tưởng ấy là từ Quintin lan truyền ra, từ nhóm này sang nhóm khác. Theo Quintin, cái thế giới họ gọi là mới này chẳng có gì mới, thật là lỗi bịch khi nghĩ là chưa ai biết. Thực ra đây là một lục địa chết, một trong những miền đất bị nguyên rủa không dung dưỡng sự sống, nhất là sự sống con người. Và Quintin dẫn ra hàng chục đoạn trong Kinh Thánh ám chỉ việc đó.

Sáng ra, khi những sà lúp đầu tiên cập đảo, ai nấy đều ngần ngừ chưa muốn bước chân xuống. Bị ám ảnh bởi lời lẽ bi quan của Quintin, họ nhìn lớp bụi trắng mịn rải phơn phớt dọc bãi cát, nghĩ ngay đó là bụi xương. Cái mà lúc đầu họ tưởng là than cây đổ hóa ra là những bộ xương khô quắt vì nắng gió, nào xương cổ mảnh khảnh, đốt sống lưng, xương sườn, chúng liên tục phát ra tiếng răng rắc khe khẽ nghe rợn người, lại có cả từng chùm xương sọ nữa.

Đến khi bị buộc phải nhảy xuống nước và đặt những bước chân đầu tiên lên bờ, cảm giác sợ sệt mới tan dần, song họ vẫn run rẩy tím tím đứng thành nhóm dưới bóng một rừng dừa. Tổng cộng là ba trăm người, do sáu chiếc sà lúp đi lại như con thoi đồ họ lên đảo, đứng giữa trưa, áp sát vào nhau, mắt láo liên sợ hãi nhìn ngang nhìn ngửa.

- Mẹ kiếp, bây giờ ai có đôi ủng thì bao nhiêu tiền tao cũng mua! – Martin chửi thề. Suốt từ bé đến giờ, hấn chỉ biết đi chân đất, vậy mà bây giờ dẫm lên đám rong tảo bày nhảy, hấn phải rùng mình kinh sợ. Và hấn còn kinh hoàng hơn khi dẫm phải những vật hình cầu nan nát, có thớ thịt, nằm rải rác trên cát.

- Trời ơi! Chuột nhắt rừng chết thôi! Hấn rên rỉ, cố tránh không đặt chân vào những mảnh thịt vụn ấy.

Just nhảy xuống từ một chuyến khác, lại không để ý xem chân mình dẫm lên cái gì. Cậu nhìn không chán mắt dãy núi vây quanh vịnh và màu xanh rì của cây lá. Ngược lại với những người mà cảnh hoang vắng của đảo làm cho sợ hãi, cậu lại bị choáng ngợp bởi sự sống hiển nhiên lúc nhúc vô

hình quanh quẩn. Cậu cảm thấy rõ rệt, vô số sinh vật đang yên lặng bao vây đoàn người, đáng sợ hơn cảnh hoang vắng. Mặc dù vẫn còn nghi ngại, Just không thể không nhận thấy, cảnh thiên nhiên bí ẩn này là một thách thức với nghị lực của cậu.

Một thủy thủ quát, làm cậu tỉnh cơn mơ mộng:

- Còn đứng nhìn trời đất gì nữa. Mau giúp khiêng những hòm này xuống.

Ngoài các sà lúp chở người, bây giờ là một cái bè gỗ trên chất đầy đồ đạc. Just lội nước đến ngang lưng, hang hái dỡ hàng, công việc này làm cậu giãn xương cốt và khỏi phải suy mung lung.

- Cẩn thận, níu chặt lấy bè! – Người thủy thủ nhắc.

Từng đợt sóng bất thường dồn dập đổ vào bờ, làm thuyền bè chòng chành. Lấy hết sức mình bám chặt bè gỗ, có lúc Just không chống nổi sóng. Hai lần rồi, các thủy thủ cố kéo bè lên cát mà không xong. Lần này nữa, nó trượt khỏi tay họ rồi bị sóng cuốn ra xa. Các hòm xiềng bật tung, đồ lẻ bên trong rơi tung tóe xuống nước.

- Đuổi theo, vớt tất cả lên! – Các thủy thủ nhao nhao.

Just không biết nên vớt cái nào trước, xung quanh dập dềnh, những quần áo, khăn lễ, sách vở. Mặc dù cát dưới chân dốc thoải thoải, cậu đã lội đến chỗ sau ngập cổ và dễ bị nước cuốn đi. Vật nặng bắt đầu chìm xuống đáy, vật nhẹ hơn thì bị cuốn ra xa.

Đúng lúc ấy, chiếc sà lúp chở Villegagnon, Thevet và tùy tùng đi tới: họ muốn chờ thoải mái trên tàu và đồ bộ sau cùng. Colombe cùng đi với họ. Sự tiếp đất muộn màng này mang ý nghĩa tượng trưng, kết thúc chiến dịch thắng lợi. Vừa từ trên thuyền xuống, vị chủ soái cúi nhặt một vốc cát rồi để cát lả tả rơi xuống, long trọng tuyên bố:

- Đất đai nước Pháp ta đây!

Le Thoret cầm cờ đứng phía sau. Lão trao cờ cho chủ, ông này giờ cao, mảnh vải có hình hoa huệ tung bay trước gió. Nghi thức tiếp theo phải là đưa cờ lên cắm trên điểm cao nhất của đảo, bỗng bị chặn đứt bởi tiếng kêu the thé của Thevet: lão đã nhận ra cái hòm của mình từ từ lên đèn trôi xa bờ.

- Ôi đồ đạc của tôi! Sách vở của tôi!

Lão chạy ra mép nước, vớ vôi vàng mớ vải và giấy nhàu nát lẫn bùn cát mà Just vừa cố sức vớt được, thét lên như súc vật bị chọc tiết:

- Quần áo của tôi! Đồ lễ của tôi!

Các sĩ quan chạy tới, cả Villegagnon cũng bỏ lá cờ, dẫn đầu cả nhóm, cộng với Just là sáu người, cố vớt vát những gì còn sót lại.

- Chiếc bình bánh thánh của tôi! – Thevet quỳ xuống than van

Cái gì mất thì tiếc, nhưng cái cứu được cũng chẳng làm vui hơn: sách vở ướt sũng, mực phai nhòe nhoẹt. Tất cả những gì ghi chép được, tài liệu thu được, cả các dụng cụ đo đạc đều mất hoặc hỏng.

Villegagnon định tỏ lòng tôn trọng nhà vũ trụ học bằng cách cho đưa đồ của ông ta lên bờ trước, ai ngờ lại thế này, vì vậy ông rất ân hận không biết làm thế nào.

Khi rõ ràng là không còn gì để cứu nữa, họ quay về bờ, người ướt lướt thướt. Villegagnon rầu rầu nói:

- Tôi rất lấy làm tiếc, nhất là mất những đồ lễ của cha.

- Và cả bao nhiêu là tài liệu khoa học nữa chứ! – Thevet mếu máo

Mọi người đành an ủi và dìu ông ta đi. Đoàn người lại tập hợp nhau lại, nhưng người thì ủ rũ, người thì ướt như chuột lột, nên mất hết vẻ oai phong. Colombe được giao giữ cây cờ; lúc đầu cô cuộn nó lại, đến khi Just tới cùng thì cô thả cho nó tung bay trong gió với vẻ nghịch ngợm.

Vẫn theo sau Villegagnon và đoàn tùy tùng, họ leo lên đỉnh cao nhất của hòn đảo, trong khi đại bộ phận khách đi tàu lặng lẽ leo đèo bước theo.

Đã gần trưa, thời tiết rất nóng. Càng vào bên trong, khí trời càng khô. Đất dưới chân họ trở nên cứng hơn và lên cao dần. Lúc này đã là vùng đất gieo và thông bá hương đã hoàn toàn thay thế cho dừa, không khí thoáng đãng hẳn lên. Colombe thấy rõ nét mặt căng thẳng của mọi người, kể cả Just. Riêng cô lại cảm thấy lâng lâng thoải mái. Tất cả, từ ánh nắng mặt trời chói chang, bóng râm của cây cối, tiếng gió thổi vi vu trong lá thông xào xạc đến màu xanh biếc của biển vây quanh, đều khiến cho cô thích thú. Ngoài sự ngạc nhiên chỉ có một mình mình có cảm giác như vậy, chẳng còn mối lo ngại, tiếc nuối nào làm hỏng được cái cảm giác thoải mái và hạnh phúc trong lòng cô.

Lên đến điểm cao ở trung tâm đảo, Villegagnon giục:

- Cờ đâu, đưa mau!

Colombe chạy lên. Rút ngắn mọi nghi thức, ngài đô đốc cầm cán cờ vào kẽ đá, song cũng phải dừng đi dừng lại hai ba lần mới được vì gió thổi mạnh. Thevet đọc kinh cầu nguyện. Villegagnon luôn miệng “a men” và thúc giục mọi người làm theo. Tiếng lao xao không xua tan được cái im lặng tuyệt đối đè nặng lên cảnh trí xung quanh.

Tiếp đó, ngài đô đốc cũng bỏ luôn bài diễn văn định đọc, và yêu cầu ai nấy giải tán. Bây giờ phải làm nhanh việc dỡ đồ và đã đến lúc cần mau chóng đi khảo sát hòn đảo. Villegagnon cầm đầu một nhóm người bước từng sải dài đi thăm thú tài sản mới của mình. Just vì tò mò cũng bám theo các hiệp sĩ. Có Martin cùng đi nên Colombe chọn ở lại. Càng ngày cô càng ghét tên ăn xin trẻ tuổi nói năng quá tự do này. Cô vẫn còn ác cảm với hắn về thái độ thô lỗ từ buổi tiếp xúc đầu tiên. Nhưng nguyên nhân thực của việc cô mất cảm tình với hắn lại ở chỗ khác.

Colombe ngồi nghỉ dưới bóng râm đám cây mọc đối diện với vịnh. Lá thông thanh mảnh như kim màu xanh non thừa thớt phủ trên mặt đất. Cô rơi

vào giấc ngủ lúc nào không biết, thoải mái trên đất liền, không còn bị lắc lư như ở trên tàu nữa.

Một giờ sau, Just trở về, ngồi xuống cạnh cô. Cậu lắc đầu bi quan:

- Không có nước ngọt. Không ngồi, không suối.

- Vậy phải làm gì? – Colombe lo lắng hỏi.

- Vẫn ở lại. Ông Villegagnon nói sẽ đào những bể nước, rồi sang đất liền lấy nước về trữ.

Colombe có cảm giác khoan khoái khi biết là sẽ không rời bỏ nơi này ngay, và chính cô cũng không hiểu tại sao.

- Ngoài điểm cao chỗ ta đứng đây – Just kể tiếp ở hai đầu đảo có hai nơi cao nữa. Ông Villegagnon định xây công sự phòng thủ ở đó.

Trước mặt họ, tùy theo mặt trời chệch dần về phía tây mà cảnh tượng khu vịnh thay đổi màu sắc. Màu xanh lơ thẫm của biển cả nhìn thật mát mắt. Từ ba con tàu neo đậu ở xa vọng lại những tiếng í ới, tiếng cần trục và ròng rọc: việc dỡ hàng đang xúc tiến.

Martin tiến đến vẫn thận trọng ngó nghiêng xem chân hấn đặt và đâu. Mỗi tay hấn cầm một quả dừa đã phạt nùm. Hấn chìa cho họ và bảo:

- Tớ phải tranh cướp mãi mới được đây.

Just và Colombe say sưa uống chất nước ngọt lịm, đã lâu họ không được uống đã cơn khát như thế. Mắt đăm đăm nhìn về phía cuối vịnh vẫn mờ mờ trong cái nóng lung linh, Martin lại nói:

- Đêm nay, phải chú ý nhìn cho kỹ. Nếu có ánh lửa, là đúng hướng.

- Hướng gì cơ? – Colombe đang áp cùi dừa trắng mát vào môi vội lên tiếng hỏi.

Martin nhún vai:

- Những cơ sở của người Noóc măng, chứ còn gì nữa!

Đêm đến, Martin và Just đứng nhìn khu vịnh tối đen, chỉ nghe tiếng thở rì rào của biển. Nhưng không có một ánh lửa nào, và Colombe đánh một giấc ngủ bình yên.

*

* *

- Mọi ăn thịt người! Mọi ăn thịt người!

Sáng sớm ra, những tiếng kêu thét vang từ bên neo đậu sà lúp làm ai nấy tỉnh giấc. Đang nằm rải rác khắp đảo, mọi người lao nhanh xuống bãi biển. Martin là người nhóm dậy đầu tiên; vốn là trẻ hành khất lang thang, hắn đã quen chỉ ngủ một mắt. Just và Colombe vừa ngáp vừa chạy theo hắn.

Toàn bộ bãi cát trên đảo, đối diện với đất liền, đầy những người đứng lơ nhố sát mép nước, nhìn sang bờ bên kia. Vạt biển ngăn cách khá hẹp, đứng bên này nhìn thấy rõ một đám thổ dân dễ có tới hai trăm tay thiện chiến.

Cái họa về mọi ăn thịt người ám ảnh đầu óc cả đêm đầu trên mảnh đất xa lạ này đã thành hiện thực.

Villegagnon hỏi Le Thoret:

- Ông đã cho rẽ các xúc vãi và đá mầu xuống chưa?

- Đã

- Vậy bảo đưa một xúc dạ đỏ và một thùng đá đến đây. Rồi ông ra lệnh cho các thủy thủ: – Chuẩn bị chiếc sà lúp lớn nhất.

- Còn dàn sung hỏa mai có phải đưa ra không? – Gonzagues hỏi.

- Có, nhưng đặt chúng ở đây và sẵn sàng. Người ta nói bọn mọi này thân thiện với người Pháp, nhưng chưa ai biết sự thể sẽ ra sao. Phải có lệnh tôi mới được nổ súng.

Thủy thủ đã yên vị trên sà lúp, sẵn sàng tay chèo. Villegagnon nhìn quanh để chọn người đi theo. Thoret xin tình nguyện, mặc dù vẫn còn chán nản về việc bị mất đồ. Ngài đô đốc chỉ định thêm năm người Xcôtlen trong đội bảo vệ và Le Thoret. Rồi ông gọi Just đi cùng vì ông muốn ra mắt thổ dân có một thị đồng theo hầu cho oai và cũng vì, trong hai đứa, Just vạm vỡ hơn hẳn, trong trường hợp cần thiết có thể cần đến sức lực của cậu.

Ngần ấy người bước xuống sà lúp; Villegagnon đứng đằng mũi, người thẳng như chữ i, mũi hếch hiên ngang về phía trước.

Chiếc sà lúp nhanh chóng sang tới đất liền. Dân Anh điêng yên lặng nhìn họ tới gần. Villegagnon lệnh cho thuyền đậu ngang, để có thể dễ dàng quay mũi trở về nếu xảy chuyện bất ưng. Thuyền đậu như vậy có điều bất tiện là khách phải lội xuống nước khá sâu, ướt quần áo. Song ngài đô đốc vẫn hùng dung bước đi trên cát, như một ông hoàng tới nơi tiếp sứ thần. Những người Anh điêng vẫn không nhúc nhích. Trông họ hao hao giống nhau: tầm vóc vừa phải, cấu tạo giống như mọi con người, chứ không đến nỗi ba đầu sáu tay như ai nghĩ. Chính hình dạng bình thường như vậy khiến việc họ hoàn toàn trần truồng trở thành ngượng ngịu đối với những người mặc quần áo đàng hoàng. Chẳng có điểm nào ở họ giống loài vật, nếu đã quen nhìn họ trong tình trạng không một mảnh vải che thân, ngoài một lớp lông dày. Chỉ có tư duy thời Cổ đại mới thấy trạng thái tự nhiên này là dễ hiểu và hơn nữa, là đáng phục.

- Pháp! Pháp đây!

- Mair! Thevet họa theo, dùng một từ trong ngôn ngữ bộ lạc Tupi mà lão đọc được trong sách, có nghĩa là “Pháp”.

Nghe nhắc đến sách, lòng ông ta lại nhói lên nỗi day dứt, tiếc ngán tiếc ngơ những cuốn sách cùng toàn bộ kiến thức đã chìm xuống đáy biển.

Nghe thấy từ *mair* ấy, đám thổ dân trao đổi một lúc với nhau bằng tiếng của họ. Một thanh niên trẻ, vạm vỡ, đầu cạo trọc, có một viên đá to dẹt treo ở môi dưới, tiến lên. Anh ta nói một thôi dài không ai hiểu, song giọng thì thân thiện. Villegagnon ghé tai Le Thoret thì thầm:

- Họ không có vẻ đối địch.

Song ông này, vốn đã dự nhiều chiến trận ở Ý, bị thương ở La Mirandole, vẫn cảnh giác, sẵn sàng tuốt kiếm. Kinh nghiệm cho thấy kẻ thù bên ngoài hiền lành nhưng bên trong lắm âm mưu tàn ác.

Nói xong một hồi, chàng Anh điêng bước về phía rừng sâu, những thổ dân khác vây quanh Villegagnon và tùy tùng, kéo họ đi theo. Càng rời xa biển càng nguy hiểm, vì ra ngoài tầm bảo vệ của súng hỏa mai. Tuy nhiên đồ độc không hề do dự. Cưỡng lại lúc này là tỏ ra mình ở thế yếu. Thừa ủy nhiệm của nhà vua, Villegagnon là chủ nhân ông ở đây, đất này là của nước Pháp, ông không phải sợ ai.

Đoạn bờ biển này, bãi cát khá hẹp. Chỉ đi một quãng ngắn, họ đã vào tới rừng rậm với nhiều tầng cây cối. Bóng râm âm u giữ cho lớp không khí gần mặt đất mát lạnh đến kỳ lạ. Đi khoảng trăm bước nữa tới một khoảng rộng, có ngôi nhà rất dài lợp gồi với những dứa trẻ trần trụi chạy lăng xăng.

Villegagnon và tùy tùng vừa xuất hiện, tiếng kêu thét vang động khắp khu rừng. Những người khách mới đến giật mình và ngài đồ độc hiểu ngay rằng không phải họ đã rơi vào ổ phục kích, nhưng lại tưởng rằng sự xuất hiện của đội bảo vệ người Xcôtlen, với dao găm cài ở bắp chân và với vẻ mặt quỷ tóc đỏ, đã làm lũ trẻ sợ hãi. Nhưng hóa ra không phải. Chính ông mới là người gây ra những tiếng kêu khóc thảm thiết của tất cả đám đàn bà con gái trong ngôi nhà đó.

Nhận ra Villegagnon với dáng bộ oai vệ và Thevet khoác áo choàng đen là những quan chức cao cấp nhất, thổ dân đưa cả hai vào ngôi chung một vồng. Đu đưa một cách khổ sở trên cái vồng chết tiệt đó, lại sát bên cạnh ông tu sĩ, chật chội đến nỗi không cựa nổi, Villegagnon phải tiếp tục chịu đựng trong vài phút nữa sự bày tỏ lòng mến khách của đám đàn bà sụt mướt và hò hét như điên dại ấy. Có tới mười mười lăm phụ nữ tới phủ phục

trước mắt họ, hai tay ôm đầu khóc lóc rên rĩ cứ như có người thân mới chết. Họ cũng trần truồng, vừa la hét vừa phờ phạc cả vú về, đùi về cả bộ phận kín nhất nữa, trước con mắt kinh hãi của ngài hiệp sĩ xứ Malte và ông tu sĩ. Trốn đi không được, hai ông đành bầm bụng chịu đựng. Cứ thế kéo dài mấy phút liền.Đàn ông Anh điêng thản nhiên đứng xung quanh, cho hai ông thấy rằng cảnh tượng kỳ quặc này chỉ là nghi thức xã giao bình thường để chào mừng khách quý.

Villegagnon chỉ hơi lo sợ khi thấy cái con lừa Thevet ấy, cảm động bởi tiếng khóc lóc thảm thiết, hơn nữa lại chưa lấy lại được tinh thần sau khi bị mất mát đồ riêng, tự nhiên rơi lệ thôn thức bên cạnh ông. Con yếu đuối trong phút chốc đã khiến các bà các cô thổ dân lại òa hết cả lên và một trận khóc mới lại bắt đầu.

Rồi tiếng ồn ào dịu dần. Một người Anh điêng cao lớn, đứng tuổi hơn những kẻ đã đón tiếp hai vị khách, quanh hông và trên lưng dán một loạt lông tơ bằng nhựa dính, tiến về phía Villegagnon và nghiêng mình chào. Mối trên cũng treo miếng da dẹt giống như những người đàn ông khác, ông ta bắt đầu phát biểu lời chào mừng dài dằng dặc.

Ngài đô đốc đứng lên, mặc cho Thevet vẫn tiếp tục khóc nức khóc nở trên vông, và ra hiệu cho Just:

- Cháu mang đồ mừng lại đây.

Just chạy về sà lúp, cùng một thủy thủ nữa ôm súc dạ và thùng đá quý tới, đặt dưới chân Villegagnon. Ông này vừa nói xong lời đáp từ và kết luận:

- ... và vì vậy, Hoàng đế nước Pháp rất vui mừng có những thần dân mới là những chiến binh thiện chiến như các người đây. Xin nói thêm là các người đã phò bày cho chúng tôi thấy những bộ phận thân thể cường tráng, chứng minh rõ nam tính của các người, song từ nay không nên như thế nữa. Súc vải này, tôi hân hạnh tặng các người để may quần áo. Còn những viên đá lóng lánh này sẽ dùng để tôn vẻ diêm lệ của các bà các cô, nhưng họ phải chịu khó mặc quần áo đã.

Viên già làng đỡ lấy súc vải, đặt lên một thớt gỗ, trẻ con xúm lại giở tung ra trong đất cát. Còn thùng đựng đá màu, ông đặt xuống đất, lập tức đám đàn bà vây quanh và xục tay vào nắm từng vốc lên xem. Bây giờ thì không ai khóc nữa và tất cả đều thể hiện thái độ thân thiện mừng rỡ. Thổ dân khác ủa ra bắt tay, ôm các vị khách, tặng lông chim và các mảnh xương đẽo. Để khỏi phật lòng những người bạn mới, đám binh lính và thủy thủ để họ mặc sức sờ mó binh phục, dao kiếm, thậm chí tháo cả dây lưng ra ngắm nghía.

Trải qua nhiều phen lao đao từ vụ xuống trôi dạt đến nay, Villegagnon vẫn luôn giữ gìn uy thế của mình. Nhưng trong không khí tung bừng ồn ào, có vẻ như chẳng còn ai chú ý đến ông nữa, vì vậy ông lại càng quyết giành lại quyền lực tuyệt đối.

Ông chưa biết nên làm thế nào thì may thay mọi người bỗng im bật, do có một người mới xuất hiện. Qua cách ăn bận, tưởng như đây cũng là một bộ tộc Anh điêng. Song khi người đó tới gần, Villegagnon mới biết là mình lầm. Ông ta nói giọng Pháp rất chuẩn:

- Kính chào ngài hiệp sĩ.

Và ai nấy kinh hoàng nhận ra đó là một người da trắng.

CHƯƠNG 4

Nhìn sắp bóng, người vừa bước vào cái làng Anh điêng này hoàn toàn có dáng dấp một nhà quý tộc: Đầu đội mũ, mặc áo chên, quần nịt, thanh kiếm đeo lưng lẳng bên người. Nhưng khi Villegagnon né sang một bên để tránh tia nắng chọc qua khe lá làm lóa mắt, ông mới nhận ra cái kỳ cục trong bộ trang phục thân quen này: Chiếc mũ, đúng là kiểu mũ mo-ri-ông hình tròn vĩnh lên cả đằng trước và đằng sau, nhưng làm bằng da bò thô, hãy còn mấy sợi lông dính vào. Thoạt nhìn, chiếc áo chên tưởng may bằng dạ màu ghi. Thực ra nó gồm những lông chim được lồng vào nhau bằng những sợi tơ rất khéo. Còn thanh kiếm, nó không cần bao vì là một thanh kiếm gỗ.

Mặc dù trang phục kỳ dị, dáng điệu ông ta như một vị quan đứng trong triều. Trong lúc đô bộ vội vàng, Villegagnon chỉ mặc sơ mi trần, lại là chiếc áo nhàu nát. Ông tự nhủ lần sau phải quan tâm hơn đến y phục, dù đứng giữa những thổ dân ở truồng, như những người phủ lông chim kia, mặc dù quần áo không có những vẫn có tư thế đàng hoàng, cao quý.

Người mới đến nói vài câu bằng thổ ngữ. Lập tức đám thổ dân lùi lại và những người đã chiếm đoạt đồ của khách đều lặng lẽ trao trả lại. Hắn ta nghiêng mình trước Villegagnon, tự giới thiệu:

- Gaultier, tức “Quạ mỏ”.

Khuôn mặt “Con Quạ” khá phương phi và nhãn nhụi, chắc là chăm cạo quá, đến nỗi mọc vảy sần đỏ. Giữa đám lông chim và lông người, chúng nổi lên như những con cá vàng.

- Vậy ra ông là người Pháp? – Đô đốc hỏi với vẻ phân vân của người sưu tầm chưa biết xếp một cái lá vào bộ nào trong tập sách bách thảo.

- Nếu tôi không là người Pháp thì thưa Ngài, tôi đã nằm trong bụng những tên mọi này rồi. Nước ta là nước duy nhất được chúng chừa ra, chúng coi người Pháp là bạn.

Do được thổ dân đối xử tử tế, Villegagnon đã quên mất cái tục lệ đáng sợ này của họ. Nghe thế, ông giật mình liếc nhìn họ.

Quạ nói tiếp:

- Thực ra tôi không ngờ các ngài tới đây, nên chậm ra nghênh tiếp. Nhìn thấy các tàu vào vịnh, chúng tôi tưởng chúng sẽ sang bờ bên kia như thường xảy ra. Các ngài chỉ tạm dừng ở đây rồi đi tiếp về các cơ sở Noóc măng?

- Không – Villegagnon kiên quyết khẳng định. Chúng tôi sẽ ở lại hòn đảo đối diện.

- Không còn sự lựa chọn nào tốt hơn – Quạ mát mẻ nói – Đảo ấy không người.

Đô đốc ngò vục nhìn đám thổ dân:

- Bọn mọi nầy đã được thuần hóa, như ông nói?

- Chúng không ăn thịt người Pháp, chắc chắn là thế. Còn với người khác, tôi không bảo đảm. Họ không biết lễ nghi là gì và rất hay thó vật. Rồi ngài sẽ dần hiểu họ. Họ ở dưới đáy của nền văn minh và ngây ngô như trẻ con, nhưng lại tự coi là ngang hàng với chúng ta. Phải biết cách làm họ kiêng nể.

Vừa nói Quạ vừa nhìn súc vải mà lũ trẻ đã dỡ tung dưới đất. Hấn cúi xuống cầm lên, mân mê trên tay:

- Vải đẹp quá. Không phải là ngài dành cho bọn mọi rợ này chứ?

Villegagnon lúng túng:

- Tôi nghe nói...

- Thôi được. – Quạ vội ngắt lời để đô đốc khỏi phải bối rối. – Ngài nói đúng: cái này chỉ có ích với điều kiện ta dạy họ cách sử dụng. Phía này vịnh

khá khuất nẻo, thổ dân chưa biết mấy về công nghệ. Song nếu dạy cho họ thì họ biết làm tất. Ngài yên tâm, về súc vải này, để tôi lo.

Đô đốc hài lòng cảm ơn. Ngấm kỹ lại công trình bằng lông mà hấn trang trí cho mình, người ta không còn chút nghi ngờ nào về việc hấn biết cách khai thác bộn mọi ăn thịt người này và hấn muốn gì thì được nấy. Trong khi hấn loay hay cuộn lại súc vải cho gọn, đô đốc lại hỏi:

- Ông ở đây lâu chưa?

- Non mười năm. Rồi đoán trước câu hỏi tiếp theo, hấn nói liền: tôi bị đắm tàu.

- Ông sống ở quanh đây?

- Ở đây, ở đó. Chỗ nào có việc cần thì tôi đến. – Quạ tránh né không trả lời rõ ràng.

Hấn nói với vẻ quan trọng, cứ như mình là một nhân viên thuộc ngân hàng của dòng họ Fugger không bằng, khiến người ta gần như không còn để ý đến cái mũ da bò thô trên đầu hấn nữa.

- Ông có vợ con?

- Đàn bà ở đây không thiếu. Còn con cái, chắc là cũng có...

Villegagnon mỉm cười trước hoàn cảnh của kẻ khốn khổ này.

Quạ Mỏ trả lời ngang nhiên và nháy mắt nhìn quanh một cách phóng đãng. Một vài anh lính bụm miệng cười. Song Villegagnon và Thevet tỏ vẻ bất bình ra mặt khiến hấn cẩn thận lái câu chuyện sang hướng khác:

- Tôi có thể giúp gì các ngài? Hấn các ngài cần nhiều thứ từ đất liền mang về đảo...

- Nước ngọt – Villegagnon đáp. Ông có thể chỉ chỗ cho chúng tôi lấy nước?

- Rất đơn giản.

- Và lương thực thực phẩm. Chúng tôi có sáu trăm miệng ăn.

Mắt Quạ sang ngồi thích thú. Hắc nói nhanh:

- Xong. Chúng tôi sẽ tiếp tế cá khô, bột, hoa quả... cái gì cũng có... miễn là phải trả giá.

- Giá? – Đô đốc thốt lên. Nhưng đất này là đất Pháp, của cải đều là sở hữu của chúng ta.

- A, tôi cũng hiểu vậy – Quạ Mỏ nhăn mặt ranh mãnh – Nhưng đầu bọn mọi rợ này cứng như đá. Không đánh vỡ đầu chúng ra, chúng không chịu. Bọn chúng tham lam lắm!

Villegagnon nhìn những thổ dân trần trụi, ngôi nhà lá gòl với ba cái vại bằng đất, và tự hỏi nếu những tên trời đánh này tham lam thì chúng cất giấu của cải ở đâu. Cuối cùng, xét tương quan lực lượng, Villegagnon đầu dụ:

- Tàu chúng tôi chở nhiều vật giá trị, có thể dùng đổi chác.

Một đàn vẹt bay trên trời, tiếng kêu quàng quạc nhắc đô đốc rằng mình đang ở giữa rừng núi âm u. Khối sừng sững hình kim tự tháp của cái bình đựng bơ nổi cao trên ngọn cây. Từ chỗ này nhìn lên thấy rõ cái mũ xanh ra đội lệch trên đỉnh quả núi, gây cho người ta cảm tưởng nó có hồn và trông giống một kẻ cảnh giới lộ liễu và khổng lồ nhòm xuống các đại diện của nhà vua nước Pháp. Ông hỏi:

- Bọn Bồ Đào Nha ở cách đây bao xa?

Quạ Mỏ hươ tay chỉ về hướng nam:

- Gần nhất là ở Sao Vincete, trên vùng đất Morpion, cách đây mười ngày đường. Nhưng đồn lớn nhất của họ là ở Salvador, phía bắc trong vịnh của tất cả các Thánh

- Chúng có hay lãng vãng tới đây?

- Ít khi. Thi thoảng có những thủy thủ lạc đường. À, mới năm ngoái đây thôi, sáu đứa lạc vào đây và đều bị ăn thịt.

Phải tĩnh tâm lắm mới khỏi phản ứng trước lời khẳng định một tội ác khủng khiếp như vậy. Villegagnon lại liếc nhìn bọn thổ dân: bên ngoài, chúng vẫn hiền lành làm sao.

- Chúng tôi có ý định xây dựng một pháo đài trên đảo. Ông có thể huy động giúp khoảng một trăm tên mọi để làm công việc thổ mộc vất vả? Chúng tôi không đủ người, một số lại yếu sức.

- Lao động ư? Không được. Không tên Anh điêng nào chịu làm đâu.

- Tại sao vậy?

- Vì trái với danh dự của họ.

- Lạy Thánh mớ bái! – Villegagnon không chịu nổi nữa, thốt lên. Danh dự của chúng từ nay là được lao động phục vụ Hoàng đế nước Pháp, được tham gia xây dựng công trình đầu tiên trên vương quốc mới này.

Quạ đưa mắt nhìn xuống, mặc cho Villegagnon gườm gườm nhìn lũ thổ dân. Thevet bắt giắc lùi hai bước, đứng vào giữa đám lính Xcôtlen.

Những người Anh điêng, dù không nghe hiểu câu chuyện, cũng có vẻ căng thẳng hơn, tay nắm chặt những cây gậy bằng gỗ. Im lặng căng thẳng. Bên ngoài ngôi nhà, một số thổ dân khác lãng vãng, vẻ dửng dưng. Tại rìa vạt dừa, một số người Anh điêng khác bước ra khỏi bóng râm, đứng im chờ đợi, bộ điệu đe dọa. Tiếng kêu của một con vẹt a-ra ở khu vực cái bình đựng bơ bỗng vang lên, như tiếng chuông báo tử thê lương từ buổi bình minh của loài người.

Quạ để cho cái không khí căng thẳng ấy kéo dài một lúc, hàm ý để Villegagnon hiểu rằng quyền uy của ông ta có giới hạn.

- Nhưng ngài đừng ngại – hẳn nói – ta còn nhiều cách khác.

Thổ dân ra vẻ bót căng hơn, còn đám lính Xcôtlen từ nãy nắm chặt gươm giáo, thở phào. Quạ nói tiếp:

- Lũ mọi rợ này thường xuyên xung đột với nhau. Nếu bắt được tù binh, tôi sẽ bảo chúng bán cho ngài làm nô lệ. Đã là nô lệ thì bắt lao động khổ sai gì cũng được.

Lời nói đó mở ra một kết luận ổn thỏa. Bây giờ Villegagnon không lo bị rơi vào bẫy phục kích nào nữa, có thể dàng hoàng ra về, sau khi đã thỏa thuận mời Quạ cùng một số “cộng sự” như hẳn nói, hôm sau sẽ lên thăm các tàu xem có vật gì đáng giá để tiến hành đổi chác.

Đi trước Thevet và đội bảo vệ, đô đốc trang nghiêm bước đến bờ biển. Ngồi trên sà lúp trở về, cả bọn yên lặng nhìn hòn đảo trước mặt, nó đơn độc và mong manh làm sao làm sao giữa khu vịnh rộng lớn ẩn chứa đầy hiểm họa.

- Ngài đã nghĩ kĩ chưa, nơi này có phải là chỗ chúng ta nên ở lại? – Thevet vẫn chưa hết lo lắng, hỏi:

- Hòn đảo này ư? – Villegagnon điềm nhiên. Sáu tháng nữa, nó sẽ phát triển đến mức ông không nhận ra nữa.

*

* *

Viên công chứng Amberi, quá nhàn hạ lúc ở trên tàu, nên đã cặm cụi ghi chép vào sổ cả những ai đã bị rụng bao nhiêu rang trên tàu Grande-Roberge. Có lẽ ông nghĩ đó cũng là sự đóng góp của mỗi người vào sự nghiệp chung, và sự hy sinh ấy có ngày phải được tưởng thưởng, theo mức độ rụng nhiều hay ít, tức là tùy số rang hàm bỏ lại dọc đường. Bản thân ông cũng đóng góp mấy cái rang cửa và chắc chắn là ông có quyền hy vọng được phần thưởng lớn.

Một tháng đã trôi qua. Nước dừa và hoa quả từ đất liền đưa sang đã làm rằng lợi ông công chúng bớt đau. Song ông không được nghỉ ngơi bao lâu, vì lúc này Villegagnon dồn cho ông bao nhiêu là công việc. Ông phải thảo hết biên bản này đến biên bản khác, từ cuộc viếng thăm làng thổ dân – Trong đó ông đã cẩn thận ghi chép rằng họ mặc nhiên tỏ lòng trung thành với Hoàng đế nước Pháp – đến các cuộc thương lượng với Quạ những lần hấn lên các tàu thăm thú hàng hóa.

Ông còn được giao một nhiệm vụ nặng nề: lập bản đồ địa chính của đảo. Colombe và Quintin được chỉ định giúp ông. Hai người mang thước đo và dụng cụ chạy khắp mọi nơi, đo từng lùm cây, từng vạt đất trống cò, cắm các điểm mốc, lội giữa đám lau sậy trong đầm lầy. Amberi đi theo, tay cầm cái tráp bút, ghi chép tất cả rất cẩn thận, cũng giống như việc ông đã làm với những cái răng bị mất dọc đường trường.

Giờ thì Colombe đã thuộc lòng mọi xó xỉnh của đảo, và cô càng thấy yêu đảo. Đảo như một khu vườn lớn đủ loại hoa thơm cỏ lạ. – Lúc mới đổ bộ, mọi người có xu hướng vón cục lại với nhau, nên có rất nhiều không gian hoang sơ, vắng lặng có thể nằm ngủ dưới bóng cây râm mát hàng giờ mà chẳng nhìn, chẳng nghe thấy một ai. Tuy nhiên những phút tĩnh lặng ấy dần trở nên hiếm, vì rồi những người yếu sức hoặc nhút nhát nhất cũng bắt đầu chạy đi xục xạo, thám thính khắp nơi.

Colombe cùng nhiều người khác bắt đầu nhìn dải đất liền đối diện bằng con mắt thèm muốn, vì đảo đã tiêm vào tâm trí cô niềm khao khát được khám phá tiếp. Song Just không chia sẻ với cô sự tò mò ấy. Cậu cặp kè nhiều hơn với Martin, cả hai luôn nghĩ cách bỏ trốn. Colombe không quen làm điều gì mà thiếu anh trai, và nghĩ nếu anh tìm được cách trở về Pháp thì cô cũng đi theo. Nhưng ở nơi hoang vu khuất nẻo này, triển vọng ấy là rất mơ hồ, nếu không nói là không thể thực hiện. Colombe muốn tranh thủ thời gian ở lại Brésil để khám phá những điều mới mẻ, nên luôn chờ có dịp thám hiểm một vùng đất rộng lớn hơn cái đảo nhỏ xíu này.

Song Villegagnon không cho phép bất cứ ai tự do sang đất liền, và kiểm soát chặt chẽ mối quan hệ giữa hai bờ biển. Ngoài một số tay chèo và vài thủy thủ đi sà lúp chở về những vật phẩm do Quạ cung ứng, không ai có

quyền rời đảo. Colombe không nản. Dù sao, một lần cô đã được đô đốc cho sang cùng, chắc rồi sẽ được sang nữa, chưa kể còn có thể lợi dụng dịp nào khác. Vì vậy, ngày mà Amberi hoàn thành bản đồ địa chính đưa lên báo cáo với Villegagnon, cô xin được tham dự, hy vọng ông sẽ quyết định mở rộng đo đạc sang cả vùng bờ biển bên kia.

Lung chừng ngọn đồi ở trung tâm đảo, ngài đô đốc đã cho san phẳng một khoảng đất rộng, dựng lên mấy ngôi nhà sàn thơm mát. Xét về bối cảnh chung quanh và độ cao của nó, có thể coi đó là “dinh thống đốc”, trông được. Đang là mùa khô, Villegagnon quyết đính bày cái tủ gỗ mun, các màn trướng lầy ở phòng ăn sĩ quan trên tàu, và cả một bộ các loại hòm xiềng và bàn ghế chọn ở cả ba tàu lên. Đường bệ nhất là cái giường bốn trụ, kèm theo cả màn rủ kín xung quanh. Tuy nhiên, do trời nóng, ngài vẫn thường ngủ trên võng. Nhưng để kết hợp tiện nghi với ẩm cúng riêng tư mà màn rủ tạo ra, ông còn cho căng chéo giữa hai cột đỡ tán che.

Khi Amberi trình trọng bước vào với tấm bản đồ cuộn tròn trong tay – và có Colombe bám gót – ai nấy ồn ào tụ tập trong phần nhà dành cho các cuộc hội họp.

- Ít nhất cũng phải đưa xuống trở lại chứ, – đô đốc cao giọng nói câu kết luận. – Sau đây, ta sẽ đưa ra quyết định chính thức.

Nghe thấy thế, những người có mặt lập tức bình tĩnh lại và hai người Xcôtlen đưa họ ra ngoài. Đồng thời, hai người bảo vệ khác dẫn ông công chứng và phụ tá vào. Mọi việc đều diễn ra trong không khí thoáng mát, dưới mái nhà tranh đơn sơ, gió từ bốn phía thổi vào, nhưng vẫn theo đúng nghi thức xứng với những căn phòng kín tĩnh lặng nhất. Villegagnon có vẻ đang tức giận điều gì nhưng cố kiềm chế để chào ông công chứng một cách lịch thiệp. Với điệu bộ như đang cời bỏ tã lót cho một em bé mới sinh, ông Amberi chậm rãi trải tấm bản đồ trên chiếc bàn rộng đặt đối diện với hải cảng tạm và mỏm núi hình cái bánh ngọt.

Nhìn thấy hình thù hòn đảo hiện rõ trên bản vẽ, ngài đô đốc mới tươi tỉnh nét mặt lại. Từ khi công việc đồ bộ được hoàn thành, ngài đã bố trí ông thợ cạo riêng với đầy đủ dụng cụ tốt nhất luôn túc trực bên mình. Ông đã cho sửa sang lại râu tóc cho lúc nào cũng gọn gàng, kiểu cách trau chuốt,

phù hợp với cái giường có màu rû hơn là với rừng rậm. Colombe... hoàng ngọc mà trên tàu cô không thấy ông đem ra dùng. Nhưng tất cả những sự chăm sóc ấy, và cả mùi nước hoa quế trúc nữa, cũng không sao làm dịu bớt nét vô tổ chức ở con người toàn xương với xâu, lúc nào cũng sôi sục và chỉ thấy mỗi cái mũi to tướng.

- A, hòn đảo của ta! – Ông reo lên.

Quả nhiên, trên tờ giấy, cái đẹp hoang dã của đồi núi và vùng biển kết hợp lại thành ra hình một con rắn nhỏ bằng chì đen gặm đuôi mình. Đối với Villegagnon, khoảng trống bao la của biển cả và núi rừng chẳng có gì vĩ đại cả nhưng một tác phẩm của con người – một quyển sách, một bức tranh, một tấm bản đồ – lại khiến ông phấn chấn.

Đôi mắt sàng ngời: ông thốt lên:

- Đây, ở chỗ này, ta sẽ xây bức tường thanh đầu tiên.

Ngón tay ông lần lượt di chuyển trên bản đồ.

- Mọi công sự ở chỗ này. Đây sẽ là kho. Đây là đê chắn sóng. Ông thấy không? A, Amberi, thật mỹ lệ, hùng mạnh, thiêng liêng!

Phút bốc đồng trôi qua, ông dần dần tỉnh lại, lặng lẽ gấp bản đồ cất vào ngăn kéo.

- Amberi, tốt lắm. Ta sẽ nghiên cứu. Ông có thể đi. Cháu ở lại!

Colombe hơi ngạc nhiên, nhìn đờ đốc, mặt không hề lộ vẻ sợ hãi. Ông ngồi xuống và, có lẽ do cách bài trí đồ đạc mới lạ. Colombe không dám bắt chước ông.

- Ngồi xuống đi, cháu còn đợi gì nữa? Mọi khi ... kia mà.

Colombe mỉm cười và ghé ngồi xuống cái ghế cũng bọc da.

- Đạo này, ta ít gặp cháu.

- Cháu đi theo thầy Amberi.

- Còn anh cháu?

- Cháu cũng ít gặp, vì bận đi đo đạc.

- Lúc nào cháu bảo nó đến gặp ta, ta có việc phân cho nó. Nó là trưởng họ Clamorgan, sẽ có việc xứng đáng.

Colombe nghĩ chuyện chỉ có vậy, toan đứng lên thì Villegagnon nói tiếp:

- Và cho cháu nữa.

Đô đốc vừa nói vừa nhìn Colombe, song tránh không gặp ánh mắt của cô vì ngại một điều gì đó:

- Cháu là người ít tuổi nhất ở đây. Chỉ là vô tình thôi, nhưng cái mà ông già Gonzagues đã làm một việc hay khi đưa cháu đi làm thông dịch. Cháu chớ quên trách nhiệm đó, sẽ có ích đấy.

Colombe không tin vào tai mình, thốt lên:

- Vậy cháu sẽ được cử đi gặp thổ dân Anh điêng!

Villegagnon làm tưởng cô sợ hãi:

- Cháu đừng ngại, chúng không ăn thịt người Pháp. Đó là bọn thợ xây ngu ngốc, hiền và đẹp như thiên thần thời xưa. Toàn bộ nguồn gốc của nhân loại là ở đây đấy: đó là những người chẵn cừu trong thơ của Homère, chỉ trừ một số trường hợp.

Ông dừng lại để ho. Colombe cười thật tươi, làm ông hiểu ra là mình đã nhầm. Ông lau bàu:

- Thôi được rồi, cháu có vẻ quen rồi đấy nhỉ.

Rồi ông tiếp tục nói một cách thân tình:

- Vả lại, cháu biết không bao giờ ta đẩy cháu vào chốn nguy hiểm. Cháu sẽ không đi một mình. Sáu tên khốn kiếp vừa cướp một sà lúp để chạy trốn, cháu sẽ đi cùng một đoàn sang đất liền lùng bắt chúng về.

Theo lời Villegagnon mô tả, Colombe đoán những kẻ chạy trốn là người trong nhóm anabaptít.

Villegagnon giảng giải rõ thêm:

- Đây là dịp tốt để thăm thú thêm nhiều làng Anh diêng khác, ngoài cái làng mà tên tự xưng là Quạ giới thiệu. Khi nào cháu khám phá thấy một trại thổ dân nào có thái độ tử tế, cháu có thể ở lại một thời gian, học tiếng nói của chúng. Tìm hiểu thêm cho kỹ rồi về báo cáo với ta. Thằng Quạ cung cấp cho ta toàn bột và cá mắm thiu thối với giá quá đắt, ta phải tìm cách thoát khỏi phụ thuộc vào hắn.

Colombe có thể trở về lúc nào tùy ý. Một ngày có nhiều lần sà lúp qua lại giữa đảo và đất liền. Việc khó nhất bây giờ là phải giữ được cô lại không cho đi ngay lập tức.

CHƯƠNG 5

Vittorio giật nảy mình. Từ hơn một tháng nay ở đảo, hắn mỗi mòn chờ đợi giây phút này, cứ ngỡ nó không bao giờ tới.

- Phải cậu là người quê Venise? – Người mới đến hỏi bằng giọng địa phương vùng Padoue.

- Chính tôi – Vittorio đáp, lòng rung rung xúc động.

Hắn suýt để rơi cái cốc. Phải nói là, Villegagnon chẳng đếm xỉa gì đến tình cảnh hắn, bắt hắn lao động cực nhọc trong đội đất đá. Đã đến lúc phải thoát ra thôi.

- Chúc mừng người đồng hương! – Người mới đến giờ cao một bình rượu bằng da thú.

Thật may mắn là người này không để bổ sung cho hàng ngũ thợ đấu mà lại được tự do đi và phong cách khá tự nhiên. Hắn tự hào khoe:

- Tôi là cộng sự của Quạ.

Quạ Mỏ đã trở thành một nhân vật trên đảo. Hắn luôn cặp kè với Villegagnon như một đối tác ngang hàng. Hắn thường đi sang đảo bằng thuyền riêng, loại thuyền độc mộc đơn giản của người Anh diêng làm bằng thân cây khoét rỗng, do mười người đứng đẩy mái chèo. Lúc rời đảo, hắn chở theo đủ thứ đồ chuyển từ các tàu xuống, và không ai biết hắn giải quyết số hàng ấy như thế nào.

- Tôi là Egidio – người kia nói.

Giống như Quạ chủ hắn, Egidio ăn vận theo Âu phục nhưng giản dị hơn, làm toàn bằng vật liệu lấy từ thiên nhiên. Mũ áo chóp nhọn, cắt từ da thú vật, khiến hắn trông như một nông dân miền núi.

Vittorio phấp phồng chờ. Hắn mời khách ra xa đám thợ đầu để tiện trao đổi mặt khẩu. Hai người ngồi dưới gốc một cây cọ.

- Vất vả quá nhỉ! – Egidio nhìn đám thợ đang cuốc trên đất đầy sỏi răn.

Tất cả các thợ thủ công, dù tay nghề khâu giày hay nướng bánh có cao đến đâu, cũng đều bị giao cho công việc lao động chân tay đơn giản chỉ có nhấc cuốc lên và hạ nó xuống. Từ xa nhìn vào, người ta ta sẽ tưởng là một hàng nông dân bận bịu với vụ thu hoạch đá, trông rất phi lý.

- Cha Villegagnon thật điên, lão bắt anh em lao động cật lực – Vittorio tán đồng để ngụ ý hắn đã hiểu câu nói mỉa mai giả vờ khen ngợi của người đồng hương.

- Nhưng chắc lão trả công cao?

- Công xá gì! – Vittorio vẫn không bỏ thói quen vừa nói vừa khạc nhổ – Làm gì có chuyện đó! Lão coi chúng tôi như nô lệ. Ông trông mười tên Anh điêng mà Quạ gửi sang kia, nghe đầu chúng là tù binh. Phân biệt rất rõ vì Villegagnon đã may quần đỏ cho chúng mặc, khỏi phô cái mông trần. Đó là tù binh mà bọn thổ dân bán cho bên này làm nô lệ. Đó, chúng tôi không khác bọn chúng là mấy.

Egidio vẫn gắng để khơi niềm tâm sự:

- Dù sao, các anh được bảo đảm đủ thứ. Được ăn, được uống, được có nhà ở.

- Ăn uống? Toàn bột hầm và cá khô, mà gọi là ăn uống?

Người Ý nào cũng biết, nghệ thuật nấu nướng là thế nào, cho nên lời mô tả việc ăn uống vừa rồi là sự diễn tả địa ngục trần gian. Vittorio ngửa cổ tu một ngụm lớn để làm dịu bớt nỗi bất mãn. Đầu hắn đã bắt đầu chênh choáng, một phần vì rượu, một phần vì hăm hực, và mặc dù chất men không nặng lắm nhưng hắn vẫn cảm thấy chân tay đã bắt đầu rậm rật.

- Rượu ngon quá. Ở đầu ra vậy?

- Gọi là rượu Cahouin, bọn Anh điêng nấu riêng cho ngày lễ. Nếu cậu muốn, bao nhiêu cũng có.

- Tiếc thay, – Vittorio bỗng trở nên ngờ vực vì người lạ mặt này không cần phải biết hắn có vàng. – Mình làm gì có tiền.

- Cậu là đồng hương, mình tặng không.

- Cậu tử tế quá. Nếu không bán thiú thế này, mình ôm hôn cậu một cái.

Egidio mừng thầm là tấm màn ngăn cách được gạt bỏ. Họ im lặng cùng bình. Egidio hát hàm về đám thợ đấu:

- Nhưng còn bọn kia, theo cậu, chúng có tiền không?

- Có thừa! Trông thế thôi, đứa nào cũng giữ khư khư trong người một bọc tiền. Mấy tháng nay chúng chưa được một hợp rượu nào. Nếu có, bao nhiêu chúng cũng mua.

Giữa cái nắng ban trưa, đám thợ cứ cuộc độ chực nhát lại dừng tay để nghỉ và lau mồ hôi trán, như muốn làm dịu bớt tức giận và mệt mỏi. Egidio nói:

- Mình để lại cho cậu hai chai cahouin, đưa cho họ nếm. Nếu họ muốn nữa, cậu làm trung gian, tớ sẽ giao cho họ mỗi thùng giá bốn tiền. Mỗi thùng bán được, cậu hưởng hai hào.

- Ba – Vittorio tỏ ra thông thạo luật buôn bán.

- Xong ngay.

Hai đứa xiết chặt tay. Trong lúc này mà được an ủi một cách thích thú bằng rượu cahouin tức là đời vẫn còn đẹp. Trạng thái lâng lâng khiến cho hắn thấy cái bánh ngọt và tất cả các ngọn núi khác trong vịnh như lắc lư theo.

- Còn món đàn bà? – Vittorio nháy mắt ranh mãnh.

Egidio cũng tỉnh quái hỏi lại:

- Sau chuyến đi mệt nhọc, chúng vẫn muốn món ấy?

- Ban đêm đến đây, ông sẽ nghe họ toàn bàn chuyện đàn bà.

- Con gái Anh điêng có được không?

- Ôi chao, nhìn thấy bọn ấy vù về thồn thện điếu qua điếu lại trên thuyền như khiêu khích, lắm đứa không chịu được, chỉ muốn nhảy ngay xuống nước dù không biết bơi.

Egidio lắc lắc đầu như để phê phán thói nông cuồng của giới đàn ông, nhưng phê phán một cách thông cảm:

- Mình còn thấy, hình như, nếu tình hình không thay đổi thì ngay cả các con vẹt cái cũng trở thành đối tượng thèm muốn mất thôi.

Rồi hần hạ giọng nói tiếp:

- Mình còn biết có những đứa định dứt tiền cho mấy tay chèo để đem đến lén chở chúng sang đất liền hú hí với lũ gái mọi.

- Chớ tưởng bở! Đừng có dại! Họ tưởng gái Anh điêng phô hết mọi thứ cần giấu như thế là có thể muốn làm gì thì làm ư, thế là không hiểu gì hết về cách xử sự của họ. Có đứa mang gái trinh về cho chồng mình ân ái, nhưng có đứa bị chồng bỏ theo gái khác đã kéo đến nhà trả thù. Rất khó lường trước. Mình nói cho mà biết: đừng có tơ lơ mơ với gái Anh điêng trước khi tìm hiểu kỹ càng.

Vittorio ra vẻ thất vọng, thì Egidio đã tiếp:

- Tuy nhiên, chúng tớ ở đây đã lâu, nên biết rất nhiều gái xinh đẹp có thể cung cấp làm nô lệ mà chúng lại không gây phiền phức cho ai cả. Bọn họ muốn bao nhiêu, chúng tôi cũng kiếm được đủ.

Vittorio mừng ra mặt. Sau khi Egidio hứa là hắn sẽ được đi chuyến đầu tiên ngủ với hai cô gái một lúc, hắn đồng ý với kế hoạch của Egidio, nhận lời làm môi giới trong việc mua bán dâm này.

Egidio chuyển sang thăm dò việc khác.

- Này Vittorio, cái lão Villegagnon chắc giàu lắm, mới dám đảm đương việc lớn thế này. Lão có nhiều vàng không?

- Có thể lắm. – Vittorio đáp, người vẫn còn nóng hừng bởi cơn hứng dục.

- Cậu không biết chắc ư? Chẳng lẽ lão lôi một lũ các cậu đi phiêu bạt mà chỉ mang theo mấy súc vãi và vài thứ đồ linh tinh mà lão đã cho chúng tôi xem trong hầm tàu, dùng để đổi chác những thứ cần thiết với bọn thổ dân sao? Phải có thứ gì khác nữa chứ...

- Minh thấy lão chở lên đảo một hòm kín, rất nặng, và đặt dưới gầm giường.

- Dưới gầm giường, Egidio nhắc lại, về suy nghĩ. Chỗ ấy không chắc chắn lắm đâu, với bao nhiêu con mắt tham lam trên đảo.

Vittorio giật mình. Tham lam có nghĩa là sẽ bị bỏ tù; tù có nghĩa là tội ác, và với Vittorio, nói tội ác là liên tưởng tới Ribère. Hắn hồi hộp chờ đợi mật khẩu được nói lên. Nhưng không có gì hết. Egidio ngạc nhiên:

- Minh vừa nói điều gì lạ, làm cậu há hốc mồm như vậy?

- Không... mình nghĩ... à đang nói chuyện gì nhỉ? À! Cái hòm dưới gầm giường, nơi ấy rất chắc chắn. Bốn tên lính Xcôtlen bảo bộ riêng cho đồ độc mà chính tôi đã từng chứng kiến tinh thần cảnh giác cao độ thay phiên nhau canh gác suốt ngày đêm.

Egidio làm ra vẻ không quan tâm, nhưng ghi hết những chi tiết đó vào trí nhớ. Chờ mãi chẳng thấy nói gì về Ribère, và thấy công trường đang tìm

mình, Vittorio vội hẹn tối gặp lại, và quay trở về cuộc đất.

Một sáng sớm tháng giêng ấy, ba chiếc sà lúp rời đảo, chở theo những người mà Villegagnon cử sang đất liền làm nhiệm vụ. Đội cận vệ Xcôtlen và những hiệp sĩ xứ Malte phải ở lại làm chức trách đốc công trên công trường, nên ngài đô đốc tập hợp một đội hai chục người là từ các thành phần khác nhau. Có tên lính người Bantích thời gian vừa qua đã vượt biển trên tàu Roseé, hai tên phản đạo bắt từ Thổ Nhĩ Kỳ về và một tên người Hunggari gây guộc đến mức đáng sợ, mặt mũi hốc hác chỉ thấy mỗi gò má, ngo ngoe ngác ngác từ khi không còn ngựa để cưỡi nữa. Đám người ô hợp này không thật có khí thế, song có cái lợi là im lặng – vì không ai hiểu tiếng ai và rất thạo nghề đuổi bắt, phục kích. Họ được lệnh phải tóm được bọn anabaptit, bắt trời mang về, Villegagnon chia họ làm hai nhóm.

Nhóm đầu đi sâu vào trong vịnh, gồm tám lính và Martin, cậu này nằn nèo mãi, cuối cùng cũng được chỉ định làm thông dịch tập sự. Hẳn hy vọng sẽ tiến thật xa, rồi thừa lúc mọi người sơ ý sẽ kiếm đường tới những cơ sở của người da trắng ở phía bờ bên kia. Trường hợp ấy, hẳn đã thề sẽ về rủ Just cùng đi. Nhóm thứ hai đi theo hướng ngược lại, nghĩa là về phía cửa vịnh. Họ bàn bạc kế hoạch là từ nơi bọ chạy trốn bỏ thuyền lại, sẽ đi ngược lên rừng rậm, nhìn thẳng ngọn núi hình bánh ngọt mà tiến lên, rồi bao vây.

Colombe đi theo nhóm thứ hai, cô được phép tùy chọn một khu Anh điêng nào đó đối xử tử tế mà làm quen. Cô mang theo giấy mực để ghi chép thật nhiều từ ngữ của thổ dân để sau này có thể trực tiếp quan hệ với họ.

Just cố gàn, không muốn để Colombe đi, nhưng khi Villegagnon đã quyết định cụ thể thì không ai có thể đảo ngược. Đến phút cuối cùng bước xuống sà lúp, cô vẫn cố sức an ủi, trấn an anh trai. Nhìn anh đứng trên bãi cát xa dần, cô hết sức xúc động khi thấy anh ngần ngại, lo buồn đến thế. Trên đời này, anh là người thân duy nhất của cô. Nhưng trong khi tinh thần của Just đòi hỏi cô phải luôn gần anh thì ngược lại cô nghĩ tinh thần đó vẫn tồn tại, thậm chí còn mạnh hơn dù phải tạm thời xa cách. Về mặt này, cô bỗng nhận ra mình trưởng thành có nghị lực hơn anh.

Thuyền đi chỉ một quãng ngắn đã tới nơi, cô vừa đặt chân xuống nước là thấy lòng mình say sưa, hớn hở vì sắp được khám phá dải đất hằng mơ

ước.

Đoàn người đi hàng một trong buổi sáng mát mẻ và tĩnh lặng; giữa một bãi sù vẹt thưa thớt, đối diện với nơi bọn anabaptit bỏ trốn đồ bộ; Colombe... trong giấc ngủ. Trong cái phòng ngủ công cộng vĩ đại ở tầng thấp của rừng, hơi thở của cây cỏ và động vật vẫn say sưa hưởng lạc làm cho không khí sặc một thứ mùi thơm nồng nàn, đặng đặng. Cây gỗ mún trơn láng ẩm ướt, cây xương khô tròn trịa, cây đinh bầu với những búp cương cứng ngả ngón tự nhiên trên lớp mùn êm ái và dương xỉ khổng lồ. Và cao hơn cả, cành lá của cây muồng xoan phủ bóng xuống toàn bộ cảnh ôm ấp phóng khoáng ấy.

Họ đi trong rừng cây rậm rạp hàng giờ mà không gặp ngôi làng nào. Mặt trời đã lên cao, tia nắng như những mũi tên lung linh làm bật lên màu xanh của lá và màu đỏ của thân cây. Đoàn người cứ lầm lì đi, nghe rõ tiếng rần trườn trong bụi, tiếng lộn rừng nháo nhác, tiếng vỗ cánh của các loại chim nhiều màu sắc. Càng lên cao, họ càng thấy rõ hơn khi quay người lại, giữa các kẽ lá, toàn cảnh vịnh sắc tím tím dưới nắng mặt trời đã lên đến thiên đỉnh, toàn cảnh hòn đảo hình cái thuyền và cả mấy con tàu neo ở đó nữa.

Bọn anabaptit đã bốc hơi vào rừng sâu, khó lòng tìm thấy. Họ dừng chân ăn cá khô và uống chút nước, rồi lặn ra nghỉ dưới tán cây rậm mát. Colombe gồi đầu lên một rễ cây, ngủ thiếp. Rừng vắng lặng và yên tĩnh đến mức không ai nghĩ phải cất người canh gác. Vì vậy họ bất lực không trở tay gì khi tỉnh dậy thấy bị bao vây bởi hai chục thổ dân Anh điêng cầm chùy và tên nổ dài ngoẵng.

Colombe chưa bao giờ nhìn thổ dân gần như thế. Qua những câu chuyện têu táo trên đảo, cô biết họ ở trần, song chỉ coi đó là một đặc tính lạ lẫm. Nay đứng trước những đàn ông không còn mảnh vải che thân, cô không hề cảm thấy chướng. Cổ và cổ tay họ đeo những đồ trang sức đơn giản bằng vỏ ốc, còn tất cả những bộ phận mà người văn minh cho là cần che giấu, đều phô ra hết. Như cây cối phô bày hoa trái một cách tự nhiên, những con người sinh ra từ thiên nhiên này họ tập tành hóa, để cho thân thể con người giữ nguyên giá trị của nó. Khi tên lính Bantích run rẩy đứng lên trong bộ áo

nhem nhéch, Colombe lại thấy hấn lố bịch hơn cả những thổ dân không quần áo.

- Mair, mair! – Tên lính Bantích lặp lại mấy từ do Villegagnon dạy.

- Mair, mair! – Những người khác đồng thanh nói theo, không nghĩ gì đến cầm vũ khí chống cự.

Một thổ dân đáp lại bằng câu nói dài. Một thứ ngôn ngữ khác lạ nhìn còn dễ hơn nghe: nó được vô số nguyên âm điểm xuyết, chen chúc nhau như cây cỏ sát mặt đất rừng già, và người ta còn nhận ra nét nổi bật không đều đặn của phụ âm chi phối âm điệu cứng nhắc.

Anh lính Ban tích nhắc lại đề cho họ tưởng anh đã hiểu được chút ít:

- Mair.

Cả đám Anh điêng cười ồ lên, vì từ này chứng tỏ đám người lạ chẳng hiểu gì về điều mà họ muốn nói.

Sự hoan hỉ ấy, cộng với việc thổ dân khoác cung tên lên vai, đã làm giảm mọi lo ngại. Họ đi theo những người bạn mới qua con đường mòn dẫn vào phía trong.

Colombe đi sau một thổ dân chỉ lớn hơn cô một chút và không tài nào rời mắt khỏi hệ thống cơ bắp của anh ta. Cô chưa bao giờ tưởng tượng nổi, một con người mà lại được cấu tạo toàn bằng những sợi gân căng cứng và bắp thịt cuộn cuộn như thế. Bỗng nhiên, cô chợt nhận thức về sự bí hiểm của các động tác ở chính con người mình, sự bí hiểm của những sức mạnh thông thường đối với thế giới khoáng vật và động vật lộ ra trên mặt da mình và cô cảm thấy, những cử động nhỏ nhất trên nét mặt để cố thể hiện trí thông minh của người văn minh thật vô nghĩa, nếu đem so với ngôn ngữ cơ thể khoáng đạt, tuyệt vời của người rừng.

Họ lên tới một cái đèo từ đó có thể nhìn bao quát một bên là vịnh Guanabara, một bên là không gian rộng mở của Đại Tây Dương. Một cơn gió ẩm ướt nổi lên phấp bên này đèo, đánh bật mùi ngọt ngào của hoa lá, đưa

tới vị nhôn nhốt chua cay, mằn mặn của biển cả và rong tảo. Thảm thực vật đã biến đổi, thấp hơn, tập trung thanh bụi thơm ngát như hoa đỗ quyên và hoàng dương.

Một lát sau, con đường mòn dần rộng ra, đi thoải mái hơn. Nhưng đám thổ dân ra hiệu chờ đi chính giữa. Một người lấy mũi tên dài đeo bên mình chỉ cho mọi người thấy đất ở đây đã được đào sâu thành hố lớn, có phen tre phủ cỏ dầy lên. Ai lơ ngơ đi vào sẽ thụt bẫy.

Họ né tránh cái vật cản ấy, đi khoảng năm phút nữa thì vào tới làng, giống như cái làng đô đốc đã tới, nó chỉ gồm một căn nhà to độc nhất, có thể chứa tới một trăm người.

Giống lần trước, những nghi thức chào mừng ồn ào lại diễn ra, lần này ai nấy đã quen nên nhẵn nại ngồi yên. Sự đón tiếp làm Colombe yên tâm, cô vui vẻ nhìn những đứa trẻ trần trùng trục chơi đùa dưới đất, những thổ dân niềm nở mời ai nấy ngồi lên võng, rồi họ mang những vỏ bầu đựng đầy thức ăn ra. Trên bếp có mùi nấu nướng ấm cúng quen thuộc.

Giữa lúc cô lâng lâng tận hưởng sự ấm cúng, thì chuyện bất ngờ xảy ra. Một đám phụ nữ, trần truồng như mọi thổ dân, vây quanh cô, cười nói rôm rả. Họ vuốt tóc cô, cầm tay cô, kéo cô ra xa. Đám lính kinh ngạc và bây giờ mới hiểu ra là họ đã nhận thấy cô là người cùng giới.

CHƯƠNG 6

Sáng hôm đó, Just đi chân trần trên bãi cát, ngẩn ngơ tính ra rằng Colombe đi đã được mười lăm ngày tròn mà không có tin tức. Cậu làm li xếp hàng nhận suất ăn rồi mang ra ngồi dưới gốc cây dừa.

Đề khuây khỏa, cậu chỉ còn biết ngắm nước biển xanh lơ trong vịnh. Lúc ở quê Normandie, cậu đã rất mê biển, lúc nào không mơ mộng đến những chuyến lang thang của các hiệp sĩ hay những cuộc viễn chinh ở Ý, cậu lại nghĩ đến việc phiêu lưu khắp đại dương. Một trái tim quả cảm lúc nào cũng khát khao được thử thách trước đông bão, sóng gió, được chống chọi với gian nan nguy hiểm, được đấu tranh không khoan nhượng. Nhưng ta có thể gọi cái món xúp lơ dờ miền nhiệt đới này là biển được không nhỉ? Just nhìn những đường bọt biển lặn tẩn viền mép nước trên bãi cát mà chán chường, như hết loại ren rẻ tiền ở gấu váy cô dọn phòng! Khốn khổ! Ra đến mấy sải cáp rồi mà nước vẫn nông choàn, đến mức người ta tưởng như tấm kính thô thiển đặt trên lớp da nhẵn nheo của một con quái vật. Toàn bộ cảnh vật ở cái nơi hoang vắng, hừng hực nắng nóng này cho thấy con người không thể sống ở đây được. Mọi cố gắng, nghị lực, ý chí sắt đá mà già rét tạo cho con người thì ở đây, trong cái lò ngọt ngọt chỉ tổ cho các loài rắn rết, sâu bọ lông lá, chim chóc lòe loẹt sinh sôi nảy nở này, đều mất dần.

Just luôn bám vào một ý tưởng. Như một kẻ trôi giạt do đắm tàu, mục tiêu duy nhất mà Just luôn bám vào là trở về. Đó không phải chỉ là một việc phải làm mà còn là điều kiện tiên quyết. Cậu vẫn chưa biết sẽ làm gì khi về đến Pháp. Trước mắt, ý nghĩ của cậu chỉ mới dừng lại ở việc làm thế nào thực hiện được việc bỏ trốn khỏi đây trong thời gian ngắn nhất. Chính vì mục đích ấy mà cậu kết thân với Martin, mặc dù giữa cậu và hấn không có điểm gì chung. Just thường nghe hấn kể những chuyện xấu xa mà hấn từng tham gia, chẳng qua chỉ là hấn có tài kể chuyện, chứ cậu không bao giờ muốn làm theo hấn. Cậu thích sự đàng hoàng, danh dự, sông phẳng, không ưa những âm mưu đen tối, lắt léo. Song song tình hình hiện tại, Martin là một đồng minh đáng quý. Just tin rằng sau chuyến đi sang đất liền trở về, hấn sẽ có kế hoạch cùng bỏ trốn.

Nghĩ đến đất liền, Just lại nhớ Colombe. Thật chẳng đúng lúc chút nào, cậu đã đang rỗi trí thì lại bị xương cá đâm vào lợi, đúng lúc dùng xong bữa ăn ít ỏi và đạm bạc. Tình cảm của cậu đối với em gái vẫn rất sâu sắc và ý tưởng trở về chỉ là một cách để bàn bạc kế hoạch với cô. Chỉ còn một điều phân vân, cậu đã cảm thấy có sự khác biệt giữa hai anh em. Cậu yên tâm thấy em vui vẻ vì những chuyện rất nhỏ, và chịu đựng khá tốt khi hậu khắc nghiệt và vùng đất hoang dã này. Cô vẫn còn trẻ con nên thích cái mới, chỉ có thể giải thích như vậy đối với việc cô say sưa cảnh vật và lòng ham thích đi thám hiểm đất liền. Nhưng cậu vẫn không hiểu, cuộc sống xa quê mà cô vui vẻ chấp nhận, việc phải cải trang thành con trai, môi trường dối trá và phức tạp này có thể lấy đi mãi mãi những gì tạo nên tính e lệ, sự ngây thơ, đức hạnh và tính dịu dàng của một người đàn bà, dù cậu cũng không biết chính xác “những gì” cụ thể là cái gì. Hơn nữa, cậu lại càng không yên tâm vì em gái phải sống giữa bọn mọi rợ cứ trưng ra mọi bộ phận cơ thể để em thấy.

Just vứt cái xương ra xa và lau miệng. Việc Colombe bị cử đi sang đất liền lại là một sáng kiến nữa của cái lão Villegagnon ấy! Lòng căm hận lão đã khiến cậu quên bớt nỗi day dứt. Vừa nhắm nháp vị đắng cay trong lòng, cậu vừa chậm rãi trở về công trường.

Ăn xong, Just chùi mồm rồi chậm rãi đi về công trường.

Từ khi đến đây đã được hai tháng, hòn đảo đã thay đổi đến không nhận ra. Hàng trăm cây dừa bị đẵn trụi, gốc trơ ra như những chiếc ghế mời ngồi. Thân cây ngổ ngang khắp nơi, đầu đầu cũng nghe tiếng cuốc, tiếng cưa, tiếng kéo gỗ về nơi đã hình thành dần một bức tường thành. Các loại gỗ quý được xẻ ra và chất lên tàu Grande-Roberge, có dịp là Villegagnon sẽ chở về Pháp để bán. Trên đảo không có nhiều gỗ Brésil, là loại gỗ được ưa chuộng nhất. Song Quả nhận hẳn gỗ này trên đất liền, tất nhiên đòi giá cao. Cây gỗ Brésil chỉ cao bằng cây sồi, nhưng lá rất xanh, và thân rất cứng. Khoảng hai chục nô lệ được Villegagnon trang bị cuốc, rìu, móc và nhiều dụng cụ khác – trần lực ra đẵn hạ, rồi xẻ, đẽo. Gỗ Brésil lại thường mọc ở những nơi cheo leo hiểm trở nên công việc rất vất vả. Gỗ xẻ xong được thuyền độc mộc chở đi, đổ ngổ ngang lên bãi cát của đảo, chờ ngày đưa về Pháp. Trên bãi còn rất nhiều giành đầy cát đặt sát cạnh nhau, dùng tạm làm tường thành bảo vệ khi đồn lũy chưa xây xong.

Just trở về nơi làm việc ở công trường đá, trên một mỏm núi nhìn ra vịnh. Thợ đập đá rồi đèo qua loa, một hàng người khác chuyền tay nhau chuyên đá tới nơi xây công sự. Những nô lệ Anh điêng do Qua cung cấp được phát quần áo để che thân. Công việc của Just là dùng một gậy sắt dài để bẫy đá, ngoài ra còn trông coi chung trên công trường. Cậu còn được lệnh kiểm tra để nô lệ nào cũng phải giữ nguyên quần áo bên mình. Thật vậy, cứ đến chiều tối, người mệt nhọc, đầy mồ hôi, họ chỉ muốn thoải mái cởi phăng hết cả những bộ phận đáng lẽ phải giấu kín. Trong đám phu nô lệ, có cả đàn bà. Phần lớn đều già và xấu, song nếu để lộ liễu như vậy khó tránh khỏi gợi sự thèm muốn, gây lộn xộn. Thực ra, Just không ưa cái nghề coi tù này. Tuy nhiên, để thuận lợi cho cuộc bỏ trốn sau này, cậu thấy cần duy trì sự kiểm soát nhẹ nhàng như hiện tại, đừng để xảy ra bạo lực.

Sáng hôm đó vừa đi lên công trường, Just thấy Gonzagues tiến tới.

- Ta tìm thấy cháu đây rồi! – Ông ta chạy lại nắm cổ tay Just.

Chàng trai không ưa kiểu thân mật này. Cậu chưa quên Gonzagues chính là nguyên nhân dẫn anh em cậu đến tình cảnh hiện nay. Đáng rằng ông không có ý xấu, và từ đó cũng có ý quý hai người, song dù sao cậu chưa thể đáp lại tình cảm đó được.

- Ta vừa làm một bài thơ – Gonzagues khoe. Ông rút ra một mảnh giấy, giơ cao, đọc: “Marguerite hỡi...”

- Ông ơi cháu đang bận.

- Không, nghe ta đọc, ngắn thôi:

Marguerite hỡi, trên đảo vắng

Ta ve vuốt tên em

Như con chim giương cánh

Áp ủ kỷ niệm về người yêu quý

Just chán ngán lắc đầu, song không nói gì, vì nể.

- Cháu thấy thơ có hay không?

- Nhưng thiếu chân.

- Chân là thế nào? Đồ con lừa, ta có nói gì đến chân cẳng đâu. À mà thôi. Cháu đi gặp đô đốc ngay, ông ấy gọi cháu đây.

Một tin không hay. Just cố tránh xa Villegagnon chừng nào hay chừng ấy. Vì vậy khi cần huy động những người khỏe mạnh đi làm công sự, cậu đã xin tình nguyện để thoát khỏi cái chân thị đồng mà đô đốc gán cho.

Tới “dinh thống đốc”, Just được đội cận vệ Xcôtlen dẫn ngay vào gặp đô đốc. Ông đang đợi cậu thật. Thấy Just, ông đứng lên, nắm lấy cả hai tay cậu và ngắm nghía khuôn mặt cậu hồi lâu. Mái tóc Just đen nhánh lượn sóng, rất dày và rất tốt, hàng râu lún phún nhưng thanh mảnh, tạo một vòng cung rõ rệt dưới môi, ông không còn nghi ngờ gì nữa, đúng cậu là người con trai đẹp nhất đảo này. Nét cao sang của cậu lộ lộ, thể hiện ở từng cử chỉ và có vẻ như thách đố cả thế giới, ấy thế mà lại không kiêu kỳ chút nào. Villegagnon tỏ vẻ hài lòng, rời tay và bảo Just ngồi xuống bên mình, lấy giọng trịnh trọng, âu yếm:

- Nào chàng trai Clamorgan, ta đã chiều theo ý cháu, để cháu làm ở công trường. Giờ, ta sẽ thiếu trách nhiệm nếu quên việc giáo dục cháu thành nhà quý tộc chân chính.

- Thế còn ... công việc xây công sự thì sao ạ?

Ý nghĩ sẽ phải thường xuyên gần gũi Villegagnon làm Just không vui. Cậu chắc chắn đã bị lão đánh lừa. Chắc chắn lão đồng lõa với bà bác và mấy mục sư nói dối đi tìm cha để kéo hai anh em ra khỏi dinh cơ nhà Clamorgan.

- Nếu muốn, các buổi chiều cháu vẫn làm ở công trường. Nhưng từ nay, sáng sáng cháu phải đến đây học. Cháu ngủ đâu?

- Trên công trường.

- Trong lán trại?

- Không, ở ngoài trời.

- Thế thì để ta bảo bọn Xcôtlen thu xếp cho cháu một góc trong dinh này. Sắp tới mùa mưa, không thể vạ vật như thế, lại còn sách vở ta sẽ cho mượn nữa.

Nghe nói sách vở, Just rất thích vì lâu nay không được đọc, Colombe chắc cũng vậy. Thôi thì, dù không ưa Villegagnon, còn ở với lão ngày nào hãy cứ hưởng ngày ấy, không vì thế mà hoãn ngày chuồn.

- Cháu đã đọc những ai rồi? – ngài đô đốc đột nhiên hỏi.

Just lục trong trí nhớ một loạt tên các thi sĩ la-tinh và Hy Lạp. Cậu kể ra: Hésiode, Virgile, Dante. Rồi cậu nói đã đọc cả Perceval và Amadis.

Villegagnon gật gù:

- Đó là những sách cổ điển, sách về hiệp sĩ đạo. Như thế cũng là đủ. Song chúng ta đang ở một thời đại có nhiều ý tưởng mới, của nhiều trí óc lớn. Chúng ta được hưởng những tri thức mới do các nhà tư tưởng lớn tôn sùng Chúa cũng như quý trọng loài người viết ra. Cháu đã đọc Érasme chưa?

- Chưa. Just thú thật, không hồi tiếc, cũng không sĩ diện.

Đô đốc lấy ra một quyển sách nhỏ trong cái hòm đựng đựng làm thư viện riêng và nói:

- Vậy đây là *Enchiridion*, theo ta là tác phẩm hay nhất của ông ấy. Tuần này cháu hãy đọc và cố gắng nhập tâm, ta sẽ kiểm tra đấy. Cháu đã đọc Virgile rồi, thì đọc ông này dễ thôi.

Just sung sướng nhận lấy cuốn sách bìa ra nhỏ đã cũ và áp vào ngực.

Villegagnon đột nhiên đứng lên, nói tiếp:

- Điều này nữa. Khi còn trên tàu, cháu đã dùng cảm tự bảo vệ bằng quả đấm. Thế là tốt, nhưng từ nay cháu phải học sử dụng những vũ khí cao quý hơn. Mỗi sáng ngay sau lúc mặt trời mọc, hai ta sẽ xuống bãi, ta sẽ dạy cháu đấu kiếm.

Học đấu kiếm là điều Just hằng mơ ước, nay không ngờ nó lại được thực hiện trong hoàn cảnh này. Như mỗi lần quyết định xong việc gì dễ gây cảm động cho người khác, đặt ông vào tình thế lúng túng, Villegagnon nói đến đó thì quay lưng lại với Just luôn.

Just biết đã đến lúc mình phải rút lui, song cậu nóng lòng vì Colombe, liền hỏi:

- Thưa ngài, ngài có tin tức gì về em trai tôi không ạ?

- Chưa. Mà họ mới đi được hai tuần; trong số binh lính cũng chưa có tên nào về.

Lời thì muốn làm ra vững vàng, nhưng giọng thì không hoàn toàn khẳng định. Just đứng dậy, song ngập ngừng chưa muốn ra, như chờ xem Villegagnon có nói rõ gì hơn nữa không. Sự chờ đợi có thể kéo dài nên không có tiếng ồn ào bất ngờ nổi lên ở phòng bên. Phía sau tấm liếp lá cọ, có tiếng ngăn cản của bọn cận vệ Xcôtlen, trù lên là tiếng quát tháo hầm hè, rõ ràng là của Thevet.

- Ra xem chuyện gì! – Villegagnon bảo.

Just đẩy cửa ra và ông thầy tu nhảy xổ vào, tay phải cầm con dao ăn, tay trái giơ một quả to màu vàng đậm, ở cuống có một túm lá nhọn.

- Ngài đô đốc, mau cho xin cái đĩa!

Nhìn thấy cái đĩa bằng thiếc ở trên bàn, ông ta đặt quả lên rồi cầm dao gọt, để lộ ra chất thịt vàng tươi.

- Ngài nếm thử xem.

Thevet lấy đầu dao xiên một miếng đưa mời Villegagnon. Đô đốc vừa bị bất ngờ, vừa vị nể, vội há miệng cắn lấy, nhai, nuốt, rồi khen một tiếng cho xong chuyện.

- Ngon.

- A, a. Thế chứ! Thưa đô đốc, phải nói là ngon tuyệt. Bọn thông dịch mang quả này từ đất liền sang. Để tôi còn kiểm tra, nhưng hình như chưa ai biết tên khoa học của nó là gì. Còn ở đây, thổ dân gọi tên là “ananas”^[4].

Nghe giọng ông ta, người ta hiểu sự phấn khích của ông do miếng ăn ngon là một phần, còn phần chính là được cống hiến cho khoa thực vật học một danh từ mới, có âm hưởng la tinh đặc sệt.

Villegagnon tỏ vẻ mệt mỏi, cắt đứt niềm hứng khởi đó:

- Cha ngồi xuống đây, tôi có chuyện muốn nói.

Ông quên mất Just vẫn đứng gần cửa, không động đậy. Viên tu sĩ ngồi xuống ghế, tiếc rẻ đặt con dao lên bàn. Villegagnon nói:

- Thấy khoa học tiến thêm một bước, không ai mừng bằng tôi. Song tôi thấy cần nhắc cha rằng ở đây, cha là người duy nhất có thể cử hành thánh lễ. Vậy xin hỏi: bao giờ cha định bắt đầu?

- Nhưng tôi mất hết đồ lễ rồi – Thevet nhắc nhở.

- Theo tôi biết, Đức Chúa Giêsu luôn nêu gương khổ hạnh. Có đức tin, thì nơi tro trọi nhất cũng trở thành thiên liêng.

Villegagnon đã từng chiến đấu chống quân đội của Giáo hoàng, từng đi lại với những nhà nhân bản và những người chủ xướng cải cách tôn giáo, nên rất ghét và phản đối sự câu nệ về hình thức. Ông tin vào một Giáo hội vô hình và miễn phí, tập hợp tất cả những ai có đức tin, bất kể họ làm gì, nghĩ gì.

Thevet thoái thác:

- Ngài đừng trông vào tôi để truyền đạo cho lũ mọi rợ, chừng nào chúng chưa học được ngôn ngữ và phong tục của chúng ta.

- Tôi mặc xác bọn mọi rợ! Ai khiến ông truyền đạo cho chúng? Khi nào đến lượt hãy hay. Bây giờ ngay người của ta ở đây đang cần được hâm nóng về đạo đức và niềm tin đây này. Tôi được báo là mỗi ngày họ mỗi thêm lãng tử. Công việc chậm rì rì. Sáng nào cũng bắt gặp những đứa say bí tỉ, không đứng dậy nổi.

Villegagnon nheo mắt, ghé sát khuôn mặt đáng sợ của mình lại gần vị thầy tu, khiến ông này không chịu nổi làn hơi từ miệng đồ đốc phủ ra nên phải quay đi, và nói thêm:

- Và tôi tin là còn nhiều tội lỗi khác liên quan đến xác thịt đang lan tràn.

Cuối câu, ông lên giọng cao tới mức một tên cận vệ Xcôtlen thò cổ nhòm vào, và bị quát ngay:

- Để ta yên!

Và khi thấy Just vẫn còn thập thò ngoài cửa, ông lại ra lệnh:

- Còn đứng làm gì đấy? Đi ngay, và không được bép xép.

Just đi rồi, Villegagnon lại quay về với Thevet. Ông nói:

- Nào, bây giờ tôi cùng bàn với cha làm cách nào để nhử những cỏ độc ấy.

CHƯƠNG 7

Rõ ràng là một sự hờ hênh. Nhưng có những cái ta không thể cưỡng lại, vì cưỡng lại là tự phản bội chính mình. Khi Colombe thấy các phụ nữ Anh điêng vây quanh với ánh mắt ve vuốt, miệng riu rít những lời cô đoán hiểu dù chưa biết ngôn ngữ, cô không hề có ý định thoái thác hoặc đĩnh chính; trái lại cô cảm thấy như cất được gánh nặng. Mới lúc trước, cô còn quen với việc cải trang đến mức đã quên mất mình là con gái. Tuy nhiên trong thời gian chuyến đi, cơ thể cô đã phát triển, và chỉ vì ăn uống kham khổ trên tàu nên chưa lộ ra những đường cong thiếu nữ. Thời gian ổn định trên đảo đã phá tung sự hạn chế đó, và bộ quần áo đơn sơ cô mặc không thể che giấu mãi những hình khối căng tròn của thân thể.

Chỉ cần đám phụ nữ Anh điêng kéo Colombe đi cũng đủ làm đám lính nhận ra điều mà trước đây vì quá quen mắt họ không để ý. Tên lính Bantích và đồng đội vừa kinh ngạc vừa ngưỡng mộ nhìn Colombo bị lột áo một cách tự nhiên, để lộ đôi vú căng nhon không còn gì là trẻ con nữa. Thấy họ hau háu nhìn theo mình, cô đang hoàng tiến tới, không che đậy gì hết, điềm nhiên nói:

- Giờ các người đã biết bí mật của tôi, nếu đi kể cho người khác thì là hèn! Còn tôi, tôi ở lại đây. Có lẽ đó là mệnh lệnh cuối cùng của ngài đô đốc mà tôi phải thực hiện.

Tên lính Bantích lặng lẽ kéo đồng bọn lảng ra xa. Sau khi được phục vụ ăn uống no nê, họ lại tiếp tục cuộc săn lùng, có hai thổ dân dẫn đường.

Họ đi rồi, cả khu làng chìm vào yên lặng mênh mông. Phải một lúc Colombe mới hiểu lý do của sự tĩnh mịch kỳ lạ này. Thổ dân đi lại rất nhẹ nhàng, không gây tiếng động. Căn nhà ở sâu trong rừng, sự có mặt của con người không để lại dấu hiệu ồn ào nào khác với chim muông, rắn rết.

Mấy khúc củi huyết mộc vẫn tiếp tục cháy mà không toả khói. Đám đàn bà lột bỏ nốt quần áo của Colombe. Họ khiếp hãi chỉ chỗ những mảng ghét cáu bẩn trên người cô. Cởi được mấy thứ đồ con trai ra rồi, Colombe mới cảm thấy mình muốn nhanh chóng được giải thoát khỏi lớp đất và mồ hôi

từng che chở cho cô như một thứ áo giáp mật thiết. Đám đàn bà Anh điêng vui vẻ dẫn cô tới một con thác chảy trong rừng. Bước xuống mấy bậc đá badan, họ đến hắt dưới chân thác, ở đó có một vũng nước khá rộng. Một người nhảy xuống trước, ra hiệu cho Colombe không phải e ngại bị thụt chân. Cô bèn xuống theo và cả bọn bắt đầu xúm xít vào chà xát cho cô bằng những nắm lá trông như râu, làm sủi một lớp bọt trắng trên da cô.

Khi trở về, Colombe hoàn toàn trần truồng như mọi người, không hề cảm thấy e sợ hoặc ngượng ngùng, kể cả lúc xuất hiện trước mặt đàn ông.

Trời tối. Họ ngồi quanh những ngọn lửa. Thấy Colombe run rẩy vì chưa quen khí lạnh, các bạn khoác lên người cô một miếng vải trắng rộng.

Đến bây giờ, khi than hồng và tám vải đã sưởi cho cô ấm áp, Colombe mới nhận thức được đầy đủ về tình cảnh khốn khổ của mình. Cô vừa xoa bóp vừa ngẫm nghĩ.

Bọn lính chỉ bảy, tám ngày nữa là trở về, chắc chắn chúng sẽ tâu chuyện này với Villeganon. Giả thử như chúng không nói ra thì cô cũng sẽ bị chúng đe dọa và rồi phải tự mình thú nhận. Lòng tin cậy của đô đốc vào cô sẽ giảm sút không có gì có thể bù đắp được. Just cũng sẽ phải chịu hậu quả vì đã đồng tình và bao che cho cô.

Họ sẽ bị trừng phạt thế nào! Chưa rõ, song ít nhất hai người sẽ bị tách xa nhau. Nghĩ đến đây cô bỗng cảm thấy da diết nhu cầu được nép mình vào Just để hưởng hơi ấm từ người anh, cô rung rung nước mắt xót thương cho mình gặp cảnh éo le oan trái, đúng lúc được thoải mái trở về với bản chất giới tính tự nhiên, khỏi phải giấu giếm, lừa dối ai, thì lại rơi vào cảnh cách chia, bị bỏ rơi, cô độc.

Người có thể là bức tường thành che chở đời cô, cứu cô thoát khỏi thảm cảnh trên, là Just, thì nay không còn là chỗ dựa đầy tình thương yêu nữa: nếu cô xuất hiện trước mắt anh với hình dáng một người đàn bà thì sẽ mất mãi mãi mối quan hệ hồn nhiên, thân thiết giữa trẻ con với trẻ con, mà tình thân ấy gần đây đã biến đổi rồi, một sự biến đổi từ từ, tinh tế và kín đáo.

Trong cơn hoang mang, cô muốn gọi tên bà vú Emilienne cầu cứu. Rồi, nước mắt chảy đến đâu thì cô càng cảm thấy rõ đến đâu cái khắc nghiệt của rừng rậm đã bắt đầu tối trong khi trời vẫn còn xanh. Hai cô gái mang đến cho cô bát cháo. Một đứa trẻ tay cầm cành lá chạy tới huơ huơ trước mặt cô. Một bà già bung chiếc bát gỗ đựng một thứ nhựa hung đỏ quỳ xuống gần cô, bôi nguệch ngoạc lên mặt cô, khiến lòng cô bứt dần nặng nề. Cô thiu dần, và hình ảnh cuối cùng mà cô mang vào trong giấc mơ đầu tiên của đời phụ nữ là mảnh trăng lưỡi liềm lấp ló trong vòm cây trước mặt.

*
* *

- Hãy cẩn thận, đồ ngốc! – Villegagnon vừa chém vừa hét.

Chiếc áo giáp da Just mặc trước ngực đã bị kiếm rạch tới nhất thứ tư.

- Tại vì cháu vừa phải đỡ, vừa...

- Thì đúng thế, vừa đỡ vừa đọc bài. Nào, vào trận đi, và đọc: “Tại sao tâm hồn người không đau khổ khi nhìn thấy đồng loại đau khổ?”

- “Vì tâm hồn người là tâm hồn chết”. Chương 1.

- Đúng. Nào, lùi chân về đằng sau. Thế. Và người phải tránh giao du với ai nếu muốn trở về với thực đạo?

- “Với những lão thầy tu đầy đồ kị và kiêu căng...”

- Đúng. Đó là chương 2. Cháu lại bị dính rồi, song dù sao, đã khá hơn.

Just đồ mồ hôi nhễ nhại. Đôi chân trần di chuyển trên cát mịn, cậu luôn phải tập trung chú ý để né tránh những đòn quyết liệt của đô đốc. Khoảng hai chục người ngồi rải rác theo dõi bài học của hai thầy trò, thỉnh thoảng lại reo hò ầm ĩ.

- Tiếp tục chuẩn bị! Ở đâu ta tìm được chất bổ tinh thần và sự cứu rỗi?

- “Trong luật pháp thiêng liêng do sách thánh đem lại”, chương 4.

- Tức là?

- “Đức Thánh Paul, Thánh Augustin, Thánh Denys thành viên Toà án Tối cao Athènes, Origène...

- Ai nữa?

-... Planton”.

- Được rồi, bình thân. Bản chất con người có tốt không?

- “Tốt, vì người là sáng tạo của Chúa”.

- Con người có tự do không?

- “Có, vì người được sáng tạo theo hình ảnh của Chúa”.

- Khá lắm! Hôm nay thế là đủ.

Villegagnon tiến đến, lấy lại kiếm và cởi áo giáp cho Just rồi cầm tay cậu cùng trở lên nhà. Trên đỉnh đảo, nhìn đã thấy rõ nét hình dáng thành lũy đang xây.

- Cháu đã đọc kỹ Erasme rồi, ta sẽ đưa cháu một quyển khác. Nhưng ta muốn hỏi...

Villegagnon dừng lại, nhìn Just với con mắt soi mói:

- Tại sao dường như cháu không quan tâm lắm?

- Gì cơ ạ?

- Những gì ta bảo cháu học.

- Cháu có quan tâm – giọng Just hững hờ.

Đô đốc giật tay cậu:

- Không được nói dối.

Just không trả lời, yên lặng một cách thách thức, trước đôi mắt tối thẫm đang dò xét nhìn mình. Villegagnon buông tay, đi tiếp và nói:

- Cháu không giống bố cháu, những tính tình thì y hệt. Cũng kiêu căng...

Just thấy tim mình đập loạn xạ, đập mạnh hơn lúc cậu cầm kiếm nhảy lên nhảy xuống. Cậu tha thiết muốn biết về người cha, muốn gạt bỏ mọi ngại ngùng và đưa ra những thắc mắc nung nấu trong lòng từ bấy lâu, nhưng từ “kiêu căng” thì...

Đồ độc vẫn tỏ ra đăm chiêu:

- Lần cuối ta gặp bố cháu là ở Venise, tại nhà Paul Manuce, lúc ông này đã tiếp quản xưởng in của ông bố Alde. Đó là năm 1546, ta vừa chiến đấu với quân Thổ ở Hunggari về

- Còn bố cháu? – Just hỏi dồn.

- Thấy chưa, hể cứ nói sang chuyện khác là cháu tò mò muốn biết ngay. – Villegagnon nhận xét, mắt liếc nhìn Just. – Bố cháu thì đang trên đường về Roma, ít lâu sau ta cũng về đó. Nhưng ông ấy phục vụ dòng họ Médicis, còn ta là người của dòng họ Strozzi, vì thế mà hai người suýt đánh nhau kia đấy. Cháu hiểu không?

- Dạ – Just đáp.

- Thật ra, cháu không hiểu gì hết.

Họ đã tới rìa rừng dừa, những thân cây bị đốn tận gốc nhỏ trên cát trong như một dãy mộ lớn. Villegagnon dừng bước:

- Cháu không thể biết ta ngưỡng mộ ông ấy dường nào... Ông không lồ vẫn ôm sát vào người hai thanh kiếm và chiếc áo giáp bằng da – Ta đến nước Ý lúc ba mươi tuổi. Cháu biết không, hồi ấy ta còn mang nặng truyền thống hiệp sĩ đạo, con người coi khinh thân thể mình, chỉ biết chiến đấu và cầu nguyện. Cú sốc đầu tiên đến với ta là ở Florence, khi ngắm bức David của Michel-Ange và *Lễ Rửa tội* của Sansovino. Như vậy là, dù Adam phạm tội lớn, trong con người vẫn luôn hiện diện ý tưởng của Thượng đế, vấn đề là phải phát huy nó lên. Con người vẫn là tuyệt phẩm của tạo hoá, phải phấn đấu trở thành con người lý tưởng, giỏi binh đao, giỏi nghệ thuật, con người thiện ý, trong sang, thanh thản, biết tự chủ.

Villegagnon chìm đắm trong suy nghĩ, mắt nhìn ra chón xa xăm, về phía một đám mây cao tít, tròn tròn, bất động trên bầu trời.

- Cú sốc thứ hai là khi ta gặp bố cháu. Vì chưa có người nào ta gặp lại đạt được những tiêu chí ấy đến mức hoàn hảo như vậy, gần tới đỉnh điểm.

Ông chợt như tỉnh dậy, quay lại nhìn Just:

- Ta nói “gần tới” vì ông ấy không phải không có khuyết điểm, như sau này sẽ chứng tỏ. Nhưng đó lại là chuyện khác. Lúc này, ta chỉ muốn nói với cháu điều này: cháu nghĩ thế nào thì tùy, song ta không liên can gì đến việc lừa các cháu đi Mỹ.

Và ông kể vắn tắt những gì ông biết về những mâu thuẫn nội bộ gia đình đã dẫn đến việc Just và Colombe phải rời Clamorgan.

- Và bây giờ, để trả lời câu hỏi mà cháu nóng lòng đặt ra mà còn e ngại chưa dám, ta nói thẳng: cháu sẽ không tìm được bố ở đây đâu, bởi vì ông ấy không đến đây, chưa bao giờ đến đây và sẽ không bao giờ đến nữa.

- Vậy tại sao lại nói dối chúng tôi? – Just la lớn, nổi uất ức bùng lên khi thấy linh cảm của mình không sai chút nào và cậu không còn cách nào khác là trút giận lên Villegagnon.

- Cháu không nên nặng lời. – Đô đốc quát to – Để nói ra sự thật, ta cần chọn lúc thích hợp. Nếu ta nói ra lúc ở trên tàu thì cháu buồn khổ hơn, vì chung quanh toàn là biển cả – Còn bây giờ, cháu thử nhìn xung quanh mà xem.

Villegagnon giang tay, chỉ suốt từ nam đến bắc cả một vùng lộng lẫy cây cỏ và núi đá:

- Trước mặt cháu là nước Pháp Nam cực. Thoả sức chinh phục, thoả sức xây dựng. Rồi, gí cái mũi dài vào tận mặt chàng trai mới lớn, ông nói thêm:

- Tất cả là của cháu.

- Bố cháu chết rồi? – Just hỏi.

- Phải.

Cái nóng ngọt ngạt đã lan ra từ rừng rậm cùng với làn gió nam và đàn nhạn biển trắng toát to lớn. Just nhìn về phía đất liền. Về bí hiểm lẫn quất trên các vách đá dựng đứng đầy cây cối đã tan biến như một làn hơi nước. Mọi màu sắc đã rõ rệt và sáng sủa hơn. Mặc dù có sự sống của con người, những khoảng không gian bao la kia vẫn rất quạnh hiu. Villegagnon quay mặt đi để khỏi nhìn thấy nước mắt của cậu, và có lẽ cũng để che giấu nước mắt của chính mình. Ông ôm lấy chàng trai, vỗ vỗ mấy cái, nói:

- Cháu hãy trở về làm việc, tôi đến lại đây, ta đưa sách *Commentarioulus* của Copernic cho mà đọc.

Just nhìn dáng người cao dong của ông dần xa. Cậu đứng lại một lúc như thất thần. Bây giờ có bao nhiêu lý do mới nữa để bỏ đi, thì lạ thay, cậu lại không thiết nữa.

*

* *

Trong cuộc sống của người Anh diêng, không hề có bí mật. Tất cả đều ở trường trong một ngôi nhà chung, và mọi hoạt động đều diễn ra trước mắt mọi người. Nhưng phải mất một thời gian dài quan sát mới nhận ra điều gì thúc đẩy cho cái cộng đồng này sinh động mà nhìn bề ngoài thì chỉ thấy có không khí im lìm. Từ sự thể hiện tình cảm đến những cử chỉ thường nhật, từ ngày bình thường đến những buổi lễ hội, tất cả đều mang vẻ trầm trầm, nhẹ nhàng, bí ẩn.

Colombe hòa nhập với cuộc sống ấy một cách tự nhiên. Thoạt đầu nàng phải cố nhún mình, cố không làm gì gây sự chú ý để khỏi làm xáo động không khí bình yên cố hữu. Học tiếng nói thật ra không khó. Các bà dạy nàng những câu nói đơn giản, nhập tâm được ngay. Nhưng đọc được tình cảm, tâm hồn của họ thì khó hơn. Trong cái thế giới mới này, toàn bộ bản năng cảm nhận tình cảm con người của nàng bỗng trở nên thiếu nhạy bén. Sắc mặt người Anh diêng có đủ mọi cách diễn đạt, dễ làm người ta bối rối. Một sự rung động cơ bắp, một tư thế của chân hay tay và cả độ căng xẹp rất nhạy cảm của dương vật, tất cả đều có ý nghĩa, nửa kín đáo nửa rõ rệt, dễ

nhận biết như đọc một quyển sách, và đồng thời cũng bí hiểm, trong trường hợp đọc sách mà không biết ngôn ngữ.

Colombe hiểu rằng về phía người Tupi, họ cũng quan sát để tìm thấy ở nàng những dấu hiệu tình cảm tương ứng. Ngay ngày đầu tiên, họ đã kéo đến nhìn vào mặt nàng. Đôi mắt có làn mi phờ phớt hung khiến họ ngạc nhiên và ngưỡng mộ. Họ đặt cho nàng cái tên “Mắt – Mặt trời”. Khi nàng hiểu ngôn ngữ họ hơn, nàng biết thêm là mặt nàng khiến họ liên tưởng đến một loài chim mà họ tin là mang linh hồn của những người chết. Khi mắt một chiến binh nhìn thẳng vào mắt con chim đó, thì linh hồn các người chết sẽ truyền sang anh sức mạnh mới. Bởi vậy trước khi vào rừng đi săn hoặc do thám kẻ địch, đàn ông Tupi thường đến trước mặt Colombe để nàng nhìn họ một lúc thật lâu.

Mỗi sáng đàn bà con gái trong làng lại kéo nàng đi tắm. Dường như thú vui lớn nhất của họ là được vẫy vùng trong nước mát. Nếu có thời gian, họ không tắm ở con thác gần làng, mà đi xa hơn, đến các sông suối khác. Họ bì bõm hàng giờ trong nước, vừa đùa nghịch vừa chải tóc và nhổ lông cho nhau bằng những cái kẹp nhỏ bằng gỗ rắn. Có bao nhiêu lông họ nhổ hết, từ lông mày đến lông mu. Mắt- Mặt trời cũng không thoát khỏi lệ, mặc dù nàng rất tiếc vì mới bắt đầu có.

Một hôm, họ đi sớm, tới một khu bờ biển ở dưới thấp, nhìn phía trước mặt, bên kia vịnh là hòn núi trông như cái bình đựng bơ. Đó là một bãi cát dài, rộng, còn hoang vu, nhìn thẳng ra đại dương mông mênh, nơi những cuộn sóng lớn nổi tung thành vô số chùm tia nước. Gió thổi mạnh làm tóc bay rối tung và làm ai cũng phải rung mình; nhưng cát mịn dưới chân lại nóng bỏng. Colombe đứng nhìn ra xa một lúc lâu, hướng về phía chân trời nhuộm màu thanh thiên. Và dù chỉ trong mơ, không thể nào là sự thực được, nàng vẫn tưởng đâu như thấy được, nơi xa nhất của tầm mắt, đường bờ biển bên kia của Châu Âu và những trắng cỏ xám xịt của vùng bờ biển xứ Nóoc- măng-đi, quê hương nàng, Đây không phải là phút hoài hương hão huyền: nàng đang cố gắng nói hai bờ của cuộc đời mình, quá khứ và hiện tại, mà chưa hiểu rồi bánh xe định mệnh sẽ đưa tới bến bờ nào.

Những bãi cát hoang vu ấy – dân Anh điêng gọi là Copacabana – không an toàn; đó là nơi duy nhất các bà các cô muốn đến thì phải có nam giới đi

theo. Trong khi phụ nữ tắm, nam giới lặng lẽ đứng canh gác, mắt luôn luôn cảnh giác nhìn về phía rừng.

Trong số phụ nữ Anh điêng, Colombe sớm làm thân với Paraguacu, một cô gái trẻ tuổi nài. Paraguacu cười nhiều hơn các cô khác, hay trêu chọc hóm hỉnh giống tính Colombe. Paraguacu tặng nàng hai chiếc vòng tết bằng vỏ ốc và một vòng cổ bằng xà cừ hình trăng lưỡi liềm. Chính cô là người sáng sáng cầm lược chải và tết tóc cho Colombe.

Trong cuộc sống của làng, thỉnh thoảng lại xảy ra những cơn hoảng loạn khó hiểu, tưởng như sắp bị các bộ tộc thù địch tấn công, song không phải. Colombe sợ nhất là các bộ lạc giao tranh và nàng đã tưởng tượng đến cảnh mình bị bắt làm tù binh và phải làm nô lệ cho phe đối phương. Nhưng rồi cô nhanh chóng hiểu ra rằng, trong khu vực xung quanh trại sẽ chẳng bao giờ có gì phải đề phòng. Hiểm họa rình rập người Anh điêng thuộc loại khác hẳn. Mỗi khi nhắc đến việc này, Paraguacu luôn có thái độ nghiêm trang và trịnh trọng. Cô giải thích với Colombe, bọn ma quỷ mới chính là nguyên nhân của các cuộc náo động ấy. Có những dấu hiệu nhất định, ví dụ như một tiếng kêu la, sự xuất hiện của một con vật dữ tợn, khiến người Tupi tin là ma quỷ đang lớn vờn đâu đây. Họ liền lấy ra một quả bầu rỗng chứa đầy vỏ ốc, và một người – được coi là thầy mo hay phù thủy – ra sức lắc lắc, rồi tùy theo tiếng động, hình thù của vỏ ốc mà đoán định xem ma quỷ muốn gì. Tiếp theo họ tiến hành nhiều nghi lễ. Ai nấy phải bôi lên mặt bột đen của quả găng cơm, phẩm đỏ của kẹo và một vài thứ đất trắng rồi hát hò, nhảy múa suốt đêm thâu, làm những động tác mà chính Paraguacu không giải thích được ý nghĩa. Ai nấy nốc rượi cahouin mà men phải được ủ kỹ trong các nồi đất to cho đến say mềm, truyền nhau những điều thuốc cuốn hút đến lơ mơ. Colombe quen dần với cảnh ấy và khi yên tĩnh trở lại, nàng lại bắt đầu mong sớm có tình trạng báo động trở lại. Chưa bao giờ nàng có những đêm đầy mộng mị, chưa bao giờ nàng khua khoắng chân tay, lăn lộn trong mơ nhiều đến thế, mặc dù rừng thẳm, kẻ chứng kiến toàn bộ những cảnh ấy, vẫn luôn luôn là một vực thẳm thanh vắng và tối đen.

Ban đêm, nàng ngủ trong ngôi nhà chung. Trong tối rì rầm tiếng thở, tiếng nói thì thầm, tiếng cựa mình. Từng đôi không chút ngưng ngáp ôm lấy nhau, quần lấy nhau vừa hôn hển vừa rên rĩ. Đến sáng đâu lại vào đây,

và từ nay Colombe nhìn thân thể đàn ông và đàn bà khác nhau lúc ban ngày, không thể không nghĩ đến lúc chúng quện với nhau làm một trong đêm tối.

Như mọi cô gái chưa chồng khác, Paraguacu có quyền trao thân cho bất cứ người đàn ông nào trong bộ tộc. Cô thường ngủ với một người cô quý hơn cả tên là Karaya. Anh này thấp nhỏ hơn những chiến binh khác, môi dưới đeo một viên đá khác với mọi người và cổ đeo một vòng làm bằng vỏ ốc trắng, đẹp và óng ánh hơn. Một tối lễ hội, Colombe và Paraguacu đều đã uống rược cahouin và hút thuốc pêtun, ngồi tâm sự với nhau. Paraguacu nói:

- Bây giờ em cứ chơi bời cho thỏa thích, sau đó em sẽ lấy chú em làm chồng,

- Còn chị, – Colombe đáp, cố nghĩ ra từ thích hợp – Bây giờ chị phải ngoan ngoãn chờ. Sau này, chị sẽ lấy anh chị.

Hai cô gái cùng cười vui vẻ về những lời tâm sự của nhau, cũng như họ sẵn sàng cười về bất cứ chuyện gì trong ngày. Nhưng đến đêm, trong không khí ngột ngạt của nhà ngủ đông người, Colombe mới giật mình kinh hoàng về lời nói vừa rồi. Cánh rừng chung quanh đối với nàng chịu sức ép ghê gớm của nó; tâm trí nàng như đã bị bao cành lá, gốc rễ thít chặt, làm hiện lên những ma quỷ, triệu chứng, những khát vọng đầy hấp dẫn và hiểm họa. Miệng không ngớt rên rỉ, nàng ngủ thiếp đi và hai lần choàng thức dậy vì nghẹt thở. Trong mơ, nàng đã kêu thét lên, khiến một bà già phải trở dậy vỗ về tay nàng.

Sáng hôm sau tâm trí trở lại bình thường, song điều nàng nhận rõ ngay ra là: phải trở về đảo càng sớm càng tốt. Dù Villegagnon không bằng lòng cũng mặc. Chuỗi ngày khá dài sống ở Anh điêng – nàng không nhớ là bao nhiêu ngày – cho nàng hiểu nhiều điều bổ ích, song cũng khiến nàng da diết nhớ cuộc sống trước bên kia Đại Tây Dương, cuộc sống có tàu bè, đô đốc, Quintin, cuộc sống mà nàng được mặc quần áo của Châu Âu, được sử dụng ngôn ngữ quen thuộc và dễ hiểu, được tỉnh táo đầu óc, và nhất là cuộc sống có Just ở bên.

Colombe nói ý định của mình với người Anh điêng. Họ liền hỏi ý kiến vị phù thủy, rồi tổ chức một lễ lớn trong hai ngày liền. Đàn ông làm dáng bằng lông chim cắm sau lưng, trên cánh tay và cả ở mông nữa, dính vào da nhờ một thứ nhựa cây. Paraguacu đưa tặng bạn một cái vòng mới tinh. Đến sáng, Colombe mặc lại các quần áo đã mặc lúc mới đến – mà các cô gái Anh điêng đã giặt giũ và giữ gìn cẩn thận. Nàng nhờ cắt tóc cho ngắn đi, để lấy một mớ vàng óng tặng lại cô bạn Paraguacu.

Ba đàn ông lực lưỡng tiễn nàng ra tới bờ biển đối diện với đảo. Một trong ba người đó là Karaya, bạn trai của Paraguacu.

Đường đi khá xa, Colombe từ nay đã nói được tiếng tupi để người nghe hiểu, luôn mồm hỏi chuyện. Còn họ kể cho nàng nghe về các bộ lạc khác, về bọn thông dịch viên người Nóoc-măng mà họ có vẻ e sợ hơn cả. Tới bờ biển, họ dừng lại ngồi xuống bãi cát để nghỉ và ăn lót dạ, trong lúc chờ con thuyền thường qua lại giữa hai bờ.

Một người bỗng nói với Karaya điều gì mà Colombe không hiểu. Chàng tra cười khi rồi cởi chiếc vòng đeo ở cổ tay, lấy ra một vỏ ốc, vứt xuống đất.

- Cậu làm gì vậy? – Colombe hỏi.

Karaya thản nhiên đáp:

- Hôm nay là ngày trăng tròn, tôi phải bỏ bớt một vỏ ốc ở vòng cổ.

Một người giải thích:

- Karaya là tù binh. Mỗi tháng bớt đi một viên; khi nào hết thì cậu ta bị ăn thịt.

Tất cả cười ồ. Giữa lúc kinh hoàng ấy, Colombe vô cùng mừng rỡ khi nhìn thấy chiếc sà lúp sắp cập bờ.

CHƯƠNG 8

Giơ tay lên, không đụng đây!

Phát súng bắn ra được rừng rú đáp lại bằng tiếng vọng, và viên đạn lạc đầu đó lên một tán lá dừa. Thật khó biết là người bắn cố tình ngắm lên cao, hay đường đạn chệch đi do hấn đứng trên sà lúp chòng chành. Colombe đang đang hoang tiến bước trên cát bỗng dừng lại, kinh hoàng.

- Nào! Giơ tay và tiến lên!

Nghe giọng nói quen quen. Nàng phân vân: hay là quay lại, mau chạy trốn vào rừng? Nhưng mấy bạn Anh điêng chắc đã đi rồi, chẳng còn ai dẫn lối. Trên sà lúp có sáu người, và một người có súng. Nhưng trong thời gian nàng còn do dự, người đó đã kịp nạp đạn tiếp và đang nhắm vào nàng.

- Không lẽ chúng lại giết ta – nàng nghĩ.

Đành rằng nàng sẽ bị trừng phạt, một khi Villegagnon biết nàng giấu giếm sự thật. Nhưng đâu đến nỗi bị bắn hạ như một con thú trong rừng.

Phút yên lặng kéo dài trong tiếng sóng rầm rì. Cả hai bên – Colombe trên bãi, và những tay chèo trên sà lúp – đều gườm gườm quan sát, dò xem đối phương định mưu đồ gì. Chợt Colombe nghe tiếng kêu to của một người nhìn không rõ mặt:

- Các bạn, khoan đừng bắn! Xem như người quen.

Đúng lúc đó, Colombe nhận ra giọng nói, thốt lên:

- Bác Quentin!

Ông già nhảy xuống nước, lội vào bãi cát. Colombe chạy lại ôm chầm lấy ông, chẳng còn nhớ gì đến mối đe dọa bị bắn và hình phạt đang chờ mình ở đồn. Ông đưa hai tay gây guộc ghì chặt lấy nàng, rên rĩ:

- Ôi con ta, con còn sống! Lạy Trời phù hộ, ta vẫn tin là con không chết mà.

Đôi hàng nước mắt lăn trên hai đường rãnh hằn sâu mà không biết bao nhiêu giọt trước đã để lại dấu vết trên gò má nhăn nheo của ông ta trong những năm qua. Trong lúc đó, chiếc sà lúp vẫn chòng chành cách đó mấy sải dây. Một người chụm hai tay làm loa, hỏi to:

- Chúng tôi làm gì đây?

- Cứ đi lấy nước ở cầu tàu đi, rồi ghé vào đây đưa chúng ta về.

Con thuyền từ từ ra xa. Quintin quay lại nói với Colombe:

- Để ta đọc một đoạn kinh cầu nguyện đã.

Ông quỳ xuống cát, ngược mắt nhìn lên trời, lầm nhảm nói lời tạ ơn. Colombe cũng nhìn lên như một cái máy. Đã quen với sự sống lúc nhúc trong rừng rậm, nàng thấy bầu trời sao mà trống rỗng và lạnh lẽo đến thế.

Quintin đứng lên và cầm tay Colombe hỏi:

- Vậy cháu ở đâu ra? Một tháng trời liền... anh cháu lo đến phát cuồng.

- Thế bọn lính về không nói gì sao?

Mỗi khi nghĩ đến họ, Colombe không khỏi tức giận. Cô vẫn còn nhớ như in vẻ mặt phần nộ của tên lính người Ban-tích khi cô cởi áo.

- Nói gì được nữa! Khốn nạn! Lúc người ta tìm thấy chúng, thì chúng còn nói sao được.

- Có nghĩa là?

- Nhưng vậy chúng không biết gì ư? Cháu cũng đi với họ mà.

- Không. Cháu ở lại một làng Anh diêng.

- A! Ta hiểu rồi – Quintin thốt lên, và trên khuôn mặt xanh xao ồm yếu, héo hon vì những giọt nước mắt, hé lộ một nụ cười – Thật là may! May quá!

Colombe tưởng ông mừng đến phát rồ. Nhưng ông đã nghiêm giọng, nói tiếp:

- Họ chết cả, cháu ạ. Chết hết. Và riêng cháu còn đây.

- Chết? Ở đâu? Thế nào?

- Khủng khiếp. Khi tìm thấy họ ngoài bãi, cách đây một quãng – và Quintin chỉ về phía hòn núi giống như cái bình đựng bơ – Họ đã... Ôi, cháu còn trẻ, không nên nghe...

- Ông cứ nói.

- Xác nào cũng bị chặt đầu, xiên vào cọc treo giăng giăng...

- Nhưng ai làm thế? – Colombe bỗng thấy xấu hổ về những ý nghĩ trả thù của mình.

- Mới đầu tưởng là bọn Anh diêng. Nhưng bên cạnh các xác, có dòng chữ nguệch ngoạc trên cát: “*Ad maiorem dei gloriam*”^[5]

Quintin đầm đìa nước mắt, chắp hai tay rên rĩ:

- Chúng độc địa đến thế!

- Thì ra bọn anabaptit... Colombe nhìn về phía rừng, làm bầm.

- Không bao giờ ta nghĩ bọn chúng lại đang tâm...

Quintin nức nở.

Colombe nhớ lại hình ảnh thật hiên ngang của ông Quintin trên tàu, ông đã dám nằm trong chiếc võng mắc lơ lửng trên nòng khẩu thần công, trong khi sáu tên khốn kiếp ấy ngủ dưới sàn, xung quanh ông.

- Chuyện xảy ra khi nào?

- Cách đây tám ngày. Chúng ta đang tính nhiều cách. Villegagnon định lập một đội tiểu phạt để truy lùng chúng. Còn anh cháu khổ thân nó, sẵn sàng chịu mọi hy sinh để trả thù cho cháu. Vì ai cũng nghĩ là cháu bị chúng bắt và giữ lại để... làm nhục.

Colombe nghĩ đến những ngày vô tư sống với người Anh diêng, những cuộc bơi lội tắm táp với Praguacu, những đêm lễ hội tung bùng, lấy làm vô cùng hối tiếc đã quên phắt cuộc đời còn lại.

Một con thuyền khác đang trên đường về đồn Coligny. Quintin vẫy lại và hai người bước xuống.

*

* *

Hòn đảo đã thay đổi nhiều. Khi đặt chân lên, Colombe ngỡ ngàng tự hỏi: Phải chăng đây là nơi mình đổ bộ cách đây ba tháng? Toàn những gốc cây trơ trụi, không còn đâu rặng cọ, rặng sồi cả những khóm lau sậy cũng bị cắt sát chân. Nhiều chỗ đã được san phẳng, xây tường chắn. Trên hai điểm cao phía nam và bắc, mọc lên hai chòi canh, có lính gác. Họ đến thẳng dinh thống đốc. Nơi này không còn sơ sài như trước nữa. Mái được lợp bằng ngói gỗ, che cho những phòng chính, đề phòng mùa mưa sắp tới. Những bức vách bằng lá cọ cao tới đầu người che tầm mắt không cho người ngoài nhìn vào.

Hai người vào gặp đô đốc và Just trong phòng lớn, nơi có chiếc hòm gỗ mun đựng sách. Khi bước vào, Colombe bị chói mắt vì ánh nắng ban trưa khúcoộoojhhhhhhhhh]d

xạ qua các tấm liếp, Just vụt đứng lên, xô đổ cả ghế. Nàng nhìn thấy anh sắp bóng, trông to khỏe, cao lớn hơn bình thường. Không cách nào mô tả nỗi niềm khát khao của họ được gặp nhau. Ôm chầm lấy nhau không thể hiện được tình cảm bằng cách họ làm là im lặng đứng như trời trồng, người run bần bật. Họ vô cùng biết ơn Villegagnon đã giơ tay ra, ngăn chặn sự biểu lộ tình cảm tràn trề mà cả hai đều cảm thấy ngượng ngịu.

- Bấy lâu nay cháu ở đâu? – Đô đốc cao giọng hơn mức bình thường để che giấu niềm vui đến nghẹn ngào làm cổ họng ông thất lại.

- Bấy lâu nay cháu ở đâu? Cả người sáng rực ánh nắng lọt qua khe lá cọ. Colombe cảm thấy mình càng xứng với cái tên Mất-Mặt trời hơn bao giờ hết.

Villegagnon chớp chớp mắt.

- Bọn chó a-na-báp-tít-xơ ấy có làm gì cháu không?

Colombe kể vắn tắt đầu đuôi.

- Sao cháu ở lâu vậy?

Mối lo của Colombe hóa ra là vô ích: Villegagnon chưa biết gì về bí mật của nàng. Nàng vội đưa tay khép lại cổ áo vì đã để phanh nó hơi rộng, nghĩ rằng từ nay không cần đóng kịch nữa.

- Cháu học tiếng nói – Colombe đáp.

- Và thạo chưa?

- Cũng khá ạ.

- Vậy ít nhất cháu ở lại đã không vô ích.

Just vẫn chăm chăm nhìn em gái. Anh thấy nàng khác trước, vừa dịu dàng vừa kiên quyết hơn, bộ ngực đã hình thành, vẻ đẹp đã thoát khỏi

những nét trẻ thơ. Anh lo lắng tự hỏi liệu có giấu mãi Villegagnon được không.

Nhưng ngài đô đốc đã lại mãi suy nghĩ về những mối lo lớn hơn. Ông mê mãi theo đuổi những ý nghĩ riêng của mình một lúc lâu rồi đập tay lên bàn, gầm lên:

- Chúng không coi nước Pháp Nam cực ta ra cái gì! Sáu chiến sĩ ta đã chết. Về đội tiểu phạt cùng thời đi về hướng ngược lại, đến nay vẫn chưa có tin tức gì. Một bọn vô lại đang làm loạn quanh khu vực bờ biển này. Còn ở đây thì nạn dân loạn đang hoành hành.

Ông đưa mắt nhìn qua liếp ra ngoài:

- Nhìn bọn chúng xem! Say rượu. Trai gái. Thừa dịp là nhẩy sang đất liền, ta biết tổng để làm gì rồi! Chạy theo gái do bọn khốn khiếp bên ấy cung cấp. Trong khi đó, công việc ở đây không tiến triển. Mùa mưa tới nơi rồi, mà chưa đâu vào đâu! Công việc phòng thủ không ra sao. Bọn Bò Đào Nha tấn công lúc này thì toi hết!

Ông ngồi phịch xuống một chiếc ghế cứng.

Ông đưa mắt nhìn quanh nhà, vẻ tuyệt vọng như một con thú tìm lối thoát trong cuộc vây dồn. Đôi mắt ấy dừng lại một lúc trên cái bàn chất đầy sách vở rồi chuyển sang Colombe, quay trở lại với Just và cái tủ gỗ mun rồi lại phóng ra ngoài. Đột nhiên, ông gầm lên:

- Tất cả, chỉ vì Đàn Bà.

Colombe giật mình, song đô đốc nói mà không nhìn nàng:

- Đàn bà làm hỏng hết thấy. Đã đến lúc các cháu phải nhớ điều đó, và bỏ các cháu nếu sống lại cũng dạy các cháu thế.

Just và Colombe đưa mắt nhìn nhau. Villegagnon ưỡn ngực:

- Đàn bà là nguyên nhân của Sa đọa, là mầm mống của Cám dỗ, của cái Ác, các cháu hãy luôn luôn ghi nhớ mỗi khi bị xác thịt mời gọi và hấp dẫn.

Một đám thợ từ công trường đi xuống, vừa đi vừa hát. Villegagnon nhìn mặt chán ngán. Nhưng khi nhìn tiếp quanh phòng, mắt ông dừng lại ở bức họa của Titien, nước da hồng hào mịn màng của Đức Mẹ Đồng Trinh và cử chỉ che chở âu yếm của Bà đối với Chúa hài đồng. Nét mặt ông rạng lên một chút:

- May sao, Chúa đã muốn rằng cái vực thăm tội lỗi ấy, cái nhân tố dẫn đến trụy lạc ấy lại cũng là...

Ông âu yếm nhìn lên hình Đức Mẹ:

-... con đường lớn đi tới giải thoát.

Colombe chỉ muốn Villegagnon kết thúc nhanh lời độc thoại để được chạy tới cầm tay Just kéo ra bãi cát kê lễ nổi nhớ nhung. Song ngài đô đốc đang say sưa, chưa chịu ngừng. Điều lạ là Just có vẻ nghe một cách ngưỡng mộ và đồng tình với ông ta.

- Càng nghĩ- đô đốc nói – ta càng thấy tình hình này, cần phải đề cao nghi thức chính là lễ cưới. Chỉ có thế mới chính thức hóa các cuộc hôn phối, đưa sự lộn xộn trở về trật tự. Cứ việc đi lòng con gái, trả tiền những con mồi rợ đó, cưỡng bức họ, thậm chí hãm hiếp họ, nhưng tất cả phải làm trước mặt Chúa!

Khuôn mặt đầy râu của ông bỗng bừng sáng. Nhìn đắm đắm những khe sọc chữ chi của lá cọ, ông có vẻ đang hướng lên Đức Thánh thần. Và giọng ông cất lên êm dịu và véo von như hát:

- Khi đó, những đứa trẻ đẹp tựa thiên thần sẽ sinh ra làm thần dân của nước Pháp Nam cực, chúng sẽ ca ngợi công đức của Hoàng đế. Khởi cần phải vất vả truyền đạo cho lũ mồi rợ, vì khi mang theo trẻ con, họ sẽ sinh ra những kẻ theo đạo của bố.

Ông trầm ngâm một lúc lâu, rồi quay lại hỏi Colombe.

- Cháu nói được thổ ngữ Anh điêng rồi phải không?

- Vâng.

- Vậy hãy chuẩn bị đem ra thực hành. Bởi vì bắt đầu từ hôm nay, ta sẽ cho bọn thông dịch viên khôn kiếp ấy biết tay. Chúng ta đã phải chịu đựng tên Qua ăn chặn và phản trắc ấy quá nhiều rồi. Hắn làm hư hỏng người của ta. Từ hôm nay ta phải chống lại, chính ta đặt ra điều kiện chứ không phải ai khác. Chúng mà phản kháng, ta sẽ cho chúng biết tay. Các cháu đi ra đi, để ta còn phải thảo một bản tuyên cáo.

*

* *

Khi Just và Colombe ra ngoài, Quintin đã đi mất. Họ sóng đôi đi lên phía công sự. Đã chiều muộn, nên công trường vắng lặng, trừ vài người thợ còn nần ná ở các lán. Colombe buồn rầu nhìn những đồng đá và cột kèo ngổn ngang. Nàng đi lên đây chỉ cốt để ngắm vịnh với ngọn núi bánh ngọt mà nàng đã xa cách một thời gian. Just lại nhìn công trình với niềm kiêu hãnh của người đã đóng góp mồ hôi và nước mắt. Chàng giới thiệu:

- Chỗ này sẽ là con đường vòng để tuần tra. Súng sẽ đặt như thế này trong lỗ châu mai, đủ để quét tứ phía.

Trong khi anh nói, Colombe để tâm trí tận đâu, nàng nhìn về phía rừng tối sậm, tự hỏi ngôi làng của Paraguacu là ở chốn nào. Nàng ngắt lời Just:

- Suốt thời gian qua, em rất nhớ anh.

- Tưởng không nhớ, nếu nhớ thì đã về sớm hơn.

Đó là một lời trách yêu, và chàng đáp lại như thế để tỏ ra mình không kém cạnh. Tất nhiên chàng rất sợ mất em nhưng không có vẻ khắc khoải nhớ nhung bằng nàng. Nàng nghĩ: bây giờ anh đã là người lớn rồi.

- Bà bác đã đánh lừa chúng mình – Just kể. Bố chết rồi. Lão Griffes cướp dinh cơ Clamorgan rồi.

Colombe chồm lên:

- Em biết mà! Ai bảo anh thế?

- Villegagnon. Ông ấy biết bố hồi ở Ý.

Thực ra, Colombe đã quen với ý nghĩ sẽ không gặp bố. Kỷ niệm về ông rất mơ hồ; nàng buồn vì bố mất một phần, phần nữa là từ nay không biết mình là ai. Nguồn gốc, và quan hệ họ hàng của hai anh em sẽ mãi mãi là điều bí ẩn và điều bí ẩn này sẽ ảnh hưởng đến tương lai của họ nhiều hơn quá khứ. Nàng giận dữ nói:

- Không thể để bà ấy tước đoạt như vậy. Phải đấu tranh chứ, chúng mình có quyền mà. Có thể phải mất mười năm, nhưng...

Nàng ngưng bật. Just lặng lẽ nhún vai. Cả hai nhìn về phía bờ biển, về phương trời tây đỏm hồng. Vào mùa mưa đang tới, các buổi hoàng hôn trên vịnh không còn đẹp như tranh vẽ nữa mà lại bị vẩn vện những vết sọc trông như rừng cây ăn quả.

Cảnh tĩnh lặng của thiên nhiên, đôi lúc bị phá vỡ bởi tiếng cười nói của đám đàn ông dưới cảng, đè nặng lên tâm hồn họ. Colombe ngược nhìn Just, giang hai tay anh ra, và mặc cho anh tỏ vẻ ngượng ngập, nàng nép mình vào ngực anh thôn thức.

CHƯƠNG 9

Đã đến lúc trời mưa nhiều giờ liền trong ngày, những cơn mưa âm ỉ rá rích chỉ làm cho con người thêm uể oải. Rồi trời lại tạnh rất lâu. Mặt trời tìm đủ mọi cách thoát ra khỏi tấm màn mây. Như một gia nhân không muốn vứt bỏ chủ lúc hấp hối, nó ra sức thấm khô vũng nước lớn nhất mà dân trên đảo đang lội bì bõm.

Mỗi sáng, sau bình minh một chút, Villegagnon lại bắt buộc mọi người phải tổ chức cầu kinh trước dinh thống đốc. Không phải lễ trọng gì, đơn giản chỉ đọc mấy câu kinh ngắn, do Thevet miễn cưỡng chủ trì. Ông già đến nơi hành lễ, phì phèo điều thuốc pêtun trên môi. Từ khi thổ dân giới thiệu với ông thứ lá thuốc này, ông luôn hút thử nghiệm, rồi quen đến mức chốc chốc lại phải hít vài hơi. Có vẻ thuốc làm ông sáng khoái hơn, song ông vẫn chưa nguôi nuôi tiếc. Ông chuyển sang sưu tầm đủ loài cây lá, sò ốc và chênh mảng với chức trách của mình. Thường đến giờ lễ rồi ông chưa buồn dậy, và Villegagnon phải điều khiển một mình. Để buổi lễ thêm long trọng, ông móc được một dàn nhạc công dân gian – trước đó làm phu đập đá – biết thổi kèn. Tiếng kèn ấy, ngoài việc tạo ra không khí im ắng ngoài vịnh những âm thanh phi thường, gần như từ trên trời lọt xuống, còn có tác dụng đánh thức những người ngủ gật trong buổi lễ cầu nguyện sáng và nhắc họ đã đến giờ phải tỉnh táo.

Villegagnon rất hãnh diện với nghi thức mới khiến mọi người phải nhớ, ngay từ sáng tinh mơ, nhiệm vụ của mình đối với Chúa. Sau lễ cầu nguyện, ông trù mển nhìn đám thợ đầu đi về nơi làm việc. Công việc thổ mộc rất vất vả, không ai được miễn trừ. Binh lính ngoài việc trông coi đồn đốc, đôi khi phải trực tiếp mó tay vào. Những nô lệ thực thụ người Anh điêng, có khoảng năm chục, tỏ ra tiếp thu rất kém nên họ chỉ có thể làm những công việc nặng nhọc nhất. Villegagnon chỉ cho phép những người thợ có tay nghề cần thiết (mấy người làm bếp, mấy thợ mộc, một thợ may, một thợ cạo, hai thợ làm bánh) được miễn trừ việc xây dựng. Nhìn dãy thành lũy dần hình thành, có thể thấy quy mô cũng như tham vọng quá lớn so với số nhân công không đủ dụng cụ máy móc nhưng phải đảm nhiệm một khối lượng công việc quá lớn.

Ở phía đông đảo, có những sọt cát chất đống, ướt sũng nước mưa, tạo thành những khối siêu vạo có thể ẩn nấp. Sau lễ cầu nguyện, Vittorio thường chuồn ra đây để lẩn tránh lao động. Những người muốn tìm hấn biết rõ là hấn đang trốn ở đó hoặc là bận đếm những đồng tiền vàng, hoặc là mài mài dao. Buổi sang hôm đó, hấn không hề bất ngờ khi thấy Egidio mó tới.

- Chào đồng hương.

- Chào.

- Ông Quạ muốn gặp cậu ngay tức khắc.

Lệnh của Quạ thiêng liêng không kém lệnh của Villegagnon, có khi còn hiệu lực hơn vì hấn vừa đe dọa vừa câu bằng lợi lộc, trong khi đô đốc chỉ kêu gọi ý thức trách nhiệm và động viên tinh thần.

Hai người đứng dậy, đi dọc bãi đến bên sà lúp. Vittorio ra hiệu, lập tức hai tay chèo nhường chỗ cho họ. Tuy không thể hiện ra ngoài, tên người Venise cảm thấy rất tự kiêu đã điều khiển được người khác. Tuy nhiên thành công này cũng có phần chưa mỹ mãn lắm ở chỗ hấn chỉ ra oai tác quái được tại một chốn không có tên trên bản đồ. Nhưng dù sao, vẫn khoái được người ta e sợ và được thưởng phạt tùy thích. Hấn dẫn gái cho đàn ông trên đảo cho nên được hưởng quyền tự do đi lại để lo công việc.

Sang đến đất liền, hai đứa đi tới cái làng Anh điêng mà Villegagnon đến thăm ngày đầu. Đi vòng quanh theo một lối mòn, chẳng mấy chốc họ tới một căn lều đơn độc, nơi Quạ dùng làm chốn ẩn náu. Một vài vũ khí treo trên cột chính; dưới góc là mấy phụ nữ Anh điêng ngồi xôm, chân bị xích vào nhau, sợ hãi nhìn những người mới đến. Quạ đang đi đi lại lại, một thanh niên mũi tẹt ngồi đung đưa trên võng. Lúc lại gần, Vittorio nhận ra đó là Martin, hấn đi khỏi đảo cùng thời với Colombe.

Thấy mọi người đến đủ, Quạ nói liền:

- Không thể như thế được!

Hắn bảo mọi người ngồi xuống những thớt bằng gỗ Brésil rồi hỏi:

- Chúng mày đã thấy bản thông báo của Villegagnon chưa?

- Đã – Vittorio lễ phép đáp. Lão muốn những người da trắng trên đảo phải kết hôn đàng hoàng với con gái thổ dân. Lão điên thật.

Tên thông dịch xác nhận:

- Đúng thế. Nhưng đây chưa phải là việc hay nhất. Chúng mày không thể ngờ được đâu. Việc nghiêm trọng nhất ấy thật khó tin và hình như chúng mày chưa biết tí gì cả thì phải.

Quạ không buồn nhắc cao chân đi lại một vòng nữa, làm cho ủng của hắn kêu lép nhép trên mặt đất lầy lội:

- Lão điên ấy còn muốn TAO, tao phải cưới vợ, thế mới chết chứ.

Cả bọn ngơ ngác một lúc rồi phá lên cười đều giả xen lẫn những tiếng ho. Quạ ưỡn ẹo, bắt chước điệu bộ của Villegagnon:

- Thế đây, chúng mày biết không, ngài phó đô đốc xứ Bretaque, thống đốc nước pháp Nam cực, đã triệu tập tao đến, và nói: “Ngài Quạ, sao ngài không đưa quý phu nhân đến giới thiệu với chúng tôi?”

Quạ nhại Villegagnon rất tài, tác phong cũng quân nhân lịch thiệp, giọng cũng nghiêm nghị và ngân vang rất giống. Hắn làm bộ khúm núm, tự riễu cợt mình:

“- Nhưng thưa ngài – tao mới nói – tôi có nhiều phu nhân. Đưa ai đến ạ?”

Tiếng cười lại rộ lên.

Quạ tức thì nghiêm nét mặt:

- Chúng mày biết không, thế là lão ta tóm lấy cổ tao. Phải, lão tóm lấy cổ tao, dọa: “Thưa ngài Quạ, tôi yêu cầu ngài đưa vợ đến đây, bất cứ bà ấy thuộc màu da nào, nhưng phải là gái trưởng thành và là vợ duy nhất, và đưa ra chứng cứ là hai người đã tổ chức hôn phối trước Chúa. Nếu ngài không có, tôi có thể thông cảm, nhưng cha Thevet đây – rồi hẳn chỉ lão thầy tu đang hút thuốc tởm bố bên cạnh – sẽ tổ chức hôn lễ với đủ nghi thức cần thiết”.

- Thế nếu ông không nghe thì sao? – Vittorio hỏi.

- “Nếu ngài từ chối, thì từ nay xin ngài đừng đặt chân lên đảo nữa, cả các bạn của ông cũng vậy. chúng tôi không cần các ông nữa”. Hừ, thằng khốn! Lão bảo lão không cần nữa!

- Lão ta mất trí rồi – Egidio nói.

- Chắc chắn là thế rồi còn gì nữa, lão ấy có hiểu gì đâu. Vậy ông định làm gì? – Vittorio lại hỏi.

Quạ đứng bệ vệ giữa sân đất đỏ quạch, chỉ một cô gái bị xích dưới đất:

- Tao sẽ chọn một con bé này, may cho nó một áo trắng có đuôi thật đẹp, dẫn đến trước thầy tu và thề thốt chỉ yêu nó suốt đời.

- Ông nói thật chứ? – Egidio hỏi.

Quạ Mô trừng đôi mắt lóc lủa:

- Đồ ngu!

Hắn vớ lấy thanh kiếm bằng gỗ – lợi hại không kém kiếm sắt – múa vài đường lên trời.

Tao làm gì à, tao sẽ bóp chết lão Villegagnon và cả lũ nhà lão! Từ ngày mai, không cung cấp gì nữa cho đảo. Không bột, không cá, không thịt. Tao sẽ đổ thuốc độc vào nguồn nước chúng đến lấy, thế là tịt. Và khi hiểu ra là nước đã bị bỏ độc thì chúng sẽ không dám đến lấy nữa. Chỉ nửa tháng thôi,

lão đô đốc chó má ấy sẽ phải đến đây van lạy tao và xin tha thứ. Và lúc ấy thì chính tao, chính ông Quạ này, sẽ dựng vợ cho lão theo kiểu riêng của tao.

Triển vọng ấy được Vittorio và Egidio nhiệt tình hưởng ứng. Họ nghĩ đã bòn rút gần hết những gì Villegagnon và những người dân trên đảo có. Hàng thì hầm tàu đã rỗng, tiền để dành của bọn di cư ấy thì dùng để mua rượu và gái gần hết. Chỉ còn mỗi cái hòm bí mật của lão đô đốc mà chính lão cũng không muốn động tới. Ý nghĩ chiếm ưu thế tuyệt đối làm chúng phấn chấn.

Tiếng nói của một người đang nằm tên vỗng bỗng vang lên:

- Nói thì hay lắm. Nhưng theo tôi, ông làm thế không ổn.

Martin chậm rãi đứng lên. Mọi người hơi ngạc nhiên vì quên mất sự có mặt của hắn.

- Mày nói rõ xem nào! – Quạ nói.

Ông biết đấy, tôi vừa từ các cơ sở Nóoc măng bờ bên kia về.

- Biết, và sao mày không ở lại đó. Tao tưởng mày sẵn có ý định về Pháp.

- Vẫn có ý định. Nhưng tôi không muốn trở về tay không.

- Yên tâm. Khi lão đô đốc phải nhả hết, mày sẽ có phần.

- Chưa chắc.

- Mày không tin tao à? – Quạ gắt.

- Không tin cách làm của ông thì đúng hơn. Ông sẽ chia phần cho tôi nhưng e rằng nó chả còn gì. Lão Villegagnon không nhả ra đâu... trừ khi phải đến tận nơi mà cướp.

- Mày tưởng tao không có cách triệt đường sống của nó ư?

- Ông Quạ ơi – giọng Martin hơi riều cọt – bên này vịnh thì ông là người có quyền lực nhất. Nhưng phía bên kia còn có những người Pháp khác, và không phải tất cả đều ưa ông. Nếu Villegagnon đến xin cứu viện, chắc họ không từ chối.

- – A! a! Mày tưởng lão phải đi dọc bờ biển để xin tiếp tế nước sao.

- – Đang là mùa mưa, chắc lão đã xây nhiều bể chứa.

Vittorio xác nhận điều đó. Quạ hoang mang:

- Vậy theo mày, phải làm gì?

- Tôi sẽ tấn công.

- Chống lại sáu trăm tên, trong đó có một đội hiệp sĩ nhiều súng ống?- Quạ gằn giọng?

Martin liền chồm lên ra đứng giữa sân ướt át toàn bùn đỏ:

- Này ông, ông đã từng trộm cắp như tôi. Nhưng xem ra ông đã quên mất nguyên tắc của nghề nghiệp. Bao giờ đối phương chả mạnh hơn. Nhưng vũ khí của chúng ta là: bất ngờ, nhanh chóng, mưu mẹo.

Người rắn chắc và nắm đấm thật to khỏe, Martin hoa chân múa tay để thể hiện ba lợi thế mà hắn vừa nêu lên. Quả thật, hắn rất lanh lợi và dữ dằn, lộ rõ sự xảo quyệt độc ác. Hắn nói tiếp:

- Chúng ta còn tám ngày để hành động.

- Vì cái hạn làm hôn lễ cho tao?- Quạ Mồ phì cười

- Không, vì con tàu

- Tàu nào?

- Tàu *Grande-Roberge*. Nó đã chất đầy gỗ Brésil, đang tiếp thêm một số khí và vệt nữa, rồi tám hôm nữa thì nhổ neo. Tội gì để xổng những của quý ấy? Đã lấy, thì lấy cho hết.

Quạ im lặng một lúc rồi đưa tay siết chặt vai Martin:

- Trông mày ăn mặc khổ sở làm sao! Để lông bông trong rừng thì được, để xứng đáng làm cộng sự của tao, thì nên ăn mặc cho chỉnh.

Hai đứa dặt tay nhau vào nhà để giải quyết việc trang phục và bàn luận thêm.

*

* *

Vittorio và Egidio đề ra hai ngày để đi từng nhóm đòi nợ. Đâu đâu cũng là tiếng kêu ca.

- Ôi! Tớ nợ nhiều thế cơ à? Cho chịu thêm chút nữa được không?

Với ai tên lưu manh ấy cũng nói:

- À à, rất tiếc, nhưng tớ chịu thôi. Tất cả chỉ tại cái lão Villegagnon các anh. Chính lão đã công bố cấm tiệt rượu và gái.

Một vài người còn cố vót vát, đề nghị trả tiền thêm để được cung ứng các thú vui. Nhưng câu trả lời là bất di bất dịch:

- Cậu muốn bị treo cổ thì cứ đâm đầu vào. Chúng tớ chẳng ngại. Cái lão điên khùng ấy rất có thể nói là làm. Mà lão đã nói ai không tuân lệnh thì...

Và thế là trong đám binh lính, thủy thủ và thợ thuyền, vốn là khách hàng của Quạ, sự bất bình đã dâng lên. Vittorio làm bộ nhún nhường, đôi khi còn nói vài câu khích bác thêm. Những lời bất mãn, chửi rủa lại được dịp cất lên, báo hiệu rằng trong trường hợp nguy cấp, sẽ không có mấy ai đứng về phía đô đốc.

Cuối cùng ai nấy đều phải trả nợ. Mỗi người đều có chút tiền túi giữ khư khư bên mình hoặc chôn giấu ở một cái hốc nào đó. Nhưng vì hòn đảo liên tục bị đào bới và khắp nơi đều đang tiến hành xây dựng nên họ phải để ý thường xuyên kiểm tra lại của nả chẳng đáng là bao của mình. Hơn nữa thật khó đào một cái hốc mà không có người phát hiện, cho nên việc giấu tiền trở thành một hoạt động liên tục, luôn phải đổi chỗ cho an toàn.

Vittorio và Egidio thu gom tiền nợ và để trong một cái túi vải. Chúng ôm khư khư cái túi ấy như sợ bị cướp. Có người không còn tiền thật, thì Vittorio và Egidio bắt họ trả bằng hiện vật, nghĩa là những thứ họ có thể làm ra được. Các bác thợ thủ công bắt buộc phải trả nợ bằng tay nghề của mình. Chúng kiểm vải nhưng đến bắt một ông thợ làm mũ may bốn cái mũ không vành và đã trừ nợ cho ông ta bằng cách ấy.

Mỗi lần như vậy là chúng lại đưa ra những lời kích động. Gặp một thợ thủ công đập đá, chúng nói bóng nói gió:

- Khổ thân chú mày, có nghề thế mà phải đi đập đá,! Thật nhục! Nếu hòn đảo này không bị cai trị ngược đời kiểu ấy thì chú mày đã ăn nên làm ra rồi và những người bên đất liền kia đã giúp chú mày làm giàu rồi.

Tâm trí mọi người bây giờ đều hướng về đất liền, ở đó có rượu cahouin, có đàn bà. Ít ai nghĩ đến chuyện phòng thủ, bảo vệ đảo.

Vittorio tích cực hoạt động. Hắn nói với Egidio trong lúc chúng đến gặp từng con nợ để đòi tiền:

- Phải công nhận là chúng mình làm việc có hiệu quả đấy.

Chúng đã tiếp cận với hầu hết mọi người. Chỉ còn một số lẻ loi phải gặp riêng. Một trong số đó là Quintin. Gặp bác, Vittorio ra vẻ hồ hởi chào hỏi.

- Có việc gì vậy, những người anh em? – ông già sa sầm nét mặt vì không thích gặp kẻ xấu, tuy nhiên ông vẫn nói thế để tự nhắc nhở: dù sao người với người vẫn là anh em.

Vittorio giở giấy ghi nợ, dò từng dòng và Egidio đứng sát bên giúp hắn mặc dù không biết lấy một chữ.

- Quintin đây rồi! Rượu thì không nhưng đàn bà thì bốn cô, ba lần trong một tuần.

Vừa nói, hắn vừa nháy mắt tỏ ý khâm phục:

- Khá lắm.

Quintin, người cứng đờ và gầy đến mức chỉ còn da bọc xương, không tỏ vẻ đồng tình.

- Chịu chơi đấy. Vậy là hết sáu đồng, một hào và hai xu, bác cho xin – Egidio giỏi tính toán hơn Vittorio nên tranh phần tuyên bố.

Quintin thản nhiên như không:

- Tôi không hiểu các anh nói gì.

Rồi ông bỏ đi, nhưng hai tên lưu manh đứng chắn đường:

- Sùyl tiền ra – Vittorio vỗ vỗ vào cái túi hắn mang theo.

Quintin nói nghiêm trang:

- Ta mời mấy người đàn bà đến là để truyền đạo cho họ.

- Vậy tính là tiền dầu đèn cũng được, tùy ông thôi – Vittorio nói mỉa khiến đồng bọn của hắn phá ra cười thích chí

- Các anh đã nghe nói đến sự giải thoát miễn phí chưa?

- Không cái gì là không mất tiền. Tôi đưa đàn bà đến, vậy ông phải trả tiền. Thế thôi. Làm từ thiện cũng phải có tiền chứ... ông muốn câu dẫn ư. Đấy, tôi dẫn cho ông một câu rồi đấy.

Quintin vẫn say sưa với thiên chức tinh thần của mình, ngửa mặt lên trời, nói:

- Ta biết mà, những người con gái ấy đã chịu nhiều đau khổ. Nhưng từ nay họ đã được sách Phúc Âm soi sáng. Ta là người duy nhất, duy nhất, các người hiểu chưa – đem tin lành đó đến với thổ dân. Chứ ngay cái lão thầy tu ấy cũng không thèm ban cho họ một lời cầu nguyện.

Bọn người Venise tỏ vẻ sốt ruột, nhưng vì Quintin đang lục lợi túi nên chúng chờ xem ông có lấy tiền ra không.

- Còn ta, bốn cô gái ấy, ta đã cảm hóa họ đến tận đáy lòng. Bí quyết của ta nằm trong câu nói: Chúa là tình thương mệnh mệnh. Chân lý ấy đã thấm sâu vào tâm hồn họ rồi.

- Chà chà!- Egidio giễu cợt.

Quintin tức giận quát the thé:

- Đủ rồi! Tâm hồn bản thủ của chúng mày không thể làm như nhuốc mọi việc như thế này mãi được!

Và như để kết thúc màn bi kịch này, ông rút phất tay ra khỏi túi, lôi ra theo một vật mà ông muốn tìm: một chiếc khăn tay rộng kẻ ô.

Vittorio tức quá, nhảy xổ tới, kề dao vào cổ ông:

- Có trả tiền không thì bảo.

- Tôi sẽ kêu lên tới đô đốc – Quintin chống lại.

- Bỏ tiền ra!

- Ngài Villegagnon sẽ không tha cho các anh.

- Mắc mẹ lão Villegagnon, lão không tồn tại bao lâu nữa đâu. Trong cơn tức giận, Egidio quát thật to. Một toán lính đi tuần qua nghe tiếng, một

người quay lại. Vittorio vội giấu biệt con dao, nói với lại:

- Tao cho mày nợ đến mai, vào giờ ăn.
- Nhớ: sáu đồng, một hào, hai xu – Egidio nhắc.
- Nếu không thì...

Vittorio làm hiệu cắt tiết một con vật. Rồi chúng bỏ đi. Quintin phân vân đứng im rồi vội đuổi theo chúng. Ông gọi với:

- Nếu các anh gặp mấy cô gái ấy trước tôi thì hãy bảo họ trở lại nhanh nhanh nhé!... Và bảo họ là tôi yêu quý họ...

Bọn người Venise rào bước nhanh hơn để chóng thoát nợ.

*

* *

Những cơn dông liên tiếp ập xuống như đe dọa khu vịnh bé nhỏ. Mây đen phủ lên ngọn núi hình cái bánh ngọt, khiến nó thật lạnh lẽo âm u. Cây cối nặng trĩu nước mưa lấp lánh trong bóng tối, như vụn kính vỡ. Mặt biển màu tím thẫm im lìm không một gợn sóng, hiện tượng này khá hiếm hoi, chắc chắn không thể kéo dài được. Villegagnon bồn chồn đi đi lại lại trong dinh, dịch chuyển đồ đạc nhất là sách vở, tùy theo nước từ trên mái dột xuống. Từ khi ông làm căng với người ở phía bên kia, trên đảo ngự trị một sự im lặng đáng sợ. Ban ngày, công việc tiến triển uể oải hơn trước, không còn nghe thấy tiếng búa tạ và lưỡi xới nữa, công nhân tùm nhau lại thì thào. Sà lúp không qua lại giữa hai bờ nữa. Ban đêm, toàn khu lán trại yên ắng. Sấm có nổ đùng đùng cũng không phá tan được sự im lặng đáng sợ. Không gian vang rền tiếng sóng từ ngoài khơi vọng vào, âm ỉ hiểm họa không biết từ trên trời xuống hay từ dưới đất lên.

Villegagnon đã tạm ngừng các buổi dạy Just đấu kiếm vì nhiều lần họ đã phải bỏ dở giữa buổi tập, mỗi khi mưa đổ xuống. Ông vô cùng lo lắng cho đồng sách quý giá và lúc nào cũng muốn chúng phải nằm trong tầm mắt của

mình, nên không cho mang ra ngoài nữa, Just và Colombe muốn xem thì được phép đọc tại chỗ. Sự có mặt của hai bạn trẻ chăm chú trên trang sách làm dịu đi phần nào sự bồn chồn của ngài đô đốc. Ông vẫn cứ liên tục vừa quan sát chân trời vừa bước đều quanh nhà.

Bản tối hậu thư do Villegagnon đưa ra còn bốn ngày nữa hết hạn thì một buổi chiều, bỗng có một người nhỏ nhắn, trông hơi khác thường, chặn Just lại trong lúc chàng đi lên công trường để đôn đốc công việc. Hắn đang cầm chiếc xẻng cuốc đất, nhưng xem ra từ sáng chưa làm được việc gì. Chung quanh hắn toàn bùn nhão, đá đổ ngổn ngang, nói chung là cảnh bình thường của đồn binh từ khi có đợt mưa. Đợi Just đi ngang tầm, hắn khẽ gọi:

- Cậu Clamorgan!

- Phải, tôi đây.

- Cậu làm giúp tôi một việc này được không?

Giọng nói không có vẻ gì xảo trá, nhưng cũng cầu tài như những người làm dịch vụ cung ứng hàng cho các nhà giàu:

- Thưa, tôi vốn là thợ làm mũ.

- Thế mà, cậu xem đây...

Hắn chìa hai tay nhem nhuốc, quần áo rách rưới và cẳng chân dầm trong bùn:

- Những lúc rồi, tôi tranh thủ may được bốn chiếc mũ nhưng, do người từ bên kia đặt làm. Họ bảo muốn giao hàng cho họ thì cứ nhờ cậu.

- Vậy họ ở đâu?

- Ở bên đất liền.

Lúc này là một khoảng thời gian hiếm hoi trong ngày mà mặt trời chiến thắng được mây đen, nó đã trở lại sục sạo khắp vịnh, giống như một người

đi chơi tha thẩn quay về nhà để tìm một vật mà ông ta quên không mang theo. Một làn hơi bốc lên ở xa xa, phía các ngọn thác, nơi họ thường xuyên mang thùng đến lấy nước. Tiếng vệt a-ra thỉnh thoảng lại tấn công vào không khí im ắng.

- Cụ thể là ai? – Just hỏi.

- Tôi không biết, người ta dặn thế.

Có vẻ người này nói thật. Đằng sau chuyện này có gài bẫy gì đây? Một mình đi sang bên kia là nguy hiểm. Nhưng nếu không đi, có thể lỡ một dịp tiếp xúc, thương lượng. Villegagnon chắc chắn không chịu. Nhưng có lẽ chính vì thế, người ta mới nhờ Just làm trung gian.

Bờ biển được kiểm soát rất ngặt không cho thuyền bè nào qua lại nên không có lý do nào không có lính bảo vệ. Anh thợ mỏ nói:

- Đêm nay, hễ trăng mọc, sẽ có một thuyền thổ dân đi dọc bờ biển, chỗ bãi đá đối diện phía tây. Nó sẽ chở cậu đi.

*

* *

Con thuyền, làm bằng thân cây đót cho rộng, chứa mười người. Trong tối, Just lặn trên mép dải đá ngầm đã đến chỗ cùng mặt bằng với con thuyền nên chèo xuống một cách dễ dàng và đứng vào giữa. Tay chèo gồm cả nam lẫn nữ, tất cả đều trần truồng không một e lệ và mặc cho tiết trời ban đêm hơi lạnh. Những ánh chớp vạch lên những đường nhì nhằng về phía tây.

Just chỉ báo cáo với Villegagnon rằng chàng đi dạo chơi ngoài bãi. Nhưng với Colombe thì gây go hơn. Colombe phản đối dữ dội vì nàng cảm thấy có gì đó bất thường. Just đành phải thú thật việc mình sắp làm nhưng lại phải thuyết phục mãi, nàng mới không đòi đi theo anh.

Ánh trắng mờ mờ giát vàng lên mặt nước, bị mái chèo đánh tan. Từ hồi đi cùng Villegagnon lên thăm làng Anh điền, Just chưa ra khỏi đảo. Ở đây chàng đã thuộc lòng tất cả chi tiết của công trường xây dựng, nắm rõ kế hoạch thiết lập nước Pháp Nam cực tương lai, cả dự kiến táo bạo của Villegagnon xây dựng ở đây một thành phố, thậm chí một triều đình. Đứng từ con thuyền mỏng manh này nhìn lại trong cái hiu quạnh bao la của vùng vịnh, chung quanh là những thổ dân trần truồng như thời cổ sơ, Just mới thấy hết quyết tâm của Villegagnon. Tham vọng của ông thật là siêu phàm. Ước mơ về một nước Pháp xa xôi ấy chỉ có thể coi là đáng kính phục hoặc điên rồ. Với những dụng cụ thô sơ, Villegagnon dám chặt đổ vào thiên nhiên hoang sơ với niềm say mê của người nghệ sĩ đứng trước khối đá lớn để tạc nên bức tượng của Đức Mẹ. Trong nhiều lần trò chuyện về nước Ý, về nghệ thuật, về những luồng tư tưởng mới phê phán những sai lầm của Giáo hội, ông ta thường dùng cách so sánh ấy trước mặt Just. Nhưng đây là lần đầu tiên chàng mới hiểu.

Thuyền đi nhanh, chỉ một lát sau, họ đã nghe thấy trong đêm tối, tiếng sóng vỗ nhẹ vào bờ cát. Just đã lội xuống nước, đi vào bờ. Có tiếng huýt sáo từ trong bóng cây um tùm. Chàng hướng vào đó mà tiến, bỗng thấy một bàn tay nắm chặt lấy mình. Just đã giắt sẵn con dao ở thắt lưng. Chàng vội đưa tay nắm lấy cán.

- Yên tâm, không có gì đáng ngại.

Just nhận ra giọng nói khàn khàn của Martin. Chàng đi theo hắn tới một khu lán trại, vào căn lều nhỏ có ngọn đèn dầu vàng ệnh. Họ ngồi xuống những thớt gỗ. Martin đưa rượu cahouin và nước hoa quả ra mời. Hắn đích thân đi múc hai bát đầy một thứ nước gì trong trong, có mùi dứa, đựng trong một cái vỏ bằng đất.

- Người ta tưởng cậu chết rồi – Just nói, vừa mừng gặp bạn vừa cảm thấy ngượng ngập.

- Họ mong tớ chết sớm quá đây...

- Vì toán lính đi về hướng bên kia đều bị giết.

- Mình biết. Nhưng ai dại gì mà đuổi theo bọn anabaptit. Chúng tớ lĩnh luôn đến các cơ sở Noóc-măng. Cho nên toàn của tớ lúc này đều sống nhăn răng.

- Vậy sao cậu lại trở về?

Martin ngáp ngừng một lát như để nghĩ nên nói thế nào:

- Cậu nghĩ mình có thể bỏ rơi bạn hữu ư?

- Bạn hữu nào?

Martin đập tay lên đùi:

- Bạn hữu nào! Chết chưa! Đây, người ta nhớ ơn mình thế đấy. Tao băng rừng về đây để tìm mày, mà mày lại hỏi bạn hữu nào!

- Cậu về vì thế thật?

Just ngờ ngợ ý đồ của Martin, song vẫn muốn tin vào lòng tốt của con người, nên không chịu bỏ lỡ bất cứ cơ hội nào chứng minh điều đó. Martin cụp mắt xuống để che giấu ánh mắt mình. Hắn không thích những thắng lợi quá dễ dàng, nhất là bằng thủ đoạn lừa thầy phản bạn. Martin hỏi:

- Thằng em trai cậu đâu?

- Trên đảo.

- Tốt, nếu tao cử thuyền về đón, nó có theo mày sang đây không?

- Sang đây, rồi đi đâu?

- Thế các cậu không muốn về Pháp nữa à? Tớ đã thuộc đường đi tới các cơ sở Noóc-măng. Đến đây, các cậu sẽ tự do.

Một thoáng, Just hình dung ra lâu đài Clamorgan, xứ Normandie tươi tốt, những cánh đồng nước Ý đầy thông và ôliu.

Martin giục:

- Trả lời tao thật sớm, nếu có phải đi ngay, cùng lắm là ngày mai. Tao đã thương lượng dành mấy chỗ trên một con tàu mười ngày nữa sẽ nhổ neo, mà từ đây đến đấy phải đi mất tám ngày đường.

Just lúng túng, cảm thấy khó xử. Chàng chưa bỏ mộng về Pháp, song không muốn bị coi là bỏ trốn. Chàng tin vào Villegagnon, có thể thẳng thắn xin ông ấy cho về đảng hoàng. Nếu Colombe đồng ý, có thể đi ngay chuyến tới, chỉ vài ngày nữa là nhổ neo. Không thể bỏ đi như một kẻ phản bội. Chàng nói:

- Chúng tớ muốn ở lại.

Mặt Martin đanh lại. Hắn muốn tóm lấy Just đánh cho một trận vì những ý nghĩ vớ vẩn, làm bộ làm tịch. Hắn đã định nói toẹt ra là hai anh em Just không còn cách lựa chọn nào khác và nếu từ chối bỏ trốn thì... Cuối cùng hắn nói:

- Tao cho mày suy nghĩ đến chiều mai. Nếu thay đổi ý kiến, hãy cầm đèn hiệu bật lên ba cái ở mỏm tây.

- Thế cậu không về đảo trình diện ông Villegagnon ư?

Câu hỏi quá ngây thơ, Martin nhún vai không trả lời. Hắn bắt tay Just, tiến ra tận mép nước. Lúc quay về lều, hắn đã thấy Quạ đứng đó. Tên này nói:

- Thế là công toi.

- Dù sao – Martin làm bầm như nói với chính mình – thế là mình hết nợ với hắn. Hắn đâu đã cứu sống mình, chỉ nhờ hắn mà mình được tự do.

CHƯƠNG 10

Trong đội cận vệ Xcôtlen của Villegagnon, có anh lính Rupert Melrose, đã đi theo phục vụ ngài đô đốc từ tám năm rồi. Lòng tận tụy ấy bắt nguồn từ một sự tình cờ kỳ lạ mỗi lần nghĩ tới Rupert không khỏi bồi hồi đến rung rung nước mắt.

Đó là cái thời mà công chúa Marie Stuart mới sáu tuổi mà gần như đã bị gả bán tới hai lần. Hoàng đế nước Anh muốn có nàng làm vợ, hòng chiếm đất Xcôtlen. Mặt khác vua Henri II nước Pháp lại nhắm nhe chọn nàng làm vợ cho thái tử con mình: bằng cách ấy ông nghĩ sẽ cứu được phái công giáo ở Xcôtlen. Lúc đó nàng công chúa bé bỏng cùng mẫu hậu đang bị giam lỏng tại lâu đài Dumberton và bị các tín đồ tin lành giận dữ nổi lên phong tỏa.

Rupert bấy giờ chỉ là lính trơn đến từ vùng cao nguyên Ecôt, nằm trong đội quân công giáo tuần tra quanh những bức tường thành dọc sông Clyde. Như mọi đồng đội khác, anh ta rất yêu quý nàng công chúa nhỏ tóc nâu. Mỗi sáng khi nàng đi dạo trên sân thượng tòa thành, Rupert đều dõi theo triu mến. Mới còn bé như vậy, thơ ngây như vậy mà đã là trung tâm của biết bao mưu mô chính trị, Rupert thật không thể hiểu. Dưới trời ẩm áp tháng Năm, nhìn nàng đi dạo dưới đôi cánh tay trần mà vẫn trang nghiêm, Rupert thầm nhủ sẽ sẵn sàng bảo vệ cái kho báu trong trắng đó dù có phải chết ngàn lần.

Than ôi, vòng vây kinh khủng của lũ tín đồ Luther tiếp tục siết chặt. Mùa đông tới, lâu đài chắc sẽ khó lòng giữ vững. Trước viễn cảnh bi thảm đó, thì mùa xuân cuối cùng dù đầy hoa nở rộ này vẫn buồn thảm hơn bất cứ mùa xuân nào trên đất Xcôtlen từ trước tới nay.

Ngoài việc ngắm nhìn nàng công chúa nhỏ, Rupert chỉ mê một thú vui khác, đó là thổi kèn túi. Từ trước tới nay, anh vẫn hài lòng với nhạc cụ của mình. Anh đã học thổi nhiều giai điệu bằng cách nhìn ông chú bấm ngón và thổi với anh, không gì du dương bằng một cuộc song tấu kèn ống quyền xư Bơ-ta-nhơ, đệm bởi các ống phát âm trầm ở kèn túi, song anh bàng hoàng

khi nghe viên lãnh đội cảnh báo: công chúa không ưa nghe tiếng kèn túi i eo, thậm chí nàng còn ghê sợ coi những âm thanh ấy là tiếng báo điềm gở. Vậy là anh được lệnh không được thổi kèn trong những giờ nghỉ rỗi rãi của mình, nếu muốn thì phải đi ra mỏm núi thật xa kia mà thổi, để cho gió lộng cuốn bay đi ra biển khơi, không cho tiếng nhạc vọng tới lâu đài.

Tất cả binh lính đều nghe đồn vua nước Pháp đang phái một hạm đội mạnh tới giải thoát cho hai mẹ con công chúa. Song về thủy quân, xưa nay người Anh vẫn là bá chủ. Đô đốc Strozzi, người chỉ huy hạm đội Pháp, khó lòng mon men tới Xcôtlen, trừ khi chấp nhận một cuộc đụng đầu quyết liệt trong đó thuận lợi không nghiêng về phía Pháp. Còn thì không có cách nào khác để bẻ gãy hàng rào phòng thủ của quân Anh.

Số quân thần người Pháp theo hầu hai mẹ con công chúa ngày đêm chĩa ống nhòm về phía tây nam ngóng đợi. Nhưng không thấy bóng vía Strozzi.

Các chùm hoa đậu tía màu lơ bò cao khắp mặt tiền tòa lâu đài, rừng liễu đã lóng lánh những lá non nõn nà, cây sồi dẻ đã nhú lên những nụ xanh xanh. Trên phím đôi tạo âm trầm của kèn túi, Rupert diễn tả niềm hân hoan của thiên nhiên bằng nhạc nền bi thảm toàn âm thấp và ảm. Anh đứng thổi kèn trên một mũi đá hoa cương nhô ra biển ở phía đông thành, nơi người ta không nhìn thấy anh, sóng đánh liên tục dưới chân. Chính ở nơi đó, vào một buổi sáng giữa tháng Năm, anh đã gặp một chuyện bất ngờ sẽ ảnh hưởng đến cả cuộc đời sau này của mình.

Ba chiến thuyền có những tay chèo hết tốc lực vun vút rẽ sóng nước. Biển lặng, chúng nhanh chóng đến gần. Rupert nhìn rõ các cờ hiệu: tàu của Pháp. Anh tưởng mình hoa mắt, vội ngược nhìn về phía mặt trời để định hướng. Thật lạ: nhưng không thể sai: những chiến thuyền kia rõ ràng từ hướng đông bắc tới, dù chuyện đó thật khó tin.

Rupert vội ôm kèn trong tay, chạy về lâu đài báo động. Bọn trẻ đang chơi đùa trên sân thượng: Marie Stuart cùng ba bạn gái: Seton, Fleming và Livingstone. Chúng lao ra lan can, ở phía đối diện với phía mà bao lâu chúng vẫn chờ đợi. Ba cổ chiến thuyền – mà nay đã nghe rõ tiếng trống hiệu – đã ghìm tốc độ để chuẩn bị cập bờ. Lính Pháp cũng như lính Xcôtlen quá ngỡ ngàng, nghĩ đây là mẹo đánh lừa của địch, vội chĩa hết nòng súng

về phía những con thuyền. Song thuyền càng áp mạn, càng nhìn rõ những toán lính đứng trên boong vẫy mũ, vung gươm tỏ vẻ hoan hỉ. Chiếc thuyền đầu tiên chạm bến, đổ xuống bờ một toán lính Pháp ào ào chạy tới. Dẫn đầu là một người cao lớn như hộ pháp, vẻ mặt hớn hởi, mắt đỏ hoe, áo trước ngực in hình thập tự dòng Malte. Ông ta chạy thẳng đến chân thành. Trong khi chờ cửa mở, ngài hiệp sĩ quay mặt lại trước ba quân, lệnh cho họ quỳ xuống rồi đọc một bài kinh bằng tiếng la tinh với giọng oang oang vang động các vách đá. Đến cửa trong lỗ cũng phải bò ra để chứng kiến giờ phút lịch sử này. Cuối cùng, cổng thành nặng nề mở, và nhiếp chính hoàng hậu xuất hiện. Nicolas Durand de Villegagnon lập tức quỳ gối xuống đất, trình trọng xưng tên mình trình diện.

Rupert đứng trên tường thành cao chứng kiến toàn bộ cảnh tượng đó. Lần đầu tiên anh nhìn thấy con người táo bạo đã chỉ huy đoàn tàu này. Thì ra Villegagnon đã thuyết phục đô đốc Strozzi để mình ông làm cái việc mà trong lịch sử chiến binh từ trước đến nay chưa ai làm: đó là dẫn hạm đội đi vòng Xcôtlen về phía bắc, len lỏi giữa các hòn đảo Bắc cực để tránh sự tuần tiễu của thủy quân Anh. Và ông đã làm được kỳ công đó nhờ một bản đồ do gián điệp lấy cắp được của người Anh.

Hai mẹ con nữ hoàng cùng quần thần lên thuyền ngay tối hôm đó, và Vileegagnon có vinh dự vô biên được đưa hai ngón tay dài ngoẵng ra để nàng công chúa bé nhỏ bấu vào bước xuống tàu *Réale* an toàn. Vài hôm sau, nàng đã cập bến Morlaix, ở bờ biển miền Bắc nước Pháp.

Chuyện đó là từ năm 1548. Giờ đã là 1556, suốt thời gian ấy Rupert không rời Villegagnon nửa gót. Anh nằm trong đội cận vệ Xcôtlen của đô đốc, và lại ở trong tổ gần gũi nhất thay nhau canh gác trước phòng của ngài. Ai muốn đụng tới Villegagnon thì phải bước qua xác anh trước.

Lòng trung thành đã trở thành quán tính: cứ được đi theo chủ là Rupert cảm thấy hạnh phúc, dù ở Brésil hay bất kỳ đâu. Chỉ một điều gợn nhỏ: giống Marie Stuart, Villegagnon không ưa tiếng kèn túi: mỗi lần muốn chơi, anh đều phải tìm nơi xa.

Hôm đó Rupert có trách nhiệm áp tải chiếc sà lúp sang bờ bên kia lấy nước nên tranh thủ cơ hội mang kèn đi theo. Còn hai ngày nữa là hết hạn

quy định của bức tối hậu thư Villegagnon gửi Quạ. Bờ biên vắng lặng, cảnh vật im lìm.

Rupert không phải là người giàu trí tưởng tượng. Yên tĩnh tức là yên tĩnh và không cần phải xem xét kỹ làm gì cho mất công.

Các thủy thủ neo thuyền trên bến nổi dựng đôi diện với dòng thác và vùn các thùng to xuống để hứng đầy nước, Rupert lảng đi theo rặng dứa theo phía tây. Từ đây vẫn có thể nhìn rõ con thuyền, vậy là anh không lơ là nhiệm vụ canh chừng. Nhưng anh không cưỡng lại được thú vui nho nhỏ là ra tận nơi có con cá voi bị mắc cạn. Con vật to lớn ấy bị phơi nắng không biết bao lâu rồi mà da nó đã khô cong và bắt đầu nứt nẻ. Búi vào tấm lược ở miệng nó có thể dễ dàng trèo lên đỉnh đầu. Rupert thích ngồi trên đó, trên cái khối đen đen giống như một tảng đá ấy, ngắm cảnh vịnh. Anh cố tình lơ ngộn núi giống cái bánh ngọt rất dễ nhận ra ấy để tưởng tượng mình đang ở Xcôtlen. Mùa này, ở đây cũng có những màn sương mù tối như mùa hè quê anh. Rupert bắt đầu thổi một giai điệu của vùng Aberdeen ở Biển Bắc, xuất xứ từ một bài hát xương của trẻ em.

Phải mất nhiều thời gian mới vùn lại những thùng nước lên thuyền. Từ ngày đôi bên căng thẳng, thủy thủ phải tự làm hết, không có thổ dân giúp sức. Khi mọi người chuyển được thùng cuối cùng lên thuyền thì trời đã tối.

Rupert thấy trong người thật thoải mái, lâng lâng vì đã có một buổi thổi kèn thỏa thích. Anh đã nhả miệng kèn và đang định tháo ra thì bất chợt có một đôi tay khỏe như gọng kìm kéo giật anh ngã ngửa. Hình ảnh cuối cùng mà anh còn thấy được là một cái hoa lơ trắng ngần, to tướng trên bầu trời mà chắc anh sẽ chẳng bao giờ được ăn nữa. Cùng lúc đó, một lưỡi dao sắc ngọt cắt đánh xoẹt một cái, cửa đứt cổ họng anh.

Đêm đã tối đen khi từ sà lúp các thủy thủ huýt sáo gọi Rupert về. Mãi mới thấy anh lính Xcôtlen chậm chạp đi tới, đầu gần như trùm kín trong tấm áo choàng vải dày. Trăng chưa lên, anh thủy thủ cầm lái chỉ có trong tay chiếc đèn đỏ quạch. Người mà ai nấy tưởng là Rupert lại ngồi ở đầu kia, trong bóng tối. Suốt quãng đường về, không ai nói câu nào, vừa mệt mỏi, vừa chán ngán vì từ nay sẽ hết được tiếp tế cả rượu cahouin lẫn con gái.

Phía bên đảo cũng tối mò; có bao nhiêu nến đã dùng phung phí thời gian đầu nên cuộc sống chỉ trông vào ánh sáng trời cho được chút nào hay chút ấy. Trong những đêm không trăng không sao như đêm nay, cứ mặt trời lặn là ai nấy đi ngủ sớm. Đám thủy thủ chèo thuyền, xong việc về ngay chỗ ngủ, còn tên Rupert giả mạo, có vẻ thành thạo đường lối, đi thẳng đến chỗ đội gác. Một chiếc đồng hồ nước đặt trên giá cho phép người lính gác ở cửa phòng đô đốc có thể biết khi nào hết phiên trực, nhờ ánh sáng một cây đèn nhỏ. Lật ngược chiếc đồng hồ nước đến lần thứ hai rồi, anh ta ngáp dài, đứng dậy đi gọi “Rupert” ở chỗ đội gác. Việc đổi gác diễn ra nhanh chóng và lặng lẽ, vì một anh thì đang buồn ngủ, anh kia lại đang ngái ngủ.

Và thế là vào lúc một giờ đêm, trong y phục cận vệ Xcôtlen, Martin đã có mặt ở cửa phòng Villegagnon đứng theo kế hoạch. Chờ cho ánh trăng mờ mờ đủ soi sáng qua cánh liếp thưa và thăm cầu khẩn thần của bọn ăn trộm mà hấn tin tuyệt đối phù hộ cho, hấn từ từ đẩy cửa phòng.

Kế hoạch của bọn thổ phỉ khá đơn giản: cô lập Villegagnon, rồi hạ thủ. Bước một của chương trình đã hoàn thành. Phần lớn dân đảo đều chán nản và bất mãn vì công việc quá nặng nhọc. Bao oán hận đều đổ lên đầu vị hiệp sĩ xứ Malte, mà tội lớn nhất là đã cấm chỉ những thú vui duy nhất còn lại của họ. Trong cuộc đối đầu giữa đô đốc và những kẻ ở đất liền, tất nhiên họ sẽ đứng về phía những người sau. Họ thêm muốn tự do, cuộc sống nhàn nhã ăn chơi của bọn kia và, trong hoàn cảnh xa lạ ở vùng nhiệt đới này, họ tưởng đó là hạnh phúc lý tưởng nhất, lớn nhất và duy nhất. Trường hợp bên phía đất liền có tấn công thì có thể họ sẽ đứng trung lập và rất có thể họ sẽ đứng về phía những kẻ gây hấn hơn là phía đô đốc.

Còn lại số binh lính. Phần đông họ đã mệt mỏi, mất tinh thần, ngoại trừ đám cận vệ Xcôtlen có vẻ tận tụy đến cùng với chủ. Tuy nhiên từ những người dũng cảm nhất cho đến những kẻ đã mất tinh thần, bọn này theo đúng nghiêm lệnh nhà binh, làm gì cũng phải chờ lệnh. Vậy ngay từ đầu, phải cất cô kẻ ra lệnh.

Martin lĩnh trách nhiệm quan trọng này: hạ sát vị tư lệnh tối cao của đảo; mọi việc sau này sẽ tùy thuộc vào đó. Lúc này hấn đã đứng cách giường Villegagnon hai bước. Giường có rèm che. Trên đầu một cột giường, còn thấy cái đầu võng mắc ngang. Cứ để thế mà đâm qua rèm, hay

mở toang rèm ra, là một thể đôi ngả của kẻ sát nhân mà Martin chưa nghĩ tới trước. Bọn gái điếm ở cảng thường nói có hai loại đèn ông: loại để đèn sáng khi làm tình, và loại thích tắt hết đèn đóm. Hắn thì chẳng cần rắc rối vậy, có thể nào hưởng thế. Ý nghĩ ấy làm hắn mỉm cười trong tối, và vì hắn thích đường hoàng, lần này hắn chọn cách mở rèm đánh soạt.

Trên võng không có người.

Hắn cuống lên nhìn vào trong giường và cả dưới gầm giường, nơi đồ đạc cất giấu kho báu, theo kế hoạch thì hắn phải lấy được kho báu ấy sau khi giết đồ đạc. Nhưng chiếc hòm nhỏ không có ở đó. Hắn giật tung chiếc mũ chụp đầu làm hắn nghệt thở, và vốn vẫn hết sức tỉnh táo những lúc gay cấn nhất trong một cuộc đột kích, hắn giờ đèn soi khắp phòng. Không một bóng người, đúng là hắn sa bẫy rồi. Đã đến lúc phải thu hết can đảm hành động theo linh tính. Không làm được thích khách thì đành làm kẻ cắp: hắn vớ vội cái khung mạ vàng của bức tranh nhỏ lấp lánh trên bàn, bỏ vào túi rồi chạy ra ngoài. Khốn thay, nhìn thấy hắn cầm đèn đứng trước cửa, đồng bọn của hắn phục bên ngoài lại tưởng hắn ra hiệu lệnh tấn công như quy định. Một mối lửa lập tức được tung lên mái lá nơi trú của các hiệp sĩ xứ Malte, cháy bùng bùng. Quạ Mồ chỉ huy đoàn quân tấn công xả súng vào các gian nhà bốc cháy. Thực ra chúng chỉ có ba khẩu súng hỏa mai, hai do số lính đào ngũ chuyển cho Martin, một do Egidio lấy cắp được. Song với kiểu đánh bất ngờ này, chúng tin là sẽ giải quyết được vấn đề. Thực tế là đám vận vệ Xcôtlen đang ngủ, cuống lên không kịp vớ vũ khí, cứ trần trụi trực mà tháo chạy lung tung, làm mỗi ngon cho sung đạn.

Phe tấn công tưởng đã thắng lợi hoàn toàn. Nhưng Martin không tin là thắng nhanh đến vậy. Có điều kì lạ: căn nhà của các hiệp sĩ bốc cháy song tình không một tiếng kêu la, cũng không một ai chạy ra ngoài.

Trừ tiếng lửa cháy lép lép, không gian lặng như tờ. Những ánh chớp nhấp nháy đàng đông làm nổi rõ hình bóng quả núi giống cái bánh ngọt trông có vẻ đầy đe dọa. Martin linh cảm mình bị sa bẫy. Hắn hít hít không khí như con chó săn và bất giác ném đèn xuống đất vỡ tan. Vừa lúc ấy, từ công sự phía trước vút qua một viên đạn, nhưng do ánh sáng tắt phụt, nên Martin không bị dính.

Nhiều phát súng khác tiếp theo, và trong đám quân đánh úp nổi lên những tiếng kêu la do trúng đạn.

Martin lập tức hiểu rằng kế hoạch của hắn đã bị lộ, và Villegagnon đã tương kế tựu kế đưa chúng vào bẫy. Phe phòng thủ nấp trong đồn lúc này xả súng như vãi đạn. Có tiếng ngã, tiếng chạy hoảng loạn. Lính Xcôtlen lợi dụng lúc đó mặc vội quần áo, xông ra tham chiến. Từ trên đồn, quân của Villegagnon ào chạy xuống bãi biển để chặn đường rút của đối phương. Giữa trận tiền vang lên tiếng đô đốc thúc quân.

Kế hoạch của Quạ và Martin chỉ đúng ở phần đánh giá thái độ của các thành phần dân sự trên đảo: tất cả thợ thuyền đều nằm im trong lán trại, nhìn xem mà không tham gia.

Các thuyền chở quân của Quạ cắm neo ở hai nơi, một ở phía nam của bãi biển, một ở đầu kia của vịnh, giữa các kè đá. Lũ thua trận chạy toán loạn và nhẩy đại lên thuyền làm thuyền chòng chành chực đắm; cả bọn chèo thuyền lẫn bọn chúng, trong đó có những tên bị thương, kêu la rầm trời.

Martin tìm cách thoát khác. Biết mọi việc đã hỏng, hắn trở lại với phương châm cổ hữu: ai chết mặc ai, cứu mình trước đã.

Hắn đi về bên sà lúp, nhưng vệ binh Xcôtlen đã có mặt ở đó trước rồi. Hay nhẩy xuống nước bơi về? Đã nhiều lần hắn tập bơi để phòng những khi cần trốn. Song nhìn thấy bờ bên kia khá xa, hắn không dám.

Chỉ còn một lối: đi ngược lên dinh thống đốc, rồi băng ngang giữa công trường xây đồn và công sự phía bắc. Nhưng hắn vừa đi đến chỗ quanh thì một bóng đen, tay cầm kiếm, vụt xuất hiện. dưới ánh lửa của đám cháy gần đó, hắn nhận ra Just. Just nghiêm giọng ra lệnh:

- Đứng im!

- Ô, Clamorgan đấy à – Martin cố giữ bình tĩnh – Sao lại chĩa kiếm vào tớ. tránh ra cho tớ đi. Nên nhớ là tớ đã định cứu cậu.

- Mi muốn kéo ta ra xa thì có.

- Và thế là đúng, vì tớ thấy cậu có vẻ sẵn sàng đánh nhau chết thôi để phục vụ chủ mới.

Just vẫn cảnh giác, giữ thế phòng vệ. Martin tiếp:

- Trước đây cậu vẫn muốn có một trận đấu tay đôi công bằng. Nhưng lúc này không phải như thế.

Hắn đã nói trúng điều làm Just bận tâm. Martin thấy chàng liếc nhìn nhanh chung quanh, liền cười gằn:

- Cậu định tìm vũ khí cho tớ sao?

Trong khi Just còn lung túng, hắn nhảy chồm sang một bên. Just xông lên, vung kiếm nhưng đánh trượt, quay người lại. tình thế vẫn như cũ, có điều lúc này Martin không tựa lưng vào tấm liếp cọ nữa, mà đứng giữa bóng tối mênh mông.

- Người ta nói sáng nào cậu cũng tập kiếm với Villegagnon. Cho nên dù bây giờ tớ có cầm kiếm, thì hai bên vẫn không cân bằng... ngài quý tộc ạ.

Làm bộ cúi chào thật thấp, Martin thông tay xuống đất vốc một nắm cát ném vào giữa mặt Just. Bị tối tăm mặt mũi, chàng trai bỏ lỏng kiếm, lấy tay kia ôm mặt. Lập tức chàng cảm thấy bị nắm đấm của Martin thúc vào bụng, ngã lăn xuống đất.

Loáng thoáng nghe thấy tiếng Villegagnon quát tháo om sòm và bước lại gần. Rồi có những bàn tay xốc chàng lên, hình như là Colombe. Và tiếng ai đó phàn nàn là đã để Martin xổng mất.

*

* *

Rạng sáng, người ta bắt đầu kiểm điểm số người bị bắt, bị thương và chết. Số chết thì rõ ràng: ngoài Rupert mất tích, ba binh sĩ khác qua đời. Về

phía bọn cướp, một tên chết vì đạn, hai tên chết đuối không kịp lên thuyền về. Hai binh sĩ bị thương nhẹ. Ngoài ra trên sân đất đối diện dinh thống đốc, bốn tù binh bị xích chặt vào cột, trong đó có Quạ, Vittorio và Egidio. Tên thứ tư có bộ mặt đỏ nhàng đỏ nhít, răng sứt, xấu như con cú vọ.

Just được đưa lên phòng của đô đốc, có Colombe sẵn sóc.

Đã đến giờ đọc kinh buổi sáng. Villegagnon cho người đi tìm Thevet, thấy ông ta hãy còn nấp ở một xô bể nước, dưới tường thành công sự phía nam. Lão vẫn run cầm cập, thú thật cả đời chưa bao giờ sợ đến thế. Viện có là cần lấy lại bình tĩnh, Thevet liên tục rít một điều thuốc lá cuộn to dùng mà lão vẫn tuyên bố là để dành cho những dịp quan trọng.

- Nào, ông có cử hành lễ cầu nguyện không thì bảo – Villegagnon sẵn giọng.

Mặt Thevet vẫn còn ngơ ngắc, lão đáp:

- Tôi đã quyết rồi. Cho tôi về Pháp.

Villegagnon nghĩ thầm, nhà thông thái này là một gánh nặng của ông hơn là một phụ tá đắc lực. Ông cũng lấy làm tiếc, tất nhiên, là đám con chiên sẽ phải chịu thiếu người dẫn dắt về tinh thần nhưng nhà bản đồ học khốn khổ này có làm được việc gì khác ngoài chuyên môn của mình đâu?

- Ngài nghe rõ chưa, – thấy Villegagnon không phản đối kiên quyết, Thevet tự nhiên lấy lại được can đảm và the thé nói. – Tôi yêu cầu được về ngay theo tàu *Grande-Roberge*.

Villegagnon liền cười nhạt, nhẹ nhàng đáp:

- Cha muốn đi ngay hôm nay cũng được. Không có cha cũng không sao.

Rồi ông quay lại hỏi thăm Just. Chàng trai đã ngồi dậy và ăn bát cháo đậu.

- Cháu đã khá chưa? – ông hỏi.

Just ra hiệu đã đỡ.

- Tốt lắm! Cháu chiến đấu rất tốt, ta có lời khen.

Colombe ông lấy anh. Có ai ngờ đâu bãi biển này là nơi hai anh em trải qua cơn thử lửa. Lúc này trông Just đẹp hơn lúc nào hết với đôi mắt thâm quầng do thiếu ngủ, nước da hơi xanh, và vẫn cái tư thế hiên ngang đàng hoàng của một người đàn ông thực sự.

Muốn làm cho xong việc để còn đi nghỉ, Villegagnon bước ra ngoài sân, đến đứng trước lũ tù binh. Ông nói với Quạ:

- Kế hoạch của mày suýt thành công đấy. Nhưng bộ máy nào dù tinh vi cũng có trục trặc. Nếu không có cái lão ngổ đến xin cho ta được kết hôn với bốn mụ đàn bà do mày bán cho, thì tao đâu có biết chuyện. Nhân đây – Villegagnon quay lại nói với Gonzagues – có thể cho lão ra khỏi nơi ẩn nấp được rồi. Các ngài đây chắc không làm gì lão được nữa.

Gonzagues liền bước thấp bước cao đi đến cái hầm đào dưới chân công sự, nơi Quintin được đưa vào ẩn.

Trong khi đó, Villegagnon ra các phán quyết. Nhìn vào mắt Quạ, ông nói:

- Mi sẽ bị treo cổ. Còn mi – ông nhìn sang đứa bên cạnh – mày đã đâm chết một binh sĩ của ta. Treo cổ nốt!

Ai nấy chăm chú nhìn bọn cướp để xem chúng phản ứng ra sao? Hèn hạ van xin hay điên cuồng lồng lộn, những trò ma mãnh mà chúng rất tài giỏi. Từng tên lần lượt tỏ thái độ khác nhau: đứa thì hoảng sợ, rũ người ra, đứa thì ra vẻ khinh bỉ, ngạo mạn, giả ở hoàn cảnh khác thì mọi người sẽ thấy khá khôi hài. Rồi, chắc nhận ra rằng Villegagnon không thay đổi quyết định, tên Quạ liền nhổ toẹt về phía đô đốc một bãi đờm, nhưng quá gần nên chỉ rơi xuống cát. Và tất cả những người có mặt đều hiểu ngay, thế là xong, ít nhất đối với hai tên chủ mưu.

Villegagnon chuyển sang đứng đối diện hai tên còn lại đang bị trói cùng một sợi dây với tên Quạ, lưng áp sát vào lưng hắn. Ông hỏi:

- Còn hai tên này, chúng là đứa nào?

Vittorio lập tức rên rỉ:

- Dạ, hai chúng con oan ạ.

Cả hai tên đều khóc lóc thảm thiết.

Le Thoret lúc đó đứng cạnh đô đốc, liền chỉ vào hắn:

- Nó là một tên tù được giảm án.

- Chẳng nhẽ số kiếp mày lại phải ngồi tù mãi?

Vittorio nghĩ trong câu hỏi đó có cơ may cho hắn chuộc tội. Nói cho cùng, hắn đã đồng tai nghe cho đến tận phút cuối trước khi đi sang tấn công đảo, vẫn không thấy ai nói ra mật khẩu “Ribère”. Vậy lũ Quạ không phải là đồng bọn, chẳng tội gì cùng chết chìm với chúng.

- Ôi, thưa ngài, số kiếp của con là luôn rơi vào tay những kẻ xấu, chúng xui con làm vậy. Vâng, bọn này dọa dẫm, bắt ép con phải theo chúng ạ.

Vừa nói, hắn vừa ngẩng đầu hướng về Quạ. Tên này cười khẩy:

- Tự mày bám lấy tao đấy chứ, ít nhất là cho đến sáng nay.

- Mày im đi! Mày mua chuộc tao để tao không nhìn thấy đường quang, trong khi tao đến đây cốt để sám hối những tội lỗi trước kia.

Thừa cơ, Egidio cũng lên tiếng tố cáo Quạ. Villegagnon bức bối cắt đứt những lời phụ họa:

- Có ai trông thấy những đứa này có hành động giết chóc gì không?

Không ai nói gì.

- Nếu vậy, hãy cho chúng một cơ hội. Chúng bị xích chân và bắt lao động khổ sai cho đến khi có lệnh mới.

Hôm đó, trời nắng suốt cả ngày, chứng tỏ mùa mưa đã hết. Đô đốc cho phép ai nấy được nghỉ trưa để quên đi nỗi hãi hùng đêm trước. Ngay các lính gác cũng gật gù. Bởi thế, khi Martin đã bơi đến tàu *Grande-Roberge*, bám được vào một sợi dây chèo, trò mà hắn thành thạo từ hồi còn nhỏ, không ai hay biết. Hắn lặng lẽ tháo dây buộc thuyền, vừa bơi vừa đẩy thuyền ra xa tới vài sải, rồi nhảy lên mồm môi chèo miết. Hắn gần sang tới bờ bên kia thì một vệ binh Xcốtlen mới biết. Thời gian để tên lính tìm được súng và lên đạn thì Martin đã nhảy lên đất liền và biến mất.

CHƯƠNG 11

Có những thắng lợi không làm ta vui. Chiến thắng của Villegagnon vừa rồi là một ví dụ. Để suy ngẫm, ông tự giam mình trong phòng, ăn ngủ tại chỗ, hai ngày rồi không thấy ra ngoài. Mà thực ra hai ngày đó ông có làm việc gì đâu, chỉ đi đi lại lại rồi thờ dài. Thỉnh thoảng ông dừng bước, kêu lên một tiếng và đâm thật mạnh lên bàn.

Không suy nghĩ sao được, hờ trời! Đưa văn minh đến xứ sở mọi ăn thịt người này là một việc làm đúng đắn, cần thiết, vẻ vang. Nhưng để tiến hành sự nghiệp vĩ đại ấy, ông biết trông cậy vào ai đây? Toàn bọn hèn nhát và lười biếng, bọn tù tha và thợ thuyền kém cỏi. Chính trong cái đêm bọn cướp bị đánh tan, đã có ba chục tên như thế nhẩy lên bốn sà lúp bỏ trốn lên rừng. Chúng thích tung tẩy với bọn Anh điêng hơn là ở lại sống đời lương thiện.

Villegagnon đã ra nghiêm lệnh từ nay khu lán trại thợ thuyền phải được canh gác ngày đêm. Một lính canh thường trực ngủ ngay tại bên sà lúp. Ngoại địch đâu chưa thấy, hiểm nguy bây giờ là ở sự thối nát bên trong. Chả lẽ bỏ dở sự nghiệp? Chỉ nghĩ điều đó đã làm ông đau nhói trong tim. Năm 1540, trước tường thành Alger, dưới trời mưa, lúc Charles Quint – mà ông đi theo phục vụ theo yêu cầu của dòng hiệp sĩ xứ Malte – cho lệnh rút lui, một mình ông số số hai vạn hai ngàn quân, trong đó có bốn trăm hiệp sĩ, đã uất ức quay lại cầm kiếm trước cổng thành, vì thế mà phải lĩnh một phát đạn vào cánh tay trái cùng bao lời mai mỉa. Mặc, ít nhất ông cũng gào lên được với kẻ thù nấp trên thành cao: “Chúng tao sẽ trở lại!”. Thế mà cái thằng Quạ khôn kiếp ấy lại...

Càng nghĩ, Villegagnon càng thấy mình đã sai lầm, giao việc chặn dất các tâm hồn cho Thevet. Lão này chẳng đáng một xu với vai trò tu sĩ, mà tu sĩ gì lão, chỉ có mỗi cái áo thụng khoác ngoài, còn bên trong thì rỗng không, mà đây là chưa kể lắm lúc lão cũng chẳng buồn cài áo nữa. Cũng chẳng trách lão nhạc đạo, lão chính là hình ảnh của cái Giáo hội nước Pháp đã hư hỏng chỉ biết chăm lo quyền lợi phạm tục. Được cái lão không mê bóng lộc hay đàn bà, cái lão mê chỉ là khoa học. Có thể miễn tội cho lão.

Nhưng vấn đề vẫn tồn tại nguyên vẹn. Ngài đô đốc đã viết thư cho nhà vua và cho Coligny đề xin thêm viện binh, nhân lực và tài trợ. Hai ngày nữa, thư sẽ được gửi theo tàu *Grande-Roberge*. Song dù những yêu cầu của ông có được đáp ứng – điều này ông chưa dám chắc – thì vẫn còn lại vấn đề chính: đó là sự chần chừ linh hồn của những tên khốn nạn ấy, là xương sống tinh thần của nước Pháp Nam cực, là linh hồn của miền đất Genève.

Genève là cái tên êm ái ông gọi vùng đất mới chiếm này. Genève vang lên tựa tựa Geneviève, mà Geneviève là tên người con gái mười lăm tuổi đã cự tuyệt ông lúc ông là chàng trai hai mươi. Genève Geneviève, Genève.

Calvin!

Nắm đấm của Villegagnon đập mạnh xuống bàn, làm chiếc bình sắt nhảy dựng lên.

Calvin! Genève! Calvin, nhà cải cách ở Genève, Calvin nhà tư tưởng vĩ đại đang kêu gọi cải cách đức tin, Calvin, con người thông thái, con người khác hẳn với cái lão Luther thô bỉ chỉ gây rối loạn và suy đồi trong xã hội Đức, nhưng may quá, lão Luther đã chết cách đây mười năm cầu cho lão ta sa xuống chín tầng địa ngục. Calvin bạn thân ông!

Dù sau này đường đời rẽ đi hai ngã, Calvin và Villegagnon từng là đồng môn ở Đại học Orléans. Vì ngài đô đốc lúc đầu không định ngã về binh nghiệp. Gia đình ông thuộc loại tiểu quý tộc pháp đình ở Provins, ai nấy đều theo nghề luật. Học luật xong, Villegagnon đã đăng ký làm luật sư ở Paris. Nhưng đến tuổi hăm một thì ông chọn ra con đường đi thực của mình. Có phải tại ba thanh kiếm cắm xuống cát, là biểu tượng trên huy hiệu của dòng hiệp sĩ cứ Malte? Có phải tại những sách truyện phiêu lưu ông đọc hồi nhỏ? Có phải tại khuôn viên tòa án quá chật hẹp với sức dài vai rộng của ông, khiến ông thích hợp với việc hành quyết hơn là việc bào chữa? Có phải tại mối thất tình với Geneviève? Chỉ biết là cuối cùng ông chọn choàng vào mình tấm áo có thập tự trắng của dòng hiệp sĩ cứ Malte.

Tuy nhiên, khi nhìn lại quá khứ, điểm lại những nhân vật ông từng gặp, ông luôn luôn thấy mình khâm phục các nhà nghiên cứu, nghệ sĩ và triết gia. Với ông, Cicéron, Plutarque, Justinien, Alciat là những thần tượng. Và

Calvin, với cuốn *Thế chế của đạo cơ đốc* xuất bản cách đó hai mươi năm, nằm trong số đó.

Sự ngưỡng mộ vẫn nguyên vẹn dù từ ngày ấy hai người không gặp lại nhau. Nghĩ tới Calvin, Villegagnon vẫn hình dung thấy cậu học trò xanh xao cặm cụi trên trang sách, cậu thanh niên gầy gò và sôi nổi do gặp chuyện bất ưng trong gia đình nên luôn vươn tới đỉnh cao trí tuệ để trả thù.

Thật không ngờ cậu học trò ấy lại viết nên những trang *Thế chế* tuyệt vời. Cuốn sách đã gây bao cuộc tranh luận, bao lời công kích, điều ấy ông không quan tâm. Ta đang sống ở thời đại có nhiều tư tưởng mới, táo bạo. Villegagnon tin rằng Calvin, người chủ trương quay về với những nghi thức đơn giản thời kì đầu của Giáo hội, sẽ là người giúp ông vũ trang tinh thần cho đạo quân ô hợp của mình đang rệu rã.

Ông liền thấp một ngọn nến, vì lúc này trời đã tối, lấy giấy bút viết thư cho Calvin. Trước hết, ông gọi lại tình bằng hữu đã qua, rồi mô tả công việc ông đang theo đuổi, có tô vẽ một chút nhưng không xa sự thật là mấy. Ông nói nhiều về viễn cảnh vinh quang của nước Pháp Nam cực, song thú thật rất cần một sự viện trợ tinh thần để lên dây cót cho đoàn quân của ông. Calvin cần phải đến giúp ông bao nhiêu mục sư? Sau khi nghĩ kỹ – trước đó ông đã để trống con số – ông nhủ thầm: năm là đủ, song muốn có năm, có lẽ phải xin gấp đôi. Ông liền viết: mười. Rồi lại dừng để nghĩ, rồi lại cầm bút. Đã bạo mồm xin, ông mạnh dạn viết thêm rằng nếu gửi sang một số gái chưa chồng thì càng tốt cho công việc. Tất nhiên sự có mặt của phái yếu ở chốn thâm nghiêm này có thể gây nhiều phức tạp, song thực tế đã khiến ông mở mắt. Có cấm gì thì những tên đàn ông vũ phu này cũng kiếm ra được. Thà rằng đưa vào tay họ những cô gái nhà lành, sẽ giúp làm cho các quan hệ đạo đức ổn định. Như vậy, hôn lễ đầu tiên sẽ được tổ chức với các cô gái từ Genève gửi sang. Ai chưa có may mắn này ít nhất cũng lấy đó làm gương để điều chỉnh quan hệ với con gái thổ dân. Thêm nữa, nếu Calvin kiếm được ở Genève những thợ khéo, những nông dân chăm chỉ và các loại người khác đủ ý chí và đức tin, sẵn sàng cống hiến vào sự nghiệp lớn ở Brésil, thì xin cứ gửi sang.

Lúc gắn dấu xi vào phong thư, Villegagnon bỗng tỏ ra phân vân. Chắc gì Calvin đã đáp ứng yêu cầu của mình, ông ta còn bao công việc và tham

vọng khác. Mà nếu ông ấy đáp ứng, thì dư luận Paris sẽ nói sao? Villegagnon thừng than cận với dòng họ Guise – cũng là hiệp sĩ xứ Malte và phó đô đốc Bretagne như ông – liệu ông có bị quy là phản bội khi cầu đến những người mà Giáo hội nghi kỵ? Calvin vốn bị coi là thuộc phái huygonô, bị bỏ cùng một giuộc với Luther.

Villegagnon còn đi đi lại lại một hồi nữa. Cuối cùng, ông tặc lưỡi gạt bỏ mọi do dự, như xua đuổi lũ bướm đêm mà cây đèn của ông thu hút vào. Ông nhớ lại không khí trong lâu đài công tước Ferrace mà ông từng lui tới. ở đây, phu nhân công tước, nguyên là công chúa Renée de France, con vua Louis XII, tỏ ra có trí tuệ uyên bác, khoan dung, cho phép bàn bạc mọi thứ chuyện chung quanh các tư tưởng mới. Phu nhân tiếp nhiều giám mục, vậy mà Calvin vẫn được phu nhân đánh giá cao. Người ta còn bảo Calvin là cố vấn tinh thần thân cận của phu nhân.

Villegagnon cố kìm hãm không đập bàn nữa vì sợ làm tắt đèn. Đó! Ông muốn Genève này cũng là một miền đất như vậy: Một nơi yên bình ở đó ai cũng có chỗ đứng, và mọi ý tưởng táo bạo đều được phát huy để nuôi dưỡng niềm tin thực sự, niềm tin phù hợp với các tầng lớp xã hội có nguồn gốc bình dân, với sự hỗ trợ tự nhiên của hoàn cảnh nơi đây.

Ông tạm cất lá thư vào trong bàn gỗ mun cùng với những thứ khác sẽ gửi theo tàu *Grande-Roberge*. Rồi, ông gieo mình xuống chiếc võng mắc ngang giường, trong tiếng cọt kẹt ghê sợ của mộng gỗ bị ẩm thấp và mỗi một ăn, và lập tức ngáy khò khò.

*

* *

Sau chiến thắng, nhiều tin không vui dồn dập tới. Trước hết kiểm lại những tên bỏ trốn, thấy có nhiều đứa thuộc những nghề chủ yếu, như thợ mộc, thợ rèn, và một thầy bốc thuốc. Tiếp đó, trong khi đi lấy nước ngọt, thủy thủ bị tấn công và bốn người bị tên bắn dày đặc. Lúc đưa xác về, xem xét các mũi tên thì đúng là vũ khí thường dùng của thổ dân, làm bằng cây sậy, mũi bằng xương và có lúc bằng đuôi cá đuối độc. Rõ ràng là không còn trông đợi được gì ở sự thân thiện của thổ dân Tupi nữa, ít ra là thổ dân ở bờ

biển gần đó, họ đã nằm dưới sự khống chế hoàn toàn của bọn thông dịch bị đánh tan tác kia. Vậy là nguồn thực phẩm tươi sống từ nay không thể trông cậy vào đất liền, phải cầm cự bằng những thứ bột, sắn, đồ khô mà may mắn Villegagnon đã cho mua dự trữ bấy lâu nay. Cũng phát hiện ra là dưới các găm tàu còn tồn đọng một số thùng hạt giống chưa đưa lên bờ: lúa mì, lúa mạch, củ cải, bắp cải... có thể gieo trồng. Tuy nhiên, do ý đồ tăng cường năng lực phòng thủ của đảo, Villegagnon cho xây dựng khắp nơi nhà cửa và công sự, không để thừa mảnh đất nào để trồng trọt, bây giờ khắc phục thì đã quá muộn. Và lại, khi xem kỹ, thì phần lớn hạt giống đã hỏng vì ẩm mốc và mối mọt. Mọi hy vọng chỉ còn trông chờ vào sứ mạng con tàu *Grande-Roberge*. Nếu trót lọt, nó sẽ mang về đủ thứ cần thiết. Nếu phải chờ sáu tháng, thì sẽ thất lung buộc bụng và nếu cần, tìm đến các cửa hàng của người Noóc măng mua vài thứ – đó là điều sỉ nhục mà Villegagnon hy vọng tránh được.

Tối trước ngày tàu *Grande-Roberge* nhổ neo, đô đốc mời các sĩ quan cao cấp, Thevet và hai cậu thị đồng đến dự bữa ăn chia tay. Phải làm thật vui để thực khách quên bớt sự nghèo nàn của mâm bát. Villegagnon rất khéo làm việc này. Từng xông pha chiến trận, nhưng ông cũng từng dự các cuộc chiêu đãi nơi cung vua phủ chúa, nên biết cách gây men bằng thi ca. Ông sang sảng cất giọng ngâm thơ, thể hiện đủ mọi trạng thái hỉ, nộ, ái, ố. Ông còn biết cả hát, một giọng nam trung êm dịu và âm áp, tóm lại ông đủ khả năng làm mọi người quên đi trong chốc lát tình thế tuyệt vọng mà hòn đảo lâm vào.

Một chai vang không hiểu sao còn sót lại một cách thần kỳ sau bao biến cố, được đội cận vệ Xcôtlen mang ra đặt lên bàn, long trọng như một thành tích. Villegagnon sau mở hòm lấy bộ cốc pha lê. Rượu này thì phải vừa uống vừa ngắm mới đáng. Và trước khi nâng cốc, ông trình trọng vừa nhìn Just vừa rút trong túi áo ra một tờ giấy, đọc:

- “Ông Just Clamorgan, thừa ủy nhiệm cấp trên thuộc dòng hiệp sĩ xứ Malte, tôi tuyên bố...

Toàn cử tọa đột nhiên nghiêm nét mặt, mọi con mắt đổ dồn vào Just.

- ... trong trận chiến đầu ngày 12 tháng 2 năm 1556 tại vịnh Genève, trên đồn Coligny, ông đã chứng tỏ lòng dũng cảm phát hiện, tấn công và đánh đuổi kẻ thù. Một kẻ địch đã gây thương tích cho ông một cách hèn hạ và xuýt làm ông phải bỏ mạng. Căn cứ điều ấy, tôi vinh dự tuyên bố từ nay ông được phép mang tước hiệu hiệp sĩ.”

Một nghi thức bất ngờ, cô lỗ và ở vào lúc khác có lẽ sẽ là lỗi bịch, song Villegagnon đã thể hiện hết lòng nhiệt thành chỉ có ở những người ra sức níu giữ một truyền thống đã mất. Just không mừng vui hơn bao nhiêu, song cũng chấp nhận việc này là có thật ở cái nơi người đời chẳng ai biết đến này. Chàng đứng dậy, Villegagnon giờ kiếm làm dấu chạm lên đầu, lên vai chàng, nói mấy lời công thức, rồi ôm lấy chàng trai.

Tiếng hoan hô vang dậy, mọi người chúc rượu nhau. Men say hơi có mùi vị của tiệc nuôi và chia tay. Từng người lắng nghe dòng nước âm âm ấy trôi dần trong cơ thể mình, như thể họ đang theo dõi ngọn lửa càng xuống sâu càng tìm lại được những nơi chốn than thiết đã xa và những tình yêu đã mất. Villegagnon nói với Colombe.

- Rồi sẽ đến lượt cháu. Đến khi nào cháu mọc đủ râu cằm.

Ai nấy đều cười, riêng nàng tỏ vẻ ngượng ngập.

- Hai cháu này – Villegagnon nói tiếp – tư chất các cháu không phải do ngẫu nhiên. Là con nhà nòi đấy. Cha các cháu là một chiến binh thực thụ.

Ông ngồi xuống, chứng tỏ có sự suy nghĩ không vui:

- Điều đáng tiếc là ông ấy mở đầu sự nghiệp bằng một cuộc thất trận, đó là ở Pavie, vua Francois đệ Nhất bị bắt làm tù binh. Và ông phải tháp tùng nhà vua đến nơi giam hãm. Khởi đầu bất lợi là từ đó...

Mặt ông sa sầm, theo đuổi ý nghĩ nào đó không nói ra. Đột nhiên, ông nói to:

- Sau đó, ông đã tham gia chiến dịch Cambrai, rồi Đức hoàng thượng phái ông đi Roma thương lượng cuộc hôn nhân giữa Catherine de Médicis

với hoàng tử, tức Hoàng đế nước ta hiện nay.

Just theo dõi từng lời, đôi mắt long lanh.

- Và thế là ông trở thành người hoạt động trong bóng tối, nhà thương lượng, phái viên bí mật chuyên trách các vụ việc phức tạp, có khi rất hiểm nguy. Hai phái viên của nhà vua như vậy đã bị ám sát trên sông Pô năm 1544, ngay trong thời bình.

Colombe hỏi:

- Vậy ra, lúc cha mang chúng cháu đi hết thành phố này đến thành phố khác, không phải là đang trên đường chiến đấu?

- Có, đôi khi ông ấy cũng chiến đấu bằng vũ khí thực sự. Song thường ông sử dụng những vũ khí khác bí mật hơn; ông đi thương lượng hòa bình hoặc chiến tranh.

Ông dừng lại, ho mấy tiếng.

Just và Colombe nhìn nhau. Thật lạ rằng cha của họ không hoàn toàn là chiến binh, mà lại là nhà ngoại giao.

- Ta không còn gì để nói nhiều hơn, các cháu ạ, vì chúng ta cũng ít gặp nhau – Villegagnon nói như để kết thúc.

Nhưng Just chưa thôi:

- Còn tại sao cha cháu chết?

Đô đốc nhìn xuống và suy nghĩ. Quanh bàn, Bois-le-Comte, viên sĩ quan sẽ chỉ huy tàu *Grande-Roberge*, đứng nghiêm như tượng. Thevet ngủ gà ngủ gật, còn Gonzagues đang lơ mơ tìm vản cho bài thơ tặng nàng Marguerite. Riêng Le Thoret chăm chú theo dõi.

- Ta chỉ biết những gì mọi người đều biết – Villegagnon đáp. Ông ấy bị giết ở Sienne, xứ Toscane, trước cái năm chúng ta lên tàu.

- Xứ Toscane có phải là... thuộc Tây Ban Nha? Just biết rõ về nước Ý qua sách vở, hỏi.

- Phải, của Tây Ban Nha. Nhưng thành Sienne đã nổi dậy và gọi quân Pháp đến cứu.

Có một sự ngưng ngập kỳ lạ trong giọng nói của Villegagnon. Ông ngại ngần liếc mắt nhìn Le Thoret, rồi nói:

- Cuối cùng, hai bên đánh nhau, và bố cháu thiệt mạng.

- Cháu nghe nói, lúc đó bố cháu đang bị thất sủng trước Hoàng đế – Just nói.

- Đúng vậy, trước đó ông đã từ chối không đi với quân đội bảo vệ xứ Piémont.

- Nếu cha cháu đã từ chối đi chiến đấu ở Piémont, sao nhà vua lại phái ông ấy đến Sienne?

- Hoàng đế không phải – Villegagnon vội nói, nhưng lung túng không giải thích gì thêm.

Le Thoret vẫn chăm chú theo dõi đô đốc, rồi đưa mắt nghiêm khắc nhìn hai anh em Clamorgan. Just vẫn chưa chịu thôi, hỏi tiếp:

- Như vậy, có nghĩa là cha cháu ở bên phía Tây Ban Nha?

- Tất cả chuyện này rất rắc rối, – Villegagnon vội ngắt lời Just và cao giọng nói tiếp. – Và lại ta không ở đó nên không rõ.

Mọi người im lặng một lúc lâu. Đến lượt Colombe hỏi:

- Còn mẹ chúng cháu, bác có biết không?

Nàng đã chờ rất lâu dịp thuận lợi này để hỏi cho ra nhẽ. Nhưng chắc vấn đề này không nhạy cảm lắm nên nàng mới dám đánh bạo nêu thắc mắc của mình.

Ai nấy nín thở im lặng, đến Gonzagues cũng ngừng làm thơ và Thevet thì tỉnh ngủ hẳn.

- Không! – Villegagnon chỉ đáp có vậy, rồi để khỏi bị hỏi dồn ông vụt đứng lên, nâng cốc chúc mừng chàng hiệp sĩ, rồi nói luôn:

- Bây giờ ta có điều cuối cùng này muốn nói với các cháu. Dù các cháu đã bị đưa lên tàu một cách khuất tất, nhưng các cháu đã chân thành phục vụ ta. Vậy trách nhiệm của ta là...

Nói đến đây, ông do dự và trên khuôn mặt đen đen những lông là lông của ông, một sợi dây thần kinh nho nhỏ trên cằm bắt đầu giật giật.

- Là phải nói rằng các cháu được tự do. Ngày mai tàu *Grande-Roberge* về Pháp, không chở một hành khách nào ngoài ông tu sĩ, nhưng nếu muốn, các cháu có thể đi, ta cho phép.

Just và Colombe cùng rùng mình và nhìn nhau, tự hỏi không biết lời cho phép này có ý nghĩa gì.

- Ta không đòi hỏi các cháu trả lời ngay. Cứ bàn bạc đi. Chiều mai tàu nhỏ neo. Cho đến khi cất ván cầu, các cháu quyết định vẫn kịp.

*

* *

Cho đến lúc đi ngủ, Just không nói câu nào. Sáng hôm sau, chàng kéo Colombe ra xa để bàn bạc. Hai anh em đi theo con đường nhỏ ở móng phía bắc của tường thành một bên và một bên là hàng đá lởm chởm, lâu nay thường là nơi để người mơ mộng đi vẩn vơ và kẻ âm mưu đến để bàn việc kín.

Just đã chuẩn bị đủ các lý lẽ, trình bày rất dài; Colombe thông thả đi bên cạnh, vừa đi vừa nghe. Chàng thẳng thắn nêu các lý do cần phải trở về, nào quyền thừa kế dòng họ Clamorgan, nào tương lai và địa vị cao quý của Colombe. Rồi chàng điểm tắt cả các lập luận đối lập: tình thế khó khăn của Villegagnon, những gì hai anh em có thể làm để ủng hộ ông, vinh quang của nước Pháp Nam cực...

Colombe mỉm cười, mắt lơ đãng nhìn ra phía bờ biển xa xa, phía hòn đảo Margageat rộng lớn mà họ vẫn nhận ra được hình dáng. Mặt trời chói chang hơn lúc nào hết; mây thấp vờn trên các dãy núi chạy dài về phía tây. Qua những trận mưa mấy tuần qua, cây cối càng xanh rì, thiên nhiên tăng thêm sức sống và quyến rũ.

Cuối cùng, đợi Just ngừng nói, Colombe mới ngược đôi mắt trong xanh nhìn anh và rủ rì:

- Anh mất công nói nhiều thế làm gì! Anh tưởng em không biết rằng từ lâu anh đã muốn gì rồi ư?

- Có nghĩa là? – Chàng đỏ mặt hỏi lại.

Nàng dặt tay anh, rồi nhảy nhót đi trước, kéo anh tới ngồi xuống một mô đất. Những đồng vôi gạch vụn đã khô cứng, tỏa hơi nóng của nắng. Một vài bụi cây còn sót lại phủ đầy muối và bụi đất run rẩy trong gió.

- Chúng mình sẽ ở lại, em cũng thích như thế – nàng thủ thủ.

Lòng Just tràn đầy những cảm xúc trái ngược. Chàng không thích bị người khác đọc được tâm can mình như thế. Theo chàng, đàn ông, lại là hiệp sĩ, phải vừa dũng cảm vừa bí hiểm. Mặt khác, chàng cảm thấy nhẹ nhõm chưa phải nói hết những ý nghĩ thầm kín không tiện nói ra.

Vì cái mà chàng nói là bốn phận phải giúp Villegagnon trong lúc khó khăn là xuất phát từ sự quý mến đã nảy nở trong lòng chàng đối với đô đốc. Xây dựng nước Pháp Nam cực là một chuyện, điều quan trọng với Just là nó thỏa mãn ảo mộng của thời thơ bé về vinh quang, hy sinh và danh dự.

Tàu *Grande-Roberge* do Bois-le-Comte chỉ huy đi rồi, nay trợ giúp Villegagnon chỉ còn Le Thoret và ông già Gonzagues sức ngày càng yếu, chỉ làm thơ chứ không được tích sự gì khác. Just cảm thấy thời cơ thi thố năng lực đã tới.

- Còn em? – Just hỏi, coi như quyết định về phần mình đã xong.

Nàng để một lúc mới trả lời. Điều nàng muốn cũng rất rõ, nhưng nàng không muốn giải thích bằng lý luận trừu tượng. Cố phân tích những cảm xúc của mình, nàng thấy có hai luồng chính. Thứ nhất là sự vui mừng được chia sẻ hạnh phúc cùng Just. Nàng không nói, cứ để Just tưởng mình cũng cùng ảo vọng như anh. Thực ra nàng có thiết gì nước Pháp Nam cực, nàng còn nực cười khi nghe những ý tưởng huênh hoang mà Villegagnon tự phụ đeo đuổi. Ngược lại, mấy ngày nay một luồng tình cảm thứ hai xâm chiếm lòng nàng.

- Em muốn quay về với người Anh điêng – nàng nói.

Nàng thấy nhớ Paraquacu cùng các bạn gái, nhớ anh tù binh mỗi tháng phải bỏ đi một hòn sỏi, nhớ tất cả những người Anh điêng già và trẻ.

- Anh điêng! – Just kêu. Em không nhầm đấy chứ. Từ nay họ đối địch với ta rồi.

- Không chỉ là số ở ven bờ thôi

Phản ứng của Just buộc nàng phải có lý lẽ phản bác. Song nàng chẳng đưa ra được một dự án nào, mục đích nào. Nàng chỉ biết mình muốn đắm chìm vào thiên nhiên yên tĩnh, được đi lại tự do, tắm táp thoải mái dưới dòng thác lạnh, cố tập đi thật nhẹ để không phá vỡ cái yên tĩnh của thiên nhiên.

- Em biết một làng Anh điêng khác, ở sâu bên trong, họ thân thiện với ta.

Nàng sáng tác thêm:

- Mà em lại là người duy nhất nói ngôn ngữ của họ.

Just nhìn em. Vẻ mặt nàng có nét gì kỳ lạ từ trước chàng chưa nhận ra đôi mắt nàng xuyên thấu tận tâm can mà còn phản chiếu tâm hồn của những người mà chúng đắm đắm nhìn; sắc đẹp của nàng ngày càng hoàn hảo, thân hình nàng thanh mảnh, mang đầy đủ tính chất tuyệt mỹ như trong các tác phẩm hội họa của trường phái Flô-răng-tin ở thế kỉ trước.

Lần đầu tiên, Just nhận ra những điểm khác nhau giữa hai anh em, rõ hơn những gì đã khiến họ gần gũi ở tuổi thơ ấu. Và sức lôi cuốn khó hiểu của những nét khác biệt ấy khiến tim chàng đập dồn dập. Chàng làm bộ như không có gì xảy ra, nói:

- Phải đấy, nếu cần thông dịch, thì em làm được việc đấy.

- Và anh có thể thuyết phục ông Villegagnon để em làm việc ấy – nàng tiếp lời anh mà không hề ngờ rằng, lời đề nghị mà nàng không để tâm lắm ấy bị chàng hiệp sĩ mới được phong nắm lấy như là cơ sở cho một sự thỏa thuận, nghĩa là một lời hứa.

Chàng nghĩ một lúc lâu, rồi mới đáp:

- Được, anh sẽ cố.

Cả hai đều ngạc nhiên, không ngờ số phận họ được quyết định nhanh chóng. Họ thông dong trở về để kịp xem tàu *Grande-Roberge* nhổ neo.

CHƯƠNG 12

Quintin ngồi phịch xuống một rễ cây, thở dốc và kêu:

- Cháu đi một mình, ta chịu thôi.

Đường ngày càng dốc và thiếu rắn chắc. Mặt đất hằng hệt dưới bước chân họ. Thân cây thích trắng và muông xoan vươn lên cao vút, rất xa thảm cỏ, cành lá xòe ra tứ phía như một mái nhà khổng lồ. Ánh nắng xuyên qua đám lá rung rinh, bị méo mó đi như qua tấm kính nhiều màu, tạo cho rừng rậm vẻ uy nghi bí hiểm như ở nhà thờ, khiến cho ông Quintin cảm thấy bất an trong lòng. Colombe bực mình, gắt:

- Thôi nào, bác không được nản.

Nàng cầm trên tay chiếc địa bàn mà Villegagnon đã cho mượn để định hướng trong rừng.

- Bác tưởng cháu thuộc đường rồi, biết cách liên lạc với thổ dân rồi...?

- Thì cháu phải nói thế, đồ đốc mới cho ta đi chứ. Colombe nói, mắt vẫn không rời khỏi mặt tối tối của chiếc địa bàn.

- Trời ạ! – Quintin chỉ còn biết thở dài.

Ông lo nguy hiểm thì ít, nhưng sợ nhất là phải từ già cõi đời không phải giữa đồng loại mà giữa bầy khỉ độc:

- Cứ nghĩ rằng ta không bao giờ được gặp lại họ nữa...

“Họ” đây là chỉ bốn người đàn bà mà suốt từ khi rời đảo, ông không ngớt nhắc đến.

Colombe mặc những lời than vãn của ông già, theo đuổi những ý nghĩ riêng. Nàng lăm bắm:

- Lạ thật, không hiểu nổi. Rõ ràng ta đã qua mồm cao ngăn vịnh với biển bên kia. Mà sao không gặp ai cả.

- Cháu muốn gặp ai ở cái nơi chết tiệt này? – Quintin rên rỉ. Rõ ràng ở đây xưa nay làm gì có dấu chân người.

Đó là vì ông chỉ biết người Anh điêng qua bốn phụ nữ mà ông thuê để định đưa họ lên thiên đường. Nhưng Colombe thì nhớ rằng mình đã có lúc đi những dặm đường rừng dài trong yên tĩnh tuyệt đối như thế. Cô biết rằng người Anh điêng có khả năng giữ nguyên sự im lặng của rừng như trong năm mồ, chỉ thỉnh thoảng mới vỡ ra một vài tiếng hót líu lo của chim rừng hoặc tiếng hú của loài khỉ mà chẳng ai nhìn thấy. Bởi vậy lúc đầu nàng mừng là đi lâu vẫn chưa gặp ai, vì còn sợ những bộ tộc đối địch ở ven bờ. Song bây giờ thì nàng lo thật sự. Chỉ có hai giải thích, đều đáng ngại cả. Hoặc là không có ai, có nghĩa họ đã lạc đường. Hoặc là tất cả các làng Anh điêng đều chuyển sang thái độ chống đối và chẳng chóng thì chày hai bác cháu sẽ rơi vào tay họ.

Colombe dán mắt vào la bàn, đi theo hướng nam, vừa đi vừa tránh các chướng ngại vật. Bỗng nàng rú lên.

- Cái gì vậy? – Quintin sững người, hét.

Lát sau ông đã chạy lại, nhìn quanh không hiểu.

- Dưới đất – Colombe đưa tay chỉ.

Một xác người trần truồng nằm ngửa, một người Anh điêng thuộc bộ tộc của Paraguacu, có viên đá xuyên qua môi dưới rất dễ nhận ra. Cái chết đã làm miệng anh ta dẫn ra nhưng môi trên xuyên lỗ lại thụt xuống. Mắt mở trừng trừng. Một quầng trắng trắng lúc nhúc toàn dòi bọ, chắc chúng đã chui vào đây ruột gan, nhưng phần thân thể ngửa lên trên vẫn còn nguyên. Chân tay, và toàn bộ da dẻ, ở đùi vẫn còn vết sơn lấy từ nhựa cây găng com, không có vết thương nào, chứng tỏ anh ta chết không phải vì đánh nhau. Và lại, thổ dân ít khi bỏ rơi những người tử nạn trong chiến đấu, họ luôn chôn

cát tử tế. Còn đối với kẻ thù, họ ăn thịt ngay ở bãi chiến trường, đây là người ta đồn thế. Nhưng người này thì đang làm mồi cho sâu bọ.

Trong rừng khá tối nên không thể nhìn rõ được từng chi tiết. Quintin bịt mũi, đánh bạo ngồi xuống để xem xét thi thể kỹ hơn. Colombe chẳng quan tâm đến cảnh này lắm và định kéo ông Quintin đi tiếp thì ông ta ngăn lại và bảo:

- Nhìn này, rất nhiều mụn ở khắp người. Như là bệnh đậu mùa.

Việc phát hiện ra cái xác, tuy có đáng sợ, lại là một dấu hiệu khích lệ Colombe. Điểm này chứng tỏ làng thổ dân không còn xa nữa. Nàng nói:

- Người này chắc chưa kịp về đến làng. Và như vậy làng cũng gần đâu đây thôi.

Quintin không đòi ngồi lại nữa, cất bước đi theo Colombe. Khoảng một giờ sau, họ lại gặp một thi thể nữa, cũng có mụn.

Dù sao, Colombe khắp khởi mừng, vì đã mang máng nhớ ra phong cảnh nơi này. Hai người đã tới cổng làng. Nàng chỉ cho Quintin cái bầy ngựa trang cần phải đi quanh. Căn lều lớn đã nhìn thấy từ xa, Colombe mừng rỡ chạy tới, miệng gọi riu rít.

Nhưng không có tiếng đáp lại. Nhà trống không, mái đã sụp xuống một mảng. Cây cỏ nhanh chóng mọc lan tỏa ở những chỗ trước kia là sân, bãi. Ngoài vài mảnh bát vỡ, không có dấu tích gì của cuộc sống trước đây. Nhưng cũng không có một xác chết nào.

Colombe ngồi lên một gốc cây, hai tay ôm đầu thất vọng. Quintin thì không quan tâm, chỉ thấy là lần đầu được dừng chân ở một nơi tạm tươm tất, nên rút luôn trong tay nải ra chiếc võng, mắc lên hai cái cọc để nằm nghỉ một lát. Võng đung đưa, làm ông bỗng nhớ giờ này chắc tên Qua và tên đồng đảng đang lủn lủnh dưới giá treo cổ. Chính vì lý do đó mà Quintin rất vui khi được chỉ định đi theo Colombe. Nghĩ đến đây, ông ngồi nhồm dậy trên võng, đưa tay sờ lên cổ. Tình cờ đúng lúc đó ông nhìn thấy

một bóng người từ trong lều đi ra, lảng lảng luồn sau lưng Colombe định tuồn ra ngoài rừng.

Người này hẳn đã nấp bất động trong nhà khi họ đến. Nếu là thổ dân, chắc hẳn biết cách lén ra và tan biến vào thiên nhiên một cách dễ dàng. Nhưng hẳn là người da trắng, nên không làm được như thế.

- Đứng im! – Quintin quát.

Ông khôn ngoan lợi dụng bóng tối xung quanh mình để người kia tưởng ông có vũ khí. Tiếng quát rất đanh thép, như trong tay ông có hai khẩu súng mất kê đang chĩa về phía trước. Khổ thân ông Quintin, như mọi khi, ông không có bất cứ một thứ gì để tự vệ cả.

May thay, người kia không có vẻ dữ lắm. Biết bị lộ, hẳn giang hai tay, đi vòng lại đứng ra chỗ sáng, trước mặt Colombe.

Ông ta có bộ mặt khắc khổ, khó đoán tuổi, bảo là già trước tuổi hay trẻ lâu cùng thời gian đều được. Tóc vàng khè, trên đỉnh đầu lại mọc ngược, chỉ dựng thêm một chút nữa thì coi rất giống quả dưa trong bộ sưu tập của Thevet. Y phục thì tạm bợ, làm bằng các loại vải kì cục, song khác với Qua và đồng bọn, không có ý làm ra bộ sang trọng, quý tộc. Áo chèn, quần cộc lửng đến đầu gối, gần giống đồ Colombe đang mặc. Ông ta đến ngồi xếp xuống đất trước mặt Colombe.

- Chào các vị! Ông ta bình thản nói.

- Ông là người Pháp? – Colombe hỏi, giọng vừa ngạc nhiên vừa bức tức, vì tưởng đi gặp các bạn thổ dân lại đụng phải một người da trắng.

- Ở đây, ai cũng là người Pháp cả, để khỏi bị ăn thịt. – Rồi ông ta nói thêm, giọng nhấn rất mạnh, khiến Colombe không hiểu lời ông rõ lắm. Cả tôi cũng là Pháp, mặc dù là người Anh.

- Và ông làm gì trong cái làng này? – Quintin hỏi, cổ lên giọng đe dọa để lấy khí thế.

Nhưng người Anh vẫn điềm nhiên, không hề dao động, khiến ý đe dọa của Quintin trở thành vô tác dụng.

- Cũng giống như các vị thôi. Tôi đi ngang qua đây.

- Thổ dân đâu cả? – Colombe hỏi.

- Các vị từ đâu tới, không biết vì sao? – Người kia chăm chú nhìn Colombe.

Đôi mắt sâu thẳm lạ kì của nàng gây được ấn tượng mạnh, song ông ta không tỏ vẻ gì là sợ hãi cả. Ông ta nói tiếp:

- Có bệnh dịch, nên họ bỏ đi cả rồi.

Quintin từ trên vũng nhảy xuống, tiến ra ngoài ánh sáng, quên cả đề phòng vì quá hiếu kì.

- Bệnh đậu mùa, có phải không?

- Không biết. Ở đây làm gì có thầy thuốc. Ông biết người Anh điêng rồi đó: họ nói là do bị ma làm.

- Họ chết hết? – Colombe gặng hỏi.

- Chết hết thì không, nhưng cũng khá. Các vị có nghe nói đến Quoniembec?

- Không, là ai?

- Một thổ dân dũng cảm, giết chết nhiều quân địch, bắt nhiều tù binh, được dân chúng kính trọng như một ông vua. Ông ta quan hệ với các hãng buôn da trắng, họ dạy ông ta cả cách bắn súng lớn. Ông ta thích nhất là đặt hai súng lên hai vai, giữ chặt để cho người khác phát hỏa.

Người Anh đứng lên làm điệu bộ vác súng ngược trên vai, quay đầu lại để ngắm bắn và trút đạn về phía sau. Rồi ông ta lại ủ rũ ngồi xuống:

- Ông ta chết cách đây hai ngày, mình đầy mụn.

Quintin lắc đầu. Một tên Anh điêng hiếu chiến chết thì chẳng can gì đến ông, nhưng ông nghĩ tới bốn phụ nữ Anh điêng mà ông đã gặp.

- Các vị từ những cơ sở Noóc măng tới?

- Không, từ đảo tới. Chúng tôi là người của ông Villegagnon – Colombe đáp hơi hấp tấp, vì nàng tỏ vẻ tin người lạ.

- Thế thì khỏ rồi! – Người Anh vụt đứng lên. Nếu gặp thổ dân, các vị chớ nói vậy. Họ đang tin rằng chính các vị đã đem bệnh tật đến đây.

Colombe hồi tiếc ngay câu trả lời thật thà của mình và cảm thấy ông Quintin đã vội lùi lại.

- Ai làm cho họ tin như vậy?

- Bọn cướp ở ven bờ chứ ai.

- Thế ông không cùng bọn với chúng à? – Quintin nói.

- Tôi ấy ư? – Người lạ bất bình thốt lên.

- Xin lỗi – Quintin đầu cúi – tôi cứ tưởng tất cả người da trắng ở đây đều là đồng bọn của tên Qua.

- Thằng Qua! – người lạ nói giọng khinh bỉ. Ai bảo các vị chơi với nó. Và nó đã trả ơn thế đấy!

- Giờ này, thì hẳn cũng đã trả giá rồi – Quintin đáp lại, bây giờ đã khá hả hê rằng tên Qua đang lủng lẳng trên giá treo cổ.

Tiếp theo là một sự im lặng ngưng ngập. Người Anh lại hỏi:

- Các ông có nghe nói đến Paylo?

Colombe và Quintin lưỡng lự nhìn nhau:

- Tức là ông?

- Không. Đơn giản, tôi chỉ là Charles.

- Tôi là Quintin.

- Còn tôi Colin.

Tự giới thiệu rồi, cả ba cười vui vẻ. Colombe vẫn không tin được rằng cùng một khung cảnh nằng từng sống với người Anh điêng, nay lại là nơi gặp gỡ những nhân vật khác hẳn. Người Tupi sống ở đây chắc sẽ thấy rất khôi hài, việc hai người chỉ cần tự giới thiệu tên họ đã làm họ xích lại gần nhau và cho phép họ biết nhau là ai.

- Paylo là con người vĩ đại nhất ở toàn khu vịnh này – người Anh nói một cách nghiêm trang.

- Ông ấy thuộc bộ tộc nào? – Colombe hỏi.

Charles cười nhe cả mấy chiếc răng sâu còn sót lại sau rất nhiều chuyến vượt biển.

- Cùng một bộ tộc với chúng ta. Hay với các ông thì đúng hơn. Ông ta da trắng, và là người Pháp... trước khi trở thành... như ngày nay.

- Có nghĩa là?

Quintin hỏi như vậy rồi nhăn mặt, vì lo lại được nghe kể những chiến tích đánh nhau như Quoniembec, hoặc như Quạ.

- Là một người vô cùng khôn ngoan và hết sức tốt bụng.

- Vậy vị thánh sống ấy ở đâu? – Quintin hỏi, giọng mỉa mai.

Ông không tin rằng ở nơi rừng rú này một con người bản chất tốt đẹp có thể tồn tại.

- Ở cách đây hai ngày đường, trong một khu rừng thổ dân Tijuca.

- Tại sao ông hỏi chúng tôi có biết ông ấy? Colombe nói.

- Vì các ông muốn biết có phải tất cả người da trắng ở đây đều đi theo Quạ không. Và tôi đang giải thích rằng may thay, nhiều người không công nhận quyền lực của bọn chúng.

- Và Paylo là chủ soái của họ?

- Chủ soái! Ha ha, ông ta mà nghe thấy, chắc buồn cười lắm. Có thể, song dù sao tôi chưa bao giờ nghĩ như thế. Ông ấy là chủ soái, nhưng là một chủ soái không ra lệnh cho ai, không trừng phạt ai, cũng không ban thưởng ai.

Colombe và Quintin dừng đứng trước lời kể khoa trương về một người họ không quen biết. Nhất là Colombe, nàng càng nhớ những bạn gái Anh điêng.

- Chúng tôi đã từng quen biết thổ dân của làng này. Liệu có tìm lại được họ không?

- Phức tạp đấy – người Anh lắc đầu. thổ dân đã có tục lệ hễ đi là đi, chỉ một đêm là xong hết, vì thầy mo bảo có thể thì các thần mới đề yên. Hình như họ đi tới một con sông lớn ở phía tây và băng qua cánh rừng Amazonas.

Colombe lấy chân đẩy đẩy hai cái vỏ ốc trắng nhỏ xinh, chắt ở một chuổi vòng nào đó rơi xuống đất. Trong một khoảnh khắc, cô nghĩ đến việc theo những dấu vết đó để dò tìm bộ lạc người Anh điêng. Rồi cô lại gạt ngay đi vì thấy quá viễn vông. Cô thở dài đánh thượt một tiếng.

Rồi Charles nói thêm:

- Muốn hỏi phải hỏi Paylo, chỉ mình ông ấy mới biết.
- Ông vừa mô tả ông ấy như một nhà hiền triết, vậy chắc ông ấy ở ẩn.
- Ở ẩn, nhưng lạ thế đấy, ông ấy biết tất. Mà tôi chắc ông ta biết cả các ông nữa.
- Chúng tôi? Ông muốn nói là biết Villegagnon?
- Tất cả các ông, đặc biệt là hai ông, nếu hai ông đã từng quan hệ với người Anh điên.

Quintin lần lần một lúc rồi hỏi:

- Ông ấy biết tất cả, lại tốt như thế, sao không ra mặt, lại để cho bọn Quạ hoành hành, suýt nữa thì hại chúng tôi?
- Vì Paylo biết chờ đợi.
- Vậy ông cho rằng Paylo có thể giúp tôi gặp lại thổ dân? – Colombe hỏi.

Quintin không chờ lời đáp, hỏi tiếp:

- Và ông ấy có thể tiếp tế lương thực và nước ngọt để chúng tôi thoát cơn nguy hiểm?

Người Anh suy nghĩ rồi chậm rãi nói:

- Paylo không phải là nhà buôn. Ông chẳng có gì để bán, cũng không mua gì.

Quintin nhăn mặt thất vọng:

- Nhưng nếu việc ta làm là đúng, mà ông ấy muốn giúp, thì ông ấy có thể làm được tất.

Colombe đã quyết định xong, và khi quay lại nhìn Quintin, nàng hiểu là ông cũng đồng tình. Và nàng hỏi, mắt mở to nhìn ông Charles:

- Charles, ông có nhận dẫn chúng tôi đến gặp Paylo?

Người Anh nắm lấy tay nàng, reo lên:

- Ô, tôi rất vui lòng. Rất vui lòng. Mỗi lần tôi giới thiệu được Paylo với ai xứng đáng, tôi cảm thấy mình làm một việc... có ích.

Bản chất tự kiểm chế của dân Anh không cho phép Charles lai láng hơn nữa, song trong giọng nói ông ta rõ ràng có sự xúc động. Ông nói tiếp:

- Nếu các ông muốn, ta có thể đi ngay tối nay. Ở đây hãy còn gần bờ biển quá. Quạ đã chết, nhưng nghe đâu có một tên trẻ tuổi trong bọn các ông đã bỏ trốn và tự xưng là thủ lĩnh.

Colombe nghĩ thầm: đúng là thằng Martin rồi.

- Mà có vẻ nó còn nguy hiểm hơn tên Quạ.

Quintin ra gấp võng. Họ ăn mỗi người hai con cá khô, uống chút nước rồi lên đường.

Charles đi trước dẫn lối. Ba người đi xuyên qua những sườn đồi trồng kín cây thuốc lá toàn lá to bản và bụi cây nhựa nhai thơm sức. Rồi họ gặp lại những cánh rừng cây to và những bãi rộng, nơi các cây muồng đang trở hoa.

Đường lên dốc liên tục, lại ngoắt ngoáy vì phải tránh những tảng đá lớn, những con thác và sông suối. Thỉnh thoảng dừng lại để nghỉ, họ nhìn thấy khu vịnh càng ngày càng xa. Cho đến một buổi sáng, họ đi vào một vùng đất trồng bông bát ngát, xa xa nhô lên những ngọn thông cao vút.

Charles rùng lại, đưa tay chấm mồ hôi trán, nói:

- Tijuca đây rồi. Chúng ta sắp gặp Paylo.

III. LINH HỒN VÀ THỂ XÁC

CHƯƠNG 1

Một năm đã trôi qua từ ngày tàu *Grande-Roberge* về Pháp. Mùa đông lại trở lại với khí trời âm ướt, với những trận mưa to làm đất sũng nước. Rồi nó nhường chỗ cho mùa hè nhiệt đới dài dằng dặc. Thật là một năm trời khốn khổ vì khan nước, mặt trời ác nghiệt còn bắt những binh sĩ bảo vệ đồn Coligny chịu thêm một cực hình nữa: nóng, nóng nung người, nóng khát khô kéo dài hàng tháng. Tất cả những cây trên đảo đều bị đốn hết, nên một bóng râm nhỏ không có. Và những đêm oi bức, đến lúc ngủ cũng không ngủ được, ai nấy đều trần trọc trên võng.

Công việc chậm lại hẳn. Ai nấy gây rộc, mệt mỏi, nhiều người lên cơn sốt, chẳng mấy người còn tâm trí để lao động. Việc xây đồn trì trệ. Tường thành dở dang như báo hiệu rằng tham vọng của Villegagnon là vượt quá khả năng con người. Mùa mưa đến lại làm cho những gì xây dựng được lở lói dần. Tinh thần xuống thấp hơn bao giờ hết.

Trong tình hình ấy thì cảnh tượng đất liền phía bên kia với rừng rậm xanh um, bóng cây râm mát, có sức hấp dẫn mãnh liệt. Dù việc kiểm tra canh gác được tăng cường, chín người lại vượt biển bỏ trốn.

Trong thời gian một năm ấy, Just đã trở thành trang nam nhi thật sự ở tuổi sung sức. Chàng đã đọc tất cả các sách trong thư viện của Villegagnon, có đủ kiến thức để bàn luận về các vấn đề lớn của thời đại. Những bài học đấu kiếm đã tạo chàng thành chiến binh thực sự, cầm kiếm giỏi mà bắn súng cũng cừ, mặc dù lúc này chàng cũng như những người khác, có vóc người hốc hác, da dẻ lở loét. Người chàng đã mỏng dính, thể mà bệnh ngoài da lại hoành hành ác liệt đến mức thấy rõ bộ khung xương. Trên khuôn mặt chỉ thấy đôi mắt đen mở to, phần còn lại toàn là râu lâu ngày không cạo do thiếu nước. Chỉ còn mỗi mái tóc là vẫn giữ được vẻ tốt tươi đen nhánh.

Villegagnon đã coi chàng như cánh tay phải của mình, ngang hàng với Le Thoret đặc trách chỉ huy các hiệp sĩ.

Just được giao phụ trách công trường xây dựng. Đây là công việc khó khăn nhất, phải quan hệ với thợ thuyền và ép họ lao động, mà họ thì lấy có đỏi rách để thoát thác. Tuy nhiên, lý do chính để họ không chịu làm việc bắt nguồn từ sự căm ghét Villegagnon. Họ đổ tất cả tội lỗi lên đầu ông: bỗng dưng bắt họ đến hòn đảo hẻo lánh, bắt họ phải cai rượu và đàn bà, rồi lại bị canh gác nghiêm ngặt như tù. Just bây giờ đã thấm nhuần những tư tưởng của Villegagnon về nước Pháp Nam cực, về sự cần thiết phải sống chay tịnh và hỉ xả, nên cũng bị anh em ác cảm không kém. Khi chàng đốc thúc họ cố xây xong trước mùa mưa và nhất là khi nói đến cần phòng thủ trước nguy cơ bị quân Bồ Đào Nha tấn công, họ có vẻ không sợ hãi mà còn lóe lên niềm hi vọng. Gì thì gì còn hơn ách độc tài của Villegagnon. Quân Bồ Đào Nha tới đây, họ sẽ hoan nghênh như những người đến giải phóng. Cũng không loại trừ xảy ra một cuộc nổi loạn mới. Ban đêm, Just và các hiệp sĩ đều phải ngủ tập trung và cắt phiên gác chặt chẽ. Chắc cảnh bình minh huy hoàng của vùng nhiệt đới, biển cả màu ngọc bích lấp lánh và bầu trời trong sách không mây, tất cả không còn ý nghĩa gì nữa, bởi, lẫn át mọi tình cảm khác là sự sợ hãi và hận thù, trông thật ghê sợ, như ghê sợ lớp kem phấn, vì độc ác, và người ta trát lên bộ mặt nhăn nhúm của một kẻ đang hấp hối.

Bên phía đất liền, Martin đã thế chân Quạ, ra sức bành trướng thế lực. Để chơi khăm những người Nóóc măng bờ bên kia đang mở rộng hoạt động sang tận vùng sông hồ Cabo Frio, hắn đã lập một mạng lưới quan hệ với những vùng đất liền kề ở phía nam, xa hơn hồ Vases, và về phía Bắc, tới tận bang Bahia ở phía đông. Người ta nói hắn còn tiếp xúc với người Bồ Đào Nha ở Sao Salvador. Hắn rất căm thù Villegagnon, căm tiệt người bên đảo không được đặt chân lên đất liền, tấn công các sà lúp, không cho thổ dân bán thức gì cho người ngoài đảo. Tuy nhiên, ảnh hưởng của hắn chỉ có những phạm vi nhất định. Trừ những bộ tộc ven bờ trực tiếp chịu sự thống trị của Martin, phần lớn người Anh điêng vẫn trung thành với Paylo, mà Colombe đã gặp ở Tijuca. Nhờ sự thương lượng của nàng, đảo vẫn nhận được sản, cá khô và hoa quả. Đêm đêm sà lúp vẫn đến lấy hàng ở một chỗ khuất sâu trong vịnh, nơi Martin và đồng bọn không kiểm soát nổi. Vì thế, Villegagnon chưa phải nhờ đến các cơ sở Nóóc măng ở bờ bên kia.

Sau thành công ấy, Colombe được giao cùng với Quintin thường xuyên liên lạc với Paylo. Just không thích em mình luôn phải đi lại nguy hiểm trên đất Anh diêng, song cũng hiểu là không thể làm khác. Hơn nữa, chàng phải mừng vì em gái mình là người duy nhất trong cộng đồng vẫn khỏe mạnh, rục rờ, nhờ được tắm nước trong lành trên núi, nhờ bóng mát êm dịu của rừng và nhờ hoa quả tươi hái ngay từ trên cây xuống.

Nàng ra đi được một tháng thì một ngày chủ nhật tháng ba, lính trên đài quan sát của đảo ra dấu hiệu báo động: có bốn con tàu đang thẳng tiến vào cửa vịnh. Đây không phải lần đầu có chuyện tương tự. Nhưng những lần trước chỉ là tàu lẻ đi về hướng các cơ sở Noóc măng. Lần này bốn tàu phăm phăm tiến vào đồn Coligny. Do gió ngược, tàu đi chếch nên chưa nhìn rõ cờ hiệu.

Toàn đảo xôn xao lo lắng. Nếu là hạm đội của Bồ Đào Nha, thì không cách gì chống cự nổi. Lệnh báo động ban ra đáng lẽ phải làm ai nấy thêm hăng hái quyết tâm, thì ngược lại càng phơi bày sự yếu thế. Thành đang xây dở, chỉ cần vài phát đại bác bắn vào chắc sẽ nát vụn. Trời mưa lâu ngày, đạn được, thuốc súng ẩm ướt, liệu có phát hỏa được không. Lính tráng thì mệt mỏi, ốm o, đến một nửa không đáng tin cậy, có khi chúng không đánh địch mà còn thừa cơ bắn vào lưng đồng đội cũng nên.

Nhưng nếu đây là tàu Pháp, thì thật là phúc lớn.

Một giờ trôi qua, vẫn chưa phân biệt được quốc tịch của đoàn tàu. Đám hiệp sĩ chỉ còn biết cầu Chúa, còn nhiều người lại cầu quỷ sứ đến thanh toán họ cho rảnh nợ. Trời nóng kinh người, muỗi từ đầm lầy bay vo ve như muốn làm không khí thêm căng thẳng.

Cuối cùng, Villegagnon đã nhìn thấy cờ hiệu qua ống nhòm: đó là cờ hoàng gia Pháp.

Hy vọng là một điều gì đó luôn xoay chiều: người ta mà không cung cấp thức ăn mà nó thích thì nó sẽ chấp nhận một loại khác, miễn là sống được. Bây giờ thì tất cả những kẻ ghét Villagagnon và mong chờ quân Bồ Đào Nha đến giải cứu đều quay ra hoan hô tàu Pháp: tuy có cái dở là những người mới đến sẽ không xử lý đô đốc, nhưng chí ít cũng có cái hay là cứu

sống họ. Trên đảo ồn lên tiếng hò reo, những bộ mặt hốc hác, râu ria xồm xoàm ôm chầm lấy nhau. Villegagnon lệnh cho hai sà lúp nhổ neo, bản thân ông lên một chiếc làm hoa tiêu dẫn đường cho đoàn tàu tránh bãi đá ngầm. Dù giữa trưa nắng chói, ông cứ đứng đầu trần, bên cạnh là Just áo phanh ngực, đứng giữa mớ dây dợ vút thành từng đồng trong lúc vội rời bờ. Khi sà lúp áp sát chiếc tàu đi đầu mà mạn phủ một lớp vỏ ốc trắng phếch, họ trao đổi vài lời chào hỏi. Những người trên tàu tỏ ý muốn đổ bộ ngay. Viên thuyền trưởng thả thang dây xuống hai sà lúp. Ba nhân vật trịnh trọng leo xuống, một người ăn mặc kiêu quý tộc nông thôn, hai người kia đều bận đen tuyền. Cả ba đều có vẻ khỏe mạnh dù vừa qua bốn tháng lớn lênh đênh trên biển.

Cuộc giới thiệu ra mắt được tiến hành ngay trên sà lúp. Người thứ nhất, áo chên bằng nhung đỏ, quần nịt cũng đỏ, tự xưng:

- Philippe de Corguilleray, tức DuPont.

Ông ta giơ tay cúi rạp xuống chào như trong cung đình, nhưng một con sóng bất ngờ làm thuyền chao đảo, và ông ngã xuống lòng một thủy thủ.

Một người mặc áo đen giữ nét mặt nghiêm trang, tự giới thiệu:

- Pierre Richer.

Ông này có chòm râu cằm ngắn, cắt nhọn. Áo dài từ đầu đến chân, đen tuyền như quạ. Ông ta tỏ ra mình là người đứng đầu cả nhóm bằng cách chìa tay giới thiệu nhân vật đen tuyền thứ hai:

- Guillaume Chartier.

Lại một con sóng nữa làm thuyền chòng chành, nhưng Villegagnon cố đứng vững hai chân để giữ tư thế, và hỏi, trong lòng phân vân không biết nên tạ ơn ai đã cử đoàn tàu này tới để cứu nguy cho mình:

- Các ngài là phái viên của Hoàng đế nước Pháp?

- Không – Richer đáp. Chúng tôi là người của Calvin, ở Genève.

Sóng đã yên, thuyền đã lặng, nhưng lần này thì Villagagnon bật ngựa về phía sau vì quá bất ngờ và quá xúc động. Cả thân hình cao lớn của ông ngã khuyu xuống, làm con thuyền suýt chìm nghiêng.

*

* *

Villegagnon được đưa ngay về phòng và dần dần hồi phục. Ông ra các chỉ thị cần thiết cho Thoret và Just tiếp đón các vị khách. Đã từ rất lâu rồi ông mới tự cho phép mình nằm nghỉ một ngày trên giường, dành thời gian để nghiên cứu lá thư của Calvin do DuPont chuyển tới.

Các tàu mới đến bỏ neo cạnh hai tàu trước, hợp thành một hạm đội oai nghiêm dưới ánh mặt trời. Các sà lúp liên tục qua lại như con thoi để chở từng đoàn người trên tàu xuống đảo. Cuộc đổ bộ này khác xa với hồi hai năm trước lúc đoàn người của Villgagnon là những người Pháp đầu tiên đến chiếm lĩnh hòn đảo hoang vắng. Trước hết, các vị mới đến đều khỏe mạnh. Tàu của họ không có chỉ huy như Villegagnon ra lệnh cướp bóc, nên dọc đường họ đã tranh thủ cướp được mấy miếng mồi ngon: những tàu đi buôn lẻ, những tàu không đủ lực tự vệ, và cả một số tàu chiến nhưng kém hơn về lực lượng và súng ống. Vì vậy nên cả mấy tháng trời, họ không lo thiếu lương thực thực phẩm, còn thừa thãi là khác. Ngay khi mới nhổ neo, họ đã vớ được một thuyền chở rượu vang, đủ để say sưa suốt tuyến. Tiếp đó là một tàu từ Anh đi Portsmouth, gần như còn nguyên thực phẩm tươi sống. Cuối cùng, trước khi đến vùng Cabo Frio, là một thuyền Tây Ban Nha chở đầy thịt ướp và cá muối. Họ móc luôn thuyền này đi theo, sau khi đã đuổi hết thủy thủ xuống hai sà lúp mặc cho trôi dạt đến đâu thì đi. Cho nên lúc ở Pháp đi chỉ có ba, khi đến Guanabara, họ có bốn tàu thuyền tất cả. Được qua một chuyến đi thuận lợi, đánh đâu được đấy, ăn uống đầy đủ, béo tốt, người mới đến không khỏi kinh hãi nhìn thấy người đến trước mình đều ốm gầy, nhem nhuốc.

Người đến trước thì vừa xấu hổ vừa sĩ diện hão. Xấu hổ vì tự so sánh thấy mình quá tiều tụy, gần như trở thành man rợ mọi rợ, bị nhốt trong một vùng đất mà chính mình đã xáo tung. Sĩ diện vì từ nay có những kẻ ngây

thor chưa biết gì về thực tế cuộc sống ở đây để mà dạy bảo. Hóa ra không chỉ có mình mình phải chịu cảnh khổ ải này, bây giờ đã có người đến chia sẻ. Cuộc tiếp xúc hòa nhập diễn ra nhanh chóng theo kiểu đồng thanh tương ứng: lính tráng bên này tìm đến lính tráng bên kia; phía thợ thuyền cũng vậy, người ở ngành nghề nào lại tìm đến các đồng nghiệp của mình. Họ đưa nhau đi thăm đảo, chỉ nơi ăn chốn ngủ, tức là ngay mặt đất, dưới mái che bằng lá cọ, rồi giờ giấc sinh hoạt và công việc, đó cũng là một cơ hội để làm quen nhau. Người mới đến hoang mang, thất vọng ra mặt, người cũ thì nhìn đó tính toán xem có thể kiếm được cái gì có lợi cho mình.

Just được giao nhiệm vụ đưa dẫn những nhân vật quan trọng nhất của đoàn mới tới đến nơi ở, đó là DuPont, Richer và mười thợ thủ công theo đạo tin lành, đệ tử của Calvin, những người này đều mặc đồ đen như mục sư, luôn làm ra vẻ quan trọng. Lệnh của Villegagnon là lấy khu lán của các hiệp sĩ cho họ ở. Khu này dựa lưng vào chân tường thành đang xây một phần nền được tôn cao bằng đá, mái lợp bằng ván gỗ. Trong cảnh thiếu thốn chung, được thế đã là sang. Khi giới thiệu nơi này, Just nghĩ rằng khách hân đã thấy họ được rất chiếu cố. Nhưng, vừa mở cái cửa bằng gỗ thùng của căn phòng bé xíu đầu tiên, Just đã vấp ngay phải một phản ứng phản nộ: một tiếng “sì” phát ra từ miệng DuPont:

- Các người định cho chúng ta ở cái hốc này à?

Ông ta trạc tuổi Villegagnon, nhưng vóc dáng gầy gò, khắc khổ hơn. Just lúng búng:

- Chỗ này là...tốt nhất rồi đấy ạ.

- Sao! Hai năm trời, với bao con người tài hoa thế mà không xây nổi những căn nhà tử tế hơn?

- Dạ thưa... Just lại áp ứng – ngài đô đốc đặt vấn đề phòng thủ lên trên hết. Chúng tôi tập trung xây pháo đài...

DuPont ngược mắt nhìn bức tường thành dang dở, tỏ vẻ khinh thường, hàm ý thành này thì còn lâu mới ra thành.

Richer lúc này mới cất giọng ồm ồm:

- Nhưng hình như ta nhìn thấy Villegagnon có chỗ ở đằng hoàng. Thì ra các người cũng xây được dinh thự ra trò đấy chứ.

Just vẫn khoan thai giải thích:

- Vâng, nhưng nhà ấy đâu phải của riêng ông. Cần có một dinh thống đốc để thể hiện sự uy tín của nhà vua trên đất này.

- Dinh thống đốc! DuPont nói, giọng coi thường. Thì cứ cho là thế đi, nhưng quyền gì mà Villegagnon giữ lấy cho riêng mình?

Ông ta sắp nổi cáu, Richer đã níu tay ông ta, đưa mắt ra hiệu, ý nói chưa phải lúc để xới lên vấn đề.

DuPont im không nói gì nữa, húng hắng ho và sau khi đã hít một hơi thật sâu có thể đủ không khí cho cả buổi thăm thú khắp cả hòn đảo, mới bước vào gian đầu. Những người khác nhận lấy gian của mình. Richer chiếm một mình một gian, còn thì cứ hai người một. Sau khi họ sắp xếp xong đồ đạc với vẻ mặt không vui, Just mời đi thăm tiếp công trường xây đồn.

- Ngài đô đốc muốn tránh sự xáo trộn, nên công việc tiếp tục ngay ngày mai. Phiên các ngài lệnh cho quân sĩ có mặt trên công trường sau bữa sáng. Chúng tôi sẽ chia họ thành từng đội. Tôi sẽ có mặt chờ các ngài đến để phân công.

- Phân công chúng ta! – Các vị mới ồ lên.

DuPont lên giọng:

- Vậy ra Villegagnon coi chúng ta là lũ thợ đầu của ông ấy?

- Không phải của ông ấy, thưa ngài – Just vẫn giữ giọng nghiêm trang – mà là của nước Pháp Nam cực. Không một người nào được miễn trách

nhiệm. Nhất thiết phải xây xong trước mùa mưa. Đến nay chúng tôi chưa bị bọn Bồ Đào Nha tấn công, nhưng...

DuPont lên mặt kẻ cả:

- Này chàng trai trẻ, ngài đô đốc của các anh có thể giới tổ chức...

Ông ta nheo mắt nhìn Richer:

- ... nhưng ta nói cho mà biết, ông ấy chả giỏi gì về chính trị. Bây giờ thì Bồ Đào Nha chẳng đại gì mà làm mất lòng nước Pháp ở châu Mỹ này. Từ sau sự thoái vị của hoàng đế...

- Sao! – Just cắt ngang. Vua Chales Quint đã thoái vị?

- Được mười tám tháng rồi. Các người... không biết gì sao?

Sự ngạc nhiên của Just đã là lời đáp án cho câu hỏi. Các vị khách nhìn quanh đảo với con mắt bội phần ngạc. Hóa ra cư dân ở đây sống trong tình cảnh cô lập chẳng kém những kẻ bị đắm tàu trôi dạt đến nơi vô định. Có lẽ họ là những người Pháp duy nhất không nghe thấy tiếng đồ võ của một ngai vàng cỡ lớn nhất thế giới.

DuPont nói tiếp với giọng của thầy dạy trò:

- Cho nên Tây Ban Nha từ nay đã tách khỏi Đế chế. Charles Quint không kịp truyền lại gì cho con trai là Philippe II, và Ferdinand, em trai ông ta, thừa hưởng ngai vàng. Tất cả các cường quốc ở Châu Âu đều đã ký hòa ước. Vì vậy làm gì có chuyện quân đội Bồ Đào Nha đến đây gây rối để...

Ông nhún vai:

- ... để chiếm cái hòn đảo bé tẹo này!

Đó là những tin vui, song bao tháng trời phục vụ dưới trướng chủ soái đã luyện Just thành người lính thực thụ. Chàng lắc đầu:

- Không biết. Chừng nào chưa có lệnh của đô đốc, công việc vẫn tiến hành, và ngày mai tôi vẫn chỉ dẫn các vị người nào vào việc này.

*

* *

Mọi thứ còn ngổn ngang thì trời đã ập tối. Hòm xiềng vương đầy bãi cát, sà lúp đi lại như con thoi. Lợi dụng lúc lộn xộn, mười dân cũ của đảo đã bỏ trốn sang đất liền, sáng hôm sau mọi người mới biết.

Trước đây vì thiếu nền nên cứ tối đến là có lệnh cấm lửa, trên đảo tối om. Những người mới đến thì không thể, họ thắp đèn, đốt đuốc khắp nơi, cứ như trên đảo có hội.

Richer cầm một cây đèn đến tìm Just và nói:

- Giờ trời đã tối, đã đến lúc ta cho lũ con gái lên bờ.

Just há hốc miệng, thoát đầu tưởng đây là chuyện thâm lén bấy bọ của Quạ trước đây. Nhưng nhìn nét mặt nghiêm chỉnh của ông thầy tu, chàng hiểu ra là không phải. Để đặt chân xuống đất, các cô gái phải trèo qua thành tàu rồi leo thang dây xuống sà lúp thật bất tiện, cần làm kín đáo. Các cô này được đưa đến đây để rồi sẽ tổ chức hôn phối hoàng, vậy không thể để mọi người mục kích cảnh hờ hênh như vậy:

- Các anh định cho họ ở đâu? – Richer hỏi.

Và dường như có ý định sẵn, ông nói luôn:

- Hay là ta đưa họ vào ở ngay trong dinh thống đốc?

Just phát hoảng. Villegagnon đang yếu mệt, cần nằm nghỉ, sao có thể giao ông cho đám đàn bà con gái trông nom được. Nhưng làm thế nào bây giờ đây? May thay chàng nhanh trí nghĩ ra giải pháp, và nói:

- Cho vào lán trại của đội cận vệ Xcótlen!

Các anh chàng xứ Ca-lê-đô-ni đáng thương đã phải chịu nhiều thiệt thòi rồi. Thôi thì đành phải lùa cả đám lính này ra trú ở phòng ngoài của Villegagnon vậy, như thế ngài đô đốc được bảo vệ chặt chẽ.

Các cô gái – cùng các bà vú quản lý họ – đang chờ trên một trong ba tàu. Just đi theo Richer lên đón họ. Vào tới khoang tàu chật hẹp, họ thấy năm bóng người mảnh dẻ đang đứng, còn năm bà vú thì ngồi đuềnh đoảng. Căn phòng kín mít nóng kinh người. Thấy Just vào, các cặp mắt nhìn xuống ra vẻ e lệ, nhưng không tránh khỏi lúc lúc lại ngược lên để ngắm chàng trai tuấn tú đi theo ông mục sư. Trong khoang có đèn sáng, nhưng trong lúc nhấp nhóa Just không nhìn kĩ các cô gái, chỉ loang loáng thấy những cánh áo phấp phồng với mùi hương đặc biệt trộn lẫn giữa xà phòng với mồ hôi đàn bà.

Trên tàu chẳng có tiện nghi gì, song Just vẫn lo lắng khi nghĩ những con người mảnh dẻ ấy sẽ sống thế nào trong điều kiện khốc liệt của đảo. Chàng quên mất rằng Colombe đã chia sẻ cuộc sống ấy một cách rất tự nhiên, và các cô gái Anh diêng cũng sống như thế bao lâu nay.

Phút xúc động đầu tiên qua đi mọi người ồn ào chuẩn bị. Váy áo loạt soạt, tiếng ríu rít như chim hòa lẫn với tiếng lầu bầu của các bà vú. Mười người đi qua trước mặt Just nhưng chàng chẳng chú ý đến ai, trừ khuôn mặt rất nhăn nheo của một bà thị nữ, khiến chàng liên tưởng đến một con kì nhông. Tự trách mình vì dám so sánh như thế, chàng cúi mặt xuống, mặt đỏ bừng.

Các cô gái tranh nhau bám vào chiếc thang dây, gọi nhau ơi ới.

Richer bảo Just:

- Còn một cô nữa, anh giúp tôi đưa cô ấy xuống.

Just đi theo mục sư vào một góc khoang, có rèm che ngăn cách. Một bà vú ngồi trên giường. Richer hỏi:

- Cô ấy thế nào?

- Phải khiêng xuống thôi – bà vú đáp. Sốt vẫn không giảm.

- Cô này đang ốm – Richer gợi ý: Theo tôi, nên để cô ấy ở một gian còn trống ở khu chúng tôi ở.

Rồi ông làm bộ cúi xuống người ốm. Nhưng với bộ dạng mảnh khảnh ấy, làm sao ông cóng nổi người, dù là con gái. Just đề nghị để mình làm, lập tức ông mục sư nhường chỗ ngay. Người ốm được bọc kín trong một tấm choàng đen có mũ che kín mặt. Just nghĩ bụng: người khỏe mà trùm thế này thì cũng sẽ phát ốm. Chàng luôn hai tay xuống dưới tấm thân mảnh dẻ, đỡ lên và ngạc nhiên thấy nó quá nhẹ.

- Cần thận đấy – Richer dặn.

Rồi khỏi để bị hiểu lầm, ông nói thêm:

- Đây là cháu gái tôi.

Just đã bế cô bé ra ngoài boong. Một làn gió làm lật chiếc mũ trùm đầu. Hai cây đèn treo trên cột soi rõ từng nét mặt cô. Mái tóc đen nhánh ôm sát một khuôn mặt đáng yêu với đôi mắt tròn chòn biết nói, cô gái quả thật là xinh đẹp lạ lùng khiến Just suýt kêu lên một tiếng. Cô hơi mím môi, Just vội ngậm miệng và đưa tay trùm lại mũ như cũ. Chàng nghĩ thầm, ai đó muốn thể hiện cái hôn thì chỉ cần vẽ đôi môi giống hệt này là đạt. Cô gái lại chìm vào bóng tối cho đến lúc chàng đưa nàng về tới nơi ở.

CHƯƠNG 2

Với Colombe, năm ấy là một năm thoải mái. Được tự do đi lại giữa đảo và đất liền. Được sống cạnh Just, và đúng là hạnh phúc lớn khi rời bỏ tuổi thơ để bước vào tuổi mới lớn mà không phải xa anh. Nàng thấy anh mình ngày càng đẹp ra, xứng với tước hiệu hiệp sĩ mới nhận. Gặp hoàn cảnh khó khăn, chàng chứng tỏ ra có đủ nghị lực vượt qua, điều đó khiến nàng càng khâm phục. Chàng nghiêm khắc mà không tàn nhẫn, biết động viên mọi người, đôi mắt luôn sáng ngời ý tưởng. Chàng lấy Villegagnon làm mẫu, song bộ tịch quá đáng, gần như lối bịch của ông đô đốc sang đến chàng lại có sự cân bằng mềm dẻo của một người thực sự đàng hoàng. Đô đốc chủ trương phải giữ mình chay tịnh, luôn mồm báng bỏ phái nữ, điều đó làm Colombe hết sức bất bình, khó chịu. Just cũng tán thành phải rèn khổ hạnh, song với phụ nữ lại tỏ ra tôn trọng; chứng cứ là thái độ đối xử nhân đạo của chàng với những nô lệ nữ người Anh diêng lao động trên công trường.

Bây giờ dường như cả đảo đã đoán Colombe là con gái. Nhưng vì những chuyến qua lại trên đất liền của nàng có lợi cho mọi người, và ai nấy cũng quý nàng nữa, nên không ai đem việc ấy mách Villegagnon, mà ông này thì có mắt như mù, không thấy gì hết. Và những ngày thăm tình anh em giữa Colombe và Just cứ thế trôi qua, và mặc dù phải thừa nhận là họ rất khác nhau, nhưng họ đã thống nhất sẽ tuyệt đối chấp nhận nhau. Ngoài tình anh em ra, Colombe và Just còn có tình bạn trong trắng gắn bó mật thiết và luôn che chở nhau nhưng không phụ thuộc, họ có tình đồng đội theo tinh thần hào hiệp thích hợp với thời đại Jeanne D'Arc.

Colombe hài lòng với tình cảm ấy bởi vì nàng không còn ai để lựa chọn và Just cũng hài lòng. Nhưng nàng sẽ còn đòi hỏi hơn thế nữa nếu không có một niềm hạnh phúc khác tràn đầy trong lòng những thời gian dài vắng mặt mà nàng sống cùng người Anh diêng...

Từ ngày được tiếp cận Paylo, nàng chợt nhận ra cái thế giới cũ trên đất liền tưởng đã mất, nay lại trở lại. Nàng giữ kỷ niệm khó quên về lần gặp gỡ đầu tiên ấy. Theo chân chàng người Anh Charles, Quintin và nàng đã lên tới những đỉnh cao um tùm ở mạn nam, đứng từ đó nhìn xuống biển thì hòn núi

hình bánh ngọt chỉ còn nhỏ tí, và so với đỉnh Corcovado sừng sững thì trông nó có vẻ như người tí hon bên cạnh người khổng lồ. Thay cho cái nóng ngọt ngạt dưới vịnh là một bầu không khí thoáng mát từ ngoài khơi tràn vào và làn gió se se lạnh của vùng cao. Khu vực của Paylo không có rào cản nào xác định, ta đoán biết đã tới nơi là do lẫn với mùi hăng hắc của thông và gỗ Brésil có thêm mùi hương của những cây quen thuộc với cuộc sống như: cây dái ngựa trấu quả, cô pa cho dầu quý, và bông trồng bạt ngàn. Không rõ những cây ấy là do người trồng, hay là do sự có mặt của Paylo, thiên nhiên đã đem chúng tới đây làm lễ vật.

Rồi, trong một khu rừng thông râm mát, lá thông khô xào xạc dưới chân, họ đến chân một con dốc đánh thành bậc và mỗi bậc lại được lót một khúc gỗ tròn. Trong gần một tiếng đồng hồ, họ phải trèo hàng trăm bậc thang quanh co leo lên một ngọn đồi um tùm cây lá. Dọc đường gặp từng đàn khỉ và vẹt kêu chiu chít như chào mừng. Cao hơn nữa, có tới ba chục con công xòe đuôi muôn sắc. Họ cũng gặp một toán Anh điêng từ trên đi xuống – tất nhiên đều trần truồng – nét mặt tươi cười.

Cuối cùng, ngôi nhà đã hiện ra. Charles phải chỉ cho họ thấy, bằng không họ không thể ngờ. Thực ra đó là một nơi ở nằm ngay giữa cây cối, mái che là cành cây chằng chịt, cột là những thân cây sống. Có thể nói là bóng cây trùm lên vô số cột tự nhiên và cả khu nhà chỉ là một hệ thống vách ngăn bằng gỗ nối liền các thân cây, bị các loài thực vật thấp nhỏ từ dưới thúc lên, xé lẻ, nang cao, uốn cong bởi sức đẩy của cây cỏ, tạo ra những lỗ hổng rải rác khắp nơi. Tuy nhiên tất cả đều khá ngăn nắp. Không có cửa, nhưng có lối vào dàng hoàng, có bậc đi lên. Giữa nhà trên nền đất nện, có một khoảng lát gạch theo kiểu Bồ Đào Nha, trên đặt một lẵng hoa quả, chung quanh xếp một loạt vò có men đỏ chói, trong đó chất đầy hoa quả cũ, cắm rất nhiều gậy gộc và ô. Họ theo Charles đi sâu vào trong nhà. Trong cảnh tranh tối tranh sáng, người ta không còn chú ý đến bộ khung toà lâu đài có các cây to làm cột nữa. Chỉ có mùi đất nện và mùi nhựa cây là khiến cho khách nhớ rằng đây là một công trình nằm lọt thỏm giữa một lỗ hổng của thiên nhiên, mà nó hào phóng nhường cho con người. Sự tài giỏi khôn ngoan của kẻ sắp đặt này là ở chỗ, phía sau nép vào sườn núi như để được bao bọc, phía trước mở rộng ra khoảng không gian không có gì che khuất của chân trời: tầm mắt ở phía này phóng rất xa, lướt trên mái nhà nhấp nhô xanh rờn của rừng, ra đến tận khoảng trống bao la ngoài vịnh màu địa y

nhạt. Đường gấp khúc uốn éo của bờ biển, các ngọn núi lẻ tẻ nhọn hoắt giống như hình một hàm răng chó, nhưng từ trên cao nhìn xuống, trông chẳng đáng sợ chút nào, chỉ như cơn giận hờn thoáng qua của trẻ con. Và ở hướng tây, dãy núi lô nhô kéo dài vô tận gợi cho ta nhớ rằng, vịnh chỉ như một vết đứt tay nhỏ trên cả lục địa châu Mỹ rộng mênh mông.

Cảnh đẹp huy hoàng ngoài xa làm lu mờ hẳn vẻ đa dạng hấp dẫn của phần nội thất. Từ ngoài nắng trở vào vùng tranh tối tranh sáng trong nhà, người ta cũng phải ngỡ sỡ không kém. Gian nào cũng chứa những vật dụng vừa gần gũi vừa xa lạ: một hình người khổng lồ cướp được ở mũi một con tàu, mặt nhẵn nhúm, phủ vải đỏ pha sợi vàng, vô số rương hòm bằng da gắn quả đồng, đồ sứ Pháp, một bộ bát đĩa bạc... Chúng bị vút lung tung, chẳng ai buồn xếp dọn, mặc cho loài vật thỏa sức tàn phá. Hai chú vẹt đã chiếm lĩnh một ngăn kéo trên mở toang của một cái tủ bát đĩa. Từng dòng côn trùng bò lổm ngổm từ các loại đồ gỗ gia công cầu kì đến mặt đất đã bị rễ cây bò lan đâm dọc đâm ngang và bị thú rừng đào hang lổn nhổn. Và, chi chiều vừa buông, hàng đàn cóc, có khi hàng mấy chục con, ngồi trong bóng tối phập phồng cổ theo nhịp, như từng ấy trái tim nhỏ bé bị giật ra khỏi những lồng ngực thiêng liêng.

Lần đầu họ đến, Paylo đang mệt, nhưng có vợ ông ra tiếp đón. Đó là một phụ nữ Anh diêng cao dong, choàng tấm áo trắng dài, trông giống như một nữ quý tộc La Mã. Nhiều phụ nữ khác, già có, trẻ có, đi lại trong nhà. Họ đều có vẻ mặt tươi cười, không có gì phân biệt giữa chủ và tớ. Quintin nhìn họ không chớp mắt vì thấy đây là những đối tượng để ông thuyết phục quy đạo. Colombe phải nhắc ông cẩn thận, chớ vội mừng. Nhiều chiến binh người Tupi đi ra đi vào, về hùng dũng. Thỉnh thoảng, họ được phép bước vào gian phòng mà Paylo sống ẩn dật, và khi đi ra, họ đều có vẻ trầm ngâm như mãi nghĩ về những lời chỉ bảo của ông. Tòa nhà xanh ấy mỏng manh đến nỗi, dù có vách cánh lá đan xen chắn ánh sáng các gian phòng chen chúc nhau, mọi tiếng động vẫn lọt qua, như giữa rừng. Có tiếng trẻ con líu ríu đâu đây, chứng tỏ khu vực của Paylo còn nhiều túp lều rải rác trong rừng, có từng gia đình cư trú.

Lần tiếp xúc đầu tiên diễn ra vào một buổi sáng, Charles đến tìm Quintin và Colombe, tươi cười báo tin Paylo đã đỡ và đang chờ họ ở bãi đất nện trước cửa phòng mình. Đây là một thứ hiên không mái che, nhô ra giữa

một rừng cây sung và thông, nhìn thẳng ra vịnh nhưng rất xa. Sự xuất hiện của Paylo ở đây gây một ấn tượng kỳ lạ. Toàn bộ con người ông đều mảnh mai: từ thân hình gầy gò, cái cổ cao đến đôi bàn tay dài, nhưng ông đứng đó như một chiến binh vươn lên chống chọi mọi tên đạn, thách thức cái chết. Nói Paylo già là chưa đủ; ông chính là hiện thân của thời gian. Tất cả những gì mà tuổi tác, năm tháng đã lấy đi của ông hiện rõ trên bộ mặt nhằng nhịt những vết nhăn. Chòm râu bạc phơ. Trong hõm sâu, đôi mắt sáng trong tỏ rõ niềm vui sướng đã gạt bỏ hết oán trách, chua chát, hận thù, để chỉ còn long lanh một sự thanh thản.

Sau khi đã chào hai vị khách mới đến, Paylo quay về phía Colombe, nhìn thẳng vào đôi mắt sâu thẳm của nàng:

- Vậy ra, đây là Mắt – Mặt trời.

Chỉ với câu ấy, Colombe đã có cảm giác mình được trở về với những người đang tìm kiếm. Ngay trong giọng nói của Paylo cũng giống như Paraguacu, và nàng không nghi ngờ gì nữa là cô gái Anh diêng đã kể với Paylo cái biệt hiệu ấy.

Nhưng trước khi đề cập đến vấn đề người Anh diêng, Paylo trả lời các câu hỏi mà ông Quintin đã chuẩn bị cho có thứ tự, đồng thời tự giới thiệu về mình và trách nhiệm của mình.

Qua những lời đầu tiên trao đổi với Paylo, Colombe và Quintin đều vô cùng ngạc nhiên thấy ông biết hết mọi chuyện. Từ việc đoàn người của Villagagnon đổ bộ lên đảo cho đến những vụ rắc rối mới đây của Quạ và Martin. Ông biết mọi chi tiết về cuộc sống người dân trên đảo. Ông nói ngay để đánh tan mọi sự hiểu lầm:

- Có gì đâu, người Anh diêng kể với ta tất cả. Họ tin ta. Ta là người da trắng cao tuổi nhất vùng này.

- Hẳn ông bị đắm tàu mới có mặt tại đây? – Quintin hỏi.

Nói ra thì các vị cho là lạ: không phải. Ta đến đây là do tự nguyện, ở lại đây cũng tự nguyện.

- Ông là thương nhân?

Paylo đưa tay lên giụi mắt như để xua đi mệt mỏi, đáp:

- Không, hoàn toàn không.

Rồi, miễn cưỡng như không muốn nói thêm về mình, ông buộc phải đưa ra lời giải thích cần thiết:

- Tên ta là Laurent de Mehun, do đó người Anh điêng gọi là Paylo, có nghĩa là già Laurent. Bố mẹ ta cũng thuộc giới quý tộc cơ đấy, nhưng nhà quý tộc nhỏ thôi. Các cụ cho ta học số học, hình học, thiên văn học và nhạc và ta trở thành tiến sĩ triết học. Ta cũng say mê môn địa lý. Rồi ta đi theo các thương nhân Nóoc mắng tới đây từ những ngày đầu của thế kỷ.

Quintin thốt lên:

- Sao, người Bồ Đào Nha mới chỉ đến vùng đất này từ năm 1501 cơ mà!

- Rất đúng, và nếu các vị đến đây sớm hơn hai năm thì có thể gặp một người của họ ở lại đây. Còn họ thì đã chuyển lên phía trên nữa, phía Bahia.

Paylo giơ tay chỉ lên hướng bắc, và, với khoảng rộng thẳng cánh cò bay của cả lục địa, có thể tưởng tượng là hàng trăm dặm được thể hiện chỉ bằng mấy ngón tay xòe rộng của ông.

- Cabral là người chỉ huy đoàn viễn chinh đầu tiên ấy, mang theo nhiều kẻ tội phạm vào tù ra tội, vì người khác ai dám mạo hiểm cùng đi. Tới Brésil, hắn cho dựng một cây thập tự trên bãi cát rồi ra lệnh quăng hai người trong số bọn tù khổ sai lên đó. Thật khủng khiếp, hai người kêu gào thảm thiết, cứ bấu lấy thuyền không chịu rời, thủy thủ phải lấy mái chèo phang mạnh và hất ra. Bọn chúng đành phải ở lại vùng bờ biển xa lạ, trong hoàn cảnh đơn độc và sợ hãi.

- Và lúc ấy ông có mặt tại đó?

- Ta ở đó đã hơn một năm. Ta không trở về với đoàn thương nhân Noóc măng. Khi thổ dân Anh điêng bắt hai người Bồ Đào Nha khốn khổ nọ, họ dẫn đến chỗ ta. Một người đã sống tại đây cho đến lúc chết. Người kia thì đi lên São Salvador sau ngày thành phố này được người Bồ Đào Nha tạo dựng.

- Vậy ra, chính ông mới là người khám phá đất Bré sil! – Colombe kêu lên.

- Điều ấy có gì quan trọng. Người Châu Âu chúng ta thật huênh hoang vô lối, cứ tưởng rằng lục địa này phải chờ họ đến rồi mới hiện hữu trên trái đất.

Colombe siu mặt, cắt hứng. Nàng tự trách mình đã nói một câu ngây ngô đến thế. Paylo nhẹ nhàng nói tiếp:

- Còn ta, thì chính mảnh đất này đã khám phá ra ta.

Paylo là như vậy đó; càng chuyện trò, tiếp xúc, hai người càng hiểu ông, quý ông hơn.

Khi họ hỏi tại sao ông lại để mặc Quạ mặc sức tung hoành đến mức suýt gây tai họa cho đảo, ông đáp:

- Trong chốn rừng này, cái ác lại bị cái ác trừng trị. Kẻ yếu thế muốn sống sót chỉ cầu mong một điều, là các kẻ thù tự tiêu diệt lẫn nhau. Villegagnon đến đây với tư tưởng chinh phục, việc gì ta phải đứng về phía ông ấy, dù phía bên kia cũng là những tên đầu bò đầu bướu?

Tuy nhiên, đến lần gặp thứ hai diễn ra tháng sau, Paylo nhận giúp đảo, cung ứng các vật phẩm cần thiết. Ông đã nói với thổ dân, và một bộ tộc Anh điêng đồng ý dành ra một số sản phẩm, Villegagnon sẽ cho người sang lấy và phải phòng ngừa quân của Martin mục kích. Ông nói:

- Ông làm việc ấy vì cháu đây, cháu Mất- Mặt trời ạ. Và cũng vì anh trai cháu nữa, cậu ấy đã đối xử tốt với thổ dân đang làm việc trên đảo. Hình như chỉ có mình cậu ấy có thái độ như vậy.

Điều thỉnh cầu duy nhất mà Paylo vui vẻ nhận lời là sẽ cho người đi tìm Paraguacu và thân thuộc. Bộ tộc cô ta qua đây lúc dịch bệnh mới phát, nhưng bây giờ không biết ở đâu. Đã tìm mãi mà không có tin tức gì.

Đến lần thứ ba, Paylo cho biết vẫn không có manh mối. Hay là họ đã chết vì bệnh dịch rồi chẳng? Hoặc là không may chạy tới những vùng đất có những bộ tộc thù địch? Vì quá về phía nam, có bộ tộc Margageat, liên kết với bọn Bồ Đào Nha, thường tiêu diệt người Tupi phía bên này không may lạc vào lãnh thổ của chúng.

Mỗi lần sang đất liền, Quintin và Colombe thường trú ở nhà Paylo nhiều tuần. Nay thì họ biết rõ mọi góc ngách sân trời và hầm ngầm của ngôi nhà, những đồ vật kì quặc trong đó đã trở thành thân thuộc. Paylo thu thập, cất giữ mọi thứ trên các tàu đắm trôi dạt vào. Mỗi khi có tàu bị nạn đâm vào đá ngầm, thổ dân lại ra vớt đủ mọi thứ: hòm xiềng, giấy má, đồ dùng... đưa đến tặng ông. Nếu có người sống sót, họ cũng đưa đến gặp Paylo. Ông chu cấp mọi thứ cho họ mà không áp đặt điều kiện gì, sau đó muốn đi đâu tùy ý. Có người xin ở lại, như anh chàng đầu bếp người Hà Lan chẳng hạn, anh ta biết làm xúc xích và món móng ninh theo kiểu Anvers rất ngon. Một số tản ra tự sinh sống ở nhiều điểm quanh vịnh, và tất nhiên giữ quan hệ thân thiện, khiến ảnh hưởng của Paylo lan rộng.

Ngoài bà vợ hiện nay, vị già làng này còn một số người thiếp khác, theo đúng phong tục Anh diêng, không bao giờ vi phạm những luật lệ mà thổ dân rất tôn trọng. Ông đã nuôi dạy rất nhiều con và con cháu ông rất đông, đông đến nỗi khắp vùng vịnh, nhiều chiến binh Tupi có thể tự hào mình thuộc dòng giống nhà ông. Ở vùng rừng núi này, ông đã di truyền được sắc xanh xanh trong đáy mắt nhiều thổ dân theo phong tục không mặc quần áo. Người châu Âu nhìn họ hẳn không thể ngờ trong thân thể những chiến binh trần truồng ấy lại chảy một dòng máu da trắng.

Lúc đoàn tàu chở những người Tin lành lên đảo, Colombe và Quintin đang ở chỗ Paylo lần thứ ba được bốn tuần và chuẩn bị ra về. Một hôm, nàng đang học cách tết quần áo bằng lông chim thì được tin Paylo cho gọi. Đến nơi, thấy có hai chiến binh Tupi đứng cạnh ông già, môi xẻ và đeo một cái đĩa để cho căng. Paylo chỉ một chiến binh, nói:

- Đây là Avati, cháu gọi ta bằng bác. Nó vừa từ Copacabana lên và cho biết có một đoàn tàu tiến về đảo.

- Bọn Bò Đào Nha! – Colombe kêu, nghĩ ngay rằng Just đang gặp nguy hiểm.

- Có vẻ không phải – Paylo lắc đầu. Không thấy có tiếng súng, cũng không có dấu hiệu là có giao tranh. Có lẽ đây là đoàn viện binh mà Villagagnon đã yêu cầu.

Rồi cúi nhìn bàn tay xương xẩu của mình, ông nói tiếp:

- Tiếc thay.

Vừa lúc đó, Quintin hồng hộc chạy tới. Paylo không còn lạ gì nhiệt tình truyền giáo của người đàn ông bé nhỏ này nữa và thường vui vẻ chế giễu ông ta, cũng như tất cả mọi người khác trong làng. Ông vừa cười vừa hỏi vui:

- Vẫn đang mải rao giảng sách Phúc âm, phải không?

Ông nói tiếp:

- Hai người muốn ở đây để chờ xem tình hình diễn biến ra sao thì tùy.

Nhìn thấy thái độ nôn nóng của Colombe, ông nói luôn:

- Hay nếu muốn về nhà ngay, tôi sẽ bảo Avati dẫn đường. Hãy cẩn thận, bọn cướp gần bờ ngày càng nguy hiểm, hai người cứ theo Avati, sẽ không sao.

Lần thứ ba, Quintin và Colombe lại chia tay với ông già và lao vội về phía vịnh tràn ngập ánh nắng.

CHƯƠNG 3

Vừa khỏi cơn khó ở, Villagagnon cho báo ngay với DuPont và các vị khách là ông sẽ chính thức đón tiếp họ tại dinh thống đốc. Sau đó, tất cả sẽ cùng đi ra gian hội họp nhỏ, nơi mọi người vẫn cầu nguyện chung, để cử hành lễ ban thánh thể.

DuPont có vẻ không ưa lời triệu tập đó, nhưng cũng diện bộ áo chèn xanh giữ gìn cẩn thận để dùng cho những dịp trọng thể. Phía Villegagnon, trái với thói quen luộm thuộm vốn có, cũng khoác một bộ áo choàng thập tự xứ Malte, gần như mới nguyên. Just đóng vai phò tá, y phục chỉnh tề, gồm một chiếc áo gilê nhưng do ông thợ may khâu vội mới tối hôm trước. Richer và Chartier, hai ông mục sư, tất nhiên mặc áo thụng đen xì.

Nói cho đúng sự thật, điệu bộ nghiêm chỉnh của khách không khỏi khiến Villegagnon ngỡ ngàng. Lúc đầu, do bị mệt nên ông chưa tiếp họ. Nay khỏi rồi, ông tỏ vẻ vui mừng thật sự, và ngạc nhiên thấy khách không chia sẻ sự hồ hởi ấy.

Thấy khách bước vào, ông nói ngay:

- Các bạn thân mến, xin mời các bạn an tọa.

Vừa nghe thấy vậy, DuPont lùi lại một bước như vừa bị vật gì cản. Ông gạt chiếc ghế vừa được đưa ra, cứ như ta gạt lưỡi dao sắp kề cổ. Thế là hai bên cứ đứng mà nói chuyện.

- Các ngài đi đường khỏe chứ ạ? – Villegagnon hỏi.

- Cũng được – DuPont trả lời cộc lốc.

Ông ta đưa mắt nhìn chung quanh, như để ý so sánh sự sang trọng ở đây với nơi ở tạm bợ của khách, từ chiếc giường có bốn cột đến cái bàn đẹp, tủ sách... Từ lần bị tấn công, dinh thống đốc được sửa sang thêm, chủ yếu để tăng sự an toàn. Tường xây bằng đá, cánh cửa bằng gỗ chắc, mặt đất được

xếp kín thân cây cọ san cho phẳng bằng lưỡi xới, khiến chân giẫm lên thấy mềm mềm. Đô đốc hỏi tiếp:

- Ở Pháp, các ngài có gặp Coligny?

DuPont đáp, vẫn cái giọng mà Villegagnon cảm thấy khó hiểu:

- Đô đốc Coligny là hàng xóm của tôi. Đất đai của tôi ở Corguilleray nằm cạnh Chatillon là đất đai của ông ấy. Ông ấy không chỉ tiếp, mà còn trao nhiệm vụ cho chúng tôi.

Villegagnon chẳng có gì phản nản về việc đó, trừ giọng nói của DuPont.

- Thế thì mừng quá, tôi rất vui thấy ở nước nhà người ta không bài xích những tư tưởng mới nữa.

- Từ hai năm nay, Giáo hội của chân lý đã đấu tranh mạnh mẽ về vấn đề ấy – Richer nói xen.

Giọng ra vẻ dịu dàng của ông ta dùng để nói câu vừa rồi phủ một lớp nhung lên thái độ kiêu căng đáng ghét.

Villegagnon reo lên, phấn khởi:

- Và nó sẽ phát triển hơn nữa tại nước Pháp Nam Cực!

Ông định cất lời mời mọi người chạm cốc nhưng chợt nhớ đến buổi lễ sắp tới và mừng là mình chưa nói ra.

DuPont lập tức nheo mắt:

- Ông nói gì, nước Pháp gì?

- Nam cực. Đó là ý tưởng của một nhà khoa học từng ở đây, mục sư Thevet. Mới đầu ông ấy định gọi nước Pháp Xích đạo, sau quyết là nước Pháp Nam cực.

- Thevet... DuPont suy nghĩ – Có phải cái ông đã mang từ đâu về cái thứ cỏ để mọi người hút um lên khắp nơi? Ông ta là người Angoulême, nên đặt tên cỏ đó là angoumoisine, rồi cai nhau ầm ĩ với lão Nicot, vì lão này nói lão đã tìm ra nó trước? ^[6]

Chuyện này quả thật làm mất uy tín của nhân vật vừa nêu tên, Villegagnon hối tiếc đã hớ hênh kể tên ông ta.

DuPont chỉ Just rồi gật đầu hỏi:

- Phụ tá của ông đã kể ông nghe tin về hoàng đế?

- Hoàng đế thoái vị? Rồi! Quả là ơn Trời ban xuống. Vậy ngài tin chắc là từ nay người Bồ Đào Nha...

- Sẽ để chúng ta yên.

Villegagnon liếc mắt nhìn nhà quý tộc. Ông chợt hiểu tại sao ông thấy có điều gì kì lạ trong thái độ của người này. Nếu đảo này không bị đe dọa bởi nguy hiểm trước mắt nào nữa, tại sao Coligny lại phái quân nhân này đến đây, và trao cho ông ta sứ mệnh gì? Ông bỗng thấy nghi ngờ tràn ngập, cổ xua khỏi không được.

Tuy nhiên, ông làm sao biết được sự thật. Vì Coligny không hề cử DuPont, chính DuPont đã vận động trắng trợn bằng mọi cách để được cử đi. Tham vọng chỉ là một phần, nguyên nhân chính là một điều trớ trêu, không liên quan gì. Chẳng là viên tướng khốn khổ này bị mắc bệnh trĩ nặng. Để khuây khỏa, ông sẵn sàng đi chinh chiến ở bất kì đâu, miễn là không phải ngồi trên lưng ngựa. Như ông thường nói không đùa chút nào, mong ước cuối cùng của ông là được chết đứng.

Villegagnon quay sang Richer, nói:

- Thừa cha, suốt một năm nay tôi phải một mình đứng ra chủ trì các buổi cầu kinh. Nói cách khác, tôi kiêm cả hai chức Hoàng đế và Giáo hoàng. Nay tôi xin nhường chức thứ hai cho ông.

Đó là một cách nói khẳng định rằng Villegagnon vẫn giữ chức thứ nhất.

- Bây giờ, nếu các ông vui lòng, chúng tôi sẽ vui lòng theo cha để được dự lễ thánh Cène.

Từ vụ Placards cho đến các cuộc họp ở Ferrare, Villegagnon đã rút ra một bài học là phải từ bỏ không dùng từ nhạc lễ nữa mà dùng từ thánh lễ. Thấy Richer gật gù, ông tiếp luôn:

- Rồi các ông sẽ thấy, đây là nơi lý tưởng để thực hành một tôn giáo thuần túy, đúng như thời cổ xưa khi Chúa mới sinh ra nó.

Lời biện hộ cho cơ sở vật chất đơn sơ vừa rồi mà các tín đồ Tân giáo chỉ có thể tán thành, cắt đứt mọi phản nản về nơi ở tồn tàn chỉ đợi dịp là bật ra. Sẵn đà hăm hở, Villegagnon mở toang cửa cho ánh mặt trời tràn vào và, phấn chấn vì thời tiết sáng sủa, lôi tất cả mọi người ra nắng.

Trên bãi đất trống, ai nấy đã tập hợp đông đủ, chờ xem lễ. Người cũ và người mới đứng thành hai bên riêng rẽ, và nhìn nhau không thiện cảm. Những người cũ đều gầy gò, nhếch nhác, uể oải, khiến người mới đến nhìn thấy mà phát ngán. Ngược lại, người cũ trông thấy kẻ mới đến khỏe mạnh, sạch sẽ thì ganh tị, nghĩ đến những khổ ải đã trải qua và bỗng cảm thấy mình bị xúc phạm.

Lời nguyện được cất lên để cầu xin Thượng Đế giúp mọi người xóa bỏ những lỗi lầm, mặc cảm nói trên. Và ai nấy bỗng thấy như lời cầu đó đã được Chúa đáp ứng. Những tấm áo chùng thâm, vẻ mặt trịnh trọng, cử chỉ khoan thai của các thầy tu đã phát huy tác dụng và trở thành mồi nhử thần kì của Đức Thánh thần. Những người đi chuyển đầu xúc động nhớ lại buổi cầu nguyện tập thể ngày lên đường tại cảng Havre. Rồi sau đó, trong một cuộc đối đầu với thiên nhiên, lần nào cũng là nó áp đặt quyền lực: những con người khốn khổ này biến thành đồ chơi trong tay ông mặt trời hoặc ông thần mưa, trong tay lũ quái vật, thực vật và bão tố mặn chát trên biển. Chẳng có Chúa nào tới bảo vệ họ trong cuộc chiến không cân sức ấy. Thế rồi bỗng hôm nay, nhờ những vị mục sư này, họ thấy Chúa lại trở về đứng bên mình, Chúa không bỏ rơi họ. Ai nấy ngẩng cao đầu, nhìn cảnh vật xung

quanh bằng con mắt khác. Những bãi cát vắng lặng, những khu rừng già bức bối, những ngọn núi khô khan bỗng lùi xa trước ánh sáng chói lòa của Chúa Sáng Thế. Trong ánh mắt mọi người lóe lên niềm kiêu hãnh, quyết tâm.

Trong lễ nghi của các cha, lời cầu nguyện chậm rãi mang phong thái một cuộc chuyện trò: chẳng cần phải hò hét để cho Người nghe thấy vì Người đang ngự ngay tại đây. Mọi việc trong buổi lễ đều có vẻ mới mẻ và thân thuộc. Các chương, các mục trong Kinh Cựu Ước được sử dụng rộng rãi hơn trong đạo Thiên Chúa La Mã. Đức Bà và các thánh thần không còn xen giữa Chúa và giáo dân làm họ bối rối nữa, như vậy họ có thể được tự do hưởng thụ ân sủng của vị khách thiêng liêng và con trai người.

Khi đã đến lúc làm lễ ban thánh thể, mọi nghi thức được tiến hành hết sức tự nhiên và bình dị, mặc dù hai vật thể dùng để ban phát – là bánh thánh bằng bột mì trắng, và rượu vang – đều là những thứ quý hiếm trên đảo, vì vậy, khi nuốt vào bụng, họ cảm thấy như được một vị thánh nào đó nhập vào tâm hồn mình.

Villegagnon chứng kiến buổi lễ, lòng xúc động đến giàn dựa nước mắt. Niềm hạnh phúc, nỗi xúc động, cảm giác mình đã chiến thắng nhờ công ơn Đức Chúa của lòng chân thành và niềm vui mà ông đã được hoàn trả lại, xem lẫn với nhau, khiến ông phấn chấn đến ngọt thở. Ông cảm ơn các mục sư đã không đòi hỏi tín đồ phải phủ phục hay có những cách thể hiện âm ỉ, bởi vì ông không đủ cứng rắn để tự kiểm chế và chắc ông sẽ quỳ sụp xuống chân họ mà khóc. Tuy nhiên, đến lúc nhận ban thánh thể, ông vẫn bảo Just vào dinh mang ra một đệm nhung nhỏ. Và ông quỳ gối trên cái đệm ấy nhận bánh và rượu, để êm đầu gối một phần, mà cái chính có lẽ là dùng nó làm lá chắn ngăn cách ông với những thế lực hắc ám của mặt đất, và để cho ông, dù quỳ xuống thấp, vẫn bơi trong không gian sáng láng dưới ánh mặt trời.

*

* *

Dần dà, sống chen vai thích cánh trên đảo, các nhóm người bắt đầu hòa lẫn vào nhau. Các hoạt động trở nên rất khẩn trương, đến nỗi đảo có vẻ như đông người hẳn lên. Các điểm khác biệt mờ nhạt dần. Người mới đến cũng phải chịu chế độ ăn bột sắn, nên đã bắt đầu lây nước da xanh tái, còn người cũ thì đã phần nào hồi phục được phần nào sức khỏe, nhờ những loại rượu mà các đoàn tàu Tin lành cướp được, họ có hơi mát thẳng bằng một chút trong lúc đi lại nhưng nét mặt họ lại thể hiện một niềm tin mới.

Việc xây pháo đài lại tiếp tục, bức tường thành đã cao dần gần đúng với kế hoạch. Chỉ mới có khoảng một chục ngày thôi mà tiến trình xây dựng đã tiến thêm khá xa, chứng tỏ khối lượng công việc trước đây không phải là ít và chỉ có nỗi thất vọng của đám dân di cư mới là nguyên nhân khiến họ coi công cuộc này là không tưởng.

Trục trặc duy nhất trong dòng chảy cuộc sống bình thường là tin khoảng ba chục người mới đòi trở về. Chẳng là một chiếc tàu phải quay về ngay theo đúng hợp đồng đã kí với chủ tàu, nên số người nọ đòi về theo, nhất định không chịu ở lại một ngày nào nữa. Villegagnon có thừa biện pháp để đối phó với việc này, song DuPont lại đứng ra bênh vực họ, nên cuối cùng đánh phải để họ đi. Thật là một gương xấu cho những người ở lại. Tuy nhiên, người mới thì vừa đến, người cũ thì ở đây đã quá lâu, nên tất cả bọn họ hoặc chưa đến hoặc đã vượt qua giới hạn buồn nhớ quê hương và, đứng trước việc đào nhiệm tập thể ấy, họ chẳng hề bị chần động.

Mọi người lại tiếp tục làm việc.

Điều mới nhất đánh dấu sự khác hẳn với thời kỳ trước, là sự có mặt của đàn bà con gái. Chỉ có những người còn nhớ thời gian mà tên Quạ cung cấp gái cho đảo mới có thể thấy rõ sự khác hẳn ấy. Song những cô nàng từ Genève đến thuộc loại hoàn toàn khác, không trần trụi, vừa hoang dã vừa phục tùng như những nữ nô lệ Anh diêng. Các cô nom đoan trang và đều trang phục nghiêm chỉnh, song chính vì thế lại càng tăng phần hấp dẫn. Mỗi buổi chiều tà, như đàn gà con mới nở, các cô được các bà vú tháp tùng ra khỏi nhà, đi dạo. Mọi biện pháp nghiêm ngặt được áp dụng để đảm bảo an toàn cho họ trên đường đi. Những nô lệ Anh diêng lao động trên công trường được kiểm tra, không cho để hở mông, hở vế quá lộ liễu. Những thợ đầu khác có mặc áo, phải cài khuy ngực. Đến những con khỉ nhỏ bé nhảy

nhót trên nền đất đắp cũng bị ném đá đuổi đi để chúng mang bộ lông xanh lè đi khoe ở nơi khác.

Và các cô gái đi qua, đều khoác áo màu ghi hoặc đen, và chỉ riêng màu sắc ấy đủ khiến họ trở thành khác thường. Với những người đã quá quen với những màu gắt trên vịnh: biển xanh, rừng lục, vệt vàng, bùn đỏ nhão nhoét, tất cả đều gây cho con người nỗi e dè tự nhiên mà họ luôn luôn phải chịu ảnh hưởng. Còn màu đen và ghi lại hoàn toàn là sáng tạo của con người, và chúng có khả năng kích động ước vọng về cuộc sống văn minh. Trong số các cô gái, không có ai thật đẹp, nếu căn cứ theo các tiêu chuẩn mỹ học. Họ không bôi son thoa phấn, lại mệt mỏi gầy rộc qua một chuyến đi dài. Tóm lại, từng người đều có khiếm khuyết. Tuy nhiên, họ vẫn có cái vẻ hoàn hảo tuyệt vời, biểu trưng cho ý tưởng về người Phụ nữ sáng trong, tinh khiết. Ở cái thế giới hoang dã này, nơi suy đồi, bạo lực, cưỡng bức là chuyện thường ngày, họ mang đến sự trinh trắng, mời gọi sự yêu thương.

Hèn nào mà các ông thợ đầu nhà ta chả hau háu nhìn các cô đi qua, như muốn nuốt chửng.

Không rõ ai đã đạo diễn chương trình các cuộc đi dạo này. Đúng là khó tìm nơi nào vắng vẻ để các cô có điều kiện thư giãn, song đâu cần phải bắt buộc các nàng len lỏi qua các lối mấp mô trên công trường trước bao con mắt thèm khát! Có vẻ như sự dàn cảnh này nhằm hai mục đích trái ngược: một mặt để ai nấy thấy đây là những con gái nhà lành, khiêm nhường, tử tế, mặt khác lại để chào hàng: ai cần, xin cứ mời. Vì lý do họ có mặt ở đây là để tiến tới hôn nhân, và khi nào còn chưa được ghét đôi thì họ sẽ còn rồi rã chân tay, như ông thợ nề không có bay vậy.

Quả nhiên, các lời cầu hôn tới tập được đề đạt tới Villegagnon. Và ngay ngày đầu, đô đốc đã mau chóng chuẩn y hai cuộc cho hai người thuộc chuyến đi đầu tiên mà về sau ông dùng làm gia nhân riêng. Việc đó hứa hẹn ông sẽ xem xét tiếp các lời đề bạt khác, khá nhiều và đều gấp gáp. Villegagnon còn tính cả việc gả bán các bà vú nữa, mặc dù các bà được đưa tới đây không nhằm mục đích ấy.

Tuy nhiên, trong số sáu cô gái từ trên tàu xuống, có một cô chưa hề xuất hiện. Từ lúc Just bế cô từ tàu xuống sà lúp rồi đưa lên bờ, cô cứ cắm cung

trong túp lều, không lộ mặt ra ngoài, khiến Villegagnon không khỏi lo ngại, sợ mất đi một cô dâu quý. Riêng lần này, Just không chịu ngoan ngoãn đợi lệnh của đô đốc. Chờ một vài ngày không thấy gì, chàng bèn gợi ý với ông nên hỏi thăm tin tức cô gái xem sao. Và khi Villegagnon giao cho chàng đích thân đi làm việc này, chàng lại thấy sự lo lắng chân thành của mình tự nhiên trở thành một mưu mẹo để được biết tin cô.

Căn lều mà cô cùng bà vú cư trú là gian cuối của một dãy nhà về phía tây. Trước kia, ở chỗ này có một khóm tre, và một vài đọt măng còn sót lại đang đâm lên ở chân tường. Just đi tới, đứng phân vân một lúc lâu ở bên ngoài. Lều không có cửa, chỉ có rèm che. Chàng không biết nên đánh tiếng thế nào. Từ bên trong vẳng ra tiếng nhạc cụ nhẹ nhẹ.

Just ho khẽ, và tiếng đàn phía trong im bật, rồi nghe có tiếng người thì thầm. Cuối cùng bà vú vén rèm nhìn ra, nét mặt nghiêm nghị. Just lúng búng:

- Tôi đến để hỏi thăm sức khỏe tiểu thư.

Rồi vội nói thêm, như để tránh hiểu lầm:

- Tôi thừa lệnh đô đốc.

Bà vú sáng giọng:

- Tiểu thư đã đỡ.

Rồi rủ rèm, biến mất.

Just đứng ngẩn người tại chỗ, trong lúc bên trong tiếng xì xào bàn tán lại nổi lên. Cuối cùng, rèm lại vén, bà vú xuất hiện, vẻ mềm mại hơn.

- Nếu cần, xin mời ông vào.

Căn lều chật hẹp được mảnh vải căng ở giữa chia làm hai. Trong góc, cây đàn virginal để mở, bên trên còn mấy bản nhạc. Nệm rom trải trên một cái hòm, chắc dùng làm giường ngủ cho bà vú. Không thấy dấu vết cô gái

đầu trong cái gian được tạm gọi là phòng ngoài này. Nhưng khi bà vú ngó vào bên trong một lát rồi gạt chiếc màn che sang một bên, Just mới thấy nàng hiện ra, đang ngồi giữa những đồ đạc ngổn ngang. Vài chiếc hòm xiềng mở tung, một bàn nhỏ trên đặt nhiều sách, một số đồ trang điểm bằng sứ, vài bộ váy dài được treo trên sống một cạnh cọ nhét một đầu vào khe gạch trên tường để thay mặc áo: những thứ đó đủ làm cho khung cảnh nghèo nàn của căn lều trở nên sống động. Cô gái ngồi bên mép giường, hai tay đặt lên đầu gối, mắt nhìn xuống, mặc cho Just tự do ngắm nhìn nhan sắc rực rỡ dưới ánh sáng ban ngày của mình. Sự hài hòa các màu đen trên mái tóc túm chặt ra phía sau và đôi lông mày cong làm họa tiết của bộ váy nổi hẳn lên. Nước da trắng ngần của nàng càng trong sáng hơn bên cạnh các màu tối, như các phím đàn dương cầm đen trắng vậy. Chàng nhận thấy cái mũi thật cân đối, cái cằm thật gọn gàng, và hai bên thái dương, một lớp lông măng tạo bóng rợp cho phần trên khuôn mặt, điểm này chỉ thấy ở người tóc nâu thẫm. Như thể những nét ấy còn chưa tả được hết sắc đẹp của mình, nàng từ từ ngước mắt lên và phóng hai đốm sáng long lanh về phía chàng. Cô gái nhìn thẳng vào chàng và nói bằng một giọng trầm ấm, tròn đều và cao quý:

- Cảm ơn ông đã không quên chúng tôi.
- Đô đốc gửi lời hỏi thăm sức khỏe của cô – Just rụt rè nói.

Cô gái duỗi thẳng tay vuốt một nếp nhăn trên khăn trải giường và thở dài náo nuột.

- Xin cảm ơn, tôi đã khỏe hơn. Nhưng...

Just lo lắng hỏi hộc. Chàng thấy như nàng sắp bật khóc.

- ... nhưng tôi vẫn chưa thể ra ngoài được.
- Không sao, không việc gì phải vội.

Phải chăng Just còn muốn dành cơ hội để gặp riêng nàng lần nữa, nên buột miệng đáp, không suy nghĩ.

- Ôi, thưa ông... Cô gái thốt lên, đưa mắt nhìn Just và chàng thấy mắt nàng đã nhắm lại.

Chàng lúng túng, không biết tính sao, thì nàng đã rên rỉ:

- Ôi, ông có vẻ là người tốt, tôi cảm thấy có thể chuyện trò...

- Tất nhiên. Nếu tôi có thể giúp được gì...

Nàng khẽ lắc đầu, nhưng thật nhẹ nhàng, để không làm méo mó nét mặt mình. Rồi đột nhiên, nàng bạo dạn ngẩng cao đầu nói với Just:

- Tôi chắc ông biết tại sao người ta dẫn chúng tôi đi ra ngoài, người ta cần gì ở chúng tôi. Tôi là cháu một mục sư Tin lành, mà cũng không là ngoại lệ. Chắc rồi tôi cũng sắp bị đưa ra chào hàng, rao bán như thế.

Nhớ lại mình cũng từng bị lừa và đưa đến đây, Just cố nén nổi bất bình:

- Vậy tại sao cô lại nhận lời tham gia chuyến đi này? Người ta nói dối, đánh lừa cô sao?

- Không, người ta có nói, song tôi không có lựa chọn nào khác. Cha mẹ tôi đều chết vì bị đàn áp, kỳ thị tôn giáo cách đây mười năm. Nhờ chú tôi mà tôi thoát khỏi bị hỏa thiêu. Nay chú tôi quyết định đến đây, tôi không thể không đi theo.

Sau khi đã thử thứ vũ khí yếu đuối đáng thương để mê hoặc chàng, nàng chuyển sang một thứ vũ khí khác. Nàng chủ động thay đổi nét mặt và trạng thái tinh thần. Lấy vẻ vui tươi, đôi giọng thành du dương như hát, nhưng tuyệt đối không làm phương hại đến phong thái đáng kính của mình, nàng nói tiếp:

- Ôi, tôi xin lỗi, tự nhiên đi kể lể dông dài, làm ông không vui. À mà tôi quên chưa tự giới thiệu. Tôi là Aude Maupin, quê ở Lons le Saunier; bà vú đây tên là Chantal.

Cả hai người đàn bà ngả người chào lịch sự, Just vụng về đáp lại; chả là chàng chưa được Villegagnon dạy cách giao tiếp với phụ nữ. Chàng tự xưng tên, rồi khẽ khàng hỏi:

- Hôm qua, cô không ra dự buổi thánh lễ nhỉ?

- Em rất muốn, em mong chờ được cầu nguyện Chúa. Nhưng nếu hôm qua em ra, thì sẽ phải đi cả các buổi đạo sau.

Cùng với cô gái, Just rất bất bình khi nghĩ một thiếu nữ trong trắng dường này lại bị đem đi bán rao cho ai muốn lấy làm vợ. Chàng nói:

- Tôi tính có cách để miễn cho cô việc đó. Tôi sẽ nói với đô đốc. Chú cô và ông ấy có mối quan hệ tốt, biết đâu...

Thấy Aude bĩu môi, Just vội im bật, sợ làm nàng bực. Nàng chưa chút:

- Quan hệ tốt ư, nhưng em sợ không dài lâu đâu.

- Tại sao? Tại đô đốc không sắp xếp được chỗ ở tốt hơn cho mọi người?Ồ, tôi biết các vị không bằng lòng, nhưng chúng tôi sẽ cố gắng để cải thiện tình hình.

- Không phải chỉ vì thế đâu – cô gái làm ra mặt nghiêm, và đôi mắt sâu thẳm của nàng càng thêm quỵến rũ.

Just cuống lên. Nàng nghiêm giọng nói:

- Đô đốc của ông phải tu tỉnh lại.

- Tu tỉnh? Nghĩa là thế nào?

- Nghe chú em nói, trong buổi lễ, ông ấy đã giở trò lễ nghi quá đáng, cần phải từ bỏ.

- Lễ nghi quá đáng?

- Có phải ông ấy đã đệm gối nhưng rồi mới quỳ xuống để nhận lễ ban thánh thể?

- Phải. Nhưng như vậy thì hại gì?

Aude nguýt Just một cái dài. Nhưng ngay sau đó, nàng nhún vai, làm như không quan tâm, và nói:

- Chú em sẽ có cách để chấm dứt những trò vè ấy.

Just định phản bác, song nàng đã mỉm cười, chuyển sang chuyện khác:

- Ông thật tốt bụng, em rất cảm kích. Có ông che chở, em cảm thấy an tâm, có thể đi ra ngoài một chút. Ông có biết bao giờ lại sẽ có lễ trọng nữa?

- Nghe đâu chú cô và đô đốc đang bàn tổ chức lễ cưới cho hai cặp cùng một lúc.

Aude reo lên:

- Chantal, bà nghe rõ chưa? Lại sắp có lễ trọng. Ông biết không, em rất thích được dự.

- Nếu muốn, tôi sẽ đưa cô đến dự.

- Ồ, cảm ơn! cảm ơn! – Vừa nói, nàng vừa nắm lấy hai bàn tay Just.

Sự bột phát tình cảm ấy chỉ kéo dài một tích tắc. Tuy nhiên, Just còn giữ mãi hơi ấm của đôi bàn tay mềm ấy. Cả ngày hôm đó, chàng ngo ngẩn không thôi.

CHƯƠNG 4

Tuy nhiên, cú sốc của những tư tưởng mới bắt đầu lan rộng trong các tâm thức. Thoạt đầu, người đến trước coi việc có thêm những người từ Genève đến chỉ là một sự viện trợ về vật chất và tăng thêm quân số. Đến khi sống chung mới thấy họ không chỉ khác mình ở sự ngỡ ngàng trước môi trường mới, mà họ có những ý nghĩ kỳ quặc và những đức tin khác lạ. Trong không khí phấn khởi lúc họ mới đến, những điểm ấy được chấp nhận dễ dàng cũng như những điểm khác, và những người cũ tiếp đón họ rất ân cần, không để ý phân biệt tôn giáo. Cho đến một ngày kia ai đó thốt lên một câu: “Đây là bọn huygonô”, thế là mọi người bắt đầu nhìn họ bằng con mắt tò mò.

Một số trong đám người mà Villegagnon kéo từ trong tù ra, không lạ gì những tư tưởng ấy. Vì đi theo những lời thuyết giảng của Luther mà họ đã phải trả giá, bị mất tự do. Song phong trào cải cách đầu tiên ấy đã bị bóp chết từ trong trứng cách đây hai mươi năm. Họ bị đàn áp không thương tiếc, nên rất mừng là ngày nay người huygonô đã ngự trị tại Genève, đã thiết lập các giáo hội cải cách ở hầu khắp nước Pháp, và đã tràn sang cả châu Mỹ, được các cận thần của vua Henri II ủng hộ. Số người ấy lập tức hòa nhập ngay với những đệ tử của tôn giáo mới.

Nhưng nhiều người khác không dễ dàng nghe theo. Phải có thời gian rao giảng, thuyết phục. Bởi vậy, các mục sư tổ chức nhiều cuộc họp trên đảo để tuyên truyền giáo lý mới. Các quyển Kinh Thánh được chuyền tay nhau. Khắp nơi, người ta bình luận về các bài kinh. Người người do chán ngấy rừng xanh, biển cả, rất hăm hở tham gia các buổi tranh luận về giáo lý để có cảm giác là mình trở lại với cuộc sống văn minh.

Nhưng sự nhiệt tình thái quá ấy đã gây phản ứng của một nhóm khác, gồm những người kiên quyết bác bỏ mọi ý tưởng định xét lại giáo lý chính thống của đạo Cơ đốc. Gonzagues là đại diện cho nhóm này, kịch liệt phản đối với Villegagnon. Ông vênh mặt, rung rung chòm râu, nói:

- Không bao giờ tôi từ bỏ Đức Mẹ Đồng Trinh.

Thật ra ông chẳng ưa gì giới tăng lữ, cho rằng nó cũng lắm thói tật. Nhưng khi tất cả những nàng Catherine và Marguerite chẳng đoái hoài đến ông, thì Đức Mẹ luôn nâng đỡ ông, và ông không muốn tỏ ra vô ơn.

Villegagnon cố tìm cách khuyên giải ông. Nói cho đúng, đô đốc cho rằng phái huygonô chẳng phải nhọc lòng thuyết giảng để quy đạo cho đệ tử. Vì cần gì phải quy ai: các tín ngưỡng đều na ná như nhau cả. Phong trào Cải cách chẳng phải là một kiểu trở về nguồn đó sao? Đô đốc đã nói như vậy trong lần lễ thánh đầu tiên, và có vẻ như mọi người đều hài lòng.

Và đô đốc đang dốc sức để hoàn chỉnh lý thuyết toàn cầu ấy. Bực một cái là sách vở ở đây ít quá và trí nhớ của ông tồi quá. Song với những gì ông biết – mà ông thì đã đọc và thuộc lòng hàng ngàn trang sách – ông có đủ lập luận vững chắc để tranh biện với tất cả phái này phái nọ, nhưng với mục đích xích họ lại gần nhau.

Ông bắt tay vào việc này với tinh thần của một người sẵn sàng chiến đấu. Tính cách ông là vậy, đã làm thì phải làm. Ông thức khuya đọc đọc, chép chép dưới ngọn nến leo lét, và Just hết sức phục vụ ông trong việc này. Ông say sưa trở về với hoạt động trí óc, nghiên cứu, suy nghĩ. Do đó, có phần sao lãng những công trình trên đảo.

Rồi Colombe trở về, và dù rất kín đáo nhưng chính sự có mặt của nàng đã gây ra cơn khủng hoảng đầu tiên. Khi nàng vượt qua bao trở ngại do tay chân của Martin và các bộ lạc thổ dân mà hần kiểm soát giảng ra dọc bờ biển, từ đất liền trở về, thì cuộc sống của nhóm huygonô mới đến đã gần ổn định. Từ xa nhìn thấy số tàu bè mới tới với những con người khỏe mạnh và nhiều vật dụng viện trợ, nàng không khỏi mừng thầm. Dù không nhiệt tình ước mơ như anh trai về tương lai của nước Pháp Nam cực, nàng cũng mừng là giai đoạn thiếu thốn, lo âu đã chấm dứt. Song vừa đặt chân lên bãi cát, Quintin đã níu tay nàng, chặn đứng niềm hân hoan ấy. Ông già chột tái mặt, kêu lên:

- Không! Không thể, là bọn chúng đẩy ư? Nguy rồi!

Ông vội co cẳng chạy, đến nấp sau những bao tải cát. Colombe chạy theo, hỏi:

- Chuyện gì vậy?
- Bọn áo chùng đen... Quintin lập cập đáp.
- Thế thì sao?

Colombe tưởng ông già sắp mếu, vì hồi ở Paylo ông chưa được khóc lần nào. Nhưng nàng không ngờ lần này ông nức nở ầm ĩ đến thế, như kinh hoàng điều gì.

- Ta phải trở lại đất liền thôi – ông nói.

Và ông xăm xăm quay lại con thuyền. Colombe giữ ông lại:

- Ông nói rõ xem nào. Nếu có nguy hiểm, thì tất cả cùng chịu, đâu phải mình ông.

Quintin có vẻ hồi tâm lại. Ông thở một hơi dài, đưa bàn tay đầy cát quệt mặt, bắt đầu kể:

- Hồi đó là một năm trước khi chúng ta lên đường. Tôi đang ở Lyon.
- Châu tưởng bác quê ở Rouen?

- Đúng, nhưng một năm trước đó, ta đến Lyon. Chúng ta là một nhóm nhỏ, đi cùng một người tuyệt vời. Ấy là một thầy thuốc người Tây Ban Nha, cháu không thể tưởng tượng ông ấy tốt thế nào. Giỏi tiếng La tinh, kiến thức rất rộng, viết những cuốn sách đầy ắp trí tuệ. Ông ấy tên là Michel.

- Michel gì?

- Michel Servet. – Quintin không cố ngăn nước mắt lại nữa – Sách của ông ấy bị người Pháp bài xích và lên án. Ở một nước không hiểu gì về chân

lý, chuyện ấy không lạ.

- Còn bọn áo chùng đen thì có liên quan như thế nào? – Colombe sốt ruột hỏi, không muốn kéo dài tình huống khó chịu này nữa.

- Cái ông Servet tội nghiệp tưởng sẽ tìm được sự ủng hộ tại Genève. Ta đã đi cùng ông ta tới cửa ô thành phố. Ở đó ta đã nhìn thấy chúng, bọn mục sư ấy, bọn áo đen ấy.

- Nhưng ông Quintin ơi, ông cũng mặc áo đen đó thôi.

- Không, ta khác. Bọn này đúng là bọn ta đã thấy ở Genève. Một cậu chèo thuyền kia đã khẳng định với ta điều ấy.

Ông ngoái cổ nhìn về phía bên kia bao cát: Richer đứng đó, lấy một cái thùng làm bụi, đang rao giảng điều gì không nghe rõ.

- Cháu Colombe ạ, chúng đã hỏa thiêu ông ấy.

- Hỏa thiêu ai cơ?

- Hỏa thiêu Servet. Do bất đồng, Calvin đối xử với ông ấy còn tệ hơn người Pháp. Hắn đã đưa Servet lên dàn hỏa, cháu hiểu chưa?

- Cháu tưởng phải hủy gônô chủ trương tự do.

- Chỉ tự do cho chúng thôi! Ngay năm sau, lão Théodoze de Bèse đã viết tập sách nhan đề: *Quyền trừng trị những kẻ tà đạo*. Thôi ta phải xéo khỏi đây thôi. Không thể sống chung một phút nào với bọn người ấy.

Colombe đề cử cả tiếng đồng hồ để khuyên giải ông. Nàng hứa sẽ nói với đô đốc giao cho ông một nhiệm vụ mới ở đất liền. Cuối cùng Quintin chấp nhận tạm lánh đi để khỏi phải về đất liền một mình.

Đi tìm Just trên đảo, Colombe ngạc nhiên vì những điều mắt thấy. Việc xây pháo đài có tiến triển, nhưng dường như lúc này đang ngừng trệ. Chỗ nào cũng tùm năm tùm ba sôi nổi tranh luận các vấn đề thật lộn xộn trên

mảnh đất này, như: sự bất tử của linh hồn, sự giải thoát bởi đức tin hay định mệnh, không biết ở đâu nảy nòi ra lắm kẻ thuyết giáo đến thế. Một số kẻ đơn độc lang thang dọc bờ biển, tay cầm kinh thánh. Đường như toàn dân trên đảo bỗng đắm chìm vào trầm tư mặc tưởng.

Nhưng sự suy tưởng này không mang tính hòa bình, thân thiện. Nhóm này gườm gườm nhìn nhóm kia. Nơi ở của các mục sư và tín đồ phái huygonô nằm tách biệt hẳn và có vẻ như được canh gác nghiêm ngặt. Con bột phát đạo lý này không dẫn đến hòa hợp, lạc quan, mà ngược lại làm tăng sự đối địch, cô lập, lo âu. Và khi Colombe gặp Just ở dinh thống đốc, nàng bức mình thấy Villegagnon và chàng cũng bị cuốn theo cơn sốt lý luận ấy.

Đô đốc tỏ vẻ mừng thấy Colombe trở về, và yêu cầu nàng báo cáo về thời gian ở với Paylo. Song ông chỉ nghe một cách hờ hững, nhưng khi nàng nêu lên những nhận xét của mình về không khí trên đảo thì ông như bưng tỉnh.

- Mẹ kiếp! – ông thối lên. Colin, cháu nói đúng. Đúng là hỗn loạn.

Ông vớ lấy một mớ giấy đầy chữ ghi chép, thu vào hai bàn tay, và nói:

- Vấn đề đã rõ. Ngay ngày mai, ta sẽ họp các mục sư bàn chuyện này. Cần chấm dứt mọi tranh luận cãi cọ, để mọi người thanh thần làm việc trở lại.

Colombe ở lại cùng ăn trưa với Just. Nàng thấy anh khác lạ, thay đổi so với trước. Vẻ bề ngoài vẫn thế, song có hơi trau chuốt hơn về hình thức. Trước đây Villegagnon vẫn cho anh mượn dao cạo râu, song anh không dùng. Nay thì anh mày râu nhẵn nhụi, lại đeo thêm một cái vòng ở cổ. Nhất là anh không chú ý tới Colombe như trước.

Đành rằng Just vốn tính trầm tĩnh, ít nói. Nhưng sau thời gian xa nhau, nàng cảm thấy anh trai đã thay đổi. Cũng là dè dặt, kín đáo, nhưng nàng linh cảm rằng anh đang bận tâm một điều gì khác mà nàng không rõ.

Cuộc họp giữa Villegagnon với DuPont và các mục sư được tổ chức ngay sau đó, và lại phải tin lành cũng đang có nhiều thắc mắc cần được giải đáp. Họ kéo đến dinh thống đốc vào giữa buổi sáng. Đô đốc quyết định tiếp họ một mình, sợ nếu có mặt Gonzagues sẽ khó tránh gay cấn xảy ra do tranh luận về giáo lý. Tuy nhiên, để có người thứ ba làm nhân chứng, ông yêu cầu Just cùng tham dự.

Khách vừa bước vào, không khí đã có vẻ căng thẳng. Từ buổi lễ thánh đầu tiên, họ chưa trở lại dinh thống đốc lần nào. DuPont soi mói nhìn nội thất và cách trang trí trong dinh, tỏ vẻ bất bình ra mặt khi so sánh với nơi tạm trú của mình không được quan tâm như thế.

Villegagnon ngồi xuống trước và sau khi đã quyết định không đề tâm đến tình trạng bệnh tật của DuPont nữa, ông mời các vị khách cùng ngồi. Các vị mục sư đã quen không noi theo việc tu luyện khổ hạnh của ông ta, tức là không dám ngồi, đều nhất loạt an tọa. Như vậy là chỉ còn một mình ông đứng sừng sững.

Trước tiên, đô đốc hỏi thăm sức khỏe, nơi ăn chốn ở của mọi người. Lời hỏi bị coi như khiêu khích, nên khách chỉ hàm hồ. Đô đốc cất giọng nghiêm trang:

- Thưa những người anh em, tôi muốn thổ lộ với các vị mối lo lắng của tôi. Nói gọn lại, công việc không tiến triển chút nào. Theo tôi, phải thiết lập lại trật tự. Bàn bạc, tranh cãi quá nhiều. Nhiệt tình với giáo lý là tốt thôi, song cần tính đến điều kiện thực tế, nếu chúng ta muốn sống còn. Vì nếu không xong pháo đài, nước Pháp Nam cực sẽ vô phương chống đỡ với vô vàn kẻ thù.

Richer lơ đãng nhìn quanh phòng, ra vẻ hồ hững. Nhưng khi mắt ông chạm vào bức tranh Đức Mẹ của Titien, lập tức ông quay lại nhìn chằm chằm vào Villegagnon, ánh mắt bối rối, như bị một con cá đuối điện quật phải.

- Trên đảo này có nhiều đức tin khác nhau, song tôi thấy điểm tương đồng nhiều hơn điều khác biệt. Điều cốt yếu là con người vốn là tác phẩm của Tạo hóa, luôn luôn có thiện chí. Tôi tin vào Con Người, chắc các vị

cũng vậy. Vậy thì, với con người thiện chí ấy, hãy cho họ những lý do để tin tưởng. Hãy gạn lọc trong các đức tin khác nhau của chúng ta một cái nền chung để mỗi người có thể tôn trọng đức tin của người khác mà không từ bỏ chính mình.

Sự im lặng căng thẳng của các vị khách khiến Villegagnon phải ngừng lời để chờ xem họ nói gì.

DuPont bắt đầu với giọng khinh khi:

- Chúng tôi đồng ý sự cần thiết lập lại trật tự. Ngay khi mới tới, chúng tôi đã có cảm giác ấy. Song ông phải công nhận là chúng tôi khó làm nổi. Ngay từ đầu, các ông đã bắt người của chúng tôi lao động khổ sai như những con vật, như muốn đánh phủ đầu chúng tôi. Và các ông dành riêng cho mình quyền sử dụng cái dinh này, trong khi đáng lẽ nó phải được dùng chung. Vậy ông còn muốn gì ở chúng tôi?

Dù tức lên đến tận cổ, Villegagnon vẫn cố giữ bình tĩnh.

- Trước hết, tôi thấy là nên giảm bớt các cuộc rao giảng đạo lý, mỗi ngày chỉ nên chiếm nửa giờ là đủ để nhắc nhở mọi người về bổn phận với Chúa. Tôi cũng thấy là nội dung rao giảng nên ôn hòa, có chừng mực. Để khỏi làm chối tai một số người vẫn bám vào truyền thống cũ, tôi nghĩ phải loại bỏ mọi lời xúc phạm tới Giáo hoàng – mặc dù các ông biết là tôi cũng chẳng ngưỡng mộ gì ông ta – và tới Giáo hội nói chung.

DuPont định nói. Đô đốc ra hiệu muốn kết thúc:

- Cuối cùng, tôi thành thật nghĩ rằng ra sức thuyết phục ai đó bỏ đạo hay quy đạo là vô ích. Tất cả đều tin Chúa, vậy nên đoàn kết họ với nhau hơn là chia rẽ.

Richer nghiêm trang cắt lời:

- Chúng tôi đoàn kết những ai biết và thực hiện đúng lời dạy của sách Phúc Âm. Tôi đồng ý với ông là phải xóa bỏ tâm lý hoài nghi, tranh cãi nó cản trở việc tiếp nhận Lời thiêng của Chúa.

Villegagnon nhiệt tình hưởng ứng:

- Chắc chắn là chúng ta có thể thống nhất về điểm đó.

Richer không chia sẻ nhiệt tình ấy, nói tiếp:

- Tuy nhiên, nếu giới thiệu Kinh Thánh với mọi người và để mặc họ tự nhiên, sẽ có nguy cơ là họ không hiểu gì hết. Thực tế đã thấy ngay có những kẻ điên rồ lạc lối dám giải thích Lời Chúa theo ý riêng, dẫn đến những kết luận vô lỗi, trái với chân lý. Một số kẻ trâng tráo đến mức khẳng định con người làm gì cũng không thể tự cứu, nên không cần khép mình vào khuôn phép. Cứ việc giết chóc, cướp bóc, hưởng thụ, khi nào ý Chúa muốn thì Chúa tự khắc ra ơn.

Villegagnon gật đầu:

- Tôi biết bọn cuồng tín ấy. Vả lại, ngay ở đây đã có một nhóm anabaptit như thế.

- Chúng ở đâu? DuPont vội hỏi, cứ như sắp tuốt kiếm đến nơi.

- Nghe đâu chúng đã bỏ trốn vào trong rừng, sống như mọi ăn thịt người cả rồi.

Ai nấy kinh hãi lặng im.

- Cho nên tự do không có nghĩa gì nếu không có giảng giải cận kề – Richer rất mừng câu chuyện bọn anabaptit tự nhiên giúp ông rút ra kết luận mong muốn – Chúng ta không thể đưa sách Phúc Âm cho họ mà không yêu cầu họ phải phát thệ gia nhập một Giáo hội chân chính để chịu sự quản lý và rèn luyện đức tin.

- Tôi công nhận cần có một Giáo hội – Villegagnon nói. Song các ông hẳn cũng nhất trí rằng nói chung chỉ cần có một Giáo hội, huống chi lại là trên hòn đảo nhỏ bé này, có hai Giáo hội là quá thừa.

Richer khẽ gật đầu. Đô đốc tiếp, về phần chấn:

- Chúng ta có thể xét từng điểm rồi dễ dàng đi tới một thỏa hiệp. Chẳng hạn, về điểm các linh mục phải sống độc thân, thật vô lý. Trong các sách kinh đâu có cấm thầy tu lấy vợ. Điểm này, ta có thể bàn bạc đi đến thống nhất...

- Ôi thôi ngay những lời báng bổ! – DuPont cắt ngang.

Nghe giọng ông ta, cái cách ông ta đi đi lại lại trong phòng họp, có thể hiểu DuPont rất ý thức về quyền uy của mình, vì ông đứng về phái huygonô, ông phát biểu nhân danh một lực lượng đông đảo không thể đánh bại.

- Phải – ông nói tiếp – thôi đừng nói chuyện lý lẽ, tranh luận, thỏa hiệp nữa. Đức Chúa không thể đem ra mặc cả. Không có thỏa hiệp với thói sùng tín. Nửa số dân trên đảo này đã chọn đức tin chân chính. Họ hoàn toàn tự nguyện, có nghĩa là sau khi đã tâm phục các nguyên tắc của Giáo hội chúng tôi và nguyện tuân hành. Họ đang hoàn toàn thanh thản, đừng có đặt lại vấn đề cho rồi thêm.

- Xin lỗi – đô đốc đáp lại. Tôi tự nghĩ mình không chút gì dính dáng đến thói sùng tín. Ngược lại, ở các ông có một số nghi thức mà tôi không tán thành.

- Nghi thức gì? – Richer hỏi ngay, vẻ mặt lạnh như băng.

Villegagnon mừng rỡ, tất nhiên là không thể hiện ra ngoài, vì đã có thể nêu ý kiến tranh luận của mình:

- Thế này nhé, chúng ta hãy xem xét lễ ban thánh thể theo hai cách. Theo bản văn của các Giáo hoàng thuộc Nhà thờ thì nó hoàn toàn chính đáng.

Thế nhưng thánh Clément, học trò của các vị tông đồ, thì lại tuyên bố rất chính xác là rượu phải pha nước. Thế mà nước thánh của các ông lại là

nước lã. Đây là một thực tế mà các ông phải chấp nhận sửa sai, nếu không chứng minh được căn cứ thần học của nó.

Ông trình bày xong lập luận của mình thì mỉm cười hóm hỉnh, vẻ tự đắc. Nhưng các tín đồ Tin lành vẫn lạnh tanh và còn tái mét mặt vì tức giận. DuPont bỗng nổi nóng:

- Mà ông là ai, dám chỉ trích những quy tắc của Giáo hội chúng tôi?

Đô đốc cũng không vừa:

- Còn các ông là ai mà dám áp đặt tôi? Tại sao tôi phải tin cái này, không tin cái kia, tôi không được dùng lý trí để lựa chọn? Vậy thì đọc sách của bao danh tác để làm gì?

- Chẳng để làm gì hết – Richer cãi bừa.

Villegagnon tím mặt.

Viên mục sư thủng thẳng tiếp:

- Các danh tác mà ông nói, không hiểu gì về Chúa. Tư tưởng họ tôi tắm như hũ nút, chẳng ích lợi gì. Đã tin là tin, thế thôi.

- Các thầy tu và Giáo hoàng cũng nói như thế đấy – đô đốc chua chát đáp.

- Phải – Richer xác nhận một cách khinh thường. Nhưng có khác là họ sai, ta đúng.

Villegagnon buồn rầu nhìn mớ giấy ghi chép đã chuẩn bị. Ông đã lường trước mọi lập luận, tìm đủ lý lẽ để bác bỏ mọi chất vấn, mọi ý kiến trái ngược, xây dựng một phương án để mọi người có thể chấp nhận. Nay thì chẳng còn tác dụng gì. Phong trào Cải cách tôn giáo mà ông chờ đợi, xem như một lối thoát, đã chụp lên đầu ông một tấm lưới trong đó ông hoài công giẫy giụa. Đến lượt ông đứng lên, đi đi lại lại trong phòng. Tới trước chiếc bàn bằng gỗ mun, ông quên là mình đang có khách, lặp lại cử chỉ quen

thuộc: đứng ép bụng vào bàn, giang tay ôm lấy nó. Những lúc gặp chuyện bối rối, ông vẫn thường làm thế như để tiếp thêm nghị lực. Mọi người đưa mắt lạ lẫm nhìn nhau. Ông cảm thấy cạnh bàn bằng ngà voi và gỗ áp vào bụng, truyền sang mình những tình cảm cao quý.

Ngày mai đã tổ chức các lễ cưới, không có lũ linh mục này thì không xong. Villegagnon cảm thấy phải nuốt hận, hy sinh các tình cảm riêng, đặt quyền lợi của đảo lên trên. Ông quay về các vị khách, cố nín nhịn và nở một nụ cười:

- Thôi được, hãy gác sang một bên mọi bất đồng. Ta cùng nhau hợp sức để đưa hòn đảo này trở lại hoạt động.

- Hãy tin là chúng tôi cũng chống cảnh nhàn cư vì bất thiện như chống tệ sùng tín – DuPont nói.

Tiếp theo hai bên bàn bạc khá lâu về các điều kiện: họ được miễn khỏi phải lao động, các mục sư được dùng dinh thống đốc làm nơi hội họp, và một hội đồng được thành lập bên cạnh đô đốc, trong đó có DuPont.

Những điều trên có làm giảm bớt quyền uy của Villegagnon, song đô đốc thấy có thể thì dám Tin lành mới tuân lệnh ông. Cuối cùng, ông chấp nhận hết, còn phía bên kia đồng ý giảm bớt các cuộc thuyết giảng giáo lý.

CHƯƠNG 5

Hai chú rể đầu tiên là những người ngốc nghếch nhất cho nên cần phải cho họ ăn bận đàng hoàng nhất. Họ được Villegagnon chỉ định một cách vội vàng. Ông chấm ngay hai trong số những người hầu của ông, một là người vùng Picardie, một người vùng Provence, đều là loại cục mịch, thô lỗ, được cái chịu khó làm lụng. Đô đốc đã sai thợ may khoác cho họ bộ cánh thật bảnh, nhưng trông họ vẫn ngô nghê thế nào. Hai cô dâu chẳng biết nên buồn hay vui, dù sao cũng hãnh diện mình là những người đầu tiên được ghép đôi.

Đến ngày đã định, lễ cưới tiến hành trên bãi đất trống mọi khi. Để gây ấn tượng, làm gương cho mọi người khác noi theo, Villegagnon cho dựng một sân khấu nhỏ làm bằng các thân cây dừa. Không ai được vắng mặt, đặc biệt là các nô lệ Anh điêng, nam và nữ. Họ được xếp ngồi lên hàng đầu để nhìn cho rõ, hiểu thế nào là một lễ cưới. Các cô gái được hai người Tin lành, chọn trong số những người nhiều tuổi nhất, toàn bậc đáng tuổi cha chú, khoác tay đưa vào. Bộ váy áo của hai cô dâu không có biến đổi gì so với ngày thường, vẫn đen tuyền, khắc khổ, nhưng, có lẽ để tỏ rõ nổi bất mãn mà họ vẫn giữ trong lòng bấy lâu nay, họ đã tảo gan thêm một vài chi tiết vào tóc, như là cuộn bím lên thái dương, cài vào đó mấy chiếc lược ngà hơi phô trương, và đến phút chót vẫn nơm nớp lo sợ bị cảnh cáo. Phải đứng sát cạnh chồng sắp cưới, mặt họ đỏ bừng như đánh phấn trông xinh hẳn. Còn hai chú rể, tật xấu duy nhất là mặt lúc nào cũng đỏ gay do rượu, nhưng chỉ những lúc xoay được, thì lại tái đi, nên cả hai đôi đều trình diện trước công chúng đang cảm động một nước da gần như đồng màu, gọi lên hình ảnh miếng thịt hun khói hồng tươi.

Trong khi mọi người chăm chú nhìn lên thì dưới cử tọa, có ba nhân vật ở cách xa nhau, nhưng luôn để mắt quan sát lẫn nhau. Aude cùng các bạn gái đồng cảnh ngồi khép nép, chéch phía dưới sân khấu. Khác với các bạn mở to mắt say sưa để cho chung quanh ai cũng hau háu nhìn vào, Aude luôn cụp mắt nhìn xuống. Tuy nhiên, nhận ra Just ngồi ở hàng thứ hai bên trái, thỉnh thoảng nàng lại liếc mắt về phía đó: một cái nhìn vừa lả lơi, vừa đau thương ai oán. Just giữ tư thế đàng hoàng, hiên ngang như thường lệ, một

mặt ngăm nghĩ về ý nghĩa sâu sắc mà Villegagnon gán cho buổi lễ này, mặt khác vẫn lên quan sát người con gái mà từ nay chàng có trách nhiệm quan tâm. Và một khi nhận được lời đáp của đôi mắt tìm kiếm, chàng lại vội quay đi để nhìn lên quang cảnh đang diễn ra trên sân khấu.

Phía Colombe thì quan sát cả Just lẫn cô gái Tin lành. Nàng nhìn tất cả: sự xôn xang của Just, cái nhìn có ý nghĩa của Aude, và cả Just lẫn Aude đều cố làm ra như không có chuyện gì. Nàng thấy buồn cười vì cái trò ấy. Lần đầu tiên nàng thấy Just bỏ cái vẻ nghiêm trang quân tử mà chàng thường làm gương để mọi người noi theo. Nhưng Colombe không ưa thái độ của cô gái Tin lành. Cái kiểu ngăm ngăm làm bộ ra không cần ai, rồi ra vẻ ngây thơ và hơi khó chịu khi hai cặp mắt giao nhau ấy, Colombe cảm thấy có nhiều giả tạo hơn là tình cảm thật. Trò chơi hai mặt thật là nguy hiểm, và Colombe lo rằng Just chưa nhận ra điều ấy.

Từ chỗ mình ngồi, Just là người đầu tiên gặp ánh mắt trong veo của Colombe nhìn chàng. Sự ngạc nhiên của chàng khiến Aude cũng quay nhìn phía ấy và trông thấy Colombe... Thế là ba người luân phiên nhìn nhau, mỗi người đều cố tỏ ra không bằng lòng rằng mình bị quan sát.

Trong khi đó, một sự tranh chấp kín đáo cũng diễn ra ở gần sân khấu. Đứng với ngôi bậc của mình, Villegagnon ngồi trên hàng đầu. Nghi thức Tin lành chỉ biết có hai thánh thể ghi trong sách Phúc Âm, là lễ rửa tội và lễ ban thánh thể, nên buổi lễ nhanh chóng mang vẻ lễ bữa *cène*. Chỉ còn việc ban phước lành cho hai đôi tân hôn là kết thúc. Villegagnon nhất mực tuân theo luật lệ, không chịu nhượng bộ một li về điểm duy nhất của luận thuyết mà ông đã nêu lên trước vị mục sư. Ông kiên quyết uống rượu pha nước. Richer cũng nhất định không chịu làm theo yêu cầu của đô đốc, nhưng rút cuộc, vấn đề lại được giải quyết một cách rất khôn khéo. Ông Villegagnon bắt đầu làm lễ ban phước lành, nhưng đứng sát bên ông là người quản lý rượu. Khi ông cầm bình rượu lễ nhưng lại đựng toàn nước lã lên, người kia liền rót rượu vào, theo đúng như hiểu biết về dòng máu thiêng của Chúa mà đô đốc vẫn quan niệm. Lúc trước, mọi người chỉ bàn cãi có mỗi việc rượu lễ có pha nước hay không mà không sao đi đến thống nhất được. Thấy đô đốc làm theo ý mình như vậy, ông mục sư cho rằng mình đã xong nợ, khỏi phải mất công bàn cãi nữa. Tới đây xảy ra một việc vừa bất ngờ vừa có thể lường trước. Đến lúc nhận bánh thánh, Villegagnon rút trong túi ra một

vuông vãi nhưng, trải xuống đất rồi mới quỳ lên đó. Cử chỉ này, như Aude đã nói với Just trong lần gặp đầu tiên, bị phái Tin lành coi là biểu hiện của thói sùng tín. Đám người Anh điêng có vẻ rất thích cử chỉ này, họ reo hò tán phục ầm ầm cả lên.

Mục sư Richer đứng bên, tái mặt, thì thào:

- Này ông, mau đứng lên!

Mục sư cầm bánh thánh trong tay, không trao cho người chịu lễ.

- Không bao giờ! – Đô đốc đáp khẽ – Khi Đức Chúa của tôi xuất hiện, tôi phải quỳ xuống nghiêng mình.

- Ông làm sao vậy, còn ra thể thống gì trước bọn Anh điêng? Đúng là trò sùng tín lỗi lạng.

- Tôi kính Chúa theo cách của tôi.

- Ông chỉ kính một miếng bánh thì có.

- Thế là sao? – Villegagnon quát oang oang lên – Nhưng mà...

Richer vẫn nắm chặt chiếc bánh thánh, lúng túng nhìn quanh, không biết nên xử trí thế nào. Trong quang cảnh nguyên sơ của một thế giới toàn rừng rậm và núi cao, con người chẳng thể dựa vào ai được. Villegagnon và Richer căng thẳng đương đầu với nhau, lơ lửng giữa đám đông. Quyết định của họ, thất bại của họ, sai lầm của họ, đám dân chúng nhỏ nhối ở đây sẽ phải chịu hậu quả, họ sẽ phán xét và chọn lựa. Buổi lễ bắt đầu ồn ào. May thay trong cử tọa lơ nhố, Richer nhận ra khuôn mặt của DuPont. Vị chính khách này nháy mắt ra hiệu, có ý khuyên nên rút lui chiến thuật.

Ông mục sư bèn dứt vội miếng bánh thánh vào cái miệng há hốc, răng lợi cái còn cái mất của Villegagnon, rồi chuyển sang người tiếp theo.

Tan lễ, mọi người đều phấn khởi và trao đổi cảm tưởng, ai nấy đều cho là đã thành công. Những cuộc hôn phối đầu tiên này mở ra triển vọng một

thời kỳ mới theo truyền thống như ở châu Âu, nghĩa là có gia đình, có con cái hợp pháp, có sự hòa hợp giữa nam và nữ, có bình yên.

Trong đám đông lộn xộn, Colombe tìm Just không mục đích nào khác là được gần anh trai, vì từ lúc trở về, nàng cảm thấy cô đơn, muốn tìm lại cảm giác yên ổn bên cạnh anh. Nàng bất ngờ chạm trán Just đúng lúc anh đang nói chuyện với Aude, nên không kịp tránh mặt.

Just lúng túng. Tính tự chủ vốn có của chàng biến đâu mất, thay vào đó là thái độ cử chỉ rụt rè, ngượng ngịu. Và cô nàng tin đồ đạo Tin lành không những không thương xót cho con mồi của mình trong cuộc chiến không cân sức này mà còn chĩa thêm vũ khí tự nhiên của nét mặt, của đôi mắt, của mùi da thịt con gái vào kẻ đang nhìn nàng với vẻ cầu khẩn. Colombe đến, khiến Just càng thêm bối rối. Chàng đáp ứng:

- Xin giới thiệu với cô... em trai tôi, Colin. Colin à, đây là cô Aude Maupin, cháu gái của mục sư Richer.

- Đây là... em trai ông? – Aude có vẻ do dự khi nói từ này – Rất hân hạnh.

Aude nhìn Colombe bằng ánh mắt sắc như dao, như muốn chọc thủng làn vải thô của tấm áo nàng đang mặc để soi thấu tận tim gan. Just vội nói thêm như để giải thích cách ăn mặc tồi tàn của Colombe trong ngày lễ trọng thể như thế này:

- Em nó làm nhiệm vụ giao tiếp với bọn mọi.

Colombe sẽ không nói gì nếu Aude không buông một câu làm vẻ thương hại:

- Đi với bọn Anh điêng à, khổ thân cậu bé!

- Nhưng thưa cô... ai khiến mọi người phàn nàn cho tôi? – Vừa nói Colombe vừa nhìn thẳng vào mắt cô gái Tin lành.

- Vì chúng là bọn mọi rợ!

Giọng mỉa mai của Aude hàm ý “gần bọn mọi rợ thì mình cũng thành mọi rợ”.

- Với tôi, họ cũng là những con người – Colombe đốp lại, trong bụng tự trách mình sao không tìm nổi câu gì hay hơn.

- Phải, cậu hy vọng họ sẽ trở thành người. Vì may thay, chúng ta đang mang lại cho họ đức tin.

- Còn họ thì cung cấp bột và cá cho ta có cái mà ăn.

Phút im lặng ngắn ngủi trong lúc hai cặp mắt sắc giao nhau. Just không biết nói gì để chấm dứt cuộc đối đầu.

- Cậu so sánh hay nhỉ! – Aude tiếp tục tấn công. Đức tin đâu phải là hàng hóa trao đổi. Thì ra phái Giáo hoàng các người hay lấy nghi thức rườm rà và lời cầu kinh để mong được ban phước. Song đức tin ở tại tâm, không phải ở bề ngoài.

- Những người cô gọi là mọi rợ, đừng tưởng họ không có đức tin đâu – Colombe nói.

Nói đến đây trong óc nàng hiện lên hình ảnh của Paraguacu, của những dòng thác và của căn nhà xanh tươi của Paylo, và lần đầu tiên nàng cảm thấy yên lòng với họ hơn là ở bên Just.

Nhưng Aude vẫn muốn đi tới tận cùng:

- Vô lý. Kẻ không thờ Chúa không thể được ban ơn. Chú tôi đã nói vậy: bọn hoang sơ ấy không có Chúa.

- Không Chúa! – Colombe thốt lên. Theo tôi biết, họ có nhiều thượng đế hơn cả chúng ta.

- Bậy! – Aude nhếch môi coi thường. Họ chỉ thờ những thần tượng. Không, thưa quý ông, những cái đó không cứu rỗi được ai. Ông Chúa không

thể làm giả được.

Colombe cảm cái nhìn thật sắc vào khuôn mặt không trang điểm của đối phương thiếu khôn ngoan và thiếu cả thận trọng:

- Nhưng đức hạnh thì có thể làm giả.

Chính nàng cũng bất ngờ vì câu nói của mình, khi thấy mặt cô gái Tin lành tái nhợt. Chợt nghĩ Just đang ở kè bên, nàng thầm trách thái độ hèn nhát của anh nàng. Just đã không bênh vực em gái, vì như thế thì cuộc đấu khẩu và đấu mắt sẽ gay cấn hơn. Và tồi tệ hơn nữa, anh nàng lại chỉ đóng vai trò người chứng kiến thụ động vụng về. Nàng liền quay ngoắt, biến vào đám đông.

Bước chân vô tình đưa Colombe đến con đường nhỏ men bờ biển, dưới chân pháo đài. Từ ngày tới đảo, đây là nơi nàng thường chọn đến để tĩnh tâm và suy tưởng. Nhưng bây giờ bức tường thành đã mọc lên sừng sững, bên trên nghe tiếng lính canh đi tuần. Từng đoạn, chân tường lại bị xé những cổng hẹp dùng để thoát nước. Một người có thể dùng nó làm nơi tạm ẩn nấp. Chính từ một cổng ấy nàng giật mình thấy Quintin xò ra. Nàng suýt quên mất ông già.

- Cháu đây rồi! ông reo lên. Bao giờ ta trở về bên kia?

Rồi hồn hên:

- Sáng nay, ta lại suýt bị chúng bắt đi làm khổ sai ở công trường. Mới vừa rồi, ta đang đi lấy nước cũng bị một tên chết tiệt túm lấy áo, hỏi có muốn xuống địa ngục không.

- Ông trả lời sao?

- Ta định trả lời địa ngục chính là đây, còn mọi nơi khác đều là thiên đường, song nghĩ lại, không nên trêu chọc chúng. Thế nào, bao giờ chúng ta đi?

- Sẽ đi ngay lúc nào thích hợp.

Thực tình, bụng nàng nghĩ thế.

- Tôi qua ta đã quan sát bến tàu. Thằng lính ở phiên gác thứ ba là một tên vai u thịt bắp quê ở Mecklem. Ta biết nó. Thế nào cũng có lúc nó ngủ gật. Lúc đó ta sẽ nhảy lên sà lúp...

- Sà lúp đều neo chặt bằng xích sắt – Colombe nói. Và ông biết là nếu thấy người bỏ trốn, chúng được lệnh bắn liền.

Quintin hiểu rất rõ tình thế, lặng im. Colombe nói:

- Cho cháu một ngày hôm nay. Để xem có thể làm được gì.

Nàng định sẽ đi gặp đô đốc. Nhưng trước mắt, muốn được ở một mình. Nàng bảo Quintin cứ nấp ở đâu đó, và tiếp tục đi dạo dọc bờ biển.

Tới cuối đảo, nàng gặp một nhóm tù nhân Anh diêng đang giặt giũ trong nước biển. Nước ngọt rất hiếm nên không thể dùng cho việc ấy. Đàn ông, đàn bà đều cởi quần áo, trần truồng. Người giặt xong thì phơi áo quần lên mỏm đá, chờ khô. Do có lễ cưới, đô đốc để cho họ được thoải mái, không người canh gác. Thấy Colombe tới gần, họ có vẻ sợ hãi định tản đi, song nàng dùng thủ ngữ giải thích để họ yên tâm.

Nàng ngồi xuống gần một đám đàn bà và dăm chiêu suy nghĩ. Trong chốc lát nàng tưởng như được trở lại cái hồi cùng dạo chơi với Paraguacu, và bỗng muốn trút bỏ mọi quần áo để ở trần như mọi người. Nhưng nàng chợt nhớ là mình đang ở trên đảo. Hơn nữa những tù nhân này thuộc loại khác hẳn các bạn trước đây. Họ là những tù binh do Quạ chuộc lại từ tay đối thủ rồi đưa sang lao động trên công trường xây pháo đài hồi đầu. Họ có vẻ nhẵn nhụi, đáng thương, luôn luôn sợ sệt, và phảng phất một nỗi buồn khó tả. Không phải họ bị bạc đãi; nhìn chung đến nay Villegagnon vẫn đối xử với họ không đến nỗi nào. Nhưng chính là vì họ bị dứt ra khỏi bộ tộc, đưa đến hòn đảo này, tách ra khỏi cuộc sống tự nhiên của họ. Bị tù túng, không rừng rậm, không săn bắn, không còn bộ lông chim trang trí nữa, tóm lại không còn môi trường thiên nhiên quen thuộc. Họ như người đã chết rồi, và chấp nhận cuộc sống thừa này như một kiếp đọa đầy phải chịu. Để xua tan

không khí e ngại do sự có mặt của nàng gây ra, Colombe bắt chuyện và hỏi ý kiến họ về cuộc lễ ban sáng. Hình như không ai muốn trả lời. Cuối cùng một phụ nữ cao tuổi, da mặt nhăn nheo, hỏi bằng tiếng Tupi:

- Lúc nhảy múa, sao các người im lặng thế, không ồn ào gì cả?

Colombe bắt nhắc lại câu hỏi, rồi đặt thêm mấy câu hỏi nữa để hiểu thêm ý người phụ nữ muốn nói gì. Thì ra người Anh điêng chỉ biết tiếng Pháp qua mấy từ ra lệnh ngắn gọn của cai và lính, nên không hiểu tí gì về ý nghĩa và mục đích buổi lễ. Thấy có sân khấu trang trí, mọi người trang phục lạ lẫm và có những động tác nhất định, họ cho đây là một ngày lễ hội và ngạc nhiên thấy người da trắng nhảy múa chậm chạp thế. Colombe giải thích:

- Không phải nhảy múa, mà là lễ kết hôn.

Song cái từ này, trong ngôn ngữ tupi lại gọi lên một điều khác hẳn trong tâm trí người Anh điêng. Hai, ba người lắc đầu, vẻ không tin và có ý không tán thành. Bà già nọ hỏi:

- Nếu cốt để sinh con, thì tại sao lại buộc phụ nữ ăn mặc như vậy?

Rõ ràng trang phục của các cô dâu là điều làm các bà Anh điêng ngạc nhiên nhất. Colombe hiểu là, không kể nàng ăn bận thành con trai, họ chưa bao giờ nhìn thấy phụ nữ châu Âu trong trang phục ngày lễ. Họ đã thoáng thấy các phụ nữ Tin lành ấy từ trên tàu xuống đất liền, nhưng quá xa, và hôm nay là lần đầu tiên họ được ngắm nghía thỏa thích gần như thế.

- Các cô dâu ăn mặc như vậy, rồi... sau sẽ trút bỏ quần áo – Colombe giải thích một cách ngượng ngáp. Nàng đỏ mặt rồi phá lên cười. Tất cả người Anh điêng cùng cười theo, lúc đầu thì còn rụt rè, sau thì bạo dạn dần, vẻ mặt họ thể hiện rõ sự thích thú.

Tiếng cười dứt, họ ngồi im ngắm nhìn mặt biển đỏ hồng và từng đợt sóng đánh vào chân các mỏm đá ngầm.

Lát sau, một phụ nữ Anh điêng thốt lên:

- Vậy là những gì họ muốn ở chúng ta là như thế!

Những người khác cùng lắc đầu, trầm ngâm.

Colombe hỏi người ấy nói thế là có ý gì. Bà ta do dự mãi rồi mới thú thật là mấy hôm nay họ luôn bị nam giới trên đảo quấy rối, nài ép. Dưới thời Quạ thì họ buộc phải vâng chịu, nhưng sau đó tình hình yên ổn hơn (Bà ta không biết đó là do đô đốc ra lệnh cấm nghiêm ngặt). Bây giờ thì được phép, thậm chí khuyến khích lấy nhau, họ lại bắt đầu bị lôi ra những chỗ vắng và bị cưỡng hiếp.

Colombe rất xấu hổ khi nghe chuyện ấy, nàng chột nghĩ tới Just mặc nhiên cũng phải chịu trách nhiệm về tình hình đó, mặc dù anh không biết tí gì về chuyện này.

Một người đàn bà thổ dân nói:

- À ra vậy. Họ muốn chúng ta cũng phải mặc cái váy áo đen xì ấy như phụ nữ của họ.

Colombe thấy cái kết luận suy diễn ấy khá là khôi hài, nhưng thực tế sâu xa phía sau lại quá đau xót và nghiêm trọng nên nàng đành im lặng. Bị người đời ruồng bỏ, những người đàn bà Anh điêng này vẫn còn cao thượng trong nỗi nhục nhã. Bị người đời giam hãm, họ vẫn còn tự do, ít nhất là trong bản ngã của mình. Là nô lệ của muôn người, nhưng họ vẫn sợ phải làm nô lệ của một người, và điều họ sợ nhất là một người ấy sẽ áp đặt quyền lực lên mình.

- Các bạn có bao giờ có ý định bỏ trốn không? – Colombe thì thầm hỏi.

Ai nãy nhìn nhau lo sợ, không dám trả lời. Xa xa, phía bên tàu, vọng lại tiếng ồn ào của cuộc liên hoan vui vẻ. Liếc nhìn nhanh đủ thấy không có ai canh gác, kiểm soát họ. Một người Anh điêng cao lớn, bụng chằng chịt những sẹo, tách ra khỏi đám bạn, lại gần Colombe, nói nhỏ:

- Cậu biết tiếng Tupi, và nhìn mặt cậu biết cậu không phải người xấu.

Một niềm vui khó tả chạy rần rật khắp người Colombe. Tâm hồn nàng bay bổng, tràn trề hạnh phúc như khi người ta mở rộng trái tim đón nhận tự do. Người kia hát hàm chỉ một thân cây cọ dài nằm nép dưới hốc đá:

- Cậu nhìn cái thân cây kia. Nhiều đêm chúng tôi đã lẳng lặng khoét rỗng, thành một con thuyền.

- Chờ được bao nhiêu người? – Colombe khẽ hỏi lại.

- Mười, song chúng tôi muốn cho phụ nữ đi trước.

- Tốt quá! Bao giờ đi?

Người Anh điêng buồn rầu nhìn xuống bàn chân mình:

- Chưa đi được.

- Tại sao? Thuyền xong rồi, không nên chần chừ.

- Sang đến bên kia, số phận họ cũng không hơn gì ở đây. – Người thổ dân thú nhận, sau một phút do dự.

- Thế là thế nào? Các bạn thông thạo rừng rậm, phải trốn đi chứ!

- Nhưng rồi đi đâu? Biết bao tuần trăng nay chúng tôi bị cầm tù ở đây, làm sao tìm lại được bộ tộc cũ? Thổ dân dọc bờ biển đều là kẻ thù của chúng tôi, mà chúng tôi không có vũ khí.

Colombe liên tưởng đến nhóm Anabaptit, họ không có kinh nghiệm gì về rừng rú, mà vẫn bỏ đi và bây giờ chắc vẫn sống. Song như vậy là nàng không tính đến tâm lý người Anh điêng. Nếu không có thần linh chỉ bảo, không có thầy mo phù thủy để diệt tà ma thì họ cảm thấy hoàn toàn bất lực trước thiên nhiên hoang dã như một nơi thù địch đầy tai họa khó lường.

Colombe đứng dậy, đi vài bước về phía pháo đài, hết nhìn cái thân cây rỗng lại trông sang bờ biển bên kia, rất gần bên kia eo biển. Trong tai nàng

bỗng văng lên lời của Aude, cô gái Tin lành. Lòng căm giận Just, cộng thêm lòng căm giận chính mình đã rất cố gắng nhưng vẫn không thể cận tình với anh được, đã tức nước trong lòng nàng, giờ lại thêm điều ô nhục mà người Anh điêng phải chịu, bỗng vỡ bờ ào ào, khiến nàng dậm tức thở. Nhưng khi quay lại đám thổ dân thì vẻ mặt nàng đã tươi cười trở lại.

Nắng ban trưa chiếu thẳng xuống đầu nàng, một giọt nước mắt ứa ra ở khóe mắt, có lẽ do bị chói. Hơn bao giờ hết, nàng cảm thấy mình đích thị là Mắt – Mặt trời. Lấy hết sức quyến rũ của đôi mắt sắc lạnh, nàng nói:

- Tôi sẽ giúp các bạn, các bạn có giúp lại tôi không?

Những người Tupi không cần trả lời, nhìn mắt họ đủ thấy họ đã coi Colombe là người của mình.

CHƯƠNG 6

Nhằm mục đích chấm dứt những vụ cãi lộn lung tung về giáo lý làm trì trệ mọi công việc trên đảo, một qui định được đề ra: mỗi ngày chỉ có một buổi giảng đạo không quá nửa giờ, tổ chức ở một nơi nhất định. Trong khi rao giảng, không được công kích giáo hoàng, không xúc phạm Đức Mẹ Đồng Trinh. Tình hình êm ả một thời gian. Vì thế, phái theo tôn giáo mới không tiến triển mấy, còn phái trung thành với những giáo điều cơ đốc cũ thì coi như mình đã thắng. Tuy nhiên hai phe phái vẫn tồn tại riêng biệt, luôn giữ miềng với nhau, xung đột có nguy cơ bùng nổ bất cứ lúc nào.

Phái cấp tốc có biện pháp để cứu vãn đoàn kết. Lộn xộn tạm lắng ở cấp dưới, nhưng ở cấp trên vẫn âm ỉ. Vì phái nào cũng quan niệm đoàn kết có nghĩa phái kia phải nhượng bộ, và phái nào cũng ra sức củng cố lực lượng của mình. Ngài Gonzagues đã lấy lại được tự tin để lèo lái con thuyền của phái Công giáo một cách vững vàng. Ông chỉ chịu tha thứ cho phái Tin lành nếu họ chịu đọc kinh Credo. Còn những người này lại chỉ chịu bỏ qua cho phái kia nếu họ chấp nhận từ bỏ hoàn toàn những việc sùng tín. Thế là những người theo phe DuPont tìm mọi cách củng cố lực lượng, giảng dụ những kiến thức cơ sở của Calvin cho các tín đồ mới cải đạo. Họ còn tổ chức một đội đặc biệt có khả năng loại bỏ mọi tư tưởng tà giáo luôn lách trong nội bộ. DuPont được nhất trí công nhận là lãnh tụ tinh thần của cộng đồng Tin lành và không có việc gì liên quan đến một nửa dân số đảo mà không có ý kiến chỉ đạo của ông ta.

Riêng Villegagnon vẫn không rời bỏ ý nghĩ về một sự thỏa hiệp hợp lý. Để nghiên cứu những ý kiến mới nhất của nhà cải cách tôn giáo ở Genève, xem có thể dung hòa được gì với Roma, đô đốc đề nghị Richer cho mượn cuốn *Những quy tắc tôn giáo*, tác phẩm mới xuất bản của Calvin. Cũng phải khẩn khoản mới mượn được, vì Richer chỉ có một bản, ông ta sợ Villegagnon mượn rồi lờ đi không trả.

Những gì đô đốc đọc thấy trong sách làm ông vô cùng sửng sốt, kinh ngạc. Không còn đâu những tư tưởng tự do, táo bạo, sôi sục của những tác phẩm Tin lành đầu tiên nữa. Với lý do khôi phục lại trật tự, Calvin khai tử

ngay chính những ý tưởng của mình. Dưới ngòi bút của ông, phong trào Cải cách nay gồm toàn những chế tài ép buộc, cưỡng bức, trừng phạt. Villegagnon tự trách mình đã không nắm được sự thay đổi ấy, mà lại ngửa tay xin cầu viện từ ông ta. Nhưng việc đã trót, nay cần gỡ ra thế nào.

Và thế là, ngày biếng ăn, đêm quên nghỉ, lơ là các công việc khác, Villegagnon ra sức bặm chặt thật nhỏ tất cả mọi lý lẽ, trộn lẫn hương liệu chiết ra từ các tác phẩm cổ đại, nhồi ắn các mẫu vật trích trong sách Phúc âm vào hỗn hợp đó, nhào nặn, rán vàng, thêm mắm thêm muối theo cái cách thô kệch của một chiến binh. Cái cách xào nấu mang tính thần học ấy giúp ông nhìn ra những khó khăn chính và rút ra vấn đề cốt lõi cần giải quyết. Và ông có linh cảm: rồi mọi việc sẽ ổn thỏa. Sách Phúc Âm không đề cập việc các thầy tu có được lập gia đình không, vấn đề cứu rỗi linh hồn có phải trả tiền hay không cũng không bị phái công giáo ở Gonjaques hoàn toàn phản bác. Ông này vốn đã chẳng coi giới giáo sĩ ra gì, vì vậy không bao giờ tin được, họ có quyền năng cứu rỗi được ai. Và người ta vẫn có thể tự do thuê cầu nguyện; việc này giúp cho việc cứu rỗi được tốt đẹp chứ không thách thức nó. Vấn đề Đức Mẹ Đồng Trinh thì gay go hơn. Song tâm hồn thi sĩ của Gonjaques đã cung cấp giải pháp: có thể cho phép tín đồ công giáo tôn vinh Đức Mẹ mà không cần tin vào bản chất thiêng liêng của Người. Dù sao thì Bà cũng không phải là người đàn bà đầu tiên được gán cho nhiều quyền lực hơn thực tế. Phái Tin lành có thể chấp nhận lòng tôn kính ấy mà không coi là sùng tín. Về mặt nghi lễ, thì ban thánh thể bằng hai thứ rượu và bánh thánh là phù hợp với tinh thần cổ xưa. Còn về nồng độ của rượu, từng người có thể quyết định thế nào là phải...

Cuối cùng, cái nút của sự tranh cãi cần giải quyết, thậm chí là trung tâm của vấn đề có thể chia rẽ hai phái mãi mãi, đó là điểm mà đô đốc đã sớm nhận ra từ đầu: Chúa có hiển hiện thật sự trong chiếc bánh thánh hay không? Vì thực ra, tất cả xuất phát từ đó. Nếu Chúa không có trong bánh thánh, thì con người bị bỏ rơi, trơ trọi. Một người có thể nhận được ân sủng tối cao đấy, nhưng mọi con đường giao lưu với Đức Chúa cứu thế bị đóng lại. Không thể tiếp cận với Người, không thể bồi dưỡng mình bằng sức sống của Người. Thượng đế đã đưa Con Trai mình xuống trần rồi lại gọi về, và con người chỉ còn giữ lại cho mình mỗi Kinh thánh của Chúa Cứu thế để lại. Trên hòn đảo heo hút ở tận cùng thế giới này, Villegagnon hiểu rõ nỗi cô đơn ấy. Ông chưa bao giờ thấy thiếu vắng Chúa chẳng qua chỉ vì, nhờ

vai trò trung gian của lễ ban thánh thể, ông vẫn có thể được đối diện với Ngài, nguồn an ủi, nguồn sống vĩnh cửu.

Nếu Chúa có mặt trong bánh thánh, người tín đồ sẽ không thấy cô đơn, đói khát, không bị mất phương hướng. Và đến Ngày phán xét cuối cùng, không chỉ linh hồn người chết được hồi sinh, mà cả xác thịt cũng sống lại do đã hấp thụ máu thịt của Chúa. Tuy nhiên vấn đề này cũng còn mù mờ. Phái công giáo luôn nói đến hóa thể: bánh mì và rượu sẽ trở thành máu và thịt của Chúa. Luther thì lại dùng từ đồng hiện: Bánh và rượu thánh, tuy vẫn là vật chất phàm tục, nhưng *cũng* trở thành thịt và máu của Chúa. Nhưng Calvin thì sao? Đường như ông bác cả phái công giáo lẫn Luther, phủ nhận sự hiện hữu cụ thể của Chúa. Song ông công kích luôn cả những người Socin hoặc Zwingli, coi lễ ban thánh thể là một cử chỉ tượng trưng, không có Chúa nào bên trong, mà chỉ là sự tưởng niệm đơn thuần và đáng buồn về Chúa Cứu thế không còn ở trên đời này nữa.

Trọng tâm thảo luận chính là ở đó. Phái buộc phái Calvin nói cho rõ, dồn họ vào chân tường, bắt họ phải ngã về phía này hay phía kia. Hoặc cuối cùng họ phải công nhận – dù chỉ trên đầu lưỡi – sự hiện hữu của Chúa, và Villegagnon sẽ san bằng được mọi rào cản với phái công giáo. Hoặc họ phủ nhận. Nếu vậy thì các vị Thượng đế xa vời chẳng ai sờ mó được ấy, bỏ mặc con người trong cõi chết cô đơn, chẳng có ích cho ai. Vậy giáo sĩ là những kẻ lừa bịp, các thánh lễ trở nên vô bổ, giả tạo. Lố bịch như vậy thì lũ huygonô còn dám nhìn mặt ai nữa. Thay thế những cuộc tranh cãi vô bổ ở cấp dưới là người kém hiểu biết, Villegagnon hiểu lần này phải là một cuộc đấu lý ở cấp cao, làm sáng tỏ bằng tất cả mọi kiến thức có thể vận dụng được. Những người theo tân giáo đã đẩy lui đợt tấn công đầu của ông, nhưng bây giờ đã đến lúc họ không thể trốn tránh đợt mới được nữa, bởi vì lần này, số người tham gia sẽ hạn chế, vì trận này có tính chất quyết định và bắt buộc. Ông cho gọi viên công chứng Amberi vào, lệnh phải thảo ngay giấy triệu tập đảng hoàng, đứng thủ tục.

Hôm sau DuPont nhận được lời mời hội thảo. Cùng được mời dự có Richer, Chartier và một số đệ tử Tin lành (tối đa mười người) để cho cân bằng lực lượng. Cuộc họp sẽ được bảo vệ nghiêm ngặt, không ai được mang vũ khí, phòng khi tranh luận gay gắt, nóng đầu, đặc biệt là Gonzagues. DuPont lập tức nhấn tin nhận lời.

*

* *

Trên nền tường thành xây gần xong, giờ phải kéo lên những tảng đá lớn hình chữ nhật để ghép lại thành lỗ châu mai. Just phải chỉ đạo công việc phức tạp này. Giờ chàng đã thành thạo kỹ thuật và nghệ thuật xây công sự. Đây vốn là sở trường của dòng hiệp sĩ xứ Malte: ở châu Âu, hầu như không có thành trì nào, nhất là xây ở bờ biển, không phải mời họ làm tư vấn. Họ không viết sách, không phổ biến kinh nghiệm cho ai, chỉ truyền miệng giữa thầy và trò. Mà Villegagnon thì không có trò nào chăm chỉ, chịu khó hơn Just.

Mỗi lần ngắm nhìn tòa pháo đài, chàng hiệp sĩ trẻ cảm thấy một niềm tự hào sâu sắc, vì chàng đã bỏ vào đó bao công sức. Mỗi viên đá, hòn gạch như biết nói. Chàng hiểu tác dụng mỗi mảnh tường, mỗi góc khuất, và vô cùng khâm phục cấu trúc tài tình của nghệ thuật phòng thủ, biết dự liệu mỗi trường hợp bất ưng. Có lúc chàng còn mong bọn Bồ Đào Nha tới đây để thử thách sự vững chãi của tòa thành này. Nếu chúng đến thật, chàng tin nó sẽ bất khả xâm phạm.

Sáng hôm đó, chàng đang đi dọc bờ tường, nơi sẽ phải lắp một lan can bằng đá. Chàng yêu tiếng pa lăng cọt két ở đầu một cần trục bằng gỗ, đang nhấc bổng một tảng đá. Công việc đòi hỏi rất tỉ mỉ, chính xác, làm sao lắp cho thật khớp, tập trung tâm trí vào đó làm ta quên hết những mâu thuẫn phức tạp đang cấu xé cộng đồng mấy trăm con người ở đây. Trong lĩnh vực lý trí, và cả trái tim nữa, – nhưng Just không muốn nghĩ đến trái tim một chút nào cả -, những khúc mắc biến chuyển thật khôn lường, thất rồi lại mở, gỡ rồi lại rối, muôn phần khó khăn. Còn đặt một khối đá này lên một khối đá khác công phu thật nhưng cũng thật đơn giản, hoàn thành rồi thì nó sẽ vững bền một cách vĩnh cửu.

Bởi vậy, lúc khối đá được kéo lên cao, bắt đầu hơi lắc lư, Just thoáng bực mình khi nhìn thấy Colombe trèo lên tường thành và đi về phía mình. Chàng tiến vài bước ra đón, để nếu chuyện trò gì – mà Just thì rất ngại nói chuyện với em – thì đám thợ không nghe thấy. Nàng dừng bước. Buổi sáng

thật ấm áp, trong ánh nắng mùa thu, trông nàng có vẻ rất khác lạ, và Just thông thể nói được tại sao mình lại có cảm tưởng như thế. Có lẽ vẻ giận dữ, đôi mắt lo âu không muốn nhìn đăm đăm như xưa làm cho chàng rất sợ đối mặt với em gái để phải nhận một mũi tên cay độc hay hung dữ.

- Anh Just, em đi đây. Em đến nói lời tạm biệt.

Với thân hình vạm vỡ của người đầy sức sống, luôn hoạt động ngoài trời và quen cầm vũ khí, phong trần hơn, khuôn mặt thon thả và gầy hơn, sống mũi thẳng tắp, đôi môi vẫn còn mọng nhưng đã khô nẻ vì gió mặn, Just quả đã khác xa với anh con trai mới lớn lộc ngọc khi đặt chân tới đây hai năm rưỡi trước...

Chàng như lớn lên cùng với công trình xây thành và như được cấu tạo cũng bằng thứ vật liệu nặng, vĩnh cửu, có nước láng bóng đẹp.

- Em đi đâu? – Just hỏi.

Chàng có cảm giác như đang cầm lấy một dụng cụ thật nhỏ để nhào trộn một chất gì đó rất dễ tan và có thể còn nguy hiểm nữa.

- Em đi đâu? – Just hỏi.

- Sang với thổ dân Anh điêng.

- Lại đi nữa! – Just thốt lên.

Colombe thầm trách anh không hiểu, vẫn nghĩ chuyến đi này của nàng giống những lần trước. Nhưng rồi nàng thấy nên làm như đây là một chuyến đi bình thường, khỏi phải thú nhận rằng lần này nàng đi là sẽ không trở về.

- Vâng – nàng nói. Lại đi.

Just cúi nhìn xuống đất. Chàng không hiểu ý em gái lắm nhưng có một điều mà chàng cảm thấy rất rõ: sự ra đi của cô là một lời trách móc đối với mình. Do không biết xã hội người Anh điêng còn có một cái gì đó tốt đẹp,

hấp dẫn được Colombe, chứ không phải chỉ là cuộc sống hoang dã, tức là trái ngược đáng buồn của cuộc sống văn minh, Just nhận ra rằng sự thiên vị của em gái mang ý nghĩa phê phán khắt khe và gần như xúc phạm. Nàng thích sống trong rừng tức là đánh giá những cố gắng của đám người di dân bằng con mắt nghiệt ngã, là một cách phủ nhận tuyệt đối nhất. Về mặt rụt rè và ủ rũ, chàng nói:

- Em ạ, rồi mọi việc ở đây sẽ khá hơn.

Just đang ở trạng thái giằng co, bản năng mách bảo chàng, em gái nói không sai nhưng cũng không đúng lắm. Nhưng chàng không sao hiểu được một cách rõ ràng nên đành nói tiếp:

- Rồi em xem, chúng ta sẽ đạt được tới đích.

Chính lúc này, nàng mới chợt nhận thấy, tình cảm gắn bó từ thời thơ ấu đối với một người khác có ý nghĩa như thế nào. Trong những lúc chơi đùa ở Clamorgan, trong thời gian khốn khổ ở Ý, trong những ngày vượt biển đen tối, rồi trong bao nỗi sợ hãi, bao niềm hy vọng mà hai anh em đã chia sẻ, họ đã biết trao cho nhau sức mạnh và tình cảm với mấy từ này: chúng ta sẽ đạt tới đích. Và số phận của câu thần chú ấy càng khắt khe hơn, trong giờ phút khi mà họ tin mình sẽ đạt tới đích thì nàng lại không còn thấy hấp dẫn nữa, đơn giản là như vậy.

- Tới đích nào cơ, anh Just? Đích để cho nữ nô lệ bị hãm hiếp, đảo bị phá trơ trụi, chỗ nào cũng hận thù đối địch ư? Anh không thấy gì sao?

Nhưng để thay lời đáp, Just ngược nhìn phong cảnh bao quát: con đường tuần tra thẳng tắp, khối đá đang hạ dần xuống để đặt đúng vào hàng lan can, rồi súng ống, thuyền bè, cả khu vịnh đang hướng tới thắng lợi vinh quang của nước Pháp Nam cực. Colombe hiểu ý anh. Nàng kéo cái áo lưng thùng và nói:

- Với lại, cứ phải dối trá mãi, em không chịu được.

Về chuyện này thì hẳn Just phải đồng tình. Chàng ngập ngừng:

- Hay là ta nói hết sự thật với ông Villegagnon.

Colombe quá hiểu anh trai, biết anh nói thế chỉ để mà nói.

Trong tình hình phức tạp hiện nay của đảo, đô đốc đã có nhiều mối lo, Just chẳng dại gì trút thêm sự rắc rối này lên ông. Nhất là lúc này, tình hình đang căng thẳng và xung đột có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Trong chiến đấu và lao động, có thể chàng rất dũng cảm, nhưng chàng không đủ sức mạnh để đối phó với những tình cảm thâm kín. Colombe nhớ đến ánh mắt của Just nhìn Aude, và bỗng nàng trở nên chua chát:

- Thế là em sẽ không được dự lễ cưới của anh. – Nàng nói mà không thể kìm hãm được ánh mắt long lanh nét cười, cái cười gây đau đớn vạn lần cho Just hơn là câu nói vừa rồi.

- Lễ cưới! – Just kêu. Em nói gì vậy? Anh chưa bao giờ...

- Thôi đi – Colombe nhún vai. Anh đừng tự lừa dối mình: anh yêu cô ấy. Càng hay.

Nói rồi, nàng thấy hối hận ngay vì mình đã hèn hạ giáng cho anh một đòn hiểm vào chỗ yếu nhất.

Như vừa bị đâm trúng tim và ngã ngựa, Just lúng túng. Chàng lúng túng vì nàng đã có gan nói ra sự thật ấy thì ít, mà vì mình đã không dám nghĩ đến sự thật ấy thì nhiều. Hai tình cảm trái ngược giằng xé trong lòng chàng, một đằng là tình yêu hiển nhiên của mình với Aude mà chàng không dám công nhận, một đằng là sự phẫn nộ, và chàng không biết nên ngả theo đằng nào. Còn Colombe, nàng sẽ tự khinh rẻ mình nếu chấp nhận một thắng lợi quá dễ dàng.

- Đây là một thử thách đấy, anh Just ạ.

Nào ai ngờ được, họ lại rơi vào một tình huống khốn khổ như thế này? Nàng có vui ngầm vì mối bất hòa này nảy sinh, chấm dứt vở kịch cũ rích của những tình cảm trong sáng và tình bạn tốt đẹp, ngay thẳng, không hề uỷ mị, như tình cảm giữa hai đứa con trai không? Bi kịch không phải ở chỗ,

cuối cùng họ đã trở về đúng với bản chất của mình, tức là một người đàn ông và một người đàn bà, mà ở chỗ, khi mất đi mối quan hệ thân thiết giữa trẻ con với nhau gắn bó họ bấy lâu, họ không thể thất nổi một mối quan hệ khác, bởi vì, dù nàng vẫn nghi ngờ điều này, thì trước tiên, họ vẫn là anh em.

Vừa lúc ấy, có tiếng kêu to phía sau, chấm dứt phút im lặng ngượng ngập giữa hai người. Tảng đá do bị đặt xuống quá mạnh, nên vỡ đôi. Just vội chạy tới. Thừa lúc đó, Colombe cũng bỏ đi, không ngoái đầu lại.

*

* *

Cuộc hội thảo diễn ra ngay hôm sau, vì phe huygonô cho biết họ đã sẵn sàng đổi chất, không cần thời gian chuẩn bị.

Mọi người họp nhau trong căn phòng mới, sát cạnh dinh thống đốc. Villegagnon cho dựng nó lên làm trụ sở Hội đồng đảo sẽ thành lập theo thỏa thuận chung. Hai vị mục sư cùng năm, sáu đệ tử Tin lành ngồi một bên trên những chiếc ghế dài, còn DuPont như thường lệ vẫn đứng. Ngồi đối diện là ngài Gonzagues cùng một số thợ thủ công mà ngài đã thuyết phục được nguyện trung thành mãi mãi với Đức Mẹ Đồng Trinh, đồng thời với lời hứa sẽ cho một chỗ làm tốt.

Villegagnon ngồi ở đầu căn phòng hẹp, cách đều giữa hai nhóm, có Just và Thoret đứng phía sau, trấn giữ hai cửa ra vào. Còn ông công chứng Amberi tội nghiệp ngồi ở bàn con giữa hai hàng đối địch, sẵn sàng chịu trận. Không khí căng thẳng như dây đàn. Mấy hôm trước, một số người đã quy về bên này lại xin trở lại bên kia, hẳn là vì bị đe dọa, ép buộc. Trên công trường đã xảy ra xô xát. Ai nấy đều được báo phải dứt khoát lập trường đứng bên này hay bên kia, dù chẳng biết hai bên khác nhau cái gì. Không ai biết vì sao mình phải thuộc phái “huygonô” hay phái “giáo hoàng”, chỉ biết đã chọn rồi thì không được thay đổi.

Trong phòng, ai nấy đều tỏ ra nóng ruột. Mấy vách đan bằng lá cọ, vì làm vội, nên có nhiều khe hở nhìn thấy được cả bãi cát trắng phau và

khoảng xanh bao la của biển. Cái nóng bức ngột ngạt còn lớn vớn một làn sương ẩm ướt, che khuất cả mặt trời, một hiện tượng khá lạ trong mùa này. Một số người thấp thỏm ngồi không yên và vẫn phân vân không biết có nên ba chân bốn cẳng chuồn mau ra khỏi đây không. Trong không khí lặng gió phảng phất một mùi gây gây, chua chua của mồ hôi, mùi của lo âu. Cuối cùng Villegagnon hỏi:

- Nào, thầy Ambéri, đã sẵn sàng chưa?

Viên công chúng gật đầu, thế là cuộc bàn luận coi như bắt đầu. Đô đốc lấy giọng thật mềm mại, cố làm ra thân thiện, hòa hợp:

- Thưa các ngài, tất cả chúng ta đều tin vào Đức Chúa Giê-Su. Ánh sáng và chân lý ở trong tay chúng ta, trên mảnh đất hẻo lánh này, mà chúng ta sẽ biến thành một vườn hoa dâng hiến lên đức Vua nước Pháp.

Ngài Gonzagues thở dài. Cứ nghe thấy từ “vườn hoa” là trong đầu ông lại tràn ngập thơ ca, bởi vì ông thích thi vị hóa Đàn bà, mô tả mái tóc chải mượt, kem phấn, hương thơm, đôi mắt hút hồn, qua những lời ẩn dụ về lối đi thẳng tắp, bồn hoa muôn màu muôn sắc, thảm cỏ xanh tươi, đài phun nước trong veo.

Villegagnon cao giọng nói tiếp, lời ông hiệp sĩ già ra khỏi cơn cảm hứng lai láng:

- Nhưng, đứng trước nguy cơ đang rình rập và bao vây đảo, chúng ta có bốn phận...

– Chúng ta có bốn phận phải giữ đoàn kết, không làm vãn đục lý trí của những con người được giao cho chúng ta chặn đất, chỉ vì những bất đồng không đáng kể.

Tiếng lao xao bất bình nổi lên từ tứ phía. Ai nấy đều ngồi thẳng lưng lên, như chuẩn bị nhảy bật lên, nhiều người còn dang hắng đầy ngụ ý, như muốn sinh sự đến nơi.

Villegagnon cố làm ra vẻ thoải mái, nhưng trong lòng đã chột dạ. Ông đã từng mừng rỡ đón những người Tin lành do Genève phái tới, tưởng họ sẽ mang đến luồng gió tự do, trao đổi ý kiến lành mạnh, nay đã thấy mình nghĩ lầm: bọn này sẽ không chấp nhận tranh luận thẳng thắn. Họ không muốn giở gươm giở súng ra vì những việc con con.

- Chúng ta đi thẳng vào điểm chính – Villegagnon hắng giọng – Mọi thứ sẽ từ đây mà ra. Vậy tôi xin nêu đích danh vấn đề: Đức Chúa Giêsu có hiện diện trong lễ ban thánh thể hay không?

Ông giơ ra một tờ giấy đã chuẩn bị sẵn, trình bày tất cả những hậu quả sẽ xảy ra, nếu không công nhận là Chúa có hiện hữu thì phải tiến hành thánh lễ làm gì. Về điểm này, tuy cố giữ trung dung, ông tỏ ra gần với quan điểm của phái công giáo hơn. Gonjagues gật gù, vẻ tán đồng. Richer trịnh trọng cất lời, vừa nói vừa nhìn xem ấn tượng mà mình sẽ tạo ra cho mọi người:

– Có. Đức Chúa có mặt.

Khuôn mặt cau có của Villegagnon giãn ra, nhẹ nhõm. Gonzagues ngẩng phắt đầu, làm bộ râu cằm cũng vênh lên.

Đến lượt Richer giở giấy ra đọc:

- Calvin đã viết: “Tâm hồn chúng ta đều thấm nhuần thực thể của Người, để thực ra chúng ta cùng hòa với Người làm một”.

Villegagnon vui vẻ đứng dậy:

- Hoan hô người anh em, tôi xin ôm hôn ông một cái.

Song Richer thấy nguy cơ mình sắp bị ôm hôn thật, bèn nói nhanh:

– Để tôi nói hết đã! Tôi bảo: Chúa có mặt...

Villegagnon ngồi xuống ghế, nét mặt rạng rỡ:

- ... nhưng Người không có mặt.

Bên phe công giáo ồ lên tiếng bất bình đồng loạt, còn Villegagnon thì tái mặt.

Richer giơ bàn tay ngăn mọi lời phản đối, nói tiếp:

- Chúa không có mặt, vì Calvin viết: “Ở đây chỉ có bánh mì và rượu. Mà đó không phải là những thứ để cứu rỗi linh hồn; chỉ là những thứ nhất thời để nuôi dưỡng cái bụng, như đức thánh Paul nói.”

Đô đốc hét to:

- Bớ khi! Các ông hãy dứt khoát. Hoặc có hay không có. Ông không có quyền gì cất Chúa đi hay đặt Chúa vào.

- Có đây. Đức Chúa có ở đó, vì chúng ta đặt Người vào đó – Richer thủng thỉnh đáp.

Tiếng ồn ào lại nổi lên ở dãy ghế của phe công giáo. Viên mục sư không nao núng, điềm tĩnh nói tiếp:

– Chính đức tin của tín đồ đã đặt Người vào đó. Chứ thực ra, Người ở bên phải Đức Chúa Cha, thật xa vời với bánh thánh và rượu vang, chẳng khác gì đất xa trời vậy.

Villegagnon nói to để át tiếng ồn từ phía ngài Gonzagues:

- Nếu vậy, con người do Chúa tạo ra theo hình ảnh của Người, phản ánh sự hoàn hảo của Người, nay lại bị bỏ rơi...

DuPont, từ nãy chưa tham gia, gào lên:

- Im hết cả đi! Phải, thưa ngài đô đốc, hãy thôi nói chuyện hão huyền về tính thiện của con người. Con người không có tính tốt. Con người đã sa ngã, bị đẩy dóa, bị cột vào số kiếp chỉ mong điều ác và làm điều ác.

Mục sư Richer để thêm, mắt đỏ ngầu:

- Còn thể xác thì dơ bẩn, tâm hồn thì xấu xa, không hòng có phần nào được dự vào sự Hồi sinh của ngày Phán xét cuối cùng.

Cử tọa im phăng phắc, Villegagnon ngồi lặng người. Từ trước đến nay, ông bảo vệ những quan điểm của phái công giáo một cách thực lòng song có mức độ, mong tìm con đường hòa giải yên ổn. Vậy mà đột nhiên, những gì ông vừa nghe đã xúc phạm nặng nề đến niềm tin nhân bản của ông vào con người. Đòn này nặng hơn nhiều. Ông đứng phắt dậy, khiến ai nấy yên lặng nhìn theo.

Ông lần lượt nhìn DuPont và Richer với niềm oán hận tột cùng. Trong tất cả các tội lỗi, họ đã phạm một tội không thể tha thứ: không thương yêu đồng loại. Nếu Villegagnon luôn bảo vệ quan điểm rằng con người sẽ được cứu rỗi, ấy là vì ông tin người làm tấm gương của Chúa, người là cao đẹp, vĩ đại, hoàn hảo, mặc dù có lúc cũng làm lỗi. Còn bọn kia thì căm ghét lẫn nhau. Và ông vỡ lẽ, làm sao mà nền tôn giáo của tình yêu này lại có thể đồng thời sản sinh ra bọn a-na-báp-tít-xơ. Nếu con người là xấu xa, không gì cứu thoát được, thì thà cứ để mặc cho họ phạm tội thỏa thích và đắm mình trong vũng bùn tội lỗi.

Cuối cùng, Villegagnon chỉ tay vào công chúng Ambéri:

- Thôi được! Ông ghi biên bản đi. Ghi tất cả những gì đã chia rẽ các ngài đây với chúng ta, và chắc sẽ còn chia rẽ mãi mãi.

Ông đề nghị viết lời lẽ sao cho uyển chuyển, song Richer không chịu, yêu cầu dùng những từ thẳng thừng, coi như từ nay chấm dứt vĩnh viễn. Ngòi bút của viên công chúng xào xạo trên giấy. Trong im lặng ngột ngạt, mỗi người đều suy nghĩ đến hậu quả khôn lường của sự kiện này.

Đúng lúc hai bên sắp bắt tay hạ bút ký thì có những tiếng kêu la vọng tới. Trong căn phòng trống trải này, mỗi tiếng động từ bên ngoài đều ủa vào, vang động. Lần này thì hoàn toàn không phải là tiếng chim chóc. Tiếng la hét ngày càng gần, mọi người nhận ra là tiếng đàn bà. Đô đốc ra hiệu cho Just mở một cánh cửa. Bà vú Chantal, tóc tai rũ rượi, một tà áo rách toạc trễ

xuống một bên ngực, mặt mày nhón nhác, chạy ủa vào phòng. Richer hỏi giật giọng:

- Cái gì? Có chuyện gì vậy?
- Tiểu thư Aude! Tiểu thư Aude! – bà vú hỗn hển.
- Làm sao, nói đi.
- Bọn mọi ăn thịt tiểu thư rồi.

Nói xong câu ấy, bà vú ngất xỉu.

CHƯƠNG 7

Hai năm trời chạy đôn chạy đáo, Đức Ông Zoachim Coimbra vẫn không từ nan; Ngài coi việc bảo vệ, tái chinh phục Brésil là sự nghiệp của riêng mình. Ngài là phát ngôn của phái, tiếc thay là thiểu số, chủ trương nước Bồ Đào Nha bám chặt vào châu Mỹ không phải chỉ để khai thác vàng và đường. Ngài nhìn thấy ở đó một địa bàn rộng lớn để truyền bá đức tin, tiến hành một cuộc Thập tự chinh mới. Và nếu đạt được mục tiêu vừa làm suy yếu thế lực của người Pháp, vừa phục vụ được chính đạo, ngài ắt sẽ có cơ may để đội vương miện Giáo hoàng.

Nhưng trong hai năm đó, từ cái ngày Cadorim báo cáo về đoàn viễn chinh Pháp của Villegagnon, biết bao trở ngại xuất hiện trên bước đường của Ngài, khiến có lúc Ngài đã tưởng xôi hổng bồng không.

Như đã nói với tay lái buôn thành Venise, ngài đã chạy ngay về Lisbonne, song cũng chỉ chạy được trên cỗ xe ngựa quá chậm, nên khi đến nơi thì Charles Quint đã thoái vị. Tin đầu tiên ngài nhận khi vào thành phố, là Pháp và Tây Ban Nha đã ký kết hưu chiến. Và tất nhiên vua Bồ Đào Nha không muốn gây sự gì ở châu Mỹ có thể làm hại cho tinh thần hòa hợp ở châu Âu. Nếu làm việc đó, ắt nước Pháp sẽ không để yên, vì từ nay đã được rảnh tay về phía kẻ thù chính là Tây Ban Nha.

Vậy là Coimbra buồn rầu quay về Venise. Nhưng may mắn làm sao, lại để nghe tin cuộc hòa hoãn không kéo dài lâu. Chuyện chính trị ở Ý là thế đấy: cứ như thùng thuốc súng, mà ngài giám mục Coimbra là người sẵn sàng châm ngòi nổ.

Cứ chịu khó kiên nhẫn, ắt có ngày tin vui sẽ tới. Đó là vào mùa hè năm 1556, Đức Ông nhận được hai nguồn tin. Một thì ai cũng biết: Francois de Guise cầm đầu mười ba ngàn quân, tiến vào nước Ý. Tham vọng của viên tướng này là được đăng quang ở Napoli và đưa người anh của mình lên ngôi của Pierre, chẳng kể gì đến tình hình hưu chiến ở châu Âu. Hậu quả tức thì là Pháp và Tây Ban Nha lại đánh nhau. Rất tốt, như vậy Bồ Đào Nha lại khỏi phải e ngại gì ở châu Mỹ!

Nguồn tin thứ hai, bí mật hơn, do Cadornim đưa tới. Lão lái buôn Venise, dù không muốn, đã được phái trở lại nước Pháp. Hắn đã có mặt ở Paris để dò la động thái của triều đình. Coimbra vẫn trả công hắn hậu hĩnh, nên thỉnh thoảng hắn lại đưa tin về. Tin cuối cùng là một tin quan trọng: một đoàn của phái Calvin sắp lên đường đi Rio ở Brésil, với sự ủng hộ của Hoàng đế nước Pháp.

Nhận tin này, Đức Ông lập tức nhảy lên xe ngựa. Xe chạy hết tốc lực, làm gãy ba trục, một cang, mà ngài tới Lisbonne vẫn tỉnh táo, biết mình phải làm gì. Bàn bạc kỹ càng với linh mục nghe xưng tội riêng của nhà vua và đám giáo sĩ dòng Tên cận thần xong, giám mục mới đến nài xin Bệ hạ một lần nữa. Lần này, tình thế không thể nào thuận lợi hơn. Đó là đầu năm 1557, mối hòa hợp giữa Pháp và Tây Ban Nha đã chấm dứt, hai bên đang đánh nhau ở vùng Flandre. Tha hồ rảnh tay. Hơn nữa, vua Bồ Đào Nha Goao III vốn rất sùng đạo, không thể chấp nhận để bọn huygonô đặt chân lên đất Brésil của Người. Bọn Noóc măng thì còn được, chúng chỉ buôn bán. Nay lại có người đem tà đạo để truyền bá vào lũ thổ dân ăn thịt người thì không được.

Vua Bồ Đào Nha bổ nhiệm một thống đốc mới cho Brésil, có trách nhiệm phải đi ngay sang Salvador de Bahia. Trước hết cần chấm dứt tính thụ động của những kiều dân Bồ Đào Nha ở đó chẳng quan tâm gì khác ngoài việc thu lợi từ sản xuất đường mía. Biết bao giáo sĩ dòng Tên vất vả trong rừng rậm để truyền bá đức tin: cần phải trợ giúp họ, vì việc họ làm mới chính là sứ mạng của Bồ Đào Nha. Còn ở Rio, rất đơn giản: cần chiếm lấy, trục xuất tất cả những gì bọn quý ác đã gieo rắc ở đó. Ngày tàn của Villegagnon và bọn Pháp chết tiệt sắp điểm rồi.

Vậy là Đức Ông Coimbra có thể hài lòng trở lại Venise. Tuy nhiên, trước khi lên xe để chịu những cú sốc nẩy người làm ê ẩm xương cốt, ngài muốn gặp viên thống đốc mới của Brésil. Nhận lời mời, tân thống đốc, vừa mới từ tỉnh lẻ lên, đến ngay.

Cuộc hội kiến diễn ra gần nhà thờ San Francisco, trong một tu viện nhỏ yên tĩnh, tường bao xung quanh phủ gạch men hoa cao bằng đầu người. Mem de Sà – đó là tên vị thống đốc mới – đi vào và lập tức gây được một

ấn tượng rất mạnh. Ông ta là một người của chiến trận, nhưng lại khoèo chân, tầm vóc nhỏ bé, eo lả đến mức không lúc nào rời bộ giáp sắt như để giữ cho thân hình khỏi đổ oặt, như một dây leo không có cọc đỡ. Nhưng để bù lại tầm thân bé nhỏ, ông có một cái đầu to, luôn ngẩng cao, mắt lồi, môi trề, mũi to đại. Tóc đen, dày và loăn xoăn như lông cừu ca-ra-cun con, thêm nhiều túm lông cũng mọc rất tốt là lông mày và râu ria, góp phần làm cho bộ mặt vốn đã đầy tham vọng, hung bạo, thêm vẻ dữ tợn.

Giám mục Coimbra nhìn thấy tướng mạo vị khách, vừa kinh hãi vừa vui mừng: đây đúng là con người sẽ đi chinh phạt bọn huygonô. Ngài thận trọng không chìa tay cho ông khách có cái hàm bạnh như chó dữ hôn tay. Ngài nói:

- A! Rất vui được gặp ngài thống đốc!

Mem de Sà trả lời bằng một tiếng gừ gừ mơ hồ. Một chút nước dãi ứa ra ngoài môi, ông ta đưa tay lên quệt miệng. Coimbra thích thú nghĩ thầm: cho con người này đi đối đầu với bọn Pháp, thật là hay.

Giám mục mời khách ngồi, rồi bắt đầu nói về Brésil. Ngài tóm lược tắt cả tình hình: sự cảnh giác của Bồ Đào Nha ngay khi biết có một đoàn viễn chinh Pháp đi châu Mỹ; rồi những tin tức ngài thu lượm được từ tên lái buôn Venise; tiếp đó là đoàn bổ sung những tín đồ của phái Cải cách. Chỉ vừa nói đến bọn Cải cách, giám mục đã mừng thầm thấy Mem de Sà đồng tai, nở mũi chú ý. Bằng lời lẽ thận trọng, khéo léo, ngài đặt ra những câu hỏi nhằm thăm dò xem tân thống đốc có ý định làm gì khi nhậm chức mới. Nhưng nhà quân sự đại tài hình như không để ý đến những dấu chấm hỏi mà giám mục đặt rải rác ở đầu và cuối câu. Một không khí bất ổn, đầy khói cay sẽ luẩn quẩn quanh đó, làm ngài giám mục ho khù khụ. Cuối cùng, khi ngài đã nói chán nói chê và đành ngừng lời, vừa chán nản vừa lo lắng, thì Mem de Sà mới mở miệng, nhẹ hàm răng to và hồng như san hô, nói cộc lốc:

- Đến Rio, tôi sẽ tuyên chiến ngay.

Giọng của ông ta ồm ồm như người ngồi nói trong tủ vọng ra.

Vậy là con người này cũng biết nói, biết nghĩ đúng. Giám mục lấy lại được niềm tin, chứng tỏ ngài đã không hoài công giảng giải từ nãy đến giờ. Ngọt như đường, hóm hỉnh, thao thao bất tuyệt và vui như mở cò trong bụng, ngài bắt đầu kể những gì mình biết về xứ Brésil: giáo sĩ dòng Tên, mọi ăn thịt người, ý đồ thâm hiểm của người Pháp, sự giúp đỡ của người Venise, rừng rậm, đường sá hiểm trở, rượu Douro êm lười, nhà vua, triều đình, và một đề tài ưa thích nhất là bản thân ngài. Nói một lúc lâu chắc mệt, ngài thở dài một cái rồi mới im lặng.

Hai tiếng chuông nhà thờ âm lên trong tu viện. Mem de Sà nhắc lại như một tiếng vang:

- Đến Rio, tôi sẽ tuyên chiến ngay.

- Ông làm thế là đúng – Giám mục nói. – Ông làm thế là đúng. – Giám mục nói.

Trên đời này có những sức mạnh mà ta phải biết phục tùng.

Và để cho người đối thoại biết là mình muốn nghiền ngẫm câu nói nuôi dưỡng hy vọng ấy, ngài giám mục bèn chấp tay trước bụng và im lặng một lúc lâu.

Mem de Sà kiên nhẫn chờ. Thỉnh thoảng, mí mắt dày cộp với hàng lông mi cứng của ông ta lại hạ xuống, phủ kín đôi nhãn cầu nhắm bóng rồi lại nâng lên ngay. Coimbra tự nhắc nhở mình là thời gian không còn nhiều và, bỏ qua mọi lời mào đầu, ông ta bắt đầu nói, dần từng tiếng một:

- Thưa ngài thống đốc, ở Salvador de Bahia, ông chỉ có lực lượng rất mỏng. Theo như tôi biết, nhà vua chưa có lệnh tăng viện cho ông. Nếu như ông đã nói rất phải, rất sáng suốt, là cần tiến hành chiến tranh ở Rio...

- Vâng, tôi đã nói vậy. Coimbra rút khăn tay ra thấm mồ hôi trán:

- ... thì cho phép tôi hỗ trợ ông một việc nhỏ, việc này có được là nhờ điệp viên của tôi dàn xếp.

Một đàn chim én đuôi rẽ nhánh bay lượn rất cao trên bầu trời xanh nhạt. Mem de Sà ngược mắt theo dõi chúng và khịt mũi.

- Việc nhỏ nhưng quan trọng. – Coimbra nói to hơn, không giấu được bức tức trước thái độ thiếu chăm chú của viên thống đốc. – Tôi có thể giao hẳn cho ông được không?

Biết người đối thoại rất kiệm lời, ngài ghé thấp người, nói luôn:

- Việc là thế này. Trong số quân Pháp, ta có một tay trong.

Rồi ngài nói rất tóm tắt về lai lịch và sự có mặt của Vittorio.

- Mặt khẩu để nhận ra hẳn là “Ribère”.

Mặt tân thống đốc vẫn bất động.

- Ribère – giám mục nhắc lại, người vãi mồ hôi.

Không phản ứng gì. Giám mục tiếp tục giải thích. Thấy ly rượu poócô đã rót sẵn trên bàn, Mem de Sà giơ bàn tay xương xẩu nắm lấy, uống một mạch.

- Ribère – Sau một hồi kể lể, giám mục lại nhắc lại, miệng nở nụ cười nhưng trong lòng hồi hộp chờ đợi. Tiếng chuông lại đổ một hồi nữa, nhưng xa hơn. Mem de Sà dỏng tai nghe như đếm từng tiếng. Đến tiếng cuối cùng, ông ta đứng lên, chỉnh đốn áo giáp bằng cách uốn éo người một hồi rồi kéo tay áo.

Giám mục tiễn khách ra đến tận chiếc cửa nách mà trước đó khách đã vào qua. Đến đó, Mem de Sà dừng lại, nhìn giám mục, nói bằng giọng đột nhiên rất vang:

- Đến Rio, tôi sẽ tuyên chiến.

Rồi ông đứng nghiêm, hô một tiếng như khẩu lệnh:

- Ribère!

Và biến mất qua khung cửa hẹp.

CHƯƠNG 8

Aude đắp chiếc chăn dạ, đang nằm thôn thức trên giường lúc mọi người ủa tới. Trước tiên là Richer, chú cô, và DuPont, rồi Villegagnon và Just theo sau. Bên ngoài căn lều, người của cả hai phái đứng lơ nhố, xôn xao.

Sự gia công rên rĩ, cố làm ra đau đớn của Aude là cái giá phải trả cho kiểu dùng ngôn ngữ quá đáng của bà vú Chantal. Bà này, cùng chạy vào theo mọi người, lúc này mới đực mặt, chữa sự lúng túng của mình bằng cách sắp xếp lại vạt áo toi tả.

Rõ ràng là bà ta đã ngoa ngôn. Tiểu thư Aude đâu có bị mọi ăn thịt theo nghĩa đen. Nhìn những ánh mắt ngạc nhiên và cụt hứng, cô nàng hiểu người ta tưởng mình đã bị tòng xẻo và bỏ vào vạc dầu, trong khi mình còn sống sờ sờ. Richer nghiêm trang yêu cầu nàng kể lại đầu đuôi.

- Hỡi quá! Nàng nức lên, giọng nghe lâm li thống thiết trong khi người vẫn nguyên vẹn, không có máu me gì, nhưng những người có mặt lại thờ phào nhẹ nhõm vì điều mà họ tưởng tượng còn ghê gớm hơn nhiều.

DuPont lại gần, nắm lấy tay cô gái đặt vào bàn tay chuối mẩn của mình, vỗ về:

- Nào, nào, con gái, kể đi để chúng ta còn liệu đối phó.

Cô gái bắt đầu nói, cố làm ra vẻ chưa hết xúc động:

- Thế này, cách đây chưa đầy một giờ, như mọi chiều, con cùng bà Chantal ra dạo chơi như thường lệ phía sau tường thành, dọc bờ biển.

Cô lấy khăn tay chấm chấm lên má, làm như nước mắt vẫn tuôn rơi trong khi mắt ráo hoảnh:

- Cho đến ngày hôm nay, con vẫn thích ra đây, – nghe cô dùng từ “cho đến ngày hôm nay”, mọi người ai cũng hiểu là kể từ nay, cô sẽ không dám

quay lại đó nữa – ở đó nhìn ra biển rất đẹp.

- Và có lợi cho sức khỏe – Chantal xen vào.

Mọi người, kể cả Aude, đều trừng mắt nhìn bà vú, như bảo bà im đi, đừng nói linh tinh.

- Mới đầu, chúng con không gặp ai – Aude kể tiếp

- Cứ ngỡ tất cả mọi người trên đảo đều tập trung chờ nghe kết quả cuộc thương thảo, phải không chú?

Richer gật đầu, còn Villegagnon, đứng cao hơn tất cả một cái đầu, đằng hắng mấy cái để che sự lúng túng. Vì chính ông đã khởi xướng cuộc hội thảo, phải chăng nó là nguyên nhân gián tiếp của vụ việc bất ưng này.

- Phong cảnh thật yên bình – Aude kể tiếp – nên chúng con tranh thủ đi xa hơn đến tận cùng đảo, nơi vừa ngắm nhìn toàn cảnh khu vịnh và cả rừng núi xa xa. Thế là chúng con bị chúng nó tấn công.

- Ai tấn công?

- Bọn đàn bà con gái thổ dân.

- Bọn nô lệ ấy ư? – Villegagnon hỏi dồn, vì những người này trực thuộc ông.

- Vâng, những đứa đang lao động xây thành. Toàn đàn bà, vì đàn ông không thấy có ở đó.

- Chúng đã làm gì? – Richer hỏi.

Aude nức lên một tiếng, hai tay ôm lấy mặt. Chắc rằng thấy cô xấu hổ như vậy, sẽ chẳng có ai dám cười về những lời tường thuật sắp tới của cô nữa.

- Bỗng dưng, chúng cởi hết quần áo, để lộ trên người những hình vẽ bằng sơn màu đen và đỏ, trông tởm lợm như những con quỷ.

- Lại thế nữa! – Villegagnon bất bình thốt lên.

- Rồi chúng vừa vỗ tay vừa nhảy múa quanh chúng con. Nghe tiếng chúng kêu thét mà phát khiếp, đặc biệt có hai cụ nhiều tuổi, trông như phù thủy.

Trong góc phòng, nghe tiếng thút thít của Chantal.

- Vòng tròn nhảy múa cứ thít dần. Chúng con chết khiếp vì sợ. Không thể tưởng tượng cảnh nào khiếp hãi hơn. Lại phải ngửi mùi của chúng nữa, cứ như mùi từ địa ngục xông lên.

- Nhưng bọn chúng muốn gì? – Richer hỏi.

- Chúng con không biết nữa. Cũng không hiểu chúng làm thế là có kế hoạch sẵn, có ai ra lệnh, hay chỉ là cơn phát rồ của bọn mọi rợ.

Chantal nói xen vào:

- Nhưng, còn có một con bé...

- Thì tôi sắp nói đây – Aude ngắt lời.

- Đứa bé nào? – Richer lại hỏi.

Cô gái ngừng một lát để kích động thêm tỏ mò, và liếc nhanh về phía một ai đó trong đám đông và cái nhìn sắc như dao ấy đã phóng trúng đích:

- Vâng, phải nói ra điều kỳ quái này, thực tình con không muốn tí nào. Trong số những con quỷ cái ấy, có một đứa trẻ nhất, lại thuộc nòi giống văn minh của chúng ta.

- Sao? Da trắng ư, nó từ lỗ nẻ nào chui lên vậy? – Villegagnon chồm lên.

- Ô! Thừa ngài đô đốc, ngài biết nó rất rõ.

Tiếng rì rầm râm ran trong phòng, mọi con mắt đổ dồn về Villegagnon.

- Con bé cũng sơn phết trên người y như những đứa khác, song rất dễ nhận ra ngay. Mắt nó trắng dã như củ cải, nhưng trông không có vẻ đàn độn chút nào.

Villegagnon quay nhìn về phía Just, thấy mặt chàng xanh như tàu lá. Giọng Aude tiếp tục chua cay:

- Mà ngực nó khá nở nang, vậy mà không hiểu sao nó lại giả trai được cho tới bây giờ.

- Đứa nào vậy? – Richer chưa có dịp để ý Colombe bao giờ, hỏi.

Aude đưa mắt nhìn sang Just.

- Đó là một thị vệ của tôi, tôi rất quý nó – Villegagnon thẳng thắn đáp.

Ông không muốn ai trả lời thay về một việc thuộc trách nhiệm của mình. Chuyện này, ông sẽ hỏi riêng Just sau.

- Cái trang làm con trai? – Richer dè bủ.

- Có lẽ vậy, tôi không hề biết – Villegagnon đáp.

Nhiều người trên đảo đã biết việc Colombe giả trai nên không ngạc nhiên; điều họ lấy làm lạ là tại sao nàng lại tham gia vụ lộn xộn này. DuPont hỏi:

- Thế con bé làm gì trong đám thổ dân?

- Nó chỉ huy mọi người. Nghe nó nói tiếng thổ dân ngon như không. Nó đã biến thành mọi rồi.

- Vậy nó ra lệnh mọi người làm những gì? – Richer hỏi.

- Ôi! Chú ơi, đừng bắt cháu phải nói nhiều hơn nữa. Đã khổ nhục phải chịu đựng nhìn chúng nhảy múa, phô diễn tất cả những gì cần kín đáo, cháu không muốn bản mồm kể lại chi tiết.

Trí tưởng tượng của con người rất phong phú, có thể tin là như vậy. Người kể chuyện khôn khéo là biết dành chỗ cho người nghe tưởng tượng. Aude chỉ cần nói thế, ai nghe thì tùy theo tuổi tác và tâm trạng mà bổ sung cho bức tranh thêm sinh động. Một bầu không khí mờ ám đè nặng lên đám đàn ông lâu nay thiếu đàn bà, khiến họ im lặng nhìn nhau, cái nhìn nhiều ý nghĩa, trong lòng xốn xang bởi dục vọng và bất bình.

- Rồi sao nữa? – Richer vừa hỏi vừa nuốt nước bọt.

- Đến đây mới là sự xúc phạm thô bạo nhất. Con bé da trắng ra lệnh, thế là tất cả xông vào xé quần áo chúng con, cắn vào chân vào tay chúng con.

- Chúng muốn ăn thịt các cháu?

Đó là điểm mà Aude e ngại. Vì đến một lúc nào đó, cũng phải giảm nhẹ tấn bi kịch, hé ra một phần trò hề. Trên cánh tay của cô và Chantal chỉ có những vết răng cắn nhẹ, nhiều vết lại đã nhạt hết. Các thổ dân bày ra trò này chỉ nhằm dọa họ, làm cho họ sợ khi phải tiếp xúc với mọi ăn thịt người. Nhưng tình thế bây giờ là làm thế nào để thú nhận với mọi người rằng bọn thổ dân không nhằm gây hại gì. Giờ đây, điều mà cô ngại ngùng nhất là phải làm trò cười cho thiên hạ.

Nhìn những vết bầm nhẹ trên vai và cánh tay Aude, người ta thấy thương hại hơn là ghê sợ. Đối chiếu câu chuyện cô kể với sự hốt hoảng la làng của bà vú lúc nãy, ai nấy đều như trút được gánh nặng và không khỏi mỉm cười. DuPont sốt ruột hỏi:

- Lúc đó các con có kêu cứu không? Có ai chạy đến không?

Ông chau đôi mày dữ tợn, cho thấy ông ta đang đánh hơi thấy một sự lơ là cảnh giác, hơn thế nữa, có khi lại là một âm mưu hãn hoi nữa không biết

chùng.

- Chúng tôi đã kêu khản cả hơi – bà Chantal rên rỉ.

Nhưng Aude không muốn nhắc lại việc họ ngã chồng bốn vó lên trời, việc họ kêu khóc tru tréo khi thấy hàm răng trắng nhơn nhè ra tưởng như sắp ăn thịt họ đến nơi, những tiếng kêu thét như tiếng lợn bị chọc tiết. – Tất cả diễn ra rất nhanh chóng, – Aude không muốn dài dòng nữa để mau chấm dứt cảnh khó xử. – Khi chúng con bị xô ngã là chúng bỏ chạy ngay, vẫn theo lệnh của cái con người Pháp đã trở lại cuộc sống ăn lông ở lỗ ấy.

Villegagnon giận sôi, gầm lên:

- Thế chúng chạy đi đâu?

Ông sẵn sàng chạy ngay tới đó để trừng phạt bọn càn rỡ.

- Tất cả đều đã được sắp xếp – Aude lắc đầu. Bên kè đá có một thân cây khoét rỗng. Chúng lao xuống đó, ra sức chèo sang bên đất liền.

- Thế mà không ai nhìn thấy chúng, không ai phát lệnh báo động! Không ai bắn chết chúng nó! Lính gác trên thành đâu cả? – Villegagnon lại la hét.

Có tiếng nói cất lên từ phía sau, gần bậc cửa:

- Vì đúng lúc đó, có kẻ ném đá vào bên sà lúp.

Đó là Thoret, người được giao phụ trách đội lính canh. Đô đốc nhìn xoáy vào ông, khiến ông dờ người ra.

- Thế thì sao?

- Lính của tôi tưởng có kẻ định cướp thuyền, nên lao cả về phía ấy.

- Và ai ném đá?

- Có thấy bọn thổ dân chạy trốn về phía ụ cát.

- Tôi hiểu rồi – Villegagnon nói. Chúng đánh lạc hướng để cho bọn kia bỏ trốn. Bao nhiêu đứa tất cả?

- Chín mươi thổ dân – Thoret đáp. Và... con bé ấy.

Bây giờ, dù nàng đã chạy thoát, ông già vẫn không có lời nào tố cáo Colombe. Ông đã biết chuyện cải trang từ lâu, song vẫn tìm cách che giấu, bảo vệ nàng. Đã hai lần, ông can thiệp để những kẻ dưới quyền không nói ra điều họ đã khám phá. Colombe không biết gì về thiện chí của ông thần hộ mệnh lặng lẽ ấy.

Giờ thì đã muộn. Lũ thủ phạm đã cao chạy xa bay. Vẫn nghe tiếng Chantal nức nở. Villegagnon suy nghĩ một lát, rồi tiến về phía giường, nghiêm trang nói giọng ồm ồm:

- Tôi có lời xin lỗi tiểu thư. Cầu Chúa che chở cho tiểu thư sớm bình phục.

Rồi ông quay ngoắt đi và bước ra giữa hai hàng người lớ nhỏ, cười nói hả hê trông thật đáng ghét. Thật không có đứa nào ra hồn cả!

*

* *

Một trận mưa lâm râm, trái mùa phủ lên bờ biển bên kia một làn hơi nước âm ẩm, không thể thấm sâu xuống cát được. Colombe và đám phụ nữ Anh điêng nhảy từ thuyền xuống mà vẫn còn thích thú vì đã làm hai mươi đàn bà huygonô khiếp đảm. Thân thể trần trụi, nhể nhại mồ hôi pha lẫn nước mưa, Colombe hãy còn phấn khích về chuyện vừa rồi. Nàng tràn trề hạnh phúc đã giành được tự do, không những trong một khoảng không gian rộng lớn của quả đất mà còn ở một nơi nhỏ xíu mà nàng hằng mong ước được trở lại. Hạnh phúc được nhân lên gấp bội khi nàng nhìn thấy những cô gái thổ dân cũng trút bỏ thái độ vâng chịu, phục tùng, tìm lại được phong cách thậm trọng xưa kia mỗi khi đi rừng, vuốt ve thân cây sống hằn hoi chứ không

phải những khúc gỗ đã đốn để làm công sự, âu yếm hoa lá, rễ lớn rễ nhỏ, nói tóm lại là trở về với thế giới đầy sức sống của thiên nhiên.

Quintin đã sang trước cùng với tổ được phân công việc lấy nước ngọt và ông đã ở lại. Ông đang đợi họ ở lãnh địa của bộ tộc duy nhất còn lại không bị Quạ trước đây – và bây giờ là Martin – khống chế. Chính bộ tộc này, theo yêu cầu của Paylo, hiện còn nhận cung ứng nước ngọt cho đảo.

Họ có thái độ thân thiện với người Pháp, song vẫn là dân Tupi với biết bao tục lệ lạ lùng. Thấy đám phụ nữ Anh điêng đi tới – những người này vốn là tù binh thuộc bộ tộc khác bị Quạ bán cho Villegagnon làm nô lệ – họ vớ ngay vũ khí, hò hét man rợ và định xông vào đánh chết. Colombe phải nhảy ra tóm lấy viên trưởng tộc, can:

- Những người này vô tội!

- Chúng là người Tabajare, thù địch của chúng tôi. – Viên trưởng tộc gầm gừ, mắt không rời đám người mới đến.

- Hãy tha cho họ – Colombe nói. Nhìn xem: họ không còn là người Tabajare mà chỉ là những nô lệ tội nghiệp, kiệt sức vì lao động.

Các cô gái run rẩy đứng nép vào nhau. Điều họ lo ngại đã xảy ra. Tuy nhiên họ không có vẻ sợ hãi quá đáng, có lẽ họ còn cho sự việc diễn ra như vậy là hợp lẽ, hợp với tục lệ của rừng rú. Viên trưởng tộc không chịu:

- Người Tabajare đã giết nhiều chiến binh chúng tôi. Không thể tha thứ. Như thế trái với tục lệ, thần linh sẽ nổi giận.

- Ông hãy thương lấy họ – Colombe vẫn nài nỉ.

Song nàng hiểu từ “thương hại” không có nghĩa gì trong trường hợp này. Người Tupi vẫn lăm lăm xông lên.

Tình hình nguy kịch khiến Colombe chợt nảy ra một ý:

- Khoan! Những cô gái này không phải là của các ông.

Trưởng tộc nhìn nàng, không hiểu.

- Các ông đã bán họ cho người da trắng, vậy là của chúng tôi. Các ông đụng vào, sẽ là hành động ăn cướp.

Người Pháp lâu nay đã cố gắng nhét vào đầu người Anh điêng một khái niệm đạo đức: đó là sự tôn trọng tư hữu, vốn xưa nay không có ở họ. Người Tupi không giữ gì làm của riêng, ai cũng có thể lấy được không phải hỏi hoặc xin. Họ cũng giữ thói quen như vậy với người da trắng, mà người da trắng thì cấm kỵ điều ấy. Dần dà họ hiểu ra rằng cái mà người da trắng căm ghét nhất, là cái hành động gọi là ăn cắp, ăn cướp. Thâm tâm họ lấy làm thương hại cho người da trắng, hẳn phải thiếu thốn lắm nên mới giữ rịt lấy những thứ mình có. Chúng có nữa là họ phải cất công đi xa thế, sang tận châu Mỹ, để kiếm những sản vật có sẵn ê hề như là gỗ.

Nghe nói đến ăn cướp, viên tộc trưởng Tupi thật thà ngần ngại. Ông nhìn đám nữ tù binh, ra chiều suy nghĩ. Vả lại, cái lệ của tục ăn thịt người là chỉ ăn nam giới. Đám nữ nhân gầy gò, tiêu tụy này chẳng đáng để mất công. Cuối cùng ông nói:

- Thôi thì tôi để lại cho cô. Nhưng họ không được lưu trú trên lãnh địa của tôi.

Và thế là đám chị em, được cung cấp một bị bột và thịt ướp, lập tức lại đi sâu vào rừng thẳm.

Mưa nhẹ trảng lên lá cây một lớp vécnì xanh thắm. Từng đàn thú ăn kiến to đùng và lợn bờm lang thang đi kiếm những vũng bùn mà lợn rừng thường đầm mình. Nét mặt các cô gái Anh điêng rạng rỡ. Lâu nay mất thói quen đi trên sỏi đá mấp mô, họ rụt rè nhón chân từ điểm này sang điểm khác, trông như nhảy múa. Quintin chìa hai tay dắt hai cô, lòng phơi phới như tìm thấy đường lên thiên đàng.

Dọc đường, họ dừng lại nghỉ hai lần, nằm nép giữa những tảng đá to. Đến ngày thứ hai thì mưa tạnh. Mặt trời trở lại, như một người trưởng thành bắt tay vào một việc sau khi đã giả vờ giao cho trẻ con làm.

Trong suốt chuyến đi, Colombe thấy mình tràn trề hạnh phúc. Không phải nàng tự hào về trò gây rối vô nghĩa vừa rồi. Thật ra, lúc đầu, nàng chỉ định làm cho Aude sợ nhưng rồi lại để mình bị lôi cuốn vào vở kịch mọi ăn thịt người, hơi quá đà một chút. Song hạnh phúc lớn nhất của nàng là đã trút bỏ trò cải trang bó buộc bấy lâu, trở lại con người thật của mình, và chứng tỏ rằng, để được làm phụ nữ, không nhất thiết phải giam mình trong quần áo mớ ba mớ bảy, hoặc phải giả bộ e lệ, khiêm tốn. Lúc này, băng băng chạy giữa các cây xương khô và cây đại, tấm thân dày gió dạn sương phủ một lớp màu quen thuộc, trẻ trung và căng đầy nhựa sống như lá cây cao su, nàng cảm thấy như mình được đón nhận mọi sức mạnh và mọi thích thú, mọi thách thức và mọi thuận lợi. Không có một nơi nào trên thế giới, không có thời đại nào có thể cho nàng tự do và quyền lực như thế này, và khi màu xanh lơ dịu dàng ngoài vịnh lơ mờ hiện ra trên ngọn cây, tâm hồn nàng bay lên phơi phới, tràn trề một niềm hạnh phúc không gì có thể làm vẩn đục được.

Giờ thì Colombe đã rất thân thuộc mọi nẻo đường rừng. Nàng chọn một con đường vòng, có dài hơn nhưng an toàn hơn, leo dốc ngoắt ngoéo nhiều lần, giữa các tảng đá đen sạm nắng gió mọc lơ thơ những cây ngọc giá đang nở hoa. Lên cao chót vót, họ tới một khu rừng thông thân to như cột nhà, rất dễ nhận ra từ xa. Họ chỉ cần vượt qua một thung lũng rộng toàn cây dâm bụt và cây lê đá là đã nhìn thấy ngôi nhà của Paylo.

Ông già đang ngồi trên một thứ ngai tết bằng rễ cây xoắn xuýt. Hai cô gái Anh điêng rất trẻ đứng bên, chải tóc và râu cho ông. Qua mùi hương hoa tỏa ra, ta biết là ông vừa tắm xong. Ông thường dùng một cái chum đất nung đỏ đầy nước ấm và ngồi ngâm trong đó hàng giờ liền.

Colombe kể ông nghe chuyện đào thoát vừa rồi. Khi nghe nói về những phụ nữ Tabajare, ông có vẻ suy nghĩ:

- Ta biết bộ tộc của họ, họ đã di chuyển đi rồi và rất khó tìm được họ mà không rơi vào tay bộ lạc Outaca. Bọn này vừa ngang ngạnh, vừa ngu dốt như lũ lừa ấy, chúng sẽ không ngại gì mà không xé xác mấy người khôn khổ này ra thành trăm mảnh đâu.

Những phụ nữ này đang ngồi la liệt ở bãi đất phẳng rộng, Cây cối và lều lán xen kẽ, lãnh địa của Paylo.

Người của Paylo đón tiếp tử tế, cho họ ăn uống. Paylo nói:

- Nhưng nếu muốn, họ có thể ở lại đây. Không ai làm gì họ đâu.

Colombe ngồi dưới chân, ngả đầu lên đầu gối ông, còn ông khẽ vuốt mớ tóc vàng của nàng.

- Ta có tin về cô bạn của cháu – Paylo nói.

- Chị Paraguacu? Chị còn sống?

- Phải, bộ tộc của nó đã trở về đây. Nhiều người đã chết vì bệnh dịch. Trong đầu Colombe, lần đầu tiên, thoáng hiện ý nghĩ: “Chính mình đã mang bệnh tật và chết chóc đến cho họ mà không biết.”

- Cháu đến thăm chị ấy được không?

- Nó bảo nó muốn đến thăm cháu. Để ta cho người báo tin.

Colombe lại ngả đầu xuống. Đâu trên một cái hòm chạm trổ từ châu Âu lạc tới đây nhưng đã mọc rễ chằng chịt giữa đám hoa giấy và dương xỉ, hai chú chim tu can nghiêm nghị theo dõi mọi người.

Nguy hiểm đã qua, sự mệt mỏi sau quãng đường dài dần mất đi trong khu rừng yên tĩnh và ấm áp. Tâm trí Colombe lại nghĩ về đảo. Nỗi chán ghét trước đây khiến nàng phải rời bỏ nó biến đi, nhường chỗ cho một niềm luyến tiếc, trong đó nổi bật hình ảnh thân thương của Just. Lúc chuẩn bị bỏ trốn, nàng chưa lường trước rằng mình đã tự cắt cầu, không bao giờ trở lại, cũng có nghĩa không bao giờ gặp lại anh trai. Thế vào niềm say sưa được giải phóng, nàng thoáng buồn vì cái giá phải trả là tự chặt đứt nửa thân mình. Và nàng cảm thấy từ nay sẽ không bao giờ nguôi ý muốn da diết được đoàn tụ với Just.

CHƯƠNG 9

Từ cái ngày cuộc thương thảo với phái Tin lành tan vỡ, Aude bị hành hung và Colombe bỏ trốn, Villegagnon ở lì trong dinh thống đốc, không bước chân ra ngoài. Một tên hầu mang thức ăn thức uống đến, ông chẳng nói chẳng rằng. Cũng không ai được phép đến gần, kể cả Just.

Cuộc sống trên đảo bị ngưng đọng. Tiến độ trên công trường chậm rì rì. Sau mưa đến thời kỳ nắng nóng gay gắt, càng là cái cớ để mọi người uể oải. Họ nằm ngòai vạ vật dưới bóng cây, thờ thần bên bờ đá như chờ đợi có ai chỉ dẫn cho họ phải làm gì, và nhất là giải thích tại sao họ bị đưa đến chốn này, phục vụ cái gì. Pháo đài Coligny trông thì thật là đẹp, thật là hùng vĩ, đáng được chiêm ngưỡng về nhiều mặt, nhưng lại đứng sừng sững trước mắt họ như một thách thức. Hình như nó chỉ chủ yếu giúp họ tránh nắng là chính, còn chức năng bảo vệ họ trước những thế lực thù địch không biết có thật hay không thì lại là thứ yếu.

Tối đến, không khí sôi động hơn. Nhưng không còn là chuyện say sưa, vui vẻ như ở thời Qua nữa. Xác của hấn và của tên đồng đảng vẫn còn lủng lẳng trên giá treo cổ, mà Villegagnon vẫn để nguyên, mặc cho nó thối rữa, để làm gương. Cái xác ấy luôn gợi cho mọi người nhớ đến những ngày sung sướng khi họ được quên hiện tại trong men rượu và trong vòng tay đàn bà. Thế là không ai đi qua tường thành phía tây mà không ngả mũ và bịt mũi.

Từ khi hai phái chấm dứt tiếp xúc, đêm đến không còn tiếng vuốt ve hú hí, thay vào đó là tiếng rì rầm, thì thảo bàn tán, đôi khi cả xô xát. Phái công giáo chính thống, có số lượng đông hơn, thường tụ tập quanh dinh thống đốc, ở bên và cả ở cửa thành. Họ thích quần tụ với nhau, vì họ chỉ hơn bên kia về số đông. Còn thì cũng chẳng êm ả gì, do thành phần ô hợp. Trong đó có những tín đồ thực sự, trung thành với giáo lý của Roma, thần phục Giáo hoàng, nhớ tiếc các buổi cầu nguyện long trọng, các hình thức thánh lễ khác nhau, nhất là lễ xưng tội cho những kẻ phạm trọng tội như họ. Nhưng loại người này khá hiếm. Một số khác thờ Đức Mẹ Đồng trinh hay một ông thánh bản mệnh nào đó chỉ vì họ cho là mình được sống sót nhờ sự phù hộ

của thánh thần thì phải đền đáp công ơn. Còn lại là những kẻ tình cờ lạc loài vào, giá hỏi tại sao lại đứng về phái này thì ứ ở không biết trả lời ra sao. Nhóm ấy ít cuồng tín nhất và bị coi là đáng ngờ, vì là đối tượng cho đối phương tuyên truyền khoét sâu. Do đó, để sự nghi kỵ được nói lỏng hơn, họ đành chọn cách phô trương rầm rộ lòng căm thù mà lúc đầu thì họ không thật sự nung nấu nhưng rồi dần đã lại bị ngấm lúc nào không hay.

Nghiêm trọng nữa là thiếu chủ soái. Văng Villegagnon, ngài Gonzagues phải giữ vai trò này. Song người ta bắt đầu bật cười và không tin tưởng ở ngài, vì chỉ họp hành hơi lâu, thức khuya một chút là ngài đã đờ đẫn, mơ màng rồi ngáy khò khò. Đã thế, phái này, dù mang tiếng là chính thống, lại đang thiếu một học thuyết. Ai nấy biết rằng Giáo hoàng mới triệu tập một hội nghị giám mục ở Trente, song hội họp kéo dài mà không đưa ra cho các tín đồ của Giáo hội Roma một chủ thuyết nào rõ ràng chỉ cho họ phải tin gì và làm gì.

Cuối cùng, biện pháp duy nhất để gắn kết các thành viên hủ lớn của phái này là đe dọa bạo lực. Dọa sẽ dành cho bọn Tin lành những hình phạt nặng nề nhất để ai nấy khiếp đảm không dám bỏ hàng ngũ. Người ta tìm mọi cách để rình rập, để lập hết kế hoạch này đến kế hoạch khác nhằm thủ tiêu kẻ thù. Những việc này thật đơn giản, thật dễ chịu, giống như cầm vũ khí đi đánh nhau, khỏi phải lý sự dài dòng cho mệt.

Về phía phái Tin lành, số lượng ít hơn, những do dự đã được nhiều người cải đạo theo nên lực lượng khá hùng hậu, họ tụ tập ở phía bên kia tường thành. Trên hòn đảo chỉ rộng mười mẫu này, đi khoảng hai trăm bước là đã xuyên suốt từ bờ này sang bờ kia, hình thành một đường thẳng vô hình – mà thầy Amberi chưa kịp ghi lên bản đồ địa chính, nhưng đã kịp khai sinh ra nó sau cuộc hội thảo về rượu và bánh thành – phân chia khu vực của hai bên. Phái này có đầy đủ chủ soái: DuPont lo việc đời, luôn năng nổ ra lệnh rồi kiểm tra việc thực hiện; Richer lo việc đạo, với trang bị là học thuyết của Calvin, ông đã loại bỏ mọi thái độ lừng khừng, ngoan đạo nửa vời, nếu không nói là loại bỏ được sự căm dỗ của quỷ dữ, ông còn làm nhiệm vụ ban phước lành và điều khiển lễ cầu nguyện.

Thực ra, phái Tin lành không mong muốn có sự tan vỡ, mặc dù chính thái độ cố chấp của họ đã gây ra chuyện đó. Vì tan vỡ mà việc khuếch

trương ảnh hưởng của họ bị hạn chế, hàng ngũ không thêm một móng nào. Villegagnon rút vào vỏ ốc, tình hình lơ lửng trên đảo khiến các quan chức Tin lành phải tranh luận với nhau về những việc cần làm. Richer chủ trương phải tiếp tục tiến công, một phần có lẽ vì do cháu gái bị xúc phạm. Ông muốn cứ tổ chức ào ạt các cuộc thuyết giảng, công khai tuyên truyền để lay động, thuyết phục, thậm chí làm áp lực với những phần tử còn do dự của phái bên kia. Cứ theo đà này thì thành trì của phái Công giáo chẳng mấy chốc sẽ sụp đổ hoàn toàn thôi. DuPont tỏ ra thận trọng hơn, cho rằng cần củng cố lực lượng, kín đáo lôi kéo có trọng điểm. Trong khi đó, nên cử một tàu về xin Genève chi viện. Bao giờ viện quân đến, hãy chuyển sang tiến công.

Cuối cùng, hai xu hướng đi đến nhất trí: trước hết mục sư Chartier sẽ về Genève xin ý kiến của Calvin, đồng thời mộ thêm quân, mà phải là quân vừa thiện chiến vừa ngoan đạo, có vậy mới nói chuyện được với phía bên kia bằng thứ ngôn ngữ duy nhất họ chịu nghe, là sức mạnh. Song để thỏa mãn bầu máu nóng của Richer đang sôi sục muốn hàng động, phái Tin lành sẽ tiếp tục duy trì thế chủ động ở lĩnh vực mà họ có ưu thế. Chỉ họ mới có con gái và mục sư, vậy không ai có thể tranh quyền tổ chức các hôn lễ. Richer quyết định trong hai tuần tới, sẽ công khai tổ chức hai cuộc nữa.

*

* *

Kẻ cô đơn nhất trong những ngày pháp phòng và âm đạm này, là Just. Chàng có cảm giác mình đã mất tất cả. Sau vụ hành hung, Villegagnon đã kéo chàng ra gặp riêng, nghiêm nét mặt yêu cầu Just lấy danh dự xác nhận những gì Aude đã nói về Colombe. Chàng phải nói ra sự thật: mà lòng đau như cắt. Đồ đốc không cần hỏi lý do gì họ giấu giếm lâu đến thế, nên Just cũng không nói thêm. Sau đó ngài hiệp sĩ xứ Malte lui về phòng với bộ mặt lạnh tanh, vừa chán ngán, giận dữ, vừa khinh bỉ. Just càng thấy đứt từng khúc ruột.

Đã vậy, chàng hiểu rằng Colombe đã ra đi mãi mãi. Lần gặp cuối cùng lẽ ra là cơ hội để chàng níu kéo em ở lại, nhưng chàng đã để tuột mất. Chàng ngược nhìn vòng vây rừng rậm bao quanh đảo và có cảm giác hãi

hùng y như lúc đổ bộ lên nơi này lần đầu. Cứ như có bao nhiêu sinh vật vô hình nhưng nhúc nhấp nơi, bao nhiêu cá thể hữu sinh quái dị bám riết vào cuộc chiến sống còn giành giật quyền tồn tại trong cảnh tro troy và phi lý, bó thít lấy ngực chàng, khiến chàng nghẹt thở. Giờ đây chàng hối hận đã tuột tay để người mình yêu quý nhất lạc vào đó. Sự lựa chọn của Colombe chỉ là một quyết định tuyệt vọng, một biểu hiện thất vọng, mà chàng cảm thấy mình là nguyên nhân.

Cả phái chính thống, với bộ điệu kiêu cách nực cười của Gonzagues, lẫn phái Tin lành rõ ràng là đối địch, đều không thể làm chỗ dựa cho Just. Chàng thơ thần suốt ngày trên công trường vắng lặng, men theo bức tường thành. Cái công trình lao động này của con người đã mất hết ý nghĩa chỉ vì sự rắc rối giữa những con người. Tuy nhiên, chàng vẫn cảm thấy gắn bó với nó. Vào những thời khắc mặt trời ở trên đỉnh đầu soi rọi tất cả sự lộn xộn của rừng núi, lòng chàng rộn lên niềm tự hào là đã góp sức vào việc chinh đồn, sắp xếp lại thiên nhiên theo ý con người, tạo nên những công trình bằng đá và gỗ thẳng tắp, cân đối. Những gì chàng học được của đô đốc – từ lý luận của Platon đến kỹ thuật xây công sự – chàng coi đó là đặc trưng của con người trên trái đất. Nhưng vào lúc khác, nhất là chiều tối, khi bóng đêm phủ kín mặt nước, nhìn bức tường thành đen ngòm lộ rõ những đường viền mập mờ, chàng lại ngán ngẫm. Chàng buồn bã ngắm cái bóng tím tím của tường thành và vùng tranh tối tranh sáng, trước khi đêm xuống hẳn, làm nổi rõ những chỗ thiếu hoàn chỉnh ở tường thành, ở đường đèo gọt trên đá, những khiếm khuyết về nét kẻ và kích thước. Con người làm được những gì, ngoài việc đắp tường, xây thành nhằm phân biệt, chia cắt, ép buộc nhau? Lúc mới đến, họ xây đồn lũy, rồi để ngăn những kẻ bỏ trốn, họ đắp đất cát, lập đồn canh khắp quanh đảo. Bây giờ, tường thành lại dùng làm ranh giới ngăn cách hai phe. Mai đây, có thể họ lại đánh nhau, xông vào nhau để chiếm thành.

Suốt đêm, chàng dạo bước trên bờ thành, nghe ngóng từng hơi gió, từng tiếng động từ bên kia đất liền vọng tới. Phải đó là Colombe đang cất tiếng gọi? Lúc trăng lên, nhìn công trường ngồn ngộn, chàng nhớ đến lâu đài Clamorgan với cái vọng lâu nứt nẻ bởi dây leo, với đường hào sâu khô cạn. Và cuối cùng, chàng ngồi tựa vào tường thành và, nếu có ngủ thiếp đi được thì mới thoát khỏi những ý nghĩ xám xịt.

Một buổi trưa, Chàng đang đi dạo một mình trên con đường tuần phía bắc, thì nghe có tiếng nói lao xao bên dưới. Chàng ghé nhìn qua lan can: trên con đường ven mép biển, là nơi chàng thường đi dạo với Colombe, có hai phụ nữ đang đi. Lúc chàng nhận ra đó là Aude và bà vú, thì không kịp để tránh mặt nữa, hai người đã nhìn thấy chàng.

Từ khi xảy ra vụ hành hung, Just không tới thăm cô gái Tin lành nữa. Không hiểu nổi lòng mình, chàng cố xua đuổi hình ảnh nàng ra khỏi tâm trí. Chàng giận Aude vì nàng là cái cớ, thậm chí là nguyên nhân để Colombe bỏ đi. Nghĩ đến những lời trò chuyện giữa hai anh em sau buổi lễ, Just vừa tức vừa xấu hổ. Song điều chính ngăn chàng không muốn gặp Aude, đó là lời nhận xét đơn giản của Colombe “anh yêu cô ấy”. Chàng kịch liệt phản bác ý kiến đó, mặc dù chưa chắc chắn là nó không hẳn không có căn cứ.

Aude giật mình khi nhìn thấy mái tóc đen của Just thấp thoáng qua lỗ châu mai của tường thành. Nàng giật tay Chantal, cả hai dừng bước. Bấy giờ Just mới trông thấy bóng hai người lính ngả về phải huygonô đi theo hai phụ nữ cách chừng mười bước để bảo vệ. Aude định mở miệng nói gì nhưng hai tên bảo vệ sắp bước tới gần, nên nàng lại thôi, chỉ đưa mắt nhìn Just thật dài vừa như oán trách, vừa như hò hẹn. Rồi lại đi tiếp.

Buổi chiều, Just nhớ tới cuộc gặp tình cờ đó và tự trách mình sao lại xao xuyến đến thế. Đến khi xong bữa tối đơn độc gần dinh thống đốc, tâm trạng chàng đã thanh thản trở lại, những vấn vương về Aude đã tạm lắng. May thay, nỗi u sầu cứ việc đến và đi, không theo ý muốn của con người. Nó chỉ làm lòng bồi hồi man mác và ru ngủ trái tim đau khổ. Nhưng trời đã định, chàng không được hưởng tâm trạng thanh thản ấy lâu hơn. Khi đi ra công trường để ngủ – gần đây chàng thường lấy đó làm đại bản doanh thì gặp một trong hai tên lính bảo vệ Aude đang ngồi chờ trong bóng tối.

Bức tường thành gần như là tiền duyên của cả hai phe. Ít người qua lại ở đó, nhưng đã thành quy ước là người của hai bên đều được tự do lui tới. Do đó tên lính đứng chờ đây không e ngại. Hắn nói với Just:

- Tôi có tin nhắn anh đây.

Đây là một tên đánh thuê quê ở Savoie bên Pháp, tính khí võ biên, đơn giản. Hắn thân thiện với tất cả mọi người trừ Villegagnon, vì có lúc ông này mắng chửi hắn. DuPont đã lợi dụng điều này để lôi kéo hắn về phe mình.

- Mục sư Richer muốn gặp anh, hình như có việc quan trọng. Anh theo tôi, được không?

Giống như thời tên Quạ, lời mời chào này của kẻ địch vừa hấp dẫn vừa nguy hiểm. Song lúc này Just ở thế không phải sợ ai. Chẳng nhận lời, vì dừng dừng hơn là vì tin cậy.

Đi theo tên lính bước vào khu lán dành cho phái Tin lành, lần đầu tiên Just nhận thức thấy hố sâu ngăn cách hai cộng đồng. Suốt dọc đường đi, rải rác những người lảng vảng làm như dạo chơi mơ mộng, thực ra chúng được bố trí để cảnh giới, phòng phe địch thâm nhập. Tên lính đưa đường phải nói mật khẩu, Just và hắn mới đi qua. Phía bên trong, rõ ràng phái huygonô tổ chức như doanh trại. Người ngồi chung quanh các ngọn lửa, súng ống kê bên, như quân đội cắm trại lúc trận mạc. Ai nấy gườm gườm nhìn Just: chúng đến biết chẳng là cánh tay phải của Villegagnon.

Tranh thủ lúc công trường ngừng trệ, DuPont đã sai thợ lao động cho mình. Họ đã xây những căn nhà vững chắc, lại dựng được một phòng lớn dùng làm nơi hội họp của ban lãnh đạo, như để làm đối trọng với dinh thống đốc của Villegagnon. Nhiều khối đá đã gọt đẽo dành để xây thành cũng bị lấy đi, đặt vội vào đây. Just hết sức ngạc nhiên thấy, khi đến trước phòng họp, tên lính không dẫn chàng vào mà lại vòng ra phía sau, đi tiếp nữa và tới một ngôi nhà nhỏ mới tinh xây tựa vào tường thành và lợp lá cọ còn tươi. Trước mặt là một sân trời đất nện phẳng phiu nhìn ra biển, kê một bàn và hai ghế dài. Aude ngồi chờ một mình ở đó, bên cạnh một ngọn đèn dầu đặt trên khay tỏa ra một quầng sáng mờ mờ. Nàng ra hiệu mời ngồi xuống ghế trước mặt. Tên lính rút lui vào trong tối.

Just ngồi xuống, nhìn quanh. Biển gần kề, nghe tiếng sóng vỗ rập rình vào đá. Nhìn vào căn nhà bên trong, có ánh đèn nhưng không có người. Về phía đồn canh, đám huygonô ngồi túm tụm quanh đồng lửa, rì rầm lời rao giảng hoặc cầu nguyện. Địa điểm thật khéo chọn cho một cuộc gặp gỡ kiểu này: vừa đủ công khai ai cũng nhìn thấy, và chứng thực cho sự nghiêm túc

của hai người, vừa đủ vắng và xa cách để họ được tự do chuyện trò mà không ai nghe thấy.

- Tôi rất mừng là ông đã đến – Aude mở đầu, và để ngăn trước sự ngạc nhiên của chàng trai, nói ngay: đúng là chủ tôi cho mời ông, song ông ấy cho là tôi cũng cần gặp ông.

Just lúng túng không biết nói gì. Vì bất ngờ đã đành, song một phần vì sững sờ trước khuôn mặt xinh đẹp một cách tinh khiết lấp lánh trong ánh sáng và bóng tối lẫn lộn.

- Tôi muốn nói là... Aude tiếp, rồi lại ngập ngừng như để chàng yên tâm rằng chính nàng đang bối rối:

- ... tôi rất buồn và tiếc về chuyện hôm họ.

Just nhồm người, sắp nói rằng mình cũng buồn và tiếc, song Aude ngăn:

- Thôi, ta cho qua. Tôi không nhắc bản thân việc đó, mà buồn vì hậu quả: tôi phải cảm cung, ông thì làm lì và chắc bị nhiều người trách móc. Song xin nói ông rõ, tôi cho rằng ông không liên quan, và tôi vẫn... quý ông.

Đoạn nói vừa rồi rõ ràng được chuẩn bị trước, nhưng lúc thốt ra lại luôn ngập ngừng như diễn viên sân khấu thường làm để làm ra vẻ tự biên. và tiếng cuối cùng nói thật chậm chạp, nhấn mạnh, như một bàn tay nắn bóp hoa quả bày trên chiếc mâm bông.

- Được vậy, tôi lấy làm vinh hạnh – cuối cùng Just cũng nói nên lời. Xin tiểu thư tin rằng nếu ngăn ngừa được, tôi đã không để xảy ra sự xúc phạm ấy.

- Điều tai hại nhất không phải là sự xúc phạm con người nhỏ bé của chúng tôi. Tôi nói rồi: tôi đã quên hết. Song hành động vô trách nhiệm ấy làm cho sự chia rẽ trên đảo thêm sâu sắc. Chúng ta đều là người công giáo, sao không đau lòng trước tình cảm ấy.

Nàng nói trúng điều Just nghĩ. Chàng giận Colombe chỉ nhìn tình cảm yêu ghét trước mắt mà quên lợi ích chung.

- Những người anh em bây giờ lại cầu xé lẫn nhau – Aude nói.

Nghe lời lẽ ấy, sự đau đớn vì anh trai và em gái bị chia cắt trước đây quặn lên trong tâm trí Just bỗng nhòa đi trước sự chia cắt nghiêm trọng hơn của cả cộng đồng con người. Cô gái Tin lành ngồi kia trong tư thế đàng hoàng, với bộ váy áo nghiêm chỉnh viền đăng ten sang trọng, là biểu hiện một cái gì trật tự, nền nếp, hao hao như dãy tường thành thẳng băng, vuông vức, chính xác mà chàng đang xây, khác hẳn sự buông tuồng tội lỗi, không khuôn phép của rừng rú mà Colombe chạy theo. Aude nói tiếp:

- Ông thấy không, những người có cùng cảm nghĩ như chúng ta vừa rồi không nhiều. Muốn đoàn kết tất cả người công giáo trên đảo này, trước hết phải siết chặt hàng ngũ của những ai có thiện chí. Ông là một người trong số đó.

Được tin tưởng đến mức ấy thì Just chỉ còn có mỗi một việc là gạt đầu sung sướng, hơn thế nữa, chàng còn nhiệt tình tán thành:

- Ôi, tiểu thư nói rất phải. Chừng nào ngăn chặn được bọn cuồng tín, thì mọi việc chưa đến nỗi tệ hại. Tôi tin chắc bản thân đô đốc cũng đang chờ người ta chứng tỏ rằng tình yêu giữa con người với con người mạnh hơn tất cả những gì chia rẽ họ với nhau.

Aude bám ngay lấy, đôi mắt long lanh:

- Tình yêu, phải rồi, tình yêu... giữa con người.

Nghe Aude nhắc đến tình yêu, Just lúng túng. Rồi bỗng cả hai cùng cười một cách ngượng ngáp. Aude nói tiếp, không để cho Just có thời gian phân tích xem tại sao mình lại lằng lằng đến thế:

- Điều cần là lựa ra những người tốt nhất của mỗi bên để làm gương.

Và do đã có sẵn kế hoạch từ trước là phải lợi dụng cơ hội này thật triệt để và lợi dụng cả tính khẩn cấp của tình hình, thậm chí thổi phồng nguy hiểm, nàng tỏ vẻ do dự một tích tắc, rồi nói nhanh như người quyết định xông vào lửa:

- Chú tôi đã quyết bất kỳ tình hình nào cũng cử hành các lễ cưới. Thật đáng tiếc nếu những dịp vui mừng này không hàn gắn được những gì đổ vỡ, làm hai phái xích lại gần nhau theo lời dạy bảo của Đức Chúa Jesus.

Just chưa hiểu:

- Vậy chú cô đã định ghép đôi những ai?

- Chưa, đó mới là điểm cần bàn. Ta đề nghị ai thì ông ấy sẽ làm. Nhưng nếu không có liên hệ với... phía bên kia... thì đành chỉ cử hành hôn phối cho những đôi thuộc phái đạo bên này. Như thế không giúp gì cho sự đoàn kết.

- Tôi hiểu – Just nói, nhưng lại hỏi ngay, chứng tỏ chàng chưa hiểu: Thế thì tôi giúp gì được trong việc này?

- Ông lựa những chàng trai bên ông cho họ lấy các cô gái bên chúng tôi. Ông hãy thuyết phục đô đốc, hoặc người nào có quyền, cho phép họ làm việc đó.

Just sầm mặt. Gần đây chàng không gặp Villegagnon, còn ông già Gonzagues và những kẻ hung hăng khác không bao giờ đồng ý, vì như thế coi như bị mất người.

- Tôi sợ không làm được.

- Chẳng lẽ họ mù quáng vì hận thù đến mức ấy?

Just nhăn mặt xác nhận, thay lời đáp.

Aude giữ một im lặng có tính toán. Rồi mới lấy hết hình thần nói lời kết luận, đồng thời là mục đích cuộc gặp:

- Nếu vậy, đã đến lúc mỗi người chúng ta cần gánh lấy trách nhiệm. Khi lời nói không thiêng nữa, thì phải làm như Đức Chúa, hãy nêu gương.

Giai điệu của bản thánh vịnh 104 vọng tới từ bên đồng lửa, nơi phe Tin lành đang tụ tập.

Nàng chăm chăm nhìn vào Just:

- Nếu từ mỗi bên có một người tiến ra, và là người đẹp nhất, giỏi nhất, dũng cảm nhất, đầy lòng bao dung nhất, cùng có ý chí qua lễ kết hôn thể hiện hòa bình, trật tự, đạo đức và tình yêu...

Khi nói chữ “tình yêu”, miệng nàng chúm lại giống hệt cái lần đầu Just gặp nàng và bế nàng từ trên tàu xuống, và lúc đó chàng thấy như nó đang mời gọi một nụ hôn. Nàng ra vẻ bối rối một giây rồi nói nhanh, giọng trầm thì:

- ... thì hòn đảo này sẽ được cứu vớt.

Dưới ánh đèn mờ và trong tiếng ru của biển, hai người yên lặng nhìn nhau. Đàn bướm đêm nhỏ bé lờn vờn quanh ngọn lửa như những bóng ma trẻ con say sưa nhảy một vũ điệu rộn ràng.

Điều gì cần nói thì đã nói rồi, điều gì chưa nói thì sẽ mãi mãi không được nói ra. Aude đứng lên và làm ra vẻ hết sức xúc động, nói lời từ biệt rồi rảo bước vào phòng lớn, hẳn là nơi ông chủ ở. Dù luống cuống không nói được lời nào, Just còn kịp nhìn ngắm tấm thân mảnh dẻ bó trong vạt áo chật hẹp, để hở đôi cổ tay hồng hồng thấp thoáng sau đường viền裳 ten thanh lịch. Đã quá no mắt phải nhìn những bộ ngực trần trụi, cục mịch của gái thổ dân, khiến chàng ghê sợ cũng như ghê sợ rừng rậm, chàng vô cùng xao xuyến trước một thiếu nữ có trang phục chau chuốt. Cái thần tình của văn minh là ở đó: biết che giấu để gợi mở, biết ẩn mình để tôn lên sức hấp dẫn của nữ tính, biết làm xúc động tận đáy long bởi vẻ kín đáo mang tính phô trương và vẻ phô trương làm ra vẻ kín đáo.

Khi tên lính lại đưa chàng trở về giang sơn của phái chính thống, Just cảm thấy mình bị đưa vào nơi lưu đày mới.

CHƯƠNG 10

Tranh thủ mùa gió thuận, Chartier trở về châu Âu đầu tháng sáu. Tàu chở ông đi là chiếc nhỏ nhất trong hạm đội. Phe công giáo mừng thấy đối phương bớt được người nào hay người ấy, đồng ý cho tiếp tế nước và lương thực lên tàu. Phe Tin lành vừa tụng thánh ca, vừa tiến đưa, đứng nhìn cho tới khi cánh buồm khuất chìm tận chân trời. Mọi hy vọng được đặt vào Calvin, người mà Chartier phải gặp ngay khi về tới nơi. Mùa mưa tới gần. Rồi sắp sửa chung quanh toàn bùn nhão, ẩm ướt và chướng khí. Richer quyết định phải chủ động tiếp tục các lễ kết hôn để tinh thần người dưới quyền khỏi phân tán, chán nản. Ngày dự định sẽ là một tuần sau đó, để đủ thì giờ chuẩn bị.

Mục đích nhằm tới hiển nhiên không chỉ là ghép đôi hai cô gái còn lại với hai thợ thủ công do DuPont chọn. Dù những cô gái đi trước đã bắt đầu có bầu, hứa hẹn tăng quân số cho phái Tin lành, nhưng đó không phải là biện pháp lâu dài để chiếm ưu thế so với đối phương. Ý nghĩa thực sự các lễ cưới là ở chỗ nêu gương, làm cho mọi người ít nghĩ đến việc bậy bạ. Tham vọng các chủ soái phái huygonô còn là chứng tỏ cho ai nấy, nhất là cho người của phía bên kia, rằng bây giờ họ là người duy nhất có khả năng mời Chúa chứng giám và ban phước. Vì vậy, nhất thiết cuộc lễ không chỉ đóng khung trong số người thuộc phái Tin lành, mà phải công khai trước tất cả dân đảo. Địa điểm thích hợp duy nhất để làm lễ là ngay trên tường thành. Đó là nơi cao ráo, đặt bàn thờ rất đẹp, lại nằm ở chỗ trung lập, trên đường mốc giới giữa hai lãnh địa.

Hai hôm trước ngày khai lễ, DuPont sai một tên lính bạo gan, tự cho mình không có kẻ thù ở phe đối địch, vào tận dinh thống đốc để báo tin. Hắn đưa bản thông báo cho một tên vệ binh Xcốtlen, khi về kể rằng hắn được tiếp đón tử tế, song theo như hắn biết thì Villegagnon vẫn căm cung, không tiếp xúc ai.

DuPont phân vân không biết nên hiểu việc đó ra sao. Tất nhiên, phía bên kia như rắn mất đầu, chỉ có lợi. Tuy nhiên, sự im lặng của Villegagnon có cái gì đó khiến người ta hồi hộp, không thể không ẩn chứa điều gì bí ẩn

bên trong, người theo Giáo hội La Mã thường hay thích chơi trò ú tim để gây bất ngờ lẫn. Và đối với những kẻ luôn cảnh giác, bí mật luôn báo trước cạm bẫy.

Dù sao bây giờ đã quá muộn, không thể rút lui. Cũng không thể dàn quân có vũ trang ra để bảo vệ cuộc lễ. Hai bên đã có quy ước bất thành văn là không ai được mang vũ khí lên thành, để tránh nguy cơ xảy ra xung đột. Vậy nên dòng người, có mục sư và DuPont đầu trần đi trước, hai cặp trai gái theo sau, rồi đến toàn bộ dân số Tin lành tập hậu, lũ lượt kéo nhau đi một cách hiền lành ra nơi hành lễ. Tới đỉnh cao nhất của tòa thành, Richer hài lòng thấy ở phía bên kia, số người tò mò kéo ra xem lễ khá đông. Một số người thấy mục sư xuất hiện thì bỏ mũ, đưa tay làm dấu thánh, như vậy là biểu hiện đáng mừng. Các nô lệ Anh diêng có mặt đủ, họ háo hức vì lâu nay ít có hội hè.

Được chủ động làm theo ý mình, phái huygonô điều khiển buổi lễ với tinh thần giản dị, nhưng vẫn nghiêm trang và trầm lặng, đúng với quan niệm của họ về sự hướng tới một Thượng đế chứ không phải một tượng thần. Hai cặp tân hôn đứng thành hàng quanh mục sư, ai nấy đều chú ý tới vẻ mặt hồn nhiên của họ, ít nhất là so với những cặp đã hôn phối lần trước.

Aude ngồi ở hàng đầu cử tọa, dáng điệu thoải mái và, như một sự tình cờ, nàng lại chiếm một vị trí có thể phóng tầm mắt bao quát cả bến tàu, dinh thống đốc và toàn khu lán trại của phái công giáo. Đôi mắt đầy tình yêu thương đồng loại dõi theo, vẻ xúc động và dịu dàng, mấy người đang đứng quanh vị chủ lễ và có vẻ không để ý đến bao con mắt đang thèm khát tập trung vào mình. Thật vậy, chỉ còn nàng là chưa được ghép đôi với ai. Sau đó, có lẽ phải huy động đến cả số nữ tì nhiều tuổi, như vậy tất nhiên kém hứng thú hơn.

Nhưng Aude, với vẻ mặt thản nhiên và kín như bưng, coi như không để ý đến làn sóng dục vọng mà nàng là cái đích. Mắt nàng nhìn ra xa xăm, không ai có thể đoán được chính xác nàng đang tìm kiếm cái gì, và khi không thấy được cái mà mình mong chờ, chúng để lộ nỗi thất vọng sâu sắc. Buổi lễ bắt đầu được một lúc, khuôn mặt nàng mới rạng lên vẻ hài lòng vì đã nhận ra Just. Ra chàng đã đứng từ lâu khuất sau cái đồn lẻ phía nam, mắt nhìn ra bờ biển. Đường như chàng đang lắng chờ tiếng gọi bí ẩn nào đó sẽ

vọng lại từ khu rừng bên kia, một tiếng gọi nào đó không phải là tiếng vượn hú diệc kêu. Nhưng tất nhiên, chẳng có tiếng gọi nào hết, chẳng có gì xuất hiện để làm đối trọng cho quyết định của chàng. Từ cái đêm gặp Aude, tâm trí chàng không thể nghĩ đến chuyện nào khác. Chàng băng khuâng như vậy lại có cái lợi là quên được nỗi sầu muộn, quên được nỗi thất vọng chán chường. Nghị lực của cô gái và lời gợi mở của nàng hé ra cho chàng một hy vọng mới. Đối lại sự chia rẽ của con người, họ có thể hợp nhất với nhau để mở ra lối thoát. Nhưng phải chăng còn những lý do khác nữa? Nói cho chính xác, chàng có cảm nghĩ gì về nàng? Thật rất khó trả lời, và chàng chỉ muốn nghĩ đến những lý do về lợi ích chung, song cũng cảm thấy dưới những tính toán của lý trí, sôi sục những tình cảm mơ hồ và mâu thuẫn. Aude vừa quyến rũ chàng vừa làm dậy trong lòng chàng sự e ngại. Nàng là người phụ nữ văn minh đầu tiên chàng gặp từ khi bắt đầu trưởng thành. Tất cả ở nàng đều đẹp, đúng và tốt, thể hiện ý niệm tuyệt hảo về Con Người, mà như Villegagnon nói, Chúa đã đặt vào người nữ để làm công cụ cho sự chuộc tội, dù còn nhiều khiếm khuyết. Song, cũng như khu rừng xanh tươi, dày đặc cây cối cao thấp khác nhau, trong đó nổi cao hơn cả là ngọn cây thích trắng, là tán cây huyết mộc um tùm xòe rộng như những cái dù đựng mưa, giấu trong mình biết bao ẩn họa, chết chóc, biết bao trận đấu không tình yêu, bề ngoài êm ái, hiền dịu của Aude vẫn thấp thoáng cái bên trong không dễ đoán, tối mờ, sâu thẳm, không thấy có ánh sáng, và có thể còn có cả bóng tối nữa.

Tuy nhiên, trên hòn đảo heo hút ở tận cùng trời này, lại đang đứng bên bờ cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn, Just không muốn chỉ mưu cầu hạnh phúc cho riêng mình, mà muốn có một hành động mang đầy tính lý tưởng. Chàng đâu phải là loại người chịu đựng được một cuộc đời tầm thường, chỉ biết lo cho gia đình được sống sung túc và hòa thuận. Còn việc Aude có một nghị lực phi thường thì, nghĩ đi nghĩ lại, có lẽ lại là điểm tốt, không phải là chàng không hài lòng. Sự thực là, ngay tối hôm trò chuyện, chàng đã tự vấn và quyết định: sẽ kết hôn cùng Aude. Duy ý nghĩ hành động này sẽ khiến chàng mất Colombe mãi mãi, làm chàng day dứt. Nhưng Colombe, đứa em gái thân yêu lúc này ở đâu, em không có tín hiệu gì để ngăn anh sao.

Nhớ lời Colombe dặn là lúc nào cũng phải ăn mặc gọn gàng sạch sẽ – mà bản thân nàng cũng chẳng thực hiện được như thế để làm gương cho

anh, Just liền đi rửa mặt và dùng một cái bàn chải lông ngựa để chải cho tóc tai đỡ rối bù. Chàng thay chiếc áo khác, cũng là chiếc áo thứ hai và cuối cùng trong mớ quần áo ít ỏi của mình. Cái này không có cổ và chàng chợt có một ý nghĩ khôi hài: “Mình để hờ gáy như thế này thì đúng là một kẻ sắp phải lên máy chém ấy.” Và chính trong bộ dạng ấy, chàng xuất hiện trước con mắt sùng tín của nàng Aude đang hướng về phía chân trời, giả vờ không nhìn thấy chàng.

Ý định của Just đơn giản. Để trấn tĩnh, chàng nhắm trước những gì cần làm, tính toán trước từng chi tiết, kể cả số bước chân cần đi để di chuyển từ chỗ này sang chỗ khác. Trước hết, sẽ ngồi vào chỗ của mình, tham dự buổi lễ. Đến phút cuối cùng, trước khi Richer ra hiệu giải tán, chàng sẽ tiến lên trước mặt mục sư và trình trọng xin ông gả cháu gái cho chàng. Nếu được chấp thuận, thì ngay từ điểm cao đang đứng, chàng sẽ cất lời thống thiết nói với cả hai phe, kêu gọi hòa bình. Chàng thâm cảm ơn Villegagnon đã trang bị cho mình nhiều kiến thức; bằng cách đi từ lời trích dẫn này đến lời trích dẫn khác, như người lữ hành đi từ nhà trọ này đến nhà trọ khác, chàng sẽ ít có nguy cơ bị lạc hay bị tấn công dọc đường hơn.

Just lặng lẽ đi vào đồn, leo các bậc thang dẫn lên thành và ngồi vào chỗ, tim đập mạnh. Chàng tránh không nhìn Aude. Sự thận trọng ấy là không cần thiết, nhưng chàng chưa biết được. Vì số phận đã định là hiểm họa hôm đó không xuất phát từ những tâm hồn và những ánh mắt, nó đến vào lúc không ai ngờ, và dưới dạng không ai lường trước được.

Người chủ lễ bắt đầu đọc những câu kinh rút từ Lời Chúa. Mọi việc tiến hành đều đặn, có nghĩa là cử tọa thêm thiếp ngồi nghe như được ru vào cõi mộng.

Những đám mây đứng bất động ở chân trời, bên dưới thì mặc áo tím, bên trên thì chụp mũ trắng, như một đám cử tọa thứ hai, nhưng đông đúc và trải rộng hơn đám cử tọa thứ nhất, khoan dung và im lặng tham dự buổi lễ. Bất an bởi những cơn bão sắp tới, lũ vẹt rồi rít chuyển từ cảnh này sang cảnh khác, từ ngọn cây này sang ngọn cây khác. Một chú bướm lớn xanh xanh đỏ đỏ ở đâu bay đến lượn vòng vèo quanh vị chủ lễ, và do một chút trí tưởng tượng từ thời thơ ấu còn sót lại trong tâm hồn, mọi người lại ngỡ đây

là một vị thiên thần nhỏ bé. Một đôi tân hôn không nhìn được bỗng bật cười rúc rích.

Richer đọc bài ngụ ngôn của thánh Lazare, mắt thỉnh thoảng lại liếc về phía phe đối lập. Mọi người đều hiểu, người chết mà Đức Chúa Jesus cho hồi sinh là ai. Nhiều người còn nghĩ thầm, phe Công giáo mà không có giáo sĩ thì coi như đã chết về mặt tinh thần. Họ đắm luyện tiếc tinh thần hòa hợp và sự thống nhất trước đây. Vị chủ lễ cũng cảm nhận được tâm trạng của cử tọa và càng cố tìm cách nuôi dưỡng ngọn lửa thành tâm trong lòng họ.

Giữa lúc đó, tiếng động lớn từ dinh thống đốc vọng tới, phá tan sự thanh bình êm ả. Tiếng người nói oang oang, tiếng sắt thép lanh canh, tiếng cánh cửa va đập. Rồi một toán người xăm xăm bước tới, tiến vào nơi hành lễ. Nổi bật nhất là vóc dáng cao lớn của các vệ binh Xcốtlen. Lễ phục chỉnh tề, mũ ta tăng đội ngay ngắn, váy len cài gọn gàng, kích thước cao, họ bước đều một cách hùng dũng nhưng không có thái độ hiếu chiến, trông như một cuộc duyệt binh ngày lễ hơn là một cuộc phô trương lực lượng và chuẩn bị chiến đấu. Đi đầu là ngài Gonzagues, râu ria chải mượt, áo hiệp sĩ xứ Malte long trọng, nét mặt hầm hăm giận dữ xen lẫn nhăn nhó đau đớn vì bệnh thấp khớp. Khi đám người tới chân thành, nó tách ra như một hạt quả, để lộ ra nhân lõi và tấm thân cao lớn của Villegagnon oai vệ tiến vào. Ông mục sư vẫn lầm rầm cầu kinh làm như không hay biết gì, nhưng lúc này không ai nghe ông ta nữa. Mọi con mắt đổ dồn vào đầu bậc thang, nơi đồ đạc chậm rãi hiện lên. Bộ dạng ông ta trông phát khiếp. Những ngày nhìn ăn khiến ông xanh xao hốc hác như bộ xương. Trên mặt ông, ở những vùng mà râu ria lởm chởm, nâu xen lẫn xám, không phủ kín da, xương lại nổi gồ lên, trông như sắp đâm ra ngoài. Nằm giữa hai cái hốc thâm quầng, đầy nếp nhăn, trũng sâu như của một người đang hấp hối, đôi mắt ông gườm gườm nhìn mọi người như tóe lửa.

Nhưng đập vào mắt hơn cả là bộ trang phục. Mọi người quen nhìn ông trong bộ đồng phục dòng Malte, nay ông ăn bận hoàn toàn mới tinh, chắc là mới may những ngày gần đây. Áo chèn cát bằng lụa xanh sáng rực dưới ánh mặt trời, quần nịt màu vàng rộm, phồng phồng ở ngang háng, đôi chân vừa dài vừa gầy, trông như hai cây sậy, bị bó chặt trong ống quần nịt dưới màu xanh lục. Thêm cái áo choàng đỏ chói và chiếc mũ trắng, cắt bằng vải

buồm, thì đủ cả bộ lông của một con vẹt khổng lồ. Song đừng ai vội cười, vì bên hông ông lủng lẳng một thanh kiếm dài.

Mọi người dẫn ra, và đô đốc đường bệ một cách tự nhiên, đến ngôi ngay hàng đầu, đối diện DuPont. Ngài Gonzagues lật đặt đến ngôi cạnh ông. Villegagnon dăm dăm nhìn vào mắt Richer, chờ đợi. Viên mục sư cũng gan không kém, tiếp tục hành lễ như không có chuyện gì, song bàn tay cầm Kinh Thánh của ông đã hơi run. Đám đông đã trở lại im lặng, chỉ nghe thấy gió thì ào và vị chủ lễ làm rầm đều đều như tiếng nước rì rì từ một cái két thùng. Bỗng, Villegagnon cất tiếng nói, át cả lời cầu nguyện trơn tuột của Richer. Ai cũng biết rõ, ông Villegagnon có thể nói to đến mức nào, và lúc này ông mới chỉ nói khe khẽ thôi, thế mà đã vang khắp từ đầu này sang đầu kia tòa thành. Ông làm bộ ngạc nhiên, hơi nghiêng người về Gonzagues, hét:

- Ta thật không hiểu, lễ gì mà không thấy người mặc áo choàng lễ, không có bình bầy bánh thánh?

Richer hơi chột dạ, biết có chuyện chẳng lành. Ông ta bắt đầu hiểu sắp xảy ra chuyện gì. Đã đến đoạn tuyên bố kết hôn cho hai đôi trai gái. Ông tiến đến đôi đầu tiên, cầm bàn tay phải của hai người và nói mấy lời thông lệ.

- A! – Villegagnon lại la lên. Ông Gonzagues, đưa ta lọ dầu thánh.

Ông lão đã biết trước kịch bản, rút từ trong túi ra một lọ nhỏ. Đô đốc hướng về Richer, gọi:

- Đây, ông cầm lấy! Thành phần đúng quy định: một phần muối, hai phần dầu ôliu, và một phần là nước miếng.

Vừa nói, đô đốc vừa cầm chiếc lọ, tiến lên. Richer lùi lại, vẻ mặt sợ hãi.

- Sao, ông không sức dầu thánh cho họ sao! – Đô đốc bắt bình.

Trong vài giây, một bên cứ chìa lọ, một bên cứ lảng tránh. Cuối cùng, đô đốc cười khẩy, làm bộ nhũn nhặn trở về chỗ, nói với Gonzagues:

- Kỳ lạ thật, làm lễ cưới mà không có dầu thánh. Thôi được... để xem còn trò gì nữa.

DuPont ngồi không yên. Cử tọa nín thở, lo sợ nhìn thảm họa đến gần, sắp nổ tung.

Hai đôi tân nhân lần lượt được công nhận theo nghi thức Tin lành dưới con mắt làm bộ ngạc nhiên, ngỡ vực của Villegagnon. Rồi đến lễ ban thánh thể. Richer vừa cử lễ vừa nhắm tính nên làm gì để tránh đổ vỡ. Nếu thận trọng thì nên chấm dứt ở đây. Song bánh mì và rượu đã đặt sẵn trên bàn, ai nấy đều trông thấy, không thể bỏ qua. Tim đập thình thịch, chân tay long ngóng bởi vì ông hiệp sĩ to kèn to càng ngồi quá gần, ngay ở hàng đầu, viên mục sư lấy hết can đảm làm tiếp nghi lễ.

Lạy Đức Mẹ Đồng Trinh, lạy các Thánh mới bái! Villegagnon reo lên. – Máu thịt của Đức Chúa Jesus đây rồi!

Tay mục sư cầm miếng bánh run bần bật, Đô đốc tiến lại gần ban thờ, từ tầm cao uy nghi nhìn thẳng vào mắt Richer:

- Trước khi quỳ lạy, xin ngài cho biết, có đúng là Đức Chúa có ở đó hay không?

Đã đến lúc DuPont không thể đứng nhìn. Ông chồm lên đứng cạnh Richer như để bênh vực, nói giọng kiên quyết:

- Ông thôi ngay trò phá khuấy này đi! Lùi lại! Mời ông về chỗ.

- Chỗ của tôi là đứng ở hàng đầu, trước mặt Chúa khi Chúa gia ân.

- Chúa chỉ gia ân cho kẻ nào biết khiêm tốn, nhún mình – DuPont đáp.

- Ông có chắc là Chúa ở đó không? – Villegagnon nhắc lại, nhìn chăm chăm vào mục sư Richer đang cầm bánh thánh trong tay.

- Chúa có thực chất trong đó – Richer vớt vát.

- Thực chất! Ha ha! Villegagnon reo lên một cách ghê sợ. Vì ta đang muốn Chúa thực chất đây. Các người nghe không, ta đang đói Chúa đây, ta muốn cào thịt và uống máu Người, để Người mãi mãi ở trong ta.

Đô đốc nói như hét. Giọng ông gầm lên như bão táp, bộ trang phục kì dị đầy sắc màu của đông bão, của máu thịt và của tia chớp, biến ông thành một sinh vật từ thế giới nào khác hạ xuống trần gian để trừng phạt loài người.

Richer giật mình, lùi lại. Đồ vỡ là không thể tránh khỏi. DuPont lập tức nhảy lên chỗ chủ lễ, đối mặt với Villegagnon, thét:

- Đồ mọi!

Tiếng thét ấy làm nước biển như cuộn sóng, ngọn núi bánh ngọt nghiêng mình và những bức tường thành cũng phải rung rinh. Đám đông sững người, không ai kịp nghĩ bỏ chạy. Villegagnon đứng thẳng cứng lên như vừa bị mũi kiếm xuyên trúng ngực. Về bất động trong tư thế cũng như trên nét mặt của ông thật dữ dội và khi cuộc đụng độ nổ ra, người ta lại có cảm giác đỡ căng thẳng hơn.

Trong cảnh sững sờ chung, duy chỉ có những nô lệ Anh điêng bên phe Villegagnon là rào rào tiếng suýt soa thích thú. Dưới mắt họ, cuộc lễ đến nay mới không im lìm như những lần trước, mà thực sự sôi động, đúng với quan niệm của họ về lễ hội. Villegagnon hầm hầm nhìn họ để họ im miệng, rồi rút kiếm đánh soạt. Gonzagues cũng làm theo, còn các vệ binh Xcôtlen đồng loạt vung xà mâu.

Vì còn có bánh mì và bình rượu bày đó, dù sao cũng thể hiện quyền lực thiêng liêng, nên Villegagnon chưa cầm kiếm chém người đứng sau những vật đó. Ông hét:

Ta sẽ bắt người rút lại lời nói hỗn.

Thấy tình hình xấu đi, binh lính huygonô vội chạy đi lấy sung. Ở phía dưới, phe công giáo cũng nhận nhạo chuẩn bị. Song Villegagnon vẫn cầm kiếm, đứng bất động. Tiếng thét của ông khiến mọi người ngừng tay:

Hãy biến đi, đồ bịp bợm, tà giáo, đồ phản Chúa! Ta cho các ngươi mười lăm ngày để rời khỏi đất này, đừng bao giờ ló mặt nữa!

DuPont hiểu rõ tương quan lực lượng nên không dám mạo hiểm phát lệnh tấn công, chỉ giữ bộ mặt lạnh như tiền, tỏ ý khinh thị.

Đô đốc không dứt kiếm vào vỏ, quay ngoắt lưng, đằng hoàng đi ra, theo sau là Gonzagues và toán lính cận vệ. Ông đi rồi, người của phái Tin lành cũng lục tục kéo xuống cầu thang.

Just từ nãy vẫn đứng yên một chỗ, nhìn thấy Aude đi qua, mắt nhìn xuống đất.

Chàng không đọc được gì trong đôi mắt sáng quắc thoáng liếc mình. Còn lại một mình, Just hoang mang, chán nản, và hiểu là mình cũng phải rời mảnh đất nóng bỏng căm thù này, chọn hướng đi của bản thân. Trong một thoáng, chàng nhớ tới Colombe, da diết ý muốn được ở bên em, như thời thơ ấu, ở Clamorgan. Chàng ngắm nhìn rất lâu cảnh rừng rậm bạt ngàn phía xa, rồi thông thả bước xuống. Không điều khiển được bước chân, chàng để mặc nó lại đưa về dinh thống đốc.

IV. SIENNE

CHƯƠNG 1

Martin thống trị trên giang sơn của hắn bằng sự khủng bố. Hắn có một nhóm tay chân – toàn những tên đầu trộm đuôi cướp – chuyên dùng vũ lực để khuất phục các thổ dân Anh diêng ở ven bờ, thì chính hắn cũng phải dùng đe nẹt, khủng bố để trị bọn tay sai ấy. Trong mấy tháng vừa rồi, hắn bị mưu sát năm lần. Khắp vùng ven biển này, hắn là người quyền lực nhất và có lẽ giàu có nhất, song không thoát khỏi mối lo thường trực của kẻ vô lại; lo giữ lấy mạng sống, luôn phòng ngừa, mưu mẹo. Hắn chỉ ngủ ban ngày, nằm trên võng vải mỏng, để có thể nhìn xuyên qua, những lúc thức, rình rập những bóng người lén lút lại gần. Tay phải hắn lúc nào cũng nắm chặt chuôi một thanh đoản kiếm, chưa kể một đoản đao khác đặt cạnh người. Ban đêm, hắn cùng lâu la nhậu nhẹt, nốc rượu cahouin, nghịch ngợm hú hí với đàn bà cho tới sáng. Hắn làm thế để thưởng công tay chân, củng cố quyền lực, song cũng nhằm xem trong lúc say sưa bọn chúng có nói gì bậy bạ, hớ ra âm mưu đen tối gì với hắn. Trường hợp ấy, hắn cho thủ tiêu ngay.

Sự thật là hắn vẫn không thể nào quen được sự cô đơn tăm tối trong rừng. Đêm tối với hắn là thời khắc lo âu, sợ hãi. Hắn dựng nhà ở điểm cao nhất tựa vào ngọn núi bánh ngọt. Ở đó hắn thấy yên tâm hơn, vì tựa vào vách núi dựng đứng, ít nhất không sợ kẻ thù đột nhập từ sau lưng. Còn ở phía trước mặt, từ sáng sớm hắn đã nhìn thấy biển xanh cùng hòn đảo chết tiệt, nơi từ đó hắn đã bị Villegagnon xua đuổi.

Căn nhà do một số thợ mộc đi theo hắn và các nô lệ Anh diêng dựng nên, hao hao giống nhà ở của các lái buôn ở bên cạnh Honfleur nước Pháp. Hồi còn lang bạt ở đó, sau mỗi vụ đạo chích thành công, hắn từng mơ trở thành nhà trưởng giả giàu có, được nể vì. Hắn mơ thấy mình ở trong ngôi nhà gỗ âm cúng, mặc áo thêu kim tuyến ngồi tiếp toàn những khách sang trọng, nghe tiếng trẻ con chơi ríu rít trên gác, tiếng gia nhân kéo kệt mức

nước giếng ở sân sau. Giờ đây hắn đã giàu hơn người giàu nhất của cái xóm nghèo Honfleur hồi ấy. Dưới chân hắn là khu vịnh to rộng, nơi sản vật phong phú của cả lục địa đổ về. Hắn thừa tiền mua cả chục ngôi nhà như hắn từng mơ ước ở Honfleur. Song hắn đang ở châu Mỹ, cai quản toàn những kẻ bất tài và hoang rợ, nên dinh cơ chỉ là một căn lầu cổ bắt chước làm ra trường giả, trang trí bằng đủ thứ đồ quý cướp từ nơi này nơi khác, sắp đặt lộn xộn không hệ thống. Nói chung khi cần hội họp, hắn thường kéo tay chân ra ngồi ở khu rừng thưa gần bờ, như trước đây Quạ vẫn làm.

Hắn chỉ đưa khách vào nhà khi muốn khoe quyền lực. Ban đêm, hàng chục bó đuốc được thắp lên soi sáng, mỗi phòng bố trí ba nô lệ phục vụ, những nô lệ này vận đồng phục màu xanh do hắn sai may cắt đặc biệt. Do đó khu nhà đơn sơ trở nên khá ấn tượng. Martin chọn ba cô gái thổ dân đẹp nhất bắt phủ phục dưới chân mình, còn hắn thì ngự trên một chiếc ghế bành Tây Ban Nha có chân chạm khắc hình móng sư tử. Với đôi mắt quảng thâm, nắm tay xù xì và chiếc mũi tẹt, hắn hiện rõ như một tên bạo chúa dâm ác. Cảnh đó đặc biệt gây ấn tượng với người lạ từ xa đến. Vì vậy, sáng hôm đó, khi được tin có tay chân từ Salvador về và dẫn một phái viên mật người Bồ Đào Nha tới, hắn lập tức cho dàn cảnh để tiếp đón.

Đêm đã xuống được hai tiếng. Trời không sao, tối đen, có vẻ như mây đen kéo tới. Nhưng chưa đến mùa mưa, nên Martin hy vọng nó đến thật muộn; nếu mưa to, nhà sẽ dột tứ tung, mất đi vẻ lộng lẫy. May mắn thay, khí hậu hãy còn khô và nóng, mặc dù gió thổi mạnh, làm rung rinh đám cây muồng xoan.

Khách tới bằng cửa chính, do một thổ dân Anh điêng vận y phục người hầu đưa tới. Tên tay chân được cử đi đón khách về là một tên gốc Hylạp, từng là tử tù và được Villegagnon chuộc ra. Thừa lúc Quạ đem quân tấn công đảo, hắn đã bỏ trốn ngay đêm đó. Martin dùng hắn, giao cho hắn những nhiệm vụ quan trọng, cần đến vũ lực và sự khôn khéo. Nhưng hắn không mong chờ gì tên Hylạp sẽ trầm trồ khen ngợi cơ ngơi của mình: cái con vật dốt nát này có biết cái quái gì đâu. Nhưng bù lại, người khách kia lại làm hắn hết sức hài lòng.

Vị khách người Bồ Đào Nha thấp bé, trông nhếch nhác vì phải đi đường lâu ngày, song vẫn lộ ra đường nét khoan thai, nghiêm nghị của người có

dòng dõi cao quý. Về tuổi tác, có lẽ ông ta không hơn Martin bao nhiêu. Tuổi trẻ của ông ta được ẩn giấu sau chòm râu dày và mớ tóc ngắn nhưng khá xoăn. Mũi rất dài và nhỏ, gò má khá cao, ông ta có một vẻ mặt hiên ngang và dữ dội. Vốn là kẻ biết người biết của, Martin nhận ngay ra đây là một con người cao sang, khôn ngoan, đầy mưu lược. Khách nghiêng mình tự giới thiệu:

- Agostino Alvarez de Cunha

Khách xem ra có vẻ vị nể chủ nhà, lại mang dáng thoải mái như muốn nói: chúng ta cùng thuộc lớp người chuyên sai phái, ra lệnh. Martin rất hài lòng.

- Ngài Agostino, được biết ngài có ý muốn gặp tôi? – Martin vừa nói vừa thả tay xuống đặt lên đầu một nữ nô lệ ngồi sát ngài của hắn.

- Ông là người quyền lực nhất trên vạt bờ biển này, muốn làm việc gì ở đây mà không thỉnh ý kiến ông sao? – Agostino đáp bằng một giọng nịnh thần kèm một nụ cười duyên.

Ít khi Martin được nghe những lời hoa mỹ như vậy. Hắn khoái chí liếc nhìn bốn, năm tên tay chân đang ngồi như bụt mọc vây quanh, đáp bằng giọng cố làm ra lịch sự cho tương xứng với khách:

- Vậy thưa ngài, ngài có ý định rất hay gì ở đây ạ? – Martin hỏi tiếp, vẫn với cái giọng nhã nhặn mà hắn cố mãi vẫn không dạy nổi cho bọn tay chân.

- Kính bẩm ngài chí tôn, chỉ là những việc ngài vẫn làm mà thôi.

Kiểu thưa bẩm quá đáng ấy quả là lạ tai. Martin ngượng ngáp nhìn bọn đàn em. Chắc chắn đến buổi nhậu nhẹt sau, chúng sẽ lấy chuyện này ra để đùa bỡn, châm chọc chủ soái.

- Tên tôi là Martin – hắn nói lại cho rõ.

- Tôi biết, thưa ngài Martin chí tôn – Khách vẫn một giọng tăng bốc.

Bỏ qua câu chuyện xung hô, Martin đi vào vấn đề.

- Ngài nói “làm như chúng tôi vẫn làm” là nghĩa gì? Ngài muốn buôn bán, trao đổi gỗ quý và trái cây?

Hắn hỏi vậy thôi, để làm ra vẻ không vui của một thương nhân phải tiếp kẻ sắp cạnh tranh với mình. Chứ tên Hylap, khi thu xếp cuộc gặp này, đã cho biết vụ làm ăn này với Agostino sẽ mang lại nhiều lợi nhuận cho Martin và cả bọn.

- Không – Agostino đáp. Chúng tôi không muốn xen vào việc buôn bán của ông. Mục đích chúng tôi là thuần túy chính trị: chúng tôi muốn đánh chiếm đồn Coligny, hạ thủ Villegagnon.

Trong cái giới mà chuyện bạo lực đã thành thường nhật, lời đề nghị trên được đón nhận với sự cảm kích hiền hòa mà người ta thường thể hiện khi nhận được quà sinh nhật. Martin đứng ngay dậy, tiến mấy bước và cầm lấy tay Agostino:

- Tuyệt cú mèo! Thật là một ý tưởng hay.

Viên sứ giả nói tiếp:

Theo các giấy tờ đã có từ trước, mảnh đất này thuộc về nước Bồ Đào Nha. Ai muốn đến đây trồng trọt hoặc buôn bán đều được hoan nghênh.

Ông ta nghiêng đầu thân thiện về phía Martin, Martin cũng nghiêng đầu đáp lại.

- Nhưng kẻ nào mang súng đạn tới đây thách thức quốc vương chúng tôi, cướp phá tài nguyên, đã thế lại gieo rắc tà đạo làm suy bại thần dân, chúng tôi kiên quyết đánh đuổi.

Martin trở lại chỗ ngồi và sai đưa ghế ra mời Agostino và tên Hylap. Hắn gọi mang rượu và trái cây ra mời khách. Martin hân hoan thấy bao công lao của mình được người đời biết đến. Chỉ có trời mới hiểu, hắn đã vất vả biết bao nhiêu mới đưa được một tí chút quy củ vào tận rừng sâu này.

Thậm chí, có lần hắn còn phải tự tay bóp chết một tên Anh điêng ngu ngốc vì tật cứ quen tay thọc vào chỗ cần kín đáo nhất trong khi hầu rượu. Và nay, vị khách quý tộc này sẽ đánh giá được công cuộc cải tạo của hắn và như vậy thì hắn đã không uổng công vô ích. Sau khi đã vài lần nâng cốc chúc mừng, khách nói tiếp:

- Quốc vương chúng tôi đã cử tới Bahia một thống đốc mới, ngài Mem de Sà. Tôi có vinh dự được tháp tùng Ngài. Chúng tôi đã tới Salvador được ba tháng. Ngài thống đốc ủy cho tôi mang tới đây lời chào của Ngài, nhân danh vương quốc.

Martin nở mày nở mặt. Hắn đã vượt Đại Tây Dương trong cảnh chui rúc dưới hầm tàu, đã qua tam khoanh tứ đóm mới thoát chết, mất bao nhiêu máu và nước mắt để gây dựng giang sơn, đã từng ném thịt người cùng bọn Anh điêng, đã ngủ với hàng tá con gái thổ dân, vợ vét tiền bạc và giết bao mạng người không đếm xuể, vậy mà một quốc vương tận châu Âu phái người đến gửi lời chào...

- Xin ngài cho tôi cái hân hạnh được đáp lại lời chào tới quốc vương – Martin đem hết từ ngữ êm ái ra vận dụng. Và xin ngài thừa lại rằng, bất kỳ điều gì các ngài yêu cầu mà tôi có thể làm được, tôi xin thi hành ngay tức khắc.

- Hay quá.

Martin căng thẳng. Bắt đầu nói sang việc chính rồi.

- Ngài thống đốc là một tín đồ...

- Ngài thống đốc là một tín đồ sùng đạo. Ngài không làm như những người tiền nhiệm, chỉ lo bảo vệ những chủ trại và thương nhân. Chúng ta đến châu Mỹ không phải vì đường và bông, mà vì danh dự và đức tin. Ngài quyết định phái một đạo quân tới vịnh Rio de Janeiro tiêu diệt Villegagnon, lập một chính quyền trung thành với quốc vương, tiếp đó sẽ cử một đoàn giáo sĩ dòng Tên đến để truyền bá đức tin chân chính. Thừa ngài Martin, sự giúp đỡ của ngài là vào sự nghiệp này có tính chất quyết định.

Giờ không còn là lúc chào hỏi xã giao nữa. Martin đứng bật dậy để tiện đối phó nhanh và sắc bén hơn.

- Thì tôi đã sẵn lòng rồi. Song ngài cho biết, cụ thể chúng tôi phải làm gì?

- Lực lượng lấy từ các thuộc địa chúng tôi có giới hạn. Chúng tôi phải phòng hai nguy cơ. Thứ nhất là đạo quân phái đến không đủ mạnh, tên Pháp chó chết ấy có thể chống lại. Chúng tôi phải có cách đánh bại hắn, dù hắn có mạnh đến đâu chăng nữa. Nguy cơ thứ hai là đưa quá nhiều quân, thì địa bàn ở Salvador de Bahia, suốt trong thời gian chiến dịch này, sẽ bị sơ hở. Vì thế, chúng tôi cần biết rõ lực lượng quân địch có bao nhiêu.

- Có thể làm được – Martin nói. Có thể cử người quan sát dọc bờ biển, đếm các cổ đại bác, vẽ sơ đồ...

- Tốt lắm. Song như thế chưa đủ.

Agostino ghé vai tai Martin, nói nhỏ hơn:

- Chúng tôi muốn biết rõ lực lượng ở bên trong kia. Mà hơn thế, chắc ngài đã hiểu, muốn làm thế nào để kẻ địch không sử dụng được những lực lượng ấy...

- Hiểu rồi. Phải có nội phản.

Agostino gật đầu. Martin sầm mặt, suy nghĩ rồi nói:

- Khó đấy. Chúng canh gác rất ngặt, làm thế nào đưa được người vào. Chí ít phải mua chuộc được đứa nào thường sang bên này. Nhưng chúng luôn đi theo nhóm, canh chừng lẫn nhau.

- Ngài khỏi phải tìm – Agostino hãnh diện nói. Người bên trong đó, chúng tôi đã có.

Martin lộ vẻ ngạc nhiên.

- Đúng vậy. chúng tôi có một người tại chỗ. Chúng tôi chỉ yêu cầu các ông bắt mối với hắn, đặt yêu cầu và chuyển các tin tức về cho chúng tôi.

Thật lạ lùng, khó tin. Martin yêu cầu cho biết thêm chi tiết. Agostino liền phác họa chân dung Vittorio. “Hóa ra là cái thằng khôn kiếp ấy!” Martin nghĩ bụng, song tự kiềm chế, không nói ra. Agostino nói tiếp:

- Muốn hai bên hận nhau, thì mặt khẩu là “Ribère”.

- “Ribère!” Martin lặp lại và cười gằn, vì hắn vừa nghĩ đến Vittorio, khá khen cho tên điệp viên khéo giấu mặt bấy lâu nay.

- Để làm việc này, ngài đòi giá bao nhiêu? – Agostino hỏi.

Tên Hylạp đưa mắt hau háu nhìn Martin. Đã bảo mà, trong vụ này là có khối tiền. Một dịp kiếm bầm, chủ soái hắn chắc không bỏ qua. Nhưng Martin lại ra chiều suy nghĩ. Qua đề nghị của Agostino, hắn nhận ra lợi thế: không có hắn giúp, quân Bồ Đào Nha rất có thể đại bại nếu vấp phải tài cầm quân của Villegagnon. Tương lai của Rio di Janeiro nằm trong tay hắn. Vấn đề không phải là tiền bạc. Quyền lực ở một nơi khi ho cò gáy thì ích gì. Hắn đã đủ giàu, đủ quyền lực, chỉ thiếu danh mà thôi. Hắn suy nghĩ một lúc lâu rồi mới nói:

- Tôi đồng ý, nhưng với một điều kiện.

Agostino ngồi yên. Ông chờ Martin đòi một số tiền lớn, và nhằm tính cách mặc cả.

- Tôi muốn được nhà vua cấp giấy sở hữu cho mảnh đất này, tôi đã chinh phục nó bằng máu và công sức của mình, tôi xứng đáng được xác nhận chủ quyền. Và quốc vương của các ngài phải... phong tôi là công tước.

Trăng tròn đã lên cao, một làn gió hây hây thổi. Khí mát khiến Agostino thấy lạnh khắp tứ chi. Vừa say vì rượu vừa ngỡ ngàng trước điều kiện của Martin, ông vội xin được lui về nghỉ và suy nghĩ.

*

* *

Từ khi ra khỏi nơi ẩn dật, Villegagnon đứng ngồi không yên. Sự việc vừa qua với phái Tin lành coi như lời khai chiến. Ông đi khắp doanh trại để kiểm tra trước khi vào trận. Vắng chủ soái suốt mấy tuần, mọi việc đều trể nải, ảnh hưởng lớn đến kỷ luật, tác phong, sinh hoạt. Tới đâu Villegagnon cũng buông lời mắng nhiếc và ra lệnh trừng phạt không thương tiếc. Đi qua cái giá treo cổ ở đó xác Qua vẫn lủng lẳng và thối rữa, ông bỗng muốn móc lên đó một số nạn nhân nữa để làm gương. Một tên trong khi đi lấy nước bị bắt gặp đang giở trò bậy bạ với một nữ nô lệ Anh diêng, bị ông ra lệnh treo cổ tức thì. Đến phút cuối, mọi người đều không tin là thật, kể cả kẻ bị trừng phạt, hắn vừa cười cười vừa đi lên giá treo cổ, đỉnh ninh đô đốc chỉ giơ cao đánh khẽ để ra oai. Song chính Villegagnon đưa chân đạp đổ cái thùng tô nô dưới chân hắn và tên can phạm quần quai như vẫn chưa hiểu chuyện gì đã xảy ra.

Các nô lệ Anh diêng cũng làm mọi cho cơn hung hãn mới của Villegagnon. Một người bị phạt đòn roi, lý do công khai là vì ngủ gật trong khi lao động, song lý do sâu xa hơn có lẽ tại anh ta đã dám cười cợt khi cử hành lễ cưới. Người được giao thi hành hình phạt này có vẻ đánh chưa mạnh tay, đô đốc đến giật roi và tự tay quật cho đến khi nạn nhân chết ngất.

Tất cả các nội quy kỷ luật đều siết chặt. Buổi tối bất cứ ai vợ vẫn không lý do ngoài bãi, dù không có dấu hiệu bén mảng đến bến neo sà lúp, đều bị bắt bỏ. Mọi tiếp xúc với người của phe Tin lành đều bị coi là hành vi phản bội, và bị đưa đến cho đích thân Villegagnon trị tội. Nghe sắc lệnh này, mọi người đều hiểu, cái chết vẫn là một hình phạt rất nhẹ, và đô đốc sẽ dành cho mình quyền xét xử đáng sợ hơn nhiều. Cầu kinh buổi sớm và tối là sinh hoạt bắt buộc. Không có người cử lễ, đích thân Villegagnon đứng ra chủ trì. Ông vẽ mẫu một loạt lễ phục, bắt thợ may làm ngày làm đêm cho kịp. Ông cho tháo dỡ hết màn trướng trong dinh thống đốc, giao cho họ cắt thành áo choàng và khăn lễ. Riêng cho mình, ông sai may bằng vải Nam Kinh và tơ sống, bằng vải buồm, vải lanh và cả bằng da bọc ghế nữa. Và ông luôn xuất hiện trước đám đông trong những bộ lễ phục rườm rà đầy màu sắc, áo

choàng dài lê thê quét đất, mũi không vành khâu túm, mũi có vành rộng, mũi bonê cắm lông chim.

Một anh thợ biết chơi kèn được ông trưng dụng, đi theo ông từng bước để thổi một hồi kèn báo hiệu mỗi khi ông bước ra khai mạc buổi lễ. Một anh thợ vá giày, vì có mái tóc vàng và nét mặt hồn nhiên như trẻ con, được đánh giá là thích hợp cho vai trò thị đồng. Mỗi khi đô đốc làm lễ, anh ta lại phải đứng đằng sau, tay cầm bức tranh Đức Mẹ Đồng trinh của Titien áp vào bụng.

Just đã chứng kiến mọi thay đổi trong khu vực của phe Công giáo. Hai ngày sau vụ lộn xộn đáng tiếc, Villegagnon cho gọi Just đến dinh thống đốc, và tiếp chàng trong phòng họp lớn, chỉ có hai người đối diện. Just ngạc nhiên thấy đô đốc mặc áo sơ mi trần, bộ lễ phục mà ông chưng ra sáng hôm ấy được treo trên một người mẫu bằng gỗ.

Trước đó, đô đốc đã nói như ra lệnh:

- Cháu vào, và ngồi xuống đây.

Rồi yên lặng một lúc khá lâu, như đang suy tưởng tận đâu đâu. Cuối cùng nói đánh đập:

- Cháu đã lừa dối ta.

Just đã sẵn sàng chịu nhận một hình phạt nặng nề. Nếu nó đến thật, chàng không thể phản đối, Villegagnon vẫn tiếp tục giọng ấy:

- Như vậy chúng tỏ cháu không tốt hơn những kẻ khác.

Rồi ông ngồi xuống đối diện Just, đặt khuỷu tay lên bàn và hạ giọng nói một cách nhẹ nhàng hơn:

- Song cũng không xấu hơn.

Ông đưa tay che đôi mắt mệt mỏi:

- Dù sao, cháu thông minh và can đảm. Tất cả mọi con người đều phạm tội lỗi. Ta đã lầm khi tưởng cháu có thể là ngoại lệ.

Just không biết nên xử thế thế nào: tỏ ý vâng chịu hay ăn năn. Chàng đành cứ ngồi hai tay đặt trên đầu gối, mắt nhìn xuống. Villegagnon vội nói tiếp:

- Ta tha thứ cho cháu. Tha thứ và lại đặt niềm tin vào cháu. Nói đúng hơn, lần này là tạm tin, vì ta sẽ luôn canh chừng. Ta giao cho cháu chỉ huy một nửa quân đội.

Cái từ này nghe là lạ, Just ngược mắt ngạc nhiên:

- Chúng ta đang chiến tranh, cháu không biết sao?

Just lắc đầu.

- Bây giờ ở đây không còn phân biệt lính và dân, nô lệ hay thợ thuyền. Tất cả là một quân đội. Có hai phần: một bên là các hiệp sĩ và những kẻ vốn đã là lính. Phần kia là tất cả những người cháu đã chỉ huy ở công trường, nay cháu sẽ chỉ huy họ chiến đấu.

- Nhưng họ chỉ biết lao động, không biết đánh nhau – Just chống chế.

- Cháu sẽ rèn họ vào kỷ luật, dạy họ kỹ năng quân sự cơ bản. Cho họ tập bắn súng, múa chùy. Ta đã bảo lò rèn đánh cho mỗi đứa một dao găm.

Villegagnon còn tiếp tục nói chi tiết hơn về những gì ông mong đợi từ đạo quân mới này. Trời giữa trưa đang nóng, oi bức như sắp có dông. Lời nói của đô đốc dần dần bớt sôi nổi hơn so với lúc đầu. Đến một lúc, giọng ông chuyển sang mệt mỏi, uể oải, không ra chỉ thị nữa mà biến thành tâm sự:

- Ta đã dạy cháu rằng con người vốn tính thiện. Đó là sai lầm lớn của ta. Chính bọn Tin lành ấy đã mở mắt cho ta.

Ông ngược nhìn bức tranh Đức Mẹ treo trên tường mà anh thợ vá giày đã treo lệch. Trong ảnh, Đức Bà có vẻ hồng hào và sung sướng vì đạo này được ra ngoài trời đi dạo thường xuyên.

- Sự thật là con người đã mắc trọng tội ngay từ buổi đầu, nên luôn ít nhiều bị tội lỗi vấy bẩn. Một số còn có thể cải hóa được, song những kẻ khác thì không thể cứu vớt. Chúng là hiện thân của cái ác, thể thôi. Muốn nhân loại hoàn thiện, phải giáo hóa những người có thể giáo hóa... và tiêu diệt tất cả số còn lại.

Tiếng đô đốc càng nói càng nhỏ dần như người thiu thiu ngủ. Đột nhiên, ông bừng tỉnh, đứng phắt lên, gào to:

- Ta đã nhận ra sai lầm. Cháu hiểu không, lấy lý trí để chứng minh đức tin là vô ích. Đã tin là tin, có thể thôi! Con người không đi đến với Chúa, mà là họ nộp mình cho Chúa. Có nghĩa là đầu hàng trước Sức Mạnh Tối Cao.

Ông đi tới trước bộ lễ phục treo trên móc, màu sắc lòe loẹt như lông vẹt.

- Muốn phụng sự Chúa, phải dùng sức mạnh. Mọi thứ áo lễ, nhạc lễ, nghệ thuật cao siêu nhất – loại nghệ thuật đè nặng lên con người, cho họ thấy mình thật nhỏ bé và vô nghĩa – đấy, Thượng đế chiến thắng chính là nhờ những cái đó. Nếu không thì họ chỉ còn là những kẻ độc ác, ngu dốt, những kẻ bị nguyên rủa...

Nói rồi, ông hếch mũi về phía tường thành, mà xa xa bên kia là lãnh địa của Tin lành, hạm hực:

- Chừng nào lũ lợn đó chưa xéo khỏi đây, thì ta chưa yên.

Rồi quay sang nhìn Just, ông bình tĩnh hơn, trở lại với công việc:

- Cháu phải lo việc chuyển họ sang bờ bên kia trong mười ngày nữa. Không được trì hoãn một ngày nào; với chúng, ta không được ngây thơ mềm yếu: chúng rất nguy hiểm.

- Nhưng sang bên kia thì họ ở vào đâu? – Just đánh bạo hỏi.

Villegagnon cười khẩy:

- Ở đâu ư? Việc đó để cho cái Đức Chúa ngự tạo của chúng lo! Cho chúng ở hầm ở hốc, cho Chúa của chúng đẩy xuống địa ngục và thiếu sống! Hoặc nếu chúng muốn chui vào bụng bọn mọi ăn thịt người, cũng được!

Just già từ đô đốc, tai vẫn còn văng vẳng những lời nguyên rủa nặng căm thù như vậy.

Tiếp đó chàng đi tới bản doanh của các hiệp sĩ, thấy họ đang tấp nập chuẩn bị. Nỗi buồn mênh mang xâm chiếm lòng chàng. Đành rằng được Villegagnon tha thứ là tốt, song chàng không chia sẻ sự kích động căm thù của ông. Lúc bàn chuyện xây dựng nước Pháp Nam cực, nhiệt tình của đô đốc đã truyền sang chàng trai, và Just rất hăm hở muốn công hiến đời mình để bảo vệ một ý tưởng, đắp xây một sự nghiệp.

Những lời giảng giải đầy tính nhân văn của Villegagnon lúc đó gặp nhau như sự cộng hưởng của một tấm lòng khát khao lý tưởng. Còn hôm nay, toàn bộ con người chàng dấy lên sự bất bình trước cái triết lý đen tối mà đô đốc nói ra. Đối với việc được giao trách nhiệm to lớn của một trong những người chỉ huy đảo, chàng cảm thấy dửng dưng, và phần nào xấu hổ. Bỏ đi thì không được, nhưng ở lại thì không còn hăm hở với công việc. Cả việc nhớ Colombe, chàng cũng không dám nghĩ tới nữa, sẽ hổ thẹn biết bao nếu em gái nhìn thấy chàng lúc này.

CHƯƠNG 2

Từ nay Colombe sống hoàn toàn khóa thân. Nàng quyết định như vậy từ khi trở lại với Paylo. Lúc rời đảo nàng mới chỉ hậm hực tức tối, nay thì nàng căm hận sâu sắc tất cả những gì dính tới đảo. Nó đã không dung nàng, thì nàng không cần đến nó. Cái mưu đồ xâm chiếm đất đai của Villegagnon sao mà lộ bịch và tội lỗi! Dưới mắt nàng, ông ta là con quái vật say sưa quyền lực. Hắn hay thở ra những lời mạt sát phụ nữ, đó là vì hắn sợ hãi cuộc đời, thiên nhiên và tình yêu. Đáng lẽ gieo cấy những sự đẹp đẽ đó, hắn chỉ vun trồng chiến tranh, tàn phá, thù hận. Dần dà nàng cũng ghép luôn hình ảnh Just vào bức tranh đen tối mà nàng tự vẽ ra trong trí tưởng tượng về đảo và về những người sống ở đó. Một khi chàng đã dễ dàng chấp nhận quyền lực của đô đốc và còn là công cụ trong tay ông ta nữa, thì chắc tính cách của chàng phải hèn hạ và yếu đuối hơn nàng vẫn tưởng. Thà chon chặt kỷ niệm dưới bao tội vạ mà nàng gán cho đảo còn hơn tiếp tục đau khổ chờ đợi tin tức về anh mà nàng chẳng có hy vọng nhận được.

Số phận run rủi nàng bỏ cái đảo chết tiệt ấy, thế mà lại hay. Trong cái rủi có cái may, miễn là dám chấp nhận thử thách và định rõ con đường đi. Và nàng đã quyết định hai điều. Thứ nhất: không bao giờ trở lại thế giới châu Âu. Thứ hai: từ nay, nàng là người của rừng châu Mỹ, sống hòa vào sự giản dị, thanh bình của nó. Paylo chỉ là giai đoạn đầu. Rồi nàng sẽ nhập một bộ tộc và sống cùng thổ dân Anh điêng. Từ nay đến đó, phải gắng rũ bỏ tất cả những định kiến, những nhu cầu của thế giới cũ ngăn cách nàng với cuộc sống tự nhiên này. Trút bỏ hết quần áo là bước đi đầu tiên theo bước ấy.

Những bà vợ của Paylo có lúc ở trần, cũng có lúc khoác lên người các loại trang phục khác nhau. Trước quyết định của Colombe, họ hoan nghênh một cách tự nhiên, cắt tóc cho nàng theo kiểu Anh điêng, vẽ lên da nàng những hình xăm xanh đỏ. Lần đầu nhìn thấy nàng như vậy, Paylo không ngạc nhiên. Thay lời khen, ông chỉ bảo, như một lời khen âu yếm và kính nể, nếu ông không già và xấu xí thế này, ắt sẽ lấy nàng làm vợ. Ông đưa tặng nàng nhiều vòng tết bằng vỏ trai và ốc.

Chỉ riêng Quintin hơi ngượng ngịu trước cô gái da trắng hóa trang thành người da đỏ. Thế mà chính ông lại là người đầu tiên dạy nàng sống tự nhiên, coi thường những ràng buộc vô nghĩa của vật chất. Nay ông lại cuống lên khi thấy thân hình lỏa lồ của nàng, có lẽ do da nàng quá trắng. Thời kỳ này, ông già khôn khổ đang trải qua một cơn khủng hoảng niềm tin. Bị đột ngột xô đẩy vào một môi trường toàn đàn bà, đám vợ của Paylo, thế nhưng ông vẫn đem theo được cả tham vọng truyền đạo cháy bỏng, và thực tế, ông đã truyền được đức tin của tình yêu thương sang khoảng nửa tá đàn bà trong nhà. Ông vừa lần lượt giảng đạo cho từng người, vừa ôm hôn, vuốt ve. Nhưng rồi rất nhanh, ông nhận thấy, các bà ấy chỉ chịu nghe ông giảng như một trò tiêu khiển. Họ luôn sắp xếp cho một người đến cắt ngang giữa bài giảng, và kẻ được truyền bá đức tin liền bỏ chạy cùng bạn gái, cười rúc rích, để ông Quintin ngồi lại một mình, trong tâm trạng hết sức rối bời.

Rồi có một người tỏ ra nghiêm túc, khiến ông Quintin hơi bất ngờ. Người này cao lớn, mặt góc cạnh, hơi bẹt, ít linh hoạt cười đùa hơn đám đàn bà cùng nhà, tên là Ygat. Lần ấy, khi đang say sưa giảng Thánh Kinh, ông Quintin chợt nhận thấy bà ta thật sự hứng thú không phải cái hứng thú nhẹ dạ, lông bông như ở những người mà ông từng cố truyền đạo cho. Bà này không nghe một cách thụ động và không thắc mắc hỏi những câu vớ vẩn: bà chỉ đáp trả bằng những cử chỉ nghiêm trang, thấm đượm tình cảm. Thế là ngay ngày đầu tiên, ông đã đặt niềm tin vào bà ta, người duy nhất, ông sung sướng vì đã thành công thì ít mà vì nụ cười mãn nguyện, ngây ngất mà ông đã làm nở trên đôi môi dày của bà ta thì nhiều.

Chẳng có nhà truyền giáo thành tâm nào không muốn phát huy thắng lợi. Quintin bắt đầu dành nhiều sức lực và thời giờ để giáo huấn cho Ygat. Nghiêm trọng hơn, ông không còn thấy hứng thú truyền thụ giáo lý cho những người khác nữa. Tâm trạng ông rất phức tạp, và một lần, ông đã đánh bạo cởi mở lòng với Paylo.

Ông lão hỏi lại:

- Thế trong việc đó có điều gì làm ông khô tâm vậy?

- Ông không hiểu sao? Tôi đã cống hiến cả đời để truyền bá những giáo lý về tình thương yêu trong Kinh Phúc âm. Thế mà bây giờ, bỗng chốc tôi

lại thấy mình bất lực.

Paylo đưa bàn tay xương xẩu lên vuốt râu và thật thà hỏi:

- Ông có thể chia sẻ cho tôi một ít đức tin của ông không?

- Không bao giờ! – ông Quintin bất bình từ chối thẳng thừng – Tôi giảng đạo theo chí hướng riêng, tức là tự do tìm đối tượng cần giảng đạo. Mà đối tượng của tôi chỉ là đàn bà.

- Tôi không có ý như thế. Ông có thể giảng cho tôi hiểu, tình thương yêu mà ông chưa đựng trong thông điệp của Chúa thể hiện như thế nào không?

Ông Quintin nghiêm trang đáp:

- Đó là một thứ ngôn ngữ mà thể xác con người là chữ cái. Nó biến thành cử chỉ âu yếm và kết thúc trong sự nhất tâm, hé mở cho con người thấy cuộc sống vĩnh cửu.

Paylo suy nghĩ rất lung. Rồi, khi một chú sóc con lông nâu nhẩy nhót qua, ông chìa tay ra đón nó và nói:

- Tôi sẽ thách thức ông một chút, có được không? Theo tôi thì người Tin lành muốn cho ông lên giàn thiêu là có lý đấy.

Ông Quintin giật bắn người:

- Tại sao vậy?

- Tại vì họ bãi bỏ sự cứu rỗi linh hồn bằng cơn đức, còn ông thì lại thực hành việc đó.

- Tôi chẳng hiểu ông nói gì cả.

Chú sóc đã leo lên tay Paylo và ông nâng nó lên ngang mặt. Con mắt tròn xoe của con vật nghi ngại nhìn Quintin. Paylo thủng thẳng nói:

- Ông bạn ạ, ông quan trọng hóa cử chỉ quá. Để chứng minh tình yêu thương, mà tôi cũng thống nhất với ông là nó rất thiêng liêng, ông thấy chỉ thực hiện nghi lễ là đủ. Xin phép ông cho tôi được nói thẳng, ông chỉ làm về hình thức thôi.

Quintin cúi xuống đăm chiêu.

- Ông ban cho người ta những cái vuốt ve thì chẳng khác gì những kẻ đầu cơ thánh tích hay buôn bán lòng tốt để được lên thiên đàng.

Quintin cãi:

- Tôi có thể làm gì khác, nếu đó là mong muốn của người đời.

- Ô, tôi không dám dạy bảo gì ông đâu – Paylo bình tĩnh đáp – Tôi chỉ thấy là những việc xảy đến với ông có khi lại là một may mắn lớn thôi.

- May mắn ư! May mắn không thể gieo trồng được tình yêu thương nữa sao?

- Có lẽ thế...

Mỉm một nụ cười hiền hậu và vô tư không thể làm ai phật lòng được, Paylo nhìn ông Quintin và dịu dàng nói tiếp:

- Không gieo trồng được nữa nhưng hiểu rõ về tình yêu thương.

*

* *

Rồi một ngày đẹp trời nọ, Paraguacu tới. Bộ tộc của cô ở gần đó, và cô đến một mình để thăm bạn. Sáng hôm đó, Colombe đang tắm ngoài thác với các bạn gái khác. Paraguacu tới đó tìm, và cuộc tái ngộ diễn ra trong nước mắt và nước mát, trong tiếng nô đùa, cười vui nghịch ngợm.

- Chị Mất – Mặt Trời, chị thay đổi nhiều quá!

- Thay đổi về trang phục?

- Không, thay đổi về cả thân thể. Hồi trước trông chị còm nhom, nay lớn phổng, là đàn bà rồi. Đã ngủ với đàn ông chưa?

Colombe nhả mặt. Sự phóng khoáng của các cô gái Anh diêng về vấn đề này không làm nàng bối rối. Nàng cũng muốn như họ, thoải mái kể về ham muốn và những mối tình của mình. Song dù đã trút bỏ quần áo, nàng vẫn chưa gột hết thói e thẹn nặng nề mà người châu Âu dùng để chôn chặt những vết thương lòng.

- Chưa – nàng thú thật.

Paraguacu cười, và Colombe cười theo.

- Thế... ông anh trai chị? – Cô gái Anh diêng nhớ lại lời tâm sự trước đây của Colombe, hỏi.

- Chết rồi – Colombe nhanh nhẩu đáp.

Nàng đỏ mặt, rồi khi thấy Paraguacu có vẻ tin thật, nói tiếp:

- Anh ấy đã chết trong lòng chị.

Nàng tự ngạc nhiên với mình về lời thú nhận ấy, và không có lòng dạ nào để tiếp tục câu chuyện, nên chuyển hướng ngay, hỏi Paraguacu đã làm những gì suốt thời gian qua. Cô gái Anh diêng buồn bã nói:

- Gia đình em đã bị các thần linh trừng phạt, giết chết chú em, cha em, mẹ em và tất cả em họ em. Chúng em không có cách nào khác là phải bỏ trốn. Nhưng dù đã cúng lễ, thần linh vẫn không để yên. Nay chúng em chỉ còn sáu người.

Colombe nghĩ đến những xác chết đã gặp trong rừng và trong ngôi làng hoang vắng. Nàng ôm Paraguacu vào trong vòng tay, mặc cho cô thút thít

khóc một lúc.

Nàng không dám hỏi tin tức về Karaya, chàng tù binh mà Paraguacu thường ân ái hồi trước, sợ lại được nghe rằng anh ta cũng đã chết, hoặc do bệnh tật, hoặc bị giết.

Hai người không dǎ động chuyện ấy nữa, chỉ tận hưởng hạnh phúc được ở bên nhau. Nhờ Paraguacu, Colombe có thể nuôi hy vọng sẽ hoàn toàn hòa nhập vào thế giới của người Anh diêng. Nàng mong muốn như vậy, và đã sẵn sàng. Khi Paraguacu trở về bộ tộc của cô, nàng sẽ đề nghị được theo về.

Buổi tối, Paylo tổ chức tiệc lớn mừng Paraguacu. Hôm ấy trời đẹp, tuy vẫn nóng bức và mây càng lúc càng dày đặc, báo hiệu thời tiết sắp thay đổi. Bữa tiệc được dọn ngay trên bãi đất trống sáng trưng đèn nến. Món thịt thú rừng có ướp nhiều gia vị thơm phức, ăn kèm với sắn, được bung từ nhà bếp lên. Thức ăn toàn được nấu bằng nồi đất, đun trên bếp lửa củi gỗ hồng sắc Brésil, lại được bày trong các đĩa bạc có huy hiệu của Hoàng gia Anh quốc lấy được từ xác một chiếc tàu đắm, ai nấy dùng tay bốc ăn ngon lành.

Trong đồng hòm xiềng chắt đầy nhà, Colombe tìm thấy một cây sáo rất đẹp, nhãn hiệu ghi làm tại Áo, còn nguyên hộp, gỗ cẩm lai lót lụa trơn. Sau bữa ăn, nàng đem ra thổi vài bài. Paylo lim dim đôi mắt như chìm vào trong mơ mộng. Thổ dân Anh diêng ngồi im phăng phắc, thưởng thức nhịp điệu hơn là giai điệu, nét mặt chuyển biến theo những khoảng âm của sáo. Lúc thì họ ngây ngất với những đoạn láy rền êm dịu, lúc thì họ vênh tai nghe ngóng một cách lo âu bởi những hợp âm rải trầm trầm và hồi hộp. Colombe chuyển cho họ cây sáo, họ chuyển tay nhau xoay ngang xoay dọc, mãi mới tin rằng nó chỉ là một cái ống bằng kim khí. Họ nhìn Mắt – Mặt Trời bằng con mắt ngưỡng mộ gấp bội, vì cho rằng một con chim thần đã nhập vào nàng, điều này hiển hiện trên nét mặt nàng, vì thế họ càng tin chắc linh hồn thiêng liêng của những người đã chết ẩn nấp trong nàng. Họ cứ đinh ninh là mình vừa được nghe tiếng hót riu rít của nó từ người nàng phát ra.

Colombe tấu nhạc xong, ai nấy đều ngà ngà. Paylo có nhiều thùng rượu Madère mới lấy được từ tàu đắm, nên đã đưa ra dùng trong bữa tiệc. Khác với rượu cahouin có tính kích thích, vang Madère êm dịu đưa mọi người vào trạng thái lâng lâng. Từ khu rừng bao quanh vọng tới tiếng động của

muôn loài xào xạc kiếm ăn hoặc đấu tranh vì sự sống còn. Nhưng cũng phân biệt được ngày càng rõ tiếng người ồn ào cười nói xen lẫn tiếng trống thùm thùm như ở một lễ hội.

Colombe hỏi đó là tiếng gì, Paylo thản nhiên đáp:

- À, từ sau dịch bệnh, thổ dân đã dần tập hợp lại. Họ gấp rút tổ chức lễ hiến sinh trước mùa đông bão.

- Hiến sinh...?

- Phải, hiến mạng người tế thần.

Colombe giật mình kinh hoàng. Kỳ lạ thế đấy, nàng chấp nhận sống với thổ dân chỉ là sự trở về với thiên nhiên phóng khoáng. Nghe gọi thổ dân là “mọi ăn thịt người”, nàng coi đó chỉ là cách nói của Villegagnon vốn đầy khinh miệt và hận thù. Nàng thực thà cho rằng không có chuyện ấy.

Paylo bình thản, lặng lẽ hút thuốc. Nàng nhìn ông, ngờ vực:

- Vậy là ông cũng tin?

- Tin gì?

- Họ ăn thịt người.

Ông chậm chạp nhấp nháy mắt mấy lần, có lẽ để xua bớt khói thuốc dày đặt xung quanh.

- Vấn đề không phải là tin hay không. Đó là thực tế.

- Họ ăn thịt đồng loại?

- Phải.

- Ông đã nhìn thấy?

- Tất nhiên.

Paraguacu ngồi bên Colombe, lững lờ nhìn những con sâu bướm bay vo ve quanh ngọn đèn. Cô không hiểu tiếng Pháp, nhưng thích được nghe những âm điệu du dương của thứ ngôn ngữ lạ.

- Tại sao họ làm vậy? – Colombe rung mình và hỏi, bỗng thấy thân thể lỏng lẻo của mình thật chóng chênh, trơ trụi.

- Tại sao? – Paylo mơ màng lặp lại. Nào ai biết chính xác? Song chắc chắn không phải vì đói ăn, như người ngoài đảo nghĩ...

Ông nở một nụ cười buồn, rồi thấy bề mặt bàng hoàng của cô, ông trở lại nghiêm trang và giọng ông cũng chuyển sang ngữ điệu âu yếm. Ông nhẹ nhàng giải thích:

- Người Anh điêng sống trong rừng, nơi vạn vật chết đi rồi lại sinh sôi, nơi mọi sinh lực thường xuyên giao lưu giữa lúc hấp hối với khi sinh thành. Họ ăn thịt kẻ thù – vì họ chỉ ăn thịt kẻ thù mà thôi – là để tự đồng hóa vào sức mạnh của kẻ thù. Và lại gần đây họ đã bắt đầu để cho tù binh cùng sống với họ một thời gian dài hơn.

- Thế sao những người bị bắt không tìm cách chạy trốn?

- Vì họ cũng có chung niềm tin như thế. Nếu trốn được mà trở về với đồng tộc, họ sẽ bị coi là hèn nhát và bị khép tội chết.

Colombe nhìn Paraguacu thiu thiu ngủ và lại nghĩ tới Karaya, bạn trai cô ta. Cô cảm thấy mình sẽ không bao giờ dám hỏi thăm về anh ta nữa, sợ lại phải nghe cô bạn Anh điêng kể chuyện dũ.

Nàng cố làm ra vẻ tự nhiên, nói:

- Vậy, họ cứ để mình bị ... hạ sát như những con vật?

- Không – Paylo đáp sau một phút suy nghĩ – ta không cho là như thế. Họ cam chịu số phận, nhưng tỏ ra rất can đảm. Khi sắp phải hy sinh, họ bị

trói vào một thân cây từ tám đến mười ngày, nhưng chỉ ngang thân bị trói còn hai tay được tự do, nên có thể vớ được bất cứ thứ gì ném vào những người sắp ăn thịt mình. Họ chửi rủa, kẻ ra tay hạ sát họ cho đến hơi thở cuối cùng và thề rằng gia đình họ sẽ trả thù, điều này thường là đúng.

Colombe không biết sợ gì nữa. Nàng đã đến giai đoạn bị mê hoặc và khát khao muốn biết tường tận mọi chi tiết.

- Thế họ bị giết như thế nào?

- Thế nào ư? Các thầy phù thủy tổ chức buổi lễ với đủ các nghi thức nhảy múa, đọc thần chú. Rồi đao phủ tiến lên, tay cầm một cái chùy có vẽ một ô vuông đỏ, và vung lên đập làm sao cho ô vuông đó trúng trán...

Colombe cắn môi, mặt nhợt nhạt, nhưng vẫn hỏi đến cùng:

- Và rồi họ... ăn hết?

- Ăn hết. Mỗi miếng thịt đưa chia cho từng nhóm. Nghe những lời chắc nịch và giọng nói rất tự nhiên của ông già, Colombe bỗng ngỡ ngơ:

- Ông nói chuyện này cứ như không. Hay là, ông...

- Có tham gia chứ gì? Ta ở đây đã nhiều năm, đã tham gia các buổi lễ như thế. Nhưng ăn thịt người thì chưa.

Ông lặp lại lời khẳng định:

- Chưa bao giờ.

Giả thử ông nói có ăn thì Colombe vẫn quý ông, song lời đáp đó khiến nàng nhẹ mình.

- Ta cực lực phản đối giết người. Thô dân Anh điêng biết rõ, vì thế những người sống ở đây với ta đã chấp nhận thôi những trò đó.

Colombe vặn:

- Họ đã vậy, nhưng còn những người khác, những người đang hò reo ngoài kia?

Tiếng ồn rất gần, đôi lúc gió hồi tới mùi mỡ khét lẹt và tiếng thần chú nghe như đã tới sát cạnh Colombe không dừng được nữa:

- Nhưng nếu ta ra gặp họ, can ngăn họ?

Nàng gần như đã sắp vùng dậy khiến Paraguacu đang ngái ngủ cũng phải nghehnh cồ lên xem chuyện gì xảy ra.

- Thế thì họ sẽ nhìn cháu như một kẻ quấy rối, muốn làm hại cuộc sống của họ. Họ muốn nhập sức mạnh của người chết vào mình để tăng thêm sinh lực. Và chính cháu sẽ là người phải chết.

- Cháu nghĩ trường hợp này thì phải lấy vũ lực...

Paylo cười khục khục theo kiểu Colombe không ưa chút nào:

- Cháu có vẻ đang muốn theo gương các vị tu hành dòng Tên ở Sao Vicente. Họ đốt các làng của người Anh điêng có tục ăn thịt người, với phương châm là: phải giết họ để họ khỏi giết người khác!

Colombe im lặng, nhưng nàng tức run bần bật. Nàng bỗng muốn chạy trốn ngay khỏi đây. Song biết đi đâu khi đã bị thế giới cũ xua đuổi, và thân hình lại trần trụi thế này?

Paylo nhẹ nhàng an ủi:

- Ta hiểu sự bất bình của cháu, hãy giữ nó cho nguyên vẹn. Cháu cũng cần biết ta bất bình không kém, và từ bao lâu nay rồi. Tuy nhiên, ta thành thực tin là nếu muốn làm người Anh điêng thay đổi, trước hết ta buộc phải công nhận là họ... có lý.

Ông có vẻ cân nhắc kỹ trước khi bật ra mấy tiếng cuối.

- Cháu thấy không, cả ta và cháu đều sinh ra trong một thế giới ở đó tiêu diệt kẻ thù là chuyện bình thường. Thì người Anh điêng lại nhập kẻ thù vào mình. Họ có đức tính tuyệt vời là lấy cái đối lập với mình để nuôi mình. Họ học điều đó từ cuộc sống rừng xanh, nơi muôn vật thâm nhập lẫn nhau và sinh sôi, cái gì không bị ngốn thì ngốn cái khác. Cái tư tưởng nhà nông chúng ta tiêu diệt tất cả các loài, chỉ giữ một loài duy nhất mang lợi cho mình, rất xa lạ với họ. Và cái điều họ không làm với cây cỏ, họ cũng không làm với con người.

Paylo đưa tay vuốt trán Colombe. Mặc dù bàn tay ông lạnh ngắt và xương xẩu, nhưng lớp da thịt áp vào da thịt nàng làm nàng dịu lại.

Paraguacu với tay lấy một nhúm bột sắn và vo viên lại.

Paylo nói tiếp:

- Phải chấp nhận để họ thay đổi chúng ta, nếu ta muốn làm họ thay đổi.

Trời đã khuya, ông nặng nề đứng lên. Một bà vợ dìu ông đi vào trong bóng tối.

Hình như lễ hiến sinh ngoài kia đã xong, khu rừng trở lại yên tĩnh. Colombe ngồi lại hồi lâu suy nghĩ.

CHƯƠNG 3

Với bọn tội phạm, các cuộc chiến tranh tôn giáo bao giờ cũng là cơ hội trời cho. Bạo lực bỗng trở thành điều thiêng liêng, được phép. Chỉ cần làm bộ sùng đạo, ít nhất ở cái lỗ mũi, là Chúa sẽ cho người quyền làm đủ mọi điều bỉ ổi mà người hằng mơ tưởng. Trong lúc hai phe kinh địch nhau trên đảo, Vittorio đã không bỏ lỡ thời cơ. Trong thời gian dài Villegagnon rút vào ở ẩn, và Gonzagues đứng ra cầm đầu phái công giáo, Vittorio đã quỳ sụp xuống chân ông ta, thề sống thề chết xin được xích chặt vào sự nghiệp phụng thờ Đức Mẹ, miễn là được tháo cái xích bằng sắt mà đô đốc đã cho cùm vào chân hắn sau vụ mưu phản của tên Quạ. Gonzagues đã bùi tai nhận lời tha cho hắn, và từ đó hắn tỏ ra cúc cung tận tụy.

Tặng người gầy yếu, kinh nghiệm grom giáo lại cao siêu đến mức chỉ đối phó được với những kẻ không một tác sát trên tay, vì vậy đưa hắn vào đội hình chiến đấu là không phù hợp. Nhưng sử dụng làm mật thám, gián điệp, thì hắn rất tài. Hắn là một trong số người ít ỏi có thể tha thẩn khắp nơi, kể cả sang bên Tin lành, vì hắn giả bộ rất hận Villegagnon do ông này đã đối xử tàn nhẫn với hắn. Tất cả những gì nghe ngóng được, hắn mang về tâu với Gonzagues, giúp ông nắm được các kế hoạch của kẻ thù.

Do sự tan vỡ sau cuộc lễ kết hôn, Vittorio tạm thời thất nghiệp vì phe Tin lành cấm tiệt không cho người lạ bén mảng đến khu vực mình. Đô đốc tỏ ra biết người biết cửa, liền giao hắn một nhiệm vụ khác, nguy hiểm hơn nhưng quan trọng hơn.

Villegagnon rất khôn ngoan. Ông đuổi bọn Tin lành đi khỏi đảo, sang tới bên ấy ắt chúng sẽ liên kết với bọn lâu la của Martin ven bờ, tạo ra mối nguy cơ mới. Dù căm ghét Martin đến cực độ, ông buộc phải chấp nhận sự hòa hoãn với hắn. Vì thế, trong cơn thịnh nộ lúc cuối lễ cưới, ông vẫn đủ sáng suốt để gia hạn cho phe Tin lành nửa tháng sau mới phải cuốn gói. Đó cũng là thời gian để ông thu xếp mọi việc.

Trong khi chờ đợi, ông phải nhanh chóng gửi một phái viên mật đến gặp tên Martin mà nghe đâu, đang cầm đầu một toán toàn bọn đầu trộm đuôi

cướp ở đất liền. Nhờ Gonzagues giới thiệu, ông quyết định dùng Vittorio làm môi giới với Martin. Đây là việc mạo hiểm, vì nhân dịp này hắn có thể chuồn thẳng. Để giảm nguy cơ ấy, ông hứa với hắn sẽ thưởng lớn nếu làm tròn nhiệm vụ.

Và thế là một hôm, Vittorio được cài vào một nhóm xuống sà lúp sang bờ bên kia lấy nước. Hắn cố tình đi sâu vào phía trong, mọi người tưởng hắn bị lạc. Lúc về nghe báo cáo hắn mất tích, Villegagnon làm bộ không bằng lòng.

Vittorio đi đi lại lại khá lâu trên bãi cát trống trải dưới bóng lá dừa thưa thớt, chờ một tín hiệu chứng tỏ hắn đã bị người phái bên kia nhận ra. Những ai bỏ trốn khỏi đảo thường làm như thế. Thấy người lạ, thổ dân Anh diêng ven bờ được lệnh bắt ngay và điệu đến trình Martin để tùy hắn định liệu, nếu nhận ra người cùng một giuộc thì hắn sẽ thu nạp.

Vậy là sáng sớm hôm ấy, Vittorio đang thản nhiên gồi đầu lên một đụn cát đánh giấc ngủ, thì bị một nhóm thổ dân bao vây. Không nói một tiếng, hắn ngoan ngoãn để đám mọi nguyên thủy môi xuyên thủng dẫn qua những đường mòn ngoắt ngoéo tới căn lều nơi Martin đang đợi.

- Ô, thì ra là mày! – tên chúa lục lâm kêu lên.

- Ôi, Martin! Vittorio cũng nắc lên như người vừa từ địa ngục được trở về với đồng loại. –Thật là một bất ngờ thú vị!

Theo thói quen mà hắn đã học được ở ngài Gonzagues, thói quen nhắc hắn nhớ đến quê hương. Vittorio khuyu đầu gồi xuống tạ ơn Đức Mẹ. Nhưng tên Martin không để ý gì đến thái độ mừng rỡ của hắn. Tên cự hành khát tân tướng cướp này còn đang ngáy người nhìn Vittorio, vẻ mặt sừng sờ pha lẫn thù địch.

Thấy Martin nhìn mình với vẻ nghi ngờ, hắn nói luôn:

- Ông tưởng tôi cũng bị treo cổ cùng thằng Quạ phải không?

- Không, tao không nghĩ thế. – Martin dần từng tiếng, mắt vẫn hằn học chĩa vào người mới đến.

Martin ra hiệu cho mấy tên còn lảng vảng gần đấy đi ra, nói:

- Ta có việc cần nói chuyện riêng.

Lần đầu tiên kể từ khi rời đảo, Vittorio bỗng phát phòng lo sợ. Khi chỉ còn hai người, Martin xích, đến ngồi đối diện hắn, hỏi:

- Sao mày biết là chúng tao tìm mày?

- Ông tìm tôi? –Vittorio ngạc nhiên. Tôi không biết.

Martin chăm chăm nhìn vào mắt kẻ mới đến, song chỉ độc thấy trên bộ mặt lì lợm ấy một sự nhón nhác có vẻ thành thật. Song Vittorio đáng lo cuống cuống trong bụng. Kế hoạch đồ đốc đặt ra là hắn phải chiếm được lòng tin của Martin đến mức tên này cho phép hắn trở lại đảo. Mà hắn đang bị tên lục lâm nghi ngờ thế này thì khó đạt kết quả.

Martin nói:

- Đã tám ngày nay, tao moi óc để nghĩ cách nào bắt liên lạc với mày.

- Với tôi? –Vittorio càng lo, kinh nghiệm cho thấy nếu bị ai lòng tìm thì chỉ vì mục đích xấu.

- Phải, với mày.

Martin nheo mắt, hất hàm:

- Mày có biết để làm gì không?

Vittorio cố tìm trong trí nhớ xem mình đã làm gì hại đến phe cánh của Martin. Hắn nghĩ mãi mà không ra. Còn về những việc làm có lợi cho Martin thì hắn mất ít thời gian kiểm điểm hơn nhiều. Thì đúng lúc ấy, giữa khu rừng hầy còn ẩm ướt nước mưa đầu mùa, chỉ có cây cỏ hoa lá, vang

bên tai tên gián điệp một từ làm hiện lên hình ảnh của một ngôi nhà mà mặt tiền sáng choang ở cảng Havre, hình ảnh tàu thuyền san sát rực rỡ ánh đèn, và giọng nói nhỏ nhẹ của Cadorim. Đó là “Ribère” mà Martin vừa thoát ra.

- Ông nói gì ạ? Vittorio như người trong mơ, hỏi lại.

- Ribère –Martin vừa nhắc lại vừa nhìn chăm chăm vào hắn.

Hai giọt nước mắt bỗng ứa ra và lăn xuống gò má lõm chồm râu ria của tên người Venise.

- Ôi, lạy Chúa!

Martin ngạc nhiên nhìn hắn, không giấu chút ngỡ ngàng. Vậy ra cái tên đạo chích mặt hạng mà y vẫn coi khinh, mặt mũi chẳng ra gì này lại là người mà một trong những cường quốc mạnh nhất châu Âu giao phó nhiệm vụ chính trị nặng nề. Hắn là tay chân của những người quyền quý, toàn những hoàng thân quốc thích, giám mục và cả chính thống đốc nữa, thế mà lại ản mình rất tài. Không còn nghi ngờ gì nữa, bề ngoài thì tầm tối nhưng bên trong lại ản giữ những trọng trách bí mật. Hắn đến được đây là do ý trời, chứng tỏ có một thế lực lớn sắp đặt mọi việc và điều khiển mọi hành động của hắn, mặc dù hắn vẫn chối, không hiểu do khiếm tốn hay thận trọng.

Trở về với thực tại, Vittorio hỏi ngay:

- Họ tới đâu rồi?

- Ai kia?

- Quân Bô Đào Nha.

- Chẳng bao lâu nữa, họ sẽ tới. – Martin đáp, đôi mắt long lanh cùng chung một hy vọng như “Ribère”, vì đó là cơ hội để chúng hưởng vinh quang và giàu có.

Martin trở lại giọng ra lệnh:

- Mày phải trở lại đảo.

Vittorio hơi ngạc nhiên về quyết định như ra lệnh của Martin. Hắn vẫn tưởng, ngày mà hắn nghe được câu thành chú “Ribère” ấy thì tự do sẽ đến, hắn sẽ được đưa lên chín tầng mây. Vì nhiệm vụ mới mà người ta giao cho hắn lại trùng khớp với mệnh lệnh của Villegagnon, nhưng mục đích khác hắn, hắn bèn gật đầu chấp nhận.

- Mày phải kiếm cách để lão Villegagnon cử mày sang bên này luôn.

- Việc đó dễ ợt, vì lão cũng trao nhiệm vụ cho tôi sang gặp ông.

Hắn kể tóm tắt vụ xung đột với phái Tin lành, và phái này sắp bị tổng sang đất liền. Martin hứa sẽ không hỗ trợ, liên kết gì với chúng, điều đó thực ra không gây thiệt hại gì cho y, mà lại giữ kín được cuộc tiến công sắp tới của quan Bồ Đào Nha.

- Về nói với lão là ta hứa. – Y đồng dạc tuyên bố, cứ như đã là ngài công tước thực thụ.

- Vâng, tôi sẽ báo cáo, nhưng...

- Còn gì nữa? Thế chưa đủ sao?

- Đủ. – Vittorio xun xoe. Nhưng phải có bằng chứng là tôi đã được ông tin cậy.

Martin rút trong túi ra một vật nhỏ:

– Thì đây, mang cái này về đưa Villegagnon.

Đó là một huy hiệu tròn, in hình chân dung phụ nữ.

- Tối hôm tấn công bất thành, tao đã lấy cái này trên bàn của lão. Bùa hộ mệnh đấy. Lần nào không xong việc là tao tranh thủ vợ một thứ gì đó cho bổ công.

- Tôi thì lại khác. Tôi chỉ thó đồ lần nào mọi sự như ý.

Martin nói tiếp:

- Từ nay, mày sẽ là liên lạc giữa hai bên. Cứ để lão tưởng thế, không ngờ là gây ông đập lưng ông. Người Bò Đào Nha cần biết tin tức thật nhiều về bộ máy phòng thủ trên đảo.

Y nói rõ những thông tin trước mắt cần thu thập. Vittorio giao hẹn:

- Trước khi tấn công, ông nhớ báo tôi biết, để tôi sang ản bên này ngay, kéo...

- Được rồi. Nhưng mày phải ở đó đến phút cuối. Nếu mày làm tốt, có khi chẳng cần phải tấn công.

Vittorio bữu môi. Hắn tán thành toàn bộ kế hoạch, chỉ trừ mỗi phần cuối. Nhưng hắn tự nhủ, đến lúc đó nói ra cũng chưa muộn. Hai đứa tiếp tục bàn bạc. Để làm quà, Vittorio báo cáo ngay những gì hắn đã biết. Tối hẳn, Martin dẫn hắn lên nhà tận trên cao để khoe khoang uy thế. Y dặn hắn khi về hãy tả cho Villegagnon thấy cái uy nghi của dinh cơ của y, tất nhiên không nói rõ vị trí chính xác.

Giữa trưa hôm sau, bọn canh gác do Martin bố trí trên bờ báo tin có một sà lúp chở lương thực đang về đảo. Vittorio ra tận mép nước vẫy tay gọi. Sà lúc lại gần, thủy thủ nhận ra hắn và cho hắn lên. Martin nấp sau một bụi cây, nhìn theo bóng người đen trũi lội bì bõm trong làn nước trong veo và khó nhọc bám vào cọc chèo leo lên thuyền. Thật xót xa khi biết rằng số mệnh của nhiều quốc gia, ít nhất là trong thời khắc này của lịch sử, lại nằm trong tay một kẻ vô danh tiểu tốt dường ấy.

Đêm trước ngày đến hạn những người Tin lành phải rời đảo, mưa dông đầu mùa đổ xuống như trút suốt đêm, và đến sáng trời vẫn u ám những đám mây nặng trĩu. Mặt đất lồm bồm thành vũng, nước chảy long tong từ các mái nhà tranh. Just hi vọng Villegagnon sẽ cho hoãn lệnh trực xuất. Nhưng

không, đô đốc không thay đổi quyết định, và tin tức tốt lành do Vittorio mang về càng ông thêm kiên quyết.

Ngay từ sáng, Thoret đã cho bố trí khắp từ đồn xuống bãi một hàng lính vũ trang đến tận răng. Suốt dọc đường từ lán trại Tin lành xuống nơi thuyền đậu, một loạt súng hỏa mai gác sẵn nòng, chỉ chờ nhả đạn.

Just được trao nhiệm vụ nhắc lại lệnh trực xuất tới DuPont và cùng phe Tin lành tổ chức việc lên đường trật tự. Tể nhị nhất là phải tiến hành lục soát: đô đốc đã ra nghiêm lệnh không ai được mang vũ khí ra khỏi đảo. Từng người một phải được khám xét kỹ càng trước khi lên thuyền.

DuPont cực lực phản đối, đòi xem xét lại, cùng lắm thì chỉ khám lính trơn, người chỉ huy được miễn. Just phải chạy đi chạy lại mấy lần về thỉnh thị đô đốc, song Villegagnon không lay chuyển. Phái Tin lành xin một thời gian để bàn bạc nội bộ. Một giờ sau, Just trở lại thì thấy mọi khúc mắc đã được giải quyết một cách lạ kỳ. Richer tuyên bố:

- Đồng ý. Chúng tôi chấp hành.

Just thờ phào.

- Nhưng với một điều kiện, người đứng ra khám phải là ông, chứ không phải ai khác. – Viên mục sư nói tiếp.

Chấp nhận điều này không khó, song Just bỗng nghĩ đến đám đàn bà con gái. Chẳng lẽ chàng phải muối mặt để làm việc đó với họ? Chàng nêu vấn đề ấy với DuPont. Ông ta khinh khỉnh:

- Tùy ông xem có miễn cho họ được hay không.

Tuy nhiên, mệnh lệnh của Villegagnon là rất rõ: tất cả, bất kể nam hay nữ, đều phải lục soát. Just phân vân. Cuối cùng chàng lại nghĩ: nếu phải làm, thì chính tay chàng làm hơn là người khác: chàng sẽ cố gắng tỏ ra lịch sự, và biết đâu đến phút cuối cùng lại tránh được, khỏi phải làm.

Sấm ầm ầm vang động núi rừng, trời lại mưa. Dân Tin lành túm tụm trước cửa lán, đồ lễ nghèo nàn dấp dưới chân. Các túi và tay nải ướt sũng, trong nhếch nhác. Just bắt đầu khám xét từng tên lính một. Sau đó, họ lồm bồm lội bùn lần lượt đi ra bên. DuPont quyết định đi đầu, để sang trước bên kia lo chỗ hạ trại cho người đến sau.

Trời vẫn chưa tạnh, nước mưa đổ xuống ào ào, khiến không khí im lặng nặng nề trong đám bị trục xuất ra khỏi đảo bốt dè nén. Just cảm thấy mọi người nhìn mình một cách căm thù, song trong thâm tâm chàng không trách họ. Bản thân chàng cũng tự khinh mình khi phải làm cái việc nhơ nhớp này.

May sao, chuyến thứ nhất đã sẵn sàng rời bến và một tín hiệu từ phía phe Công giáo phát ra, hạ lệnh cho Just tiếp tục cái công việc khổ tâm ấy. Đầu óc mãi lo hoàn thành nhiệm vụ, chàng không có thời giờ nghĩ ngợi lan man và tạm quên được nỗi nhục nhã và phân vân của mình. Hết toán thứ nhất, đến toán thứ hai tiến lại gần, hai tay giơ lên trời cho chàng sờ nắn từ trên xuống dưới. Việc khám xét không khó, vì nước mưa dán chặt quần áo họ vào da thịt, không dễ giấu cái gì bên trong.

Sự hồi hộp làm chàng thấy cổ khô rát. Chàng cười thầm về một ý nghĩ cay đắng mới nảy sinh: mình đang chết khát giữa bốn bề mênh mang những nước là nước. Cuối cùng còn lại Richer và số đàn bà con gái.

Viên mục sư nại lý đặc điểm của nữ giới không cho phép được khám xét ở nơi trống trải ngoài trời. Và lại tất cả bọn họ vẫn đang trốn biệt trong các lều lán. Vậy là Just đi tới gian nhà đầu tiên. Lúc bước vào, chàng thấy một trong số những cô dâu mới cưới đang nép mình bên chồng, cả hai đều hoảng sợ ra mặt. Chàng không sờ người họ, chỉ ước nhìn để thấy là họ không mang vũ khí. Rồi im lặng đứng chờ một lát, đủ để người bên ngoài nghĩ là chàng đã khám kỹ. Chuyển sang gian thứ hai. Tới gian thứ ba, có hai bà vú đứng giơ tay sẵn lên trời, đôi mắt nháo nhác như cầu xin Chúa tránh cho họ mọi tủi nhục. Cuối cùng họ mới nhận ra là Just không đụng gì vào người họ nhưng cũng chẳng thêm tỏ ra biết ơn vì sự nường nhẹ đó. Ở những gian tiếp theo, bắt gặp hai cô dâu mới đây nhất nhưng không có chồng ở bên, có lẽ vì lẽ lưới bị cắt ngang đột ngột nên chưa có giá trị. Ở gian tiếp theo, Just ngạc nhiên thấy tới ba bà vú – trong đó có Chantal – đều

ở đó. Chantal nhìn chàng và mỉm cười kín đáo, như có ý muốn nhấn chàng điều gì.

Lúc chàng ra khỏi đó, cơn dông đã mạnh lên và biến thành mưa đá. Mặt đất đã ướt sũng, lại thêm một lớp những viên trắng trắng nằm lẫn lóc khắp nơi. Làn sương đã lan cao lên tận bờ tường. Lòng hồi hộp, Just đứng im do dự một lúc lâu. Nhẩm tính số đàn bà con gái, Just thấy chỉ còn thiếu Aude. Vậy là chàng đang một mình chờ nàng ở gian cuối.

Có những giây phút mà tâm trí con người hết sức căng thẳng, lo lắng cho những người mà con tim ấp ủ nhưng, do một thế lực ngoài ý muốn, những người ấy sắp phải đón cái chết. Just cảm thấy sao mà thời gian cứ kéo dài vô tận, còn trong lòng chàng thì rối bời bởi bao ý nghĩ trái ngược đan xen.

Aude đứng sát cửa vào, nên khi bước vào gian nhà mờ tối, Just gần như đụng phải nàng. Nàng bận bộ áo váy đen, cổ xẻ rộng nhìn thẳng xuống bộ ngực phập phồng. Ánh sáng yếu ớt bên ngoài chỉ lọt qua khe rèm và, khi soi đến mặt nàng thì đã yếu hẳn và tạo trong bóng tối một khoảng xám xịt ở đáy lò sưởi. Chỉ có đôi mắt tròn to mở rộng của nàng là long lanh, và trong cảnh mờ mờ, người ta có thể tưởng như toàn bộ ánh sáng ban ngày đều tập trung vào đó.

Just cảm thấy hơi thở hỗn hển của cô gái phả lên mặt, toàn thân chàng muốn chao đảo vì một niềm ham muốn bất chợt. Chàng sững người, bỗng đứng thấy kinh tởm chính mình, thân thể rời rã như chìm vào cõi hư vô. Nhưng ngay sau đó, chàng cảm nhận trên môi một niềm hoan lạc lạ kỳ, một lúc rồi hiểu ra là miệng của Aude đang áp vào miệng chàng. Và chàng lấy hết tâm hồn ra để hưởng ứng nụ hôn, như người đang khát bỗng được ăn trái cấm.

Bên ngoài, mưa đá vẫn tuôn rào rào, tiếng va đập vô số tàu lá dừa nghe mạnh mẽ như một giai điệu phơi phới. Khí trời ẩm nóng và ẩm ướt hòa quyện vào đôi thân quấn quít, như chất a-xít hòa quyện vào nước và biến đổi ngay nước không màu thành có màu. Bỗng nàng nhẹ nhàng há tay, lùi ra, miệng thì thảo:

- Ông hãy cứu chúng em.

Just vẫn đang chìm trong vực thăm êm đêm, không nghĩ nổi việc gì ra hồn. Đầu óc chàng quay cuồng các hình ảnh nối tiếp: chàng và nàng trên bãi cát, chàng và nàng trên một con tàu, chàng vào nàng dưới mặt trời chói chang nước Ý... Chàng da diết muốn ghì nàng vào lòng một lần nữa.

- Gấp lắm rồi. –nàng nói nhỏ.

Đột nhiên, ba từ đó phá tan mọi hình ảnh đẹp như mơ, bóng tối và cơn đông lại ập đến, hiểm nguy và tuyệt vọng lại bóp nghẹt trái tim chàng.

- Tôi làm gì được bây giờ? –chàng đáp, lòng thăm nhủ quyết sẽ làm những gì nàng sai khiến.

Tự nhiên, toàn thân nàng cứng ngắc như cây gỗ. Hiện tượng ấy lập tức truyền vào đôi tay chàng đang ôm ấp nàng, như một tín hiệu báo động. Giọng nàng rất đanh:

- Giết lão ta đi.

Chàng đứng yên, nhìn nàng chòng chọc, chỉ có đôi mắt ngơ ngác mở to, tưởng như đang gặp một cơn ác mộng.

- Giết lão, cứu chúng em! – Nàng nhắc.

- Ai?

Bây giờ đến lượt nàng đưa hai tay tóm lấy cổ áo, kéo chàng vào sát người mình, nói to:

- Lão ấy!

Rồi như dùng ánh mắt cắn hờn chưa đủ, nàng tóm cổ áo chàng lắc lắc. Từ đôi môi trước đó làm ra vẻ mềm mại, dịu dàng nay bấu lại đầy khinh bỉ, thốt ra cái tên người đáng ghét:

- Villegagnon!

Just buông nàng ra. Nàng đồng dạ át tiếng mưa rơi:

- Villegagnon. Hãy giết lão, và em sẽ thuộc về chàng.

- Không. Just đáp.

Một khoảng cách không gì đo lường được đã phân chia rạch ròi tình yêu và lòng căm hận.

- Không bao giờ. – chàng nói lại thật to, với tinh thần của người đã tìm thấy lại ý chí.

Mọi vật như ngưng đọng: cái ẩm ướt lạnh lẽo của khí trời, những bức tường nặng nề, ẩm mốc. Aude vùng lên:

- Quỷ tha ma bắt bọn công giáo các người!

Nhanh như chớp, giống như lúc nãy chàng không ngờ được hưởng nụ hôn êm ái, Just cảm thấy đau nhói một bên sườn và một cái gì nhóp nhép, âm ẩm chảy ướt tẩm áo đã ướt sẵn vì nước mưa. Chàng đưa tay ôm lấy một bên người.

Aude lách mình nhảy bổ ra ngoài, Just quay ngoắt chạy ra cửa, nhìn nàng xa dần trong màn mưa mau, đầu óc mụ mẫm, không để ý đến điều gì khác, ngoại trừ việc mưa đã đã lại rơi tiếp. Nhóm phụ nữ và nhóm của Richer đã tụ lại với nhau đi xuống bờ cát. Aude chạy theo nhập bọn.

Just không có một cử động gì để ngăn họ lại, sự im lặng của chàng được các lính canh từ xa coi như sự đồng tình. Đến lúc chiếc sà lúp cuối cùng rời bến, Just mới nhìn vào bàn tay mình và thấy đầy máu. Chàng cố gượng nhìn con thuyền biến dần trong sương, bấy giờ mới rời tay khỏi vết thương và ngã gục xuống bùn nhão.

CHƯƠNG 4

Villegagnon đứng vịn vào thành ghế, quan sát ba anh thợ đang trèo lên thang. Ở tầng dưới đồn binh, ngay cạnh cổng, đã thiết kế một phòng có trần cao trang trí bằng những thân cọ, từ nay dùng làm nơi hội họp và nếu trời mưa thì trở thành nhà thờ để hành lễ. Chính trên cả một vạt tường cao ấy, dựng lên một bảng lớn bằng gỗ. Thợ mộc đã mất nhiều ngày để xẻ gỗ xi-cô-mo thành ván rồi ghép lại. Rồi còn phải phủ lên cái diện tích mênh mông ấy một lớp bột sương và mỡ động vật rồi lấy đá xộp mài nhẵn. Và lúc này, đô đốc hài lòng thấy thợ đã bắt đầu bôi màu.

Không có họa sĩ chính cống, ông phải lấy ba người thợ xây nhưng có chút hoa tay, biết vẽ, vả lại công việc của họ chỉ là sao chép. Bức tranh Đức Mẹ Đồng Trinh của Titien đặt trên giá, họ nhìn theo đó mà phóng to lên bảng gỗ cao rộng. Họ liên tục liếc nhìn bản chính để phác lên bảng gỗ với kích thước to gấp bội lần. Đức Mẹ cao lớn dần dần hiện hình. Vì mỗi người lo sao chép từng phần một nên khi lại không khớp. Mặt Đức Mẹ quá bé, bộ ngực lại quá đồ sộ, còn Chúa Hải Đồng thì bị đôi vú che lấp. Phải làm đi làm lại tới ba lần. Cuối cùng thì mọi việc cũng tạm ổn, và trên nền phong đỏ rực nổi bật bóng dáng Người Mẹ của Chúa, mà Villegagnon muốn dùng để gây ấn tượng mạnh trong các tâm hồn. Nếu sự xuất hiện của đoàn quân Tin lành có gì hay, chính là ở chỗ nó làm cho đô đốc hiểu từ nay mình phải làm gì. Nếu ông sớm biết sử dụng sức mạnh của cách hình ảnh thiêng liêng và lợi hại như bức tranh đang hình thành này, hẳn ông đã không phải dùng roi vọt với người Anh diêng, cũng như không phải hò hét, ép buộc những người khác.

Mùa mưa hết, ông sai đào móng để xây một nhà thờ ở cạnh đồn. Trong khi đó, ông tiếp tục một mình đứng ra lo liệu cách buổi lễ mỗi sáng, và những buổi lễ này sắp được tiến hành dưới cái nhìn hiền từ, che chở của Đức Mẹ khổng lồ, ắt sẽ làm cho các con chiên vững tâm tin tưởng hơn.

Tiếc thay, trong khi chờ hoàn thành bức tranh và nhà thờ, vẫn cứ phải dùng biện pháp cưỡng bức. Từ khi chấp mỗi liên hệ với Martin và tay chân ở bên kia bờ, thuyền bè lại qua lại thường xuyên. Lại phải cảnh giác với

những thói hư tật xấu của con người. Đô đốc cho dựng một cái dàn, ai bị bắt quả tang say rượu sẽ bị bêu lên đấy, chịu dãi dầu mưa nắng. Vì cùng với hàng hóa trao đổi, rượu cahouin lại chảy về. Những tên được cử đi áp tải chuyên chở hàng lại bị cám dỗ bởi những thú vui xác thịt với con gái Anh điêng. Nhưng rất khó bắt quả tang, chúng thường đi theo nhóm, đưa nọ bao che đứa kia, rất khó tìm ra sự thật. Bởi vậy, cứ hơi nghi ngờ là Villegagnon lại cho tiến hành tra hỏi. Ông hãnh diện có một phòng nhỏ với đủ dụng cụ tra tấn: móc, kìm, xích... mà ông đã đặt lò rèn làm. Ngồi làm việc trong dinh, ông ung dung hài lòng nghe những tiếng kêu thét từ đó vọng ra. Ông thường mỉm cười hài lòng: đối với ông, đó là những bản hành khúc của Chân lý. Làm sao ông có thể thờ ơ được trước những cố gắng ồn ào của một người đang được các bạn đồng loại góp sức làm cho tu tỉnh? Nhờ biện pháp đó, người ta đã phát hiện ra nhiều kẻ lầm đường lạc lối mà, nếu không được giúp thì họ sẽ mãi mãi phải đơn độc trong vũng bùn tội lỗi. Một khung hình phạt chi tiết được vạch ra, từ đánh roi đến chìm nước và nhiều thứ khác. Chỉ có treo cổ là chưa tính đến, vì mùa này dây thường dễ bị ải.

Nghĩ tới những biện pháp siết chặt kỷ luật, đô đốc trở về với thực tại. Các họa sĩ đang thoa màu hồng lên da thịt Đức Mẹ. Ông động viên họ theo kiểu mới, nghĩa là dọa móc mắt họ nếu không sao chép bức tranh Titien cho tử tế. Rồi ông đi ra. Mùa mưa lại đã tới, theo kiểu thường lệ: sáng thì trời đẹp và mát, đến trưa thì mây ùn ùn kéo tới, và chập tối thì khí trời oi bức cực kỳ, rồi cơn dông ập xuống. Villegagnon hãnh diện vì mới có đôi ủng bằng ga ta-tu do một thợ giày già trên đảo làm ra, nhờ nó mà ông lội nước không ướt chân. Vấn đề không chỉ ở cái chỗ tiện dụng, mà nó giúp ông giữ được tư thế. Cơ chế cai trị của ông bây giờ là đức tin, cộng với tàn nhẫn và oai phong.

Từ đồn, đô đốc đi ra phía sau dinh thống đốc, nơi có nhiều phòng ở. Ông vào phòng đầu tiên, nơi Just đang nằm. Hai nhân vật vẻ mặt nghiêm nghị đang loay hoay tìm ở chân ổ rơm.

- Thế nào, bệnh nhân của chúng ta ra sao rồi? – đô đốc hỏi.

Với đôi tay chai sạn và bộ quần áo dính bùn, hai người nọ trông như thợ đáu. Đúng là họ từng làm công việc thổ mộc thật, cho đến khi lão thầy lang duy nhất trên đảo bỏ trốn. Không còn ai thạo y lý, đành trưng dụng họ. Một

anh tự xưng là từng phụ việc một ông bào chế. Anh kia, có em làm phu xe cho một thầy thuốc, nói cũng đã học cách chữa bệnh. Không ai dám nghi ngờ, vì quả thật do được gần gũi các vị ngành y, họ đã học được bí quyết: luôn làm ra bộ mặt nghiêm trọng, và tuôn ra từng tràng chữ la-tinh khiến con bệnh phải kính nể. Và lúc này họ cũng đang dùng những từ lạ hoắc để trả lời các câu đố độc hỏi về tình trạng bệnh nhân. Một trong hai thầy lang bậm bả cáo:

- Chúng tôi đã thay băng ở vết thương. Máu đã ngừng chảy.

- Và thuốc chữa thương đã có tác dụng: chúng tôi đã thấm ướt băng bằng cồn lô hội, thay cho nam mộc hương.

- Đúng đây ạ. –Người thứ nhất rên rỉ và nhắc lại, vẻ mặt tiếc rẻ – thay cho nam mộc hương ạ.

- Nói gọn lại, bệnh nhân làm sao rồi? –Tuy cũng coi trọng kiến thức y học, nhưng trong thâm tâm chỉ coi y học như một vấn đề phụ, phục vụ cho quân sự và tôn giáo, Villegagnon sốt ruột hỏi.

- Ông ấy bị nhức đầu ạ. – một người đáp.

Lại vòng vo một hồi về dự kiến cách chữa trị.

- Chúng tôi đang bàn xem có nên dùng quy-quýp không. – Người thứ hai trịnh trọng tuyên bố.

- Trời đất ơi! – Villegagnon thốt lên. – Nặng đến thế kia à?

Hai thầy lang nửa mùa tỏ vẻ bất bình và coi thường.

- Phải dùng quy-quýp sao...! –Đô đốc hoảng hồn nhắc lại.

Rồi chợt nhận ra rằng mình mới nghe một dự đoán mà đã hốt hoảng, ông nhún nhường hỏi, giọng thăm thẳm.

- Nhưng chính xác thì quy-quýp là gì?

Vị thầy lang thứ nhất lên giọng kẻ cả:

- Quy-quýp là một cái mũ chụp hai đáy chứa đầy bột đầu mà người ta thường đội cho những bệnh nhân đau đầu.

- Thế thứ bột ấy gồm những chất liệu gì?

- Đó là một thứ thuốc sắc.

Người kia giải thích thêm:

- Chúng tôi khuyên, nhất thiết phải sắc với cánh kiến trắng, long não và cây đuôi điều.

- Thế thì còn chờ gì nữa? Đặt luôn cho cậu ta cái quy-quýp ấy đi, nếu đỡ được bệnh.

- Nhưng thiếu nguyên liệu ạ.

- Thiếu những gì?

- Cánh kiến trắng. – người thứ nhất đáp.

- Long não nữa ạ – người thứ hai nhanh nhẩu nói thêm.

- Và cả cây đuôi điều nữa. –Người thứ nhất miễn cưỡng nói tiếp, mặt cúi gằm.

- Ra thế, – Villegagnon quát.

Rồi ông tổng cả hai ra cửa.

Just hãy còn yếu, mắt nhắm nghiền. Villegagnon đến gần giường và ngồi ghé xuống, nhưng vì ông quá nặng nên suýt nữa thì lật úp cả Just lẫn chăn đệm xuống đất. Just mở mắt.

- Cháu có ăn được gì không? – đô đốc hỏi. Nhìn thấy người được mình bảo trợ bị thương, ông cảm thấy xót xa và bối rối. – Cháu mất khá nhiều máu đấy.

- Thừa đô đốc, không sao ạ. Tôi sẽ khỏi ngay thôi.

- Thế thì phúc! Cháu cần bình phục sớm. Ta còn nhiều việc phải làm. Trước hết, là trả mối thù này cho cháu.

Just lắc đầu. Đô đốc bật dậy:

- Sao! Cháu không chịu nhìn nhận sự thật ư? Cháu bảo tự mình làm bị thương, ai tin được. Con dao đâm máu tìm thấy bên người cháu, theo ta biết, không phải dao của cháu.

Chàng trai giơ bàn tay phải, xua xua trong không khí.

- Cháu phải nói rõ ai đã đâm cháu. Việc này khá hệ trọng vì ta chỉ muốn dành cho tên sát nhân ấy hình phạt thích đáng để làm gương. Đây là một tội ác ô nhục. Phần còn lại, ta đã biết phải làm gì rồi. Còn nói chung thì ta đã thừa biết là ai rồi, đó là DuPont và đám tà đạo của hắn.

Villegagnon còn nói nhiều nữa, cảm ơn Chúa đã làm cho lưỡi dao chỉ đâm vào phần mềm thôi. Sườn Just sưng to và tụ đầy máu đen, tức là lưỡi dao không động đến nội tạng. Kinh nghiệm chiến trường cho thấy, chẳng có vết thương nào là nhẹ cả. Phải chờ cho nó kín miệng và người bệnh đứng dậy được thì mới có thể yên tâm. Nhưng dù sao thì cũng hủ vía.

Nhưng Just đã ngủ thiếp. Đô đốc liền rút túi ra chiếc huy hiệu mà Martin đã đưa lại để làm tin. Trên huy hiệu, có chân dung của người mẹ quá cố của ông. Ông cầu nguyện cho linh hồn bà. Just đã thở đều, ông cũng dần dần thiếp đi và mơ về cái thời ông bằng tuổi Just và cũng ngồi như thế này bên giường bệnh của bà. Lúc đó ông cảm thấy người phụ nữ can đảm ấy đang chuẩn bị đi gặp Chúa, sẵn sàng chờ sự phán xét. Để noi gương người, sau đó ông đã lao vào chiến trận, dù ác liệt đến đâu cũng chưa sánh được với sự dũng cảm của người lúc hấp hối.

Just vẫn ngủ say, đô đốc lặng lẽ rút ra ngoài. Ông đi chậm chậm về dinh thống đốc, vừa đi vừa nghĩ về những việc sắp phải quyết định. Bọn Tin lành đi rồi, đó chỉ mới là bước đầu. Ông còn muốn chúng khuất mắt hẳn, hoặc là chết rục ở bờ bên kia, hoặc là bán xói về Genève. Dù sao thì cũng đã nhẹ nợ, và chưa bao giờ ông tin tưởng vào tương lai như lúc này. Công việc xây dựng đồn lũy đã cơ bản hoàn thành, rất an tâm về mặt phòng thủ chống lại một tấn công từ bên ngoài. Tinh thần mọi người ổn định dần. Việc liên kết với Martin, dù còn hạn chế, đã cho phép ông hiểu phần nào tình hình bên đó, để ngày nào không còn lo họa Tin lành nữa, ông sẽ quay lại đối chọi với hẳn. Đô đốc đã ra quân lệnh rất nghiêm khắc về điểm này và mỗi lần đi về, tên gián điệp Vittorio báo cáo đều đặn các thông tin quý giá về lực lượng và ý đồ, kế hoạch của Martin.

Tâm trạng đang vui, nên ông không hồ hởi muốn tiếp Le Thoret chút nào khi thấy ông này đứng chờ ở cửa.

- Ông muốn gì? – Villegagnon cau mặt.

Song đô đốc biết thừa. Vừa qua Le Thoret đã gây chuyện không hay nên bị ông quở trách và buộc phải nhận kỷ luật. Nay ông ta đến để xin xóa án đây.

- Tôi muốn xin được gặp ngài. – Le Thoret trình trọng.

Vốn đã tham gia chiến trận ở Piémont, bị thương ở Cérises và Caselle, Le Thoret có quyền được ra vào phòng đô đốc bất cứ lúc nào. Sở dĩ ông ta mở đầu trình trọng như vậy, là muốn nhấn mạnh tính chất riêng tư và đặc biệt của cuộc gặp.

Villegagnon đi vào, và để cửa mở để ông khác theo sau. Vào tới phòng giấy, chỉ có hai người, Le Thoret vẫn cầm mũ trên tay, chờ cấp trên hỏi trước.

Đô đốc cởi áo khoác, ngồi xuống ghế, cuối cùng mới hỏi.

- Le Thoret, cậu còn muốn gì nữa? Lúc này hai đều mình bận tâm nhiều nhất là: phòng thủ đảo vững chắc và tiêu diệt bọn tà đạo. Nhìn mặt cậu, có

về cậu đến đây không phải để nói những chuyện ấy.

Le Thoret là người duy nhất đôi khi đô đốc xưng hô “mình mình cậu cậu” như chiến hữu.

- Phải, Le Thoret đáp. Tôi không nói những chuyện đó. Một lần nữa, tôi yêu cầu được đối xử công bằng.

Người đã cao và gầy, Le Thoret lại có khuôn mặt dài ngoẵng, công thêm một bộ râu tía nhọn, nên trông cảm ông càng có vẻ như bị kéo căng xuống dưới.

- Thì đã công bằng rồi – đô đốc vừa rót nước uống, vừa đáp.

- Thừa, chưa thật sự công bằng. – Giọng Le Thoret rất trầm, như từ dưới hang sâu vọng lên, và cái cổ lộ hầu không ngừng nâng lên thụt xuống. – Như ngài biết, tôi không hề xúc phạm Lưỡi Liềm.

Đó là biệt hiệu của viên chỉ huy pháo đài. Về lý thuyết, ông ta là cấp dưới của Le Thoret, song quan hệ giữa hai người hơi mập mờ về thứ bậc. Một lần bị Le Thoret sai phái làm việc gì đó, Lưỡi Liềm đã phản ứng hơi gay gắt. Lão tướng Le Thoret liền gọi Lưỡi Liềm là đồ đẹp mã vô dụng, hai bên suýt đi tới đầu kiếm nếu không được can ngăn kịp thời. Sự việc đến tay đô đốc phán xử. Câu chuyện không thật nghiêm trọng, song thể hiện một bầu không khí ngờ vực, đổ kỵ đang bao trùm. Và Villegagnon đã ra phán quyết căn cứ vào một điều lệ của quân đội từ thời Charles VIII, căn cứ vào một lời chú giải đáng ngờ trong quyển *Cuộc chiến tranh xứ Gaules* và cũng theo cả ngẫu hứng lúc đó nữa.

- Cậu đã có lỗi, vậy phải chấp hành án phạt, và lại theo mình hình phạt cũng nhẹ nhàng thôi.

Bỏ qua ý đe dọa ngấm ngầm trong câu trả lời vừa rồi, Le Thoret nhìn thẳng vào mắt người chỉ huy đồng thời là chiến hữu:

- Một lần cuối, xin hỏi ngài có rút án kỷ luật không?

Từ mấy tháng nay, viên tướng này ngày càng lảm lì, cau có. Ông đã mòn mỏi và không muốn tuân theo kỷ luật nữa, như một tấm thảm cũ rách mà không biết bao nhiêu kẻ cầu thả đã chà đạp. Người như ông, đã phục vụ nhiều vương triều, đã chinh chiến trên nhiều mặt trận, đối đầu với nhiều kẻ địch lợi hại, nay phải nhận chỉ huy một đội quân ô hợp, điều ấy làm ông chán ngán. Vụ trục xuất phái Tin lành làm Villegagnon hài lòng, song Thoret không vui. Ông cố nhẫn nhục, song vụ kỷ luật bất công này đã như một mối lửa làm mối hận của ông bùng cháy.

- Không! Đồ đốc trả lời dứt khoát.

Hai người nhìn nhau một lúc lâu, và trong ánh mắt không còn phân biệt cấp bậc, chức vị và ngôi thứ của họ đều thể hiện sự quyết không nhượng bộ. Villegagnon nói tiếp:

- Hai ngày nữa, mình sẽ cho hợp toàn thể để thực thi quyết định. Cậu sẽ bỏ mũ, quỳ gối xuống, nói lời nhận lỗi và tiếp nhận quyết định đình chỉ chức vụ chỉ huy trong ba tuần.

- Vậy thì tùy ông. –Thoret đáp, đội lại mũ lên đầu, đi ra.

Sáng hôm sau, lễ cầu kinh vừa xong thì Villegagnon được mời đi gấp, đến chứng kiến những dấu chân đáng ngờ và một hòm vũ khí quăng vội ở hốc đá phía bờ tây của đảo. Lợi dụng lúc ai nấy đều bận tâm vào sự kiện do chính mình sắp đặt, Le Thoret bình tĩnh lệnh cho lính dưới quyền tháo neo một con thuyền, rồi trèo lên cùng với bốn tay súng tâm phúc đã theo ông từ thời ở Ý. Họ bỏ trốn mà không ai để ý.

Sang tới đất liền, những người huygonô kéo nhau đến trú dưới bóng cây. Mưa tuy đã ngớt từ cuối chiều, song mặt đất, cây lá và áo quần mọi người vẫn ướt sũng. Nước từ những tán lá to trên cao trút xuống như phễu. Đêm đầu tiên thật khổ cực và dài dằng dặc. Người người rét run vì lạnh và vì sốt, ai nấy co quắp tùm tùm vào nhau để truyền cho nhau chút hơi ấm. Do bệnh trĩ bất trị, DuPont đứng suốt cho tới nửa đêm, cuối cùng mới nằm vạt xuống cát ướt.

Aude đã kể lại với ông chú về thất bại của mình. Trước đó Richer đã hoàn toàn ủng hộ mưu toan của cô cháu, mặc dù chưa biết nàng sẽ dùng phương cách nào. Ông thầm khen con bé có dũng khí, trong khi DuPont lại thiếu. Ông buồn bực nhìn nhà quý tộc già lão, nếu lão nghe theo lời khuyên của ông và tỏ ra chủ động tấn công hơn thì kế hoạch loại bỏ Villegagnon hẳn đã hoàn thành từ lâu, và đứa cháu gái của ông đã không phải liều thân mình để cứu vãn danh dự. Hơn nữa, khi Aude thú nhận với ông chú việc mình đã đâm Clamorgan, ông ta càng thương xót đứa cháu. Trước đó ông đã trao cho Aude một thanh đoản kiếm để tự vệ và sử dụng khi cần thiết. Song bây giờ thì hậu quả không lấy gì làm tốt đẹp. Just bị đâm trọng thương sẽ khiến Villegagnon thêm lòng lộn trả thù. Họ đang gặp cảnh thiếu thốn trong rừng, lại có thể sẽ bị truy đuổi gắt gao, như người Hê-bơ bị Pharaon truy sát, và họ tin rằng một eo biển cũng không thể ngăn cản được Villegagnon.

May tay, sáng sớm nhìn sang phía đảo xa xa, không thấy có động tĩnh gì đáng ngại. Viên mục sư lại giở bài cầu kinh để trấn an quân sĩ. Được cái ông thuộc lòng rất nhiều thánh kinh, thánh ca, có bao nhiêu đem ra xài hết. Cả đêm, ông ta đã cố động viên tinh thần của các bạn cùng cảnh ngộ, thế mà đến tận rạng đông, kho kinh bển của ông ta vẫn chưa cạn. Chúa nghe thấy đã động lòng chẳng, mà sáng hôm đó trời nắng ráo, quần áo bắt đầu khô. Tuy nhiên mây vẫn ùn lên ở cuối trời, hết ngày thế nào cũng lại mưa. Phải mau tìm chỗ trú, nếu không có sẵn thì phải tự tạo lấy.

May mắn làm sao, hôm đó đúng ngày lành: họ gặp nhiều người từ trong rừng đi ra, cầm đầu là một người trẻ tuổi da trắng. Phái huygonô từng nghe nói có một lực lượng trấn giữ ven biển, và lực lượng này đối địch với Villegagnon. Vậy là sống rồi, nếu chúng tôi cho rõ mình không phải cùng phe với đô đốc.

Tên trẻ tuổi tự giới thiệu là Martin, hắn chào hỏi họ tử tế, duy điệu bộ hơi có vẻ huyênh hoang. Cũng chẳng lạ đối với kẻ đã xưng hùng xưng bá ở nơi rừng xanh núi đỏ này. DuPont tiến lên, cũng đàng hoàng không kém:

- Thưa ông, chúng tôi là những người vô tội bị một tên tàn bạo đầy dọa. Chúng tôi biết ông không đứng cùng một phía với tên tàn bạo ấy. Hy vọng ông sẽ nhận chúng tôi là bạn.

Được một người thuộc dòng quý tộc cầu xin, Martin rất phẫn, dù kẻ quý tộc ấy đang có bề ngoài thăm hại vì đã lẫn lóc cả đêm dưới đất.

Hắn vênh mặt:

- Ngài yên tâm, chừng nào còn ở trên lãnh thổ của tôi, ngài chớ lo. Tôi sẽ bảo vệ các người.

Đám lưu vong thở phào nhẹ nhõm. DuPont dẫn thêm một bước:

- Xin ông tin rằng, chúng tôi sẽ chấn chỉnh lại lực lượng và sẽ sát cánh cùng ông chống lại tên bạo ngược, tên tiếm quyền chuyên chế ấy.

Điều này thì Martin chưa tính đến. Chừng nào quân Bồ Đào Nha chưa kéo tới, hắn đã thỏa thuận- dù là giả dạng – với Villegagnon sẽ không có hành động đối địch. Quan trọng lúc này là để Vittorio qua lại giữa hai bờ nhằm thu thập thêm tin tức. Nói cho đúng, Martin chẳng cần gì bọn huygonô này, thừa sức đánh bật chúng ra biển. Tuy nhiên, hắn linh cảm tạm để bọn này yên thì tốt hơn. Trước hết, chắc chắn chúng có tiền, dù bên ngoài thiếu nào thế nào. Sau nữa, là phòng thân. Nếu vạn nhất kế hoạch của Bồ Đào Nha thất bại, ít nhất hắn cũng có thêm lực lượng đối phó với Villegagnon. Mà bọn chúng lại có nhiều thế lực hùng mạnh ở châu Âu hậu thuẫn, càng tốt.

Nhìn đám người đang run lên vì lạnh, Martin nói trịch thượng:

- Thôi, lúc này mà đòi hỏi các ông chiến đấu thì không phải chút nào. Hãy tạm sống đã, rồi hồi phục sức lực. Các ông theo tôi.

Đã được Vittorio báo trước về những vị khách sắp tới, Martin đã cho dân làng Anh điêng ở bìa rừng dời đi nơi khác, và dẫn DuPont cùng ba quân tới đó. Những gian lều sơ sài tết bằng lá cọ, kém xa những căn nhà ở trên đảo, đối với họ lúc này đã quá là tiện nghi, sang trọng.

Họ sắp xếp đồ lễ, hong nốt quần áo cho khô, rồi xúm vào ăn ngẫu nhiên những thứ mà thổ dân Anh điêng vừa dọn ra.

Chập tối, cơn giông lại nổi, song họ đã ẩn chỗ và cảm thấy thoải mái. Cứ yên vị ở đây chờ Chartier về cùng với viện binh từ Genève tới, cũng tốt. Lúc đó, Villegagnon hãy liệu hồn!

CHƯƠNG 5

Trong số người châu Âu uống cahouin, ít người biết thứ rượu đó được nấu thế nào. Hoặc có biết thì lờ đi không nghĩ tới, và nhất là không xem nấu. Càng không xem, khi thổ dân Anh điêng nói rằng có mặt đàn ông thì rượu cahourin nấu không thể ngon. Người nấu rượu lý tưởng nhất là gái trinh. Gái có chồng có thể tham gia, với điều kiện phải tiết dục tuyệt đối trong thời gian đó. Những bà già tuổi cao không còn làm tình nữa cũng được phép nấu, nếu họ còn răng lợi.

Colombe rất thích quá trình nấu rượu. Đó là những thời điểm thanh thản nhất trong cuộc sống thanh bình của thổ dân. Nàng đã quên mọi lo sợ về tục ăn thịt người, và đêm đêm tiếng nhộn nhạo bên người với nàng chỉ là âm thanh quen thuộc của những buổi lễ hội.

Nàng ngồi bên bếp lửa, nhai một mẫu sắn đã luộc qua cho mềm. Paraguacu ngồi cạnh và các bạn gái khác xung quanh cũng đều nhai sắn. Nhai thật đều, thật kĩ, cốt làm cho ra thật nhiều nước miếng. Có một sự khác nhau giữa nhai để ăn, chỉ để nuôi dưỡng bản thân mình, với nhai để làm rượu, phục vụ bà con. Khi miếng sắn trong miệng đã thật nhuyễn nước bọt, trở thành dẻo quánh, người con gái đứng lên nhổ tất cả những gì trong miệng, kèm theo cả một tia nước dãi càng dài càng tốt, vào một cái nồi đất cao bằng dừa trổ lên mười, đặt trên bếp lửa nhỏ. Cứ thế, nồi dần dần đầy ắp chất bột lẫn nước miếng, sôi sùng sục suốt ngày rồi lên men. Sau đó, đồ uống quý giá này được múc vào từng chai dẹt. Những chi tiết khác của quá trình hoàn thành chất rượu quý, được các bà các cô giữ kín, coi như bí quyết. Đàn ông chỉ được nhìn thấy rượu sau khi nó đã đủ độ và đóng chai cẩn thận, mỗi chai khoảng một phần ba lít.

Trong khi nhai chóp chép, đám phụ nữ vẫn có thể nói chuyện, và càng nói thì nước miếng càng tiết ra nhiều, càng tốt.

Sáng hôm đó, sau khi đã chuyện trò, đùa cợt với Colombe, Paraguacu bất ngờ tuyên bố:

- Ngày mai em sẽ trở về bộ tộc.

Miệng ngậm đầy sắn, Colombe lúng búng:

- Thế à!

Nàng vội ra nhổ miếng bột chưa thật nhuyễn vào nồi, để nói cho rõ từng tiếng. dù nàng đã nói thông thạo tiếng tu-pi, nhưng cũng thật khó thể hiện được ngữ điệu đặc biệt của nó trong khi miệng ngậm đầy sắn và nước bột.

- Chị sẽ đi cùng với em!

Colombe đã chờ chuyện này từ lâu. Thời gian nàng ở nhà Paylo chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp mà thôi. Song nàng ngạc nhiên và thất vọng thấy Paraguacu lắc đầu, kiên quyết:

- Không được đâu, chị ơi.

- Không sao mà, chị sẽ tuân thủ mọi tập tục, sẽ làm việc như mọi người.

Paraguacu giận dữ nhìn nàng, khiến nàng lạnh toát cả người. Từ khi Paraguacu tới đây, hai chị em sống với nhau thân thiết, tối đến luôn chuyện trò không dứt. Cô gái Anh điêng hỏi Colombe về cuộc sống ở Pháp, về quan điểm ở châu Âu về tình yêu. Paraguacu rất kinh ngạc bởi loại tình yêu mà cô và người Anh điêng không sao hiểu nổi, bởi vì họ yêu theo cách khác. Với thổ dân, tình yêu là một khái niệm rộng mở, không chỉ dành cho một người duy nhất.

Người ta yêu con cái, yêu cha mẹ, yêu bộ tộc, yêu mặt trời và cây cỏ mang lại lợi ích cho con người, yêu dòng nước trong vắt chảy từ trên thác cao đổ xuống và làn gió ấm áp đùa rờn trên bãi cát, yêu hòn đất nuôi sống mình, yêu đêm và ngày, lửa và muối, yêu các con thú trong rừng. Tình yêu bàng bạc khắp nơi, không ai có thể đòi dành riêng cho bản thân mình. Và nếu bạn nhất phải chọn một ai làm chồng và làm cha cho lũ trẻ thì sở thích cá nhân không được tính đến và còn bị coi là tội lỗi nữa. Phải tuân theo tập tục của bộ tộc. Tuy nhiên, qua những câu hỏi Paraguacu liên tiếp đặt ra, Colombe ngẫm hiểu là cô ngả về thứ tình yêu mà nàng mô tả.

Hai người thân thiết vậy, mà bỗng Paraguacu không đồng ý để Colombe đi theo, thật khó hiểu. Colombe gắng mãi, nhưng mỗi lần gắng lại vấp phải ánh mắt vừa giận dữ vừa sợ hãi của cô bạn. Colombe đầu dúi:

- Vậy lần khác chị đi với em... được không?

- Được, được! Paraguacu vội đáp, như cất được gánh nặng. Lần khác, và bao nhiêu lần nữa cũng được. Nhưng lần này thì chưa.

Thái độ thật kỳ lạ, song Colombe không thể đòi hỏi hơn. Nhai xong số sắn còn lại, nàng theo bạn về nơi ở. Rõ ràng Paraguacu đã để đến phút cuối cùng mới báo tin ra đi, vì khăn gói của cô đã chuẩn bị sẵn rồi. Cô đi ngay không ngoái cổ lại.

Colombe không có thì giờ để suy nghĩ về sự ra đi đột ngột ấy, vì sau trận bão lớn tuần trước, làm ngập lụt khắp nơi, Paylo bỗng ồm nặng. Mùa mưa, rừng khoác một vẻ mới. Lá cây bóng loáng, rêu mọc xanh rì, vách nhà làm bằng thân cây cọ ẩm ướt. Mọi tiếng động tới đây đều giảm âm lượng, ai nấy trong nhà đi lại lặng lẽ để khỏi làm kinh động người ốm, tạo nên một không khí lo âu, chờ đợi. Cuộc sống như căng ra, cảnh giác để cảm thần chết đâu đây.

Colombe được luân phiên cùng các bà vợ ở bên chăm sóc Paylo. Nhất thiết không để người bệnh nằm một mình, ngoài việc phục vụ các yêu cầu cần thiết, còn để luôn có mặt đông người để đối phó với các thần linh tàn ác đang muốn cướp mạng sống ông già.

Paylo nằm trong chiếc võng rộng, trên lên hai móc gỗ ở hai đầu. Gian phòng có sàn bằng đất nện, còn nguyên những rễ cây ngoằn ngoèo, và xếp đầy những vật linh tinh đối với ông đã thành thân thuộc. Trên vách treo những tấm bản đồ vàng ó xen lẫn những chiến quả của người Anh điêng. Những lọ sứ, những vỏ bầu có trang trí hoa văn. Một bức tranh vẽ phong cảnh một ngôi làng nhỏ bé chìm ngập trong tuyết, lồng trong khung tre có trang trí lông chim. Trên giá là cả một loạt sách gáy da, nhưng bìa đã phồng rộp vì hơi ẩm.

Paylo thở phào phào, thỉnh thoảng lại lên cơn ho sặc sụa. Ông yếu lắm, song trí óc vẫn tỉnh, ưa chuyện trò, dù nói năng đã khó. Ông tiếp tục nhận các tin tức do những người qua lại báo cáo. Vì vậy ông báo tin phái Tin lành bị trục xuất cho Colombe biết. Nhưng thường là ông trở lại với những kỷ niệm xưa cũ, những câu chuyện luôn lẫn lộn quá khứ với hiện tại. Một tối, ông tâm sự với Colombe:

- Đời ta thay đổi từ khi ta đọc Pomponazzi. Không có cuốn sách của ông, ta chẳng bao giờ đến đây.

Theo chỉ dẫn của ông, Colombe lấy cuốn sách từ trên giá xuống. Cuốn sách nhỏ đã cũ, các trang chỉ chít những ghi chép của Paylo. Ông bâng khuâng lần giở từng trang nói:

- Tác giả là môn đệ của Averròes. Ông ấy là người duy nhất chống lại ảnh hưởng của Platon.

Mắt ông kém, không đọc được nữa, song ông thuộc lòng quyển sách, tay giở trang chỉ để lấy lệ:

- Theo ông ấy, Chúa ở khắp nơi. Không thể tách Chúa ra khỏi muôn vật. Người ở trong mỗi sinh vật, mỗi đồ vật. Không việc gì xảy ra mà không do ý chí của Người.

Paylo thở dài, đặt cuốn sách lên bụng:

- Sai lầm lớn nhất của tất cả những người khác là đã đặt Chúa lên tận trên trời, không cho Người xuống nữa. Chỉ một Chúa duy nhất, thật quá ít, đã thế lại luôn vắng mặt; chỉ khi tao chết mới lại gặp Chúa. Ôi thiên cận!

Đột nhiên, ông gượng nhòm dậy, giọng nói đả kích mạnh mẽ như Colombe chưa từng thấy:

- Cháu hãy nhìn xem bọn họ cầu xé lẫn nhau để tranh cãi rằng Chúa có ở trong chiếc bánh thánh hay không... Chúng đã đuổi Người ra khỏi thực chất để chỉ dành cho Người một chỗ bé nhỏ.

Mệt mỏi qua cơn kích động, Paylo nằm phịch xuống, thở dốc. Colombe cầm tay ông, an ủi:

- Ông bình tâm lại đi.

Ông nằm yên một lát, rồi nói thanh thản hơn:

- Gặp thổ dân Anh điêng, ta như tiếp xúc được với một thế giới thoát khỏi những trò điên rồ đó, một thế giới đáng nể.

Mắt ông mở trừng trừng nhìn vào bóng tối:

- Với họ, mọi thứ đều thiêng liêng: hoa trái, đất đá, nước chảy trong khe. Muôn vạn thần linh hiện hữu và che chở các vật thể, các cảnh trí, các sinh vật. Đụng vào đâu cũng có thần linh hiển hiện để ngăn ngừa ta làm điều ác.

Một cô gái thổ dân bung một khay quả lạng lẽ bước vào, dừng lại ở gần cửa. Paylo không nhìn nhưng cảm thấy, mỉm cười, nói nhỏ nhẹ và chua chát:

- Nhưng những kẻ khác... Họ tước cái thiêng liêng của thiên nhiên, để thiên nhiên chịu sự tàn phá của con người. Hãy xem họ đã làm gì với hòn đảo trước mặt. Cây cỏ bị đốn trơ trụi, không còn sinh vật nào sống sót, sinh sôi, và bây giờ đến lượt con người cắn xé lẫn nhau. Nếu một ngày kia chúng làm chủ cả dải đất này, chúng sẽ biến thành dải đất chết.

Ngừng một lát, ông nói tiếp:

- Không phải con người, mà chính Chúa đã bị xua đuổi khỏi địa đàng. Con người đã nắm quyền sáng thế để rồi phá hủy nó.

Ngày lại ngày trôi qua, tình trạng Paylo vẫn không khá lên chút nào. Ông cứ mê mệt như thế trong trạng thái mơ hồ không còn thuộc về thế giới hiện tại nữa những vẫn chú ý kỷ niệm và màu sắc, đầy hạnh phúc và tiếc nuối. Toàn bộ cuộc đời lần lượt hiện lên trong bộ óc mù mờ của ông, khiến những giờ phút trước cái chết đang từ từ tiến đến gần trở thành phần tỉnh

túy nhất, tốt đẹp nhất. Một chiều, hai chiến binh Tupi chạy tới báo cáo rằng một phó quan của Villegagnon bỏ trốn sang bên này và xin được gặp Paylo, cùng đi với ông ta có bốn người lính. Hai chiến binh Tupi lo ngại là họ gài bẫy gì chẳng, song ông già bảo cứ dẫn vào. Và thế là Le Thoret có mặt.

Viên lão tướng vẫn thế: khẳng khiu, ngay đơ, lắm lũi. Duy lòng trong thành với Villegagnon ở ông đã mất. Ông đến trình diện Paylo trong tư thế hàng hoàng của một tù binh đã chiến đấu sòng phẳng. Ân huệ duy nhất ông xin là được phép cùng bốn quân sĩ đi theo trở về Pháp sớm nhất khi có một tàu buôn nào ghé qua. Paylo nói:

- Sao các ông không ở lại đây? Thổ dân cần người như ông để luyện họ chiến đấu như người châu Âu. Một ngày nào đó họ sẽ phải tự bảo vệ không phải với bọn lục lâm, mà với cả những đạo quân lớn.

Le Thoret cương quyết khước từ khả năng đó. Không phải vì ông coi khinh người Anh diêng: ông không có ý kiến gì về họ. Nhưng ông sinh ra để tuân lệnh và không hề bao giờ có tham vọng chỉ huy ai.

Ông nhắc lại mong muốn được đi ngay khi có chuyến tàu đầu tiên. Paylo không nài nữa. Ông khá quen biết các cơ sở buôn bán của người Noóc măng, có thể giới thiệu Le Thoret với họ. Mùa này nhiều đoàn tàu nhỏ thường qua lại. Ông đề nghị Le Thoret hãy nghỉ ngơi ít lâu rồi sẽ cử người đưa đi. Le Thoret không đồng ý, xin đi ngay. Cuối cùng, Paylo hứa sẽ có người hướng dẫn trong hai hôm nữa.

Tối hôm đó, đi tắm về, Colombe gặp viên tướng già. Sự xuất hiện của người mà nàng vẫn coi là gắn chặt với Villegagnon trong ngôi nhà của Paylo khiến nàng bất ngờ, như là sự gặp gỡ của hai thế giới. Le Thoret cũng bối rối không kém nhìn thấy Colombe trần truồng, trên người chỉ có hình vẽ những nhit và mấy vòng vỏ ốc sài, tiếng tới gần một cách tự nhiên mà ông coi là tội cùng khiếm nhã. Nhưng, mặc dù rất khó chịu, ông vẫn cố giữ nghiêm nét mặt hơn bình thường để khỏi gây hiểu lầm, và đề nghị được nói chuyện riêng với nàng. Colombe đồng ý và mời ông cùng ăn. Lát sau hai người gặp nhau trong một gian cạnh bếp, và nàng đã ý tứ khoác khăn choàng lên người, đủ che những gì có thể làm ông già coi là bất tiện. Nhưng

còn đôi mắt, đôi mắt long lanh một màu xanh lơ không quen nhìn xuống hay lảng tránh, chúng cứ chăm chăm nhìn ông không chớp.

Đầu tiên, Le Thoret cho biết tin về Just, Colombe tưởng mình vô tư thoát khỏi mọi ràng buộc, khi được tin anh bị thương, nàng nhói đau trong lòng và dồn dập hỏi lại Le Thoret.

- Cô yên tâm. Cậu ấy không làm sao, chỉ vài ngày là khỏi, lại khỏe như trước.

Le Thoret mỉm cười, nói thêm:

- Và vẫn đẹp trai như trước.

Kể từ khi lên tàu ở bến cảng Havre, Le Thoret chưa bao giờ tỏ ý quan tâm đến hai anh em Just và Colombe. Mà thực ra ông chẳng nhiệt tình vồ vập với ai. Tuy nhiên, bằng vào những cử chỉ nhỏ của viên lão tướng, Colombe cảm thấy có thể tin cậy ông. Khi Just bắt đầu được Villegagnon dạy dỗ và cho tập kiếm, Le Thoret không hề tỏ ý ghen tị mà còn giúp đỡ. Và Colombe vẫn còn giữ cảm giác rằng cái hôm cô bỏ trốn với số phụ nữ Anh điên, nếu muốn ông có thể dễ dàng ngăn trở. Từ xa nàng nhìn thấy ông đứng trên bãi cát, tay cầm súng, nhưng ông không bắn.

Trong lúc Le Thoret kể lể nhiều tin tức không mấy quan trọng về bên đảo, về bọn huygonô và về xây dựng pháo đài nữa, Colombe có cảm giác ông còn có điều gì khác muốn nói. Con người luôn khép mình vào kỷ luật này, hẳn tự cho đã đến lúc không cần giữ im lặng. Rõ ràng ông muốn nói điều gì với Colombe. Có thể đó là lý do chính để ông ghé qua Paylo, vì thực ra việc này đâu có cần thiết. Ông có thể chạy thẳng về phía những cơ sở của người Noóc măng, ở đó chắc ông sẽ không đến nỗi bị ngược đãi.

Colombe rót thật nhiều rượu mới ông uống, và kiên trì khéo léo gợi ý để ông nói ra điều muốn nói. Cuối cùng, chuyện vẫn mãi cũng hết, mưa lại lộp độp rơi trên mái cọ, gây cảm giác dễ chịu đối với những người được yên ổn trú dưới mái nhà, và hơn nữa, rượu đã ngà ngà, Le Thoret quyết định nói:

- Ta từng chiến đấu dưới trướng hiệp sĩ Clamorgan ở Ý.

Nghe tên họ ấy, Colombe thoáng rung mình. Từ khi bỏ đi, nàng đã nguyện chỉ mang tên Mất-Mặt trời. Việc nàng không còn cha còn mẹ càng tạo điều kiện thuận lợi cho nàng nuôi hi vọng được sống tự do giữa những người mà nàng yêu quý.

- Ta ở với ông tám năm – Le Thoret nói thêm, dường như chi tiết ấy sẽ thêm sức nặng cho những gì ông nói.

Càng lúc càng rõ là ông không chỉ muốn ôn lại kỷ niệm để chơi, mà trong đó có điều gì cốt tử ông muốn làm rõ.

- Những gì người ta đã nói với cháu về ông ấy là đúng – Le Thoret nói tiếp.

Từ “người ta” tất nhiên ám chỉ người mà ông không công nhận là chủ soái nữa, tức Villegagnon.

- Song người ấy không thể biết đầy đủ bằng ta, vì hẳn không nghe lời ông ấy.

Ở miệng người lính, nói thế có nghĩa: hẳn không yêu quý ông ấy.

- Và bây giờ, theo ta, cháu đã... như thế này, thì cháu phải được biết một số điều.

Colombe ngồi yên, chờ nghe. Le Thoret ngừng một lát, chắc để chọn cách đi vào đề như thế nào. Cuối cùng, ông bắt đầu:

- Đó là sau chiến dịch Cériseles. Ông Clamorgan chỉ huy bộ binh, còn ta chiến đấu dưới quyền, cùng đại đội súng hỏa mai.

Ông ngừng lại một lúc, vẻ mặt kiêu hãnh vì đã mở đầu câu chuyện rất khéo léo, và lấy hết can đảm nói tiếp.

- Tình thế khá bấp bênh. Bọn Đé Chế thua trận, song còn nhiều nhóm bại quân chạy lung tung trong vùng. Trong quân ta có những đại đội gồm

toàn lính đánh thuê khó bảo và vô kỷ luật. Nhiều chỗ khó bóc cao: đó là những làng mạc mà chúng thả sức cướp phá.

Một con bướm vàng và đỏ, bị cơn dông đánh bật vào trong nhà, nặng nề vỗ cánh lên trên đầu hai người.

- Với bố cháu thì lệnh trên mặc lệnh, ông chỉ làm theo tài năng và lương tâm. Ở Cérises, điều đó rất rõ. Lệnh bảo ông đánh thắng, thì ông đánh thắng. Nhưng khi nhìn thấy lính cướp bóc, mà lệnh trên lại bảo: kệt họ, thì ông không nghe. Và ông sai tất cả chúng ta đi ngăn chặn, bắt giữ bọn làm bậy.

Colombe chưa hiểu ông định đi tới đâu. Xưa nay nàng không ưa nghe chuyện đánh nhau, lúc này lại càng không. Thoret kể tiếp:

- Ta đi cạnh ông ấy. Thắng trận lâu rồi, ông vẫn không ngại xông vào hiểm nguy. Vì bọn đánh thuê lòng lộn không chịu để bị tước đoạt những thứ chúng đã cướp. Chúng bắn trả lại, một số người của cánh ta bị chết. Mỗi lần chúng ta đến bảo vệ một làng, dân chúng không phân biệt được ai tốt ai xấu, nên vác gậy gộc ra chống lại tất cả, và có khi họ còn giương bẫy để chúng ta sa vào nữa.

Le Thoret càng kể càng say sưa. Từ khi sang châu Mỹ, ông thêm được tham gia chiến trận đàng hoàng như thế. Song, thấy Colombe im lặng, ông hạ bớt giọng, bình tĩnh trở lại:

- Một buổi sáng, chúng ta tới một xóm hẻo lánh vì có tin báo, bọn chúng đang hoành hành ở đó. Nơi này là vùng cao Piémont, xa xa nhìn thấy những ngọn núi tuyết phủ. Xóm nhỏ, chỉ có bốn ngôi nhà tường đá; bò không có ai chăm, rống ầm ĩ trong chuồng. Quân ta phục kích bên ngoài, kêu gọi bọn lính đánh thuê ngừng cướp bóc. Không ai thừa, chúng ta thận trọng xục vào trong các nhà.

Nói tới đây, Le Thoret sụp mắt xuống. Là chiến binh dũng cảm, ông có một nhược điểm: sợ máu. Chiến tranh là cuộc đối đầu để hai bên thi thố sức mạnh, tài năng và dũng cảm, ông thích điều đó. Nhưng cứ nhìn thấy người

bị thương, bất kể là lính hay dân, là ông giảm hẳn khí thế, đến mức gần trở thành nhút nhát.

- Những gì chúng ta trông thấy thật kinh hoàng... Tất cả dân chúng đều bị giết sạch từ trước sáng, ngay trên giường ngủ... Bàn ghế đổ vỡ lỏng chỏng... Bọn chúng đã cướp hết chút của cải nghèo nàn còn lại.

Mắt Le Thoret nhón nhác như đang nhìn lại thấy cảnh kinh hãi.

- Chúng ta sắp rút đi thì một anh lính kêu lên: hấn thấy bất gì động đậy trong một cái khó. Clamorgan lại gần và trong thấy.. hai đứa trẻ nằm vùi dưới một đồng cỏ.

Ông chăm chú nhìn Colombe.

- Một đứa là bé gái tóc xoăn. Đứa kia là con trai.

- Just? – nàng thốt lên. – Just? – nàng bất giác thốt lên.

Mấy cây đèn leo lét hắt vào bóng tối những mảng ánh sáng vàng khè. Một chú vẹt đang đứng im nghe ngóng.

- Không phải. – Le Thoret nghiêm nghị lắc đầu.

Trong không khí im ắng của căn phòng bỗng vang lên tiếng vuốt của chú vẹt cào sồn sột vào thanh gỗ tròn dùng làm sào đậu.

Clamorgan đã vào kho, hai tay bế hai đứa ra. Mắt cháu long lanh dưới ánh mặt trời, ai nấu dầu xúm lại để nhìn cháu.

Colombe xúc động đến rơi nước mắt, song cố ngăn dòng lệ chảy vì muốn biết rõ về đứa bé kia:

- Đứa bé ấy là ai, ông nói đi!

- Cùng là con nông dân như cháu, song chắc chắn không phải là anh hay em, vì nó không giống cháu. Cả hai đều khoảng hai tuổi. Một làng bên cũng

bị cướp phá mấy hôm trước, họ cần có trẻ con cho sau này, nhưng chỉ muốn con trai. Và chúng ta đã để lại đứa kia cho họ nuôi. Colombe nhìn vào rừng rậm tối đen xung quanh với những sinh vật lần quất đầu đó trong bóng đêm và quá khứ bỗng hiện về, như một con thú mà người ta chưa bao giờ nhìn thấy nhưng tiếng kêu của nó nghe đã quen tai. Còn cháu thì Clamorgan không trao cho ai, đặt cháu lên mình ngựa đưa đi khắp nơi. Ngay từ đầu ông đã rất quý cháu.

- Còn Just? – Colombe gắng hỏi tiếp. – Tuy đã lờ mờ đoán được Le Thoret muốn nói gì nhưng vẫn muốn biết mọi chi tiết.

- Cháu có biết không, – người chiến binh già nua không trả lời thẳng mà lại lái sang chuyện khác – Cháu hãy hình dung cuộc sống chúng ta khi chinh chiến ở Ý. Đánh nhau luôn đánh nhau, nhưng cũng có những thời gian dài rảnh rỗi, đóng quan ở các thành phố. Clamorgan có quan hệ rất rộng khắp miền bắc nước Ý.

Không rõ ông này nói lảng ra để đi đến đâu, song Colombe sợ ông sẽ phạt ý nếu bị ngắt lời, nên cứ để ông tiếp tục.

- Trước cái chiến dịch cuối cùng mà Clamorgan tìm thấy cháu ấy, chúng ta đã có cuộc hưu chiến dài, và bố cháu tranh thủ đi thăm nhiều nơi ở Ý. Ông thích nhất xứ Milanais, nơi mười lăm năm trước ông đã cùng vua Francois đệ nhất tiến vào nhưng rồi lại để mất. Thật rối rắm, phải không cháu.

Hiển nhiên là Colombe chẳng có bụng dạ nghe giải thích về chính trị.

- Ở đó ông ấy đã quen một người đàn bà, có họ xa với dòng Sforza, nói chung là con nhà dòng dõi, tên là gì không quan trọng. Ta có được xem một chân dung của bà: tóc đen nhánh, mũi dài, thanh tú, đó là điều ta nhớ nhất về nhan sắc của bà, một nhan sắc hoàn hảo. Ông có với bà một đứa con, để lại cho bà nuôi khi ông đi chinh chiến ở Piémont.

- Và đó là Just?

Nhưng Le Thoret còn muốn để Colombe nghe thật hết.

- Sau trận Cérises, Clamorgan để cháu lại cho chúng ta trông nom, trong doanh trại. Và ông lại phi ngựa về tận Milan. Đúng là đang chiến tranh, ông lại là lính. Nhưng cháu đừng tưởng là mọi biên giới thời đó đều đóng cửa nhé. Một mình một ngựa thì đi đâu cũng được, nhất là ông có bạn quen ở các nơi. Về tới Milan, ta không rõ chuyện gì đã xảy ra, vì ta không ở đó. Người phụ nữ ấy đã chết, hay đã lấy chồng khác? Chỉ biết là Clamorgan đã mang đứa con trai về Piémont. Just và cháu sống cùng nhau từ đó.

Ông già đã khéo nói ra sự thật một cách từ từ, để Colombe tiếp nhận nó mà không xúc động thái quá. Bây giờ chỉ còn một việc đơn giản nhưng đầy xáo động và đầy hậu quả mà lúc này nàng chưa thể thấy hết được.

Quả là cả cuộc đời nàng đã bùng rõ lên dưới ánh sáng mới. Nhưng hậu quả mà sự khám phá đó để lại trong tình cảm của nàng thì chưa thể biết trước. Nên vui hay nên buồn? Nay biết Just không phải là anh ruột, nàng sẽ dễ dàng xa lánh, phán xét, thậm chí ghét bỏ anh chẳng? Hay ngược lại, bức rào cản trước đây ngăn nàng không được phép yêu anh hết mình, nay đã cất bỏ? Chính nàng cũng không hiểu hết lòng mình. Chỉ bỗng thấy lạnh vì mưa, vì đêm khuya. Nàng đứng lên vợ một tấm chăn vải khoác lên mình.

- Ông đã nói chuyện này với Just chưa? – nàng hỏi

- Chưa, chưa có dịp.

Thật vậy, ngay sau khi Just bị thương, Le Thoret đã rời đảo.

- Vậy anh ấy chưa biết gì?

- Khi được đưa từ Milan về, – Le Thoret lắc đầu nói – cậu ấy hơn cháu hai tuổi, nên ta tin là nó hiểu cả.

Một niềm thương mến mênh mông tràn ngập lòng Colombe; nàng nghĩ tới ông Clamorgan, người đã muốn hai người được nuôi dạy và sống với nhau như anh em ruột thịt.

Le Thoret đã trút được bí mật lớn nhất, tuy nhiên xem ra còn muốn nói nhiều nữa. Colombe ngồi với ông đến tận sáng, hỏi thêm nhiều điều về người cha mà nàng cảm như vừa đánh mất vừa tìm thấy lại.

CHƯƠNG 6

Từ ngày cánh Tin lành dời sang đất liền, ba tháng đã trôi qua. Họ dần tổ chức lại đời sống, ngày ngày cầu kinh và cắt gác cả hai phía rừng và biển, phòng ngừa bị Villegagnon tập kích. Song điều đó không xảy ra. Kẻ thù chính của họ lúc này là sự rảnh rỗi buồn chán, cộng với khí nóng khắc nghiệt làm không ai muốn động chân động tay. Nhiều người lên cơn sốt. Trông họ nói lảm nhảm trong cơn mê sảng, những người khác thậm ghen tị vì mất trí lúc này là không còn biết gì đến cuộc sống buồn chán hiện tại nữa.

Duy một số phụ nữ có việc để tất bật và phấn khởi: ba cô mới cưới đã mang bầu, và các bà vú lằng xằng chuẩn bị tã lót. Aude khinh khỉnh trước những hoạt động ấy. Từ sau lần đâm Just, nàng rút vào vỏ ốc, ít thém nói chuyện với ai, và đã từ chối mấy đám đề nghị kết hôn. Đoàn người như rắn mất đầu. Du Pont, quá mệt mỏi, dường như mất hết sức lực để chỉ huy; mục sư Richer bị nhọt bọc oái ăm ở bả vai, luôn khập khừ. Dần dần Aude trở thành người có uy trong đám vì được tiếng là con gái giữ trinh tiết, nhất là đã dám tấn công Just. Martin cũng phải nể, và có lẽ ham muốn nàng nữa, cho nên giờ đây nàng giao thiệp với hắn như người bằng vai, có ảnh hưởng với hắn hơn ai hết. Ngược lại, nàng đã tỏ rõ cho hắn biết mình không sợ và dứt khoát không bao giờ thích hắn. Nhưng oái ăm thay, chính vì thế mà cô không chế được Martin, trong khi không có ai khác trong đám Tin lành có thể làm được. Mà mọi việc ở đây đều tùy thuộc vào Martin. Theo lệnh của Richer, một số đệ tử Tin lành tìm cách gần gũi thổ dân để tranh thủ họ đứng về phía mình, đều không thành. Một trong số đó, tên Jean de Léry, chịu khó đi khắp các làng tìm hiểu tập tục người Tupi, hy vọng lách được chút nào vào tâm hồn họ để truyền bá đức tin. Gặp một thổ dân tên Pindahousou tự nhận là trước đây đã được Thevet quy đạo, Jean de Léry đã le lói chút hy vọng. Pindahousou khoác chiếc áo na ná trang phục của tu sĩ dòng Thánh François, đọc kinh lâu lâu, trước khi bắt đầu việc gì cũng đưa tay làm dấu thánh. Tuy nhiên, đến khi Léry bập bẹ học nói được chút ngôn ngữ Tupi thì mới hiểu ra rằng Pindahousou chỉ là một thằng đàn, làm các trò đó mà chẳng hiểu ý nghĩa gì và cũng không biết gì về Đức Chúa. Có lần con gái hắn được Thevet chữa khỏi bệnh, hắn ngưỡng mộ và bắt chước mọi cử chỉ

của ông ta mà không hiểu ý nghĩa. Đã vậy, hắn tư nhận theo đạo nhưng vẫn giữ tục lệ ăn thịt người.

Và thế là trong cánh Tin lành, người ta cho rằng người Anhđiêng không thể được Chúa cứu vớt, mọi ý đồ để truyền đạo cho họ là vô ích. Chỉ có bọn Công giáo mới có thể nhăm lẩn giữa việc bắt chước với việc quy theo đạo thực sự và giữa những trò uốn éo với những biểu hiện được Chúa ban ơn.

Khi đã hoàn toàn mất hết hy vọng cải đạo và cứu vớt, đám Tin lành đành bằng lòng với việc quan sát phong tục của lũ người rừng như người ta làm với các loài thú và thực vật. Và thái độ tôn trọng mà họ cố tỏ ra chỉ là mặt trái của một sự thờ ơ tuyệt đối, không công nhận thổ dân Anhđiêng là người thực sự. Ai lại đi mất công giảng giải cho lũ linh dương và trâu bò hiểu thế nào là Đức Chúa Jesus, dù đôi khi cũng thấy quần thể của họ khá hấp dẫn.

Tuần này tiếp nối tuần khác, cánh huygonô thấy rõ không còn cách nào thoát khỏi bế tắc, ngoại trừ chờ ngoại viện từ Genève. Martin chỉ cung cấp nhỏ giọt nước và lương thực cho đủ cầm hơi, ấy là Aude còn phải thương lượng từng tí một với Martin. Thiếu thốn trăm bề, lại ăn không ngồi rồi, tinh thần ai nấy xuống thấp nhất. Hơi có chuyện gì xảy ra là mọi người nháo nhác, tuyệt vọng. Nực cười thay, mối nguy với họ không phải là từ Villegagnon hay Martin, mà là từ chính mình, thế còn đáng sợ hơn.

Một buổi tối, hai người đi vào rừng hái lá thuốc không thấy trở về, có thể là bị lạc. Ngày thứ hai, họ vẫn chưa về. Aude liền yêu cầu Martin cho người đi tìm. Hắn ngần ngừ, Aude phải quát đôi mắt sắc như dao lên, và gần như ra lệnh. Cuối cùng tìm thấy hai cái xác treo trên cành cây, thân thể bị đâm chém những nhát khủng khiếp, đặc biệt là hai nhát ngang dọc thành hình chữ thập giữa bụng. Thổ dân Anhđiêng không bao giờ hành động kiêu ấy và ở quanh vùng này, họ sợ Martin như cọp nên chắc chắn không dám làm những việc tày đình như thế.

Sự việc còn nằm trong vòng bí ẩn thì lại xảy một vụ kinh hoàng hơn, ngay gần làng. Lần này là một trong những cô dâu mới đi ra ngoài có việc. Cô đã bị bắt và đóng đinh câu rút lên thân một cây sung, và từ vết rách bằng dao ở bụng dưới xổ ra một thai nhi đã bị ăn thịt một phần.

Lần này Martin phải nói ra những gì hắn biết, khi bị Aude hỏi:

- Đó là bọn anabaptít.

Như mọi người, Aude có nghe nói tới giáo phái ấy. Nhưng Richer không bao giờ giải thích về bọn chúng, chắc là để tránh làm mọi người sợ hãi.

- Bọn chúng ở quanh quần đây sao? – Aude ngạc nhiên vì trước đây nàng không bao giờ tin bọn cuồng tưởng ấy lại có thật.

- Không biết được. Nghe nói chúng liên tục thay đổi nơi ở.

- Tôi tưởng ông làm chủ ở đây, lãnh địa này là của ông mà – Aude mỉa mai.

- Thổ dân cũng sợ chúng, tôi làm sao được – Martin chống chế. Họ tin chúng là thần linh hiện hình, thấy chúng là bỏ chạy.

- Còn những “cộng sự” của ông?

Martin lắc đầu, thú nhận:

- Nói thật, không ai đủ vũ khí để chống những con quỷ dữ như thế. Với lại... chúng cứ tràn trường mà đi lại khắp nơi. Chúng còn chơi trò gài bẫy, phục kích. Hơn nữa...

Aude lắng tai chờ hắn nói tiếp, vẻ mặt đáo đẽ. Nàng rất tinh ý, thấy Martin ngừng lại là cảm thấy ngay hắn có điều gì khó nói.

- ... hơn nữa, chúng không đụng đến chúng tôi.

- Ông nói thế, nghĩa là họ đồng minh với ông?

- Không bao giờ! – Martin vội nói ngay. Nhưng chúng chỉ nguy hiểm khi người ta tấn công chúng. Mà chúng tôi không đại gì tấn công.

- Thế chúng tôi – Aude vặc lại – chúng tôi có tấn công chúng đâu.

- Ai biết đâu.

Aude còn quá trẻ, không biết lịch sử bi thảm của phái Tin lành. Nàng không sống cái giai đoạn kinh hoàng khi ý tưởng mới do Luther tung ra bắt vào những trí óc sôi sục bất mãn vì bị tước đoạt, tạo ra hàng loạt giáo phái sử dụng quyền tự do một cách cuồng loạn để trả thù. Tối hôm ấy, Aude hỏi, Richer mới kể về số phận bi thảm của phái anabaptit, dẫn đến xu hướng phá phách đến kỳ cùng của họ. Và lần đầu tiên, ông nói đến những cực hình kinh khủng mà những con người khốn khổ đó phải hứng chịu trên khắp châu Âu.

Dù câu chuyện thương cảm đến mấy, Aude cũng không thể thương hại những kẻ đang đe dọa mình. Nàng đôn đốc ai nấy tổ chức lại, cử người canh gác khắp chung quanh, ra lệnh không ai được đi xa mà không có lý do. Khốn thay, những biện pháp đó có hiệu quả thật, vì không ai bị hại nữa, song lại làm tinh thần mọi người suy sụp đến thảm hại. Sau một hồi bố trí rục rịch có vẻ náo nhiệt, không khí lại chùng xuống. Không được lộ mặt ra ngoài, ai nấy chỉ ru rú trong mấy gian nhà chật hẹp. Hơi một tí là sinh chuyện lục đục. Đánh nhau đã xảy ra giữa một ông chồng với một anh lính đã dám nhìn lâu vào vợ anh ta.

Cuối cùng, Aude tìm gặp chú. Cái nhọt bọc trên bả vai vị mục sư đang sưng tấy, ông ta nhăn nhó vì đau đớn.

- Chú hãy nói cho cháu biết sự thật. Liệu Genève có cho người đến cứu ta không?

Richer suy nghĩ hồi lâu:

- Calvin không bỏ chúng ta đâu, chú chắc vậy. Nhưng...

Aude cảm thấy ông còn e ngại, chưa muốn nói.

- Chú cứ nói thẳng xem nào.

Viên mục sư hiểu cô cháu gái rõ hơn từ khi nàng dám tấn công Just và nhất là từ khi nàng tỏ ra có uy tín lớn trong đám người lưu vong. Nói xấu người thầy tinh thần là điều không bao giờ ông muốn làm, song lần này ông buộc phải nói thật với Aude:

- Calvin là người không dễ chơi. Là ý ta nói ông ấy rất kỹ tính. Không ưa những ai làm hỏng việc. Nếu việc chúng ta không được trình bày rõ, có thể ông ấy không bằng lòng vì chúng ta đã không dặt mũi nổi Villegagnon. Tóm lại, ta e rằng ông ấy sẽ chỉ phúc đáp bằng một lá thư vừa trách móc vừa khuyên nhủ.

- Ông ấy sẽ bỏ rơi ta?

- Không phải – Richer hồi là đã làm hoen ố hình ảnh của nhà cải cách vĩ đại. Và Calvin thì dính gì đến chuyện này. Tất cả đơn giản chỉ là chính trị. Có hai khả năng: một là lúc này Genève vẫn còn quan hệ thân thiện với Pháp, thì họ sẽ khuyên ta nên tìm cách thỏa hiệp với Villegagnon. Hai là giữa hai cường quốc lại bùng lên các cuộc chiến tranh tôn giáo.

- Trường hợp ấy thì sao?

- Trường hợp ấy, họ không thể gửi viện binh tới cho ta. Vì hoàng đế nước Pháp sẽ không để họ được dùng hải cảng mình.

- Nếu vậy đảng nào chúng ta cũng chết.

Richer suy nghĩ một lát, rồi như trút được nỗi lòng canh cánh bấy lâu:

- Sai lầm của ta là đã không thân chinh đi về. Chartier tốt thật, nhưng ông ta không thạo ngoại giao. Ta hiểu Calvin hơn, sẽ biết thuyết phục ông ta, nêu rõ tầm quan trọng của cái thuộc địa này và những sai lầm của Villegagnon. Cả trong trường hợp nước Pháp gây cản trở, ta sẽ tìm được hỗ trợ ở Hà Lan hoặc ở Anh.

- Có thể bây giờ chưa muộn. Chú hãy về đi! Chúng cháu sẽ đợi.

- Nhưng bây giờ ta ăn nói sao đây? Lúc Chartier ra đi, chúng ta còn ở đảo, mọi việc còn khả năng. Nay chả nhẽ ta báo cáo với Calvin rằng các đệ tử của ông đang ở trong ba căn lều rách nát, và chúng ta vượt Đại tây dương chỉ để cho một nhóm anabaptit lùng bắt và tiêu diệt hay sao?

- Nếu vậy, tất cả chúng ta cùng về – Aude nói.

Mục sư phản đối một cách yếu ớt. Ông nhận thấy cô cháu gái có sự bình tĩnh quyết đoán và lòng can đảm, khiến ông tự hào, ngay cả khi hoàn cảnh bắt buộc những đức tính ấy phải phục vụ cho một mục đích mà chính ông cũng không muốn theo một chút nào. Sự bạc nhược, thái độ bỏ bê tất cả của ông không làm Aude vui nhưng ít nhất, bây giờ mọi việc cũng đã rõ ràng: Aude thấy rõ mình phải làm gì.

Hôm sau, nàng lên gặp Martin. Nghe nàng nói ý định của cánh Tin lành, tên này thở phào nhẹ nhõm. Hắn đã chán phải cu rùa mang mãi nhóm người vô dụng này mà chẳng thu được lợi ích gì. Chúng đã kiệt, không còn gì để trả giá những thứ hắn cung cấp. Đã thế, chúng có nguy cơ làm hỏng sự liên kết tạm thời của hắn với Villegagnon. Mỗi lần qua đây, Vittorio đều nhắc lại lời nhắc của Villegagnon ông sẽ không gây chuyện với đất liền, song mong muốn bọn Tin lành phải mau bị tổng khứ khỏi Guanabara. Bây giờ chúng tự xin đi, làm vừa tất cả mọi người.

Martin thương lượng để họ được lên một tàu chở hàng của người Bretagne có mặt gần đó. Tàu đã cũ nát, cần về gấp cảng Brest nước Pháp để sửa chữa. Lúc đầu viên thuyền trưởng định chở gổ về, song như vậy e quá trọng tải có thể chịu đựng, nên nhận chở người với điều kiện khi đến nơi phải trả tiền. Chở người có cái tiện là nếu gặp chuyện bất ưng, có thể quăng vài người xuống biển cho tàu nhẹ bớt.

Non một tuần sau, đám Tin lành được đưa xuống thuyền để chở lên tàu. Sau một thời gian bệnh tật, một số người bị quật ngã, cộng thêm với số bị bọn anabaptit sát hại, nay còn tổng cộng hai mươi hai nhân mạng. Nhìn chiếc tàu cũ kỹ, hư nát, ai nấy đã rầu rĩ càng thêm rầu rĩ, thêm vào đó, họ còn khó chịu khi nhận thấy tên con tàu là *Sainte-Marie*. Viên thuyền trưởng thẳng thừng dồn họ xuống khoang hầm loang lổ dầu mỡ, ngổn ngang quả thối và cứt khỉ. Bản thân ông ta cũng giống con tàu: thô lỗ và nhem nhếch,

luôn ở trần, phô bộ ngực xê những mỡ, lông mọc cả ở vai và lưng. Aude thử thi thố uy lực của đôi mắt sáng quắc, định hạch sách về chuyện hầm tàu bản thủ, song mới nói đến câu thứ ba đã bị hấn tặc cho hai cái tát để nhắc nhở ai nấy hiểu rõ thân phận của mình. Thuyền trưởng đã thế, thủy thủ ắt không hơn.

Tàu bắt đầu đi, hóa ra điều đáng lo sợ nhất chưa hẳn là lão thuyền trưởng hung hãn. Nói rằng tất cả các cánh buồm đều tã rách còn là nhẹ: vá chằng vá đụp, không tìm thấy miếng nào là miếng còn lại từ buổi đầu tiên. Cột buồm cong vẹo, các mảnh của vỏ tàu lung lay, cốt kết liên hồi theo nhịp sóng, như có thể vỡ bung bất cứ lúc nào.

Từ trong vịnh đi ra, tàu thận trọng lái ra thật xa đồn Coligny, phòng nhờ Villegagnon nổi nóng phóng ra một loạt đạn lớn. Dù chuyến vượt biển rất bấp bênh, đám Tin lành rất mừng thấy xa dần cái bờ biển chết tiệt. Ngọn núi hình bánh ngọt sừng sững nhìn họ đi qua, với vẻ thân nhiên ngu ngốc của thiên nhiên trước mọi đau khổ của con người, khiến niềm khát khao chế ngự và chinh phục nó càng mãnh liệt. Trời rất đẹp, chỉ có hai nỗi khổ lúc nào thiên nhiên cũng có sẵn mà họ phải gồng mình chịu đựng: ánh mặt trời gay gắt, và tiếp theo là dông bão.

Ra đến cửa vịnh, sóng lưng bắt đầu mạnh. Đụng tới biển khơi, con tàu càng rên rỉ cốt kết. Và thế là sự cố xảy ra sớm hơn dự kiến của thuyền trưởng: một mảng mũi tàu vỡ tung, nước ủa vào như thác. Tất cả mọi người lập tức được xua về đuôi tàu cho nhẹ đằng mũi, cho lỗ thùng được nâng cao hơn mặt nước để thủy thủ ra sức tạm bịt chỗ vỡ.

Sau một hồi bàn bạc nội bộ, thuyền trưởng quyết định phải giảm bớt trọng tải. Phải quăng một số thùng nước, thùng bột xuống biển. Do số lương thực còn lại ít đi, nên vừa đề giảm sức nặng cho tàu vừa giảm số miệng phải nuôi, lại yêu cầu tám trong số hành khách phải trở về đất liền. Tàu không có thuyền phụ, tám kẻ xấu số phải chen chúc nhau trên một cái mảng hẹp để bơi vào bờ. Tiếng phản đối, rên la nổi lên, và sau khi được hứa sẽ có thêm tiền khi đến bến, thuyền trưởng mới chịu hy sinh bốn chú khi thế chỗ hai người. Song vẫn cần bớt đi sáu. Cuối cùng năm người thợ và một anh lính cũng đành chịu mạo hiểm xuống mảng.

Tàu tiếp tục đi, tiếng kêu vĩnh biệt xé lòng tiễn đưa sáu con người đang phải dùng cả tay lẫn chân bám chắc vào mảng để không bị rơi xuống biển.

Tuy nhiên bờ biển chưa xa lắm, con mảng theo luồng nước lừ lừ trôi vào. Lại lướt qua ngọn núi hình bánh ngọt vẫn thản nhiên nhìn họ như trước. Đêm ập xuống, mấy người không điều khiển nổi, để mặc cho mảng trôi theo dòng, cập đất chỗ nào lên chỗ ấy.

Càng vào sâu trong vịnh, dòng nước càng yếu nhưng chiếc mảng vẫn xoay tít như một cái nút chai. Trời tối đen, không thể nhận ra mình đang ở đâu. Cuối cùng, khoảng nửa đêm, tiếng chạm nhẹ chứng tỏ mảng đã cập bờ. Nó trôi thêm một lúc nữa rồi mới dừng lại hẳn trong một vịnh đã ngằm nhỏ. Một người liều nhảy xuống mò mẫm trên những khối đá sắc nhọn nổi sát mặt nước. Một lúc sau, anh ta quay lại báo là đã vào đất liền thật rồi. Cả bọn liền lên bờ. Chỉ đến khi sáng rõ, nhìn thấy bức tường thành sừng sững trên đầu, mới biết lại là hòn đảo có Coligny.

- Nó đã khai ra chưa?

- Thừa đô đốc, rồi ạ – tên đao phủ, tay giơ một tờ giấy dính máu, hãnh diện đáp. Villegagnon đưa mắt nhìn kẻ khốn khổ bị treo sát tường, hai cổ tay bị vòng sắt kẹp chặt, ngực bị kim nung đỏ róc ra từng mảng thịt, miệng vết thương vẫn còn bốc khói, khắp người ngang dọc vết roi quất. Quanh cổ còn in rõ vết đỏ do bị xiết chặt đến chết ngất.

Nước uống không có vị gì khi người ta không khát. Cũng vậy, nhìn con người đau đớn sẽ không thích thú nếu không có lòng hận thù. Nhắm nháp sự khoái trá trước cảnh tên huygonô bị tra tấn thảm hại, Villegagnon thấy sự căm ghét con người trong ông đã tăng rõ rệt. Thôi rồi cái thời kỳ khoan dung ngu ngốc. Chịu khó xem kỹ, thế nào ta cũng thấy được cái xấu trong con người. Đô đốc tự trách mình đã không sớm hiểu ra điều đó, không chịu nhìn nhận con người một cách khôn ngoan hơn. Tên khốn này chẳng hạn, nếu là trước kia ông sẽ tin nó chỉ là kẻ đắm tàu tình cờ dạt vào đảo. Bây giờ thì không: phải truy đến kỳ cùng. Và ông đã tìm ra. Sự thật đã rành rành trên mảnh giấy tự khai này. Ông khoái trá đọc:

- “Tôi thú nhận định lên lên đồn Coligny để gieo mầm rối ren, phản loạn. Đồng bọn của tôi đang trở về Genève để cầu viện, hòng trở lại chiếm đảo. Nhiệm vụ tôi là hạ sát đô đốc Villegagnon, lan truyền những lời giáng chống lại Roma và Giáo hội cơ đốc”.

Villegagnon bỏ tờ khai vào trong túi, nói với tên đao phủ:

- Rất tốt. Chúng đều khai giống nhau. Những tên mày tra tấn hôm qua đều nói cùng một ý.

Tên đao phủ cười nịnh, chùi đôi tay đầy máu lên vạt áo. Đô đốc kết luận:

- Vậy là sự thật đã rõ.

Trước khi ra, ông quay lại, dặn thêm:

- Đưa thằng này về giam chung với cả bọn. Giữ cho chúng sống tươi tắn, để mai đưa ra xử.

Bãi trống trước dinh thống đốc được trang trí đặc biệt để vụ xử án tiến hành thật trang trọng. Đang mùa khô, bức tranh khổng lồ của Titien vẽ hình Đức Mẹ được dựng trước bến thuyền, đứng từ đất liền bên kia cũng trông thấy. Villegagnon hoan hỉ được mặc bộ quần áo mới đặt các thợ may may riêng cho dịp này. Ông ngồi trên bục cao, bên cạnh Gonzagues. Ông này lâu nay khập khừ, ốm yếu, chẳng được tích sự gì, nhưng bây giờ đóng vai quan tòa cũng tạm được. Ông đang đắm mình trong những điều mộng tưởng thơ mộng, trông có thể lầm là ông đang ngẫm nghĩ cách xử tội cho thật nghiêm khắc. Người thứ ba được chọn trong số thợ cao tuổi nhất, coi như đại diện cho dân chúng.

Lần lượt sáu tên huygonô bị đưa ra nghị án. Chẳng ai lạ gì kết quả: tất cả đều bị xử tội chết, mà thật ra họ bị hành hạ mười phần đã chết đến tám. Vừa trừng trị vừa nhằm tạo thêm thú vui cho công chúng, tòa quyết định thi hành án bằng nhiều cách: sẽ có hai người bị treo cổ, hai chặt đầu và hai dìm cho chết đuối. Cách cuối cùng này làm cho công chúng thích thú nhất: nạn nhân bị xích vật nặng quanh cổ rồi quăng xuống biển. Nước ở vịnh rất

trong, mọi người như đứng trước tấm kính nhìn thấy chúng giẫy giụa, hấp hối. Có người còn háo hức đứng chờ ở mép nước xem đàn cá đến rửa xác.

Chưa bao giờ Villegagnon được lòng dân chúng đến vậy.

CHƯƠNG 7

Vết thương của Just đã lành. Tuy nhiên, dù thể chất đã hồi phục, chàng vẫn nằm dài, đờ đẫn, không nghị lực. Hết bệnh xác thịt đến bệnh tinh thần, cứ như Aude đâm vào sườn chàng nhưng đã đánh trúng tim.

Chàng hồi tưởng lại những hình ảnh của cuộc đời đã qua mà không mấy may xúc động. Những giấc mộng của chàng đã vỡ tan như những quả bóng bị lưỡi dao oan nghiệt của Aude đâm thủng. Nào dòng họ Clamorgan với truyền thống thượng võ, nào những trận chiến vẻ vang của cha ở Ý, nào những mơ ước huy hoàng về nước Pháp Nam cực, những thứ trước đây chàng coi như vật thể có thực, nay chỉ còn là ảo ảnh trong sương. Từ nay, mắt chàng đã mở, không gì có thể đánh lừa nữa. Nhưng thế giới tâm thường của hình thức bên ngoài không thể quay trở lại được nữa, tuy đã thay thế cho thế giới của ảo tưởng. Bởi vì chúng đã bị nhìn thấu rồi. Bề ngoài của tất cả những người xung quanh chàng đều che giấu những vực thẳm thật ghê sợ. Aude, thoát đầu kiêu diễm, đáng yêu là thế, đã nhanh chóng chứng tỏ hận thù có thể khoác áo tình yêu, hèn hạ đội lột sắc đẹp, và những lời ân ái ngọt ngào có thể che giấu âm mưu tội ác. Villegagnon nữa, ông ta cũng là con người khác, không như chàng tưởng. Từ khi chàng bị thương, đồ đốc vẫn hàng ngày đến thăm, kể chàng nghe những việc vừa làm và sắp làm, và để chàng thêm khuây khỏa, mô tả tỉ mỉ cách trừng phạt, tra tấn mấy tên huygonô bị bắt, không giấu giếm lòng hận thù tàn ác từ nay ông sẽ lấy làm phương châm hành động. Sao Just lại đi ngưỡng mộ một con người như thế? Tại sao có lúc Just tưởng ông ta tốt bụng? Trong hai người, không rõ ai đã thay đổi. Nhưng Villegagnon không thể trút lên đầu mọi người cơn giận dữ độc ác đến thế, nếu không nung nấu tâm địa ấy từ lâu. Như vậy là trước đây, ông đã tự kiềm chế không để lộ ra. Từ nay mỗi lần phải tiếp ông, chàng rất chán và hờ hững; thái độ đó Villegagnon coi là xuất phát từ sự mệt mỏi, thực ra là sự phản kháng không thể nói ra.

Và Just buộc phải nhìn ra cho rõ mặt xấu xa được che giấu ở bất cứ người nào trên hòn đảo này. Dường như ai cũng bị lộn ngược lại như ta lộn một cái áo, để lộ mặt bẩn thỉu bên trong. Bản thân chàng cũng phải chịu sự lột mặt ấy. Cả cuộc đời chàng đã để lộ sự hèn nhát, bất định, sai lầm. Dưới

điều bộ phong lưu cao quý, chàng chỉ làm mỗi việc là thỏa hiệp và chịu đựng bao điều dối trá dựng lên để tự huyễn hoặc và làm ra bộ tin tưởng.

Riêng Colombe là người duy nhất không phải xét lại theo lăng kính ấy. Just nghĩ đến đôi mắt trong sáng của em gái, đôi mắt không còn muốn nhìn thẳng vào mắt chàng nữa, và chàng thử đặt mình vào địa vị của nàng để nhìn nhận lại mọi việc. Sao ta không hiểu em sớm hơn? Sao ta lại hèn nhát không chịu nghe điều nàng định nói? Nàng đã sớm nhìn ra thực chất của mảnh đất thuộc địa này sẽ chỉ là tàn phá và máu lửa. Nàng đến báo tin sẽ bỏ đi, mà chàng không thêm nghe. Nàng đã nhìn thấy trước sự phản trắc trong cái mà chàng tưởng là tình yêu ở con người sau này sẽ cầm dao đâm chàng.

Đổi lại những tiếng nói chân lý, chàng toàn viện ra những điều dối trá. Dối trá về việc cải trang thành con trai mà chàng đã dễ dàng chấp nhận, mà chính nàng đã vứt bỏ trong một cơn tuyệt vọng. Dối trá về một ảo vọng vinh quang mà chính chàng cũng không tuyệt đối tin tưởng. Dối trá, việc cứ để nàng tin hai người là anh em để che giấu những tình cảm của mình. Lúc nhỏ, để cho nàng tưởng mình là em gái, là một cách để tỏ lòng yêu quý nàng. Song kéo dài mãi trò đó chỉ có tác dụng ngăn không cho tình yêu đó lớn lên và trưởng thành, cũng như hai anh em đã lớn lên và trưởng thành.

Khi phá tan bức tường ảo ảnh sai lầm, ít ra Aude cũng làm một việc hay: làm lộ ra cái lõi bên trong của tất cả các vỏ bọc, đó là tình yêu của chàng với Colombe. Khốn thay, khi chàng nhận ra điều đó thì đã quá muộn để nuôi dưỡng cho nó lớn lên, quá muộn để tỏ bày cũng như để hưởng niềm hạnh phúc.

Dần dần, Just đứng dậy, mặc quần áo, đi dạo trên bãi cát. Chàng chỉ nhìn ra biển, tránh hết sức quay nhìn phía đảo, nơi có những giá treo cổ và phòng tra tấn. Kể cả bức tường thành, trước đây chàng hãnh diện là thế, nay chỉ gọi những đau thương. Chàng chỉ nhìn ra biển. Trong cảnh thiên nhiên rực rỡ nhiều màu xanh, nơi ánh xanh biếc của nước hòa tan nắng vàng thành nhiều mảng đậm nhạt khác nhau, chàng tưởng như đọc được bức thông điệp bí ẩn và khó nắm bắt của những tình cảm dạt dào trong lòng. Còn tâm hồn nhức nhối và monh manh của chàng thì lại lơ trôi giữa một tương lai trống trải như bầu trời và một quá khứ đầy sóng gió như biển thẳm.

Chính trong một lần chàng đi dạo, cách buổi hành hình không lâu, Villegagnon đã đến gặp chàng để nói ra quyết định của ông. Thấy ông tiến tới gần, Just có cảm giác khó chịu của người bị quấy rầy trong lúc đang suy nghĩ mơ màng. Nhưng sáng hôm đó, Villegagnon có vẻ ít hung hăng hơn mọi ngày. Dường như khi đi dọc bờ cát, ông cũng được thấm lây cái yên bình của biển. Bộ quân phục lờ lợt, dính dải trang sức kim tuyến lóng lánh, mà thường ngày ông vẫn diện trong nhà, giữa đám tử gỗ mun kiểu cách và thảm phương đông treo la liệt, trông đỡ kỳ cục hơn nhiều trong khung cảnh hùng vĩ của vịnh biển. Ông cất giọng nói nhỏ, như nói cho chính mình. Just cảm thấy, từ khi bị thương, chàng cần cho Villegagnon nhiều hơn. Đến thăm chàng hàng ngày, có lẽ đô đốc muốn tìm đến một niềm thương mến nào đó làm dịu bớt cơn lốc bạo lực ông đang lao vào. Không may cho ông, ông lại tìm đúng vào con người đang chuyển lòng ngưỡng mộ thành căm ghét, nên không thể đáp lại tình thương của ông.

- Ta đã nghĩ kỹ – Villegagnon nói – Tình cảnh chúng ta thật bế tắc.

Sự thú nhận thất bại từ miệng đô đốc nói ra là không bình thường. Quả nhiên, ông chuyển sang hành động tiếp. Ông ngẩng mặt kiêu hãnh nhìn ra phía chân trời, tuyên bố:

- Ta phải về Pháp.

Mặc lời tuyên bố bất ngờ, Just giữ vẻ dửng dưng.

Villegagnon nói tiếp:

- Đồn đã xây xong. Lúc chúng ta còn yếu, bọn Bồ Đào Nha không tấn công, vậy là chúng ta đã mất cơ hội. Mảnh đất này từ nay sẽ an toàn. Chúng ta phải tiến xa hơn, khai thác thật nhiều gỗ, đi sâu vào lục địa, ở đó chắc có nhiều mỏ vàng. Bọn Tin lành cuốn xéo rồi, đã đến lúc ta phải tiến đánh quét sạch bọn lục lâm ở bờ bên kia. Khốn thay, theo những tin tức ta nhận được về lực lượng của chúng, muốn thắng chúng ta cần có hẳn một đạo quân hùng mạnh, nhiều phương tiện mới, và cả tiền nữa để mua tin tức. Cứ ngồi đây thì không thể có. Ta sẽ về kiếm những thứ đó ở Paris, thuyết phục nhà vua để ngài ủng hộ sự nghiệp của chúng ta.

Ông ta lại sắp say sưa diễn thuyết về nước Pháp Nam cực vinh quang đây – Just nghĩ vậy, và thấy mình không còn sức để nghe. Nhưng đột nhiên, Villegagnon lái sang chuyện khác:

- Hồi đánh thành Alger, ta có gặp Cortés. Chưa bao giờ ta thấy người nào thảm hại hơn ông ta. Just từng nghe đô đốc so sánh công cuộc chinh phục Brésil của mình với việc Hernan Cortés chinh phục Mêhicô. Nhưng đây là lần đầu ông kể chuyện gặp Cortés.

- Ông ta người bé nhỏ, đen như củ súng, lại lắm thói tật, trông như một lão keo kiệt, vậy mà đã đem lại cho Charles Quint nhiều vương quốc mới, hơn tất cả mọi tướng tài nào khác. Mình ông đã đánh bại vua Mêhicô, đem vàng châu Mỹ về làm giàu cho Tây Ban Nha. Lúc ta gặp ông là lúc ông đang bị thất sủng và ra sức lập công để mong quân vương đoái thương.

Vài người đi dạo ở mép nước, thấy đô đốc đi tới, vội lảng xa. Song ông không để ý, tiếp tục đoạn hồi ức:

- Trong khi ông ta xả thân để chinh phục Tân Thế giới, lại có người vu cáo ông. Bọn nịnh thần xảo trá tâu lên rằng ông là mầm phản trắc, và Charles Quint đại độ nghe theo chúng. Khi Cortés trở về, ông bị đối xử không ra gì. Song ông vẫn tìm mọi cơ hội để vua nghĩ lại. Nhân vua muốn tiến hành cuộc chiến thập tự chinh đánh Alger, diệt trừ ổ cướp biển hoành hành ở vùng Địa Trung Hải, Cortés liền nắm lấy cơ hội này để lập công.

Just chẳng có bụng dạ nào để hỏi tại sao Villegagnon là người Pháp lại dính vào chiến dịch của Tây Ban Nha chống Thổ Nhĩ Kỳ, trong khi vua Pháp François đệ Nhất coi Thổ như đồng minh. Song Just không hỏi mà Villegagnon đã nói:

- Lúc bấy giờ ta phục vụ theo yêu cầu của dòng Malta, dòng này cũng mong bọn man rợ ở Địa Trung Hải bị tiêu diệt.

Rồi ông hạ thấp giọng, nói thật khẽ như sợ có ai nghe biết:

- Và tất nhiên, ta còn làm tình báo cho Hoàng đế nước Pháp.

Chuyện đã đi quá xa. Villegagnon vội trở lại vấn đề:

- Tóm lại, ở Alger, khi chúng ta đổ bộ lên thì bão to, không thể tiến công. Công tác chuẩn bị kém. Ai cũng thấy thất bại đến nơi, kể cả ta trước đó khá hung hăng. Nhưng Cortés cứ muốn lập công. Ông ta đứng giữa trời mưa, ướt như chuột lột, gào: “Phải tiến lên! Phải tiến lên!” Hoàng đế nhìn ông ta, khinh bỉ như nhìn một chàng hề. Thảm hại, thật thảm hại.

Đô đốc ngăm nhìn biển, lắc đầu:

- Cortés chết trong cảnh bần cùng. Người ta nói phút cuối ông còn chạy bám sau xe của vua để xin cứu giúp. Ta thì không muốn bao giờ rơi vào cảnh ấy.

Lần đầu tiên Just nghe Villegagnon nói tới cô đơn và thất bại.

- Mẹ kiếp, không bao giờ! Ta sẽ không để cho bọn hèn nhát vu cáo. Đánh rằng ta muốn bọn huygonô cuốn xéo, nhưng bây giờ chúng đã tìm được về châu Âu thì cũng đáng ngại đấy, cháu hiểu không? Truy hỏi mấy tên trôi giạt vào đảo vừa rồi chúng tỏ: nhất định chúng sẽ nói xấu ta, rêu rao những điều không hay về ta. Và thế nào cũng có những quân sư quạu mo tâu lên Hoàng đế Pháp rằng không có lửa sao có khói. Thế là mọi chuyện có thể xảy ra: hoàng đế sẽ không tán thành ta. Tối thiểu thì ngài cử một đội quân sang do một tên Du Pont khác cầm đầu, vừa bước chân lên đây hẳn sẽ tuyên bố thay thế ta.

Vừa đi vừa giảng giải dài dòng, Villegagnon cùng Just đã tới trạm canh phía tây. Đô đốc đứng thẳng, nhìn ra biển rộng:

- Vì thế cho nên ta phải đích thân về nước trình bày. Ta còn một tàu, và đã ra lệnh chuẩn bị. Tám ngày nữa ta sẽ lên đường.

Just từ nãy đầu óc như rỗng tuếch, không biết nên quyết định thế nào: tháp tùng đô đốc về Pháp, hay còn khả năng nào khác?

Chàng đang lựa chọn thì nhận ngay được mệnh lệnh:

- Trong khi ta đi vắng, cháu sẽ nhận trách nhiệm đứng đầu đảo – Villegagnon tuyên bố trịnh trọng.

Mệnh lệnh ấy đến với Just như mũi tên trúng giữa trán. Xét cho cùng, như vậy là hợp lý, không cách nào khác. Le Thoret đã bỏ đi. Bois-le-Comte đã về và ở lại Normandie. Gonzagues đã hoàn toàn kiệt sức trong các cuộc xung đột tôn giáo. Các sĩ quan khác cũng tốt, song không có khả năng lãnh đạo. Villegagnon đã dày công dạy dỗ Just, coi chàng như thái tử kế nghiệp. Chàng có đủ đức tính cần thiết, chỉ thiếu lòng tự nguyện. Đô đốc dù vô tình, cũng cảm thấy điều đó, song lại nghĩ tự nguyện rồi sẽ đến bằng mệnh lệnh, nếu tốt hơn nữa bằng một lời tuyên thệ. Ông đưa ngón tay chỉ lên ngực Just, nói:

- Cháu hãy thề trên hương hồn bố cháu là sẽ giữ mảnh đất này cho đến khi ta trở về. Hãy thề bảo vệ lãnh thổ này chống bất cứ ai xâm phạm nó, thà hy sinh chứ không chịu đầu hàng.

Như mỗi lần có việc công, Villegagnon cất cao giọng với bộ dạng cường điệu đến lối bịch. Song đồng thời, thân hình cao lớn, dáng dấp nghiêm trang của ông cũng nói với Just rằng đây không phải chuyện để lẩn tránh hay đùa cợt. Chàng bất giác thốt lên:

- Tôi xin thề!

Và thế là chàng trở thành thống đốc của nước Pháp Nam cực.

*

* *

Paylo ngày càng yếu. Dù thời tiết tốt, mặt trời ló rạng, ông vẫn ho và nằm một chỗ. Người ta đưa ông ra sân nằm võng hàng giờ liền, bất động đến mức có lúc hai, ba con sóc chạy nhảy và đến ngồi lên người ông. Tuy vậy ông vẫn nghe ngóng các tin tức mang tới. Ông biết Le Thoret, được ông cử người dẫn đường chu đáo, đã tới các cơ sở buôn bán của người da trắng, và từ đó đã về Pháp. Mấy hôm sau, lại có tin đưa về: con tàu cuối cùng đậu ở đảo đã nhổ neo, trên tàu có Villegagnon.

Colombe không rõ Just có rời đảo theo ông ta không. Từ khi được Le Thoret nói rõ nguồn gốc, nàng càng cảm thấy hai người có hai số phận riêng rẽ, thậm chí đối nghịch. Từ nay mỗi quan tâm chính của nàng là sắp xếp cuộc sống hòa nhập với thổ dân, tự tạo lập vị trí của mình để có tương lai sáng sủa. Paraguacu đi rồi, nàng ít ở với cánh phụ nữ, mà thích cuộc sống hoạt động của các chiến binh nam giới. Lúc nàng ngỏ ý ấy, họ có vẻ e ngại. Tục lệ Anhđiêng không muốn để phụ nữ dính tới việc phiêu lưu chiến đấu của đàn ông. Nhờ Paylo can thiệp, cuối cùng họ cũng dành biệt lệ cho Colombe. Hai người con trai của vị già làng nhận bảo trợ nàng. Họ dạy nàng bắn cung, vót tên, săn thú, hú giả các tiếng của rừng xanh. Rồi trong một buổi lễ do các phù thủy tổ chức, đầy tràn những lời thần chú và rượu cahouin, họ vẽ lên người nàng nhiều hình thù kỳ quái nhằm để thần linh phù hộ. Họ dán lên vai và thắt lưng nàng những chùm lông xanh và vàng. Ngoài việc gây cảm giác vướng víu khó chịu, bộ lông sặc sỡ ấy còn có tác dụng tránh cho người được trang trí khỏi bị thương và che bớt sự lỏa lồ của thân thể.

Colombe tham gia chuyến đi săn đầu tiên cùng một nhóm mười người, và cảm thấy vô cùng hạnh phúc. Ra đi từ mờ sáng, họ qua nhiều chặng đường, cảnh giác với mỗi tiếng động, ngủ dưới chân những ngọn núi cao, lội những con suối nước trong đến mức nhìn lầm con cá đứng im là đá.

Luôn phòng ngừa nguy hiểm, gặp điều gì bất ngờ người trưởng nhóm đứng dừng lại, lặng im nghe ngóng, và Colombe cảm thấy rất yên tâm. Dù đi giữa rừng rậm âm u, nàng thấy luôn được che chở. Tối đến, họ đốt lửa, lấy thịt khô mang theo ra ăn. Một lần họ săn được con nai, giết thịt, ăn một phần còn bao nhiêu lại mang đi.

Trong những chuyến hành quân dài dặc, Colombe ngấm nhìn đồng đội, ngửi mùi da thịt họ, ngưỡng mộ sức mạnh của những bắp thịt cuộn cuộn dưới làn da bóng nhẫy. Nàng ngấm nghĩ mãi có bao giờ nàng trở thành vợ của một trong số họ được không... Tuy nhiên, dù vẻ đẹp, sức mạnh của họ có sức hấp dẫn nhất định, nàng cảm thấy có một trở ngại bí ẩn cho ý tưởng ấy, mà nàng không thể nói rõ nguyên nhân. Phải chăng nét đẹp của người Anhđiêng thuộc một dạng khác, gần với thiên nhiên hoang dã? Mùi hương toát ra từ da thịt kia, dù khác hẳn, phải chăng cũng có họ hàng với mùi húng

rừng, mùi kinh giới mọc đầy trên các sườn núi? Và sự mềm mại, tinh khéo, nhanh nhẹn của họ phải chăng là một dạng khác của sức mạnh những con báo và linh dương thoăn thoắt giữa rừng già? Song vừa nghĩ vậy, nàng đã xua ngay cách giải thích ấy khỏi đầu óc. Nàng tự thấy mình đã quá thân thuộc với mảnh đất mà nàng giẫm lên bằng đôi bản chân trần này, quá hòa hợp với cỏ cây và thú vật trong rừng này, sao lại có thể coi mình khác họ, để có thể ngăn nàng gắn bó với người nào đó.

Đôi lúc, nàng nghĩ có lẽ trở ngại là ở đây: phải chọn một người trong khi nàng thân với tất cả nhóm. Họ còn coi nàng là bạn nữa hay không, nếu nàng tỏ tình với chỉ một. Nhưng lý lẽ đó cũng không thuyết phục. Nàng liền xua đuổi nó khỏi đầu óc, giữ riêng suy nghĩ cho mình và trở về tận hưởng niềm vui sống hiện tại.

Sau mỗi chuyến đi, họ lại có niềm vui trở về với Paylo, với tiếng cười tiếng nói náo nhiệt trong nhà, với các lễ hội. Nhiều lần như thế, Colombe thấy mình trưởng thành rất nhiều. Paylo khen nàng dũng cảm, tường thuật lại những lời anh em nói tốt về cách xử sự, sự dẻo dai, nhanh nhẹn của nàng mà trước mặt, ít khi họ nói ra.

Tuy nhiên, ông già đã quá suy yếu, và Colombe quyết định tạm ngừng các chuyến đi để ở nhà chăm sóc ông.

Không gì có vẻ bất tử bằng những người ta thường thấy yếu ớt, dễ tổn thương. Với Colombe, Paylo là người không có tuổi, vậy không có tận cùng, dường như ông đã qua cái chết rồi và nói với nàng từ bờ bên kia cuộc sống. Song những biến chuyển gần đây, cổ và tay gầy khùng khiếp, hơi thở gấp gáp, mắt lơ đãng, miệng há hốc nằm im hồi lâu, chứng tỏ ông sắp đi đến hết cuộc đời.

Tất cả mọi người trong nhà đều đi lại, cử chỉ thật nhẹ nhàng để ông được ra đi trong thanh bình yên tĩnh, ai có ngờ đâu mọi việc lại rối loạn đến vậy. Vì đột nhiên một buổi sáng, có tiếng chạy và rượt đuổi âm âm ngoài rừng. Colombe vừa kịp nhô dậy ngó ra cửa, đã thấy hai người xông xộc lao vào. Buổi sớm tinh mơ, trong rừng thường sáng chậm hơn. Những mảng tối nhập nhoạng vẫn còn lẩn khuất trong nhà khi ngoài trời đã sáng rõ. Lúc đầu, nàng chưa nhận ra là ai. Hai cái bóng cầm tay nhau, một người lớn hơn

người kia và đều lỏa thể, chứng tỏ đó là hai thổ dân. Paylo nằm ở phòng bên, cửa để ngỏ và có ánh đèn leo lét suốt ngày đêm. Tiếng đuổi bắt bên ngoài ngày càng gần, hai kẻ chạy trốn hoảng sợ chạy thộc vào phòng ông già. Ánh đèn soi vào mặt họ, và Colombe thốt lên một tiếng kêu: nàng nhận ra là Paraguacu, còn người đàn ông bên cạnh là chàng tù binh trẻ tuổi Karaya, mà trước đây nàng ngại không dám hỏi tin tức và cho là đã chết.

Cùng lúc, khoảng năm sáu chiến binh tay cầm chùy xông vào.

Định thần một lúc trong bóng tối, và khi trông thấy hai kẻ trốn chạy, họ lao tới, tay vung vũ khí. Nhưng lúc nhìn thấy vị già làng nằm đó, họ bỗng dừng cả lại, im lặng. Colombe cũng lên vào phòng. Paraguacu quỳ xụp xuống bên võng Paylo, van vãn:

- Cứu chúng con với!

Karaya vẫn đứng và lùi một bước, nép vào vách.

- Chuyện gì vậy? – Paylo mệt nhọc hỏi.

Tiếng nói của ông đã rất yếu và cố lắm ông mới giữ yên được bàn tay đang giơ ra để ngăn cản cảnh giết chóc. Một chiến binh liền tiến lại gần, cất giọng còn hỏn hển nhưng rất cung kính:

- Người này thuộc bộ tộc Margageat, đêm nay phải chịu hiến thân.

Karaya cúi mặt, có vẻ sẵn sàng chịu chết. Nhưng Paraguacu đã xấn lại như để che chở anh, lặp lại lời van nài:

- Người hãy cứu chúng con!

Paylo bỏ tay xuống, thông thả chớp mắt và gọi Colombe:

- Cháu đỡ ta dậy.

Nàng đến xóc nách đỡ ông ngồi trên võng. Ông nhả mặt ra vẻ mệt, song đưa mắt nghiêm nghị lần lượt nhìn cả kẻ chạy trốn lẫn người đuổi bắt,

nói:

- Các anh muốn ăn thịt hăn, phải không?
- Thưa, đó là luật – một thổ dân Anhđiêng đáp.

Paylo gật đầu:

- Đúng.

Paraguacu khẽ kêu lên, song ông già đưa tay, ra ý chưa nói hết:

- Anh ta bị bắt bao lâu rồi? – Ông hỏi.
- Dạ, hai mươi tuần trăng.

Paylo gật gù, yên lặng một lúc lâu, miệng trệu trạo như Colombe chưa từng thấy. Cuối cùng ông nói:

- Nay ta đề nghị các người hãy ăn thịt ta, thì anh nói sao?

Người Anhđiêng mở to mắt, ngạc nhiên.

- Phải, ta đây, các người có đồng ý ăn thịt ta không?

Nói rồi, ông hát hàm chỉ thân hình gầy đét phẳng lì dưới tấm chăn.

- Ông Paylo! – Người Anhđiêng thốt lên, thực sự ngỡ ngàng.

- Đúng như ta nghĩ, – ông già nói tiếp, giọng vui vẻ một cách khác lạ – các người không muốn. Anh có biết tại sao không? Ồ, không phải vì ta quá gầy, mà vì lý do khác.

Ở phòng bên, nghe có tiếng rì rầm của người kéo đến xem.

Paylo nói chậm rãi:

- Để ta nói nhé. Các người không muốn ăn ta, vì các người đã ăn ta từ lâu.

Trên bộ mặt nhăn nhui, ngay cả lông mi cũng bị nhô sạch, của người Anhđiêng lộ rõ vẻ kinh ngạc đau đớn và sợ hãi.

- Ta ở đây đã hơn năm mươi năm – Paylo nói. Thử tính xem: là mấy trăm tuần trăng. Ông buồn bã gật đầu. – Thế mà trong suốt thời gian ấy, có ngày nào mà các người không ăn thịt ta. Có mảnh nào của thân thể mà ta không giao phó cho các người. Các người đã ăn trái tim ta, cánh tay, trí óc ta, mắt mũi, dương vật ta và bụng ta. Tất cả, tất cả, các người đã nhai, đã ngốn hết và đã tiêu hóa hết.

Nói xong một hơi dài, Paylo quá mệt, người lão đảo. Song miệng ông vẫn lập bập, trông như vẫn đang đối thoại thăm thẳm những câu xã giao. Ông cố nói nốt, vừa nói vừa hát hàm chi Karaya:

- Cậu này cũng vậy, trong hai mươi tuần trăng, các người đã ăn đủ. Cậu ấy đã nằm trong các người, các người đã lấy được tình thần và sức mạnh cậu ấy. Cậu ấy đã thành người trong nhà. Luật đã được thực thi.

Người Anhđiêng đứng đầu nhóm có vẻ lung lay, không nói được gì, vừa vì kính trọng Paylo, vừa vì xúc động trước vẻ hiền từ và nỗ lực của ông già. Cuối cùng anh ta chỉ nói được một câu với vẻ phục tùng nghe nể sợ hơn là dọa dẫm:

- E rằng thần linh sẽ nổi giận.

- Không đâu – Paylo đáp.

Ông đã kiệt sức, phải cố mới giữ cho đầu khỏi gục xuống:

- Không đâu – ông nhắc lại. Vì ta cũng sắp xuống với các vị thần linh đây, mà ta cũng sẽ là thần linh. Ta sẽ nói với họ những điều ta vừa nói. Họ sẽ hiểu và nghe ra.

Lưng của ông già như gập xuống dưới sự đè nặng của thần chết. Chính là thần chết đã nói những lời vừa rồi qua miệng ông. Người ta có thể từ chối yêu cầu của một người sống, song không thể không nghe cái tiếng nói không còn của thế giới này.

- Cậu tên gì? Paylo ngược đôi mắt mờ đục nhìn lên người bạn trai của Paraguacu.

- Thưa, Karaya – chàng trai run rẩy đáp.

- Vậy thì, Karaya, ta mang cậu đi. Người ở lại đây không phải là cậu nữa, là một người khác... Người ấy từ nay tên là Angathu, và không ai đụng đến anh ta nữa.

Nói rồi, ông ngoẹo đầu, nhắm mắt.

Mọi người trong phòng đều quỳ xuống, cúi đầu. Một thời gian dài trôi qua, chỉ nghe tiếng thở dốc của người hấp hối. Im phăng phắc, và cái chết đã đến đón Paylo đi cũng với linh hồn của chàng trai ông vừa cứu vớt. Căn phòng bỗng có tiếng sột soạt, không ai biết đấy là tiếng thổi của gió hay tiếng vỗ cánh.

Lúc mọi người ngừng đầu lên, chỉ nhìn thấy đôi mắt Colombe lấp lánh bên người chết. Vừa tiếc thương mất Paylo vĩnh viễn, nàng vừa chua chát tiếp nhận bài học cuối cùng ông vừa dạy nàng. Nàng bỗng hiểu, dù gắn bó với cuộc sống Anhđiêng, có một cái gì ngăn nàng không được hòa tan vào đó. Paylo sẽ không bao giờ cứu được Karaya nếu ông không giữ nét độc lập khiến mọi người kiêng nể. Đúng là người Anhđiêng đã ăn thịt ông, nhưng chỉ vì tuân theo cái triết lý ăn thịt người của họ, đến lượt ông cũng đã ăn thịt họ đến mức ông đã buộc được họ chấp nhận khoan dung với Karaya, dù như vậy là trái với tục lệ.

Nhận thấy trong ánh mắt Colombe có cái nhìn sáng quắc của loài chim thiêng lưu giữ linh hồn người chết, thổ dân Anhđiêng hiểu ra rằng Paylo đã tranh sống lại trong người con gái ấy.

CHƯƠNG 8

Villegagnon đi rồi, Just trở thành người chỉ huy, song không biết mình chỉ huy cái gì. Phải nhận rằng hồi còn đô đốc, tính năng nổ, những cơn bốc đồng và trò tàn ác của ông cũng có cái hay là gây ra nhiều chuyện để ai nấy bận rộn. Nay vắng ông, hòn đảo trở nên bình lặng quá đáng đến mức trở thành chán ngán. Việc xây thành đã xong. Người ta đã nhồi thêm rơm vào tường và quét vôi trắng; cổng thành đã được lắp xong xuôi. Súng to đều đã được bố trí đủ ở các lỗ châu mai, muốn làm cũng không nghĩ ra việc gì để làm nữa. Ngôi nhà thờ, bên trong có bức tranh Đức Mẹ khổng lồ, cũng đã hoàn thành không mất nhiều thời gian lắm vì thợ xây đã quen vất vả với việc đào móng thành. Dinh thống đốc được sửa sang khang trang từ lâu, không còn gì để thêm bớt. Giờ chỉ còn việc hàng ngày cắt phiên canh gác, tiến hành đều đều trở thành nhàm chán. Nhưng dù rừng rú có đáng sợ thế nào chẳng nữa thì bây giờ, khi đã quen, người ta còn biết là còn có thể tin cậy vào nó nữa. Chẳng có chuyện gì xảy ra, nên các đội tuần tra đôi khi lười đến mức không buồn mang theo súng. Suốt ngày chỉ nhìn biển, nghe vượn kêu vẹt hót, ai nấy đều uể oải, và điều này còn nguy hiểm hơn mọi cuộc tấn công.

Uy tín của Just dần bị bào mòn trong tình cảnh ấy. Trước đây, chàng có ưu điểm gì, mọi người đã biết, nay chàng tự phơi bày nhiều nhược điểm. Trước hết, chàng không có khiếu bày ra các trò trừng phạt mua vui cho mọi người. Trong phòng hỏi cung, các dụng cụ tra tấn nằm tro tro, gỉ ngoét. Giá treo cổ vắng lặng, không có thêm nạn nhân. Just cũng không có khả năng đạo diễn các buổi thuyết giảng hùng tráng, nơi Villegagnon thường xuất hiện trong nhiều loại trang phục sắc sảo, bắt mắt. Trước khi đi đô đốc đã để lại nhiều bộ áo lễ, nhiều kiểu mũ, nhưng nếu Just đại dốt khoác lên người, ắt sẽ gây cười nhiều hơn là để lại ấn tượng. .

Có lúc chàng nghĩ định tiếp tục cho khai thác gỗ trên đất liền. Song khi Vittorio chuyển đạt ý kiến đó tới Martin, thì tên này phản đối, vì lo để nhiều người từ đảo sang sẽ gây rối loạn. Hơn nữa có chiếc tàu cuối cùng thì Villegagnon đã lấy đi rồi, không còn phương tiện để chở đi xuất khẩu.

Chỉ còn cách ngồi yên, chờ đợi. Thực ra sau mấy năm nỗ lực, cảnh an nhàn lúc đầu cũng có vẻ dễ chịu. Rủ nhau chơi bài, chơi súc sắc, rồi ca hát, phục hồi sức lực, con người đối xử với nhau lịch sự hơn. Song nếu kéo dài, không gì làm con người bải hoải hơn cảnh nhàn rồi. Không công việc, không cầu kinh, không trò vui; không còn bọn Tin lành để đối phó, không có đô đốc để nể sợ, không có quân Bồ Đào Nha để chiến đấu, ai nấy thất vọng đến sinh bệnh. Đầu tiên, vài người kêu mệt mỏi. Ở chung với người mệt mỏi thì người khác sinh ra nhức đầu, chóng mặt, đau bụng. Cuối cùng, những triệu chứng ấy lan ra thành dịch bệnh thực sự, có vẻ khá nghiêm trọng: mụn mẩn đỏ khắp người, rồi buồn mửa và sốt, nặng thì mê man bất tỉnh rồi chết. Khu nghĩa trang phía sau đồn bắt đầu có những ngôi mộ mới. Tuần đầu đã có năm người chết. Ác nghiệt thay, hai thầy lang vườn lại ra đi trước tiên, thành ra những bệnh nhân sau khỏi có ai chữa chạy.

Just cũng nằm bẹp mặt hai ngày, nhưng vốn là người nghị lực và có chức trách nặng nề, chàng gắng dậy được rồi hồi phục dần, may không bị di chứng gì. Nhưng chàng bất lực nhìn thấy hàng ngũ thừa vắng nghiêm trọng. Số nô lệ Anđiêng chết hết. Người da trắng thì cứ hai mất một, và những người ốm có đủ nghị lực để khỏi bệnh thật là hiếm hoi. Vài chục cái xác đã được vùi xuống cát đỏ. Duy Gonzagues không hề hấn gì, có lẽ mai mốt màng với thế giới riêng nên ông không bị dịch bệnh đụng tới.

Vài tuần sau, khi dịch bệnh qua đi thì số người sống sót còn quá ít, không đủ để phân bố hết cho các điểm phòng thủ. Số đại bác nhiều hơn số người biết bắn.

Tình hình thật nguy hiểm. Just ngày đêm toan tính cách bổ sung lực lượng. Phương sách thứ nhất là bắt liên hệ với các cơ sở của người Noóc măng. Việc này xưa nay đô đốc không chịu, song Just không sĩ diện như ông. Theo chàng biết, các thương nhân Noóc măng ở gần đó không nhiều và không thích chiến tranh; ít nhất họ có thể nhận cung cấp cho Just một số nhân lực Anđiêng để chàng tăng quân số. Cách thứ hai là sớm thông báo tình hình cho đô đốc biết, để ông gửi gấp viện binh.

Muốn vậy, cần phải đón các tàu buôn đi qua, tùy theo các tàu ấy đi tới hay đi lui mà đưa thư chàng viết sẵn, nhờ chuyển tới các thương nhân và tới đô đốc.

Chàng liền bố trí chòi quan sát, canh chừng xem có cánh buồm nào sẽ đi qua. Một sà lúp sẵn sàng bắt kè ngày đêm để lao nhanh về phía con tàu đầu tiên xuất hiện. Phải hai tuần sau mới thấy một con thuyền đi từ biển khơi vào, sắp qua ngọn núi hình bánh ngọt. Just lập tức nhảy xuống sà lúp, đốc thúc chèo thật mau, và non một giờ sau, hai con thuyền đã xấp mạn.

Just xin được lên gặp thuyền trưởng. Đây là một con thuyền cũ nát vừa chạy bằng buồm và chèo. Bên trong nhếch nhác vô tả; thùng chảo bẩn thỉu, sọt thùng, thùng gỗ nhầy nhụa, lưới rách chiếm gần như toàn bộ boong tàu. Người nằm ngời mệt mỏi ngã ngón khắp nơi. Mùi hàng hắc như khí amôniac nồng nặc xông lên từ dưới khoang khiến Just ngờ ngàng, mang máng như đã nghĩ thấy ở đâu không nhớ.

Viên thuyền trưởng đang dở giấc ngủ trưa, vừa tiếp vừa đưa tay giúp mắt. Just chưa kịp tự giới thiệu, ông ta đã hỏi:

- Đây là đâu nhỉ?
- À... chúng ta đang ở trong vịnh Guanabara.
- Trông ông có vẻ người Pháp? – thuyền trưởng có vẻ mừng hơn.
- Vâng, tôi là người Pháp – Just đáp.
- Vậy là ở đây không sợ có quân Bồ Đào Nha?
- Không.
- May quá – thuyền trưởng thở phào.

Để mừng cuộc gặp gỡ, ông mời Just theo mình vào phòng ở boong đuôi. Mời khách ngồi, nhưng ông xin lỗi vì không có gì để mới uống. May thay, Just đã phòng trước: để có thú gây cảm tình với người mình sẽ nhờ vả, chàng đã cho chất xuống sà lúp một thùng rượu madère, lấy trong kho dự trữ của đô đốc. Rượu được kéo lên tàu; thuyền trưởng lấy ra hai cốc sắt, vội vã chạm cốc và uống một hơi cạn.

- Ngon quá! – Ông thốt lên. Lâu lắm mới lại được nếm.

Thuyền trưởng người thấp nhỏ, mặt bết, Trước chắc cũng có da có thịt, nhưng chuyến đi lâu ngày và thiếu thốn trăm bề khiến ông tọp hăn đi, trông như một bộ quần áo quá rộng trên người một kẻ mới ốm dậy.

- Vậy ra ông đã hết cả lương thảo? – Just hỏi.

- Hết nhẵn, và hết đã lâu. Vì lẽ ra chúng tôi phải tới bến từ cách đây ba tháng. Tàu tôi đi Antilles.

- Nhưng đây là Brésil!

Thuyền trưởng tỏ vẻ ngán ngẩm:

- Tôi biết. Ở vùng xích đạo, chúng tôi gặp bão, nên tàu bị giạt về phía Nam.

- Sao ông không quay mũi lên?

Thuyền trưởng tọp nốt cốc thứ ba rồi mới nói:

- Khi nhìn thấy đất liền, tay hoa tiêu của tôi – hăn vừa mới chết bệnh tuần trước – nhận ra đó là bờ biển Sao Salvador. Chúng tôi liền đi hướng lên phía bắc, nhưng bị ngược gió, cái tàu tã này đi chậm rì rì. Và thế là bọn Bồ Đào Nha đuổi kịp chúng tôi.

- Tàu buôn?

- Không, hạm đội tàu chiến hăn hoi, dễ đến năm mươi chiếc.

Just tái mặt:

- Chúng từ đâu đến?

- Nào ai biết, chỉ biết chúng giống thảng ra khơi. Chúng tôi bị lọt thỏm vào cái đám lảo nháo ấy, hoảng quá.

Mặt Just tái nhợt, nhưng thuyền trưởng không để ý vì đang say câu chuyện:

- May thay, tàu chúng đông quá, lại có nhiều thuyền nhỏ đi lẫn vào, nên tôi quyết định thừa lúc chúng không để ý, gióng buồm lủi thảng về hướng nam, cứ thế chạy một mạch cho đến lúc chúng mất hút. Khi nhìn thấy cửa vào vịnh này, tôi tưởng là một nhánh sông, nghĩ có thể vào đây ẩn náu. Đầu đuôi là như thế.

- Nhưng bọn chúng đi đâu, ông có biết không?

- Bọn Bồ Đào Nha ấy hử? Thảng tiến về hướng nam.

- Có nghĩa là...

- Tôi đã lục địa đồ, và được biết Bồ Đào Nha có một thuộc địa nữa, quá về phía nam, chúng gọi là Morpion.

Rõ ràng là một hạm đội toàn chiến thuyền thì có việc gì làm ở Sao Vicente. Just bây giờ đã hiểu rõ mối hiểm họa:

- Không. Chúng đến gây chiến với chúng tôi đấy.

Chàng nói rõ tình hình, khiến thuyền cũng lo sợ ra mặt, kêu:

- Nếu vậy thì ở trong vịnh này cũng không yên ổn, vì chúng sắp đánh tới?

- E rằng đúng như vậy.

Thuyền trưởng cuống lên:

- Nếu thế, chúng tôi phải đi thôi. Mà lương thực thì hết sạch.

Chợt nảy ra một ý, ông bấu lấy tay Just:

- Thế này, nếu ông cung cấp ngay cho tôi lương thực và nước ngọt, đổi lại, tôi xin trao ông tất cả những thứ trên tàu. Mang theo chỉ tổ nặng, và lại chẳng nào cũng không chở tới đích.

- Tàu ông chở gì?

- Ngựa cho các trang trại ở Saint-Domingue. Đã chết đến ba phần tư, số còn lại không biết còn sống sót bao lâu.

Ra đó là nguồn gốc của mùi hôi bốc lên từ dưới hầm tàu, mùi phân ngựa, khiến Just nhớ đến lâu đài Clamorgan.

Just thất vọng:

- Tôi lấy ngựa của ông làm gì. Đảo chúng tôi bé tí, không cỏ mọc.

- Tôi xin ông – thuyền trưởng van vãn. Ông lấy chúng đi cho tôi. Chúng đang phát cuồng rồi. Người của chúng tôi không chịu nổi nữa, cứ vào là bị ngựa đá và cắn. Ngựa chết, lại càng khổ. Đã hai tháng này chúng tôi toàn ăn thịt ngựa, giờ nghĩ đến là tởm lợm.

- Còn bao nhiêu con?

- Năm.

Hồi trước Just rất yêu ngựa. Chàng nghĩ có thể lấy, giao cho thổ dân Anhdiêng trông coi. Đợi đảo dần hồi phục, nhất là sau khi Villegagnon trở lại, vài con ngựa có thể có ích.

Mãi bàn chuyện ngựa, giờ Just mới nhớ ra, trở lại vấn đề đang nguy cấp:

- Theo ông, độ chừng nào bọn Bồ Đào Nha có tới đây?

- Với tốc độ như hiện nay, – ông thuyền trưởng rên rỉ – thì tôi nghĩ ít nhất tám ngày nữa.

Just bóp trán suy nghĩ. Sự uể oải của những ngày vô sự gần đây đã biến mất. Chàng sắp xếp trong đầu nhiều phương án, nhanh chóng nhìn rõ phải làm gì lúc này. Chàng nói:

- Ông cho tàu ngược lên một chút tới mỏm đằng kia. Tôi sẽ truyền lệnh cho thổ dân, họ sẽ tiếp ngựa và cung ứng cho ông bột sắn và nước ngọt. Rồi ông muốn đi đâu thì đi.

Không chờ thuyền trưởng cảm ơn, Just xuống sà lúp quay về đảo. Thời gian gấp gáp lắm rồi. Chàng cử hai thủy thủ đi báo cho thổ dân lấy ngựa, rồi triệu tập những phụ trách chính của đảo. Nghe tin quân Bồ Đào Nha Sắp tấn công giữa lúc đảo thiếu người nghiêm trọng, ai nấy đều hết hoảng. Có người nói phải đề phòng nội phản, đề phòng bị bỏ thuốc độc. Ai nấy nhìn nhau nghi ngờ, như tuồng kẻ địch không phải từ bên ngoài mà là đang ẩn nấp ngay đâu đây, có thể dễ dàng với tay là đâm một nhát dao.

Just đưa họ trở lại thực tế. Trong trường hợp rối ren này, chàng tỏ ra bình tĩnh một cách tuyệt vời. Chàng phát ra những lệnh kiên quyết và cụ thể, làm yên lòng người. Vậy nên ai nấy ngạc nhiên xiết bao khi chàng tuyên bố sẽ đi ngay tối nay. Những người trước đây còn phân vân, chưa tin tưởng khi Villegagnon cử Just lên thay mình, nay càng yên trí chính Just là kẻ phản bội.

Nhưng kế hoạch của Just là rất rõ ràng và có tính toán, nên chàng giải thích được ngay để mọi người hiểu. Tuy mạo hiểm đấy, nhưng rất táo bạo. Chàng còn mạnh dạn đề xuất: ai không tán thành, xin thử hiến kế khác. Cuối cùng, mọi người nhất trí chấp thuận. Chập tối hôm đó, Just xuống thuyền sang bờ bên kia. Vừa đi chàng vừa nghĩ: lúc vắng mặt này lại chính là lúc uy tín của chàng được củng cố. Và chàng tập trung tâm lực vào con bài cuối cùng mình sắp chơi.

*

* *

Sáng hôm sau, Just gặp những người Anhđiêng và chứng kiến việc tiếp nhận ngựa. Dân Tupi nhận làm cái việc mà Just yêu cầu, nhưng khi trông thấy những con vật lạ đập móng bồm bộp trên cát, họ đều khiếp sợ. Năm con, thì ba con gãy đến trơ xương. Just hướng dẫn thổ dân chuẩn bị bột và cỏ cho ngựa ăn, chúng ngấu nghiến ngoạm lấy ngoạm để. Hai con còn lại thuộc loại ngựa chiến, nhưng mình đầy vết thương lở loét. Just chỉ cho người Anhđiêng biết cách cầm dây cương giắt chúng buộc vào gốc cây trên bờ biển.

Tộc trưởng Tupi cử hai chiến binh dẫn đường cho Just. Đồng thời ông xác nhận đã cho người đi báo trước ở nơi chàng sắp tới. Và cả ba lên đường ngay.

Ít khi Just có dịp sang đất liền, nếu có sang thì cũng chỉ loanh quanh vùng ven bờ. Lần này đi sâu vào bên trong, chàng cảm thấy thoải mái được gặp lại thiên nhiên rậm rạp nhưng tươi tốt. Tuy nhiên, chàng vẫn canh cánh e ngại điều gì. Có lẽ chàng chợt nghĩ mình đang đi vào nơi con người ăn thịt lẫn nhau. Do ảnh hưởng định kiến của Villegagnon, chàng chưa thoát khỏi ám ảnh về những điều không hay của thế giới hoang sơ. Và đêm ấy chàng ngủ trong rừng một giấc ngủ đầy ác mộng.

Họ còn phải đi một ngày đường nữa, ngủ lại một đêm nữa trên núi cao. Đến chiều ngày thứ hai, hai người dẫn đường chỉ cho chàng thấy khu rừng Tijuca xanh rì ở phía xa.

CHƯƠNG 9

Trong rừng loang loáng một luồng sáng ngoằn ngoèo như rắn. Just tới gần, nhận ra đó là những bậc dẫn dầu dựng trong những sọ dừa khô bửa đôi, đặt ở từng bậc thang làm bằng thân cây. Ánh sáng yếu ớt đủ làm ta nhìn rõ cả một cầu thang dài men theo sườn núi. Các bạn đồng hành người Anhđiêng của Just hoảng sợ trước cảnh rừng lổm đổm những ngọn lửa nhỏ. Đối với họ, bóng tối đã luôn lớn vờn những hồn ma, còn ánh sáng bất thường này sẽ gọi chúng hiện lên đông đúc hơn. Thấy thái độ nhút nhát của họ, Just bèn mạnh dạn bước lên thang trước. Từ xa, chàng đã nhìn thấy hai bó đuốc lớn sáng trưng trước một bậu cửa. Khi đặt chân lên nền gạch bên trong, chàng thấy những đồ bằng sứ và bằng bạc lóng lánh trong bóng tối. Căn nhà lặng như tờ, nhưng không gây cảm giác sợ hãi. Những đồ vật bên trong bày lộn xộn, song tạo ra không khí thân thuộc, khiến người ta đỡ e ngại những vùng tối trong căn nhà. Nhiều cây đèn nhỏ chiếu sáng khung cảnh và xua đuổi bớt những nét mờ ảo, như thể một công trình bằng men khảm lấp lánh đặt giữa một cái khay lớn bằng gang đen xỉ, được gia công rất tỉ mỉ. Vào tới một phòng rộng hơn, và nhìn thấy Colombe đứng ở giữa.

Đã được báo tin từ hôm trước, Colombe đã lục tung các hòm của Paylo để lại; một vài cái đựng đầy quần áo mà chẳng ai nghĩ đến việc mở ra xem từ sau vụ tàu trôi giạt vào đất Brésil. Nàng chọn ra được một bộ váy áo dài bằng nhung xanh, may theo kiểu Anh, mặc vào trông như một bà quý tộc trong triều. Áo đó phải có chuỗi hạt kim cương đi kèm, Colombe thay thế bằng một vòng cổ tết bằng vỏ sò.

Mái tóc vàng óng tết thành bím được quấn lên cao rất khéo léo, theo kiểu Florence. Hai cây nến cắm trên đèn soi rõ một nửa người nàng nhưng không được lâu vì nàng đứng ngồi không yên. Và Just bắt gặp nàng đúng lúc nàng đang đi đi lại lại trong phòng để chờ đợi.

Vừa mới miết trên đường xa, Just chưa kịp chuẩn bị gì cho cuộc gặp này. Trên người, chàng vẫn mặc chiếc gi-lê nhung Villegagnon may cho hồi trước. Nhưng mái tóc rối tung, mạch máu thái dương còn phập phồng do

vừa phải leo dốc, bộ mặt dãi dầu lại thêm võ vàng vì mấy đêm mất ngủ, vẫn tạo cho chàng một vẻ đẹp tự nhiên, trẻ trung.

Họ nhìn nhau, hơi mỉm cười mà không nói, cố giấu vẻ bối rối, ngượng ngập. Cả hai người đều mong ước cuộc sum họp này và, mặc dù được báo trước, họ vẫn không tránh khỏi ngỡ ngàng.

Để khóa lấp nổi xúc động nghẹn ngào, Colombe không biết làm gì hơn ngoài việc tỏ ra quan tâm thiết thực đến Just. Nàng cất tiếng đề đặt hỏi Just có mệt không, có khát nước không. Rồi không chờ câu trả lời, nàng đưa tay run run rót hai cốc nước.

Họ hàng cốc lên môi, không phải để giải khát mà để cho miệng có có chưa phải nói gì vội.

Lát Sau, Just đặt cốc xuống, làm vẻ ngạc nhiên nhìn quanh phòng, nói:

- Anh tưởng em ở cùng với thổ dân.

Nàng bật lên cười, và khi mắt nàng nhìn chéch sang mấy bó đuốc, chàng nhận ra ánh mắt đặc biệt bí ẩn chỉ mình nàng có.

- Thì em sống cùng thổ dân đây thôi – nàng nói.

- Nhà này đẹp đấy – Just tự trách mình không biết nói gì hơn.

- Anh thấy nó đẹp, làm em vui. À, mà để em đưa anh đi xem.

Sự ngượng ngập đã bị phá vỡ. Hai người đi vào phòng trong. Ngoài sân trời, hai ngọn đèn mờ cho thấy sàn được ghép bằng những cây xà nhẵn, nhưng không có vách tường vì vậy có thể nhìn ra xa, vào bóng tối của rừng, ra đến tận mặt biển lấp lánh ánh trắng vàng. Hai anh em đứng ngắm trăng một lúc rồi đi vào một phòng khác. Colombe giới thiệu:

- Đây là phòng của ông Paylo.

- Của ai kia?

- Ông ấy là chủ cái nhà này. Tiếc rằng anh không được gặp. Ông ấy mới chết tháng trước.

Từ ấy, cuộc sống không thay đổi, nhưng mỗi vật đều gợi nhớ đến vị già làng. Như tiếp thu một di chúc vô hình, Colombe đã ở đây, và các chiến binh thường đến báo các tin tức và xin ý kiến nàng.

Gian phòng của Paylo vẫn giữ nguyên vẹn, kể cả chiếc võng giờ không có người nằm. Họ đi thăm các gian khác rồi trở ra phòng lớn. Bỗng nhiên, khi hai người vừa bước vào, Just bật kêu lên một tiếng. Colombe quay phắt lại và thấy anh mình đương đầu với một bóng đen đang quắp chặt móng vào áo.

Nàng lao tới, đưa tay ra tóm lấy kẻ tấn công đầy lông lá đã làm chàng hiệp sĩ trẻ giật mình và lôi ra khỏi vai chàng một con vật to cỡ một chú khỉ.

Nàng cười rất tươi và bảo anh:

- A! Như vậy là con hô này nó thích anh lắm đấy.

- Con hô ư – Just ngơ ngác hỏi và xoa vết cào do móng sắc của con vật để lại trên cổ chàng.

Con thú mà Colombe vẫn đang tóm chặt chân trước bỗng thở dài nãy nẽ.

- Anh không biết con hô sao? – Colombe ngạc nhiên hỏi – Con này sống trong nhà này đã nhiều năm rồi.

Nàng đặt nó xuống mặt tử. Just chưa bao giờ được thấy loài này. Con thú có bốn chi dài bằng nhau, nét mặt buồn thâm và móng rất dài. Lúc này, nó đang bám vào góc tử và hình như đã ngủ thiếp rồi.

- Người Anhđiêng đặt cho nó cái tên: con thú ăn gió. Người ta chẳng bắt gặp được nó ăn uống bao giờ. Ông Paylo thường gọi nó là thần lười đấy.

Hai anh em cũng bật cười. Việc nhỏ nhặt vừa rồi đã cho họ một đề tài để nói chuyện tự nhiên và kể từ lúc đó, thái độ của họ đã không còn ngượng ngập nữa. Colombe và Just đến ngồi ở một đầu của chiếc bàn dài, trên đó có đặt hai cây nến.

Colombe ân cần hỏi:

- Vết thương anh khỏi chưa?

Just xấu hổ thấy Colombe đã biết chuyện. Chàng nghĩ đến hoàn cảnh mình bị đâm mà đỏ mặt:

- Không hề gì, khỏi rồi.

Nhắc lại câu chuyện trong đó Aude là nguyên nhân, Colombe khiến Just nghĩ rằng chàng cần phải nói mấy lời thanh minh. Nhưng không, trong khung cảnh đẹp đẽ dường này, nhìn Colombe lộng lẫy dường này, chàng thấy vấn đề ấy thật lạc lõng, không cần nhắc lại.

Colomba đặt lên bàn một bát thiếc lớn đầy củ từ luộc. Mấy món thịt ninh với nước xốt và hoa quả bày la liệt xung quanh.

- Chắc anh đói rồi, phải không?

Song Just vẫn còn xúc động đến nghẹn cổ, chỉ uống một cốc nước đầy, không ăn gì.

- Người liên lạc nói rằng anh muốn gặp em gấp – Colombe nói.

Năng chăm chăm nhìn Just. Có sự mĩa mai, giận dữ gì không hay chỉ đơn giản là sự quả quyết mà xưa kia chàng chỉ có mỗi một việc là chịu phục tùng trong cái nhìn đó, chàng không thể hiểu. Chàng bèn vận dụng hết hình tỉnh và mặc dù khá lo lắng về phản ứng của em gái, chàng vẫn tự tin đọc một lèo bài diễn văn đã chuẩn bị kỹ trên đường đi tới đây.

- Quân Bò Đào Nha sắp kéo đến nơi rồi. Chỉ ba, bốn hôm nữa là hạm đội của chúng sẽ có mặt. Từ khi Villegagnon đi, anh là người chỉ huy đảo,

mà người thì ốm chết gần hết, không đủ lực lượng để chống lại.

Nàng ngồi yên nghe, không đưng dậy.

- Anh đến để cầu cứu em.

- Cứu? Bằng cách nào? – Nàng vẫn giữ trên môi một nụ cười khó hiểu.

- Em thân với thổ dân. Em có thể động viên họ đến chiến đến cùng anh.

Colombe vẫn yên lặng.

- Anh biết là chúng anh đã cư xử không phải với em. Nhưng lúc này anh chỉ còn một mình. Và anh thật sự mong em trở về.

Có phải Just đang nói về hiểm họa Bồ Đào Nha, hay bằng lời khẩn cầu vừa rồi, còn một lời kêu gọi khác? Colombe chưa vội trả lời, khiến chàng có thêm thời gian để tự đặt câu hỏi ấy cho chính mình.

- Cứu các anh ư.... – nàng thông thả trầm ngâm nói.

Nàng quay đầu nhìn ánh lấp lánh của đồ pha-lê trên bàn.

- Cứu cái gì, hả anh Just? Cứu nước Pháp Nam cực ư?

Nàng nói dần từng tiếng một, như buộc phải sử dụng một dụng cụ lạ hoắc vừa đi mượn về.

- Colombe, em hãy nghe anh. Mấy hôm nay anh đã cân nhắc kỹ tình hình. Quay nhìn phía nào, anh cũng chỉ thấy chết chóc. Bên châu Âu, nạn cuồng tín lan tràn, các phe phải cầu xé nhau, ai cũng nói Chúa là ở phía mình. Còn ở đây, thì là nạn ăn thịt người, kinh hoàng không kém.

Colombe đưa tay vân vê mép khăn bàn, nói nhỏ nhẹ:

- Em không biết. Có thể anh nói đúng, song em không có ý kiến về những điều trù tượng ấy. Em chỉ biết em ở đây rất thoải mái, và muốn ở lại mãi.

- Vậy là chúng ta đã nhất trí. Anh yêu cầu em giúp anh cũng bảo vệ một nơi ở đó ta sẽ tự do... và hạnh phúc.

- Tức là đảo?

- Đúng.

Colombe đưa mắt nhìn xuống. Nàng im lặng một hồi lâu, làm Just tưởng nàng đã siêu lòng. Vì thế chàng hơi thất vọng khi Colombe đặt câu hỏi:

- Villegagnon sắp trở về, có phải không?

- Đúng là ông có ý định ấy – Just miễn cưỡng đáp.

- Và ông ta sẽ mang theo về nhiều lính mới chứ gì?

- Tất nhiên.

Nàng nhìn chòng chọc vào Just. Chàng không còn vui vẻ và tự tin nữa mà đã trở nên lúng túng và buồn bã.

- Theo anh, giữa Villegagnon và quân Bồ Đào Nha, có gì khác nhau?

Just chưa bao giờ tự đặt câu hỏi này. Chàng có lời đáp đơn giản, khiến chính mình bất ngờ:

- Villegagnon, là nước Pháp.

Cảm thấy lời đáp ấy sẽ kéo thêm nhiều câu hỏi khác càng ngày càng rầm rối, và phía sau những lập luận rất khó khăn ấy còn có một cái gì đó nữa không thể làm chàng mãn nguyện được, chàng tiếp luôn một mạch:

- Anh đã thề bảo vệ mảnh đất ấy. Nhân danh cha anh, anh đã thề sẽ chiến đấu vì nước Pháp, cũng như người.

Colombe đưa tay nhón hai quả nho chín mọng, đưa lên miệng:

- Trước khi đi hẳn, ông Thoret đã qua đây.

Just ngỡ ngác trước câu chuyện được là sang một hướng bất ngờ.

- Ông ấy đã nói chuyện với em về trận Cérissol.

Chàng giật thót.

- Và kể về một bé gái tìm thấy trong vựa thóc – nàng tiếp.

Tay nàng run run, nắm chặt chiếc cốc đang cầm:

- Anh đã biết từ trước?

- Có – chàng đáp.

Gian phòng mờ tối rải rác những hòm cổ kính và những vật linh tinh vớt từ tàu đắm này, phải chăng chính là ngôi vọng lâu trong lâu đài Clamorgan? Họ như được kéo trở lại thời thơ ấu cực kỳ thân thiết ngày xưa, nhưng với những tấm thân rần rỗi của tuổi trưởng thành đầy ham muốn, đam mê.

- Ông ấy đã kể về cái chết của người, ở Sienne – nàng nói.

- Cái chết... của Cha.

Nàng khẽ gật đầu. Thấy Just yên lặng chờ đợi, nàng hiểu ra là chàng chưa biết gì về điểm này. Nàng nói thật rành rẽ:

- Hồi đó nước Ý đang bình yên. Nhưng hoàng đế nước Pháp muốn khơi lại chiến tranh, đã cử những kẻ khiêu khích đến xúi giục xứ Toscane nổi dậy.

Ngài Clamorgan đã đem hết sức lực để ngăn chặn âm mưu ấy.

Just giật mình khi nghe kêu tên Clamorgan, mà Colombe không gọi là “cha”.

- Ngài hiểu, khi kích động thành Sienne nổi dậy, quân Pháp chỉ kiếm có để trở lại nước Ý. Nhưng họ làm gì có phương tiện bảo vệ dân chúng trong thành. Tóm lại, họ đưa dân thành Sienna đến chỗ chết.

Just bắt đầu nhìn ra sự thật. Chàng ngồi yên, cô nén hơi thở dốc. Toàn bộ các cơ trên mặt chàng đều bất động. Colomba vẫn đều đều nói tiếp:

- Ngài Clamorgan thật sự yêu quý nước Ý. Ngài đến chính chiến ở đó, nhưng những gì ngài nhìn thấy đã chinh phục trái tim ngài. Ngài yêu đất nước, con người và phong cảnh, yêu nền mỹ thuật, âm nhạc nước Ý toát lên tinh thần tự do chân chính.

Colombe vừa nói vừa không rời mắt nhìn Just, song có lúc ánh mắt nàng như nhòa đi, dường như nàng không nhìn chàng với con người hiện tại, mà là hình ảnh từ bên trong. Cuối cùng bằng giọng lạnh lùng, nàng đi tới câu kết luận đáng sợ:

- Khi hoàng đế nước Pháp biết ngài Clamorgan đang làm thất bại kế hoạch đen tối của mình, người đã sai hạ sát ngài.

Niềm xúc động đột ngột dâng lên, Just vừa muốn khóc vừa cố ngăn dòng nước chảy. Lòng trung thành, vốn là cốt lõi tâm hồn chàng, vỡ ra thành hai mảnh đối nghịch, mỗi người thể hiện một mảnh. Và chàng hiểu ra rằng chính em, Colombe, đã chọn đứng về phía đúng nhất.

Gia tài mà dòng họ Clamorgan để lại không phải một lãnh địa hay một đất nước hay một danh hiệu, mà là lòng khao khát tự do, không chấp nhận bất cứ giáo điều hoặc biên giới nào, không chịu khuất phục bất công hoặc quyền lực.

Colombe đứng dậy bước ra ngoài sân. Khi nàng quay trở lại, Just được chiêm ngưỡng nàng toàn vẹn trong bộ váy áo nhung. Nàng, chỉ riêng mình

nàng, là hiện thân của nước Ý xanh biếc, nguồn cội của bao cảm hứng nghệ thuật; nàng là bà con của những thiên nhan sắc chim sa cá lặn ở thành Roma, mà chỉ đá hoa cương mới tạc được vẻ đẹp huy hoàng.

Đến lượt chàng cũng đứng lên, hai người đối diện chỉ cách nhau nửa bước. Lần đầu tiên, sự giữ gìn, e ấp của Just đã bị sức mạnh nào đó cuốn sạch. Người mà chàng quen biết và yêu thương bấy lâu nay, bây giờ chàng mới khám phá lại và chàng có cảm giác rõ rệt, hai người chỉ là một.

Bởi vậy khi đưa tay cho nàng, chàng chỉ làm cái việc nói lại mối gắn bó rất tự nhiên những bấy lâu nay bị đứt quãng. Chàng mơn man cổ, vai, cánh tay trần của nàng. Nàng nhắm mắt để yên, chìm vào trong lạc thú của cái thời khắc duy nhất trên đời và bấy lâu ao ước, thân thuộc một cách bí ẩn bởi đã mong chờ quá lâu, mà dù sau này có lặp lại bao nhiêu lần nữa cũng không thể có cái dư vị vô song của lần đầu này. Cuối cùng nàng xích lại, nép chặt người chàng, ngả đầu lên vai chàng. Just say sưa ngửi mùi hương của da thịt nàng. Lớp lông tơ mịn màng trên gáy nàng dịu dàng mơn man môi chàng. Chàng cảm thấy hai tay Colombe quàng lấy ngang thân, ve vuốt lưng chàng. Nàng lùi lại tí chút, ép đôi môi của nàng lên môi Just. Cả cuộc đời hai người, bóng đêm trên đất Brésil và nỗi lo lắng canh cánh nay đã được giải tỏa bỗng tan biến mất trong sự hợp nhất của hai trái tim, trong sự kết nối của hai cặp môi, trong sự gắn bó êm dịu vô song của da thịt mà tình yêu đã hòa quyện đến tận cùng của hai thể xác thành một duy nhất. Mọi rào cản bị phá tan tành, trước mặt họ chỉ còn niềm hoan lạc vô tận mà cả hai cùng háng hái đón nhận. Họ ôm ghì lấy nhau, vuốt ve nhau, hôn hít nhau say đắm, quên hết xung quanh. Just thông thả cởi dây buộc áo phía sau gáy Colombe. Nhưng khi bộ ngực trần của nàng hiện ra, chàng bỗng giật mình. Trên làn da trắng mịn, có nhiều hình vẽ loằng ngoằng bằng sơn đen và đỏ hình những tia chớp loằng ngoằng và những vì sao san sát mà nàng vừa mới nhờ người vẽ hôm trước.

Trước mắt Just bỗng hiện lên những hình ảnh khủng khiếp của cảnh ăn thịt người. Giác mơ đẹp đẽ về nước Ý đã bị vấy máu. Chàng vội lùi lại.

Colombe đã chờ đợi giờ phút này và thậm chí, nàng còn mong nó đến nhanh nữa. Nàng vui sướng thấy khuôn mặt đẹp đẽ mà nàng yêu dấu chợt tách ra xa để được tha hồ ngắm nghía. Ít nhất nàng cũng hy vọng được ngắm nghía thỏa thích một lần cuối. Bằng động tác nhanh gọn, nàng trút bỏ

hoàn toàn váy áo để chàng được chiêm ngưỡng nàng, để chàng được yêu hàng trọn vẹn. Giấc mơ về nước Ý đã biến mất, chỉ còn lại hai người đối diện nhau. Nàng xích lại, thì thầm:

- Nào, lại đây anh, đừng sợ. Hãy để em... ăn thịt anh...

Just ngập ngừng, nhưng rồi hình ảnh văn minh châu Âu và vẻ đẹp Anhđiêng hòa lẫn vào nhau trong trí. Chàng mỉm cười, ôm chặt Colomba vào trong tay. Trước khi chìm vào hoan lạc, chàng nhìn vào mắt nàng, thấy trong đó hình ảnh thế giới lộn ngược: khoảng trời xanh sáng đẹp giữa một mặt trời chói lọi.

Không ngần ngại gì nữa, chàng lao ngay vào đó.

CHƯƠNG 10

Chưa bao giờ người Bồ Đào Nha có cảm giác sức mạnh như lúc này. Ở Châu Âu, nước họ quá nhỏ chẳng dám gây sự với ai, còn ở châu Mỹ, họ chỉ chiếm được vài vùng bờ biển hoang vu. Nhưng lần này, họ sẽ tấn công.

Hạm đội có tới một trăm tàu thuyền tiến lên rất hùng dũng, ít nhất khi nhìn từ xa. Vì cứ một tàu chiến thì có tới hai thuyền buôn trên đó lấp vội sừng. Chưa kể tới ba chục thuyền câu nhỏ đi lẫn vào, khiến cả đoàn đi chậm rì rì.

Để khỏi nhìn cảnh láo nháo ấy, Mem de Sà luôn đứng ở mũi tàu đi đầu, mắt nhìn thẳng trước mặt. Vốn người đã đen sạm, ông rất sợ nắng và lúc nào cũng sùm sụp chiếc mũ rộng vành trên đầu. Lúc này, mồ hôi đã chảy ròng ròng xuống cổ ông ta. Một thị vệ cầm dù đứng bên. Đã thế, ngài tân thống đốc Brésil còn cho căng bạt ở chỗ ông ngồi để không cho một tia nắng nào rọi tới.

Hôm nay như sợ uy của ngài, biển lặng sóng. Dãy núi hiểm trở nhìn thấy ở phía xa đứng im lìm nghiêm trang như trong cuộc điếm binh.

Trong khi ở các tàu khác vang lên tiếng nhậu nhẹt và ca hát, thì tàu của thống đốc yên lặng một cách oai nghiêm. Lính tráng hầu cận luôn túc trực, hơi có lệnh gì của chỉ huy là sắp ngựa chạy bổ tới. Một giáo sĩ khoác áo lễ chỉnh tề và vài tu sĩ dòng Tên mặc đồ đen và cả một đám thầy tu trẻ măng và lễ sinh tập hợp trên boong trước, dưới chân một thập tự lớn bằng gỗ mà thợ mộc mới dựng lên.

Kế hoạch của đoàn là vượt qua vịnh Guanabara về phía nam để tới quần đảo Honnêtes. Tại đó, hạm đội chính từ Bahia đến sẽ nhập với một số viện binh từ Sao Vicente và từ vịnh Rois tới. Rất may là cuộc hội ngộ đã diễn ra chính xác vào giờ đã định giữa một vùng biển nước trong vắt, có thể nhìn thấy đá cuội hồng hồng ở đáy lẫn qua lẫn lại. Vậy là hạm đội được tăng cường quay mũi thẳng hướng bắc tới vịnh Rio. Vấn đề được đặt ra là có nên đưa toàn bộ tàu thuyền vào vịnh cũng một lúc hay không. Cửa vịnh đủ

rộng, song nằm trong tầm đại bác địch. Nếu quân Pháp ở đồn Coligny giờ trò xả súng, e rằng nhiều tàu sẽ trúng đạn mà không kịp chống trả. Song ngài thống đốc gạt phăng những do dự của sĩ quan tham mưu, ra quyết định:

- Phải đánh phủ đầu cho chúng khiếp sợ!

Do vậy, tàu của ông đi tiên phong vào vịnh, có mấy tàu quan trọng khác hộ tống. Các thuyền nhỏ khác lau nhau đi theo.

Thế là, ngày 25 tháng hai năm ấy, dưới trời nắng chói chang, trong không khí trong veo, một hình thập tự khổng lồ bồng bênh trên sóng nước của vịnh

Guanabara. Hầu như không có gió, nhưng hai chục con tàu cố hết sức căng buồm lừng lững tiến vào.

Mem de Sà, chiếc mũ muôn thừa vẫn sùm sụp trên đầu vì sợ cháy nắng hơn là sợ chiến tranh, đứng thẳng bên cột buồm chính, đưa mắt nhìn quang cảnh vùng đất đai mà ông có sứ mệnh chinh phục.

Không có động tĩnh gì từ phía đồn Coligny, chỉ thấy là cờ màu trắng thêu hình hoa huệ vẫn phấp phới như muốn trêu người.

Dù sao thận trọng vẫn hơn. Đoàn tàu Bồ Đào Nha men theo bờ biển nhưng giữ khoảng cách với hòn đảo, đi tới tận cuối vịnh rồi vòng xuống thả neo ở nơi kín đáo, ngoài tầm súng kẻ thù. Tại đây, họ tích cực chuẩn bị cuộc tấn công.

Ngay chập tối đầu tiên, gần một chục thuyền độc mộc từ đất liền bơi ra cập mạn con tàu chỉ huy. Sau ám hiệu đã định, một đoàn lục lâm do Martin cầm đầu, được mời lên tàu.

Tên vô lại có tác phong khôn khéo hơn tên Quạ trước đây. Y chẳng đại gả ra mắt với bộ trang phục toàn bằng lông chim như kẻ tiền nhiệm. Vả lại do buôn bán phồn thịnh, y nắm trong tay đủ thứ vải quý. Vì thế y tự trình diện trước Mem de Sà trong trang phục mà y nghĩ là tương xứng với tước hiệu y sắp được công nhận. Là công tước tương lai, y mặc áo chên lụa xanh

da trời, đi ủng tím và đội mũ nhiều tầng. Nếu cần lông chim, y chỉ cầm lên mũ một lông chim đà điểu. Trong bộ dạng ấy, y rất bài lòng thấy mình là người diện nhất trên con tàu mà y bước lên. Thêm một chút tưởng tượng – mà cái này thì y có thừa – y còn thấy ai cũng có vẻ trầm trồ tán thưởng.

Gặp Mem de Sà, Martin hơi thất vọng vì quan chức to như thế mà lại ăn bận rất tầm thường. Hai bên lặng yên đứng quan sát nhau một lúc, cũng không nói nên lời và cũng kinh ngạc đến tột độ. Cuối cùng, cha Anchiéta, một tu sĩ dòng Tên, người từ lúc tàu tiến vào vịnh vẫn cầu nguyện luôn mồm, đứng ra làm thông dịch, vì cha biết tiếng Pháp.

Martin đọc một diễn văn đã chào mừng những người mới đến, gọi họ là đạo quân giải phóng, đồng thời không quên dành những lời khinh thị để mô tả lũ giặc trong đồn Coligny. Y xúc động thay mặt thể dân Anhiêng nói lên niềm khao khát của họ được giải thoát khỏi bọn dị giáo. Cuối cùng y kể lể về uy quyền của y trên mảnh đất này, thề đem hết sức lực để phục vụ sự nghiệp vẻ vang của vương quốc Bồ Đào Nha.

Mem de Sà vừa nói lời đáp vừa hỉ mũi liên tục vào tay áo.

Martin hơi bị bất ngờ, song lại cho đó là thái độ khôn ngoan của một chính khách lão luyện. Y thì thầm hỏi nhỏ, xin được nói chuyện riêng với ngài thống đốc để thông báo những tin tức mới nhất về lực lượng quân địch, cả vũ khí và quân số.

Mem de Sà hắt hàm ra hiện cho mọi người rút lui, trừ cha Anchiéta.

Tiếng khiêu vũ chói chóc trong bóng cây dọc bãi biển khiến Martin rất khó chịu. Hắn thấy thâm những lâu đài yên tĩnh, trong đó các nhà ngoại giao cấp cao có thể bàn bạc nhỏ nhỏ như tiếng nước phun rỉ rào trong vườn hoa.

- Vâng – Martin nói – tôi xin báo các cụ thể tình hình phòng thủ trên đảo, theo những thông tin mới nhất do điệp viên Ribère cung cấp.

Mem de Sà nhướn một bên lông mày, ra vẻ chú ý. Martin là một người biết quan sát, thái độ của Mem de Sà làm hắn hài lòng.

- Bảy mươi hai nhân mạng cả thầy, có thể ít hơn một chút, vì lần cuối Ribère mục kích có mấy người ốm. Ba mươi mốt khẩu đại bác, trong đó bốn khẩu han gỉ, và năm súng thần công đã cũ không hiệu lực lắm. Đạn được ít, kho thuốc súng bị mưa làm ẩm ướt.

Mem de Sà lại nhướn lông mày thứ hai.

- Nước ngọt dự trữ dùng cho ba tháng là cùng. Lương thực đủ cho bốn tháng.

Đến đây, Martin tỏ vẻ lúng túng, phân bua:

- Tôi đã tìm đủ mọi cách ngăn không cho chúng được tiếp tế. Song chúng vẫn thoát được sự kiểm soát của chúng tôi, nhờ sự tiếp tay của một số thổ dân. Nếu phát hiện, tôi sẽ trừng trị.

Ngài thông đốc bồng lùa tay vào trong áo, gãi nách sồn sột. Martin thấy đó là một dấu hiệu không hài lòng, vội nói tiếp:

- Ngài hãy yên tâm, số dự trữ đó với chúng sẽ là vô dụng. Có điệp viên Ribère làm tay trong, cuộc phong tỏa của chúng ta sẽ rất chóng vánh, chúng không chịu đâu nổi lâu đâu, hề hề!

Y cười hềnh hếch, và Mem de Sà cũng nhếch mép, chúng tỏ ngài cũng tin như vậy.

- Bây giờ cho phép tôi được trình bày với ngài một kế hoạch bảo đảm chiến thắng về vang mà ít tốn kém. Điệp viên Ribère đã được thông báo, và hẳn sẽ tham gia tích cực. Như thế này: ngày đầu tiên, ngài cho chúng ném một con mìn – nói đến đây, Martin liếc nhìn xung quanh đúng như phong cách của một kẻ hay mưu mô – Tối đến, chúng choáng váng rúc vào nơi ẩn náu. Ngài liền cho quân đổ bộ trong đêm tối. Và mờ sáng, Ribère sẽ lên ra mở cổng đồn. Đến khi sáng rõ thì đồn đã nằm gọn trong tay ngài.

Trình bày xong, Martin ngừng bật, chờ đợi trong sự mãn nguyện. Công của y to lắm chứ, phong công tước là đáng. Y chờ ý kiến đánh giá của ngài thông đốc. Mem de Sà hàm hừ:

- Đến giờ ta phải đi ngủ.

Cha Anchiéta cũng thấy bất tiện khi dịch lời kết luận bất ngờ. Cha giải thích thêm là ngài thống đốc có thói quen đi ngủ từ chập tối. Ngài cần nghỉ ngơi mười hai tiếng liền để bù lại sự mệt nhọc ban ngày.

- Tôi hiểu – Martin đành gật gù, ra về thông cảm và kính nể.

Y đang hoảng rút lui, người vẫn còn chệnh choáng như sau một tiệc rượu lu bù. Xuống thuyền, y thốt ra với đồng bọn lời đánh giá khó hiểu:

- Tay này chơi được!

Phải mất hai ngày, công cuộc chuẩn bị tấn công mới hoàn tất. Mỗi tàu thuyền được chỉ định rất cụ thể về vai trò, vị trí của mình. Chỉ những tàu lớn, có trang bị đầy đủ, mới tham gia việc nã pháo vào đồn. Có một chi tiết chiến thuật cần được tính toán kỹ. Hòn đảo có diện tích hẹp, các tàu Bồ Đào Nha tham gia phong tỏa phải tránh khỏi bắn nhầm vào nhau. Các hoa tiêu ra sức tính toán để định khoảng cách an toàn giữa các tàu với nhau.

Sáng hôm thứ ba, con tàu đầu tiên bắt đầu nhô cột buồm ra khỏi nơi ẩn náu. Một tá tàu thuyền khác lừng lững theo sau, tiến thẳng về đảo, lỗ châu mai mở tung để lộ những khẩu súng đã lên đạn sẵn sàng. Khi cả hạm đội giăng thành bức tường Sắt vây quanh đảo, Mem de Sà trình trọng cảm bó đuốc khai hỏa khẩu đại bác đầu tiên. Nòng súng nghếch chưa đủ tầm, nên viên đạn rơi tõm xuống nước. Song, chỉ chờ phát đầu tiên ấy, các tàu khác nhất loạt nã đạn. Khói bốc um, lớp tôn vỏ tàu có vẻ như mục tiêu bắn phá, trong khi thực ra, chúng lại là điểm xuất phát của đạn pháo. Ngược lại, quân tấn công lại chẳng nhìn thấy được nơi đạn pháo bắn vào, phía đồn xa xa. Chỉ nghe tiếng tường thành chịu đạn kêu thình thịch. Sau mấy loạt đầu ồ ạt, quân Bồ Đào Nha được lệnh bắn thưa hơn. Từng quăng đều đều, các khẩu đại bác thay nhau nổ nhằm duy trì sức ép lên quân địch.

Phút càng thẳng bên phía Bồ Đào Nha đã qua, song phía quân Pháp không có động tĩnh gì, chúng không bắn một phát đạn pháo nào, mặc dù có đủ loại vũ khí. Bọn chúng khiếp đảm, sợ hãi hết rồi sao. Tinh thần kẻ địch

đã vậy, song phải công nhận tòa thành chúng xây khá vững chắc, khiến cho cuộc bắn phá chưa gây hư hại nhiều. Có thể chúng đang chờ quân đổ bộ lên rồi mới xông ra nghênh chiến chẳng.

Tình hình chưa phân thắng bại này cũng không ngăn cản được quân Bồ Đào Nha, mỗi khi chiều buông, khi tàu đã thả neo đúng vị trí, chạm cốc uống mừng một thắng lợi tất yếu sắp tới. Không ai biết kế hoạch tiếp sẽ làm gì, trừ đám bộ binh làm lữ xuống sà lúp vào lúc nửa đêm. Người Bồ Đào Nha phần lớn là dân đi biển, nên không thiện chiến trên bộ. Vì vậy Mem de Sà đã huy động tất cả bọn lính đánh thuê và những ai quen với đất liền, bao gồm cả những tên lưu manh người Đức, Thụy Sĩ, năm tù binh Hà Lan và cả khoảng ba chục nô lệ Anhđiêng do Martin cung cấp. Tổng cộng, năm thuyền để lên bờ một trăm hai mươi quân đủ các loại, quyết tử chiến. Họ nằm ẹp trên cát chờ sáng. Trời bắt đầu ửng hồng, gió nhẹ mơn man thổi, họ vừa se lạnh vừa làm râm cầu kính. Cuối cùng khi đủ sáng để nhìn thấy cổng thành, ai nấy không tin vào mắt mình: nó đã mở toang từ bao giờ. Lệnh truyền tiến công: họ lao lên kèm những tiếng hò hét man rợ vừa để dọa địch vừa để tự trấn an.

Cả khối người ùa vào trong thành. Trong ánh sáng mờ ảo, nghe những tiếng chân rậm rịch chạy dầm lên nhau, tiếng chửi rủa thốt lên bằng đủ thứ ngôn ngữ. Một số ít trèo lên tường thành, chạy thành thịch trên đường tuần. Trong thời gian diễn ra cuộc tập kích, ánh sáng ban ngày, tuy vẫn còn nhợt nhạt, đã lan rộng khắp tường thành và các dãy hành lang phía ngoài. Tâm trạng kích động giữa đám quân ô hợp dịu dần. Họ đã bước chậm lại, quan sát một cách bình tĩnh hơn và nói năng từ tốn hơn. Không có phát súng nào từ cả hai bên. Ai nấy ngờ ngàng vì thành công nhanh chóng, tụ tập trong chiếc sân rộng, chờ đợi. Viên đội chỉ huy chạy ra bãi biển gia tay hươ hươ về phía các con tàu, báo hiệu mọi việc đã xong.

Một lát sau, Mem de Sà dẫn một đoàn tùy tùng khá đông đặt chân lên đảo. Ngài thông đốc giắt một súng lục to tướng vào thắt lưng, để hai tay được tự do múa may ra lệnh và ngoáy mũi.

Viên đội chỉ huy đám tiền quân tiến đến trước mặt ngài báo cáo, vẻ mặt trịnh trọng, đứng nghi lễ rườm rà của Bồ Đào Nha.

- Báo các Ngài thống đốc tối cao, tình hình hoàn toàn nằm trong tay chúng ta.

Rồi hãnh diện đứng thẳng người, nói tiếp:

- Thưa, chúng tôi bắt được một tù binh.

Đoàn tùy tùng của Mem de Sà rì rầm vui vẻ. Chỉ một tù binh, có nghĩa là tất cả những đứa khác đến chết. Quân ta cừ thật.

- Cho giải hắn đến gặp Ngài chứ ạ?

Mem de Sà nhăn mặt, khịt mũi, dấu hiệu tỏ sự đồng ý. Viên đội liền đi trước dẫn đường và cả đoàn tiến vào dãy hành lang xuyên qua tường thành để đến khoảng sân trong.

Người tù binh, có bốn lính canh giữ chặt. không tỏ vẻ gì hung hăng muốn chạy trốn hay chống đối. Thấy ngài thống đốc tối cao vào, hắn nở một nụ cười rộng ngoác đến tận mang tai. Chờ cho Mem de Sà đến đứng trước mặt và làm hiệu cho bốn lính thả tay hắn ra, tên tù binh mới quỳ mọp xuống và, bằng giọng nghẹn ngào, bắt đầu rên rỉ:

- Xin ngài đoái thương, ôi ngài tướng tài của mọi thời đại, vị chúa tể mới của Châu Mỹ, người đã đến giải thoát chúng con...

Hắn còn muốn nói nữa, song trước số lượng tù binh quá khiêm tốn, phải nói là không đáng kể, Mem de Sà quay mặt đi, nhìn ra chung quanh. Ông ngạc nhiên không thấy có xác chết, tù binh nào khác, không thấy súng ống gì trên tường thành. Đoán biết ý nghĩ của chủ, viên đội vội tâu:

- Dạ, chúng tôi tìm thấy ba người chết.

Thống đốc theo viên đội lên bậc thang dẫn tới đường tuần quanh thành. đây có xác của một lão hiệp sĩ xứ Malta, bị đạn xuyên thủng ngực. Ông lão nằm trong tư thế đàng hoàng, chùm râu nhọn vểnh lên trời, bàn tay phải nắm một mảnh giấy. Mem de Sà giật lấy và đưa cho cha Anchiéta từ nãy

vẫn thắp từng làm phiên dịch với các tù binh. Viên thầy tu đọc lướt mấy dòng chủ ghi vội. Ông hơi đỏ mặt, nói:

- Một bài thơ. Gửi tặng một nàng Marguerite nào đó.

- Hai tên khác nằm phía dưới – viên đội nói. Có vẻ chúng tự tử bằng thuốc độc.

Mặt thống đốc bùng lên về ngạc nhiên và tức giận. Ông nhìn đầy châu mai không còn khẩu đại bác nào, ngoài hai cỗ cũ kỹ, gỉ ngò. Ông giận dữ bước xuống cầu thang. Viên thầy tu lóc cóc theo sau, tự thấy trách nhiệm phải tra hỏi tên tù binh để giải thích lý do sự bí ẩn này.

Nhìn thấy Mem de Sà và nhóm tùy tùng quay lại, tên tù binh hiểu ngay rằng đã đến lúc mình phải trở tài hùng hiện. Hắn bèn hướng về phía ông thầy tu dòng Tên là người nói cùng ngôn ngữ với hắn và tìm một cách xưng hô cho được lòng ông ta:

- Kính xin ngài giáo chủ hồng y, mong ngài đoái thương!

Rồi hắn nấc lên:

- Con là Ribère

Ra cái tên mặt hạng này là điệp viên Ribère, người mà bao cường quốc đặt niềm tin cậy! Cả cha Anchieta và Mem de Sà đến không tin vào tai mình. Lần này thì ngài thống đốc không cần thông dịch cũng hiểu ngay.

- Mi là Ribère?

- Dạ, chính con – Vittorio thở phào, vừa đau khổ vừa hãnh diện, đúng như một chiến binh quá hăng hái giành thắng lợi nên quần áo phải tả tơi, người ngòm phải nhem nhuốc.

- Cho là thế đi – viên thầy tu chưa hết bức tức. Vậy mi hãy nói ta nghe. Mi nói là có bảy mươi hai người phòng thủ đồn này. Vậy chúng đâu cả? Còn súng ống nữa?

Vittorio mừng vì đã được chú ý, lại có vẻ tin nữa. Song biết nói thế nào đây. Việc khó nhất lúc này là phải nói theo đúng sự thật, một lần trong đời thôi, mà việc này thì hẳn phải đem hết sự khôn ngoan từng trải của mình ra mới làm được. Hắn rên rỉ:

- Ôi, thưa ngài giáo chủ, thật kinh khủng, kinh khủng!

- Cái gì? – cha Anchiéta sốt ruột. Cái gì kinh khủng? Nói mau.

Vittorio phân vân, không biết có nên quỳ xuống lần nữa hay không, hay là nên dành động tác này cho lát nữa. Y run rẩy:

- Con bị nhốt ở đây cũng những người khác... nên khi mọi việc bắt đầu, con không thể đưa tin cho ông Martin.

- Cái gì bắt đầu?

Với ý chí tuyệt vọng như nàng Schehérazade trong truyện Nghìn lẻ Một đêm, Vittorio cố lằng nhằng kéo dài lời kể, hy vọng y còn nói thì còn có cơ sống sót:

- Trước tiên, – hắn thở dài và bắt đầu kể – là xảy ra dịch bệnh, chỉ trong một tuần đã cướp đi ba phần tư quân số.

- Nhưng số còn lại đâu? – viên thầy tư vừa sốt ruột về cách kể ề ề của Vittorio vừa lo ngại những tiếng gầm gừ tức giận của Mem de Sà.

Vittorio ra hiệu đề y kể tiếp. Cứ để họ sốt ruột, như thế chỉ có lợi.

- Hai ngày trước khi hạm đội các ngài tới, có một chiếc tàu chở ngựa đã qua đây báo trước. Thế là tay chỉ huy trẻ mà Villegagnon ủy quyền đã bỏ sang với thổ dân bờ bên kia.

Mem de Sà nghe. Vittorio mừng thầm vì đã gây được chú ý và làm mọi người phải ngóng đợi từng lời của mình. Cha Anchiéta dịch lại từng câu một cho Mem de Sà.

- Ba ngày sau, hắn quay lại. Con không đích thân nghe hắn ra lệnh những gì. Chỉ đến khi hắn cho lệnh rõ các đại bác xuống, con mới hiểu. Súng to súng nhỏ đến được đưa xuống đây, ngay cái sân này. Tay Clamorgan ấy, trời tru đất diệt cái thằng mặt non choẹt bùng ra sữa và bẻ lũ ấy, lạy Đức mẹ và Đức Chúa, tay Clamorgan ấy đã tập hợp tất cả mọi người vào trong cái phòng họp lớn kia. Hắn nói, ai muốn theo hắn thì cùng đi với hắn sang đất liền. Ông Gonzagues ấy..., thật là một thánh nhân, cầu Chúa cho ông ta yên nghỉ nơi thiên đàng, ông ta nhất định không chịu thất lời hứa với đô đốc. Ngoài ra chỉ có hai người nữa dừng cảm xin ở lại để cùng ông bảo vệ pháo đài. Đó là hai cựu binh dòng Malte, và như các ngài thấy, đến phút cuối cùng họ đã uống thuốc độc tự tử để khỏi rơi vào tay các ngài. Còn con, con biết làm cách nào khác? Nếu con cũng đi, thì lấy ai mở cửa thành cho các ngài? Nhưng ở lại thì con rất dễ bị đánh đồng với những kẻ chống lại các ngài...

Vittorio hiểu đây là lúc cao trào của câu chuyện, nên lại quỳ sụp xuống đất, đóng vai kẻ chân chính bị số phận bắt tội nhằm:

- Xin các ngài đoái thương!

Nghe xong bản báo các đầm nước mắt và xen lẫn tiếng rên rĩ ấy, Mem de Sà giận sôi lên theo kiểu riêng của ông, tức là điên cuồng và âm ỉ. Vậy ra ông đã đánh chiếm một hòn đảo không người! Lực lượng bọn Pháp chó má vẫn nguyên vẹn. Ông đã bỏ trống vùng Bahia, kéo đại quân đến đây một cách không cần thiết. Nhờ ngay lúc này đây, nhiều kẻ thù khác nhân dịp này tấn công Bahia thì sao? Ông tức uất, đưa tay nắm khẩu súng lục định nổ súng vào đầu tên tù binh khốn kiếp, kẻ: đưa toàn tin xấu, song lại tự ghì mình lại. Không phải ông ta thương hại gì cái tên giẻ rách này mà chỉ thấy kinh tởm. Còn gì thích thú nữa nếu phải xử tội một kẻ không xứng để ông phải tốn một viên đạn. Ít ra ông cũng đã chiếm được đồn. Nhìn những tường thành ngay ngắn vững chãi, mà kẻ thù hắn đã tốn nhiều công sức xây dựng, ông hài lòng đã đem về cho đất nước Bồ Đào Nha một cứ điểm mới, nếu không phải hài lòng ngoài mặt thì cũng là trong lòng, và hơi ngùi con giận. Dù sao tên Ribère này cũng đã làm được điều người ta trông đợi ở hắn. Ông nhún vai, ra lệnh thả hắn đi.

Cùng với tùy tùng, ông quyết định đi thăm tất cả các: công trình, rồi lại trèo lên trên tường thành. Phía dưới, nghe có tiếng ồn ào: Martin cùng ba người nữa, đến ăn bận theo kiểu quý tộc, xin đến yết kiến. Y xăm xăm bước lên bậc thang, đến nước ngài thông đốc, vênh vênh bộ mặt ác ôn mà ông chúa ghét:

- Tuyệt hảo, kính chào Ngài thông đốc! – Martin reo. Thắng lợi hoàn toàn! Thắng lợi tuyệt đối!

Mem de Sà ném cho y một cái nhìn ít thiện cảm, nhưng y chẳng để ý mà lại tưởng cái vẻ thù địch ấy là sự khiêm tốn dũ dôi của một người quen chiến thắng. Y khoát tay về phía biển rộng, bô bô:

- Toàn bộ vùng này, xin kính dâng lên hoàng tộc Bồ Đào Nha!

Nắng bừng lên, rực rỡ trong buổi sáng yên tĩnh và đẹp trời, khí nóng rung rinh trên ngọn núi hình bánh ngọt, trên đám sậy vàng úa, trên vùng đầm lầy. Hai chú diệc lửa đồng thanh kêu lên một tiếng ngắn để bày tỏ sự hài lòng được là thần dân mới của Đức vua Bồ Đào Nha. Martin tươi cười rút trong túi ra một tờ giấy cuộn tròn, buộc dây lụa, hãnh diện nói:

- Kính thưa ngài, tôi đã chuẩn bị sẵn đây giấy xác nhận quyền sở hữu những đất đai mà ngài vừa giải phóng, và tôi sẽ được giao cai trị nhân danh đức vua.

Nghe cha Anchiéta dịch xong câu trên bằng một giọng đều đều, không biểu lộ cảm xúc, Mem de Sà giật mình, thái độ vừa khinh bỉ vừa bất bình. Martin vẫn tiếp tục:

- Tôi xin ngài cái ân huệ lớn lao là trao ngay tại đây cho tôi điều mà ngài đã hứa. Tước hiệu được nhận ngay trên chiến trường là điều vẻ vang nhất tôi hằng mong đợi.

Martin thực tâm nghĩ vậy. Hơn nữa, y cho nói thế là rất khôn ngoan, thừa lúc chiến thắng còn tươi rói mà nhắc nhở sớm là rất hợp thời. Để lâu nữa, có thể sẽ có lắm kẻ đồ ky, âm mưu cản trở... Y dần giọng nói:

- Vâng, xin được phong công tước Guanabara, theo tôi, là rất thích hợp.

Cha Anchiéta phiên dịch lại, rồi nghiêng đầu nói nhỏ vào tai thống đốc, nhắc lại câu chuyện trao đổi với tên trùm lục lâm cách đó hai ngày, vì quả thật thống đốc có vẻ không hiểu ý Martin nói gì. Đến khi nghe ra, ông cười gằn. Mỗi hận vì đã để quân Pháp chạy thoát nay được dịp đổ lên đầu tên vô lại này. Mà đúng thật, nó cũng là người Pháp, và biết đâu chẳng là một tên gián điệp hai mang. Ông ra lệnh:

- Quỳ xuống.

Cha Anchiéta dịch.

Vẫn đang say chiến thắng, Martin quỳ một gối xuống đất, theo kiểu hiệp sĩ và trật mũ ra để chuẩn bị nhận tước hiệu danh dự. Danh hiệu công tước đang vang lên chiếm hết đầu óc y. Song có ai ngờ đâu, Martin con người không bao giờ rời vũ khí trước mặt bất kỳ ai, người luôn luôn cảnh giác nhờ đó mà thoát khỏi bao cuộc mưu sát, đến phút cuối cùng này mới hiểu là y đã lầm. Đồng thời với việc chối bỏ vai trò kẻ hành khát mà y đã đóng bao nhiêu năm qua, Martin đã mất luôn tinh thần cảnh giác khiến y sống sót được qua bao chìm nổi. Ngược nhìn và trong chớp mắt nhận thấy mình đã bị sa bẫy, y chưa kịp phản ứng thì nòng súng đen ngòm đã kể Sát thái dương và Mem de Sà đã lạnh lùng bóp cò làm óc y nổ tung.

Sau tiếng súng duy nhất nổ vang từ khi chiếm được đồn, không khí trở lại yên lặng. Xác Martin nằm bất động dưới sân.

Mem de Sà tay vẫn còn cầm khẩu súng bốc khói, bỗng héch mũi, nghe ngóng đầy vẻ lo lắng. Dường như có tiếng động gì từ rất xa vọng tới, và tất cả đều dừng tai nghe. Từ khu vịnh im lìm vẫn vọng lên tiếng máy cối rì rào nhẹ nhẹ. Tiếng súng nổ vừa qua đã khiến mọi động vật, côn trùng câm bật. Vậy tiếng động lạ chỉ có thể xuất phát từ bờ bên kia. Thật vậy, lẫn với tiếng gió, tiếng sóng rì rào, tiếng ồn có nhịp rất đều đặn, xuất phát từ nhiều điểm khác nhau trên bờ biển. Nhịp điệu rất lạ, không phải từ thiên nhiên, mà chỉ có từ con người, càng ngày càng dồn dập. Chẳng bao lâu, nó ào tới như thể tiếng đập mạnh của một trái tim khổng lồ đâu đó trong rừng.

Vittorio là người duy nhất phân biệt rõ tiếng gõ vào những vỏ bầu thiêng của thổ dân, thốt lên:

- Bọn thầy mo!

Từ tất cả các bộ tộc quanh vịnh, giờ đây bùng lên tiếng hò hét inh ỏi. Và đột nhiên, tiếng nổ đầu tiên bắt đầu xé tan không khí.

*

* *

Thần kỳ thay, chỉ trong hai đêm, họ đã chuyển dịch đi tất cả. Đưa những khẩu đại bác xuống thuyền rồi chuyển lên bờ cũng khó, song chưa phải là khó nhất. Kéo được chúng đi qua bãi cát tới những nơi thổ dân có thể ngụy trang che giấu, mới thật vất vả. Nếu không có mấy con ngựa mà Just đã mua, chắc không thể làm nổi. Chúng kéo lê súng trên cát, và chỉ rạng sáng hôm sau, các khẩu súng đến đã vào vị trí.

Rồi Just chỉ dẫn thổ dân Anhđiêng cách bố trí vũ khí ở những điểm chiến lược. Gắn một chục khẩu hỏa mai được đặt trên các điểm cao nhìn xuống vịnh. Colombe gửi liên lạc đến tất cả các bộ tộc trung thành với Paylo để huy động thêm binh sĩ.

Ngay Quintin, vốn không ưa dùng vũ lực, cũng nhận lời khai hỏa một cỗ súng, với điều kiện chỉ bắn xuống nước. Ông được vinh dự nổ phát đầu tiên. Viên đạn vừa ra khỏi nòng, ông ngã ngòi vào lòng Ygat, người đàn bà thổ dân mà ông đang ra sức truyền đạo. Ông bật khóc rưng rức trong vòng tay tròn lẩn của bà và không hiểu mình khóc vì sợ, vì biết ơn hay vì hạnh phúc.

Paraguacu và Karaya vất vả trên một mỏm cao, vừa cười đùa vừa lần lượt nhóm lửa châm vào hai khẩu súng do họ phụ trách. Mười khẩu khác khác lửa tiếp theo họ.

Không viên đạn nào rơi vào đầu, vì Just không muốn tổ chức tấn công thực sự. Chàng chỉ muốn chứng minh cho người Bồ Đào Nha thấy họ chiếm được pháo đài, nhưng không thể làm chủ khu vịnh. Nhìn thấy hệ thống súng ống được bố trí khéo léo xung quanh, họ phải hiểu rằng đối mặt với họ là một lực lượng hùng mạnh, có tổ chức, sẽ không dễ họ yên. Tất nhiên nói điều đó lúc này là quá sớm. Song Just tin rằng chẳng bao lâu chàng sẽ huấn luyện thổ dân sử dụng vũ khí thành thạo, đủ sức đối đầu với kẻ địch. Kèm với tiếng nói của súng đạn là tiếng hú hét của hàng đoàn chiến binh thuộc các bộ lạc đã hưởng ứng lời kêu gọi của Colombe và lời phán truyền của các thầy pháp đang ùn ùn kéo về vùng bờ biển. Trong số đó khoảng hai chục đã được đào luyện biết sử dụng súng hỏa mai. Một người con trai của Paylo đứng ra chỉ huy họ rải một loạt đạn lên đoàn tàu đang đậu trong vịnh, làm gây nhiều cột buồm và gieo rắc kinh hoàng lên đám thủy thủ.

Just và Colombe sát cánh bên nhau chứng kiến trò chơi đánh trận, vui mừng khôn tả, mỗi một phát đạn là một lần họ vỗ tay reo hò. Mỗi người cưỡi một con ngựa đứng nấp vào rặng dừa, từ đó nhìn về đảo thấy đồn Coligny thật nhỏ bé, mong manh. Hai con ngựa liên tục xáp lại và âu yếm dụi đầu dụi cổ vào nhau, cứ mỗi lần như thế lại là một cơ hội để hai người kề môi áp má. Hòn đảo tan hoang chỉ như cái mụn nhỏ không quan trọng trên thân thể mệnh mông của khu vịnh xanh tươi đầy sức sống.

Colombe đưa tay về phía Just, nắm lấy tóc chàng. Chàng nghiêng đầu đặt môi hôn lên má nàng. Hết loạt súng, yên lặng đã trở lại. Hai người thúc ngựa đi ra bãi cát, nhìn đảo lần cuối, rồi quất cho hai con vật quay về hàng ngũ thổ dân. Hạnh phúc của họ từ nay là ở trên đất này, mảnh đất mà họ sẽ bảo vệ đến cùng nhưng không bao giờ tìm cách chiếm lĩnh.

PHẦN KẾT

Hiệp sĩ Villegagnon về Pháp đúng lúc xảy sự biến thảm khốc sau này được lịch sử gọi là “vụ náo động Amboise”. Cuộc bạo loạn này của phái Tin lành kéo theo một đợt đàn áp đẫm máu, trong đó vị cựu chỉ huy đồn Coligny nổi bật vì sự tà ác. Chặt đầu, treo cổ, dìm nước những kẻ bị coi là dị giáo... những việc đó kéo dài suốt một tháng. Régni de la Planche đã mô tả như sau: “Phổ xá Amboise lênh láng máu, xác chết rải khắp đường, mùi xú uế xông lên nồng nặc”.

Vì những hành động tàn bạo đó, Villegagnon trở thành người hùng của thời sự. Vừa mất môi mất lợi tàn sát phái huygonô, ông vừa thảo và cho tán phát những tờ tờ kẻ lẻ công trạng của mình ở Brésil. Song nước Pháp đang liên kết với Tây Ban Nha nhằm tiêu trừ họa Tin lành, không quan tâm gì đến đất đai Nam Mỹ nữa. Villegagnon chỉ nhận được một giấy ủy quyền để đến Lisbonne thương lượng. Với số tiền đền bù là ba vạn đồng ê-cu, ông chấp nhận từ bỏ hoàn toàn mọi quyền lợi ở Guanabara.

Khi các cuộc chiến tranh Tôn giáo nổ ra ở Pháp, Villegagnon càng có đất dụng võ. Nhờ nổi danh tàn bạo, ông được phong quân lộc xứ Malte tại Beauvais, ở Gâtmais. Dù lòng còn sôi sục hận thù, ông đã qua đời bình yên ở đó, và cúng tất cả của cải để giúp người nghèo ở Paris.

Richer, Du Pont và những người Tin lành sống sót từ Rio trở về Pháp sau một chuyến đi biển hãi hùng. Lương thực thiếu đến mức phải mổ cả vẹt để ăn thịt. Aude trở lại Genève, kết hôn với một mục sư.

Nhưng nhiều người Tin lành khác trở về đã không thoát khỏi bị đàn áp qua các cuộc chiến tranh Tôn giáo. Hai mươi năm sau, Jean de Léry đã viết hồi ký kể lại thiên “Brésil phiêu lưu ký” khủng khiếp. Trong đó ông kịch liệt lên án tục ăn thịt người của một số bộ tộc Anhđiêng, vậy mà đến khi xảy ra vụ thành Sancerre bị bao vây, ông đành bất lực nhìn những người đồng đạo bị dồn đến chỗ cũng phải ăn thịt lẫn nhau.

Tại Guanabara, người Bồ Đào Nha đóng đô ở đó và xây nên thành phố Rio. Sau khi Martin chết, bọn lục lâm bờ biển tiếp tục hoạt động. Song có một số tìm đường trở về Pháp, và một người trong số đó trở thành thư ký cho Montaigne. Nhờ anh này mà nhà văn có cảm hứng viết chương XXXI nổi tiếng trong Quyển một của tập *Tiểu luận* nhan đề “Về những kẻ ăn thịt người”, sẽ có ảnh hưởng sâu sắc đến các triết gia của thời đại Ánh sáng, vì đã dựng lên hình ảnh của người mọi rợ tốt bụng.

Song ở tất cả phần còn lại của vịnh, người Bồ Đào Nha vấp phải sự kháng cự quyết liệt của thổ dân. Nhờ hấp thụ kỹ thuật quân sự do người Pháp và một số người Anh truyền cho, họ gây nhiều khó khăn cho bọn thực dân Bồ Đào Nha. Vụ phong tỏa Cabo Frio hồi đầu thế kỷ XVII là chương cuối cùng của cuộc kháng cự, kéo dài hơn một nửa thế kỷ. Sau đó, dân Tupi bị dồn về phía bắc, sâu vào trong đất liền; những người Pháp ủng hộ họ cùng đi theo. Khi quân Bồ Đào Nha lập xứ Natal vào năm 1597, họ tính ra có tới năm chục tay súng người Pháp trong hàng ngũ thổ dân.

Nhiều người Pháp sau đó đã hòa mình vào cuộc sống ở Brésil, một số khác chọn đường ra khơi và trở thành cướp biển, chặn đánh các đoàn tàu, gieo kinh hoàng trên các nẻo đường Đại tây dương.

Tộc Tupi ngày nay đã tuyệt diệt; người ta chỉ còn biết đến họ qua chuyện kể của những người lữ hành thuật lại. Họ mô tả tỉ mỉ các tập tục và huyền thoại của họ, trong đó có sự tích khó tin nói về trận hồng thủy mà thần Toupán giận dữ đã làm phép dâng lên để trừng phạt loài người. Cả nhân loại chết hết, trừ một người con trai và một con gái. Họ kết hợp với nhau và sinh ra loài người mới.

Các nhà dân tộc học có ý kiến khác nhau về ý nghĩa của huyền thoại này. Song chúng tôi có ý kiến riêng của mình.

Thật vậy, không ai cấm chúng tôi nhận ra trong hai nhân vật của cổ tích nọ hình bóng của hai con người chúng ta từng yêu mến, là Just và Colombe.

VỀ XUẤT XỨ CỦA BRÉSIL ĐỎ

Điều kỳ lạ nhất trong câu chuyện này là nó có thật. Không phải nó chỉ có thể xảy ra: thời Phục hưng còn nhiều chuyện phiêu lưu phong phú gấp bội. Cái khó hiểu hơn cả, là cả một giai đoạn này của lịch sử nước Pháp đã bị rơi vào quên lãng. Tại sao những sự kiện như vậy lại không để lại dấu ấn nào trong trí nhớ con người. Không dám so sánh với danh tiếng của Christophe Colomb hay Marco Polo, chỉ những cái tên như Jacques Cartier, Camber de La Salle, Argo, Dupleix đã gọi trong tâm trí ta nhiều kỷ ức, dù chỉ là do chúng được đặt tên cho một số đường phố hoặc quảng trường. Nói đến Louisiane, đến những thuộc địa ở Saint Laurent, Đông dương hay Pondichéry là nói đến sự hiện diện của nước Pháp ở đó, trong khi cái tên Brésil lại không gọi lên điều gì tương tự, và Villegagnon thì hoàn toàn không ai biết tới. Lần đầu tiên tôi nảy ra ý tưởng viết sách này là cách đây mười năm, khi tôi sống ở Brésil, cụ thể hơn, khi tôi thăm một bảo tàng nhỏ ở trung tâm Rio, tên gọi Paco Real. Cái tòa nhà xây từ thời thuộc địa Bồ Đào Nha này bây giờ nằm kẹt giữa những nhà chọc trời và xa lộ. Phải vận dụng trí tưởng tượng rất ghê mới hình dung ra được bối cảnh ban đầu của nó. Để giúp khách quên đi trong chốc lát khung cảnh của thành Rio hiện đại, bảo tàng trưng bày những bức tranh lớn vẽ cảnh vịnh Guanabara hồi xưa. Thế chỗ những khối bê tông Copacabana, là đầm lầy và rừng xanh chim bay mỗi cánh. Còn nhận ra vài mỏm núi, trong đó có ngọn hình bánh ngọt, tồn tại đến ngày nay.

Hình ảnh thơ mộng của thuở ban đầu đó đã hấp dẫn tôi. Chủ đề vẫn ám ảnh tôi lâu nay, đó là cuộc va chạm đầu tiên giữa những nền văn minh khác nhau, phút khám phá khởi thủy làm nảy sinh biết bao hiểu lầm, ngộ nhận. Cái thời khắc ngắn ngủi và độc nhất ấy chứa đựng niềm xúc cảm đặc biệt; dù liên quan đến các cộng đồng xã hội, nó làm ta liên tưởng đến tình yêu bột phát giữa hai con người đối mặt với nhau lần đầu tiên.

Tiếc thay, đặc biệt là ở châu Âu, những giờ phút đáng nhớ ấy đã bị chôn lấp dưới các công trình – hoặc còn đứng nguyên hoặc đã đổ nát – của Lịch sử. Rất hiếm địa danh nào còn thấy nó hiển hiện. Ví dụ như Ethiopie, là

nước mà tôi đã lưu trú trong quá trình viết sách. Trung Á cũng vậy, ở đây các nền văn minh gặp nhau mà không để lại được gì lâu dài, không những thế còn luôn đổi mới theo thời gian. Song không đâu như ở châu Mỹ la tinh, ta thấy dấu tích của sự đụng độ đầu tiên của một nền văn minh này đặt chân vào một nền văn minh khác còn gần gũi, sống động đến vậy. Trường hợp Trung Mỹ, dọc dãy núi Andes, thì sự tiếp xúc này diễn ra như sự đối đầu đẫm máu giữa hai xã hội đã có tổ chức phức tạp và tương đồng ở một số mặt. Ở Brésil, không như vậy: thế giới của người Anhđiêng còn phân tán, cổ lỗ, yếu ớt. Trong nhiều khía cạnh, cuộc đổ bộ của phương Tây lên đó coi như xâm nhập vào thiên nhiên hoang dã. Mới đầu, tôi tìm hiểu theo hướng đó, chuẩn bị khám phá cảnh xã hội chúng ta chỉ đối diện với chính mình giữa miền đất mới trống rỗng.

Song tôi càng đi sâu tìm hiểu, càng thấy nó không trống rỗng, mà đầy ắp.

Trước hết, đầy ắp những sự hiện. Cứ tưởng tình cảnh có đơn điệu thì sự tích sẽ rất nghèo nàn. Ngược lại, tôi khám phá thấy giai đoạn lịch sử ấy vô cùng phong phú. Tất cả các nhân vật đều có tính anh hùng lãng mạn, cực kỳ sống động, tiêu biểu cho tâm trạng đặc trưng của thế kỷ XVI, đầy tự do, lý thú, đặc sắc. Và cái có vẻ chỉ là một cuộc phiêu lưu xa xôi tận đầu kia trái đất, dưới mắt tôi trở thành sự mở rộng ra hải ngoại của những con bài lịch sử. Đặt nó vào bối cảnh ganh đua chính trị của nước Pháp và Đế Chế ở châu Âu, vụ mưu toan chiếm thuộc địa ở Brésil này đồng thời là cú tổng tập dượt cho các cuộc chiến tranh Tôn giáo. Qua ngòi bút của Montaigne, nó làm nảy sinh những ý tưởng triết lý về người mọi tốt bụng và về cuộc sống hoang dã giữa thiên nhiên.

Sau nữa, là đầy ắp văn bản. Sở dĩ giai đoạn lịch sử ấy bị quên lãng là do người ta cố tình không muốn nhớ. Chứ không phải vì không có tư liệu. Nhiều bài viết thời từ ấy được lưu lại, do chính người trong cuộc kể. Phần lớn đã được tái bản gần đây. Hãy kể hai tác phẩm chính: Du hành trên đất Brésil (1578) của Jean de Léry, một người Tin lành trong đoàn viễn chinh của Villegagnon; Những đặc điểm của nước Pháp Nam cực, hay còn gọi là châu Mỹ (1557) của André TheUet, nhà khoa học trong triều Vua Henri II, cũng như cuốn Vũ trụ học (1575) của ông. Có thể kể thêm những ký sự như của Hans Staden, bị thổ dân Anhđiêng cầm tù nhiều năm, sau thoát ra

được, nhan đề: Trần truồng, hung dữ và ăn thịt người (1557). Ngoài các tài liệu để tìm ấy, còn có một nguồn văn học lớn lưu trữ ở các kho sách cổ: đó là những hồi ký và bài viết của chính Villegagnon, rồi lại có bài tranh luận lại của mục sư Richer; Richer, (mà ngay đầu đề đã nói rất rõ quan điểm của ông: Những lời bác bỏ thói mộng tưởng điên rồ, những lời báng bổ bỉ ổi, những sai lầm và những điều dối trá của Nicolas Duranci, mà tác giả là Villegagnon), các thư từ của các tu sĩ dòng Tên Bồ Đào Nha...

Thêm vào đó, còn rất nhiều công trình nghiên cứu lịch sử và nhân loại học. Xin kể: thế kỷ XIX có cuốn Villegagnon của Arthur Heulhard, các tác phẩm của Ch.A.Julien về thực dân hóa châu Mỹ, và những xuất bản phẩm cận đại của Jean Paul Duviols và Philippe Bonnichon. Jean – Marie Touratier còn vượt sang lĩnh vực hư cấu với tiểu thuyết Gõ hồng sắc rất hay mà vẫn tôn trọng các nguồn gốc lịch sử và dân tộc học (nhất là trong phần đối thoại bằng ngôn ngữ Tupi).

Đứng giữa địa hạt văn và sử, những công trình rất có chất lượng của nhà sử học người Pháp Frank Lestringant có một vị trí đặc biệt. Là chuyên gia nghiên cứu văn học thế kỷ XVI, tác giả đã đem hiểu biết uyên thâm đề cập đề tài rất khó khăn là vấn đề phân tranh tôn giáo ở Tân Thế giới. Tín đồ huygonô và dân mọi; châu Mỹ và cuộc tranh luận vấn đề thuộc địa tại Pháp ở thời kỳ chiến tranh tôn giáo. Một điều khủng khiếp thiêng liêng hay cuộc hành trình đến Eucharistie, Thế kỷ XVI-XVIII, Mọi ăn thịt người, vinh quang và sự suy tàn là những tác phẩm rất cần cho ai muốn hiểu tâm trạng của giai đoạn phức tạp nhưng rất phong phú ấy. Lestringant đã so sánh, đối chiếu, giải thích mọi việc rất rõ ràng và sáng tạo. Nhờ ông, nhân vật Villegagnon hiện lên rất thực, rất đa dạng. Khác với trong các trang viết đầy định kiến của các phe đối địch, lúc coi ông là kẻ phản đạo, phản cải cách, lúc coi ông là nạn nhân của phái huygonô, Villegagnon trở thành con người "trung gian" coi cải cách tôn giáo là nhằm đạt lý tưởng nhân văn, trở về với đức tin đơn giản từ nguồn cội. Và chính trong ông đã diễn ra mối rạn nứt sẽ vò xé toàn nước Pháp trong suốt một thế kỷ, khiến hai phe tôn giáo đối địch nhau trong mối thù không đội trời chung. Xin nói thêm rằng tuy là một công trình sử học, tác phẩm của Frank Lestringant được viết bằng lời văn chau chuốt, đọc rất hấp dẫn.

Trước sự phong phú của nguồn tư liệu nói trên, tôi vừa luyến tiếc, vừa cảm thấy bẽ tắc. Luyến tiếc, vì dù được viết rất tốt, không tài liệu nào khớp với những điều tôi hình dung về các sự kiện. Không tài liệu nào đáp ứng ý muốn của tôi là tường thuật lại câu chuyện theo cách của tôi, hợp với ý tưởng và ước mơ của tôi, nhất là vạch ra mối liên quan với thời kỳ hiện tại. Bẽ tắc, vì một mớ lộn xộn sự kiện, nhân vật và tác phẩm như vậy gây khó khăn hơn là thuận lợi. Với sử gia, thì mục đích chỉ là mô tả sự việc, song với nhà văn, thì sự việc mới chỉ là điểm xuất phát: từ chủ đề nhà văn phải xây dựng cốt truyện, từ từng sự kiện phải phát triển thành nhiều tình tiết đặc biệt. Muốn vậy, phải có không khí, có khoảng trống. Và nhất là có cảm xúc.

Trong câu chuyện dính dáng đến chính trị, phiêu lưu và thần học này, với các nhân vật là chiến binh, người cuồng tín, bọn lục lâm, tôi cố để tìm ra điều gì làm rung động lòng người. Tìm mãi, tìm mãi, và phải mấy năm sau nhân đọc cuốn sách của Léry, tôi bắt gặp mấy dòng sau: “Trên tàu kia – tên gọi Rosée – có sáu đứa con trai chúng tôi mang theo để luyện cho chúng học ngôn ngữ của thổ dân”. Sáu đứa trẻ lấy từ trại mồ côi ra để sử dụng làm thông dịch với thổ dân Anghêlô đã lập tức khiến tôi thoát ra khỏi cái khô khan của lịch sử, cái trùu tượng của chính trị và đạo giáo. Với chúng, tôi có sự sống, sự sống của chúng đã đành, mà cả sự sống của tôi và của tất cả mọi người: vậy là bi kịch nào đã buộc tuổi thơ phải ly hương để bước vào một thế giới đầy bí ẩn, kinh hãi?

Just và Colombe, và Hồng sắc Brésil đã nảy sinh từ đó.

Về cái tên Clamorgan, tôi xin cảm ơn nữ văn sĩ Emmanuelle de Boysson đã gợi ý. Trong cuốn Giáo chủ và người Hindu, bà đã đưa vào sách dòng họ nổi tiếng đó, mà hiện thân là cụ của bà, Madeleine Clamorgan, tức phu nhân Daniélou, người đã sáng lập hệ thống các trường học Sainte-Marie. Dĩ nhiên, dòng họ ấy không dính dáng gì đến câu chuyện này, song cái tên đẹp dễ ấy – hiện rất hiếm ở Pháp – có vẻ gợi được sức mạnh truyền thống của các dòng họ nổi danh từ thời Trang Cổ, nhiệt tâm lao vào các cuộc chiến ở Ý và còn để lại dấu vết trong việc thiết lập các xã hội mới ở Tân Thế giới.

Cuối cùng tôi xin cảm ơn Maurice con trai tôi, bà Paule Lapeyre, ông Jean Marie Milou và Willard Wood – người dịch cuốn Abyssin của tôi ra tiếng Anh – đã vui lòng đọc và góp ý vào bản thảo sách này.

J . CH – R

[1] Huguenot: giáo đồ theo phái Calvin, chống lại giáo hội chính thống (L.N.D)

[2] anabaptiste: người theo giáo phái rửa tội lại (L.N.D)

[3] Rio = sông; Janeiro = tháng giêng (L.N.D)

[4] ananas: quả dứa

[5] Ad maiorem dei gloriam: Vì sự nghiệp vẻ vang của Chúa. (dòng chữ biểu tượng của giáo phái dòng Tên)

[6] Nicot là người tìm ra chất làm thuốc lá, từ đó mà ra tên nicotin (L.N.D)